

**THE RACE TO DECODE
THE ROSETTA STONE**

**THE
WRITING
OF THE
GODS**

EDWARD DOLNICK

AUTHOR OF THE CLOCKWORK UNIVERSE

Mục lục

[Trang tiêu đề](#)

[Cống hiến](#)

[văn bìa](#)

[Mốc thời gian](#)

[lời mở đầu](#)

[Chương Một: Cổ phần](#)

[Chương Hai: Cuộc Tìm Kiếm](#)

[Chương Ba: Thử Thách](#)

[Chương Bốn: Tiếng Nói Từ Cát Bụi](#)

[Chương Năm: Rất Gần Mà Rất Xa](#)

[Chương Sáu: Anh Hùng Chinh Phục](#)

[Chương Bảy: Sàn Tàu Cháy](#)

[Chương Tám: Ông Smith Ra Đi](#)

[Chương Chín: Một Danh Nhân Trong Đá](#)

[Chương mười: Những phỏng đoán đầu tiên](#)

[Chương mười một: Đối Thủ](#)

[Chương 12: Thomas Young gần như ngạc nhiên](#)

[Chương 13: Archimedes trong bồn tắm, Thomas Young trong ngôi nhà ở nông thôn](#)

[Chương Mười Bốn: Trước Cánh Đồng](#)

[Chương mười lăm: Lạc vào mê cung](#)

[Chương mười sáu: Trí tuệ cổ xưa](#)

[Chương 17: “Mật mã và văn bản bí mật”](#)

[Chương Mười Tám: Cuộc Lừa đay](#)

[Chương 19: Champollion đến rồi](#)

[Chương 20: “Một sự hỗn loạn thực sự”](#)

[Chương 21: Sự ra đời của chữ viết](#)

[Chương hai mươi hai: Người khổng lồ Paduan](#)

[Chương 23: Abu Simbel](#)

[Chương hai mươi bốn: Eureka!](#)

[Chương Hai mươi lăm: Ra mắt](#)

[Chương Hai mươi sáu: Con vịt có thể là mẹ của ai đó](#)

[Chương Hai mươi bảy: Căng thẳng để nghe](#)

[Chương Hai mươi tám: Sức mạnh của những con số](#)

[Chương hai mươi chín: Đôi chân biết đi](#)

[Chương Ba Mươi: Ao Sạch Tay Mềm](#)

[Chương ba mươi một: Thất nghiệp](#)

[Chương ba mươi hai: Pharaoh mất tích](#)
[phần kết](#)
[ảnh chụp](#)
[Sự nhìn nhận](#)
[Về tác giả](#)
[ghi chú](#)
[Thư mục](#)
[Mục lục](#)
[Tín ảnh](#)
[bản quyền](#)

Cảm ơn bạn đã tải xuống ebook Simon & Schuster này.

Nhận sách điện tử MIỄN PHÍ khi bạn tham gia danh sách gửi thư của chúng tôi. Ngoài ra, nhận thông tin cập nhật về bản phát hành mới, ưu đãi, đề xuất đọc và hơn thế nữa từ Simon & Schuster. Nhấp vào bên dưới để đăng ký và xem các điều khoản và điều kiện.

[NHẤP CHUỘT VÀO ĐÂY ĐỂ ĐĂNG KÝ](#)

Đã là một thuê bao? Cung cấp lại email của bạn để chúng tôi có thể đăng ký ebook này và gửi cho bạn nhiều hơn những gì bạn muốn đọc. Bạn sẽ tiếp tục nhận được các ưu đãi độc quyền trong hộp thư đến của mình.

THE WRITING OF THE GODS

THE RACE TO DECODE
THE ROSETTA STONE

EDWARD DOLNICK

SCRIBNER

New York London Toronto Sydney New Delhi

Cho Lynn, Sam và Ben

Vậy thì chúng ta đang ở đây, ở Ai Cập, vùng đất của các Pharaoh, vùng đất của Ptolemies, vương quốc của Cleopatra... với dầu cạo sạch như đầu gối của bạn, hút những chiếc tẩu dài và uống cà phê khi nằm trên đi văng. Tôi có thể nói gì? Làm thế nào tôi có thể viết thư cho bạn về nó? Tôi hầu như không hồi phục sau sự ngạc nhiên ban đầu của mình.

—Gustave Flaubert, 1850

Mốc thời gian

3100 TCN – Chữ tượng hình sớm nhất
2686 TCN–2181 TCN – Cổ Vương quốc
2600 TCN – Nhân sư vĩ đại; Kim tự tháp vĩ đại
2040 TCN–1782 TCN – Trung Vương quốc (thời kỳ hoàng kim của văn học Ai Cập)
1570 TCN–1070 TCN – Vương quốc mới (kỷ nguyên giàu có nhất trong lịch sử Ai Cập)
1334 TCN–1325 TCN – Vua Tut trị vì
1279 TCN–1213 TCN – Ramesses II trị vì (pharaoh quyền lực nhất của Ai Cập)
332 TCN – Alexander Đại đế chinh phục Ai Cập
196 TCN – Đá Rosetta được khắc
30 TCN – Rome chinh phục Ai Cập; Cleopatra tự tử
394 sau Công Nguyên – Chữ tượng hình cuối cùng được ghi
642 – Người Ả Rập chinh phục Ai Cập
1773 – Thomas Young ra đời
1790 – Jean-François Champollion sinh
1798 – Napoléon xâm lược Ai Cập
1799 – Đá Rosetta được phát hiện

(Tất cả các niên đại cổ đại đều là phỏng đoán tốt nhất của các nhà sử học và khảo cổ học)

lời mở đầu

Tôi hình dung một nhà khảo cổ học, hàng ngàn năm sau, người có tiếng bay lạch cách khi chạm vào một thứ gì đó rắn và cứng, ẩn trong đất. Ở thời đại xa xôi này, không ai biết chắc liệu đã từng có Hoa Kỳ hay cái tên này chỉ đề cập đến một địa điểm huyền thoại, như Atlantis. Không ai nói tiếng Anh. Một số mẫu viết bằng tiếng Anh vẫn còn tồn tại. Không ai có thể đọc chúng.

Tảng đá bên dưới cái bay trông nhẵn nhụi dọc theo một phần chiều dài của nó, nhưng nhìn thoáng qua sẽ thấy nó chỉ là một mảnh vỡ của thứ từng là một khối đá lớn. Tuy nhiên, độ mượt mà vẫn đủ để thiết lập nhịp điệu; tự nhiên hiếm khi hoạt động gọn gàng như vậy. Một cái nhìn gần hơn vẫn còn hứa hẹn nhiều hơn. *Những đường nét và đường cong đó khoét vào đá - chúng có thể là một loại chữ khắc nào đó không?*

Trong nhiều tuần và nhiều tháng, các nhóm nghiên cứu đã cẩn thận lần theo dấu vết chạm khắc và xói mòn. Họ sẽ nghiền ngẫm chúng không ngừng, cố gắng đoán ý nghĩa trong các biểu tượng bí ẩn. Một số quá hư hỏng hoặc mòn để có thể nhận ra, và một số khác thì hoàn toàn mất tích.

SC E AN SEV CỦA CHÚNG TÔI

Một số học giả tin rằng thông điệp nên được đọc theo cách khác:

VES NA E CS RUỘT

Làm thế nào các thám tử sẽ tiến hành? Không biết tiếng Anh, không biết lịch sử nước Mỹ, liệu họ có bao giờ có thể thấy rằng một ngôi đền đá đã từng công bố một thông điệp bắt đầu, “Bốn điểm và bảy năm trước”?

CHƯƠNG MỘT

Cổ phần

Vào năm 1799, năm phát hiện ra Phiến đá Rosetta, Ai Cập là một vùng nước tù túng ngọt ngào và nghèo khó. Không vấn đề. Chính Ai Cập *cổ đại* đã mê hoặc phương Tây, và nó chưa bao giờ mất đi sức hấp dẫn của mình.

Herodotus, “cha đẻ của lịch sử,” là người ngoài cuộc đầu tiên mô tả những điều kỳ diệu của Ai Cập. Viết vào năm 440 trước Công nguyên, ông đã mê hoặc độc giả của mình bằng những câu chuyện về một vùng đất mà mọi khía cạnh đều xa lạ. Ai Cập tự hào về một “khí hậu không giống bất kỳ nơi nào khác” và một dòng sông “thể hiện bản chất khác với tất cả các dòng sông khác.” Quan trọng nhất, bản thân người Ai Cập là một dân tộc có “cách cư xử và phong tục trái ngược với những người đàn ông khác trong hầu hết mọi vấn đề”.

Ai Cập khác với các quốc gia khác bởi vì nó là một dải đất xanh thanh mảnh được bao quanh bởi hàng ngàn dặm sa mạc ở cả hai bên. Sông Nile khác với các con sông khác vì nó chảy từ nam lên bắc, điều này dường như trái ngược với tự nhiên, và quan trọng hơn, nó gây lũ lụt hàng năm, mặc dù Ai Cập gần như không bao giờ có mưa. Khi lũ rút đi, chúng để lại lớp đất màu đen, trù phú, hoàn hảo cho việc trồng trọt.

Thế giới cổ đại xoay quanh nông nghiệp, nhưng trên khắp thế giới ngoại trừ Ai Cập, nông nghiệp là một ngành kinh doanh hay thay đổi. Ở những vùng đất khác, những cơn mưa có thể đến và mang lại sự thịnh vượng cho một mùa; họ có thể thất bại, và sau đó mùa màng sẽ khô héo và gia đình chết đói.

Ai Cập, được các vị thần phù hộ, ít phải lo lắng như vậy. Bất chấp bầu trời luôn trong xanh, lũ lụt hầu như luôn đến, và nó sẽ luôn đến, năm nay, năm sau và mãi mãi. Đây là món quà hiếm có nhất, một phép màu với sự đảm bảo vĩnh cửu. Với những kẻ thù bị bao vây bởi sa mạc ở phía đông và phía tây, bởi biển ở phía bắc và bởi ghềnh hoang dã ở phía nam, Ai Cập ngồi an toàn và thịnh vượng, sự ghen tị của thế giới.

Trên tất cả, Ai Cập giàu có ngoài sức tưởng tượng. “Vàng ở Ai Cập nhiều như cát sa mạc,” một vị vua của nước láng giềng Assyria nhận xét một cách đầy ghen tị, vào thời đại của Vua Tut. Nó gần như là sự thật. Tut chẳng là gì cả, là Millard Fillmore của các pharaoh, nhưng sự giàu có được chôn theo ông vẫn làm lóa mắt những người tham quan bảo tàng cho đến

tận ngày nay. Ông được chôn cất trong một chiếc quan tài bên trong một chiếc quan tài bên trong một chiếc quan tài, và trong cùng là ba chiếc quan tài bằng vàng nguyên khối và nặng 220 pound. Bên trong xác ướp bọc vải lanh của Tut nằm bên trong, đầu và vai của ông được che phủ bởi một chiếc mặt nạ vàng lấp lánh, thanh lịch đã yên nghỉ không ai nhìn thấy trong ba nghìn năm.

Ai Cập là nền văn hóa nổi tiếng nhất và tồn tại lâu nhất trong tất cả các nền văn hóa cổ đại. Khoảng thời gian gần như không thể nghĩ bàn. Các pharaoh trị vì từ khoảng năm 3100 trước Công nguyên cho đến năm 30 trước Công nguyên, năm Cleopatra tự sát. Lịch sử của nước Mỹ kéo dài chưa đầy ba thế kỷ. Cuộc chạy của Ai Cập là *ba mươi* thế kỷ.

Cố gắng đặt các điểm đánh dấu trên dòng thời gian của Ai Cập là có nguy cơ bị chóng mặt. Kim tự tháp vĩ đại và tượng nhân sư, di tích nổi tiếng nhất của Ai Cập, lâu đời hơn Stonehenge. Cả hai đều có niên đại từ khoảng năm 2600 trước Công nguyên (so với khoảng năm 2400 trước Công nguyên đối với Stonehenge). Vào thời điểm chúng được xây dựng, Ai Cập đã được 5 thế kỷ. [TÔI](#)

Từ thời của các kim tự tháp đến triều đại của Cleopatra dài hơn từ Cleopatra đến anh em nhà Wright. Và trong suốt gần như toàn bộ khoảng thời gian rộng lớn đó, Ai Cập đã đứng đầu thế giới.

Trong suốt hai nghìn năm tiếp theo, từ thời Cleopatra và Caesar cho đến ngày nay, sự huyền bí của Ai Cập sẽ không bao giờ phai nhạt. Ở vùng đất kỳ diệu đó, một du khách Thổ Nhĩ Kỳ đã viết vào năm 1671, ông đã nhìn thấy “những điều kỳ diệu và kỳ lạ trong hàng trăm hàng ngàn.... Trước mỗi người trong số họ, chúng tôi hoàn toàn sửng sốt.”

Ngày nay, không ai còn nghĩ đến những vương quốc hùng mạnh một thời như Assyria và Babylon, nhưng Ai Cập vẫn tỏa sáng với sức mạnh ngôi sao. Vì vậy, nó có tất cả và chưa bao giờ nhiều hơn vào những năm cuối của thế kỷ 17, khi Napoléon dẫn quân đến Ai Cập.

Đằng sau những lý do ngoại giao để xâm lược Ai Cập là một động cơ đơn giản hơn—các anh hùng của Napoléon, Alexander Đại đế và Julius Caesar, đã chinh phục Ai Cập, và do đó ông ta cũng sẽ làm như vậy. Ông mang theo một nhóm các nhà khoa học và nghệ sĩ có nhiệm vụ nghiên cứu Ai Cập và mang lại cho nó những lợi ích của nền văn minh Pháp. Những câu chuyện kể đến nghệt thở của họ về những điều kỳ diệu mà họ đã thấy sẽ thúc đẩy một cơn cuồng nhiệt được mệnh danh là Egyptomania.

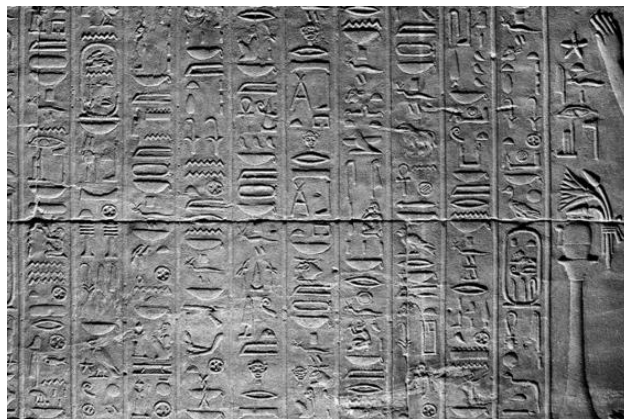
Đối với người châu Âu, Ai Cập gợi lên sự kết hợp giữa vẻ đẹp (*Cleopatra!*) và sự hùng vĩ (*các kim tự tháp!*) và bí ẩn (*tượng Nhân sư!*). Tất cả những điều này đã được nêm nếm bằng một món súp kinh dị rừng rợn (*xác ướp!*) làm tăng thêm sự phấn khích. (Khi trở về Pháp, Napoléon đã tặng vợ mình, Hoàng hậu Josephine, món quà là cái đầu của một xác ướp.)

Ban đầu, chỉ những người châu Âu táo bạo nhất mới mạo hiểm đến vùng đất xa xôi này. Họ ngạc nhiên trước những điểm tham quan, theo tiêu chuẩn địa phương, là thông lệ như mặt trời mọc và lặn. “Tôi đã thấy sông Nile, trong lần đầu tiên đến đây, đầy nhưng không tràn,” một du khách người Anh tên là William Bankes, viết vào năm 1815. “Một tháng sau, tôi thấy nó lan ra như biển trên toàn bộ mặt đất Ai Cập, với những ngôi làng như thể bơi lội trên bề mặt của nó, còn người và gia súc lội từ nơi này sang nơi khác.”

Đối với con mắt phương Tây, mọi thứ đều đáng kinh ngạc - tất nhiên là sợi chỉ xanh mỏng manh của sông Nile trên nền vải bạt rộng lớn màu râm nắng, nhưng cũng có cả những cây cọ, ảo ảnh, châu chấu, dải cát sa mạc trải dài vô tận. “Đối với một người châu Âu,” Bankes viết, “đó không phải là khí hậu khác, mà là một bản chất khác, trước mặt anh ta.”

Sự sợ hãi đó mở rộng đến chữ tượng hình, hệ thống chữ viết cổ xưa và hùng vĩ của Ai Cập. [II](#) Trong suốt nhiều năm trước khi Phiến đá Rosetta tiết lộ những bí mật của nó, bí ẩn về các chữ tượng hình tự hiện ra trước mặt mọi du khách đến Ai Cập. Hấp dẫn đến phát điên, các công trình tưởng niệm và lăng mộ của Ai Cập được bao phủ bởi những bức tranh vẽ công phu—một “vô hạn của chữ tượng hình,” trong những lời của một nhà thám hiểm đầu tiên mà không ai biết cách giải mã.

Các bức tường của ngôi đền chứa đựng những thông điệp dài, và mọi cột và xà trong những ngôi đền đó (và mọi bề mặt, bao gồm cả trần nhà và thậm chí cả mặt dưới của dầm), cũng như đài tưởng niệm, và vô số tờ giấy cói, và những chiếc quan tài đựng xác ướp, và thậm chí băng của các xác ướp. “Hầu như không có chỗ cho dùi hay lỗ kim,” một du khách đến từ Baghdad viết vào năm 1183, “không có hình ảnh, bản khắc hay chữ viết nào không hiểu được.”



Chữ tượng hình từ Đền thờ Isis, Philae

Herodotus đã nhìn chăm chăm vào những dòng chữ đó một cách khó hiểu. Các học giả đến sau ông—trong suốt hai thiên niên kỷ—đã nghiên ngẫm những dòng chữ được khắc trên các đài tưởng niệm mà những kẻ chinh phục đã mang về nước hoặc những người du hành đã cẩn thận sao chép. Họ đi tới chỗ trống rỗng, bối rối trước những đường ngoằn ngoèo bí ẩn, chim chóc, rắn rết và những hình bán nguyệt.

Đối mặt với những biểu tượng mà họ không thể giải mã, họ có thể coi những dấu hiệu bí ẩn đó chỉ là vật trang trí. Họ đã làm điều ngược lại.

Các nhà tư tưởng sâu sắc nhất của châu Âu đã tuyên bố chữ tượng hình là một dạng chữ viết thần bí, ưu việt hơn tất cả các chữ tượng hình khác. Chữ tượng hình không đại diện cho các chữ cái hoặc âm thanh, giống như các ký hiệu trong chữ viết thông thường, các học giả này đã tuyên bố, nhưng đối với *các ý tưởng*.

Nó không chỉ đơn giản là những biểu tượng chữ tượng hình truyền đạt ý nghĩa mà không cần lời nói, giống như biển báo *Cấm hút* thuốc có hình điều thuốc với một gạch chéo màu đỏ trên đó. Điểm thực sự là các chữ tượng hình truyền tải không phải những thông điệp trần tục mà là những sự thật sâu sắc và phổ quát.

Các nhà ngôn ngữ học và sử học nhấn mạnh rằng những ký hiệu kỳ lạ này không liên quan gì đến các bảng chữ cái quen thuộc trong các nền văn hóa khác. Những bảng chữ cái ngày nay, giống như những bảng chữ cái được sử dụng ở Hy Lạp hoặc La Mã, có thể đủ cho những bức thư tình hoặc biên lai thuế, nhưng chữ tượng hình có mục đích cao cả hơn. Trên thực tế, các học giả đã bác bỏ khả năng chữ tượng hình có thể được sử dụng cho các thông điệp hoặc danh sách thông thường - *sữa, bơ, thứ mà trẻ em sẽ ăn* - với niềm tin vững chắc rằng mọi văn bản chữ tượng hình đều là sự suy ngẫm về bản chất của không gian và thời gian.

Vẻ đẹp của chữ tượng hình có thể giải thích phần nào sự tôn kính đặt nhầm chỗ này. Các biểu tượng động vật đặc biệt trông giống những tác phẩm nghệ thuật nhỏ hơn là giống chữ viết; các ví dụ tốt nhất trông như thể chúng đến từ các ghi chú thực địa của một nhà tự nhiên học.



Khi các nhà ngôn ngữ học lần đầu tiên nghiên cứu các chữ viết khác, ít ăn tượng hơn, họ có xu hướng đi sai theo cách hoàn toàn ngược lại— *Chắc chắn là những chữ viết nguệch ngoạc này và các vết trầy xước không mô tả các chữ cái hoặc từ ngữ*. Chẳng hạn, học giả đã đặt tên *chữ hình nêm* cho một trong những chữ viết đầu tiên tồn tại lâu nhất và quan trọng nhất, không bao giờ tin rằng nó hoàn toàn là chữ viết. Thomas Hyde là người có thẩm quyền về các ngôn ngữ cổ đại—ông là giáo sư tiếng Do Thái và tiếng Ả Rập ở Đại học Oxford—và vào năm 1700, ông đã xuất bản một cuốn sách dày về Ba Tư cổ đại. Anh gọt những dấu hiệu hình nêm trang trí công phu được tìm thấy trên vô số tấm đất sét trên khắp Ba Tư sang một bên. Hyde giải thích rằng đây không phải là chữ viết, bất chấp điều mà một số học giả khẳng định, mà chỉ là một mảng phức tạp của các mũi tên và nêm trang trí.

Hóa ra chữ hình nêm, ở các dạng khác nhau, đã được sử dụng để viết nhiều loại ngôn ngữ Trung Đông trong ba nghìn năm. Đóng góp lâu dài duy nhất của Hyde cho học thuật, theo đánh giá của một chuyên gia hiện đại, là cung cấp “một ví dụ nổi bật về mức độ sai lầm của một giáo sư, và trong trường hợp của ông ấy là một giáo sư kếp.” (Chữ hình nêm là chữ viết sớm nhất, theo tính toán của hầu hết các học giả. Nó xuất hiện lần đầu tiên vào khoảng năm 3100 trước Công nguyên. Nó sớm hơn một chút so với chữ tượng hình đầu tiên của Ai Cập, có từ khoảng năm 3000 trước Công nguyên. Chữ viết sớm nhất của Trung Quốc có từ khoảng năm 1200 trước Công nguyên.)

Một phát hiện khảo cổ học cực kỳ quan trọng khác lúc đầu cũng bị chế nhạo với cùng một lý do gần như tương tự. Chữ viết có tên là Linear B, tiền thân của tiếng Hy Lạp, được phát hiện trên đảo Crete vào những năm 1880, được khắc trên những khối đá khổng lồ. Crete là một vùng đất giàu huyền thoại và lịch sử. Đó là đảo Crete, nơi nhà vua giam giữ Icarus và Daedalus trong một tòa tháp, và là nơi hai cha con trốn thoát bằng cách tung mình lên bầu trời trên đôi cánh lông vũ.

Linear B, xuất hiện từ khoảng năm 1450 trước Công nguyên, sẽ chứng tỏ là chữ viết sớm nhất từng được đặt ra ở châu Âu. Sẽ có thể tha thứ được nếu các nhà khảo cổ học, bị lóa mắt bởi khả năng, đọc được nhiều ý nghĩa hơn trong những biểu tượng đó hơn là những gì thực sự thuộc về chúng. Họ đã không. Khi các chuyên gia lần đầu tiên kiểm tra các dòng chữ Linear B, họ tuyên bố chúng là “dấu thợ xây.”

Nhưng hầu như không ai coi thường chữ tượng hình. Được chạm khắc trên các bức tường và đài tưởng niệm của đền thờ, chúng được ca ngợi là truyền đạt những cái nhìn sâu sắc vào trung tâm của thiên nhiên. Đối tác hiện đại sẽ là những sự thật như $e = mc^2$ được viết (và hiểu) theo cách giống hệt nhau bởi các nhà vật lý ở Thượng Hải và Chicago. Trong gần hai nghìn năm, các học giả châu Âu nghĩ về các linh mục Ai Cập cổ đại giống như chúng ta nghĩ về các nhà khoa học ngày nay – những nhà hiền triết này

đã nghĩ ra một mật mã bí ẩn tiết lộ những hiểu biết quan trọng cho những người biết, và không có gì cho những người không quen thuộc với những bí mật của nó.

Theo lời của nhà triết học Plotinus ở thế kỷ thứ ba, “[những người ghi chép Ai Cập] đã không xem xét toàn bộ công việc của các chữ cái, từ ngữ và câu”. Các nhà thông thái của Ai Cập đã tìm ra một cách tiếp cận tốt hơn nhiều—truyền đạt ý tưởng bằng cách vẽ các ký hiệu. “ Mỗi dấu hiệu riêng biệt tự nó là một phần kiến thức, một phần trí tuệ, một phần hiện thực, hiện diện ngay lập tức.”

Nhưng đây chỉ là phỏng đoán, vì không một người nào trên thế giới biết ý nghĩa của một chữ tượng hình duy nhất. Ai Cập được bao phủ bởi vô số thông điệp, và mỗi người trong số họ đều câm lặng.

Chính sự trỗi dậy của Cơ đốc giáo đã đảm bảo cho sự sụp đổ của chữ tượng hình. Vào đầu những năm 300, hoàng đế La Mã Constantine cải đạo sang Cơ đốc giáo. Hành động đó đã thúc đẩy một trong những thay đổi quan trọng nhất trong lịch sử thế giới. Cuối thế kỷ này, Kitô giáo trở thành tôn giáo chính thức của Rome. Đến cuối thế kỷ, đức tin mới yếu ớt đã phát triển đủ mạnh để đặt các đối thủ của nó ra ngoài vòng pháp luật.

Vào năm 391 sau Công nguyên, hoàng đế La Mã Theodosius Đại đế đã ra lệnh phá bỏ tất cả các ngôi đền của Ai Cập, như một sự sỉ nhục đối với Cơ đốc giáo. (Hình phạt dành cho việc thờ cúng các vị thần ngoại giáo cũ, ngay cả trong sự riêng tư của chính ngôi nhà của bạn, là cái chết.) Người cuối cùng đã viết một dòng chữ tượng hình khắc nó vào một bức tường trong một ngôi đền ở Philae, một hòn đảo phía xa sông Nile, vào năm 394 sau Công nguyên.

Những sắc lệnh giống như sắc lệnh do Theodosius đặt ra là mới. Chiến tranh và đàn áp cũng lâu đời như loài người, nhưng vấn đề hiếm khi xảy ra là một bên tin vào các vị thần sai lầm. Vào thời mà thuyết đa thần còn phổ biến, những kẻ chinh phục chiếm lãnh thổ mới cũng có xu hướng chiếm luôn các vị thần địa phương. Nếu bạn đã tôn thờ vài chục vị thần, thì không có vấn đề gì khi nhường chỗ cho một vài vị thần nữa.

Sau đó, đến thuyết độc thần và niềm tin vào một vị thần thực sự, và mọi thứ thay đổi. “ Người Hy Lạp và La Mã đã tôn trọng các vị thần cũ [trước khi Constantine cải đạo]...,” nhà Ai Cập học viết Barbara Mertz, “nhưng thuyết độc thần về bản chất là không khoan dung.” Chữ tượng hình, như biểu tượng của những cách thức cũ xấu, đã bị lên án đặc biệt. Cấm, họ đã sớm bị lãng quên.

Bị lãng quên ở Ai Cập, dù sao đi nữa. Ở châu Âu và thế giới Ả Rập, những nỗ lực giải mã không bao giờ ngừng và không bao giờ đạt được tiến bộ. Hãy nghĩ xem bức màn vô minh đó đã tồn tại bao lâu. Rome trỗi dậy và sụp đổ, và “vô số chữ tượng hình” vẫn giữ bí mật của họ. (La Mã bị ám ảnh bởi Ai Cập đến nỗi những kẻ chinh phục đã mang về nhà *mười ba* đài tưởng niệm khổng lồ được trang trí bằng chữ tượng hình. Cho đến ngày nay, số

đài tưởng niệm Ai Cập ở Rome còn nhiều hơn ở Ai Cập.) Thời Trung Cổ đến, và những thánh đường chọc trời mọc lên khắp châu Âu—chúng là những công trình nhân tạo đầu tiên trong bốn nghìn năm đứng cao hơn các kim tự tháp—và trong ngàn ấy năm không có tiến triển nào trong việc giải mã các chữ tượng hình. Thời kỳ Phục hưng đến, cùng với đó là Thời đại Khoa học và sự ra đời của thế giới hiện đại, và vẫn... chẳng có gì.

Người ta thường nói rằng một chủ đề không xác định là một cuốn sách đã đóng, nhưng Ai Cập thì khác. Ai Cập là một cuốn sách *mở*, với hình ảnh minh họa trên mỗi trang, mà không ai biết cách đọc.

[tôi](#). Dòng thời gian của các cấu trúc nổi tiếng nhất thế giới sẽ bao gồm đền Parthenon, được xây dựng vào khoảng năm 450 trước Công nguyên; Đấu trường La Mã, khoảng năm 100 sau Công nguyên; Angkor Wat, khoảng năm 1100; Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc, khoảng năm 1400; Peter's, khoảng năm 1600; và Taj Mahal, khoảng năm 1650.

[II](#). Các ký hiệu là *chữ tượng hình*, không phải *chữ tượng hình*. Các nhà Ai Cập học co rúm lại trước sự lạm dụng, mặc dù nó là tất cả những phổ biến. *Chữ tượng hình* là một tính từ, họ nhấn mạnh, giống như *nghệ thuật* hoặc *hùng vĩ*.

CHƯƠNG HAI

Tìm

Không ai từng đặt ra để tìm Rosetta Stone. Không ai biết có một thứ như vậy, mặc dù các du khách và học giả từ lâu đã mơ rằng có thể có. Hòn đá đã không được chú ý trong gần hai nghìn năm. Nó cũng có thể đã bị mất mãi mãi.

Nó xuất hiện trong một đồng đồ nát tại một thị trấn thịnh vượng nhưng hẻo lánh của Ai Cập tên là Rashid, vào một ngày tháng 7 oi ả năm 1799. Pháp đã xâm chiếm Ai Cập một năm trước đó. Đứng đầu quân đội Pháp là một vị tướng trẻ, Napoléon Bonaparte, người vừa nổi tiếng. Anh ấy sẽ sớm được biết đến trên toàn thế giới, tên của anh ấy được gọi với sự kính sợ hoặc thì thầm kinh hoàng. (Ồ Anh, trẻ nhỏ được cảnh báo rằng nếu chúng không đi ngủ yên lặng, “Boney” sẽ chop lấy chúng khỏi giường và nuốt chửng chúng.)

Một nhóm lính Pháp đã được giao nhiệm vụ xây dựng lại một pháo đài đổ nát ở Rashid, thuộc châu thổ sông Nile. (Người Pháp gọi thị trấn là Rosetta.) Pháo đài đã từng đứng chồm hồm nhưng uy nghi, một hình vuông tám mươi thước một bên có tháp canh và một tháp canh ở trung tâm. Nhưng nó đã bị bỏ quên trong nhiều thế kỷ, và khi người Pháp đến, nó cần được sửa chữa gấp. “Tôi cho rằng sẽ bị tấn công bất cứ lúc nào,” chỉ huy địa phương viết cho Napoléon, và ông ta khẩn trương ra lệnh cho người của mình làm việc, biến xác tàu đắm này thành một pháo đài thích hợp với doanh trại và những bức tường kiên cố.

Người phát hiện ra Rosetta Stone sẽ không bao giờ được biết đến. Người phát hiện thực sự rất có thể là một người lao động Ai Cập, nhưng nếu vậy thì không ai ghi lại tên của anh ta. Người được cho là đã phát hiện ra là Trung úy Pierre-François Bouchard, sĩ quan phụ trách công việc xây dựng lại. Ai đó đã thu hút sự chú ý của Bouchard đến một phiến đá lớn bị vỡ nằm trong một đồng đá tương tự. Bên dưới lớp bụi bẩn trên đá bề mặt tối, bạn chỉ có thể nhận ra một số vết lạ. *Đây có thể là một cái gì đó?*

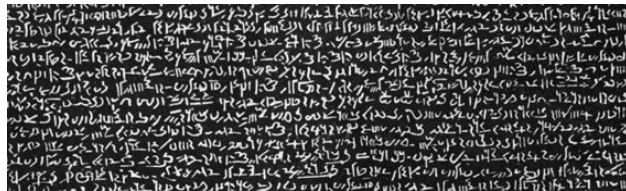
Bouchard, một nhà khoa học đồng thời là một người lính, đã nhìn thấy ngay một mặt của tảng đá nặng có khắc chữ. Từng dòng ký hiệu chạm khắc chạy hết chiều rộng của phiến đá. Điều đó thật đáng ngạc nhiên, nhưng điều khiến tim đập thình thịch là: những dòng chữ có ba loại khác nhau.

Trên đỉnh phiến đá là mười bốn dòng chữ tượng hình, những hình vẽ hình tròn, ngôi sao, sư tử và những người đàn ông đang quỳ. Phần đó không đầy đủ. Trong quá khứ, vào một thời điểm nào đó, phần trên của phiến đá và các mảnh ở cả phía trên bên phải và bên trái đã bị mất, cùng với đó là nhiều dòng chữ tượng hình đã biến mất.



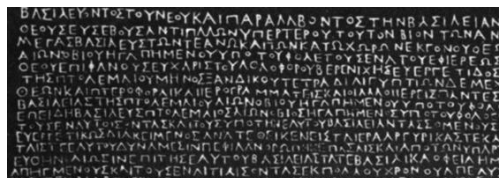
Cận cảnh một số dòng chữ tượng hình Rosetta Stone

Ở phần giữa của viên đá là một phần dài hơn với các đường cong và đường cong đơn giản, tổng cộng có 32 đường. Chúng trông giống như các chữ cái từ một số chữ viết không xác định hoặc có lẽ là các ký hiệu từ một mật mã, chắc chắn không giống như các bức tranh trong phần chữ tượng hình. Nhưng nếu những dấu gạch chéo và gạch ngang này là một chữ viết, thì chúng không thể nhận ra được; nếu chúng chỉ đơn thuần là đồ trang trí, chúng trông có hệ thống và có mục đích một cách kỳ lạ.



Cận cảnh một phần của dòng chữ bí ẩn ở giữa. Không ai nhận ra chữ viết hoặc biết nó đại diện cho ngôn ngữ nào.

Nhóm điểm thứ ba, bên dưới hai điểm còn lại, không có câu đố nào như vậy. Đây là tiếng Hy Lạp, năm mươi ba dòng (với một chút đứt quãng ở dưới cùng bên phải), và có thể nhận ra ngay lập tức. Nó không dễ đọc lắm, bởi vì nó được viết giống một văn bản luật hơn là ghi chú hàng ngày, nhưng nó cũng đủ dễ.



Các dòng từ tiếng Hy Lạp, mà các học giả có thể đọc, cận cảnh

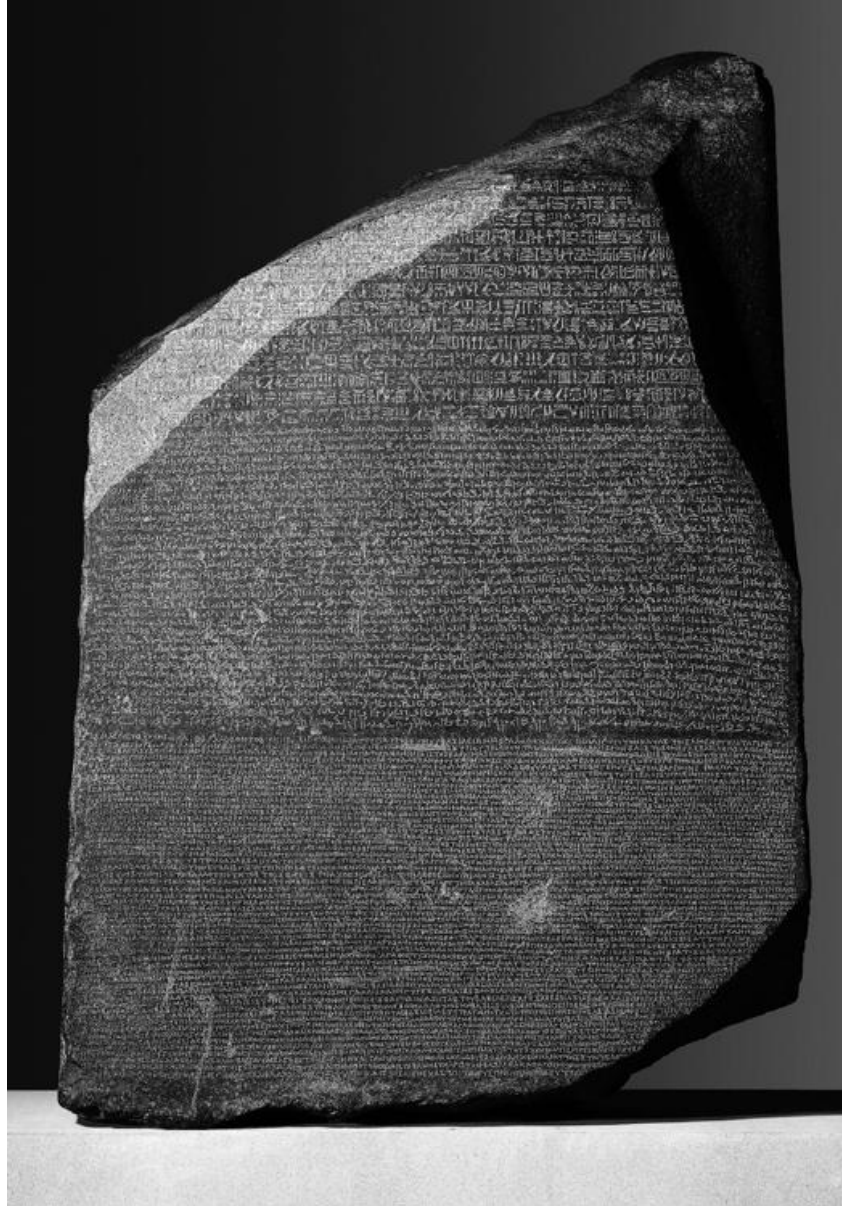
Bản thân viên đá có kích thước 4 feet x 3 feet và nặng 3/4 tấn. Phần trên lờm chờm của nó cho thấy nó là một mảnh của một bản gốc lớn hơn. Ở Ai

Cập, nơi cây cối khan hiếm, các tòa nhà quan trọng luôn được làm bằng đá. Từ thời cổ đại, điều đó đã tạo ra một kiểu tái chế chuyển động chậm, với các khối đá từ tòa nhà này được tái sử dụng ở tòa nhà khác. Hoặc đôi khi nhiều người khác, trong suốt hàng chục thế kỷ. (Ngay cả các kim tự tháp cũng bị cướp bóc và đá của chúng được tái sử dụng, đó là lý do tại sao chúng không còn nhẵn nữa.)

Điều đó dường như đã xảy ra ở đây. Rosetta Stone ban đầu được đặt ở một vị trí nổi bật trong một ngôi đền, vào ngày tương ứng với năm 196 trước Công nguyên. Vì vậy, văn bản Hy Lạp đã tuyên bố. Vài thế kỷ sau, với việc ngôi đền tọa lạc nó bị phá hủy, phiến đá Rosetta có lẽ nằm yên trong một đồng đồ nát.

Có lẽ nó nằm đó, không bị ảnh hưởng qua nhiều thế hệ. Có lẽ nó đã được tái chế thành một tòa nhà khác, hoặc một dãy các tòa nhà khác. Không ai biết. Vào năm 1470 sau Công nguyên—vào thời điểm đó, đã một nghìn năm trôi qua kể từ khi bất kỳ ai trên thế giới có thể đọc được chữ tượng hình—một nhà cai trị Ả Rập bắt đầu xây dựng một pháo đài không xa nơi từng tọa lạc của ngôi đền.

Vật liệu xây dựng cho pháo đài mới của quốc vương bao gồm một đồng đá được mang đến từ đâu mà không biết. Những người lao động vật lộn những viên đá vào vị trí có thể đã bỏ qua những dòng chữ của Rosetta Stone. Có thể họ không bao giờ chú ý đến chúng. Trong mọi trường hợp, họ đặt viên đá vào vị trí bên cạnh vô số người khác, một khối ấn danh trong một bức tường ấn danh trong một pháo đài ấn danh. Điều này giống như việc sử dụng Kinh thánh Gutenberg làm vật chặn cửa.



Rosetta Stone, với ba loại chữ viết. Chữ tượng hình ở trên cùng, một chữ viết lạ nằm ở giữa và tiếng Hy Lạp ở dưới cùng. Các học giả có thể đọc tiếng Hy Lạp nhưng không biết phải làm gì với hai chữ khắc kia.

Những dự đoán đầu tiên là có thể mất hai tuần để giải mã Rosetta Stone. Hóa ra, phải mất *hai mươi năm* . Các nhà ngôn ngữ học và học giả đầu tiên nhìn thấy các chữ khắc bắt đầu làm việc hăng hái, phấn chấn với niềm tin rằng một nỗ lực ngắn ngủi sẽ mang lại cho họ giải thưởng. Họ nhanh chóng trở nên bối rối, rồi thất vọng, và trong thời gian ngắn là tuyệt vọng, để lại di sản duy nhất của họ là lời cảnh báo cho những người khác rằng đây là một câu đố không thể giải được.

Hai thiên tài đối địch nhau, một người Pháp và một người Anh, đã làm nhiều nhất để giải mã. Cả hai đều là những đứa trẻ thần đồng, cả hai đều có năng khiếu ngôn ngữ kỳ lạ, nhưng họ lại đối lập nhau về mọi mặt. Người Anh, Thomas Young, là một trong những thiên tài linh hoạt nhất từng sống. Người Pháp, Jean-François Champollion, là một người đặc biệt quan tâm đến Ai Cập và chỉ quan tâm đến Ai Cập. Young đã ngẫu và sang trọng lịch sự. Champollion tràn ngập sự phấn nộ và thiếu kiên nhẫn. Young chế nhạo Ai Cập cổ đại của “mê tín” và “đồi trụy”. Champollion kinh ngạc trước vinh quang của đế chế hùng mạnh nhất mà thế giới cổ đại từng biết.

Những trận chiến trí tuệ hiếm khi có tiền cược cao như vậy. Với hai quốc gia thường xuyên xảy ra chiến tranh, người Pháp và người Anh không chỉ vượt qua nhau mà còn giành vinh quang cho quê hương của họ. Vì Ai Cập là bí ẩn của những bí ẩn, và người đầu tiên học cách đọc những bí mật của nó sẽ giải được một câu đố đã chế giễu thế giới trong hơn một nghìn năm.

Không ai nhìn thấy văn bản tiếng Hy Lạp trên Rosetta Stone có thể bỏ lỡ điểm này. Nếu ba dòng chữ đại diện cho một thông điệp được viết theo ba cách khác nhau - và tại sao chúng lại được khắc trên cùng một phiến đá? - thì trong một cú nhấp chuột, các chữ tượng hình có thể tiết lộ bí mật của chúng. Một căn hầm cung điện với một chiếc chìa khóa nhô ra khỏi ổ khóa không thể vậy gọi mời gọi hơn thế.

CHƯƠNG BA

Các thách thức

Vào thời Napoléon, các kim tự tháp, tượng đài và đền thờ rải rác khắp Ai Cập đã nổi tiếng hàng nghìn năm, nhưng hiếm ai biết ai đã xây dựng chúng, khi nào và tại sao. Họ chỉ biết rằng trong khi phần lớn thế giới đã run rẩy trong các hang động và mò mẫm trong đất để tìm sên và ốc sên, thì các pharaoh Ai Cập đã trị vì trong sự huy hoàng.

Vào thời điểm Hòn đá Rosetta được phát hiện, thế giới có hai siêu cường quốc vĩ đại trên toàn cầu là Pháp và Anh. Nhưng vào thời điểm Rosetta Stone được viết, vào năm 196 trước Công nguyên, Pháp và Anh là quê hương của các bộ lạc cướp bóc mà các hoạt động của họ chủ yếu mở rộng sang đánh phá và hãm hiếp. Bức tranh hầu như không thay đổi vào năm 54 trước Công nguyên, khi Caesar đánh bại Gaul và xâm lược Anh. Ở đó, anh tìm thấy một kẻ thù dũng cảm nhưng tàn bạo, những kẻ man rợ sơn mình màu xanh và mặc áo da thú. Ở vùng đất xa xôi đó, đàn ông chia sẻ vợ của họ, Caesar chế nhạo, “anh em với anh em, cha với con trai.”

Vào thời của Caesar—cuộc tình của ông với Cleopatra bắt đầu vào năm 48 trước Công nguyên—những ngày huy hoàng của Ai Cập đã lùi xa trong quá khứ. Nhưng ngay cả như vậy, thành Rome của Caesar vẫn kém xa so với tiêu chuẩn của Ai Cập, Athens và mọi thành phố khác vào thời đó cũng vậy.

Trong thời đại của Caesar và Cleopatra, thủ đô của Ai Cập, Alexandria, là thành phố lớn nhất và vĩ đại nhất trên thế giới. Được lót bằng những bức tượng, được tô điểm bằng những công viên, tập nập người mua sắm và ngắm cảnh, đó là Paris đến Podunk của Rome. Đại lộ rộng nhất của thành phố trải dài 90 feet, đủ chỗ cho tám cỗ xe cạnh nhau. Thư viện Alexandria tự hào có hàng chục nghìn cuộn giấy cói, cho đến nay là kho báu lớn nhất từng được tích lũy, và đây là thời đại mà mọi bản thảo đều phải được sao chép bằng tay. Vào thời kỳ đỉnh cao, thư viện đã vẽ những học giả vĩ đại nhất thời cổ đại, bao gồm cả những người khổng lồ như Euclid và Archimedes, những người được tán tỉnh bằng những cuộc hẹn trọn đời và mức lương hậu hĩnh.

Nhưng chính cái tên *Ai Cập* đã truyền tải sự hào hoa và lộng lẫy, hơn cả học thuật. Khi Cleopatra du ngoạn trên sông Nile, bà lên thuyền trên một chiếc sà lan mạ vàng với những cánh buồm màu tím và mái chèo bằng bạc.

Hương trầm thoang thoang trong không khí trong khi tiếng sáo nhẹ nhàng và những chàng trai trẻ bên cạnh hoàng hậu phe phẩy những chiếc quạt để khuấy động làn gió nhẹ.

Và Cleopatra đến vào thời *điểm cuối cùng* của cuộc chạy đua đế quốc của Ai Cập, mười ba thế kỷ sau Vua Tut, hai mươi thế kỷ sau thời kỳ hoàng kim của văn học Ai Cập, hai mươi sáu thế kỷ sau Kim tự tháp vĩ đại.

Bây giờ chúng ta biết dòng thời gian đó, và chúng ta biết vô số chi tiết về những gì người Ai Cập cổ đại tin tưởng, cách họ sống, những gì họ sợ hãi và những gì họ hy vọng. Một lưu ý thận trọng, mặc dù. Mọi khái quát hóa về “Ai Cập” thực sự chỉ liên quan đến một bộ phận dân số cực kỳ mỏng. Đại đa số người Ai Cập là những nông dân mù chữ, sống cuộc sống cực khổ, tàn bạo, vô danh. “Họ đã vật lộn với cuộc sống cơ cực, thiếu thốn và cực nhọc, rồi qua đời không để lại dấu vết gì trên thế giới này,” theo lời của nhà sử học Ricardo Caminos. “Xác chết của họ bị bỏ rơi ở rìa sa mạc hoặc tốt nhất là bị ném xuống những hố nông trên cát, thậm chí không có những bia mộ tồi tệ nhất để ghi tên họ.”

Nhưng ngay cả khi ghi nhớ lời cảnh báo khổng lồ về sự tàn hình của người nghèo, chúng ta biết về Ai Cập nhiều hơn chúng ta biết về bất kỳ nền văn hóa cổ đại nào khác. Chúng tôi biết điều đó bởi vì chính người Ai Cập đã nói với chúng tôi - họ đã viết nó ra - và chúng tôi có thể đọc được những câu khắc, thư từ và câu chuyện của họ. Chúng tôi biết tất cả những điều đó vì Rosetta Stone đã chỉ đường.

Hầu hết mọi người bỏ lỡ điểm của Rosetta Stone. Họ biết rằng câu chuyện liên quan đến các văn bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, và họ hình dung một thứ giống như thực đơn trong một nhà hàng phục vụ khách du lịch quốc tế: *gà nướng với khoai tây chiên; poulet rôti avec khoai tây chiên; Brathähnchen mit Pommes khoai tây chiên*. Được trang bị menu đó, một người nói tiếng Anh có thể bắt đầu giải mã tiếng Pháp hoặc tiếng Đức.

Trên thực tế, đó là kỳ vọng của những người đầu tiên nhìn vào phiến đá Rosetta. Nó đã được chứng minh là sai lầm nghiêm trọng. Thay vào đó, các nhà giải mã thấy mình bị lạc trong một mê cung, bị quyến rũ bởi những manh mối trên người và sau đó lao vào ngõ cụt và mất hy vọng, nhưng sau đó phát hiện ra những điểm đánh dấu mới và lao đi một cách từng bước một lần nữa.

Một trong những nguyên nhân khiến họ gặp rắc rối - nếu biết trước họ có thể đã bỏ cuộc trước khi bắt đầu - là ba dòng chữ khắc hóa ra không phải là bản dịch từng chữ của nhau. Họ khớp với nhau nhưng theo một cách không chính xác, rộng thùng thình, giống như bản tóm tắt của ba người trong cùng một bộ phim.

Nhưng đó chỉ là một trở ngại trong số rất nhiều trở ngại. Bằng cách nhận ra những gì mà những người giải mã sẽ chống lại, hãy nghĩ lại về *món gà quay* và *poulet rôti*. Ngay cả khi chúng tôi không nói được một từ tiếng Pháp nào—ngay cả khi chúng tôi không biết có một ngôn ngữ gọi là tiếng Pháp—chúng tôi vẫn có một số lợi thế so với những học giả đầu tiên đó.

Đối với những người mới bắt đầu, chúng tôi nhận ra bảng chữ cái mà thực đơn của chúng tôi được viết, điều đó có nghĩa là chúng tôi có thể bắt đầu phát âm các từ. Đối mặt với những chữ khắc trên Rosetta Stone, các nhà ngôn ngữ học ban đầu chỉ có thể bối rối nhìn chăm chăm. Làm thế nào các nhà Ai Cập học đầu tiên có thể biết liệu kền kền và chim hồng tước, hay các dấu gạch chéo dọc và chéo, là viết tắt của các chữ cái, âm tiết, hoặc từ hoặc ý tưởng? Và, mặc dù chúng tôi không chắc nên đọc thực đơn của mình từ trái sang phải hay từ phải sang trái, nhưng chúng tôi có thể đoán rằng *poulet rôti* nghe hợp lý hơn *itôr teluop một chút*.

Đối với những người giải mã, không có gì có thể được coi là đương nhiên. Các tập lệnh có thể chạy từ trái sang phải như tiếng Anh hoặc từ phải sang trái như tiếng Do Thái và tiếng Ả Rập hoặc từ trên xuống dưới như tiếng Trung và tiếng Nhật. Các biến thể phức tạp hơn cũng đã có ngày của họ. Một số văn bản Hy Lạp cổ đại đi theo con đường tới lui, giống như một người nông dân đang cày ruộng. Một dòng chạy từ trái sang phải và sau đó dòng tiếp theo chạy từ phải sang trái, v.v. (và trong mỗi dòng mới, các chữ cái riêng lẻ cũng bị đảo hướng). Chữ viết Aztec, một nhà sử học lưu ý, “uốn khúc trên trang như trò chơi Rắn và Thang, hướng được báo hiệu bằng các đường hoặc dấu chấm.

Thực đơn của chúng tôi sẽ cung cấp cho chúng tôi nhiều thứ hơn để làm việc. Nghe ra *poulet*, chúng ta có thể vẽ về những ký ức mơ hồ. *Không phải gà mái tơ là gà mái hay gà trống hay gà gì đó sao?* Chúng ta có thể tiếp tục. Chiếc mũ nhỏ trên chữ *O* trong *rôti* có thể thu hút sự chú ý của chúng ta, đặc biệt là vì *rôti* trông hơi giống *món nướng*. Cuối cùng, chúng ta có thể tìm thấy một kho văn bản và chữ khắc từ vùng đất của *poulet* (vì xét cho cùng, mục tiêu của chúng tôi là giải mã toàn bộ ngôn ngữ, không chỉ đọc một menu). Ở đó chúng ta sẽ thấy nhiều hơn những người thuộc nhóm *O* đội mũ, cũng như những người thuộc nhóm *E* và *I* đội mũ. Chúng ta sẽ tìm thấy *forêt* và *bête* và *côte* và *île*, và có lẽ từ ngữ cảnh hoặc từ những hình ảnh đi kèm với văn bản, cuối cùng chúng ta có thể nghĩ về *rừng* hoặc *con thú* hoặc *bờ biển* hoặc *đảo*. Tại một thời điểm nào đó, chúng ta có thể đoán rằng biểu tượng chiếc mũ có liên quan gì đó đến một chữ cái *S* bị thiếu.

Và vì vậy chúng tôi có thể tiếp tục, dừng từng bước một. Bây giờ hãy nghĩ về hoàn cảnh khó khăn của những người giải mã tiềm năng đang nhìn chăm chăm vào Phiến đá Rosetta.

Các ký hiệu của nó tương ứng với không có kịch bản đã biết, và không có cách nào để phát âm chúng và lắng nghe manh mối. Câu trả lời cho những câu hỏi cơ bản nhất dường như ngoài tầm với một cách chế giễu. Chẳng hạn, các biểu tượng điều hành không ngừng nghỉ, cái này nối tiếp cái kia. Làm sao ai đó có thể biết nơi một từ kết thúc và từ tiếp theo bắt đầu (nếu chúng hoàn toàn là từ)?

Tệ hơn nữa—tệ hơn nhiều—là điều này: những người nói tiếng Ai Cập cổ đại cuối cùng đã chết cách đây hàng thiên niên kỷ. (Người Ai Cập đã nói tiếng Ả Rập từ thế kỷ thứ bảy sau Công nguyên.) Bằng một ví dụ đương

đại, hãy tưởng tượng bạn đang cố gắng đọc tiếng Trung Quốc nếu bạn không nói được ngôn ngữ này. Bây giờ hãy tưởng tượng bạn đang cố gắng đọc tiếng Trung Quốc nếu *không có ai* nói ngôn ngữ này.

Giả sử bằng cách nào đó bạn đã tìm ra cách đọc chữ tượng hình. Bạn sẽ ở đây, phát ra những từ mà không ai đã nói từ thời đại của các pharaoh. Rồi sao? Những âm thanh đó sẽ cho bạn biết điều gì?

Giả sử người nói tiếng Anh cuối cùng đã chết cách đây 20 thế kỷ. Làm sao có ai biết được rằng những âm thanh *mà* mèo phát ra liên tiếp nhanh chóng có nghĩa là “động vật có lông có râu”?

Điều gì làm cho bí ẩn trở nên khó khăn như vậy là một phần quan trọng trong câu chuyện của chúng tôi. Nhưng mặt trái cũng quan trọng không kém—đây là một câu đố có vẻ hấp dẫn, như thể bất kỳ tay nghiệp dư nào có trí óc và sự kiên trì đều có thể giải được. Điều đó tạo nên sự tương phản rõ nét với những mật mã nổi tiếng nhất, như Enigma. Một người bình thường có thể nhìn mãi vào các thông điệp mà Đức quốc xã đã mã hóa bằng máy Enigma và không bao giờ thấy bất cứ thứ gì ngoài các chữ cái ngẫu nhiên, dòng này không thể phân biệt được với dòng tiếp theo. Đối với bất kỳ ai ngoại trừ một nhà toán học, Enigma là thứ đáng sợ như một vách đá cheo leo.

Tuy nhiên, một trang chữ tượng hình bao gồm các loài chim, rắn, hình bầu dục và hình vuông, và gần như khiến chúng ta phải phỏng đoán. *Có phải một con cú có nghĩa là sự khôn ngoan đối với người Ai Cập, giống như đối với chúng ta? Văn bản Hy Lạp trên Rosetta Stone nói về các vị vua; vị vua trong chữ tượng hình ở đâu?*

Chữ tượng hình là những bức tranh và quan sát cơ bản đó chỉ ra hai hướng khác nhau cùng một lúc. Đầu tiên là sự nản lòng—chúng ta đang phải đối mặt với một hình thức viết khác với hầu hết mọi hình thức khác. Nhưng cách thứ hai thú vị hơn và quan trọng hơn—chính xác là vì chữ tượng hình *là* hình ảnh, nên đây là một hình thức viết trông ít trừu tượng hơn và dễ tiếp cận hơn gần như bất kỳ hình thức nào khác.

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng tôi không khó khăn bằng việc hiểu Enigma. Lần này, những người nghiệp dư chúng ta *có thể* tham gia, tìm kiếm manh mối trong chính những mảnh ghép đã vấy gọi và chế giễu Young và Champollion cũng như tất cả những người tiền nhiệm của họ.

CHƯƠNG BỐN

Tiếng nói từ cát bụi

Những câu đố về ngôn ngữ và cách giải mã là những điều bí ẩn sống động—có những văn bản bằng những chữ viết kỳ lạ mà cho đến ngày nay vẫn chưa ai giải mã được, kể cả một văn bản từ nước Ý cổ đại ¹ và một văn bản khác từ Đảo Phục Sinh—và chúng nói lên những khía cạnh sâu sắc nhất của nền văn minh và văn hóa. Nói và viết dường như là hai mặt của một đồng xu, nhưng viết về cơ bản là khó hơn. Tất cả trẻ sơ sinh đều học nói một cách tự động bằng cách hấp thụ âm thanh xung quanh chúng; không có em bé nào học đọc hoặc viết một cách tự động, bất chấp những chữ in xung quanh em.

Tại sao nên như vậy, không ai biết rõ. Có lẽ điều hợp lý là việc đọc phải khó khăn, nhưng hãy suy nghĩ một chút về việc việc học nói lại không hề khó như thế nào. Hãy để một đứa trẻ tung tăng trong dòng chữ, và nó sẽ tự giải quyết mọi việc. Tiểu thuyết gia Nicholson Baker đã làm tốt hơn bất kỳ nhà ngôn ngữ học nào trong việc giải thích rõ ràng bao nhiêu điều đang diễn ra bên trong tâm trí của nhà thám hiểm nhỏ bé, vụng về đó. “Và bạn bắt đầu thấy rằng tất cả những âm thanh mà bạn có thể tạo ra—ngo, merk, plot—mà bạn bắt đầu nghe thấy, có thể được phân loại theo những cách nhất định. Bạn là một bộ não mới sinh, bạn vừa mới ra khỏi phòng biệt giam trong tử cung, và bạn đã là một nhà phân tích mật mã ở Công viên Bletchley. Bạn đã phân tích cú pháp, tìm kiếm những điểm tương đồng và khác biệt, tìm kiếm các mẫu, tìm kiếm phần đầu và phần cuối và gợi ý về ý nghĩa.”

Điều gì đúng với mỗi người là đúng với loài người: tổ tiên của chúng ta bắt đầu biết nói khoảng 50 nghìn năm trước, nhưng chỉ trong thời gian tương đối gần đây—chỉ 5 nghìn năm trước thôi—một thiên tài vô danh nào đó mới tìm ra cách ghi lại vô số âm thanh của lời nói trong một mảnh nhỏ các nét vẽ nguệch ngoạc và xước. Hoặc có lẽ đó là một chuỗi các thiên tài, mỗi người đóng góp một cái nhìn sâu sắc hoặc cải tiến.

Điểm mấu chốt là mặc dù khả năng nói đến một cách tự nhiên, nhưng khả năng viết phải được phát minh ra. Lời nói là một phần di sản sinh học của chúng ta, giống như bò và đi. Viết là một sản phẩm của sự khéo léo của con người, giống như điện thoại hoặc máy bay. (Câu chuyện về bước đột phá

không lồ đó đã bị thất lạc không thể lấy lại được. Trớ trêu thay, không ai từng viết nó ra.)

Vì vậy, học cách đọc có hiệu quả. Điều đó đẩy mỗi chúng ta vào trọng tâm của câu chuyện Rosetta Stone, bởi vì mỗi người trong chúng ta đã thực hiện gần như chính xác cùng một kiểu giải mã mà cuối cùng đã phá được vụ án Ai Cập – mọi độc giả mới đều đang vật lộn để làm sống động những dòng nguệch ngoạc trong *The Cat in the Hat* là một bản sao cỡ pint của những thám tử xuất sắc lần đầu tiên vật lộn với chữ tượng hình. Đọc là giải mã, và tất cả chúng ta đều là thám tử ngôn ngữ. Mỗi chúng tôi đều đã từng làm việc tại Bletchley Park.

Phần thưởng mà chúng tôi thu được từ công việc giải mã đó là rất lớn. Nhà văn Alberto Manguel nhớ lại chính thời điểm ông đột phá vào việc đọc. Anh ấy khoảng bốn tuổi và anh ấy biết tên của các chữ cái, khi anh ấy tình cờ nhìn thấy một bảng quảng cáo từ cửa sổ ô tô. “Tôi không còn biết từ đó trên bảng quảng cáo lâu đời đó là gì... nhưng ấn tượng về việc đột nhiên có thể hiểu được những gì trước đây tôi chỉ có thể nhìn vào vẫn sống động như ngày nay.

Manguel viết, đó là “giống như có được một cảm giác hoàn toàn mới.”

Việc phát minh ra chữ viết thường được coi là bước đột phá vĩ đại nhất trong tất cả các bước đột phá về trí tuệ. “Nếu không có chữ viết,” nhà nhân chủng học Loren Eiseley từng nhận xét, “câu chuyện về quá khứ nhanh chóng thoái hóa thành thần thoại và truyện ngụ ngôn vụng về. Thiên anh hùng ca vĩ đại nhất của con người, bốn trận chiến trường kỳ của anh ta với băng đang tiến lên của các sông băng lục địa vĩ đại, đã biến mất khỏi ký ức con người không một dấu vết. Những người cha mù chữ của chúng tôi đã biến mất và cùng với họ, trong một vài thế hệ ít ỏi, qua đời, một trong những câu chuyện vĩ đại của mọi thời đại.”

Vô số những câu chuyện nhỏ hơn cũng biến mất nếu không ai viết chúng ra. “Nếu con người chỉ tồn tại trong một ngày,” nhà ngôn ngữ học John McWhorter chỉ ra, “thì chữ viết sẽ được phát minh vào khoảng 11 giờ đêm.” Nếu các bộ lạc đánh nhau trước 11 giờ tối theo đồng hồ lịch sử, hoặc những người yêu nhau thì thầm trong bóng tối, sẽ không ai biết.

Những ký ức mà chúng ta có thể lưu giữ trong đầu có lẽ kéo dài hai thế hệ trong quá khứ, có thể là ba thế hệ. Ông tôi sống đến tuổi chín mươi. Tôi tin rằng chúng tôi đã gặp anh ấy thường xuyên khi tôi còn nhỏ. Nhưng bây giờ, đối với tôi, không còn ai để kể câu chuyện của anh ấy và không còn thư từ hay nhật ký nào để xem, tất cả các sự kiện trong chín thập kỷ đó đã tan biến. Tất cả những gì tôi có thể nhớ là vết xước trên đôi má cạo trọc của một ông già (tôi không thích hôn tạm biệt ông ấy) và cách cổ tay xương xẩu của ông thò ra khỏi ống tay áo dài mềm mại.

Toàn bộ nền văn hóa có thể biến mất gần như nhanh chóng. Nhà thơ và nhà sử học Amadou Hampâté Bâ đã dành rất nhiều thời gian để thu thập

những câu chuyện truyền miệng từ quê hương của ông, Mali. “Ở Châu Phi,” anh than thở, “khi một ông già chết, một thư viện bị đốt cháy.”

Và vì vậy, câu chuyện về cuộc chiến lâu đời của loài người chống lại sự lãng quên là một câu chuyện viết lách. Điều đó có nghĩa là câu chuyện về Hòn đá Rosetta càng xa càng tốt từ một câu chuyện hẹp về học thuật phức tạp trong các thư viện mốc meo. Ngược lại, hành trình khám phá của chúng ta sẽ đưa chúng ta vào những thung lũng không chắc chắn và băng qua những địa hình xa lạ. Để giữ phương hướng của mình, chúng tôi sẽ cố gắng không đi quá xa Đá Rosetta, với tinh thần “hãy giữ dòng sông ở bên phải của bạn”. Nhưng chúng ta đang theo đuổi trò chơi lớn — những câu chuyện về những kẻ giang hồ khảo cổ lao vào những ngôi mộ cổ; nhìn trộm những nỗ lực đầu tiên để đặt các từ bằng văn bản; du ngoạn vào những chủ đề lớn như cuộc đấu tranh chống lại cái chết và sự lãng quên—và sẽ là một sai lầm nếu từ bỏ những cuộc phiêu lưu đó để chỉ tập trung vào các chữ tượng hình.

Một sai lầm bởi vì nếu chúng ta chỉ để mắt đến Rosetta Stone, chúng ta sẽ bỏ lỡ câu chuyện lớn hơn. Đối với Rosetta Stone là vật thể lạ nhất, một cửa sổ làm bằng đá rắn, và tầm nhìn qua cửa sổ đó không chỉ cho chúng ta biết về sự tinh tế của công việc điều tra và giải mã mà còn về bản chất của ngôn ngữ và những con đường của lịch sử và sự phát triển của văn hóa nhân loại.

Một điểm mấu chốt rất dễ bị bỏ quên—việc phát minh ra chữ viết không chỉ là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của nhân loại mà còn là một trong những thành tựu khó khăn nhất của nhân loại. Hãy nghĩ xem nó đã mất bao lâu. Trong hàng chục nghìn năm, tổ tiên của chúng ta đã vẽ những bức tranh hang động với kỹ năng và sự tinh xảo tuyệt đẹp; họ thời trang những con dao bằng đá mỏng đến mức bạn có thể nhìn thấy ánh sáng mặt trời xuyên qua lưỡi dao và sắc bén đến mức vượt trội so với dao mổ bằng thép. Không ai ký tên vào những kiệt tác đó. Không ai có thể có được, bởi vì trong hàng nghìn hàng nghìn thế hệ không ai tìm ra cách chuyển đổi âm thanh thành ký hiệu.

Từ vị trí thuận lợi của chúng ta xuôi dòng thời gian, khó có thể nhận ra những rào cản mà tổ tiên trí tuệ của chúng ta đã vượt qua. Một bí ẩn đã được giải quyết thường có vẻ như nó không bao giờ nên là bí ẩn ngay từ đầu. Nhưng chủ nghĩa tình lệ trong thời gian cũng sai lầm như chủ nghĩa tình lệ theo nghĩa thông thường của nó. Cho đến khi câu trả lời được tiết lộ, những câu hỏi “đơn giản nhất” có vẻ khó hiểu.

Đó là “một bước tiến đáng chú ý trong lịch sử tư tưởng,” nhà triết học Alfred North Whitehead từng nhận xét, khi một thiên tài bị lãng quên nào đó đưa ra nhận thức sâu sắc rằng hai con cá, hai ngày và hai cây gậy đều có chung đặc tính trừu tượng là “tính hai”. Trong vô số thế hệ không ai nhìn thấy nó. Cái nhìn sâu sắc khiêm tốn đó đã có những hậu quả to lớn. Một khi bạn đã hiểu rằng điều quan trọng là khái niệm 2, chứ không phải hai con cá

mà bạn tình cờ nhìn thấy, thì bạn đang tiến rất gần đến các định luật phổ quát như $2 + 2 = 4$. Bạn đã đặt ra trên con đường khoa học.

Tất cả những câu chuyện cần giải mã đều nằm trong một đồng những câu hỏi đơn giản về sau những bí ẩn trước đó. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp của Rosetta Stone, vì vẻ ngoài bắt mắt của chữ tượng hình khiến mọi người lạc lối. Nhưng *mọi* câu chuyện giải mã đều đòi hỏi phải đi sâu vào những bí ẩn của ngôn ngữ, và ngôn ngữ rất đa dạng và phức tạp vô tận. Các ngôn ngữ có nhiều đặc điểm chung, vì chúng đều mô tả một thế giới chung của chúng ta, với mẹ và anh em, mặt trời và mặt trăng, những dòng sông chảy xiết và những đứa trẻ đang bò. Nhưng chúng trông và âm thanh khác nhau một cách đáng kinh ngạc.

Bước xuống máy bay ở Bắc Kinh hay vào một lớp học ở Gallaudet là lao vào hoang mang bất lực. Và không có gì ngạc nhiên, vì ngôn ngữ được tạo nên từ những luồng không khí (hoặc cử chỉ tay) và cấu trúc của từ ngữ. Có thể mang những hình dạng tuyệt vời hơn nhiều so với bất kỳ thứ gì được xây bằng gạch hoặc gỗ.

Kết quả cuối cùng là công việc giải mã vừa cực kỳ khó khăn vừa cực kỳ quan trọng. Được viết ra, những sự kiện nhỏ nhất và những câu chuyện vĩ đại nhất đều có cơ hội bất tử. Những bức thư tình đã xuất hiện sau hàng nghìn năm, biên lai bán hàng chục chiếc ghế đẩu, và những câu chuyện sử thi về các anh hùng và yêu tinh trong trận chiến chết chóc.

Trong trường hợp của Ai Cập, việc giải mã các chữ tượng hình đã mang lại tiếng nói cho các pharaoh, học sinh, thương gia và du khách đã chết cách đây 30 thế kỷ. Ở những vùng đất khác, ẩm ướt hơn, những thông điệp như vậy đã bị phân hủy từ lâu, nhưng khí hậu khô, nóng của Ai Cập đóng vai trò như một loại viên nang thời gian vô tình. Những thông điệp được khắc trên các di tích từ lâu, hoặc được vẽ trên các bức tường của ngôi đền, vẫn còn sắc nét và rõ ràng cho đến ngày nay. Vô số văn bản giấy còi tồn tại, một số mang dấu tay đầy mực của người ghi chép hoặc nét chữ nguệch ngoạc của giáo viên trên bài làm của học sinh.



Các chi tiết và màu sắc trên tường của các ngôi mộ ở Ai Cập ngày nay vẫn rực rỡ như khi các ngôi mộ được niêm phong cách đây hàng ngàn năm.

Du khách đến từ những vùng đất có mưa luôn ngạc nhiên về thời tiết khô hạn của Ai Cập. Ví dụ, tại thành phố Luxor rực rỡ, lượng mưa trung bình hàng năm là 0. Điều này đã xảy ra từ thời cổ đại. “Không có mưa, cũng không có bất kỳ dấu hiệu nào của mưa, được thể hiện trong các bức tranh của những ngôi mộ,” người Anh ar nhà khảo cổ học Flinders Petrie đã chỉ ra cách đây một thế kỷ. “Không có mũ rộng, không có ô, không có gia súc nhỏ giọt, từng được đại diện.”

Ở Ai Cập, từ *để hồng của chúng tôi* hiếm khi được áp dụng. Một bông hoa từ vòng hoa đám tang được làm cách đây ba nghìn năm vẫn có thể được nhận dạng. Một ổ bánh mì cũ hơn Hy Lạp và Rome có thể hiển thị dấu vân tay của một thợ làm bánh. Cái nóng và sự khô hạn của Ai Cập cũng sẽ có những xác ướp mà không cần bất kỳ quy trình phức tạp và lâu dài nào. Thật vậy, toàn bộ quy trình ướp xác phức tạp mà chúng tôi xác định rất gần với Ai Cập cổ đại được xây dựng trên Catch-22.

Người Ai Cập tin vào cuộc sống sau khi chết. Quá trình ướp xác rất quan trọng vì bạn cần một cơ thể sống động như thật để tiếp tục. Ướp xác là một nghệ thuật khó và tốn thời gian, sử dụng móc để lôi não ra ngoài qua mũi, và những con dao đặc biệt để mổ bụng lấy nội tạng và các kỹ thuật chuyên dụng để làm khô mô. Tuy nhiên, khi một xác chết chỉ đơn giản được đặt xuống một cái hố nông trong sa mạc, theo truyền thống là số phận của người nghèo, cát nóng và mặt trời rực rỡ đã ướp xác nó một cách tự nhiên.

Người giàu nhấn mạnh vào việc tiền đưa lớn hơn. Nhưng chính hành động đóng các thi thể vào trong những chiếc quan tài tĩnh lặng, tối tăm đã đòi hỏi toàn bộ các kỹ thuật cần thiết để ngăn chặn sự thối rữa và thối rữa.

Vì vậy, ở Ai Cập cổ đại, các đồ tạo tác gần như được mặc định tồn tại. Trong một nền văn hóa bị ám ảnh bởi tính liên tục, điều đó cực kỳ quan trọng, và chính khả năng vượt thời gian đó đã khiến cho việc viết lách trở nên đặc biệt hơn tất cả các nghệ thuật khác. Chữ tượng hình là chữ viết của các vị thần, các văn bản cổ xưa được quy định, và sau đó các vị thần đã ban tặng món quà kỳ diệu này cho loài người. Ngay từ những ngày đầu tiên, Ai Cập đã nhận ra các khả năng.

Một dòng chữ trong đền thờ cùng thời với Tấm đá Rosetta ca ngợi các vị thần “đã tạo ra chữ viết ngay từ đầu” và do đó “khiến trí nhớ bắt đầu.” Nhờ món quà thiêng liêng này, “người thừa kế nói chuyện với tổ tiên của mình” và “bạn bè có thể giao tiếp khi biến ở giữa họ, và một người có thể nghe thấy người khác mà không cần nhìn thấy anh ta”.

Những dòng chữ khắc chủ yếu đề cập đến các vị vua và các vị thần, nhưng những thông điệp trên giấy cói lại hướng tới những điều trần tục và thực tế. “Xin hãy làm cho tôi một đôi xăng đan mới,” ghi một ghi chú từ khoảng năm 1200 trước Công nguyên. Một người khác cùng thời hỏi: “Tại sao bạn không trả lời tin nhắn của tôi? Tôi đã viết thư cho bạn một tuần trước!”

Vào khoảng năm 1240 trước Công nguyên, một người ghi chép cấp dưới đã phàn nàn với người giám sát của mình rằng anh ta đã bị ngược đãi và coi thường. “Tôi giống như một con lừa đối với bạn. Có việc gì thì mang theo lừa.... Nếu có bia, bạn không tìm tôi, nhưng nếu có việc, bạn sẽ tìm tôi.

Một người mẹ đau khổ mắng nhiếc những đứa con vô ơn của mình, và sự cay đắng của bà nói với chúng ta mà không bị pha loãng bởi các thời đại can thiệp. “Tôi là một phụ nữ tự do của vùng đất Pharaoh,” bà tuyên bố trong di chúc vào khoảng năm 1140 trước Công nguyên. “Tôi đã nuôi nấng tám đứa trẻ và cho chúng mọi thứ phù hợp với địa vị của chúng. Nhưng tôi đã già, và họ đã không chăm sóc tôi. Bất cứ ai trong số họ đã giúp đỡ tôi, tôi sẽ để lại tài sản của mình. Nhưng ai bỏ rơi tôi, tôi sẽ không giúp đỡ anh ta.”

Có lẽ kho tàng văn bản cổ lớn nhất được tìm thấy vào năm 1897, khi hai nhà khảo cổ học người Anh tìm thấy vại đồng mảnh giấy cói cao 30 foot phủ đầy cát (và trộn lẫn với các mảnh vụn ngẫu nhiên) ở sa mạc phía nam Cairo. Những mảnh vụn ban đầu đến từ những đồng rác ở thành phố Oxyrhynchus một thời thịnh vượng. (Cái tên này có nghĩa là “thành phố của loài cá mũi nhọn.”) Được bảo vệ bởi sự khô cằn của sa mạc, mực đã giữ được màu đen trong suốt hai nghìn năm.

Nửa triệu mảnh vỡ còn sót lại, một số nhỏ như tem thư, một số lớn như khăn trải bàn. Hầu hết cung cấp cái nhìn thoáng qua của cuộc sống hàng ngày. Một cặp vợ chồng giàu có đã gửi một ngàn bông hồng và bốn ngàn bông hoa thủy tiên cho đám cưới của con trai một người bạn. Một người đàn ông tên là Juda bị ngã ngựa và cần sự giúp đỡ của hai y tá mới lật được người. Những mảnh vụn từ hợp đồng hôn nhân, tử vi và tiểu thuyết ướm át được đưa ra, và một vở kịch vô danh của Sophocles và những đoạn thơ của Sappho cũng vậy.

Nhiều văn bản Ai Cập cổ đại có chất lượng đáng lo ngại, gần như quen thuộc nhưng không hoàn toàn. Các nhà văn mô tả những cảm xúc mà chúng ta nhận ra ngay lập tức nhưng đưa ra quan điểm của họ bằng những hình ảnh nhắc nhở chúng ta, với một sự xúc động, rằng chúng ta đang ở xa nhà. Một bài thơ từ thời vua Tut, khoảng năm 1300 trước Công nguyên, đã mô tả những trở ngại mà một đôi tình nhân trẻ phải đối mặt: “Người yêu tôi ở bên kia / Giữa chúng ta là một khoảng nước / Và cá sấu chờ đợi trên bãi cát.”

Đôi khi văn bản tiết lộ một điều hoàn toàn kỳ lạ và cấm đoán thế giới. Ví dụ, người Ai Cập tin rằng khi một người chết, các vị thần sẽ đặt trái tim của anh ta vào một chiếc đĩa cân và một chiếc lông vũ, tượng trưng cho sự thật, ở chiếc đĩa kia. Nếu trái tim và chiếc lông vũ cân bằng, người đó đã sống một cuộc đời trung thực và có cơ hội đến một loại thiên đường. Tuy nhiên, thất bại trong bài kiểm tra và kết quả không phải là ngọn lửa địa ngục và vĩnh cửu, mà là sự biến mất! Trái tim kể chuyện đã bị ném cho một sinh vật nửa cá sấu, nửa hà mã nuốt chửng nó. *bùm!*



Nghi lễ “Cân não”. Vị thần viết lách Toth đứng ở bên phải, sẵn sàng ghi lại kết quả của bài kiểm tra.

Những tiếng nói thuyết phục nhất có thể đã cất lên ngày hôm qua. Một người ghi chép Ai Cập đã viết nguệch ngoạc sự thất vọng của mình trên một mảnh giấy cói còn sót lại để tìm đường đến Bảo tàng Anh. “ Liệu tôi có những cụm từ không được biết đến,” anh ấy viết, “bằng ngôn ngữ mới chưa được sử dụng, không phải là cách nói đã trở nên cũ kỹ, mà những người xưa đã nói.” Lời than thở được viết vào khoảng năm 2000 trước Công nguyên. Nó có trước Homer cả nghìn năm.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu văn bản tồn tại, nhưng kiến thức về cách đọc nó thì không?

[tôi](#). Các học giả đã học cách đọc chữ viết của người Etruscans, những người đã xây dựng một nền văn hóa thịnh vượng ở Ý hàng thế kỷ trước người La Mã. Nhưng họ không biết ý nghĩa của những âm thanh đó. Trên thực tế, chúng có thể đọc to các âm thanh, nhưng chúng không biết mình đã đọc *To be hay not to be* hay *All cats love Frisky Nibbles* .

CHƯƠNG NĂM

Thật gần mà cũng thật xa

Nếu bạn lùi máy ảnh đủ xa, tất cả các nền văn hóa đều trông giống nhau. Mọi người gặp nhau và yêu nhau; họ khoe khoang và tự đắc; họ chế giễu đối thủ của mình; họ cầu nguyện với vị thần của họ, hoặc một loạt các vị thần; họ sợ chết. Các chi tiết làm cho tất cả sự khác biệt. Người Aztec xé toạc trái tim đang đập của những tù nhân bị bắt trong trận chiến, để xoa dịu các vị thần của họ; Jains quét vĩa hè để bảo vệ bất kỳ con bọ nào mà họ có thể giẫm phải.



Một bức vẽ của một nghệ sĩ Aztec mô tả một linh mục đang lấy một trái tim hiến tế.

Chúng ta biết rất nhiều về người Ai Cập cổ đại, bởi vì họ đã để lại rất nhiều văn bản. Sự cám dỗ là nghĩ rằng chúng ta biết nhiều hơn những gì chúng ta làm. “ Những nghệ nhân uống bia, những người viết thư khéo léo, những quý cô thanh lịch, những quan chức đầy tham vọng và những thợ săn tận tụy—tất cả đều đến nhà sử học Peter Green viết: “Chúng ta tự huyễn hoặc bản thân rằng mình là kiểu người mà chúng ta biết và những người mà chúng ta có thể đã gặp”.

Green nói, nhưng đây là một “nền văn hóa kỳ lạ (không muốn nói là kỳ dị)”.

Điều nhảy qua lại đó— *đây là những người như chúng tôi; đây là những người xa lạ kỳ quái* —đi một chặng đường dài để giải thích sự quyến rũ của

Ai Cập cổ đại. Ai Cập chiếm một vị trí ngọt ngào trong trí tưởng tượng lịch sử của chúng ta. Đủ gần để thu hút chúng ta, đủ xa để mê hoặc.

Chúng ta có thể tưởng tượng việc đặt mình vào quá khứ của người Ai Cập, và khi chúng ta làm vậy, giống như tất cả những người du hành thời gian trên ghế bành, chúng ta gạt những thực tại đen tối sang một bên. Nguy hiểm và khó khăn là những người đầu tiên đi. Không ai mơ mộng quay trở lại buổi bình minh của thời gian hình dung mình đang quần quai, bị xé nát một cách bất lực trong hàm của một con khủng long bạo chúa; không ai tưởng tượng được việc đổ mồ hôi cả đời trong một nhóm làm việc của pharaoh, chuyên chở những khối đá lên một đoạn đường đất.

Làm thế nào để giải thích cho sự hấp dẫn lâu dài của Ai Cập, khi chúng ta coi mọi nền văn hóa cổ đại khác là quá bụi bặm và buồn tẻ để diễn tả? Nói rằng những hình ảnh nổi tiếng nhất của Ai Cập đã trở thành biểu tượng chỉ là tranh luận vòng vo.

Một phần của câu trả lời có thể liên quan đến một vấn đề đơn giản về quy mô. Chúng tôi không bao giờ hoàn toàn lớn hơn bản thân sáu tuổi của mình và kích thước tuyệt đối không bao giờ mất đi sức hấp dẫn của nó. Do đó, khủng long một lần nữa. Mọi bảo tàng lịch sử tự nhiên trên thế giới đều thu hút những đám đông há hốc mồm trước những bộ xương chất đầy phòng, cao đến tận trần nhà. Với các kim tự tháp cũng vậy, nơi mà kích thước khổng lồ (và sự đơn giản trong thiết kế) là bản chất của câu chuyện. Tượng Nhân sư thậm chí còn tốt hơn, không chỉ to lớn (mỗi bàn chân to lớn hơn một chiếc xe buýt chở học sinh) mà còn bí ẩn nữa.

Bí ẩn nhưng không hoàn toàn ngoài tầm với. Chúng ta biết khá nhiều về cuộc sống hàng ngày của người Ai Cập, nhiều hơn những gì chúng ta biết về các nền văn hóa cổ đại khác. Phần lớn lý do, kỳ lạ thay, là chúng ta biết quá nhiều về bức tranh về thế giới bên kia của người Ai Cập. Người Ai Cập cho rằng bạn *có thể* mang nó theo bên mình. Bạn sẽ sống vĩnh viễn trong cơ thể quen thuộc của mình, và bạn sẽ tiếp tục ăn uống và tận hưởng cuộc sống. Và vì thế bức tranh về cái chết của người Ai Cập cung cấp cho chúng ta một bức tranh sống động về cuộc sống của người Ai Cập.

Những ngôi mộ chất đầy ghế và giường, ổ bánh mì, bình rượu, thịt ướp, quần áo, đồ chơi, đồ trang điểm, đồ trang sức. “Đó là,” một nhà sử học viết, “như thể họ đang chuẩn bị đồ đạc cho một chuyến đi đến một nơi mà họ chưa bao giờ đến và không biết phải mang theo những gì, vì vậy họ đã mang theo mọi thứ.”

Văn hóa Ai Cập gắn liền với cái chết, ở một mức độ đáng kinh ngạc. Mọi thứ chúng ta liên kết với Ai Cập - kim tự tháp, xác ướp, lăng mộ, các vị thần, Cuốn sách của người chết - đều liên quan đến việc xua đuổi cái chết, chinh phục nó, hoặc định hướng sang thế giới bên kia. Những lời cầu nguyện và hàng trăm hàng trăm câu thần chú lặp lại một cách ám ảnh chủ đề cái chết không phải là kết thúc. Các pharaoh đã được gửi sang thế giới

bên kia với một câu thần chú ma thuật: “Bạn trẻ lại, bạn sống lại, bạn trẻ lại, bạn sống lại, mãi mãi.”

Người Ai Cập quá bận tâm về cái chết và thế giới bên kia đến nỗi các nhà Ai Cập học cho đến ngày nay vẫn tranh cãi về ý nghĩa của nó. *Tại sao* người Ai Cập bị ám ảnh với việc sống mãi mãi? Có phải vì họ thấy cái chết quá đáng sợ để suy ngẫm, hay vì họ quá say mê cuộc sống đến nỗi không thể chịu đựng được sự kết thúc của nó? Nhà Ai Cập học John Wilson tóm tắt những gì có lẽ là quan điểm phổ biến. “Người Ai Cập tận hưởng cuộc sống của họ. Họ bám vào cuộc sống, không phải với sự tuyệt vọng đến từ nỗi kinh hoàng về cái chết, mà với niềm tin chắc rằng họ luôn chiến thắng và vì vậy sẽ đánh bại chính sự thay đổi của con người.” [TÔI](#)

Thế giới bên kia như người Ai Cập hình dung nó giống như một thiên đường. Toàn bộ vấn đề của việc ướp xác là bạn sẽ cần cơ thể của bạn ở thế giới bên kia; quá trình tạo xác ướp là cách để giữ cho thể chất của bạn nguyên vẹn để bạn có thể tiếp tục như trước đây. [II](#)

Thiên đường của Cơ đốc nhân khắc khổ hơn nhiều, không có chỗ cho thức ăn, đồ uống hay tình dục. (Thay vì, Saint Augustine giải thích, sẽ có hát thánh ca. “Mọi hoạt động của chúng tôi,” anh ấy viết, “sẽ bao gồm việc hát 'Amen' và 'Alleluia.'”) Tuy nhiên, bức tranh thiên đường hàng ngày của phương Tây, nơi chúng ta ôm những người bạn lâu ngày không gặp và ném gậy cho những chú chó yêu quý, không quá khác biệt so với phiên bản Ai Cập.

Chúng ta có thể chỉ ra hàng chục điểm tương đồng về văn hóa như vậy. Một giấy còi cổ xưa, chào hàng phương pháp chữa trị tóc bạc, hói đầu và liệt dương, là người anh em họ gần với thư rác làm tắc nghẽn các hộp thư đến trên toàn thế giới. Một bài luận được viết vào năm 2400 trước Công nguyên đã đưa ra lời khuyên chi tiết và vẫn còn phù hợp về thể loại làm thế nào để hòa hợp với sếp của bạn. “Nếu bạn là khách trong bàn của một người lớn hơn bạn, hãy cười khi người đó cười. Điều đó sẽ làm hài lòng anh ấy, và những gì bạn làm sẽ được chấp nhận.”

Truyện dân gian Ai Cập kể về các nàng công chúa bị nhốt trong tháp, và các anh hùng được ban cho ba điều ước, thậm chí là một vị vua quân trí đã cử sứ giả đi khắp vùng đất để tìm người phụ nữ có chiếc dép xinh đẹp mà ông tình cờ tìm thấy. “Từ những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên Thiên chúa giáo cho đến giữa thế kỷ 19, không có một người đàn ông nào trên trái đất” có thể đọc được những câu chuyện này, nhà Ai Cập học tuyệt vời Barbara Mertz, tuy nhiên, cô ấy lưu ý, bằng cách nào đó, những điểm mấu chốt của chúng đã kết thúc trong “Rapunzel” và “Cinderella.”

Chúng tôi chia sẻ niềm tin và hành động khác trong khoảng thời gian. Chẳng hạn, những người biểu tình vẫn đốt hình nộm của kẻ thù của họ, và những người hâm mộ thể thao đốt áo đấu của những siêu sao đã bỏ rơi họ để đến một thành phố khác. Vua Tut hân đã hiểu một cách hoàn hảo. “Đôi

xăng đan của Tut được trang trí hình tù nhân,” nhà Ai Cập học Robert Ritner nhận xét, “tay cầm gậy của ông với những kẻ thù bị trói, khiến của ông với những kẻ thù bị đánh bại, bệ đặt chân của ông với những tù nhân bị trói. Đơn giản bằng cách xuất hiện trạng thái, và không có nghi thức đặc biệt nào, nhà vua bóp nghẹt và nghiền nát dưới chân những kẻ thù tiềm năng của nhà nước.”

Sự quyến rũ liên tục của Ai Cập vẫn còn những nguồn khác. Câu chuyện Ai Cập dường như đang diễn ra theo cách không đúng với các nền văn minh cổ đại khác. Nhiều công trình khảo cổ đáng kinh ngạc nhất những khám phá có niên đại từ thời gian tương đối gần đây. Bức tượng có thể được ngưỡng mộ nhất trong tất cả, thể hiện Nữ hoàng Nefertiti, chỉ xuất hiện vào năm 1912. Nó nằm trên sàn xưởng vẽ của một nhà điêu khắc, bị lộn ngược và che phủ một nửa trong đồng đồ nát. Lăng mộ của Vua Tut được phát hiện cách đây chỉ một thế kỷ, vào năm 1922. Một trong những kho báu rực rỡ nhất của Ai Cập, con tàu gỗ dài 144 foot được đóng cho pharaoh của Kim tự tháp vĩ đại, vẫn được tìm thấy gần đây hơn. Con tàu của Khufu, đôi khi được gọi như vậy, có thể được dùng để chở ông sang thế giới bên kia. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy con tàu trong một căn phòng dưới lòng đất bên cạnh Kim tự tháp vĩ đại vào năm 1954.

Nhiều nhà Ai Cập học tin rằng vẫn còn nhiều điều nữa sẽ đến. Để trích dẫn một ví dụ từ vô số khả năng, hầu như không có thông tin gì được biết về nghệ sĩ Ai Cập có lẽ được đánh giá cao nhất, một họa sĩ được mệnh danh là “Michelangelo của sông Nile” bởi một nhà sử học lỗi lạc. Anh ấy được biết đến với những bức tranh lăng mộ mà anh ấy đã tạo ra cho một quan chức tên là Nebamun. Chúng mô tả các vũ công, bữa tiệc và cảnh săn bắn, với chi tiết uốn lượn, sống động như thật và có màu sắc rực rỡ.



Vũ công và nhạc công, trong một bức tranh tường từ lăng mộ của Nebamun

Nebamun là một người vô danh, và mọi thứ về lăng mộ của ông đều là một bí ẩn. Không ai biết tên họa sĩ. Không ai biết tại sao một quản trị viên cấp trung lại xếp hạng cống phẩm như vậy. Không ai biết ngôi mộ nằm ở

đâu. (Một kẻ trộm mộ người Hy Lạp đã tìm thấy nó vào những năm 1830 và lấy đi những tấm ván. Anh ta bán chúng cho một nhà sưu tập nhưng sau đó quyết định rằng mình bị trả giá thấp. Hai thập kỷ sau, anh ta chết, vẫn còn cay đắng, chưa bao giờ tiết lộ bí mật của mình.) ngày nay, không ai biết liệu ngôi mộ mất tích của Nebamun có chứa thêm kho báu hay không.

Nếu châu Âu cũng dày đặc những kỳ quan chưa biết như Ai Cập, thì vẫn có những Nhà nguyện Sistine ẩn mình dưới cát và bùn, chờ được khai quật bởi một cậu bé đuổi theo một con chó đã biến mất dưới một cái hố.

Vẻ đẹp của những chiếc vòng cổ bằng đá lưu ly và vòng tay bằng vàng trong những ngôi mộ cổ, vẻ sang trọng của tượng điêu khắc đầu Nefertiti, sự trang nghiêm của trò chơi cờ bàn và con quay, tất cả đều nói lên qua nhiều thời đại và dường như thu hút chúng ta lại gần.

Nhưng hãy nhìn lại. Peter Green đã đúng khi nhắc chúng ta về khía cạnh “quái dị” của Ai Cập. Tiếp xúc liên tục đã làm cho các điểm tham quan chính của Ai Cập trở nên quen thuộc đến mức chúng không còn được coi là kỳ lạ nữa. Kim tự tháp vĩ đại là một tượng đài cho quyền lực tuyệt đối dường như không khác lắm so với Versailles — bất kỳ pharaoh nào cũng có thể là Louis XIV trong một chiếc kilt và dép. Xác ướp là những câu nói sáo rỗng trong phim kinh dị.

Nhưng ngay cả những đặc điểm quen thuộc nhất của phong cảnh cổ đại cũng tỏ ra cực kỳ xa lạ khi chụp cận cảnh. Chúng tôi tự nhủ rằng chúng tôi hiểu khái niệm về các vị vua và sự cai trị của một người và những kẻ chuyên quyền xây dựng tượng đài cho chính họ. Nhưng Kim tự tháp vĩ đại là một tượng đài không giống bất kỳ tượng đài nào khác, một ngọn núi đá cao chọc trời và vô lý trong giả định của nó.

Cao bốn mươi tầng, nó được tạo thành từ hơn hai triệu khối đá. Mỗi chiếc nặng trung bình hai tấn, cao ngang thắt lưng và rộng vài feet. Các khối khớp với nhau gọn gàng đến mức bạn không thể trượt một lưỡi dao giữa bất kỳ hai khối nào. Việc xây dựng ngọn núi đó đã mất hai thập kỷ làm việc cực kỳ vất vả. Một chút số học cho biết các kim tự tháp cần bao nhiêu lao động—trung bình, công nhân có trượt một khối nặng hai tấn vào vị trí năm phút một lần, cả ngày lẫn đêm, trong hai mươi năm.

Có lẽ cả vạn người lao động cùng một lúc, đóng vai những con kiến không ngừng vấp ngã dưới những gánh nặng khổng lồ. [III](#) Công việc không chỉ vô tận mà còn nguy hiểm. Những tảng đá phải được kéo vào vị trí cách mặt đất hàng trăm mét. Khi các khối trượt, chúng nghiền nát tay và chân và đập vỡ hộp sọ. Ngay cả trong những hoàn cảnh tốt nhất, lao động không ngừng nghỉ đã gây ra thiệt hại. Các nhà khảo cổ đã khai quật được bộ xương của công nhân; chúng được đánh dấu bằng xương biến dạng và gai xoắn.

Tất cả công việc này được thực hiện bằng hầu như không sử dụng bất kỳ công nghệ nào ngoài sức mạnh cơ bắp của con người. Người Ai Cập đã xây dựng các kim tự tháp mà thậm chí không sử dụng đến bánh xe—họ không có xe đẩy, không có xe kéo, thậm chí không có bất kỳ cần cẩu hay ròng rọc nào. Các kim tự tháp là một chiến thắng của kỹ thuật xã hội—việc tổ chức lực lượng lao động đó là một kỳ tích vĩ đại—nhưng không phải của kỹ thuật theo nghĩa thông thường.

Đây không phải là một câu hỏi về sự thiếu hiểu biết mà là chủ nghĩa bảo thủ. Người Ai Cập biết về bánh xe, thứ đã được sử dụng ở các đế chế láng giềng trong 5 thế kỷ. Họ đã chọn không sử dụng chúng. (Khoảng một nghìn năm sau kỷ nguyên kim tự tháp, họ bắt đầu chế tạo chiến xa.) Chúng ta có thể nghĩ rằng mình hiểu được sức hấp dẫn của truyền thống và nỗi sợ thay đổi, nhưng văn hóa Ai Cập bảo thủ ở một mức độ mà chúng ta khó có thể hiểu được.

Nghệ thuật làm nổi bật luận điểm. Những hình vẽ giống nhau xuất hiện lặp đi lặp lại trong những ngôi đền được xây dựng cách nhau hai nghìn năm. Tại đây, pharaoh một tay túm tóc kẻ thù của mình và giơ tay kia giáng một đòn mạnh mẽ, và ở đó—cách xa hàng nghìn dặm và hàng nghìn năm—hình ảnh giống hệt nhau tái hiện.

Gần biên giới cực nam của Ai Cập, một bức chạm khắc mô tả pharaoh đang quan sát một hàng tù nhân bất hạnh bị trói vào nhau bằng cổ và hai tay bị trói sau lưng. Trên khắp đất nước, trên bức tường lờ mờ này đến bức tường khác, cùng một hình ảnh xuất hiện trở lại. Đây là nghệ thuật tuyên truyền, giống như một bức vẽ chú Sam với ống tay áo xăn lên và một khẩu súng trường được nắm trong bàn tay lực lưỡng. Nhưng dường như chính bức vẽ đó đã được sử dụng để truyền cảm hứng cho những người lính từ Valley Forge đến Việt Nam và trong hai mươi thế kỷ nữa.

“Những gì họ đã làm là, nhà Ai Cập học Bob Brier nói. “Trở thành một nhà đổi mới trong nghệ thuật không được coi là tuyệt vời. Nếu nó không bị hỏng, đừng sửa nó. Nếu bạn muốn có một bức tượng của một vị thần, bạn đã không nhờ một nhà điêu khắc nào đó nghĩ ra một ý tưởng mới. Bạn lấy bức tượng cũ ra và nói, 'Sao chép nó.'”

“Khi bạn vào viện bảo tàng,” Brier tiếp tục, “bạn có thể nhìn vào một bức tượng từ năm 2500 trước Công nguyên, 1500 trước Công nguyên và 500 trước Công nguyên, và chúng không thực sự khác biệt. Và đó là lý do tại sao bạn có thể nhận ra nghệ thuật Ai Cập trong nháy mắt, bởi vì nó không hề thay đổi.”

Chúng ta có thể nghĩ rằng mình biết tất cả về xác ướp, nhưng câu chuyện đó cũng vô cùng kỳ lạ. Người Ai Cập ướp xác không chỉ con người mà cả động vật, và động vật đông hơn con người hàng triệu. Mèo và chó được ướp xác, linh dương, rắn và khỉ cũng vậy, chưa kể cò quăm, chuột chù, chuột nhắt và thậm chí cả bộ phận.

Một vài trong số những con vật đó là thú cưng yêu quý, được ướp xác để chúng có thể sang thế giới bên kia cùng với chủ của chúng. Tuy nhiên, thông thường, chúng là những con vật linh thiêng; chính xác mục đích của họ là gì vẫn còn âm u. “Nhà Ai Cập học Salima Ikram viết: “Những con vật này thực hiện chức năng giống như một ngọn nến được thắp sáng trong nhà thờ”. “Chúng đóng vai trò là biểu hiện vật chất của một lời cầu nguyện của người hành hương gửi đến thần linh vĩnh cửu.”

Nhu cầu về xác ướp động vật gần như vô độ. Trong thời hiện đại, các nhà khoa học đã khai quật được những nghĩa trang động vật rộng lớn. Tại một khu chôn cất có tên là Saqqara, một nghĩa trang duy nhất mang lại bốn triệu xác ướp ibis. Một nghĩa trang gần đó chứa bảy triệu xác ướp chó. Năm 1888, một nông dân Ai Cập tình cờ phát hiện một nghĩa địa chứa đếm những con mèo ít cổ xưa hơn, được ướp xác, bọc vải lanh. Tạp chí *English Illustrated Magazine* đưa tin: “Không phải một hay hai chỗ này, mà là hàng chục, hàng trăm, hàng trăm nghìn, một lớp, một lớp dày hơn hầu hết các vỉa than, sâu mười đến hai mươi con mèo. Thương mại hiện đại và học thuyết cổ xưa đã hợp lực. Ngay sau phát hiện tình cờ đó, một con tàu chở mười chín tấn xác ướp mèo đang trên đường đến Liverpool, nơi các thương nhân lên kế hoạch bán những xác mèo khô này để làm phân bón.

Sự thờ cúng của động vật đạt “theo đánh giá của nhà Ai Cập học Henri Frankfort; đó là “đặc điểm khó hiểu nhất, dai dẳng nhất và xa lạ nhất đối với chúng tôi” trong niềm tin tôn giáo của người Ai Cập. Frankfort tiếp tục, đó sẽ là một chuyện nếu người Ai Cập chọn tôn vinh sử tử dũng mãnh hoặc đại bàng oai phong, nhưng người Ai Cập thường chọn tôn sùng “những sinh vật khá tầm thường như rết hoặc cóc”.



Con chó (đã bị mất khăn gói) là thú cưng của hoàng gia được chôn cất trong lăng mộ ở Thung lũng các vị vua. Xác ướp mèo và xác ướp cò quăm được đánh số lên tới hàng triệu. Chiếc hộp có hình một bức tượng chuột chù nhỏ (hầu hết đuôi của nó bị mất, nhưng bạn có thể thấy phần đuôi kéo dài qua mép hộp). Một xác ướp chuột chù nghỉ ngơi bên trong.

Vì vậy, đó là khác nhau. Nhưng mặt khác, người Ai Cập cũng giống như chúng ta. Kể từ thời điểm rõ ràng là có một thị trường dành cho các sinh vật ướp xác, những kẻ lừa đảo bắt đầu nhét giẻ rách và mẫu xương vào băng, tạo hình các gói hàng trông giống mèo hoặc chim ưng, sau đó tính giá cao nhất cả tin cho những người bạn đồng hành tạm thời này mãi mãi. .

Cướp mộ cũng vậy, quay trở lại những ngày đầu tiên của lịch sử Ai Cập. Ngay khi người Ai Cập bắt đầu lấp đầy các ngôi mộ bằng vàng và châu báu, những tên trộm đã tự giúp mình để cướp bóc. Tệ hơn nữa, việc chuẩn bị cho thế giới bên kia càng công phu và xa hoa, thì càng có nhiều khả năng những tên trộm sẽ nhận được tin kho báu chỉ chờ bị lấy đi. Sử gia và tiểu thuyết gia Mary Renault than thở: “Những người đàn ông có niềm tin giống như người Ai Cập đã sẵn sàng cướp đi sự sống vĩnh cửu của đồng loại để đánh cắp bùa hộ mệnh của anh ta,” một ánh sáng buồn về bản chất con người. [IV](#)

Nhưng chính bản chất con người, rất dễ uốn nắn, rất cố định và vô cùng đa dạng, mới khiến chúng ta tò mò. “Thơ ca của lịch sử,” Simon Schama từng nhận xét, là “nó nói về những người giống chúng ta về nhiều mặt, nhưng cũng không thể khác hơn.”

Bài học đối với chúng tôi là nhiệm vụ của những người giải mã thậm chí còn khó khăn hơn những gì nó tưởng. Thách thức của họ không chỉ đơn thuần là hiểu một loạt các biểu tượng kỳ lạ và một ngôn ngữ chết mà còn là điều hướng một nền văn hóa kỳ lạ và hoang mang. (Nếu Đá Rosetta bao gồm nhiều văn bản hơn rất nhiều so với thực tế, thì những người giải mã có thể giải mã nó mà không cần đưa ra manh mối từ văn hóa Ai Cập. Nhưng họ cần nhiều tài liệu hơn để làm việc).

Việc tập trung vào văn hóa và lịch sử tạo nên sự khác biệt quan trọng giữa nhiệm vụ của những người giải mã như Champollion và Young với nhiệm vụ của những người đồng cấp giải mã như các thám tử ở Bletchley Park. Các nhà mật mã học trong thời chiến phải đối mặt với áp lực khổng lồ, nhưng ít nhất họ cũng có một vấn đề được xác định rõ ràng để giải quyết. Nhiệm vụ của họ giống như giải quyết một khối Rubik khổng lồ, trong khi đồng hồ tích tắc và thế giới bùng cháy. Thách thức đối với những người giải mã giống như du hành xuyên thời gian đến Con đường tơ lụa vào năm 700 sau Công nguyên hoặc đến Ai Cập vào năm 2600 trước Công nguyên và cố gắng hòa nhập với người dân địa phương.

Nói cách khác, mật mã thời chiến giống như câu đố, có nghĩa là chúng dựa trên thủ thuật và quy trình máy móc. Khám phá thủ thuật và bạn đang trên đường bẻ mã. Nhưng nhiệm vụ của những người giải mã là làm sáng tỏ một bí ẩn đã tiến hóa và phát triển như một sinh vật sống.

Cả hai thử thách đều ghê gớm, nhưng nhiệm vụ của những người giải mã không quá khó khăn. Các mã khó có mục đích; các ngôn ngữ lại khó một cách tình cờ (và còn khó hơn nếu tất cả những người từng biết đọc chúng đều đã chết từ lâu). Thông tin đã được che giấu trong một trường hợp và bị thất lạc trong trường hợp khác.

Tai nạn và ngẫu nhiên hóa ra lại tạo ra nhiều vấn đề hơn cả những kế hoạch xảo quyết nhất. Những tổn thất do tai nạn có thể quá lớn—những vị thần mà chỉ nghe tên thôi đã gây kinh hoàng cho trái tim của những người thờ phượng đang run sợ có thể hoàn toàn bị lãng quên. Nhưng ngay cả một chút truyền thuyết bị lãng quên cũng có thể đặt ra những câu đố khó hiểu. Liệu hàng ngàn năm sau các nhà khảo cổ học có thể đoán được rằng ngày xưa ngày xưa *màu xanh lam* có nghĩa là *buồn bã* hay *màu xanh da trời kia*, dường như ám chỉ một tình trạng hoàn toàn bình thường, có nghĩa là *yêu điên cuồng*? Các học giả tương lai sẽ tìm ra những gì một con mèo có thể muốn bằng lưỡi? Hay tại sao vai lạnh và cá trích đỏ?

Những người giải mã như Young và Champollion hầu như phải là những người ứng biến trước khi họ trở thành bất cứ thứ gì khác. Một văn bản cổ xưa có thể là bất cứ thứ gì—một hóa đơn thuế, một lời cầu nguyện, một bài thơ. Đối với những người giải mã, khả năng vô hạn đó gây thêm khó khăn nhưng cũng rất thú vị. "Luôn luôn có sự phấn khích của cuộc rượt đuổi," Peter Parsons, một trong những người có thẩm quyền cao về những mẫu giấy cói được tìm thấy chôn cất ở Oxyrhynchus, nói. "Mở một hộp giấy cói chưa được xuất bản, và bạn không bao giờ biết mình có thể tìm thấy gì... Giấy cói mới của bạn có thể mang đến cho bạn những bài thơ Hy Lạp chưa được biết đến; nó có thể đưa ra bằng chứng duy nhất về sự lạm phát của giá lúa vào thời kỳ đỉnh cao của Đế chế La Mã."

Thông điệp quân sự là đơn giản bằng cách so sánh. Những người phá mã trong thời chiến chơi trò chơi của họ trên một lĩnh vực hẹp. Họ có thể chắc chắn rằng một giao dịch bị chặn tin nhắn không phải là một sonnet hoặc biên lai bán hàng. Có thể nói là *Tấn công lúc bình minh*, hoặc *Rút lui ngay lập tức*. Cũng không có gì bí ẩn về ngôn ngữ mà một thông điệp được viết - Đức quốc xã giao tiếp bằng tiếng Đức, người Nhật bằng tiếng Nhật. (Hãy tưởng tượng các trò chơi ô chữ sẽ khó hơn biết bao nhiêu nếu câu trả lời có thể bằng bất kỳ ngôn ngữ nào, kể cả ngôn ngữ đã chết.)

Ngay cả với sự trợ giúp của những gợi ý nặng nề như thế này, việc giải mã là một công việc khó khăn. Kẻ giết người hàng loạt có tên là Zodiac đã gửi cho cảnh sát một tin nhắn được mã hóa, chế nhạo vào năm 1969 và 51 năm trôi qua trước khi một nhóm các nhà khoa học máy tính phá được nó vào năm 2020. Tất cả những ai cố gắng giải mã mật mã của Zodiac—báo chí đều tung tin đó trên trang 1—biết rất rõ cách tìm từ trong tiếng Anh, và họ có một số ý tưởng, từ những ghi chú chế giễu khác, về loại từ cần tìm.

Và nhiều nhà giải mã tương lai có thể tranh thủ các tiểu đoàn máy tính trong cuộc săn lùng.

Mặc dù vậy, nhiệm vụ này cực kỳ khó khăn bởi vì không thể nói được Zodiac đã xáo trộn thông điệp của anh ấy như thế nào (nó có chạy ngược lại không? Nó có chạy chéo và bỏ qua mọi chữ cái khác không?) hay làm cách nào anh ấy ghép các ký hiệu với các chữ cái (một hình vuông liền có nghĩa là A? Nó có nghĩa là A lần đầu tiên nó xuất hiện và J từ đó trở đi?). Nhóm cuối cùng tỏ ra thành công đã dành hàng giờ liền để thuyết phục các chương trình máy tính của họ thử nghiệm một cách sắp xếp khác của các ký hiệu của thông điệp, một cách gán ký hiệu khác cho các chữ cái. Không có gì. Không có gì nữa. Hàng trăm hàng ngàn thí nghiệm và vẫn không có gì. Cuối cùng, vào một buổi sáng tháng 12 năm 2020, hai cụm từ— *cố gắng bắt tôi* và *phòng hơi ngạt*— đã khớp vào vị trí, giống như những con lật đật trên ổ khóa liên hợp.

Đó mới chỉ là một sự khởi đầu, nhưng có vẻ như rõ ràng là các nhà mật mã đang làm tốt công việc của họ. Và, thực sự, mã đã bị phá trong hai ngày nữa, mặc dù bản thân Zodiac không bao giờ bị bắt.

H E R > 9 J ^ V P X I ☉ L T G ☉ G
N 9 + B ☐ O ☐ D W Y · < ☐ K 7 ☐
B X ☐ M + u z G W ☐ ☐ L ☐ ☐ H J
S 9 9 ▲ ^ J ▲ ☐ V ☉ 9 O + + R K ☉

Những dòng đầu tiên của mật mã Zodiac, bắt đầu bằng, “Tôi hy vọng bạn sẽ có nhiều niềm vui khi cố gắng bắt được tôi.”

Bất chấp tất cả những gì họ phải chống lại, những người viết mã vẫn có một lợi thế khác so với những người giải mã. Họ biết ngay nếu họ đã đi sai. Nếu quá trình giải mã của họ tạo ra một chuỗi vô nghĩa, họ biết rằng họ cần phải thử lại. Nhưng một bản dịch đầu tiên của một đài tưởng niệm Ai Cập, từ thời trước Rosetta, đã bắt đầu, “ Tinh thần và nguyên mẫu tối cao truyền những đức tính và món quà của nó vào linh hồn của thế giới thiên văn.” Mỗi từ của bản dịch được cho là đó hóa ra chỉ là tưởng tượng—các chữ tượng hình chỉ đơn giản đưa ra tên của một pharaoh—nhưng không ai biết điều đó trong suốt 150 năm.

Việc kiểm tra tốt nhất về sự khác biệt giữa người giải mã và người giải mã văn học đến từ một cặp nhà văn đặc biệt có khả năng khám phá chủ đề này. Whitfield Diffie là một nhà phân tích mật mã đã kết hôn với một nhà Ai Cập học tên là Mary Fischer. Họ đồng ý rằng nhiệm vụ của người giải mã khó hơn nhiều. “ Họ viết, “Để dàng lần theo dấu vết bằng đầu ngón tay của một người, nhưng dấu vết tâm trí đã sáng tác ra chúng lại là một vấn đề khác.”

Vấn đề là bạn cần phải hiểu những bộ óc đó, ít nhất là ở một mức độ nào đó, thì mới có hy vọng hiểu được cách viết của họ.

[I.1.](#) Một số nhà khảo cổ học tin rằng chúng ta đánh giá quá cao mức độ suy nghĩ của người Ai Cập về cái chết. Ở Ai Cập cổ đại, các thị trấn thường mọc lên trên vùng đất màu mỡ, ẩm ướt, trong khi các ngôi mộ và nghĩa trang bị đẩy xuống rìa sa mạc. Kết quả là, những di tích phong phú nhất và được bảo quản tốt nhất là những di vật liên quan đến cái chết. “Điều này đã cho chúng tôi một cái nhìn rất méo mó về văn hóa,” nhà Ai Cập học Richard Parkinson viết. “Hãy tưởng tượng nếu chỉ có các nghĩa trang thành phố được bảo tồn từ nước Anh thời Victoria.” (Các thuật ngữ lịch sử như *Thời kỳ đồ đá* có thể phản ánh cách hiểu sai tương tự. Chúng ta nói về “Thời kỳ đồ đá” bởi vì các di vật bằng đá là thứ duy nhất tồn tại cho đến ngày nay. Đối với tất cả những gì chúng ta biết, tổ tiên thời kỳ đồ đá của chúng ta đã sử dụng hàng ngày các món ăn bằng gỗ và giày da.)

[II.](#) Bất chấp những cuốn sách nổi tiếng, người Ai Cập không tin vào luân hồi. Nếu họ nghĩ rằng linh hồn có thể tìm thấy một ngôi nhà trong một cơ thể mới, thì sẽ không có lý do gì để bận tâm đến việc ướp xác cơ thể cũ.

[III.](#) Những người lao động là những người đàn ông tự do. Trái ngược với những gì “mọi người đều biết”, các kim tự tháp không được xây dựng bởi nô lệ. Và các kim tự tháp đã được xây dựng một nghìn năm trước thời đại của Môi-se và các bệnh dịch và sự chia cắt của Biển Đỏ, thậm chí còn cho rằng có sự thật lịch sử đối với những câu chuyện trong Kinh thánh. Vì vậy, có thể nói, niềm tin rằng những nô lệ người Do Thái đã xây dựng các kim tự tháp dưới sự chỉ huy của một quân đốc là hoàn toàn sai lầm. Sai lầm phát sinh một phần từ những bộ phim lỗi thời của Hollywood như *Mười Điều Răn của Cecil B. DeMille* và một phần từ hàng trăm mẫu văn hóa chung của chúng ta. Chẳng hạn, vào lễ Vượt Qua hàng năm, người Do Thái nhớ lại rằng họ “đều làm nô lệ cho Pha-ra-ôn ở Ai Cập”. Có thể họ - các nhà sử học có xu hướng không nghĩ như vậy, mặc dù có những người phản đối - nhưng bất cứ điều gì họ đang làm ở Ai Cập, đó không phải là việc xây dựng các kim tự tháp.

[IV.](#) Tại sao ăn cắp? Ai Cập là một xã hội không dùng tiền mặt mà chạy theo hàng đổi hàng, không phải tiền xu hay tiền giấy. Nhưng những tên trộm đã xuất hiện trong lịch sử từ lâu trước khi phát minh ra tiền. Thị trường chợ đen phát triển mạnh ngay cả trong các nền kinh tế dựa trên hàng đổi hàng. Tất cả những gì cần thiết là một người coi trọng những gì người khác sở hữu.

CHƯƠNG SÁU

Anh Hùng Chinh Phục

Một lễ kỷ niệm lớn ở Paris vào ngày 10 tháng 12 năm 1797, một đám đông điên cuồng tụ tập để ăn mừng chiến thắng mới nhất của Napoléon. Anh ấy vừa giành được một loạt chiến thắng ở Ý, và anh ấy đã trở lại Pháp với tư cách một siêu sao. Đám đông người xem hét lên trong niềm hân hoan. Các diễn giả đã khen ngợi Napoléon. “Thiên nhiên đã cạn kiệt mọi quyền năng của mình trong việc tạo ra Bonaparte,” một quan chức tuyên bố, và ông tiếp tục tuyên bố rằng câu hỏi duy nhất là liệu Napoléon giống Socrates hơn hay giống Caesar hơn.

Đó là quan điểm hoàn toàn phù hợp với suy nghĩ của chính Napoléon. Anh ta thực sự là một anh hùng chinh phục và tham vọng gần như điên cuồng. Dù chỉ mới 28 tuổi, ông đã dẫn dắt bản thân khi biết rằng Alexander Đại đế đã xây dựng đế chế rộng lớn của mình ở tuổi 30. Thời gian đang gấp rút. Tiếp theo là gì?



Bức tranh này vẽ Napoléon, ở tuổi 27, dẫn quân của mình đến chiến thắng trước quân đội Áo. Đó là năm 1796, hai năm trước khi ông xâm lược Ai Cập.

Có lẽ một cuộc xâm lược của nước Anh? Napoléon đã dành hai tuần vào tháng 2 năm 1798 tại các thành phố cảng của Pháp để đích thân phỏng vấn các thủy thủ, những kẻ buôn lậu và ngư dân để xác định tỷ lệ cược. Anh miễn cưỡng quyết định nhìn đi chỗ khác.

Chẳng mấy chốc anh đã có quyết định của mình. “Châu Âu nhỏ bé không có đủ để cung cấp,” ông tuyên bố. “Chúng ta phải lên đường tới Phương Đông; đó là nơi đạt được tất cả vinh quang lớn nhất.

Mỗi khám phá khảo cổ học là một mớ hỗn độn của những sự trùng hợp ngẫu nhiên, những tình cờ may mắn và những cơ hội bị bỏ lỡ. Ví dụ, Cuốn sách Biển Chết xuất hiện vào năm 1947 vào một ngày như bao ngày khác, khi một người chăn cừu Bedouin đang tìm kiếm một con dê lạc thì tình cờ nhìn thấy một cái lỗ trên vách đá. Rải rác trên vách đá có nhiều hang động, nhưng hầu hết các lối vào đều nằm trên mặt đất. Lỗ hổng này nhỏ hơn những lỗ hổng khác và cao hơn trên vách đá. Cậu bé ném một hòn đá vào bóng tối. Tiếng dội lại không phải là tiếng một hòn đá đập vào tường như mọi người có thể mong đợi, mà là một tiếng loảng xoảng sáng hơn, the thé hơn, giống như tiếng một hòn đá đập vào một cái bình bằng đất sét.

Và vì vậy nó đã được chứng minh. Bên trong hang, chàng chăn cừu trẻ tuổi tìm thấy một dây hũ lớn bằng đất sét, một số hũ có những cuộn giấy bí ẩn bên trong. Hóa ra chúng là những bản viết tay tiếng Do Thái cổ hơn bất kỳ bản văn Kinh thánh nào được biết đến hàng nghìn năm trước. Những chiếc bình và những văn bản cổ xưa của chúng đã nằm trong bóng tối, không bị xáo trộn và không được đọc trong suốt hai nghìn năm.

Việc phát hiện ra lăng mộ của Vua Tut, có lẽ là phát hiện ngoạn mục nhất trong lịch sử khảo cổ học, cũng thật may mắn. Nó có thể không bao giờ xảy ra nếu một quý tộc người Anh tên là Lord Carnarvon (sống ở Lâu đài Highclere, nay nổi tiếng là Tu viện Downton) đã không được bác sĩ khuyên rằng mùa đông ở Anh quá khắc nghiệt đối với lá phổi yếu ớt của ông. Họ đề nghị ông đến thăm Ai Cập, vào thời điểm đó là một điểm đến thời thượng dành cho những người giàu có nhưng yếu đuối.

Carnarvon làm theo lời khuyên. Nhưng những bữa tiệc bắn súng và bữa tối trang trọng sớm mất đi sức hấp dẫn. Carnarvon chuẩn bị cho những trò chơi mới. Anh tình cờ gặp Howard Carter, một nhà khảo cổ học thành đạt nhưng kém may mắn, người đang cố gắng kiếm sống bằng cách bán tranh màu nước và hướng dẫn khách du lịch. Cả hai hợp tác với nhau, Carnarvon là người bảo trợ và Carter là nhà thám hiểm. Vào một ngày tháng 11 năm 1922, họ kinh ngạc nhìn vào một căn phòng chôn cất chứa đầy vàng đã bị niêm phong ba mươi thế kỷ trước.

Trong trường hợp của Phiến đá Rosetta, tình huống không lường trước được đã khiến toàn bộ câu chuyện chuyển động là sự ham muốn vinh quang của Napoléon.

Đối với những người muốn xây dựng đế chế, Ai Cập từ lâu đã trở thành một mục tiêu dễ thấy. Nó yếu, và nằm ở vị trí thuận lợi, ở giao lộ của Châu Âu, Châu Phi và Trung Đông. Năm 1798, Pháp và Anh ở giữa một loạt cuộc đối đầu kéo dài nửa vòng trái đất. “Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu vào năm 1793,” nhà sử học John Ray nhận xét, “và kéo dài cho đến Trận chiến Waterloo năm 1815.”

Nước Anh đã có Ấn Độ. Có lẽ Pháp có thể lấy Ai Cập, như một đối trọng? Không ai có thể hoàn toàn đồng ý về những gì Pháp sẽ làm với quyền sở hữu như vậy. Ai Cập sẽ đóng vai trò là căn cứ để tấn công người Anh ở Ấn Độ? Có lẽ nó sẽ trở thành thuộc địa giải thưởng trong một đế chế ở nước ngoài? Hay một trung tâm thương mại quốc tế sẽ lấp đầy kho bạc của Pháp?

Những câu hỏi như vậy hóa ra không quan trọng lắm. Tốt nhất là nắm bắt cơ hội hôm nay và sắp xếp các chi tiết vào ngày mai, đặc biệt là vì tham vọng cá nhân đóng một vai trò lớn trong câu chuyện như chính trị toàn cầu. Đối với Napoléon, người có ước mơ luôn kết hợp lợi ích của quốc gia với vinh quang cho bản thân, Ai Cập đã chứng tỏ một sự cám dỗ không thể cưỡng lại. Ấn Độ đã từng là một giải thưởng lấp lánh; Napoléon coi Ai Cập là một viên ngọc quý không kém phần lộng lẫy mà ông ta có thể giật lấy để lấy vương miện của mình.

Vào ngày 20 tháng 5 năm 1798, ông lên đường với tư cách là người đứng đầu hạm đội hải quân lớn nhất từng được tập hợp để chinh phục Ai Cập.

Điều quan trọng đối với câu chuyện của chúng tôi, kế hoạch của Napoléon cho Ai Cập đã mở rộng ra ngoài việc chinh phục lãnh thổ mới. Ông đã mang theo khoảng 160 nhà khoa học, nghệ sĩ và học giả tài năng chói lọi; vai trò của họ sẽ không phải là chiến đấu mà là nghiên cứu, vẽ, ghi lại và đo lường mọi cảnh tượng kỳ lạ mà họ nhìn thấy (khi đó chưa có thứ gọi là nhiếp ảnh). Nhưng *những nhà bác học này*, như tên gọi của họ, sẽ làm được nhiều việc hơn là ghi lại những kỳ quan cổ đại của Ai Cập. Cũng quan trọng không kém, Napoléon nhấn mạnh, họ sẽ thực hiện sứ mệnh văn minh hóa, mang đến cho Ai Cập lạc hậu, ngu dốt tất cả những phương thức hiện đại của nền văn hóa tinh vi nhất thế giới, nước Pháp.

Khi họ khởi hành từ Pháp, cả những người bác học lẫn binh lính đều không biết rằng Ai Cập sẽ là điểm đến của họ. Napoléon đã giữ thông tin đó với tất cả trừ một số ít người được chọn. (Ông ấy thậm chí còn chưa tiết lộ kế hoạch của mình với bộ trưởng chiến tranh của Pháp.) Những người bác học chỉ biết rằng họ đã được chọn để tham gia vào một điều gì đó mới mẻ, bí mật và chắc chắn là rất hấp dẫn. Bị thúc đẩy bởi sự phấn khích, họ đã đánh cược rằng bất kỳ chuyến du ngoạn nào với Napoléon cũng sẽ dẫn đến sự vĩ đại.

Napoléon thực sự quan tâm đến khoa học và công nghệ, và những người bác học là thú cưng của ông. Một số người lỗi lạc nhất trong số họ đã được chọn để đi cùng ông trên con tàu *L'Orient*, soái hạm của hạm đội và là tàu

chiến lớn nhất thế giới. Vào những buổi tối khi các nhà du hành không bị say sóng (Napoléon cũng bị say, và giường của ông được cho là có bánh xe để chữa trị), các nhà bác học ăn tối cùng với Napoléon và các sĩ quan của ông. Napoléon đã trình bày một chủ đề cho buổi tối— *Những giấc mơ có ý nghĩa gì? Hình thức lý tưởng của chính phủ là gì? Có sinh vật sống trên các hành tinh khác?*—và anh ấy đảm nhận vai trò lãnh đạo tại salon đi biển này, trong khi nhấn mạnh rằng ở đây anh ấy chỉ là một triết gia khác. Đồ uống được rót, đèn lồng trên bàn nhấp nháy và cuộc nói chuyện kéo dài đến tận đêm khuya.

Trong khi đó, người Anh không có khuynh hướng đứng bên lề và hoan nghênh tinh thần của Napoléon. Hải quân Hoàng gia, lực lượng hùng mạnh nhất thế giới, dự định đánh chặn và đánh bại hạm đội Pháp trước khi nó đến Ai Cập. Mỗi siêu cường được chỉ huy bởi một nhân vật có tầm vóc gần như huyền thoại. Người Anh được dẫn dắt bởi Horatio Nelson, một mắt, một tay và bất khuất, người Pháp do Napoléon, mới hai mươi tám tuổi, chưa bao giờ bị đánh bại trong trận chiến, và một thiên tài quân sự có tài năng hoàn toàn phù hợp với ông. tham vọng.

Cuộc đụng độ giữa Pháp và Anh bắt đầu gay gắt, với trò chơi trốn tìm sinh tử diễn ra trên khắp Địa Trung Hải. Napoléon đã lên kế hoạch lên đường đến Ai Cập từ Toulon, trên bờ biển phía nam của Pháp, vào sáng ngày 13 tháng 5 năm 1798. (Ông sẽ tham gia trên biển cùng với các lực lượng đã lên đường từ các cảng khác.) Bất chấp bí mật bao quanh sứ mệnh của họ, người Pháp đã tập hợp một hạm đội khổng lồ lên tới 180 tàu và 40.000 binh sĩ.

Napoléon, Nelson không hề hay biết, lợi dụng gián điệp và phỏng đoán, nằm chờ cách Toulon hàng chục dặm ngoài khơi. Nhưng vào đêm ngày 12 tháng 5, một cơn bão nổi lên, khiến các con tàu của Nelson bị phân tán trên hàng trăm dặm ngoài biển khơi. Trong một tuần, người Pháp ngồi kẹt trong cảng chờ gió thổi qua. Cuối cùng khi trời quang mây tạnh, người Pháp nôn nóng ra khơi mà không biết rằng Nelson đã bị cuốn ra khỏi đường đi của họ.

Hai hạm đội sẽ hầu như không bỏ lỡ nhau thêm hai lần nữa. Cuộc gọi gần nhất đến trong sương mù dày đặc ngoài khơi đảo Crete, vào một đêm tối của tháng Sáu. Trong bóng tối, các tàu của Nelson nổ súng đều đặn, như một tín hiệu cho nhau để họ có thể đi cùng nhau. Người Pháp, được bảo vệ bởi bóng tối, lặng lẽ đi thuyền, gần đến mức họ có thể nghe thấy tiếng gầm bị bóp nghẹt của súng Anh.

Bình minh ngày hôm sau thấy từng đoàn tàu đơn độc trên biển vắng. Đánh cược rằng kế hoạch của Napoléon là xâm lược Ai Cập—ngay cả bây giờ, không ai chắc chắn ông ta định làm gì—Nelson vội vã đuổi theo ông ta. Nhưng anh ấy đã di chuyển *quá* nhanh. Khi người Anh đến Alexandria, người Pháp vẫn chưa đến. Hoang mang và tức giận, Nelson lại ra khơi một lần nữa để tiếp tục cuộc tìm kiếm của mình. Người Anh rời Alexandria vào ngày 30 tháng 6 năm 1798. Người Pháp đến đó vào ngày hôm sau.

Ai Cập hùng mạnh như trước đây, thời đại đó đã biến mất từ lâu. Bây giờ đất nước nghèo nàn và bị lãng quên, trên danh nghĩa là do Thổ Nhĩ Kỳ cai trị nhưng thực tế đã bị kiểm soát trong 500 năm bởi một giáo phái hung hãn gồm các chiến binh Hồi giáo có tên là Mamelukes. Sự sắp xếp này có tác dụng tốt đối với người Mamelukes, những người đã moi móc không thương tiếc tầng lớp nông dân Ai Cập, và đối với quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ, người đã bỏ túi một phần trong số “tiền thuế” này. Nhưng đối với bản thân Ai Cập, bị bỏ rơi khi không được khai thác, kết quả thật ảm đạm. “ Nhà sử học Paul Strathern than thở: “Đất nước đã từng xây dựng các kim tự tháp vẫn chưa chứng kiến sự ra đời của xe cút kít.” [TÔI](#)

Trong bối cảnh ảm đạm này, Mamelukes nổi bật như lộng lẫy đã làm số liệu từ thời đại khác. Những kỵ sĩ lộng lẫy, họ cưỡi ngựa ra trận trong những bộ lụa có màu đậm, đỏ, lam và vàng, đội khăn xếp trang trí bằng lông chim cò hoặc đội mũ sắt lấp lánh dưới ánh mặt trời. Mỗi kỵ sĩ mang theo một kho vũ khí nhỏ, tổng cộng có nửa tá, bao gồm súng trường, súng lục có tay cầm nạm ngọc, giáo, rìu, dao găm có cán bằng ngà voi và đại đao.

Khi Mamelukes sà xuống kẻ thù, họ lần lượt rút vũ khí từ bao da và bao kiếm. Họ bắn súng trường khi lần đầu tiên trong tầm bắn, sau đó chuyển sang súng lục khi họ đến gần, sau đó ném giáo hoặc rìu, sau đó chém kẻ thù bằng đại đao, hoặc thậm chí cả hai cùng một lúc, với dây cương nghiêng chặt vào răng. .

Kể từ các cuộc Thập tự chinh, họ đã nổi tiếng về lòng dũng cảm và sự hung dữ không thể cưỡng lại. “ Hãy để người Frank đến,” một thủ lĩnh Mameluke đe dọa, ám chỉ người Pháp. “Chúng tôi sẽ tiêu diệt chúng dưới vó ngựa của chúng tôi.” Những lời khoe khoang của Mamelukes cũng sống động như trang phục của họ. “Tôi sẽ cưỡi ngựa qua chúng,” cũng chính chiến binh đó tuyên bố, “và chặt đầu chúng ra khỏi cơ thể như cắt dưa hấu.”

Nhưng Mamelukes chưa bao giờ phải đối mặt với một kẻ thù hiện đại. Ngày 21 tháng 7 năm 1798, họ đối đầu với quân Pháp cách các kim tự tháp vài dặm. Hai mươi lăm nghìn binh lính Pháp gặp một đội quân có lẽ khoảng ba mươi nghìn người Mamelukes, những người Pháp ngọt ngào trong bộ quân phục len, những người Mamelukes rực rỡ trong những dải lụa cuộn xoáy.

“Hỡi những người lính, bốn mươi thế kỷ lịch sử đang coi thường các bạn,” Napoléon nói với binh lính của mình. Niên đại chính xác - bốn mươi thế kỷ, nếu có, hơi bị đánh giá thấp - nhưng địa lý thì sai. Nếu một người lính nheo mắt về phía chân trời, anh ta gần như có thể nhận ra các kim tự tháp ở đằng xa. Tuy nhiên, một nhà Ai Cập học lưu ý, độ chính xác không phải là tất cả; *Trận Ruộng Dừa* không có vòng quyền.

Thay vào đó, Trận chiến Kim tự tháp, như nó được biết đến, đã hoàn toàn phiến diện. Mamelukes tấn công phòng tuyến của quân Pháp, hét lên tiếng xung trận, cờ hiệu bay phấp phới, áo choàng phấp phới, kiếm lóe sáng, vó

ngựa nện thành thạch. Ngoạn mục, hỗn loạn và cam chịu, đây là “cuộc tấn công kỵ binh vĩ đại cuối cùng của thời Trung Cổ,” theo lời của một sử gia.

Quân Pháp đã bố trí thành các ô trận, đội hình phòng ngự trong đó những người lính cầm súng trường tạo thành một hình vuông rộng sáu người, với pháo binh ở các góc. (Việc tạo thành các ô vuông là công việc khẩn cấp, nhưng nó có một tính năng đánh lạc hướng. Những người lính, những người luôn vui vẻ chế nhạo những người bác học vì sự vô dụng của họ, rất thích thú với mệnh lệnh, “Lừa và bác học vào giữa!”)

Đối với các hậu vệ, thử thách là giữ vững tinh thần. Khai hỏa quá sớm và làn sóng tấn công sẽ hầu như không chậm lại; khai hỏa quá muộn và những con ngựa bị thương, khiếp sợ của kẻ thù sẽ gục xuống hàng ngũ của quân phòng thủ, tạo ra những khoảng trống trong hàng ngũ cho các chiến binh khác.

Khi Mamelukes đến gần, người Pháp đã ngừng bắn, những hàng lưỡi lê của họ như một hàng rào thép. Mamelukes thúc ngựa của họ về phía trước; *bây giờ* người Pháp đã nổ súng, trong những cú vô lễ cắt những kẻ tấn công như những lưỡi hái xuyên qua đám cỏ cao. Tất cả trở nên hỗn loạn, khi đại bác gầm lên, tiếng ngựa hí và những người bị thương ở cự ly gần lao vào nhau bằng dao găm và lưỡi lê.

Trong hai giờ, tất cả đã kết thúc. Có lẽ hai mươi lính Pháp đã bị giết so với khoảng hai nghìn người Mamelukes. Dừng cảm là một điều tốt, nhưng chiến thuật và công nghệ vẫn tốt hơn. Nhiều thập kỷ sẽ trôi qua trước Cuộc tấn công của Lữ đoàn hạng nhẹ, khi sáu trăm kỵ binh cưỡi ngựa lao thẳng vào cái chết của họ, lao thẳng vào một đàn đại bác đang chờ sẵn. Nhưng phán đoán của một sĩ quan Pháp chứng kiến cuộc tấn công chết chóc đó cũng sẽ áp dụng cho lời buộc tội của Mameluke. “Thật tráng lệ, nhưng nó không phải là chiến tranh.”

Người Pháp vui mừng vì chiến thắng của họ (mặc dù hầu hết quân Mamelukes đã bỏ chạy và sẽ chiến đấu trở lại, và từ đây trở đi, họ sẽ sử dụng chiến thuật đánh và chạy thay vì tấn công trực diện). Napoléon đã đến Ai Cập chỉ ba tuần trước đó, và tất cả đang diễn ra đúng như kế hoạch.

Mười ngày sau, tai họa ập đến.

[tôi](#). Làm thế nào quốc gia giàu có nhất trong thế giới cổ đại lại tụt dốc trong thời hiện đại là một câu chuyện dài và phức tạp. Cuộc chinh phạt của nước ngoài và Cái chết đen vào giữa những năm 1300 (có lẽ đã giết chết 40% dân số Ai Cập) đóng những vai trò to lớn.

CHƯƠNG BẢY

Boong cháy

Người Pháp đã để toàn bộ hạm đội thiết giáp hạm của họ thả neo ở Vịnh Aboukir, ngay ngoài khơi Alexandria. Mười ba con tàu ôm sát bờ biển, ở một vị trí lý tưởng để đối đầu với bất kỳ kẻ thù nào. Quá gần bờ để bất kỳ ai có thể lên qua họ ở phía đất liền, quân Pháp di chuyển các khẩu pháo của họ sang phía quay mặt ra biển của con tàu và chờ đợi.

Nhưng người Pháp đã tính toán sai, và sai lầm đó sẽ gây chết người. Vào ngày 1 tháng 8 năm 1798, Nelson đi thuyền đến Alexandria. Người Anh tấn công hạm đội Pháp gần như ngay lập tức và táo bạo, đáng kinh ngạc, từ cả hai phía cùng một lúc. Ứng biến khi đang bay, người Anh đã đánh cược rằng họ có thể tìm thấy vùng nước sâu ở *phía bờ biển* và không được bảo vệ của tàu Pháp. Nó hoạt động, và người Pháp thấy mình bị cuốn vào làn đạn của kẻ thù tấn công đồng thời từ hai phía.

Trong cuộc giao tranh cận chiến tàn khốc, với những con tàu bốc cháy, tiếng đại bác nện ầm ầm và những cột buồm đâm sầm vào boong tàu, cả hai bên đã chiến đấu trong đêm. Tất cả các cuộc chiến đều khủng khiếp, nhưng cận chiến trong tàu gỗ tổ chức những nỗi kinh hoàng đặc biệt. Khi kẻ thù gặp nhau trên biển, họ có chỗ để cơ động, và thậm chí, có lẽ, để chạy trốn.

Không phải ở đây. Trên con tàu *L'Orient của Pháp*, lửa đã bùng lên và chỉ huy, Đô đốc Brueys, đã bị mất chân vì đạn đại bác. Brueys vẫn ở trên boong, garo trên gốc cây, ra lệnh từ một chiếc ghế, cho đến khi một viên đạn đại bác khác nổ tung và giết chết anh ta. Trong lúc đó, Nelson bị một mảnh kim loại bay trúng trán. Một vạt da rơi xuống một bên mắt còn tốt của anh ấy, khiến anh ấy bị mù. “Tôi chết rồi,” anh ta thì thầm khi được đưa đến bác sĩ phẫu thuật của con tàu.

Lúc này ngọn lửa ở *L'Orient* đã vượt ngoài tầm kiểm soát, bốc cháy dữ dội rằng các thủy thủ trên tàu *Anh* cảm thấy ngọn lửa. [Tôi](#) Ngọn lửa lan đến kho đạn, nơi chứa hàng nghìn tấn thuốc súng. *L'Orient* phát nổ, làm nổ tung con tàu khổng lồ thành từng mảnh và tạo ra một tiếng sấm sét có thể nghe thấy từ cách xa 20 dặm. [II](#) Trong vài phút, xác người nát bét, cột buồm gãy, buồm cháy và mảnh đại bác từ trên trời rơi xuống như mưa. 800 trong số 1.000 thủy thủ đoàn của *L'Orient* đã *thiệt mạng*.

Pháp đã bắt đầu ngày mới với mười ba tàu chiến. Đến sáng hôm sau, mười một chiếc đã bị bắt hoặc bị tiêu diệt. “Chiến thắng không phải là một cái tên đủ mạnh cho một cảnh như vậy,” Nelson tuyên bố khi lướt qua cảnh tàn sát. Napoléon, người không có mặt trong trận chiến, đã không nhận được tin báo về thất bại của Pháp cho đến hai tuần sau đó. Anh bình tĩnh đón nhận tin tức. “Có vẻ như các bạn thích đất nước này,” ông nói với nhân viên của mình vào ngày 15 tháng 8 năm 1798. “Thật may mắn, hiện tại chúng tôi không có hạm đội để đưa chúng tôi trở lại châu Âu.”

Người Pháp bị mắc kẹt. Nelson vui mừng. “Quân đội Pháp đang gặp khó khăn,” ông viết. “Họ đang ở trên sông Nile mà không có nguồn cung cấp.” Sẽ không có cứu trợ. Hải quân Hoàng gia kiểm soát Địa Trung Hải, điều đó có nghĩa là không có thực phẩm hoặc vũ khí nào có thể đến bằng đường biển, và thiên nhiên và những người dân địa phương thù địch sẽ làm phần còn lại. “Quân đội của họ đang kiệt quệ vì dịch [kiết lị],” Nelson nói tiếp, “và sẽ không có một nghìn người nào quay trở lại châu Âu.”

Nhưng vào chính thời điểm mà tình hình quân sự có vẻ ảm đạm nhất, cuộc sống của những người bác học đã chuyển biến tốt hơn. Vào ngày 23 tháng 8 năm 1798—chỉ ba tuần sau khi Nelson tiêu diệt hạm đội Pháp—Napoléon chủ trì cuộc họp chính thức đầu tiên của các nhà bác học. Họ tập trung tại một tòa nhà rộng lớn ở Cairo từng là cung điện Mameluke. Napoléon đặt tên cho trụ sở mới của những người bác học là Viện Ai Cập, để tỏ lòng kính trọng với Viện Pháp, ở Paris.

Viện ban đầu từ lâu đã đứng gần đỉnh cao của đời sống trí thức Pháp. Nó từng là ngôi nhà danh dự của các nghệ sĩ, nhà văn và nhà khoa học hàng đầu của quốc gia; được bầu vào hàng ngũ của nó là một trong những vinh dự lớn nhất mà một người Pháp có thể đạt được. Napoléon đã được bầu chọn là thành viên vào năm 1797, và ông ấy rất thích cống nạp. (Ông ấy thường ký các công văn, “Bonaparte, Thành viên của Viện, Tổng tư lệnh.”)

Cung điện được cấu hình lại sẽ trở thành trụ sở của những người bác học, với thư viện, xưởng, nhà in, sở thú, bảo tàng và các khu dành cho toán học, vật lý, nghệ thuật và kinh tế. (Các nhà toán học gặp nhau ở hậu cung của cung điện là gì.) Tại đây, các nhà bác học say sưa lắng nghe các báo cáo về xác ướp, và khoa học đằng sau những ảo ảnh (tất cả những ai đặt chân vào sa mạc đều bị dày vò bởi hình ảnh những hồ nước lấp lánh), ý nghĩa của các chữ tượng hình, và mục đích đôi cánh nhỏ xíu của đà điểu.

Trong nhận thức muộn màng, một chủ đề nổi bật. Tại cuộc họp đầu tiên của viện, một nhà toán học lỗi lạc tên là Gaspard Monge đã được bầu làm chủ tịch. (Đáng chú ý là Napoléon đã chọn vị trí phó tổng thống.) Monge đã có một cuộc nói chuyện ngắn về nhiệm vụ của các học giả khi ông nhìn thấy nó. Khi họ điều tra cuộc sống của người Ai Cập ở nhiều khía cạnh khác nhau, Monge nói với các nhà bác học đồng nghiệp của mình, họ nên đặc biệt cống hiến hết mình “để nghiên cứu các di tích cổ đại, để giải thích

những dấu hiệu bí ẩn này, những trang đá hoa cương này, trên đó có khắc một lịch sử bí ẩn.”

Trong khi đó, bức tranh quân sự ngày càng trở nên tồi tệ. Khi hạm đội của mình bị tiêu diệt, Napoléon đã chuyển hướng suy nghĩ của mình sang chiến đấu trên bộ. Một lần nữa, dường như anh ta đã mô phỏng các kế hoạch của mình dựa trên kế hoạch của Alexander Đại đế—anh ta sẽ hành quân đến Ấn Độ, giống như người tiền nhiệm vĩ đại của mình.

Đây là một tham vọng đáng kinh ngạc (đối với những người mới bắt đầu, Ấn Độ nằm cách khoảng ba nghìn dặm về phía đông), nhưng trong tâm trí của Napoléon, điều đó có thể được tính là một điểm cộng. Cuộc tấn công của Pháp bắt đầu bằng việc thọc sâu vào Syria, nước láng giềng gần nhất của Ai Cập ở phía đông. Điều tồi tệ đã trở thành thảm họa.

Tại Acre, một thành trì của Thổ Nhĩ Kỳ, Napoléon mở hết đợt tấn công này đến đợt tấn công khác. Đối thủ của anh ta là một lãnh chúa có biệt danh là "Đồ tể" vì những hành động khủng khiếp như trát tù nhân vào trong các bức tường pháo đài chỉ để lộ đầu ra, "càng tốt để tận hưởng những cực hình của họ. Cuối cùng, các tù nhân đã chết, một nhân chứng kinh hoàng nhớ lại, những hộp sọ của họ vẫn ở nguyên vị trí như một lời cảnh báo câm. (Ngay cả các đồng minh của Đồ Tể cũng thường xuyên gặp nguy hiểm. Tham mưu trưởng của chính anh ta đã phải chịu đựng, như những hình phạt cho nhiều hành vi sai trái trong nhiều năm, mất mũi, mắt và tai.)

Acre là một thành phố có tường bao quanh nằm trên biển, và đây là cuộc chiến bao vây thuộc loại nghiệt ngã nhất. Người Pháp đã bắn phá những bức tường dày của thành phố bằng hỏa lực đại bác, trong khi người Thổ Nhĩ Kỳ và các đồng minh người Anh của họ trên những con tàu ở ngoài khơi đã bắn trả. Khi tiếng đại bác buộc phải chọc thủng các bức tường, quân Pháp ra lệnh tấn công. Quân xông lên phía trước, một số mang theo thang, trong khi quân trú phòng bắn hạ họ, ném lựu đạn và đổ dầu sôi xuống.

Sau sáu mươi hai ngày vô ích và với cái giá là hai nghìn người chết và bị thương, quân Pháp từ bỏ vòng vây và rời đi. Acre đánh dấu thất bại đầu tiên của Napoléon trong một trận chiến trên bộ.

Quân đội loạng choạng băng qua sa mạc về phía Cairo, bị hành hạ bởi cơn khát và cái nắng thiêu đốt, hành hạ bởi bệnh kiết lỵ và bệnh dịch hạch (cứ sáu binh sĩ Pháp mắc bệnh dịch hạch thì năm người chết). Napoléon đã thấy đủ. Anh ấy sẽ dành cả mùa hè để tìm lý do rời khỏi Ai Cập.

Vào mùa hè năm 1799 đó, mọi thứ xảy ra cùng một lúc. Trong khi Napoléon làm hết sức mình để biến sự thất bại ở Syria thành một câu chuyện chiến thắng huy hoàng—ông đã tổ chức một cuộc diễu hành ăn mừng ở Cairo, hoàn chỉnh với các ban nhạc quân đội và đồng phục mới toanh cho quân đội—Pierre-François Bouchard và người của ông đang chạy đua để xây dựng lại pháo đài ở Rosetta.

Đầu tháng 7, có người nói với Bouchard về viên đá kỳ lạ mà họ đã tìm thấy. Một sĩ quan thông thường hơn có thể không dành thời gian để suy nghĩ về một khối đá được đánh dấu kỳ lạ, đặc biệt là vào thời điểm mọi người đang chạy đua để chuẩn bị cho một cuộc tấn công của kẻ thù. Nhưng Bouchard trẻ tuổi rõ ràng không chỉ là một người đàn ông chiến đấu khác. Mới hai mươi tám, anh ta có hai chứng chỉ - anh ta là một trong những người thông thái của Napoléon và cũng là một người lính. Hai nhóm hoàn toàn không tin tưởng lẫn nhau. Với những bằng cấp khoa học và *quân sự hoàn hảo*, Bouchard là một trong số ít người ở nhà trong cả hai phe.

Anh ấy đã là một người yêu thích công nghệ từ những ngày còn đi học. Trước khi đến Ai Cập, Bouchard đã chiến đấu ở châu Âu với một nhánh hoàn toàn mới của quân đội Pháp, quân đoàn khinh khí cầu, có nhiệm vụ bay lơ lửng trên cao trên chiến trường và báo cáo (bằng cờ tín hiệu) về các chuyển quân của kẻ thù. Ông cũng đã nghiên cứu toán học và kỹ thuật và đã có thời gian làm việc cùng với một số nhà khoa học lỗi lạc nhất của Pháp. [III](#) Không ai có thể tiến xa hơn từ một ông chủ xây dựng “im lặng và đào bới”.

Và vì vậy, mặc dù việc Rosetta Stone xuất hiện hoàn toàn là một sự may mắn, nhưng gần như chắc chắn rằng, nếu một giải thưởng như vậy được tìm thấy, nó sẽ vô lấy nó với niềm hân hoan và thích thú. Bouchard ngay lập tức nhận ra rằng mình đã tìm thấy một kho báu.

Bouchard đã gửi tin tức về việc tìm thấy cho vị tướng chỉ huy của mình, Jacques Menou, người ngay lập tức mang viên đá về lều của mình. Binh lính và các nhà bác học tranh nhau hành động, làm sạch phiến đá, sục sạo khắp mặt đất để tìm những mảnh vỡ còn sót lại, giải quyết các lối đi bằng tiếng Hy Lạp.

Cho đến ngày nay, những mảnh còn thiếu của Rosetta Stone vẫn bị thất lạc. Nhưng bản khắc bằng tiếng Hy Lạp gần như còn nguyên vẹn, và các dịch giả hào hứng lao vào, hy vọng những cụm từ lớn, vang dội, tiếng kèn và sự phô trương. Họ không tìm thấy thứ đó.

Dòng chữ đã được khắc, văn bản tuyên bố ở những dòng mở đầu, vào một ngày tương ứng với năm 196 trước Công nguyên. Thông điệp rất trần tục, chứa đầy những lời tri ân tới “vị vua trẻ tuổi đã trở dậy thay cho cha mình.” Đây là Ptolemy V, người đã được phong làm vua tám năm trước, khi mới 6 tuổi.

Cha anh là một cơn ác mộng, một “thanh niên suy đồi” theo đánh giá của một nhà sử học hiện đại, người đã chiếm lấy một vương quốc hùng mạnh và tước đoạt quyền lực của nó. Trong triều đại chưa đầy hai mươi năm, được đánh dấu bằng “sự thích sự thoải mái, rượu chè, sự phóng đảng và thói văn hoa”, Ptolemy IV đã ra lệnh giết chú, anh trai và mẹ của mình. Đứa con trai nhỏ của ông đã sống sót sau cuộc thanh trừng, nhưng Rosetta Stone chưa bao giờ ám chỉ bất kỳ điều gì trong cốt truyện đen tối này. Thay vì, dòng chữ trên phiến đá ca ngợi vị vua trẻ tuổi, “người có quyền lực to lớn, người đã bảo vệ Ai Cập và làm cho nó thịnh vượng, người có trái tim ngoan đạo

đối với các vị thần, người chiến thắng kẻ thù của mình, người đã làm phong phú thêm cuộc sống của người dân.”

Trên thực tế, quyền lực của Ptolemy rất bất bình. Quân đội của kẻ thù đã tấn công Ai Cập từ bên ngoài; phiên quân đã tấn công từ bên trong. Các linh mục đền thờ, luôn luôn là một khối quyền lực đáng gờm, gần đây đã ám chỉ rằng có lẽ đã đến lúc phải suy nghĩ lại về hiện trạng. Các nhà sử học sau này sẽ gọi thời đại này là “cuộc nổi dậy vĩ đại.” Ai Cập chưa yếu, nhưng đã gặp khó khăn.

Hầu hết các rắc rối phát sinh từ một gốc rễ duy nhất: gia đình cầm quyền là người ngoài cuộc. Họ không phải là người Ai Cập mà là người Hy Lạp. Alexander Đại đế đã chinh phục Ai Cập vào năm 332 trước Công nguyên; sau khi ông qua đời, một trong những vị tướng của ông đã trở thành pharaoh, và Ptolemy là hậu duệ của vị tướng đó. “Một tầng lớp nhỏ gồm các quan chức, thương nhân và binh lính Hy Lạp cai trị nơi trú ẩn,” một nhà sử học lưu ý, “trong khi phần lớn nông dân Ai Cập cày ruộng như họ vẫn thường làm”. Hoàng gia nói tiếng Hy Lạp và thực hiện tất cả các công việc kinh doanh chính thức bằng tiếng Hy Lạp. Họ kết hôn với những người Hy Lạp khác, không phải người Ai Cập. Không ai trong số họ đọc hoặc nói tiếng Ai Cập. Có thể nói, chính những chữ tượng hình trên phiến đá Rosetta tuyên bố những đức tính tốt của Ptolemy sẽ là, Hy Lạp cho anh ta. [IV](#)

Lý do ban đầu để khắc đá là để khẳng định rằng mọi thứ đều ổn ở vùng đất Ai Cập. Pha-ra-ông, mặc dù chắc chắn còn trẻ, nhưng là một nhà cai trị hùng mạnh và là hậu duệ của những nhà cai trị hùng mạnh. Các linh mục, tin nhắn tiếp tục, đã hết lòng ủng hộ anh ta. linh mục và pharaoh cùng nhau tiếp tục thực hiện các nghi lễ tôn giáo lâu đời để tôn vinh các vị thần, với lòng nhiệt thành và tận tâm.

Phiến đá Rosetta gần như quá nặng để có thể nhúc nhích, nhưng nó thực chất là một tấm áp phích tuyên truyền dán trên tường. Mùi hương của một thỏa thuận treo trên văn bản của hòn đá. Đầu tiên là phân kể lại những việc làm tốt của pharaoh. Đối với người Mỹ, kinh cầu nghe giống như mặt trái của danh sách những việc làm sai trái của Vua George trong Tuyên ngôn Độc lập. Thay vì đọc về việc nhà vua “áp thuế lên chúng tôi mà không có sự đồng ý của chúng tôi” và “bãi bỏ những luật có giá trị nhất của chúng tôi”, chúng tôi được nhắc nhở về cách pharaoh “đã giảm một số [thuế] và bãi bỏ hoàn toàn những thuế khác, để mang lại sự thịnh vượng cho quân đội và phần còn lại của dân số trong triều đại của mình.

Đó cũng không phải là tất cả. “Ông phóng thích những người bị cầm tù và những người bị buộc tội trong một thời gian dài”. Và anh đã chiến thắng trên chiến trường. Ông đã khuất phục được các lực lượng nổi loạn, những kẻ đã “phá hoại các đền thờ và từ bỏ đường lối của vua và vua cha”. Sau đó, thật đáng khen ngợi, “ông treo chúng lên cây cọc”.

Những lời khen ngợi tuôn ra, hết dòng này đến dòng khác. Các dịch giả trở nên lo lắng. Điều họ đã hy vọng là một lời khẳng định táo bạo— *Đây là một lời tuyên bố kỳ diệu, bằng các chữ viết khác nhau và các ngôn ngữ khác nhau!* Thay vào đó, họ chỉ tìm thấy những lời khoa trương và vỗ ngực. Hết cụm từ này đến cụm từ khác giờ đây đã mang lại ý nghĩa của nó, nhưng không có kết quả. Tất cả những lời khoe khoang và vênh váo này có liên quan gì đến những dòng chữ khác trên phiến đá?

Rồi đến câu trả lời. Những việc làm của pharaoh vĩ đại đến mức, dòng chữ được tuyên bố ở những dòng cuối cùng, rằng chúng nên được tất cả mọi người biết đến. “Sắc lệnh này sẽ được khắc trên một tấm bia bằng đá hoa cương”—trên một phiến đá—“bằng chữ viết của các vị thần [chữ tượng hình], bằng văn bản [đây rõ ràng là phần bí ẩn ở giữa của văn bản], và chữ viết của người Ionia [Hy Lạp], và nó sẽ được trưng bày trong các đền thờ hạng nhất, đền thờ hạng hai và đền thờ hạng ba, cùng với bức tượng của vị vua trường tồn.”

Một tin nhắn, viết ba cách. (Và rõ ràng là ban đầu có rất nhiều Đá “Rosetta” nằm rải rác khắp Ai Cập.)

Cuộc đua đã bắt đầu!

[tôi](#). Khi *L'Orient* bốc cháy, các thủy thủ Pháp đã nhảy xuống biển và bơi để thoát thân. Một người ở lại là một học viên trung chuyển chín tuổi có cha bị thương và được đưa đến bệnh xá của con tàu. Cậu con trai từ chối rời boong tàu đang cháy mà không có sự đồng ý của cha mình. Cho đến một hoặc hai thế hệ trước, tất cả học sinh đều biết câu chuyện của anh ấy (“Cậu bé đứng trên boong tàu đang cháy / Từ đâu mà tất cả trừ cậu đã chạy trốn; / Ngọn lửa thấp lên đồng đồ nát của trận chiến / Tỏa sáng quanh anh ta trong cũi chết”). Những giai điệu bài hát khiến chúng ta xa rời khung cảnh kinh hoàng không nguôi, với những người đàn ông hú hét, sà nàu loang lỗ vết máu và một con tàu bất lực bốc cháy.

[II](#). Năm 1998, các nhà khảo cổ học dưới nước của Pháp đã tìm thấy những mảnh vỡ của cột buồm *L'Orient* và bánh lái dài 36 foot của nó.

[III](#). Nó không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Khi còn ở Pháp, Bouchard và Nicolas-Jacques Conté, một nhà phát minh lỗi lạc, đã làm việc cùng nhau để tìm ra một lớp phủ mới cho khí cầu quân sự. Họ vô tình gây ra một vụ nổ khiến Bouchard suýt mất thị lực ở mắt phải và phá hủy hoàn toàn mắt trái của Conté. Cả hai người đàn ông tiếp tục không nản lòng. Mãi mãi về sau, Conté tạo ra một nhân vật bảnh bao với một dải vải sẫm màu vắt ngang trán và che mắt trái.

[IV](#). Không ai trong số những người cai trị trong dòng Ptolemaic bận tâm đến việc học ngôn ngữ địa phương. Vào buổi tối trước một trận chiến, Ptolemy IV (cha đẻ của Ptolemy trong Rosetta Stone) đã có một bài phát biểu nhằm tập hợp quân đội theo phong cách “anh em”. Những bài phát biểu không thành công vì một thông dịch viên phải dịch tiếng Hy Lạp của pharaoh sang tiếng Ai Cập.

CHƯƠNG TÁM

Monsieur Smith Ra Đi

Ông là loan tin về phát hiện này. Tại Rosetta, Bouchard chỉ định một nhà bác học khác, một nhà toán học 25 tuổi tên là Michel Ange Lancret, gửi lời tới các học giả đồng nghiệp của mình tại Viện Ai Cập, ở Cairo. Lancret đã chơi nó rất tuyệt. Công dân Bouchard - sau cuộc Cách mạng, mọi danh hiệu đã bị tước bỏ để nhường chỗ cho *công dân* - đã khiến một "khám phá tại Rosetta về một số chữ khắc có thể mang lại nhiều sự quan tâm."

Vào ngày 29 tháng 7 năm 1799, viện bắt đầu phiên họp trong ngày bằng cách đọc to bức thư của Lancret. Không có bản ghi chi tiết nào về cuộc họp còn tồn tại, nhưng như thường lệ, các bài thuyết trình của các nhà bác học trải dài khắp nơi. Nhà động vật học Geoffroy Saint-Hilaire đã mô tả một loài cá nóc nước ngọt mà ông tìm thấy ở sông Nile. Nhà toán học Gaspar Monge đã có một bài giảng ngắn về một bài toán trong hình học cao cấp. Một nhà thực vật học, một kiến trúc sư và một nhà thơ đều có tiếng nói của họ.

Một chức sắc đến thăm đã ngồi xem qua tất cả, không mấy ấn tượng. Thông dịch viên của anh ta đã thì thầm hết mức có thể trong suốt cuộc nói chuyện, nhưng vị khách danh dự phớt lờ tất cả những gì anh ta nghe được, mặc dù anh ta hơi phấn khích khi đề cập đến cá nóc. Ngay cả khi đó, sự nhiệt tình của anh ấy chỉ tồn tại trong thời gian ngắn. "Cái gì! Rất nhiều từ cho một con cá?"

Bài báo đầu tiên mô tả về phát hiện này xuất hiện trên tờ *Courier de l'Egypte*, một tờ báo xuất bản cho quân đội Pháp ở Ai Cập, vào ngày 15 tháng 9 năm 1799. Viên đá là một phiến đá đen đẹp đẽ—“*une pierre d'un très beau granit noir*”—với ba chữ khắc riêng biệt được viết trên ba dải song song, bao gồm mười bốn dòng chữ tượng hình. “Viên đá này rất có ích cho việc nghiên cứu các ký tự tượng hình,” tờ *Courier* đưa tin với sự kiêu hãnh đáng khen ngợi. “Có thể cuối cùng nó sẽ cung cấp chìa khóa.”

Câu chuyện được đăng ở trang 3. Điều này nghe có vẻ như là một tin xấu, nhưng Rosetta Stone không phải là câu chuyện lớn duy nhất trong số báo đó. Ở trang 2, tờ *Courier* đã in một công văn đáng chú ý, chỉ trong bốn câu không có chi tiết. Napoléon đã rời Ai Cập và trở về Pháp! “Sự vắng mặt

của anh ấy sẽ không gây lo lắng cho người Pháp hay người Ai Cập,” tờ *Courier* nói với độc giả của mình, trong một nỗ lực để tỏ vẻ tin tức đáng kinh ngạc như không có gì khác thường. “Mọi hành động của anh ấy không nhằm mục đích gì khác ngoài hạnh phúc của cả hai.”

Vào thời điểm tờ báo đăng câu chuyện của mình, Napoléon đã gần về đến nhà. Anh ta đã trốn đi vào cuối ngày 23 tháng 8 năm 1799, đến một điểm hẹn gần Alexandria, mà không tâm sự với bất kỳ sĩ quan đồng nghiệp nào của mình. Một con tàu nằm đợi ngoài khơi. Chỉ vào phút cuối, chỉ huy thứ hai của Napoléon, Tướng Jean-Baptiste Kléber, mới biết - từ một ghi chú - rằng ông và phần còn lại của quân đội đã bị bỏ rơi.

Giọng điệu trong thông điệp của Napoléon gửi cho Kléber rất tùy tiện và vội vàng, ít giống như lời tuyên bố của một vị tướng hơn là một lời bào chữa từ một người nào đó luồn lách để nhận được lời mời đến một kỳ nghỉ cuối tuần ở nông thôn. “Tin tức từ châu Âu đã khiến tôi quyết định lên đường sang Pháp.” Đó là tất cả. Napoléon sẽ không bao giờ nhìn thấy Ai Cập nữa.

(Bản thân chuyển ra đi đã được lên kế hoạch cẩn thận. Napoléon đã bày ra một câu chuyện cho tình nhân của mình, để nàng khỏi đoán rằng chàng sẽ ra đi mà không có nàng. Điều quan trọng không kém là chàng đã gửi một chiếc rương chất đầy quà - rượu, cà phê, đường và rượu—đến con tàu đang đợi để đưa anh ta đến Pháp. Chiếc rương có dán một nhãn nhét nhẽo nhằm loại bỏ bất kỳ kẻ rình mò mùi hương nào: “*Rót cho ông Smith.*”)

Pháp, trong phần lớn thời đại này, hiếm khi nghe được bất kỳ tin tức nào về tình hình quân đội của họ ở Ai Cập. Ngay khi trở về nhà, Napoléon đã đặt hàng một loạt huy chương kỷ niệm “chiến thắng” Ai Cập của mình. Một người cho thấy anh ta trong một toga La Mã, bay trên các kim tự tháp. Chú thích tuyên bố, “Anh hùng trở về đất nước của mình.” Một bức khác cho thấy ông ngồi trên một cỗ xe do hai con lạc đà kéo, bên trên có khẩu hiệu tuyên bố: “Ai Cập đã chinh phục”.

Điều này là lo lắng, nhưng nó đã làm việc. “Bonaparte đã đắc thắng đến từ Ai Cập,” một nhà sử học lấy làm ngạc nhiên, “và không ai hỏi tại sao quân đội của ông ta không đi theo ông ta.”

Những người lính bị bỏ lại ở Ai Cập chỉ có thể lắp bắp. Ngay từ đầu, Kléber đã coi toàn bộ cuộc mạo hiểm ở Ai Cập là vô nghĩa và liều lĩnh. (Napoléon, ông đã viết trong nhật ký của mình từ rất sớm, là “loại tướng cần thu nhập của 10.000 người đàn ông một tháng.”) Bây giờ, tức giận với những gì anh ta coi là hèn nhát về phía “gã Corsican đó,” Kléber hét lên sự khinh miệt của mình. “Tên khốn đó đã bỏ rơi chúng ta với cái quần đầy cứt của hắn. Khi chúng tôi trở lại châu Âu, chúng tôi sẽ dúi mặt anh ấy vào đó.”

Quá nhiều cho vinh quang.

Napoléon đã mang theo ba trong số những nhà bác học lỗi lạc nhất về Paris. Điều đó khiến quân đội và tất cả những người bác học còn lại vẫn ở Ai Cập. Đối với những người lính, Ai Cập có nghĩa là lưu vong; đối với những

người bác học, đó là sự lưu đầy có kẻ hở. Không thể phủ nhận rằng họ đã bị bỏ rơi, nhưng may mắn là họ có một đất nước hấp dẫn và hầu như chưa được biết đến để khám phá. Họ bắt đầu làm việc một cách miễn cưỡng nhưng kiên trì.

Không giống như những người lính, những người bác học là những người tình nguyện. (Trước sự giận dữ của những người lính, Napoléon đã sắp xếp để họ được trả lương quân sự mặc dù họ không có nghĩa vụ quân sự.) Họ là họa sĩ, nhà toán học, người vẽ bản đồ, bác sĩ, nhà thiên văn học, nhà tự nhiên học, kỹ sư và kiến trúc sư, nhiều người trong số họ vẫn còn nổi tiếng cho đến ngày nay ; không có nhà Ai Cập học, vì chuyên môn như vậy chưa tồn tại. Nhưng có Joseph Fourier, nhà toán học (ngày nay các sinh viên tốt nghiệp vật lý và toán nghiên cứu về chuỗi Fourier và phép biến đổi Fourier); và Vivant Denon, một nghệ sĩ và nhà văn có những bức vẽ về Ai Cập đã được định sẵn để làm say mê thế giới; và Claude-Louis Berthollet, một trong những người nổi tiếng nhất của Pháp hóa học của; [Tôi](#) và Nicolas-Jacques Conté, một nhà phát minh thông minh và tháo vát đến nỗi Napoléon tuyên bố ông có khả năng tái tạo “nghệ thuật của Pháp trên sa mạc của Ả Rập.”

Những nhà bác học nổi tiếng nhất đều ở độ tuổi 40 và 50, nhưng hầu hết đều trẻ hơn rất nhiều. Những nhà bác học điển hình thường trẻ con và háo hức – độ tuổi trung bình của họ chỉ là 25 – và những người trẻ nhất vẫn còn là sinh viên, ở tuổi thiếu niên, được tuyển chọn vì sự thông minh của họ. Ngay từ thời điểm đặt chân đến Ai Cập, họ đã bắt đầu tung tăng khắp đất nước như những cậu học sinh trong chuyến đi thực địa tuyệt vời nhất thế giới.

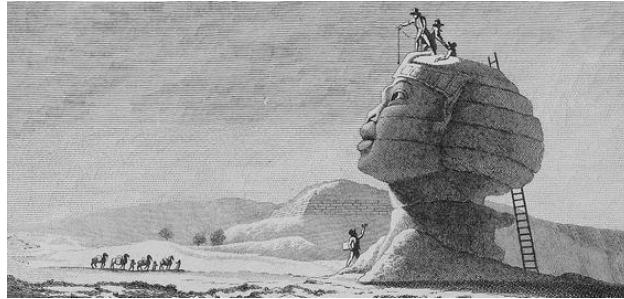
Thường thì những người bác học không có lựa chọn nào khác ngoài việc đi đến nơi quân đội đến, giống như các nhà báo nhúng ngày nay. Họ cúi xuống tập vẽ phác thảo, mải mê với công việc của mình và không để ý đến tiếng đạn rít qua.

Napoléon đã hình dung ra một nhiệm vụ kếp cho các nhà bác học, bao gồm cả việc ghi lại những kỳ quan cổ đại của Ai Cập và thúc đẩy nó tiến vào thời hiện đại. Theo quan điểm của Napoléon, Ai Cập có nhiều cơ hội để cải thiện. người Ai Cập là “ ngu ngốc, khốn khổ và đần độn,” anh ta phàn nàn, và “ở những ngôi làng, họ thậm chí còn không biết kéo là gì.” Đặc biệt đối với những người lính, Ai Cập là một vùng đất hoang “không rượu, không nĩa, và không có nữ bá tước để làm tình”.

Các nhà bác học không thể làm được gì nhiều trước tình trạng khan hiếm nữ bá tước, nhưng Napoléon đã hình dung ra họ đang giải quyết một loạt các dự án kỹ thuật - chẳng hạn như nghĩ ra các kế hoạch để lọc nước từ sông Nile, và tìm ra những cách tốt hơn để sản xuất bia, xây cầu, và xây dựng các nhà máy nước. Nhưng khi Napoléon trở lại Pháp, những người

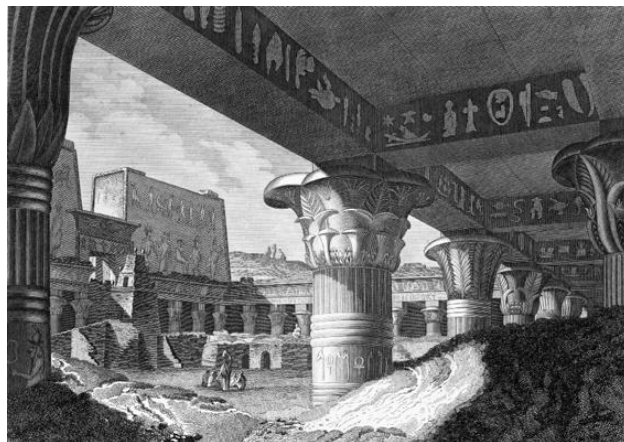
bác học có chỗ để ứng biến, và họ tập trung chú ý vào tài liệu hơn là kỹ thuật.

Họ leo lên các kim tự tháp và lang thang qua những khoảng sân cổ xưa, vẽ những tàn tích của ngôi đền và sao chép những dòng chữ. Hàng trăm dặm ngược dòng sông Nile, họ khám phá những ngôi mộ và đền thờ mà người châu Âu hiếm khi nghe nói đến.



Các nhà bác học trèo lên tượng Nhân sư để đo đạc. Bản vẽ của Vivant Denon, một nghệ sĩ và nhà ngoại giao có những bức phác thảo đã giúp gây ra cơn sốt khắp châu Âu đối với mọi thứ thuộc về Ai Cập.

Đây không phải là một công việc hào nhoáng, vì người Ai Cập thời nay không hề tôn trọng những tàn tích của một nền văn hóa ngoại giáo lâu đời. Chẳng hạn, một ngôi đền tráng lệ một thời ở Edfu, được dùng làm bãi rác. Rác và cát cao gần bằng trần nhà. “Nhà sử học Nina Burleigh viết: “Mỗi buổi sáng, những người nông dân đổ những xô tro bếp và phân lừa, lạc đà và phân ngựa qua các lỗ cửa sổ,” nhà sử học Nina Burleigh viết, “trong khi những người bác học đứng gần đó với sổ phác thảo và thiết bị đo lường của họ.”



Bản phác thảo của Edfu, bởi Vivant Denon

Điều kiện ở những nơi khác thậm chí còn tồi tệ hơn. Trong những ngôi mộ và đền thờ trên khắp Ai Cập, Burleigh viết, “những người bác học đã vấp phải những xác chết và xác ướp còn tươi và trượt trong hàng thế kỷ

phân dơi,” Burleigh viết, “trong những căn phòng tối đến mức họ không thể nhìn thấy bàn tay của chính mình. Bản thân việc làm việc dưới ánh đuốc đã nguy hiểm, vì những khu vực đóng kín từ lâu rất dễ bắt lửa, chứa đầy gỗ, sơn cũ và hắc ín xác ướp.”

Họ đã làm việc, không nản lòng. Có lẽ nhà thám hiểm hăng hái nhất trong tất cả là Denon, nghệ sĩ, mặc dù ở tuổi 51, ông là một trong những nhà bác học lớn tuổi nhất. Là một quý tộc đã sống sót qua Khủng bố, Denon đẹp trai, hóm hỉnh và dường như không thể bị phá hủy. Ông từng là Hiệp sĩ de Non trước Cách mạng, sau đó là Công dân Denon trong những năm 1790 đầy biến động, và Nam tước Denon sau khi Napoléon lên nắm quyền.

Denon có tài năng và sự quyến rũ, nhưng anh ấy chưa bao giờ ổn định trong sự nghiệp. (Ông ấy, trong nỗ lực tóm tắt của một nhà sử học, “một nhà ngoại giao, một nghệ sĩ và một nhà khiêu dâm.”) Ông cũng là bạn thân của vợ Napoléon, Josephine, và ông đã cố gắng biến tình bạn đó thành một vai trò nổi bật với các nhà bác học khi Napoléon tập hợp đội quân xâm lược của mình.

Ở Ai Cập, người tài tử đã trở thành của riêng mình, liên tục mạo hiểm mạng sống của mình để ghi lại những cảnh đẹp mới trong mắt phương Tây. Ngay cả những người lính kỳ cựu cũng phải kinh ngạc trước sự dũng cảm của Denon khi họ nhìn anh phác thảo trên lưng ngựa, bảng vẽ cân bằng trên yên ngựa, không để ý đến những khẩu súng trường đang bắn xung quanh anh. (Ông sẽ xuất bản một tập sách dày đầy các bức vẽ vào năm 1802, ngay sau khi trở về Pháp. *Các chuyến du hành ở Thượng và Hạ Ai Cập* đã mang đến cho người châu Âu cái nhìn đầu tiên về những điều kỳ diệu của Ai Cập, và cuốn sách đã gây được tiếng vang lớn.)

Denon đã đưa ra quan điểm ca ngợi Napoléon, nhưng ông không lãng mạn hóa sự khủng khiếp của chiến trận. “Chiến tranh, làm thế nào rực rỡ bạn tỏa sáng trong lịch sử! Nhưng nhìn cận cảnh, bạn sẽ trở nên gớm ghiếc biết bao, khi lịch sử không còn che giấu sự kinh hoàng trong các chi tiết của bạn nữa.”

Dũng cảm như Denon, đôi khi điều cần thiết không phải là sự dũng cảm mà là sự siêng năng. Denon cũng xuất sắc sau đó. Ngoài việc vẽ các ngôi đền và tượng đài, ông còn sao chép chữ viết trên các bức tường cổ của chúng. “Tôi đã khám phá ra trong mình sức mạnh ý chí cần thiết giữ thái độ thụ động trong khi chỉ vẽ những chữ tượng hình,” anh viết, như thể ngạc nhiên về sự kiên nhẫn của chính mình. Ông có niềm tin rằng một ngày nào đó những chữ khắc này sẽ mang lại ý nghĩa của chúng. Trong lúc đó, anh ta chép đi, cẩn thận nhưng không chút hy vọng rằng chính anh ta sẽ là người tìm ra bí ẩn. “Của tôi là một lòng mộ đạo nồng nhiệt, một lòng nhiệt thành mù quáng cuối cùng chỉ được so sánh với lòng nhiệt thành của những người mặc lễ phục ngày xưa, những người đã cầu nguyện, tin tưởng và tôn thờ bằng một thứ tiếng nước ngoài mà họ không hiểu.”

Bằng một lần kiểm đếm, một phần tư số người bác học đã chết ở Ai Cập; tổng số bao gồm năm người đàn ông thiệt mạng trên chiến trường (mặc dù họ không phải là quân nhân) và mười lăm người trở thành nạn nhân của bệnh dịch hạch và bệnh kiết lỵ. Mặc dù vậy, tinh thần của họ nói chung là cao. Chắc chắn những người bác học có tinh thần tốt hơn những người lính, những người đổ lỗi cho họ về toàn bộ cuộc thám hiểm sai lầm. Những người tốt đang chết trong sa mạc, những người lính càu nhàu, để một số ít trí thức vô dụng có thể nghiên cứu ngâm đốt đá vôi.

Nhưng chính số ít đó sẽ làm nên lịch sử. Những bức vẽ họ thực hiện trong ba năm ở Ai Cập, đặc biệt là các bản sao chữ tượng hình của họ, sẽ chứng minh là vô giá. Quân đội của Napoléon có bốn mươi nghìn người, những người bác học thậm chí không đến hai trăm. Quân đội bị lãng quên. Các nhà bác học mở toang cánh cổng đã bị đóng suốt hai nghìn năm.

[tôi](#). Các nổi tiếng nhất, Antoine Lavoisier, đã bị chém vài năm trước đó, vì phạm tội với Cách mạng Pháp. Một nhà khoa học khác than thở: “Họ chỉ mất một tích tắc để chặt đầu ông ấy, nhưng nước Pháp có thể sẽ không sản xuất được một cái đầu như vậy trong một thế kỷ nữa”.

CHƯƠNG 9

Một người nổi tiếng trong Stone

Các nhà bác học bắt đầu bằng việc xem xét cẩn thận lần đầu tiên phiến đá Rosetta, nhưng họ không đạt được bước tiến nào ngoài việc dịch tiếng Hy Lạp. Các chữ tượng hình “gồm có mười bốn dòng,” từ *Courier* đưa tin, “nhưng một số đã bị mất do phiến đá bị vỡ.” Điều đó là chính xác, nếu không hữu ích, nhưng nó tốt hơn so với mô tả về các đường bí ẩn giữa chữ tượng hình và tiếng Hy Lạp. “Chữ khắc trung gian, bằng các ký tự được cho là của người Syria, gồm 32 dòng.”

Dự đoán đó đã được chứng minh là sai. Hóa ra dòng chữ ở giữa hoàn toàn không phải của người Syria, mà là của người Ai Cập. Chữ viết là một loại tốc ký đã phát triển vì chữ tượng hình quá phức tạp để viết hàng ngày.

Do đó, Phiến đá Rosetta có *ba* chữ khắc—chữ tượng hình, chữ bình dân (tên gọi của chữ viết tốc ký) và tiếng Hy Lạp—nhưng chỉ mang thông điệp bằng *hai* ngôn ngữ: Ai Cập và Hy Lạp. Một bản tương đương thô sơ thời hiện đại sẽ là một ghi chú gồm ba phần: thứ nhất, một vài dòng được viết trang nhã bằng thư pháp xoáy, bằng tiếng Anh; tiếp theo cùng một tin nhắn viết tay vội vàng, cũng bằng tiếng Anh; và cuối cùng, cùng một thông điệp một lần nữa, lần này bằng chữ cái Hy Lạp và bằng ngôn ngữ Hy Lạp.

Bị cản trở bởi Phiến đá Rosetta nhưng háo hức tiếp tục với công việc vẽ và lập bản đồ của họ, những người bác học đã tận dụng tối đa thời gian lưu đầy bắt buộc của họ. Gần như ngay lập tức, họ đã xảy ra trên hai phát hiện trên người. Vào mùa thu năm 1799, tại một thị trấn tên là Minuf ở châu thổ sông Nile, hai kỹ sư trẻ đã phát hiện ra một phiến đá khác có khắc song ngữ, giống như phiến đá Rosetta. Nhưng nó đã bị xói mòn nghiêm trọng đến mức họ phải sao chép vài từ mà họ có thể đọc được (“của vị vua trẻ, luôn luôn,” bằng tiếng Hy Lạp) rồi tiếp tục. Đá là một phiến đá granit đen cao khoảng một foot cao và dài một thước Anh; nó nằm trước một ngôi nhà không có gì đặc sắc, và những người cư ngụ đã sử dụng nó như một chiếc ghế dài.

Một năm sau, một nhà bác học khác đã tìm thấy một Rosetta gần như khác. Nó cũng là đá hoa cương đen, và lớn hơn một chút so với Đá Rosetta. Giống như đồ thật, nó mang những chữ khắc bằng chữ tượng hình, chữ bình dân và tiếng Hy Lạp, nhưng nó cũng đã cũ nát đến mức vô dụng. Nó đã xuất hiện trong một nhà thờ Hồi giáo ở Cairo, nơi nó được dùng làm bệ cửa.

Trong khi đó, quân đội Pháp không muốn gì hơn là bỏ Ai Cập lại phía sau. Tướng Kléber, người thay thế Napoléon, đã cố gắng đàm phán một hiệp ước hòa bình với người Thổ Nhĩ Kỳ và người Anh. Kléber nổi tiếng với quân đội và bên cạnh đó là một anh hùng quân đội được chứng nhận, nhưng anh ta không thấy ích lợi gì trong các trận chiến tiếp theo ở Ai Cập. Khi công việc ngoại giao cho phép, anh ta dành thời gian để quyến rũ tình nhân của Napoléon. (Đây là người phụ nữ trẻ mà Napoléon đã tán tỉnh. Pauline Fourès là một phụ nữ Pháp kết hôn với một trung úy Pháp. Cô ấy đến Ai Cập ngay từ đầu bằng cách lên con tàu của chồng mình, nguy trang trong bộ quân phục.)

Nhưng vào tháng 6 năm 1800, Kléber bị ám sát ở Cairo bởi một người Syria tên là Suleiman al-Halabi. Kẻ tấn công nhanh chóng bị bắt, bị xét xử bởi một tòa án đặc biệt bao gồm toàn người Pháp và bị kết án. Khi tuyên án, các thẩm phán đã làm theo phong tục địa phương. Bản án kêu gọi thiêu đốt bàn tay phải của Suleiman và sau đó cho anh ta bị đóng cọc. Suleiman ngồi im lặng trong khi một quan chức nướng tay trên than nóng đỏ. (Anh ta chỉ phản đối khi một hòn than lăn vào khuỷu tay anh ta, chỉ ra rằng bản án quy định rằng chỉ tay anh ta sẽ bị đốt cháy.)

Tiếp theo, một mũi nhọn dài 9 foot được đóng vào trực tràng của Suleiman cho đến tận xương ức, và chiếc cọc mang tù nhân của nó được cắm xuống đất. Suleiman mất bốn giờ để chết. Trong suốt thử thách, anh ta giữ im lặng ngoại trừ một lần hét lên, "Không có chúa nào ngoài Allah, và Muhammad là nhà tiên tri của anh ta." [TÔI](#)

Người kế vị Kléber là một sự lựa chọn đáng tiếc, một vị tướng tên là Jacques Menou. (Chính Menou là người đầu tiên chiếm giữ Rosetta Stone, với vai trò là sĩ quan chỉ huy của pháo đài ở Rosetta.) Ở tuổi 51, Menou có thâm niên làm lợi cho mình nhưng ít điều khác. Ngược lại với Kléber bánh bao—"thần Mars trong bộ đồng phục," theo lời kể của Napoléon—Menou béo, hói và ăn mặc lôi thôi, và anh ta đi khệnh khạng theo một cách tự cao khiến anh ta không được cả binh lính và nhà bác học ưa chuộng.

Anh ấy không muốn làm gì với các cuộc đàm phán hòa bình. "Tôi sẽ bảo vệ mình đến cùng cực trong các bức tường của Alexandria," ông viết thư cho Napoléon, bằng cách chỉ trích một sĩ quan khác vì sự thiếu nhiệt tình của anh ta. "Tôi biết cách chết, nhưng không biết cách đầu hàng." Anh ấy đã học một cách nhanh chóng. Vào ngày 2 tháng 9 năm 1801, chỉ hơn một năm sau khi nắm quyền chỉ huy, Menou đầu hàng người Anh.

Bây giờ là lúc để đồng ý về các điều khoản hòa bình. Người Anh nhấn mạnh rằng, với tư cách là kẻ chiến thắng, họ được hưởng tất cả chiến lợi phẩm mà người Pháp đã thu được ở Ai Cập. Ngay từ đầu Menou đã coi Rosetta Stone là tài sản riêng của mình. Khi anh ấy tiếp quản Kléber, anh ấy đã khẳng khái đòi ngủ với nó dưới gầm giường của mình. (Theo một số tài khoản, Viên đá Rosetta không được giấu dưới gầm giường của Menou mà dưới đồng đồ đạc của anh ta trong một nhà kho, được che giấu bằng chiếu.)

Người Anh yêu cầu Menou giao cho họ Rosetta Stone. Anh bùng nổ trong cơn thịnh nộ. Kêu gọi anh ta từ bỏ đồ đạc cá nhân của mình là một tai tiếng. “Chưa bao giờ thế giới bị cướp bóc như vậy!”

Các nhà đàm phán người Anh mỉm cười. Cơn thịnh nộ của Menou “khiến chúng tôi rất phân tâm,” một người trong số họ viết, “như thể đến từ một thủ lĩnh cướp bóc và tàn phá.” Menou vẫn kiên trì, khẳng định quyền của mình trong một loạt bức thư phản nộ gửi cho Trung tướng Sir John Hutchinson, tổng tư lệnh người Anh.

Hutchinson đáp lại với ác ý lịch sự. “Khi tôi yêu cầu các bản thảo, tượng, và một số bộ sưu tập và đồ cổ bằng tiếng Ả Rập, tôi chỉ làm theo tấm gương tốt mà bạn đã nêu ra cho châu Âu... Ở tất cả các quốc gia mà người Pháp đã tiến hành chiến tranh, họ đã tịch thu mọi thứ mà họ cho là phù hợp để lấy.”

Điều này thật khắc nghiệt nhưng đúng. Để chọn một trường hợp từ nhiều trường hợp, hai trong số những nhà bác học nổi tiếng nhất, Monge và Berthollet, đã dành thời gian lùng sục các viện bảo tàng và nhà thờ của Ý vào năm 1797, sau cuộc chinh phục của Pháp, để chọn những bức tranh cho Louvre. (Napoleon hoan nghênh “mùa màng bội thu” và vui vẻ lưu ý rằng gần như “mọi thứ đẹp đẽ ở Ý” sẽ sớm đến Pháp.) Nhiều bộ sưu tập của các nhà bác học vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay, trong các phòng trưng bày thời Phục hưng của Louvre.

Nhưng những người bác học ở Ai Cập cũng tức giận như Menou. Họ đã băng qua một vùng đất thù địch để tạo bản đồ và bản vẽ của họ; họ đã tránh được đạn; họ đã trèo lên những chiếc thang và chui vào bên trong những ngôi mộ ngọt ngào, hôi hám, đầy dơi để sao chép những dòng chữ.

Những người thông thái cầu xin Menou hỗ trợ họ. Anh ấy đã không cố gắng hết sức. Các nhà bác học không thể từ bỏ những phát hiện quý giá của họ? Những quả trứng tự mẫn đó đã từng làm gì cho anh ta? “Tôi vừa được thông báo rằng một số người trong số những người thu gom của chúng tôi muốn theo dõi hạt giống, khoáng chất, chim, bướm hoặc bò sát của chúng ở bất cứ nơi nào bạn chọn để vận chuyển thùng của chúng,” ông viết cho Hutchinson, chỉ huy người Anh. “Tôi không biết liệu họ có muốn nhồi nhét mình vì mục đích này hay không, nhưng tôi có thể đảm bảo với bạn rằng nếu ý tưởng đó hấp dẫn họ, tôi sẽ không ngăn cản họ.”

Ba trong số những nhà thông thái đã đến thăm Hutchinson để trực tiếp giải quyết trường hợp của họ. “Bạn đang tước đi các bộ sưu tập, bản vẽ, bản đồ, bản sao chữ tượng hình của chúng tôi,” nhà tự nhiên học Geoffroy Saint-Hilaire hét lên, “nhưng ai sẽ cho bạn chìa khóa của tất cả những thứ này?... Không có chúng tôi, những tài liệu này sẽ chết ngôn ngữ mà từ đó bạn sẽ không nghe thấy gì cả.” Hutchinson lắng nghe, không lay chuyển.

Những người bác học đã rời đi. Đến ngày hôm sau, Geoffroy càng tức giận hơn. “Chúng ta sẽ tự đốt cháy sự giàu có của mình,” anh ta hét lên với đại diện của Hutchinson. “Bạn muốn nổi tiếng. Chà, bạn có thể tin vào lịch sử ghi nhớ điều này: bạn cũng sẽ đốt một thư viện ở Alexandria.

Người Anh cuối cùng đã thỏa hiệp, một chút. Những người bác học có thể giữ bản vẽ và bộ sưu tập của họ. Người Anh sẽ lấy những món đồ lớn, tổng cộng có mười bảy món, nặng tổng cộng năm mươi tấn. Các giải thưởng bao gồm các bức tượng thần với đầu động vật và một chiếc quách khổng lồ được cho là của Alexander Đại đế, đã được tìm thấy trong một nhà thờ Hồi giáo ở Alexandria, nơi nó được dùng làm nhà tắm công cộng. Phần thưởng lớn nhất là Rosetta Stone.

Một sĩ quan người Anh, Tomkyns Hilgrove Turner, có tên là Tomkyns Hilgrove Turner, đã sở hữu viên đá và hộ tống nó đến Anh trên chiếc HMS *L'Égyptienne*. (Đây là một con tàu của Pháp, như cái tên đã chỉ ra, điều đó có nghĩa là chiếc cúp bị bắt đã đi đến ngôi nhà mới của nó trên một con tàu bị bắt.) Turner rất vui khi được đóng vai một diễn viên phụ trong bộ phim. Đá Rosetta là “một chiến tích đáng tự hào về vũ khí của nước Anh,” ông tuyên bố, “không phải cướp bóc từ những cư dân không có khả năng tự vệ, mà có được một cách vinh dự nhờ vận may chiến tranh.”

Và vì vậy, Tấm đá Rosetta nằm một cách đắc thắng trong Bảo tàng Anh ngày nay, chứ không phải ở Louvre. Trong mắt người Anh, không có ngôi nhà nào có thể thích hợp hơn. Bảo tàng đã khoe khoang, vào năm 1761 trong cuốn sách hướng dẫn đầu tiên của mình, rằng bộ sưu tập của nó là “một tượng đài vinh quang lâu dài cho quốc gia.” Đây là một chiếc cúp phù hợp cho bộ sưu tập đầy sao đó.

Nhìn kỹ vào Rosetta Stone ngày nay, bạn có thể nhận ra những chữ in hoa được vẽ trên các mặt của nó. “Bị Quân đội Anh bắt giữ ở Ai Cập năm 1801,” phía bên trái tuyên bố, và phía bên phải, “Được trình bày bởi Vua George III.”

Ngay từ đầu, công chúng đã kêu gọi để xem Rosetta Stone. (Và để chạm vào nó, khi những người phục vụ không nhìn. “Đó là một trong những điều đáng xấu hổ nhất của bảo tàng,” một nhà Ai Cập học của Bảo tàng Anh cho biết, “rằng chúng tôi đã phát hành những tấm bưu thiếp trong nhiều thập kỷ nói rằng viên đá này là đá bazan đen.” Một lần làm sạch gần đây cho thấy rằng Đá Rosetta có màu xám, không phải màu đen và hoàn toàn không phải đá bazan. Nó chuyển sang màu đen vì dầu từ vô số đầu ngón tay đã kết hợp với một lớp sáp bảo vệ đã bị loại bỏ.)

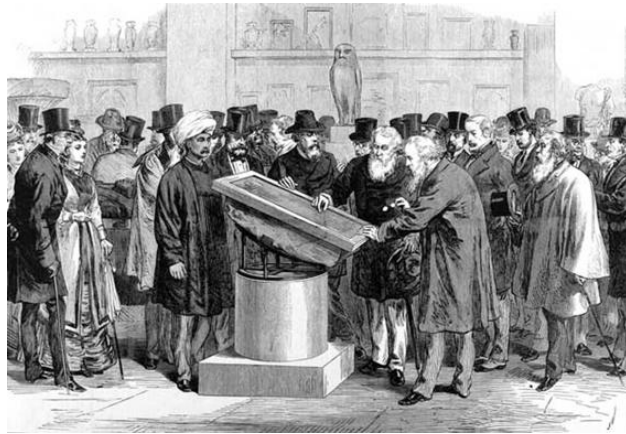
Làm thế nào để giải thích cho niềm đam mê với một khối đá không có gì đặc biệt? Không phải cho thông điệp của nó, đó là trần tục. Không giống như các tài liệu nổi tiếng khác của lịch sử—không giống như Magna Carta chẳng hạn, hay Tuyên ngôn Độc lập hay Tuyên ngôn Nhân quyền—tầm quan trọng của Phiến đá Rosetta không nằm ở nội dung của nó. Điều nâng Rosetta Stone lên vị thế đẳng cấp thế giới là cách trình bày thông điệp đó.

Và, có lẽ, do cách nó được phát hiện. Rosetta Stone là thông điệp cuối cùng trong một cái chai, trôi dạt trên sóng thời gian hơn hai ngàn năm trước khi nó cuối cùng được tìm thấy. Nó không *nhằm mục đích* gửi thông điệp cho khán giả ở xa; ý tưởng là nó sẽ được đọc ngay lập tức, ở vị trí của nó. Nhưng việc phát hiện ra nó rất nhiều thế kỷ sau khi nền văn hóa Ai Cập biến mất khiến nó gần giống như sự giao tiếp đầu tiên từ một thế giới xa lạ.

Sự nổi tiếng của Rosetta Stone chưa bao giờ giảm đi, như một chuyến viếng thăm cửa hàng quà tặng của Bảo tàng Anh đã xác nhận ngay lập tức. Đồ trang sức theo chủ đề Rosetta bán chạy hơn tất cả các món quà khác. Du khách có thể mang về nhà bộ ghép hình Rosetta Stone, cốc cà phê, bông tai, khuy măng sét, vỏ iPhone, cà vạt, áo phông, tạp dề, thẻ bài, sôcôla, khăn trà, bàn di chuột, ô dù, thẻ hành lý. Trong nhiều thập kỷ, miễn là bất cứ ai ở bảo tàng có thể nhớ, tấm bưu thiếp của nó đã bán chạy số một trong cửa hàng quà tặng.

Trong số hàng triệu đồ vật trong bộ sưu tập của Bảo tàng Anh, nó vẫn là món đồ phổ biến nhất. “Đá Rosetta là nhiều học giả kinh điển Mary Beard viết, “như *Mona Lisa* là của Louvre.”

Đối với những người bình thường, bản thân sự nổi tiếng của Rosetta Stone đã là một sức hút - sự nổi tiếng là một thời nam châm, bất kể nguồn gốc của nó. Đối với những nhà giải mã tương lai vào những năm 1800, sự phấn khích dễ giải thích hơn. Bây giờ, cuối cùng, chữ tượng hình sẽ tiết lộ bí mật của họ.



Các học giả nghiên cứu Phiến đá Rosetta năm 1874

[tôi](#). Sau cái chết của Suleiman, bộ xương và hộp sọ của ông được gửi đến Bảo tàng Giải phẫu ở Paris. Ở đó, họ giới thiệu trong một cuộc triển lãm về sinh học; các bảo tàng thời đó đã thu thập hộp sọ của bọn tội phạm và những kẻ phản bội để nghiên cứu những dấu hiệu cho thấy xu hướng giết người và cuồng tín.

CHƯƠNG MƯỜI

Dự đoán đầu tiên

Ngay cả trong những năm trước khi người ta nghe nói về Phiến đá Rosetta, chữ tượng hình là một giải thưởng hấp dẫn đến mức các học giả đã cống hiến hàng chục năm cuộc đời cho chúng. Cuộc đào bới không ngừng trong bóng tối này cùng lắm chỉ tạo ra một tia lửa ở đây hoặc ở đó.

Năm 1798, một trong những nhà ngôn ngữ học lỗi lạc nhất của châu Âu đã xuất bản một cuốn sách dày bảy trăm trang tóm tắt mọi thứ ông đã học được trong quá trình nghiên cứu cả đời về chữ viết Ai Cập. Georg Zoëga là người có thẩm quyền về Ai Cập và ngôn ngữ học. Trong kiệt tác của mình, anh ấy đã thất vọng lưu ý rằng anh ấy mới chỉ bắt đầu giải mã các chữ tượng hình. Anh ấy nói thêm, với niềm tự hào, rằng anh ấy đã làm hết sức mình mà bất kỳ ai có thể làm được. Một năm sau, một người lính Pháp vấp phải phiến đá Rosetta.

Zoëga, người Đan Mạch, là một học giả cẩn trọng. Ngay từ những ngày đầu tiên, Ai Cập học đã là một chủ đề mà gần như mọi thứ đều là suy đoán và hầu như không có gì là sự thật chắc chắn. Zoëga từ chối chơi trò đoán mò đó. Không biết phải tạo ra những chữ tượng hình như thế nào, anh ấy đã cố gắng hết sức có thể, đó là phân loại chúng.

Ông đã đếm được 958 biểu tượng khác nhau. Đây là một nhóm các loài chim, đây là côn trùng, con người, và các giống lai giữa người và động vật, thực vật, công cụ và các hình dạng trừu tượng. Đây là công việc dùng cảm và siêng năng, nhưng nó gần như thối nát trong sự hạn hẹp của nó. Vị học giả uyên bác không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đóng vai một người đàn ông mù chữ đang cố gắng hiểu ý nghĩa của một bộ sưu tập tem bưu chính khổng lồ. Đây là những cái màu đỏ và màu xanh, một số có chân dung và một số có động vật. *Nhưng chúng để làm gì?*

Zoëga đã thu thập được một số thông tin chi tiết thực sự. Ví dụ, ông đã phát hiện ra rằng mặc dù một dòng chữ tượng hình có thể chạy từ phải sang trái hoặc từ trái sang phải, nhưng bạn có thể biết vị trí bắt đầu của một dòng cụ thể bằng cách nhìn. Nhìn vào những bức tranh nhìn sang bên này hay bên kia. Bất cứ nơi nào có một hình nhìn nghiêng, chẳng hạn như một con chim, một con mèo hay một người đàn ông, nó luôn hướng về phía đầu hàng. (Những người giải mã có thể kiểm tra những phỏng đoán như vậy theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ, nếu lề bên trái của văn bản gọn gàng và đồng

nhất nhưng lẽ bên phải của nó co lại và lớn lên một cách bất thường, thì văn bản có thể đã viết từ trái sang phải. hoạt động, nhưng nếu không có bước mở đầu này, bạn không thể biết mình đang cố giải mã từ language hay egaugnal .)



Chữ viết tượng hình có thể chạy từ trái sang phải hoặc, như trong ví dụ này và Phiến đá Rosetta, từ phải sang trái. Các bản vẽ trong hồ sơ luôn hướng về phía đầu của dòng.

Zoëga cũng nhận thấy rằng việc kiểm đếm các chữ tượng hình của mình đã kể một câu chuyện. Loại hệ thống chữ viết nào đã sử dụng 958 ký hiệu khác nhau? Nếu mỗi biểu tượng đại diện cho một từ, thì số lượng quá thấp. Không có ngôn ngữ nào có thể tồn tại với ít hơn một nghìn từ. (Một đứa trẻ năm tuổi thông thường biết mười nghìn từ.) Nhưng nếu mỗi chữ tượng hình đại diện cho một chữ cái, thì số lượng quá *nhều* . Bảng chữ cái thường có hàng chục chữ cái, không phải hàng trăm. Bất cứ điều gì lớn hơn nhiều sẽ là khó sử dụng.

Khả năng duy nhất, Zoëga kết luận, là chữ tượng hình phải là một loại hệ thống hỗn hợp nào đó. Có lẽ một hình vẽ đôi khi đại diện cho một từ và đôi khi đại diện cho một chữ cái, hoặc một âm tiết hoặc một âm thanh. Đó là một dự đoán tuyệt vời. Nhưng, khi nhìn thấy xa về phía trước, anh ấy đã từ bỏ.

“ Những mục tiêu xa hơn mà tôi nghĩ tốt nhất nên để lại cho hậu thế,” Zoëga viết. Anh đưa ra một hy vọng mong manh. Một ngày nào đó, trong tương lai, “khi vô số di tích cổ vẫn còn được tìm thấy ở Ai Cập được khám phá và công bố chính xác, có lẽ chúng ta sẽ có thể học đọc các chữ tượng hình”.

Tương lai đó xuất hiện một năm sau đó, với một phát hiện tình cờ trong một pháo đài ít người biết đến của Ai Cập. Zoëga không bao giờ có thể nhìn thấy những dòng chữ trên Rosetta Stone, chứ đừng nói đến bản thân viên đá. “ Tôi sẽ trân trọng một bản sao chính xác của nó,” ông chán nản viết cho một người bạn vào năm 1800, “nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, tôi không biết cách nào để mua được nó.”

Vấn đề là chiến tranh. Châu Âu rơi vào tình trạng hỗn loạn ngay sau Cách mạng Pháp, khi các quốc vương của Châu Âu liên kết với nhau để chống lại Pháp, vì sợ rằng nếu người dân trong một quốc gia có thể đứng lên và chặt đầu một vị vua, thì các vị vua khác và các cố khác sẽ gặp nguy hiểm. , cũng vậy. Ngọn lửa chiến tranh bùng lên rồi tắt lịm bắt đầu từ những năm 1790 và tiếp tục trong một phần tư thế kỷ. Hòa bình sẽ không đến cho đến năm

1815, khi Napoléon bị đánh bại tại Waterloo. Vào cuối Chiến tranh Napoléon, số người chết đã lên tới bốn triệu—ba triệu binh sĩ và một triệu thường dân.

Trong bối cảnh như vậy, bất kỳ mức độ hợp tác quốc tế nào cũng đáng chú ý. Kỷ lục tốt một cách đáng ngạc nhiên. Một số học giả, như Zoëga, đã bỏ lỡ, nhưng các bản sao của Phiến đá Rosetta đã đến tay nhiều người khác. Các bác học đã dẫn đường. Họ đã ứng biến một số cách để in trực tiếp từ đá ngay khi có nó trong tay. Ngay từ năm 1800, các học giả ở Paris đã bắt đầu nghiên cứu các bản khắc.

Khi Phiến đá Rosetta đến Luân Đôn vào năm 1802, một nhóm có tên là Hiệp hội Cổ vật phụ trách việc sao chép. Trong vòng vài tháng, họ đã gửi bản sao bằng thạch cao của hòn đá cho các nhà ngôn ngữ học ở Oxford, Cambridge, Edinburgh và Dublin, và họ đã phân phát các bản sao của các chữ khắc đến Paris, Rome, Berlin, Hà Lan, Thụy Điển và thậm chí cả Philadelphia.

Trong những năm đầu này, những nhà giải mã tương lai phải đối mặt với hai vấn đề. Đầu tiên là, ngay cả khi họ có quyền truy cập vào Rosetta Stone, thì mười bốn dòng chữ tượng hình của nó cũng không thể cung cấp tất cả manh mối mà họ cần. Những người giải mã và giải mã cần hàng đồng văn bản để phân biệt các mẫu từ các sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chẳng hạn, một tên gián điệp có thể đoán rằng *xyxjib* trong một tin nhắn có nghĩa là *tấn công* (vì nhiều từ tiếng Anh có chữ *T kép* và vì chữ *X* xuất hiện ở đúng vị trí), nhưng nó cũng có thể là *google* hoặc *effect*. Nếu không có nhiều tin nhắn bị chặn hơn, bạn không bao giờ có thể biết được.

Công cụ của những người giải mã là trực giác, kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng, nhưng họ thậm chí không bao giờ có thể bắt đầu nếu không có các nhà khảo cổ học và nhà thám hiểm, những người mang về những bản khắc từ những ngôi mộ mốc meo và những ngôi đền bị chôn vùi một nửa. Điều này làm cho quan hệ đối tác kỳ lạ. *Will Shortz, gặp Indiana Jones.*

Đối với một số tập lệnh, việc thiếu các ví dụ có thể là một yếu tố phá vỡ thỏa thuận. Chẳng hạn, chưa ai từng giải mã được một dạng chữ viết chỉ tìm thấy trên Đảo Phục Sinh, một phần vì chỉ có hai mươi “văn bản” lẻ còn tồn tại. Chữ viết, được gọi là Rongorongo (tên đại khái là “đọc thuộc lòng” trong ngôn ngữ địa phương), hấp dẫn nhưng bí ẩn; các nhân vật trông hơi giống những chú chim và bông hoa bị ép phẳng giữa các trang sách.

Cho đến những năm 1800, các chữ khắc rất phong phú, thường được khắc trên các mảnh gỗ. Nhưng sau đó, các nhóm đột kích để tìm kiếm nô lệ và các thảm họa khác gần như khiến Đảo Phục Sinh trở nên trống rỗng, và mọi kiến thức về cách đọc Rongorongo đều biến mất. Hầu hết các thông điệp bằng gỗ đều được ném vào lửa để sưởi ấm. Kể từ đó, các học giả tuyệt vọng đã bị bỏ lại để nghiên cứu số lượng nhỏ di vật còn sót lại—chẳng hạn như một hình xăm được sao chép từ lâu trên lưng của một người đàn ông và một chuỗi ký tự được khắc trên hộp sọ người.



Một dòng chữ ở Rongorongo

Phiến đá Rosetta có rất ít chữ tượng hình vì nó bị vỡ ở trên cùng. (Đánh giá theo độ dài của hai chữ khắc còn lại, khoảng một nửa số chữ tượng hình bị thiếu. Thomas Young đã gửi một lá thư cho một nhà thám hiểm Ai Cập vào năm 1818, cầu xin ông tìm kiếm mảnh vỡ đã mất ments, “thứ mà, đối với một nhà khảo cổ Ai Cập, sẽ có giá trị bằng kim cương.” Chúng chưa bao giờ được tìm thấy). và tác phẩm điêu khắc với chữ khắc của họ. Họ không thể làm gì khác ngoài việc nhìn chăm chăm không ngừng vào cùng một vài dòng chữ khắc khó hiểu.

Những người giải mã ban đầu phải đối mặt với một vấn đề thứ hai. Đối mặt với hai chữ khắc lạ trên đá, họ phải chọn một chữ để bắt đầu. Vì những lý do tưởng chừng như hoàn toàn hợp lý vào thời điểm đó, tất cả họ đều đã lựa chọn sai lầm.

Một dòng chữ chưa hoàn chỉnh và trông kỳ lạ - đây là chữ tượng hình - và dòng chữ kia gần như hoàn chỉnh và trông giống như một chữ viết thông thường - đây là phần giữa, được gọi là chữ bình dân. Sau đó, hết chữ tượng hình và tiếp tục chuyển sang chữ tượng hình.

Quyết định đó ngay lập tức dẫn đến quyết định khác. Vì bảng chữ cái bình thường trông giống như một chữ viết thông thường và vì các chữ viết bình thường dựa trên bảng chữ cái, nên nhiệm vụ đầu tiên là tìm ra bảng chữ cái bình thường. Nó có vẻ như là một ý tưởng tốt. Trên thực tế, đó là một cú nhảy thẳng từ vạch xuất phát xuống một con mương.

Demotic sẽ chứng tỏ là một nơi để khám phá khi kết thúc nhiệm vụ chứ không phải lúc bắt đầu. Nhiều năm làm việc chăm chỉ cuối cùng đã cho ra mắt nó dưới dạng một tốc ký được giảm bớt, được xây dựng cho tốc độ dựa trên chữ viết tượng hình nhưng trừu tượng và khó nắm bắt hơn nhiều.

Các ký tự tượng hình là những bức tranh, nhiều trong số chúng được thể hiện một cách tỉ mỉ. Những bức tranh đó đã phát triển thành những hình thức đơn giản hóa nhưng vẫn có thể nhận biết được, và những bức vẽ thô sơ đó đến lượt nó lại tạo ra những đường nét và gạch chéo của chữ viết bình dân, hầu như không gợi ý gì về các phiên bản gốc của chúng. Mặc dù không ai có thể biết rõ hơn, demotic *không phải* là một bảng chữ cái.

Nhà ngôn ngữ học tài ba đầu tiên đảm nhận Rosetta Stone là một học giả người Pháp tên là Silvestre de Sacy, giáo sư tiếng Ả Rập ở Paris. De Sacy bắt đầu bằng việc tìm kiếm những cái tên riêng trong những bản khắc về

dân tộc. Ông biết rằng văn bản Hy Lạp nhắc đến Ptolemy một lần nữa và một lần nữa, tất cả mười một lần. Sau đó, bước đầu tiên là tìm kiếm một chuỗi ký hiệu trong biểu đồ dân số xuất hiện nhiều lần, ở đúng vị trí. (Số lượng có thể không khớp chính xác, vì dân tộc thiếu số đôi khi có thể gọi Ptolemy là *vua* hoặc một số cụm từ như vậy.) Bạn có thể làm điều tương tự với các tên khác, chẳng hạn như *Alexander*.

De Sacy đã tìm thấy những trận đấu mà anh ấy đang tìm kiếm. Càng xa càng tốt. Sau đó, ông đã phạm sai lầm. Chữ viết Hy Lạp dựa trên một bảng chữ cái, de Sacy biết, và ông đã tìm cách ghép các tên trong tiếng Hy Lạp với các chuỗi ký hiệu trong tiếng Ai Cập. Số lượng ký tự trong hai tên khớp nhau hoặc gần giống nhau. Đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên, mặc dù de Sacy không biết điều đó. Điều gì có thể tự nhiên hơn là kết luận, như de Sacy đã làm, rằng người Ai Cập cổ đại, giống như người Hy Lạp cổ đại, đã sử dụng một bảng chữ cái?

Sau đó, anh ấy chuyển từ những cái tên sang những từ xuất hiện lặp đi lặp lại trong tiếng Hy Lạp, như *thần* hoặc *vua*, và cố gắng ghép chúng với các chuỗi ký tự xuất hiện nhiều lần trong tiếng Hy Lạp. Một cách ngập ngừng, ông đã xây dựng bảng chữ cái của mình, với các ký tự cụ thể trong tiếng địa phương tương ứng với các chữ cái cụ thể trong tiếng Hy Lạp.

Cách tiếp cận của De Sacy rất nghiêm túc và có phương pháp, nhưng—vì bản demotic không thực tế là chữ cái—ông chắc chắn sẽ thất bại. Năm 1802, ông bỏ cuộc. “Hy vọng lúc đầu tôi ấp ủ,” anh chán nản viết, “đã không thành hiện thực.”

Một nhà ngoại giao Thụy Điển tên là Johan Åkerblad đã thử tiếp theo. Åkerblad từng là học trò của de Sacy và là người có thẩm quyền về ngôn ngữ cổ đại. Anh ấy làm theo chiến lược tương tự như người cổ vấn cũ của mình, cố gắng ghép các tên Hy Lạp với các chuỗi ký tự bình dân và sau đó chuyển sang ghép các từ thông thường. Nhờ sự kiên trì hoặc có lẽ chỉ là may mắn, anh ấy đã giỏi hơn de Sacy trong việc tìm kiếm các trận đấu.

Trớ trêu thay, những thành công của Åkerblad lại khiến anh ta thất bại vì chúng củng cố niềm tin sai lầm của anh ta rằng chữ viết bình dân là chữ cái. (Cuối cùng, hóa ra demotic là một từ lai, giống như “I ♥ NY” nhưng phức tạp hơn. Một số ký hiệu thực sự đại diện cho các chữ cái, nhưng một số khác thì không. Sai lầm mà de Sacy và Åkerblad mắc phải giống như việc đoán rằng đó ♥ là một chữ cái mà nó hơi giống, có lẽ là *M* hoặc *V*.)

Ngay sau đó Åkerblad cũng bỏ cuộc. Mấy chục năm rồi ai cũng vậy. Bị bao vây bởi chiến tranh và bị cản trở bởi câu đố của hòn đá, các nhà ngôn ngữ học của châu Âu đã bế tắc. “Bảy năm đã trôi qua kể từ lần trao đổi cuối cùng về chủ đề này,” một học giả tuyệt vọng viết vào năm 1812, ông thấy “rất ít lý do để mong đợi” bất kỳ tiến triển nào.

Trớ trêu thay, những năm khởi đầu không như ý và những hy vọng tan vỡ đã chứng kiến một làn sóng mê mẩn mọi thứ của người Ai Cập. Sự hờn dỗi của các học giả thất vọng không làm gì để làm chậm nó. Kiến trúc, thời

trang, thậm chí cả kiểu tóc cũng tự làm lại theo xu hướng mới. “ Mọi thứ bây giờ phải là của Ai Cập,” một nhà văn người Anh phàn nàn vào năm 1807. “Các quý cô đeo đồ trang sức cá sấu, và bạn ngồi trên tượng nhân sư trong căn phòng treo đầy xác ướp, và những người đàn ông mũi dài, mũi dài, tay gầy, đen đui là đủ khiến bọn trẻ sợ đi ngủ.”

Những nhà thông thái của Napoléon đã khơi dậy phần lớn sự phấn khích, với những câu chuyện và bức vẽ của họ và những món quà lưu niệm cướp được. Nổi ám ảnh của công chúng ngày càng tăng trong những thập kỷ đầu của những năm 1800, một phần được thúc đẩy bởi một trong những bộ sách công phu và được công bố rộng rãi nhất từng được xuất bản. Bộ truyện, có tiêu đề *Mô tả về Ai Cập* và được sản xuất bởi những người bác học, đã cố gắng nắm bắt tất cả những gì mà các học giả đó đã học được. Giống như các dự án lớn khác, dự án này đã chậm tiến độ nhiều năm. Những tập cuối cùng của nó mãi đến năm 1828 mới xuất hiện, muộn khoảng hai mươi năm. Các tập trước đó đã xuất hiện từng phần, khi chúng đã sẵn sàng.

Cho đến ngày nay, rất ít cuốn sách phù hợp với phạm vi và tham vọng của những tập sách đẹp đẽ này. (Napoleon đã ủy quyền cho chính phủ trang trải chi phí sản xuất.) Hàng nghìn bản khắc trải dài trên những trang giấy khổng lồ có chiều rộng khoảng 3 feet và cao 2 feet. Hai tập bản đồ đi kèm với mười tập văn bản và hình vẽ.

Người mua có quyền lựa chọn mua một ngăn kéo được chế tạo đặc biệt để chứa tác phẩm, với các giá hẹp cho các tập tranh, vẽ các khe tical dành cho văn bản và một mặt trên có thể điều chỉnh tạo thành một giá trưng bày. Một nhà điêu khắc đã làm việc với một thợ làm tủ để trang trí chiếc hộp bằng các cột đền thờ và hoa sen, theo phong cách Ai Cập.

Nhưng khi nói đến Tảng đá Rosetta, các biên tập viên của *tờ Mô tả Ai Cập* thú nhận rằng họ đã không thể tiếp tục câu chuyện. Họ đã có đã tái tạo các chữ khắc trên đá “với sự cẩn trọng tôn giáo”, nhưng ý nghĩa của chúng vẫn nằm ngoài tầm với. Thay vào đó, các biên tập viên đã thực hiện bằng một loạt phép đo chính xác. “Đá là đá granit đen; độ dày trung bình của nó là 0,27 mét, chiều rộng của phần dưới là 0,735 mét.” Điều này đúng nhưng không quan trọng, như thể một người viết tiểu sử đánh giá vị trí của Abraham Lincoln trong lịch sử đã mô tả ông là một người dài 48 tuổi.

Åkerblad, nhà ngôn ngữ học Thụy Điển, người đã tuyên bố mình bị đánh bại bởi Rosetta Stone vài năm trước, lại lên tiếng. Anh tuyên bố mình hoang mang trước *hai* điều bí ẩn. Đầu tiên là Rosetta Stone; thứ hai là tại sao mọi người đã từ bỏ việc cố gắng giải mã nó.

“ Ở lần phát hiện đầu tiên,” Åkerblad viết, “tượng đài Rosetta dường như đã thu hút sự chú ý của tất cả những người có học trên khắp châu Âu.” Kể từ đó, nó đã bị “bỏ quên ở một mức độ không thể tưởng tượng được”.

Một chút bối rối được tuyên bố đó chỉ là cách cư xử tốt. Åkerblad biết rất rõ rằng thất bại của chính ông và của de Sacy đã đe dọa những nhân vật kém cỏi hơn. Theo tính khí, các học giả thường không thoải mái ở giai đoạn trung tâm. Điều đó càng đúng hơn đối với những chuyên gia đã chọn dành

sự nghiệp của mình trong sự cô độc yên tĩnh, trong những kho lưu trữ bụi bặm để giải mã những ngôn ngữ chết.

Tuy nhiên, để công bố một bước đột phá trong câu đố về Hòn đá Rosetta, thì cần phải được *chú ý*. Hầu hết các học giả đều xem qua, nuốt nước bọt trong sự mất tinh thần và quay trở lại với nền tảng phù hợp hơn.

Nhưng vào chính năm Åkerblad than thở, 1814, thời đại của sự lãng quên sẽ kết thúc. Với các nhà ngôn ngữ học chuyên nghiệp bên lề, lĩnh vực này được mở rộng cho những người bên ngoài. Từ đây trở đi, hai thiên tài không chắc chắn sẽ tiếp quản.

[tôi](#). Napoléon đã theo dõi sát sao một số khía cạnh của dự án. Lời nói đầu, được viết bởi nhà thông thái Fourier, tuyên bố rằng tất cả người Ai Cập đều giữ cái tên Bonaparte sống mãi trong trái tim của họ. Napoléon đã sửa đổi văn bản để đọc, “ cái tên bất hủ của Bonaparte.”

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

các đối thủ

Hai anh hùng trong câu chuyện của chúng ta gần như không có điểm chung nào ngoại trừ việc cả hai đều là thiên tài và đều có năng khiếu về ngôn ngữ. Ngay cả thiên tài của họ cũng có hai dạng khác nhau rõ rệt. Thomas Young là một trong những nhà tư tưởng linh hoạt nhất từng sống, háo hức giải quyết mọi thách thức từ bất kỳ hướng nào. Jean-François Champollion là người hoàn toàn chuyên tâm, không muốn tập trung vào bất kỳ chủ đề nào ngoại trừ Ai Cập.

Cả Young và Champollion đều đã sớm bộc lộ tài năng ngôn ngữ của mình. (Champollion trẻ hơn trong hai người, mười bảy tuổi.) Khi họ đến tuổi thiếu niên, mỗi người đều đã học được quá nhiều ngôn ngữ để liệt kê—tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, đối với người mới bắt đầu, cùng với việc tìm hiểu sâu về tiếng Ả Rập, tiếng Do Thái, tiếng Ba Tư, Chaldea, và Syriac.

Đối với hầu hết những người khác, những gì lẽ ra là lao động gian khổ dường như lại giống như một trò chơi đối với những cậu bé phi thường này. Năm mười ba tuổi, Young tìm thấy một cuốn sách bao gồm các phiên bản Kinh Lạy Cha bằng hàng trăm ngôn ngữ khác nhau. Suy ngẫm và so sánh những vòng xoáy và vòng lặp không quen thuộc, anh nhớ lại khi trưởng thành, mang đến cho anh ta “niềm vui lạ thường”. [Tôi](#) Champollion, mười bốn tuổi, từng thấy mình cô đơn và bồn chồn; anh ta cầu xin anh trai gửi cho anh ta một cuốn sách ngữ pháp tiếng Trung để đánh lạc hướng.

Không ai xuất thân từ hoàn cảnh dễ dàng, và tài chính của Champollion sẽ bấp bênh trong suốt cuộc đời của ông. Anh là con của một gia đình không mấy phù hợp, cha là người bán sách và mẹ là người không biết đọc biết viết. Quê hương anh là một vùng nước tù đọng trong tây nam nước Pháp gọi là Figeac. Trong cuộc Cách mạng, những đám đông náo nhiệt đã tràn ngập quảng trường thị trấn và gầm lên tán thành khi lưỡi máy chém lao thẳng về phía nạn nhân mới nhất của nó. Khi còn nhỏ, Champollion sống cách nơi hành quyết vài bước chân; âm thanh của đám đông ồn ào tràn ngập tai đứa trẻ.

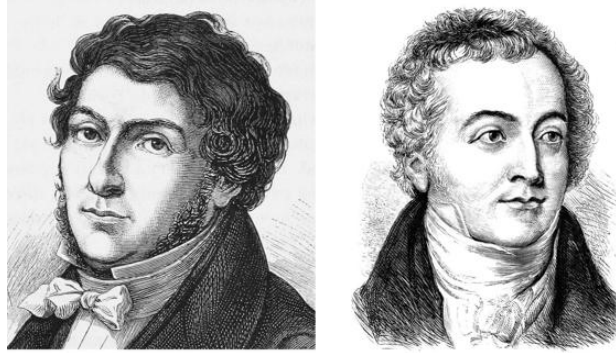
Gia đình của Young chỉ khá giả hơn một chút. Trong một bài tiểu luận tự truyện, anh ấy đã mô tả cha mẹ mình là “chứ không phải ở dưới hơn là ở trên trạm trung bình của cuộc đời,” và anh ấy là con cả trong gia đình có mười người con. Nhưng rồi mọi thứ đã thay đổi. Khi Young còn là sinh viên đại học, một người chú qua đời và để lại cho anh ngôi nhà ở London và khoản thừa kế trị giá 10.000 bảng Anh (tương đương với 1,5 triệu đô la tiền ngày nay). [II](#) Số tài sản đó, ngoài thu nhập của Young với tư cách là một bác sĩ, sẽ giúp anh ấy thoát khỏi những lo lắng về tiền bạc trong suốt phần đời còn lại của mình.

Young và Champollion khác nhau nhiều về tính cách cũng như thu nhập. Young rất bình tĩnh đến nỗi một người bạn suốt đời phải ngạc nhiên rằng anh ta chưa bao giờ thấy anh ta tức giận. Champollion là một anh hùng hoàn hảo cho thời đại Lãng mạn. Dễ bị bộc phát ngây ngất và tâm trạng đen tối, từ thời niên thiếu cho đến những cơn ngất xỉu, anh ta dễ nổi cơn thịnh nộ nổi loạn chỉ bằng một dấu hiệu nhỏ nhất của sự lôi kéo của bộ máy quan liêu. Tùy thuộc vào tâm trạng của anh ấy, các sự kiện hàng ngày đánh dấu một chiến thắng cho các thời đại hoặc một thảm họa.

Young là một sinh vật có lối nói châm biếm, nhướn mày, đào bới ranh mãnh. Ít khi khoe khoang, ông thường tỏ ra khinh thường, như thể thích thú trước những nỗ lực nghiêm túc của những người suy nghĩ chậm chạp và vụng về hơn. Phong cách của Champollion hoàn toàn táo bạo hơn. “Sự nhiệt tình, đó là cuộc sống duy nhất,” anh ấy tuyên bố, và anh ấy đã sống đúng với cương lĩnh của mình. Young đọc tài khoản của những người bác học về Ai Cập và lắc đầu với “những vị thần lỗ bịch” và “những nghi thức mê tín dị đoan”. Champollion cân nhắc về những công trình vĩ đại của các pharaon và tuyên bố rằng, so với người Ai Cập cổ đại, “Người châu Âu chúng tôi là chỉ là những người đàn ông của Lilliput.”

Champollion nghiêng về cánh tả về mặt chính trị — Young ít quan tâm đến chính trị hơn nhiều — và anh ta nhiệt thành chống chế độ quân chủ và chống nhà thờ. (Anh ta đồng ý với Diderot rằng đó sẽ là một ngày hạnh phúc “khi vị vua cuối cùng bị bóp nghẹt bởi ruột của vị tư tế cuối cùng.”) Và không có vị vua nào lại buông thả bản thân như các pharaon, không có vị tư tế nào nắm chắc quyền lực của mình bằng Các linh mục của Ai Cập. Nhưng những cân nhắc như vậy không làm giảm nhiệt tình của Champollion. Ai Cập không phải là một hình mẫu; đó là một điều kỳ diệu. Trên hết, đó là ngôi nhà tự nhiên của tất cả những gì đầy màu sắc, kỳ lạ và kỳ lạ.

Từ thời thơ ấu, Champollion đã thích thú với những câu chuyện giống như trong Herodotus về một vùng đất hỗn loạn nơi thợ làm bánh nhào bột bằng chân chứ không phải bằng tay, và những người chịu tang cạo lông mày khi một con mèo cưng chết, và cá sấu được nuôi như thú cưng và được trang trí bằng hoa tai và vòng tay làm từ vàng nguyên chất.



Jean-François Champollion (trái) và Thomas Young (phải)

Trong các mối quan hệ thân thiết nhất của họ, Champollion và Young vẫn đưa ra nhiều bằng chứng hơn về tính cách trái ngược của họ. Champollion có một người anh trai là đồng minh suốt đời của anh ấy và ngay từ đầu đã là người cố vấn trí tuệ của anh ấy. Hai người gần như luôn sống gần nhau và trao đổi thư từ trong những dịp hiếm hoi khi họ xa nhau. Tình yêu và lòng biết ơn của Champollion tràn ra khỏi trang giấy. “ Từ lâu bạn đã chứng minh rằng bạn và tôi là một người,” ông viết cho anh trai mình vào năm 1818, sau một tai nạn khác và một cuộc giải cứu khác. “Trái tim tôi nói với tôi rằng chúng tôi sẽ không bao giờ là hai người riêng biệt.”

Young không bao giờ phun ra. Anh hết lòng vì vợ, vì trong lập trường, nhưng khi viết tự truyện (ở ngôi thứ ba), ông đã lướt qua cuộc hôn nhân của mình trong một câu duy nhất: “ Năm 1804, ông kết hôn với cô Eliza Maxwell, con gái thứ hai của JP Maxwell, Esq. Quảng trường Cavendish.”

Cả hai người đàn ông đều sớm thấy rằng họ sẽ cần hàng đồng văn bản chữ tượng hình nếu nỗ lực giải mã của họ thành công, nhưng ngay cả ở đây, cách tiếp cận của họ cũng rất khác biệt. Champollion đã cháy hết mình để đến được Ai Cập để có thể tận mắt chứng kiến những điều kỳ diệu của vùng đất phi thường đó. Điều gì có thể tốt hơn là tự sao chép các chữ khắc và thu thập các văn bản của riêng mình? Young không thích những công việc như vậy. Tại sao không thuê “ thay vào đó là một số người Ý hoặc người Malta nghèo khổ để tranh giành Ai Cập”?

Champollion luôn vội vã, luôn tức giận với những kẻ ngu ngốc không biết niềm vui nào lớn hơn trong cuộc sống là đi chậm trên con đường của mình. (Có lẽ sức khỏe không tốt của anh ấy đã tạo nên cảm giác cấp bách suốt đời này.) Anh ấy tin tưởng nhiệt thành vào câu châm ngôn rằng bất cứ điều gì đáng làm đều đáng làm quá mức. Mặc dù sinh ra ở một thị trấn tỉnh lẻ với cha mẹ hầu như không đủ sống, anh ấy đã trở thành giáo sư đại học ở tuổi mười chín. “ Anh ấy lao ra khỏi bóng tối vào ánh sáng như một mũi tên,” một người viết tiểu sử kinh ngạc.

Young, mặc dù cũng đầy tham vọng, nhưng luôn tạo ấn tượng rằng anh ấy có tất cả thời gian trên thế giới. Có lẽ anh ấy đã làm. Young chuyên suy

ngữ của mình sang Ai Cập và chữ tượng hình lần đầu tiên vào mùa hè năm 1814. Khi đó, ông đã đạt được một thành tích chói lọi trong khoa học và y học. Anh ấy đã bốn mươi một tuổi. Champollion sẽ *chết* ở tuổi bốn mươi một.

Vẻ ngoài lạnh lùng của Thomas Young che giấu một trái tim nóng bỏng. Anh ấy hiếm khi cao giọng, nhưng đó là vấn đề về phong cách hơn là tính khí. “Các cuộc điều tra khoa học là một loại chiến tranh,” ông tâm sự với một người bạn, và phe địch bao gồm “tất cả những người cùng thời và những người đi trước”. Mặc dù lớn lên như một Quaker, Young thừa nhận rằng anh ấy rất vui khi đánh bại kẻ thù của mình. “Tất cả những điều này, bạn thấy đấy, giúp tôi sống sót.”

Champollion cũng thích một cuộc thi, và anh ấy không nhút nhát như Young về tình yêu chiến đấu của mình. Anh ấy đã “một nhà bút chiến ác độc,” theo đánh giá của người viết tiểu sử Jean Lacouture, “đôi khi rất hung dữ, một kẻ tranh luận không khoan nhượng, không khoan dung.” Chắc chắn Champollion sẽ phản đối phán đoán đó cũng vậy. Không phải anh ta hiểu chiến, nhưng dù sao thì một người cũng phải tự vệ. “Thật may là tôi được một cái mỏ và móng vuốt,” anh ta thích tuyên bố sau cuộc đụng độ với đối thủ.

Từ năm mười hoặc mười một tuổi, Champollion đã tập trung tài năng đáng gờm của mình vào Ai Cập. (Anh ấy đi theo sự dẫn dắt của anh trai mình, bản thân anh ấy cũng là một sinh viên ngôn ngữ với niềm đam mê với Ai Cập và Phiến đá Rosetta.) Ở tuổi thiếu niên, sở thích đã trở thành nỗi ám ảnh. Champollion xuất bản bài báo đầu tiên của mình, về địa danh ở Ai Cập cổ đại, ở tuổi mười sáu. Ý tưởng là tên của các thị trấn, dòng sông và các đặc điểm địa lý khác có thể cung cấp manh mối về ngôn ngữ của Ai Cập cổ đại, bởi vì tên có thể thay đổi chậm. (Chiến lược của Champollion cũng giống như chiến lược của các nhà ngôn ngữ học ngày nay, những người tìm đến những cái tên như *Massachusetts* và *Minnesota* để có cái nhìn thoáng qua về các ngôn ngữ của người Mỹ bản địa.)

Cậu thiếu niên đã trình bày một bài giảng về những phát hiện của mình trước một nhóm học giả và kết thúc màn trình diễn của mình bằng cách thông báo cho khán giả rằng một ngày nào đó anh ấy sẽ giải mã được các chữ tượng hình. Năm mười tám tuổi, anh bắt đầu học tiếng Coptic một cách nghiêm túc. Đây không phải là ngôn ngữ của Ai Cập dưới thời các pharaoh—ngôn ngữ đó đã chết và bị lãng quên—mà là ngôn ngữ xuất hiện sau này. Tiếng Coptic chỉ có một thời gian ngắn trở thành ngôn ngữ của Ai Cập, nhưng canh bạc là nó đã thừa hưởng nhiều đặc điểm từ người tiền nhiệm của nó.

Thời hoàng kim của Coptic bắt đầu từ khoảng thế kỷ thứ ba sau Công nguyên cho đến ngay sau khi người Ả Rập chinh phục Ai Cập vào năm 642 sau Công nguyên. Trong vòng vài thế kỷ sau, Hồi giáo sẽ thay thế Cơ đốc

giáo và tiếng Ả Rập sẽ thay thế Coptic. Đến những năm 1600, một ngôn ngữ thịnh vượng một thời đã trở thành một di tích. Năm 1677, một du khách người Đức tuyên bố rằng anh ta đã gặp người nói tiếng Coptic cuối cùng còn sống, tại một ngôi làng ở Thượng Ai Cập. [III](#)

Những ngôn ngữ chết đó sẽ đóng một vai trò quan trọng trong câu chuyện của chúng ta, và chúng ta nên dừng lại một chút để xem xét nó. Vào thời điểm Đá Rosetta xuất hiện, Coptic đã biến mất gần như hoàn toàn giống như Ai Cập cổ đại. Một số học giả vẫn có thể đọc nó, và tiếng Coptic vẫn là ngôn ngữ chính thức của Nhà thờ Cơ đốc giáo Coptic của Ai Cập. (Cho đến ngày nay nó có thể được nghe thấy trong các nhà thờ Coptic, giống như tiếng Latinh trong các nhà thờ Công giáo.) Đối với những người giải mã đang tuyệt vọng tìm cách nào đó để khám phá những bí mật của Ai Cập, câu hỏi sống còn là liệu Coptic có phải là hậu duệ của Ai Cập cổ đại hay chỉ đơn thuần là người kế vị của nó. Champollion đã bỏ phiếu nhiệt liệt cho *hậu duệ* và lao vào nghiên cứu thứ ngôn ngữ đã mất này, với niềm tin mãnh liệt rằng nó sẽ đưa anh ta đến gần hơn với mục tiêu thực sự, tiếng Ai Cập.

Coptic có một đặc điểm quan trọng khiến nó khác biệt với tiếng Ai Cập. Nó không được viết bằng chữ tượng hình mà sử dụng bảng chữ cái Hy Lạp, được bổ sung thêm nửa tá ký hiệu cho các âm không tìm thấy trong tiếng Hy Lạp. Vì vậy, Coptic trông giống như tiếng Hy Lạp, và nó bao gồm một số từ tiếng Hy Lạp bên cạnh đó. Kết quả là, hầu hết các học giả tin rằng Coptic và Hy Lạp, chứ không phải Coptic và Ai Cập, là họ hàng. Champollion có những đồng minh quan trọng có cùng quan điểm trái ngược với ông, bao gồm cả Åkerblad và de Sacy, nhưng ông lại thuộc một thiểu số rõ ràng.

Vì chữ Coptic được viết bằng chữ cái Hy Lạp nên kiến thức về cách đọc nó chưa bao giờ bị mất. Điều đó tỏ ra quan trọng, bởi vì dự đoán của Champollion sẽ chứng minh là đúng—Coptic *thực sự* bắt nguồn từ tiếng Ai Cập, và nó đã cung cấp một cây cầu giúp tiếp cận với ngôn ngữ cổ đại đó. Nhưng vào thời điểm Young và Champollion xuất hiện, phương Tây chỉ có một số bản thảo Coptic. Nếu không nhờ một số nhà sưu tập và khách du lịch táo bạo, họ có thể chẳng có gì cả.

Có lẽ nhà sưu tập quan trọng nhất là một quý tộc người Ý, Pietro della Valle, người đã lên đường vào năm 1614 để thực hiện chuyến đi nhiều năm qua Trung Đông như một cách để hồi phục sau một trái tim tan vỡ. (Sau khi chia tay, anh ấy đã thu hẹp lựa chọn của mình là đi du lịch và tự sát.) Được đào tạo để trở thành một nhà soạn nhạc, Della Valle đã sống một cuộc đời kỳ lạ và đáng chú ý. Ông là du khách hiện đại đầu tiên xác định tàn tích của Babylon và người đầu tiên mang những viên đất sét có khắc chữ hình nêm đến châu Âu.

Năm 1615, tại Baghdad, ông yêu một thiếu nữ tên là Sitti Maani. Ngay sau đó, cặp vợ chồng trẻ đến Ai Cập, nơi Della Valle tình cờ nhìn thấy một số ví dụ về chữ viết Coptic. Ông kết luận (một cách sai lầm) rằng ông đã

phát hiện ra một ngôn ngữ mới và một chữ viết mới và (cũng một cách sai lầm) rằng bảng chữ cái Coptic cũng lâu đời như chữ tượng hình. Những hy vọng sai lầm này đã thôi thúc anh ta mua một số bản thảo Coptic.

Sau đó, vào năm 1621, Sitti Maani qua đời khi sinh con. Della Valle đau lòng thề rằng anh sẽ mang xác cô trở lại Rome, để chôn cất tại một khu mộ mà anh đã định sẵn. Anh đặt mua một chiếc quan tài được thiết kế đặc biệt, kín gió. Sau đó, anh ta lang thang trên đường về nhà trong suốt 5 năm tiếp theo, khiêng thi thể của vợ mình, hai xác ướp mà anh ta đã mua ở Ai Cập và các bản thảo Coptic của anh ta.

Những bản thảo đó bao gồm một từ điển Coptic-Ả Rập và một cuốn sách (bằng tiếng Ả Rập) về ngữ pháp Coptic. Cuối cùng, bộ sưu tập đã được đưa vào Thư viện Vatican ở Rome. Nếu không có thông tin trong những văn bản mốc meo đó, Rosetta Stone có thể đã không tiết lộ bí mật của nó.

Champollion dường như chưa bao giờ nghi ngờ rằng Coptic sẽ rất quan trọng đối với công việc giải mã của ông. Khi anh ấy mới mười tám tuổi, anh ấy đã viết một cách hào hứng cho anh trai mình, “Tôi hoàn toàn đầu hàng Coptic... Tôi muốn biết tiếng Ai Cập như tiếng Pháp của mình, bởi vì ngôn ngữ đó sẽ dựa trên công việc tuyệt vời của tôi trên giấy cói Ai Cập.”

Gần như ngay sau đó, anh viết tiếp một lá thư khác cho anh trai mình. “Tôi chỉ mơ bằng tiếng Coptic... Tôi là người Coptic đến mức, để giải trí, tôi dịch sang tiếng Coptic mọi thứ xuất hiện trong đầu tôi. Tôi nói tiếng Coptic một mình một mình (vì không ai khác có thể hiểu tôi).”

Champollion kết bạn với một linh mục Coptic, người đã giúp anh học ngôn ngữ này. Điều anh ấy thích nhất là đi nhà thờ và để cho âm thanh của quần chúng Coptic cuốn lấy mình. Anh ấy cũng vui vẻ lưu ý rằng anh ấy đang dẫn trước các đối thủ của mình. Anh ấy có thẩm quyền tốt rằng “Åkerblad không biết nhiều về Coptic.”

Phần lớn công việc của Champollion về Coptic diễn ra tại Thư viện Quốc gia ở Paris. Ở đó, anh ta lao vào đóng sách mà Napoléon đã lấy từ Thư viện Vatican ở Rome, như một phần của chiến lợi phẩm của chiến tranh. Kho sách Coptic bao gồm những cuốn mà Della Valle đã mang về nhà cùng với xác chết của vợ mình.

Một thập kỷ sau, sau khi Napoléon bị đánh bại và những văn bản bị đánh cắp trở về Vatican, một học giả đã tìm thấy những ghi chú nguệch ngoạc của Champollion bên lề. “Tôi nghĩ rằng có rất ít cuốn sách Coptic ở châu Âu mà anh ấy chưa xem xét... Không có cuốn sách nào ở Vatican bằng ngôn ngữ đó mà không có nhận xét về Champollion trong hầu hết các trang, cuốn sách mà anh ấy đã viết khi các bản thảo ở Paris.

Phong cách nghiên cứu của Young hoàn toàn khác. Champollion chọn một lĩnh vực duy nhất và không bao giờ nghĩ đến việc làm việc ở bất kỳ nơi nào khác. Young nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác một cách dễ dàng và thân nhiên như một con dê núi băng qua vách đá. Ngay cả những động nghiệp làm việc cùng anh ấy cũng ngạc nhiên về phạm vi của anh ấy. “Ông ấy biết

rất nhiều,” Sir Humphry Davy, nhà khoa học nổi tiếng người Anh đầu những năm 1800, viết, “đến nỗi khó có thể nói những gì ông ấy không biết.”

Có vẻ như Young đã biết mọi thứ ngay từ thời thơ ấu. Sau này, anh ấy nhớ lại khi mới hai tuổi, anh ấy đã “học đọc khá trôi chảy”. Đến sáu giờ, khả năng đọc của anh ấy rất rộng và linh tinh. Anh ấy đã đọc Kinh thánh và *Những chuyến du hành của Gulliver* và *Robinson Crusoe*, những bài thơ của Pope và Goldsmith, và một cuốn sách về một cậu bé thần đồng tên là Tom Telescope, người đã giải thích “Hệ thống Triết học Newton, Thích ứng với Năng lực của các Quý ông và Quý bà Trẻ tuổi.” Trong những ngày còn học đại học, anh ấy là một nhân vật chói lọi đến nỗi các sinh viên đại học của anh ấy đã gọi anh ấy là “Hiện tượng trẻ.”

Nhiều thập kỷ sau cái chết của Young, nhà vật lý nổi tiếng Hermann von Helmholtz thấy mình bối rối trước câu hỏi làm thế nào mắt nhìn thấy màu sắc. Nhìn vào các tài liệu khoa học để tìm gợi ý, Helmholtz thấy rằng Young đã giải quyết vấn đề này nhiều năm trước. Không ai vào thời điểm đó đã hiểu anh ta. Helmholtz viết rằng Young có tầm nhìn xa cho đến nay, rằng đây là kiểu mẫu điển hình—những ý tưởng hay nhất của ông bị chôn vùi và lãng quên trong các tạp chí học thuật (giống như chữ tượng hình trong cuộn giấy cói), chờ đợi thời điểm khi một thể hệ mới có thể giải mã được bí mật của ông. từ.

Những bước đột phá đó bao trùm một phạm vi rộng lớn. Là một bác sĩ được đào tạo, Young là người đầu tiên phát hiện ra cách mắt thay đổi tiêu cự tùy thuộc vào xem vật ở gần hay ở xa. [IV](#) Từ đó, ông chuyển sang nghiên cứu về tầm nhìn màu sắc mà Helmholtz đã khám phá lại. (Hầu như tình cờ, Young sau đó sẽ giải thích tại sao bong bóng xà phòng lấp lánh với màu sắc óng ánh.) Anh ấy là người đầu tiên sử dụng từ *năng lượng* theo nghĩa khoa học của nó, như trong *năng lượng nguyên tử*. Tò mò về âm thanh, anh ấy đã tạo ra một cách mới để điều chỉnh nhạc cụ bàn phím và đưa ra lý thuyết về tổng số âm thanh mà lưỡi và hộp thoại của con người có thể tạo ra. (Anh ấy đã nghĩ ra 47 âm thanh và phát minh ra một bảng chữ cái chung để biểu thị chúng.) Một ngày nọ, bị phân tâm bởi một đôi thiên nga đang bơi trong ao, anh ấy bắt đầu nghĩ về cách những gợn sóng lan truyền trên mặt nước. Chẳng mấy chốc, suy nghĩ của anh chuyển từ sóng trên mặt nước sang sóng nói chung. Với thời gian, Young đã chứng minh rằng ánh sáng vừa có tính chất sóng vừa có tính chất hạt.

Bản thân điều này không chỉ đơn thuần là một khám phá mà còn là một lời quả trách đối với Isaac Newton, người đã khẳng định rằng ánh sáng là một hạt. Newton được coi là một nhân vật gần như thần thánh, và việc thách thức ông ấy là một điều gây sốc. Tuy nhiên, Young đã đối đầu với người đàn ông vĩ đại (ở tuổi hai mươi bảy) như thể không có gì có thể tự nhiên hơn.

Tập phim đáng được chú ý trong một khoảnh khắc, bởi vì nó đồng thời chứng tỏ sức mạnh trí tuệ của Young và sự táo bạo của anh ta. Hơn thế nữa, chiến thắng của Young đã củng cố niềm tin của anh ấy rằng anh ấy có thể giải quyết bất kỳ bí ẩn nào và giải quyết nó bằng sức mạnh trí tuệ tuyệt đối. (Mặc dù miễn cưỡng tự bóp còi, Young đã nhận ra tài năng của mình. Những tài năng như của anh ấy, anh ấy thừa nhận trong cuốn tự truyện của mình, có “khuyh hướng tự nhiên để tạo ra, ở một người có bất kỳ ý thức nào về sức mạnh của chính mình, một tình cảm không xa lắm với sự tự phụ và tự phụ.”)

Điều gì đã đưa ông đến thành công trong y học và vật lý chắc chắn cũng sẽ ảnh hưởng đến ngôn ngữ và giải mã. Những người khác có thể đã thử và thất bại, Young đã viết cho một người bạn, nhưng những sai lầm của họ đã không thành công như một lời cảnh báo nhưng như một lời mời. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu chữ tượng hình đã gây trở ngại cho thế giới trong 14 thế kỷ? *Chúng ta hãy có một cái nhìn.*

Cuộc tranh luận về sóng/hạt mà Young vô tư đảm nhận hiếm khi có cơ sở hơn; nó liên quan đến cấu trúc của thế giới. Đặc biệt, câu hỏi đặt ra là ánh sáng hoạt động như thế nào. Nếu có một ngọn nến cách bạn vài bước chân, bạn sẽ nhìn thấy nó rõ ràng, và nếu ai đó bước vào phòng và đứng trước mặt bạn, ngọn nến sẽ biến mất khỏi tầm nhìn. Nhưng đó không phải là cách âm thanh hoạt động. Nếu một người chơi piano ngồi cách bạn vài bước chân và bắt đầu chơi bài “Chúc mừng sinh nhật”, bạn sẽ nghe rõ bài hát và nếu ai đó bước vào phòng và đứng trước mặt bạn, bạn vẫn nghe thấy tiếng piano một cách rõ ràng. Trước khi Young xuất hiện, lý do của sự khác biệt dường như rất dễ giải thích: ánh sáng truyền theo đường thẳng, vì vậy chướng ngại vật có thể cản trở ánh sáng; âm thanh truyền đi dưới dạng sóng, vì vậy nó có thể bỏ qua các vật thể mà nó gặp phải, giống như sóng nước có thể chảy xung quanh các vật thể tình cờ cản đường chúng.

Newton đã đưa ra lập luận đó. Newton đã nói, hãy lấy một cái ống các tông và áp nó vào mắt bạn, và bạn sẽ nhìn thấy ánh sáng. Tuy nhiên, thực hiện một khúc cua gấp trong ống và bạn không thể nhìn thấy gì. Nhưng bạn có thể *nghe thấy* qua một ống uốn cong gần giống như qua một ống thẳng. Điều này đã chứng minh, Newton kết luận, rằng ánh sáng bao gồm các hạt và âm thanh bao gồm các sóng. QED. Rồi đến Young.

Young giải thích với thế giới rằng lập luận của Newton không chỉ ra những gì Newton nghĩ nó đã làm. Ánh sáng và âm thanh về cơ bản không khác nhau. Cả hai đều là sóng, nhưng sóng ánh sáng rất nhỏ so với sóng âm thanh. Kết quả là, bạn có thể dùng tay chặn một chùm ánh sáng, nhưng một tảng đá ngoài khơi không *chặn* được dòng nước lăn vào bãi biển. Chỉ riêng với cuộc biểu tình này, Young sẽ xếp hạng cao trong đền thờ vật lý.

“Có hai loại thiên tài,” nhà toán học thế kỷ 20 Mark Kac đã viết khi thảo luận về Richard Feynman, “người ‘bình thường’ và ‘nhà ảo thuật’”. Một thiên tài bình thường là một người mà bạn và tôi sẽ giỏi như nhau, nếu chúng ta giỏi hơn gấp nhiều lần. Không có gì bí ẩn về cách thức hoạt động của tâm

trí anh ta. Khi chúng tôi hiểu những gì họ đã làm, chúng tôi cảm thấy chắc chắn rằng chúng tôi cũng có thể làm được. Với các pháp sư thì khác.”

Young rơi vào trại pháp sư, dường như có thể hướng tài năng của mình đến bất kỳ bí ẩn nào lọt vào mắt xanh của anh ta. Ông tìm đến Ai Cập không phải vì đam mê bâm sinh mà để giải đáp câu đố hấp dẫn nhất của thời đại. Champollion “chỉ đơn thuần” là một nhà tư tưởng lỗi lạc đã đắm mình trong mọi thứ của Ai Cập từ thời niên thiếu. Young muốn giải một câu đố. Champollion muốn tiết lộ một nền văn hóa.

[tôi](#). Từ những ngày còn đi học, Young đã ghi chú bài đọc của mình. Anh ấy thường viết bằng tiếng Latinh, mặc dù khi đọc các tác giả Hy Lạp, Pháp hoặc Ý, anh ấy đã viết ghi chú của mình bằng những ngôn ngữ đó.

[II](#). Cũng chính người chú này đã khiển trách Young vì sự “thô lỗ” của anh ấy khi còn là một thiếu niên, anh ấy đã thề không ăn đường vì nó là sản phẩm của lao động nô lệ.

[III](#). Johann Vansleb đã rong ruổi khắp Ai Cập, nhưng sẽ là một sai lầm nếu đưa quá nhiều thông tin vào lời kể của các nhân chứng của ông. Chẳng hạn, anh ấy đã mô tả một con chim “mạnh đến mức một số người nói rằng nó có thể nhấc bổng một người lên không trung,” và anh ấy giải thích rất chi tiết cách cá sấu giao phối bằng bụng với nhau. (Một khi đã nằm ngửa, chúng không thể lật ngửa được, Vansleb viết, nhưng tất cả không mất đi vì cá sấu vừa hào hiệp vừa hung dữ. vì sợ các Thợ săn.”)

[IV](#). Young luôn thích làm việc một mình, ngay cả khi điều đó có nghĩa là tự mình thử nghiệm. Không thể không nhắc mặt khi đọc những tường thuật về nghiên cứu của ông về tầm nhìn. Ví dụ, để đo kích thước mắt của mình, Young đã làm cùn hai đầu của một chiếc la bàn và sau đó đặt một điểm la bàn vào phía sau mắt và điểm còn lại ở phía trước. “ Với một con mắt kém nổi bật,” anh ấy lưu ý, “phương pháp này có thể không thành công.”

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Thomas Young gần như ngạc nhiên

Năm 1813, Thomas Young đọc được một điều khiến ông chú ý. Như thường lệ, anh ấy đã thực hiện một trò giải trí mà lẽ ra đối với hầu hết mọi người, là một công việc của Hercules - anh ấy đang viết một bài phê bình về một tác phẩm ba tập về lịch sử ngôn ngữ, bằng tiếng Đức, đề cập đến những vấn đề như vậy. các câu hỏi như mối quan hệ của tiếng Phạn với các ngôn ngữ châu Âu. Một đoạn ngắn nổi bật. Chữ viết trên Rosetta Stone, Young đọc, “có khả năng được phân tích thành một bảng chữ cái bao gồm ít hơn ba mươi chữ cái.”

Vào thời điểm này, mặc dù Young không biết điều đó, nhưng mọi nỗ lực chiếm lấy Rosetta Stone đều thất bại. Sau đó, vào tháng 5 năm 1814, một người bạn của Young tình cờ cho anh ta xem một tờ giấy cói mà anh ta đã mua trong một chuyến đi đến Ai Cập. Tấm giấy cói bị hư hỏng nặng được bao phủ bởi những biểu tượng bí ẩn. Nó đã được tìm thấy trong một ngôi mộ ở thành phố Luxor (thời cổ đại gọi là Thebes), bên trong quan tài của một xác ướp. [Tôi](#) Bị hấp dẫn bởi khái niệm về một bảng chữ cái bí ẩn và một chữ viết mà không ai có thể đọc được, Young quyết định sẽ xem xét Phiến đá Rosetta.

Anh ấy thích dành mùa hè ở ngôi nhà nông thôn của mình để giải quyết bất cứ điều gì dự án gần đây đã thu hút sự chú ý của anh ấy. Anh ấy ổn định với một bản sao của những dòng chữ trên Rosetta Stone và với những bài tiểu luận của de Sacy và Åkerblad mô tả công việc của họ. “Bạn nói với tôi rằng tôi sẽ làm cả thế giới kinh ngạc nếu tôi đọc được dòng chữ,” anh ấy viết cho một người bạn tên là Hudson Gurney. Hai người thân thiết từ thời thơ ấu, và Young gần như mất cảnh giác với Gurney hơn là với hầu hết bất kỳ ai khác. Chắc chắn Gurney đã phóng đại thách thức? “Tôi nghĩ ngược lại, điều đáng ngạc nhiên là nó không nên được thực hiện.”

Young bắt đầu nghiên cứu kỹ lưỡng các ký tự Ai Cập để tìm kiếm các mẫu. Giống như những người tiền nhiệm của mình, anh ấy bắt đầu với văn bản bình dân hơn là chữ tượng hình. Giống như những người tiền nhiệm

của mình, anh ấy đã đưa ra một lựa chọn khiến anh ấy phải chịu số phận ngay từ đầu.

Anh ấy tiến hành một cách có phương pháp, với sự tập trung cao độ đánh dấu tất cả các cuộc điều tra của anh ấy. Một chuỗi ký hiệu xuất hiện “hai mươi chín hoặc ba mươi lần”; từ Hy Lạp duy nhất xuất hiện thường xuyên là *vua*, mà Young đã tìm thấy ba mươi bảy lần. Anh ấy đã tìm thấy mười bốn trường hợp của một chuỗi khác trong tiếng Ai Cập; kiểm đếm đó khá phù hợp với mười một lần đề cập đến *Ptolemy* trong tiếng Hy Lạp.

Young đã thử một kế hoạch khác, kế hoạch này một lần nữa phản ánh cách tiếp cận có phương pháp và gần như khoa học của ông. Anh ấy bắt đầu bằng cách đào sâu vào văn bản tiếng Hy Lạp. Ông giải thích, bước đầu tiên liên quan đến “đánh dấu, trên một thước kẻ thẳng, những nơi xuất hiện các từ đặc trưng nhất, chẳng hạn như *thần*, *vua*, *thầy tu* và *đền thờ*. Được trang bị thông tin về khoảng cách giữa các từ trong tiếng Hy Lạp, hoặc về khoảng cách của các từ đó từ đầu hoặc cuối của dòng chữ Hy Lạp, Young đã tìm kiếm các chuỗi ký tự trong các dòng chữ khác ở những vị trí gần như mong đợi.

Đây là công việc khó khăn nhưng không chắc chắn, bởi vì không có cách nào để biết ngữ pháp Ai Cập hoạt động như thế nào. Có lẽ những từ quan trọng nhất trong một câu xuất hiện ở đầu hoặc cuối câu, hoặc có lẽ trật tự từ tuân theo một số quy tắc phức tạp hơn. Tất cả điều này đã trở nên tồi tệ hơn vì rất nhiều văn bản chữ tượng hình đã bị thiếu. Bạn có thể thử nghiệm vô tận, nhưng không có gì được đảm bảo.

Mỗi lần đoán, Young dán các chuỗi ký tự phù hợp lên một tờ giấy da lớn. Ngay phía trên họ, anh ấy nói thêm từ tương ứng bằng tiếng Hy Lạp, bằng nét chữ nhỏ và tỉ mỉ của anh ấy. Chúng tôi gần như có thể nghe thấy anh ấy ngâm nga hài lòng. “Gurney viết: “Chắc chắn công sức của vài ngày” sẽ phá vỡ nó.

Nhưng nó đã không. “Tôi đã làm việc này được một tháng,” anh ấy thú nhận trong sự thất vọng vào cuối mùa hè, và anh ấy có rất ít điều để thể hiện cho những nỗ lực của mình. Phần lớn, anh ấy chỉ đơn giản là khám phá lại những gì Åkerblad đã tìm thấy. Đây là, Young càu nhàu, “khiêu khích không chịu nổi.”

Đối với một người đàn ông có thành tích toàn là chiến thắng, điều này không chỉ gây khó chịu mà còn gần như không thể đo lường được. Lần đầu tiên đối mặt với một bí ẩn mà anh ấy không thể làm sáng tỏ, Young thấy mình đang suy ngẫm về một siêu bí ẩn — làm sao sức mạnh của anh ấy có thể khiến anh ấy thất bại? “Những khó khăn lớn hơn nhiều so với dự kiến,” anh nói với Gurney, với vẻ thất vọng và kinh ngạc, “và tôi gần như ngạc nhiên rằng sức lao động mà tôi dành cho họ lại có tác dụng rất ít.”

Young đã viết thư cho de Sacy, cơ quan được công nhận về ngôn ngữ cổ đại. Anh ta biết rằng de Sacy và sau đó là Åkerblad đã chiếm lấy Rosetta Stone, nhưng đó là chuyện của hàng chục năm trước. Điều gì đã xảy ra trong khi chờ đợi? “Tôi rất nóng lòng muốn biết liệu ông Åkerblad có tiếp tục nỗ lực giải mã nó hay không.”

De Sacy đáp lại một cách trấn an. Anh và Åkerblad đã chuyển sang chuyện khác—bí ẩn vẫn còn bỏ ngỏ—và trong mọi trường hợp anh ấy “luôn nghi ngờ nghiêm trọng” về tuyên bố của Åkerblad là đã tìm ra những điều cơ bản của một bảng chữ cái bình dân.

Nhưng sau đó, ngay khi Young có thể thở phào nhẹ nhõm, thì nốt nhạc đáng ngại này—“Tôi phải nói thêm rằng M. Åkerblad không phải là người duy nhất tự tâng bốc mình rằng ông đã đọc văn bản Ai Cập về Phiến đá Rosetta. M. Champollion, người vừa xuất bản hai tập về địa lý cổ đại của Ai Cập và là người tích cực nghiên cứu ngôn ngữ Coptic, tuyên bố cũng đã đọc dòng chữ khắc.

Đây có thể là lần đầu tiên Young nghe thấy tên Champollion. Không ai biết liệu Champollion có nghe nói về Young vào thời điểm này hay nghe những lời xì xào rằng Young đã lên đường theo đuổi Rosetta Stone. Trong mọi trường hợp, tin tức của de Sacy không hoàn toàn chính xác. Trên thực tế, mùa hè năm 1814 Champollion cảm thấy thất vọng như Young. “Tôi luôn làm việc với dòng chữ của mình từ Rosetta,” anh ấy viết cho một người bạn, “và kết quả không đến nhanh như tôi mong muốn.”

Rồi đến một sự trùng hợp kỳ lạ. Gần như chính xác vào thời điểm Young nhận được bức thư của de Sacy với tin tức về một người giải mã tiếng Pháp, Champollion đã liên lạc lần đầu với Young - do nhầm lẫn! Champollion đã viết một lá thư yêu cầu thông tin về Rosetta Stone. Do một sự hiểu lầm, anh ấy đã gửi nó cho Young. Đây hoàn toàn là một sự ăn may, như thể Sherlock Holmes cần thông tin về một vụ án và vô tình gửi yêu cầu giúp đỡ của mình tới Giáo sư Moriarty.

Điều xảy ra là Champollion đã gửi bức thư của mình về Phiến đá Rosetta cho chủ tịch Hiệp hội Hoàng gia ở London. Anh ấy có hai bản sao của những dòng chữ, anh ấy đã viết, nhưng ở một số chỗ chúng không khớp nhau. “Tôi tin chắc rằng tôi đã có thể giải quyết việc đọc toàn bộ dòng chữ,” Champollion viết, “nếu tôi có dưới mắt mình một bản đúc thạch cao được làm từ bản gốc.” Xã hội có thể giúp anh ta với tình trạng khó khăn của mình?

Nhưng Hiệp hội Hoàng gia không có bất cứ điều gì để làm với Rosetta Stone. Champollion lẽ ra nên gửi bức thư của mình tới Hiệp hội Cổ vật, một tổ chức hoàn toàn khác. Bức thư của Champollion đã được gửi tới thư ký đối ngoại của Hiệp hội Hoàng gia, người phụ trách trao đổi thư từ với các nhà khoa học nước ngoài. Ngoại trưởng là một nhà khoa học người Anh tên là Thomas Young.

Đột nhiên, Champollion dường như xuất hiện ở mọi nơi Young quay lại. Anh ta đã nhận được lá thư cảnh báo của de Sacy và sau đó là lá thư tình cờ của Champollion. Bây giờ bạn của anh ấy, Gurney, đã viết một tin tức đáng báo động. Young có nghe nói rằng một người Pháp, một Champollion, đã

xử lý Đá Rosetta không? Young đáp ngay: “ Lá thư đầu tiên của bạn đã quấy rầy sự nghỉ ngơi của tôi vì nôn nóng muốn xem tác phẩm của Champollion.”

Young trấn an Gurney (hoặc bản thân anh ấy) rằng anh ấy dẫn đầu cả nhóm - anh ấy đã giải mã được nhiều từ hơn de Sacy và Åkerblad từng làm được. Mặc dù vậy, anh vẫn băn khoăn về Champollion. Anh ta kết thúc bức thư của mình cho Gurney với yêu cầu Gurney gửi cho anh ta cuốn sách của Champollion về địa lý Ai Cập, và những chữ nghiêng trong lời cầu xin của anh ta giúp ích cho nhận mạnh tính hay thay đổi của anh ấy. “Bạn sẽ dễ hình dung rằng Tôi không có một chút lo lắng để xem những gì *anh ấy đã làm* .

Bị cản trở bởi chính Rosetta Stone, Young rút lui một bước. Thay vì chỉ giải quyết các chữ khắc trên đá, anh ấy sẽ nghiên cứu sâu hơn về chữ viết của người Ai Cập, tìm kiếm các mẫu hoặc bất kỳ thứ gì khác có thể giúp anh ấy bắt đầu.

Sự linh hoạt của Young lần đầu tiên gây chú ý, nhưng chính sự kết hợp giữa tính kiên trì và sự thông minh toàn diện mới thực sự khiến anh ấy trở thành “Hiện tượng Young”. Nhìn từ xa, anh ta có thể trông giống như một tay tài tử, khi anh ta lao đi mọi hướng. Các ghi chú và giấy tờ của anh ấy cho thấy ấn tượng đó sai lầm như thế nào.

Một mình và khuất tầm nhìn, giữa những đường chạy, Young đã làm việc không ngừng nghỉ. Giống như nhiều nhà giải mã khác, anh ấy có sự kiên nhẫn vô tận và trí nhớ hình ảnh đặc biệt—anh ấy sẽ rất xuất sắc trong trò chơi ghép hình. [II](#) Young đã thực hiện các dự án giải mã trước khi có Đá Rosetta, và nhiều dự án mạo hiểm của anh ấy liên quan đến việc hàng tuần nghiền ngẫm các văn bản mờ nhạt và bị hư hỏng bằng các ngôn ngữ cổ, cố gắng đoán xem một lọn tóc nhỏ có thể từng thuộc về chữ cái nào hoặc từ nào có nửa chừng. đã biến mất sau hàng nghìn năm, bị tàn phá bởi thời gian và sâu bọ.

Loại công việc này là vô cùng khó khăn. Trong một trường hợp khét tiếng, từ năm 1904, một học giả người Anh đã xuất bản bản dịch một văn bản tiếng Latinh mới được tìm thấy ở Bath, Anh Quốc, được nhiều người hoan nghênh. Chữ viết, được cào thành một viên chì, mờ nhạt và không đầy đủ, và bản dịch được ca ngợi là một cuộc đảo chính về học thuật. *Chỉ cần nghĩ rằng—từ một vài nét vẽ và vết xước mờ nhạt, có thể suy ra toàn bộ các chữ cái và từ ngữ!*

90 năm sau, một nhà sử học Oxford đã xem xét lại bằng chứng. Hóa ra, bản dịch gốc hoàn toàn sai, một bài tập về sự tự huỷ hoại hoặc bản thân dựa trên những phỏng đoán đầy hy vọng và những giả định đáng ngờ. Người giải mã năm 1904 đã úp ngược chiếc máy tính bảng.

Young có con mắt tinh tường nên không phạm sai lầm như vậy. Nhưng nó luôn luôn là trường hợp công việc giải mã ngày này qua ngày khác liên quan đến một loạt các yêu cầu phán đoán vô tận. Đặc biệt là khi nói đến các

kịch bản viết tay, các đầu mỗi tiết lộ rất tinh vi đến mức gần như không thể đánh vắn chúng, đó là lý do tại sao máy tính vẫn chưa thay thế được các công cụ giải mã của con người.

(Những người bên ngoài tự đặt cho mình nhiệm vụ theo dõi những người giải mã đang làm việc, với hy vọng giải thích được chiến lược của họ. Họ có xu hướng bỏ cuộc, bối rối hơn và kém sáng suốt hơn so với khi họ bắt đầu. Chẳng hạn, một người tiên phong vĩ đại trong nghiên cứu chữ hình nê-m đã có một có khả năng ghép các mảnh của những viên đất sét bị vỡ lại với nhau. một chục mảnh trở lên,” người viết tiểu sử của ông nói với chúng tôi, “hiện được phân tán rộng rãi trong số hàng trăm nghìn mảnh trong bộ sưu tập của bảo tàng.”)

Young đã học cách tiếp thu vô số mẫu theo một cách gần như siêu phàm. Khi tập trung vào Ai Cập cổ đại, anh ấy đã sử dụng những kỹ năng mà anh ấy đã phát triển một thập kỷ trước. Sau đó, anh ấy đang nghiên cứu giải mã các văn bản giấy cói gần như đã bị phá hủy vào năm 79 sau Công nguyên, khi núi Vesuvius phun trào và chôn vùi Pompeii và Herculaneum trong dung nham. Đây là công việc chậm chạp đau đớn. Những tờ giấy cói đã bị chôn vùi dưới 120 feet tro, cát và dung nham, và sức nóng của vụ nổ đã hợp nhất chúng thành những cục đen. Đơn giản chỉ cần tách các tấm ra là một kỳ công.

Young nhận thấy rằng việc sao chép các ký tự mờ nhạt bằng tay, rất chậm và cẩn thận, bằng cách nào đó đã kích thích trí nhớ của anh ấy. “ Ông viết, những người không có thói quen sửa chữa những đoạn bản thảo bị cắt xén, “không thể đánh giá được lợi ích to lớn thu được từ việc sàng lọc phức tạp từng chữ cái mà tâm trí thực hiện một cách không tự nguyện, trong khi bàn tay đang bận rộn. truy tìm nó.”

Bây giờ Young đã áp dụng kỹ thuật tương tự cho những chồng chữ khắc Ai Cập, từ chính Phiến đá Rosetta, từ những mảnh giấy cói được các nhà sưu tập mang về từ Ai Cập, từ những chuỗi biểu tượng được khắc thành tượng, từ chữ viết mà các nhà bác học đã sao chép từ các bức tường của đền thờ.

Những dòng chữ này được viết bằng các chữ viết khác nhau (cả chữ tượng hình và chữ tượng hình), điều này khiến nhiệm vụ của Young trở nên khó khăn hơn, nhưng nếu không thì nhiệm vụ mà anh ấy tự đặt ra gần giống như xem các ghi chú viết tay từ một cuốn nhật ký, một bức ảnh chụp các dấu hiệu đèn neon trên bảng điều khiển. Thoát y ở Las Vegas, và một mẫu báo có bảng tên *New York Times* được trang trí công phu bằng các chữ cái khổng lồ và đoán biểu tượng nào khớp với nhau. Nếu tất cả kiến thức về bảng chữ cái của chúng ta đã biến mất từ lâu, thì sẽ mất bao lâu để thấy rằng chữ *t* viết thường giống với chữ cái *T*? Hay *Y* và *y* giống nhau nhưng *i* và *j* khác nhau?

Một chiến lược đã giúp Young đáng kể. Thường thì những bức vẽ giống nhau xuất hiện ở những nơi khác nhau; như chúng ta đã thấy, văn hóa Ai Cập bảo thủ sâu sắc đến mức nó đã sử dụng đi sử dụng lại những hình ảnh yêu thích của mình trong suốt hàng nghìn năm. Trong một số trường hợp

may mắn, Young đã tìm thấy những hình ảnh giống hệt nhau kèm theo văn bản bằng các chữ viết khác nhau. (Một đối tác hiện đại sẽ tìm thấy những bức ảnh về cùng một cảnh trên một tờ báo của Mỹ và một tờ báo của Trung Quốc, mỗi tờ báo đều có chú thích kèm theo.)

Tại đây, năng khiếu nhận dạng khuôn mẫu của Young đã phát huy tác dụng, và anh ấy đã chỉ ra điều mà chưa ai từng thấy. Các ký tự bình dân - dù sao đi nữa, một vài trong số chúng - có nét tương đồng quá gần giống với chữ tượng hình. Đây là một thành tích đáng chú ý. Demotic trông giống như “hàng nối tiếp hàng dấu phẩy kích động,” một nhà Ai Cập học hiện đại nhận xét. “Đó là thứ hoàn toàn khủng khiếp để đọc.”

Sự giống nhau về hình thức của chữ tượng hình và chữ tượng hình là có thật, nhưng nó rất tinh tế. (Trong công thức được đánh giá thấp một cách tự hào của Young, có không có “sự tương đồng rất nổi bật” giữa hai hình thức viết.) Nhưng Young đã nhìn thấy sự thật ngay cả như vậy. Chữ bình dân và chữ tượng hình *không phải là những chữ viết riêng biệt (như bảng chữ cái La Mã, với abc quen thuộc và bảng chữ cái Hy Lạp, với $\alpha\beta\gamma$), mà là hai phiên bản của cùng một thứ (như bảng chữ cái La Mã và bảng chữ cái tốc ký).*



“Bốn điểm và bảy năm trước” viết tắt

Vào mùa hè năm 1815, Young lại viết thư cho de Sacy. De Sacy đã tìm kiếm bảng chữ cái Ai Cập trong vô vọng. Bây giờ Young đề nghị giải thích những gì đã xảy ra. “Tôi không ngạc nhiên rằng, khi bạn Hãy xem xét hình thức chung của dòng chữ [dân tộc], bạn có xu hướng thất vọng về khả năng khám phá ra một bảng chữ cái có khả năng giúp chúng tôi giải mã nó,” ông bắt đầu.

Rồi anh ta nói thêm, với một vẻ hào hoa không phải là đặc trưng của anh ta, “Nếu bạn muốn biết 'bí mật' của tôi, thì đơn giản là thế này—không có bảng chữ cái nào như vậy từng tồn tại.”

Tại sao thông báo đó rất quan trọng? Bởi vì nếu cách viết bình dân không phải là chữ cái, thì nó được xây dựng trên một nền tảng kỳ lạ và không thể nghi ngờ nào đó. Và nếu chữ viết bình dân là kỳ lạ - và nếu chữ tượng hình và chữ bình dân là hai biến thể của một chủ đề duy nhất - thì chữ tượng hình cũng có điều gì đó kỳ lạ ở cốt lõi của chúng.

Nhưng mọi người đều biết chữ tượng hình là gì - chúng là những sự thật vượt thời gian được viết trên đá. Nếu Thomas Young đúng, có lẽ giả định đó cũng sai.

[tôi](#). William Rouse Boughton, bạn của Young, đã mua giấy cói khi đi du lịch ở Ai Cập vài năm trước. “Vào khoảng năm 1811,” như Rouse Boughton đã kể lại câu chuyện, “tôi đã có may mắn được gặp một xác ướp.” Cùng với xác ướp là “một số chữ viết trên giấy cói ở trạng thái được bảo quản hoàn hảo.” Rouse rất hài lòng với việc mua hàng của anh ấy đến nỗi anh ấy đã nhờ người làm cho anh ấy một chiếc hộp thiếc đựng giấy cói để bảo vệ nó và gửi nó về nhà bằng tàu. Mọi thứ đã không diễn ra tốt đẹp. Văn bản quý giá đã “không may bị ngâm trong nước muối”, mặc dù Rouse Boughton tình ý nhận xét rằng các mảnh vỡ “không mất hết giá trị”.

[II](#). Một đồng nghiệp của nhà giải mã vĩ đại Michael Ventris—chúng ta sẽ gặp Ventris ở chương 15—đã ngạc nhiên rằng Ventris đã “làm cho bản thân trở nên quen thuộc với các khía cạnh trực quan của văn bản đến nỗi các phần lớn đã in sâu vào tâm trí ông chỉ đơn giản là các mẫu trực quan, rất lâu trước khi giải mã được. đã cho chúng ý nghĩa.”

CHƯƠNG 13

Archimedes trong bồn tắm của anh ấy, Thomas Young trong ngôi nhà ở nông thôn của anh ấy

Rất nhiều vụ trộm kim cương, mọi công việc ngân hàng, mọi cuộc bẻ khóa, đều xoay quanh việc phát hiện ra một lỗ hổng nào đó, dù nhỏ đến đâu. Có lẽ có một góc hành lang không được camera an ninh bao phủ, hoặc một người bảo vệ có vấn đề về uống rượu.

Đối với những người viết mã, giải mã và thám tử đủ loại, trò chơi bắt đầu bằng việc tìm ra không nhất thiết phải là điểm yếu, mà là một điều kỳ quặc, một mảnh ghép chưa từng có. Manh mối trông có vẻ vô thưởng vô phạt nhất có thể dẫn đến việc phải trả giá đắt. Đức quốc xã tin rằng mã Enigma của họ là không thể phá vỡ; nó gần như là như vậy, nhưng đối với một trục trặc. Enigma đã lấy các chữ cái trong một tin nhắn và sử dụng một công thức bí mật, thay đổi chúng thành các chữ cái khác (chẳng hạn như a có thể trở thành p). Vấn đề là công thức không bao giờ cho phép một chữ cái không thay đổi (một a không bao giờ có thể giữ nguyên a). Điều kỳ quặc nhỏ bé đó đã giúp đánh bại Hitler.

Đôi khi bước đầu tiên chỉ đơn giản là phát hiện ra điều gì đó kỳ lạ. Watergate bắt đầu khi một nhân viên bảo vệ nhận thấy một cánh cửa có một miếng băng dán trên chốt để giữ cho nó mở. Câu chuyện về penicillin bắt đầu khi một nhà khoa học trở về sau kỳ nghỉ và nhìn vào đĩa petri nơi ông ta nuôi cấy vi khuẩn. Một số món ăn đã bị nhiễm nấm men và nấm mốc từ đâu đó trôi dạt vào. Nhưng một chiếc đĩa bị ô nhiễm có điều gì đó kỳ lạ—xung quanh nấm mốc mới xuất hiện là một nơi rõ ràng không có vi khuẩn nào sống sót! Alexander Fleming, một người Anh ít nói người đàn ông, trả lời không phải bằng cách hét lên *Eureka!* nhưng bằng cách thì thầm, “Điều đó thật buồn cười.” [TÔI](#)

Manh mối quan trọng vẫn có thể nhỏ hơn. Một hoặc hai năm trước, một vụ bê bối về tuyển sinh đại học đã nổ ra khi ai đó nhận thấy, trong một bài luận được cho là của một học sinh trung học, có hai khoảng trống (chữ không phải một) sau mỗi dấu chấm. Không một người trẻ tuổi nào sẽ làm một việc như vậy; hai khoảng trắng là dấu hiệu chắc chắn của một bậc cha

mẹ quá nhiệt tình đã học cách đánh máy từ những ngày còn máy đánh chữ. “Nhà văn kiêm đạo diễn Jonathan Miller đã từng nhận xét rằng chính trong những điều không đáng kể thì mới tìm thấy được điều đáng kể.”

Nhưng việc khám phá ra một nơi bắt đầu có thể cần sự xem xét kỹ lưỡng vô tận. Mọi người hâm mộ trò chơi ô chữ đều biết cảm giác ám đạm khi đọc đi đọc lại những manh mối giống nhau, tìm kiếm dù chỉ một câu trả lời hợp lý. Thomas Young, cố gắng tìm chỗ dựa cho cuộc tấn công của mình vào các chữ tượng hình, đã vật lộn và vấp ngã. Khi sự tiến bộ cuối cùng đã đến, nó đã đến, không báo trước, trong vỏ bọc khó tin nhất.

Vào mùa hè năm 1816, Young tình cờ đọc được một bài báo trên tạp chí giải thích những điều cơ bản khi viết bằng tiếng Trung Quốc. “Bài báo tiếng Trung là của Barrow, Bộ trưởng Bộ Hải quân,” Young viết cho người bạn của mình là Hudson Gurney, và anh ấy “rất vui mừng” với những gì mình đã học được. Anh ấy chưa bao giờ nghĩ về “ngôn ngữ độc đáo” đó, và anh ấy “không có khái niệm gì về bản chất của nó trước đây”.

Cả đời là một công chức—Barrow không từ bỏ công việc của mình cho đến năm 81 tuổi, lúc đó ông được tặng chiếc bàn cũ của mình như một món quà hưu trí—Barrow trông nhạt nhẽo và dễ quên. Anh ấy đã không. Anh ấy là một người đàn ông có tài năng đáng gờm với sự tò mò cũng gần như của Young. Về mặt chính thức, ông là thư ký thứ hai của Bộ Hải quân Anh, điều đó có nghĩa là ông đã giúp định hình chính sách cho Hải quân Hoàng gia, nhưng trên thực tế, ông là một người giải quyết vấn đề tháo vát và sáng tạo, người luôn được tin cậy khi những người khác đã giơ tay.

Khi người Anh đang cố gắng quyết định xem họ có thể cất giấu Napoléon ở đâu một cách an toàn sau vụ Waterloo, chính John Barrow đã đề xuất rằng ông nên bị đày đến Saint Helena, một trong những hòn đảo xa xôi nhất trên trái đất. Khi một nhà xuất bản hết ý tưởng về một cuốn sách cho một loạt bài về lịch sử hải quân, chính Barrow là người đã tìm hiểu các hồ sơ chính thức và viết nên một câu chuyện có thật mà ông gọi là *Cuộc binh biến và vụ bắt cướp tiền thưởng HMS Bounty*.

Anh ấy đã học tiếng Trung Quốc khi còn trẻ, trong thời gian làm gia sư cho một thần đồng nói được năm thứ tiếng. (Khi nói đến tiếng Trung Quốc, học sinh và gia sư đổi vai trò cho nhau.) Một thập kỷ sau, vào năm 1793, Barrow tháp tùng đại sứ Anh trong chuyến hành trình bất hạnh đến Trung Quốc, với vai trò thông dịch viên. Vị đại sứ đến mang theo những món quà nhằm làm hoàng đế thần phục trước những tuyệt tác của công nghệ Anh—kính thiên văn, súng trường và súng lục được trang trí công phu, khinh khí cầu (có sẵn phi công)—nhưng người Trung Quốc đã từ chối cả khách thăm và quà tặng. “Chúng tôi chưa bao giờ đánh giá cao những sản phẩm khéo léo,” họ tuyên bố, “chúng tôi cũng không có nhu cầu dù là nhỏ nhất đối với các sản phẩm của đất nước các bạn.” Về vấn đề đó, hoàng đế cũng không thấy cần một sứ giả dù là nhỏ nhất. Một vị khách như vậy sẽ “không phù hợp với các quy định của Đế chế Thiên thể.”

Người Anh đã được gửi trở lại nơi họ đến, nhưng niềm đam mê của Barrow với tất cả những thứ Trung Quốc đã làm, ít nhất, đã tìm thấy một

khán giả dễ tiếp thu ở Thomas Young. Khi đọc Barrow, Young nhận ra rằng hệ thống chữ viết của Trung Quốc, với hàng nghìn ký tự, có thể xử lý hoàn hảo mọi nhiệm vụ có thể tưởng tượng được—ngoại trừ một nhiệm vụ.

Làm thế nào bạn sẽ viết một tên nước ngoài bằng tiếng Trung? Lấy *Napoléon*. Không có vấn đề gì khi dịch các từ thông thường sang tiếng Trung và sau đó viết chúng ra—tiếng Trung có các từ chỉ *nhà* và *vịt* và *giỏ*, vì vậy bạn có thể dễ dàng viết chúng. Nhưng người Trung Quốc không có từ nào cho *Napoléon*. Tại sao nó?

Giải pháp của Trung Quốc, theo Young learner, khá đơn giản. Để viết tên nước ngoài bằng tiếng Trung, bạn đã chọn các ký tự có âm thích hợp và bỏ qua nghĩa của chúng. Đây đại khái là những gì chúng tôi làm khi đánh vần tên theo kiểu *Whiskey, Bravo, Tango*. Do đó, một người đàn ông tên Wood đang cố gắng đặt hàng qua một đường dây điện thoại rề rề có thể dùng đến, “Đó là Wood. Đó là *Whiskey Oscar Oscar Delta*.” Không ai quan tâm rằng rượu whisky là một thức uống.

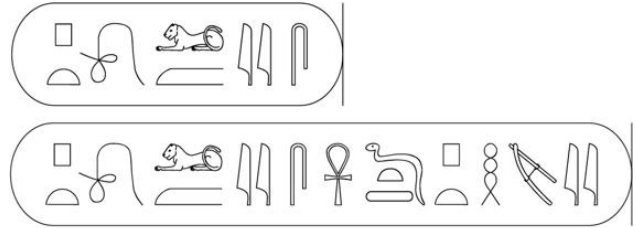
Vì vậy, cuối cùng, Young đã có điểm xuất phát của mình. Ông biết rằng những cái tên không phải của người Ai Cập—nổi bật nhất là *Ptolemy*—xuất hiện xuyên suốt văn bản tiếng Hy Lạp trên Phiến đá Rosetta. Và anh ta biết rằng dòng chữ tượng hình là bản dịch của tiếng Hy Lạp. Điều đó có nghĩa là những cái tên như *Ptolemy* cũng phải được ẩn giấu trong toàn bộ văn bản chữ tượng hình, giống như những cục vàng dưới đáy sông.

Nếu anh ta có thể tìm thấy những cái tên nước ngoài đó, và nếu người Ai Cập cũng đạt được giải pháp tương tự như người Trung Quốc - như Young đã rất hy vọng - thì anh ta sẽ sớm biết cách đọc một số tên được viết bằng chữ tượng hình. Đó sẽ là những chữ tượng hình đầu tiên mang lại ý nghĩa của chúng sau mười lăm thế kỷ.

Hơn thế nữa, Young sẽ thực hiện những bước đầu tiên để phục hồi âm thanh của tiếng Ai Cập, vì *Ptolemy* và *Alexander* và những cái tên khác có lẽ nghe ít nhiều giống nhau trong mọi ngôn ngữ.

Young lao về phía trước. Tìm tên ở đâu? Trong mười bốn dòng chữ tượng hình trên phiến đá Rosetta, ông tập trung vào nửa tá hình bầu dục bao quanh một số chữ tượng hình. *Có lẽ những hình bầu dục này là đặc biệt?* Các nhà bác học trong quân đội của Napoléon cũng đã chú ý đến chúng - họ gọi *những viên đạn hình bầu dục*, tiếng Pháp là *hộp đạn*, bởi vì chúng có hình dạng giống hộp đạn súng trường - nhưng họ không biết phải làm gì với chúng.

Ba trong số các vỏ đạn của Rosetta Stone giống hệt nhau, và ba cái còn lại bắt đầu giống hệt như những cái khác và sau đó thêm một số biểu tượng khác. [II](#)



Trẻ đoán rằng vỏ đạn đóng một vai trò kép. Đầu tiên, họ báo hiệu rằng các chữ tượng hình mà họ đính kèm rất đáng chú ý theo một cách nào đó (vì kiểu chữ in nghiêng hoặc in đậm hướng dẫn chúng ta chú ý đặc biệt đến một số từ nhất định). Thứ hai, họ thực hiện các hướng dẫn để phát âm các chữ tượng hình của họ theo ngữ âm.

Các vỏ đạn là đặc điểm bắt mắt nhất trong phần chữ tượng hình của Rosetta Stone, và tên của nhà vua là đặc điểm nổi bật của phần chữ Hy Lạp. Điều gì có thể tự nhiên hơn là hy vọng rằng các chữ tượng hình trong vỏ đạn đánh vần tên *Ptolemy* (hoặc, như nó được viết bằng tiếng Hy Lạp, *Ptolemaios*)?



Young tìm thấy cái tên *Ptolemy* trong tiếng Hy Lạp (nó thực sự được viết là *Ptolemaios* chứ không phải ở dạng Anh hóa mà chúng ta quen thuộc hơn). Tìm ΠΤΟΛΕΜΑΙΟΥ (ở dòng thứ ba, bắt đầu bằng ký tự thứ tư).

Số lượng chữ cái trong *Ptolemaios* trùng khớp - hoặc khớp với một chút nghịch ngợm - số lượng chữ tượng hình trong vỏ đạn. (Trong tiếng Hy Lạp, mỗi chữ cái được phát âm riêng lẻ; không có chữ cái câm nào. Những người nói tiếng Hy Lạp phát âm chữ *P* trong *tiếng Ptolemy*). Nếu vậy, cái nào đến trước? Hay chúng là hai phần của một biểu tượng duy nhất? Và bạn đã đọc chữ tượng hình từ trái sang phải hay phải sang trái? Young đưa ra phỏng đoán giống như Zoëga, nhà ngôn ngữ học Đan Mạch, đã đề xuất trước đó: các số liệu trong hồ sơ hướng về phía đầu dòng, như thể cho bạn biết bắt đầu đọc từ đâu.

Không còn lựa chọn nào khác ngoài hy vọng rằng mình đã đoán đúng, Young bắt tay vào việc. Nếu *Ptolemaios* tương ứng với các chữ tượng hình trong vỏ đạn đầu tiên ở trên, thì bạn có thể bắt đầu xây dựng một bảng bằng cách ghép các âm thanh trong tiếng Hy Lạp với các hình ảnh trong tiếng Ai Cập:



Đây là một cái tên, *Ptolemy*, được viết bằng chữ tượng hình. Rosetta Stone đã im lìm trong gần hai nghìn năm. Lúc này Thomas Young đã cúi sát và nghe nó nói.

Ông gợi ý rằng chuỗi dài hơn trong vỏ đạn thứ hai ở trên có thể đề cập đến Ptolemy với một danh hiệu danh dự được gắn ở cuối. Có lẽ nó đọc “Ptolemy the Most High” hay đại loại thế.

Hứa hẹn như tất cả những điều này dường như, những dự đoán này có thể chỉ là một giấc mơ viễn vông. Nếu số phận tử tế hơn, con đường phía trước của Young sẽ dễ dàng hơn. Ví dụ, nếu Phiến đá Rosetta còn nguyên vẹn, anh ta có thể đã đếm các chữ *Ptolemy* trong văn bản tiếng Hy Lạp và các vỏ đạn trong chữ tượng hình và xem liệu các con số có khớp nhau không. Nhưng đá đã bị vỡ. Nếu viên đá còn nguyên vẹn, Young có thể đã tìm thấy những vỏ đạn đánh vần những cái tên khác ngoài *Ptolemy*. Nhưng tất cả sáu vỏ đạn gần như giống hệt nhau.

Nếu tất cả kiến thức về ngữ pháp và từ vựng của tiếng Ai Cập không bị thất lạc hàng thiên niên kỷ trước khi ông xuất hiện, thì Young có thể đã xem xét những từ đầu tiên trong câu tiếng Hy Lạp và so sánh chúng với những từ tương ứng trong tiếng Ai Cập. Nhưng ai biết liệu hai ngôn ngữ có sắp xếp các từ theo cùng một thứ tự hay không? Đối với vấn đề đó, các chữ tượng hình đã diễu hành mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào. Làm thế nào bạn thậm chí có thể chọn ra từng từ riêng lẻ, chứ đừng nói đến việc suy luận bất cứ điều gì về cấu trúc và cú pháp?

Mặc dù vậy, linh cảm của Young rằng vỏ đạn của Phiến đá Rosetta có tên *Ptolemy* là đúng hơn những gì anh biết. Ở Ai Cập cổ đại, hình bầu dục của vỏ đạn đã kể một câu chuyện của riêng nó. Một vỏ đạn mô tả một sợi dây với các đầu của nó được buộc lại với nhau. Vòng lặp vô tận đó tượng trưng cho mặt trời trên đường đi của nó quanh bầu trời; bằng cách bao quanh tên của pharaoh, vỏ đạn đóng vai trò như một lời nhắc nhở rằng quy tắc của ông đã mở rộng đến những nơi xa nhất của mặt trời. Các nhà sử học Lesley và Roy Adkins giải thích rằng hình ảnh này phục vụ người Ai Cập cổ đại, giống như tiếng kêu “Đức vua vạn tuế!” phục vụ người Anh.

Chúng tôi biết điều này bởi vì các nhà Ai Cập học cuối cùng đã đọc được các văn bản nói như vậy. Chúng ta có thể tưởng tượng các thế hệ tương lai không biết gì về các biểu tượng mà *chúng ta* coi là hiển nhiên. Liệu các nhà khảo cổ học trong nhiều thế kỷ tới có hiểu được rằng bóng đèn trên đầu một người từng có nghĩa là *Eureka* không?

Chiến lược bắt đầu bằng những cái tên nước ngoài, khi bạn bắt đầu cố gắng giải mã một ngôn ngữ chưa biết, dường như gần như hiển nhiên trong nhận thức muộn màng. Đó thường là số phận của những ý tưởng hay, chúng sẽ mất đi về bóng bẩy (giống như trò ảo thuật) ngay khi chúng được giải thích.

Ngày nay bắt đầu bằng tên là thông lệ tiêu chuẩn cho người giải mã. Tên là đặc biệt, cho dù chúng đề cập đến con người hay địa điểm. Khi bạn di chuyển giữa các ngôn ngữ, không có lý do gì mà các từ thông thường có cùng nghĩa lại trông giống nhau. *House*, *maison* và *casa* trông khác nhau, và điều đó không có gì ngạc nhiên. Nhưng những cái tên *Albert Einstein* và *Amsterdam* sẽ xuất hiện gần như giống nhau dù trên *New York Times* hay *Le Monde* hay *El Mundo*.

Ngay cả khi các tập lệnh khác nhau, một cái tên có thể cung cấp cho người giải mã một số gợi ý. *Albert Einstein* trong tiếng Nga là *Альберт Эйнштейн*; *Leo Tolstoy* là *Người hùng vĩ đại*. Ý tưởng sáng suốt của Young là, ngay cả khi bạn đang xử lý các chữ viết không chỉ khác nhau mà còn *hoàn toàn* khác biệt, chẳng hạn như tiếng Trung Quốc hay tiếng Ai Cập, thì những cái tên vẫn có thể đưa ra một điểm khởi đầu.

Young dường như đã tự mình nghĩ ra ý tưởng này và chắc chắn anh ấy là người đầu tiên áp dụng nó vào Rosetta Stone, nhưng những người khác đã nghĩ ra nó trước anh ấy. Champollion đã tìm ra tầm quan trọng của những cái tên từ nửa chục năm trước, vào năm 1810, và không cần đến Trung Quốc. Ông đã lưu ý, đơn giản là một vấn đề logic, nếu người Ai Cập có cách sử dụng chữ tượng hình để viết tên nước ngoài, thì một số chữ tượng hình nhất định *phải* tương ứng với âm thanh. Nhưng sau đó anh vội vàng chuyển sang chủ đề khác.

Người đầu tiên chỉ ra giá trị của những cái tên trong việc giải mã các ngôn ngữ cổ đại là Gottfried Leibniz, một trong những thiên tài đáng sợ nhất trong lịch sử (và là đối thủ lớn của Isaac Newton). Đó là vào năm 1714, trước Young cả thế kỷ, nhưng Leibniz gần như luôn đi trước những người khác hàng dặm. Chẳng hạn, ông là người đầu tiên hình dung ra chiếc máy tính, mặc dù ông sống trong một thế giới không có điện.

Trong mọi trường hợp, Leibniz là một kiểu Trẻ trước thời đại - cả đàn ông là đối tượng của tiểu sử có tiêu đề *Người đàn ông cuối cùng biết tất cả mọi thứ* —và thật phù hợp khi suy nghĩ của họ diễn ra trên những dòng giống nhau. (Leibniz là một nhân vật đáng sợ đến mức ngay cả những nhà tư tưởng siêu phàm cũng phải run sợ khi họ chiêm ngưỡng khả năng của anh ta. “ Khi một người... so sánh những tài năng nhỏ bé của mình với những tài năng của một Leibniz,” Denis Diderot, nhà triết học/nhà thơ, người đã biên soạn một bộ bách khoa toàn thư về kiến thức nhân loại, “người ta có xu hướng vứt bỏ sách vở của mình và chết một cách thanh thản trong vực sâu của góc tối nào đó.”)

Leibniz có một nỗi ám ảnh lâu dài về việc tạo ra một ngôn ngữ toàn cầu. Nhiều nhà tư tưởng trong thời đại của ông cũng vậy, tất cả họ đều được truyền cảm hứng từ những thắng lợi của Cách mạng Khoa học. Một mũi tên bắn lên không trung ở Trung Quốc theo cùng một đường cung như ở Anh. Đó không phải là tin tức; điều kỳ diệu là một nhà toán học Trung Quốc và một nhà toán học người Anh có thể mô tả cùng đó trong cùng một phương trình bằng cách sử dụng cùng các ký hiệu toán học. Và chắc chắn rằng, nếu một ngôn ngữ toán học mới được phát minh có thể mô tả vô số điều kỳ diệu

của thế giới tự nhiên, thì một ngôn ngữ hình ảnh bóng bẩy có thể thay thế bản giao hưởng đã làm hỏng thế giới kể từ Babel.

Do đó, niềm đam mê với các chữ tượng hình Ai Cập, mà theo đánh giá của Leibniz và những người cùng thời với ông đã thể hiện nỗ lực ban đầu nhằm nắm bắt những sự thật sâu sắc trong các biểu tượng phổ quát. Trong quá trình cân nhắc về bản chất của một ngôn ngữ phổ quát như vậy, Leibniz đã tình cờ phát hiện ra cái nhìn sâu sắc của mình về việc giải mã các tên nước ngoài.

Nhưng Leibniz không có Rosetta Stone.

Young đã làm, và việc đọc *Ptolemy của anh ấy* sẽ chứng minh là đúng. Đó chỉ là một từ, nhưng trong mười lăm thế kỷ không có từ nào cả. Từ một từ đến toàn bộ ngôn ngữ là một khoảng cách lớn. Nhưng từ con số không đến con số một còn xa hơn nhiều, và Young đã vượt qua khoảng cách đó.

[tôi](#). Nếu không nhờ một vận may may mắn khác, sự nghiệp nghiên cứu của Alexander Fleming có thể đã không bao giờ bắt đầu. Fleming tình cờ là một tay bắn súng trường lão luyện. Sau khi tốt nghiệp trường y, anh ấy đã có ý định tiếp tục sự nghiệp phẫu thuật. Nhưng một bệnh viện có chương trình nghiên cứu lại có câu lạc bộ súng trường, và họ tuyển Fleming tham gia vì tài thiện xạ của anh ta. Anh ấy sẽ ở lại Bệnh viện St. Mary ở London trong suốt sự nghiệp của mình.

[II](#). Để thuận tiện, những vỏ đạn này được vẽ để đọc từ trái sang phải. Bản gốc đọc từ phải sang trái, nhưng điều đó làm cho việc so sánh với tiếng Hy Lạp và tiếng Anh trở nên khó khăn hơn.

CHƯƠNG MƯỜI MƯỜI

Phía trước của lĩnh vực này

Trong những năm từ khoảng 1814 đến khoảng 1820, Young chủ yếu sở hữu Viên đá Rosetta cho riêng mình. Đây là những năm tồi tệ đối với Champollion. Sức khỏe của anh ấy chưa bao giờ tốt—trong suốt cuộc đời, anh ấy phải chịu đựng những cơn chóng mặt khó lường, sốt, ngứa xiu và những cơn ho khiến anh ấy gần như không thể thở được—và gần đây mọi thứ trở nên tồi tệ hơn. Trong khi đó, sự sụp đổ của Napoléon đồng nghĩa với sự trở lại của chế độ quân chủ Pháp và những cơ hội mới cho những người ủng hộ chế độ này. Đó là tin xấu đối với những người theo chủ nghĩa chống bảo hoàng như Champollion.

Tuyệt vọng và suy sụp, ông thú nhận nỗi sợ hãi của mình với anh trai trong một bức thư viết năm 1814. “Số phận của tôi là rõ ràng.... Tôi sẽ cố gắng mua một cái thùng [để sống] như Diogenes... Tôi tin chắc rằng mình sinh ra vào thời điểm tồi tệ và không điều gì tôi mong muốn nhất sẽ thành công.”

Năm 1816, cả hai anh em đều bị đuổi khỏi công việc giảng viên tại Đại học Grenoble, với lý do không đáng tin cậy về chính trị, và bị kết án lưu đầy trong nước tại quê hương của họ, Figeac. Quản trí, Champollion dự tính viễn cảnh từ bỏ cuộc sống học thuật và thay vào đó theo ngành luật. “Bạn sẽ nói với tôi rằng nó giống như một linh mục trở thành một người thợ xây,” anh ấy nói với anh trai mình, “nhưng điều đó có nghĩa lý gì nếu linh mục không ăn và họ có bột ở cối xay?”

Tuy nhiên, Champollion vẫn để mắt đến giải thưởng. Trong suốt quãng thời gian ảm đạm này, anh ấy tiếp tục tập trung vào việc nghiên cứu tiếng Coptic, với niềm tin chắc chắn rằng một ngày nào đó nó sẽ chứng minh được chìa khóa của chữ tượng hình. “Từ điển tiếng Coptic của tôi mỗi ngày một dày lên,” ông viết vào năm 1816. “Trong khi đó, tác giả ngày càng gầy đi.”

Trong khi chờ đợi, Young tiến lên phía trước, mặc dù vở đạn Ptolemy là thứ duy nhất trên Rosetta Stone. Phần lớn, anh ấy dựa vào năng khiếu nhận dạng mẫu của mình, tìm kiếm các chuỗi chữ tượng hình có vẻ khớp với các từ lặp lại trong tiếng Hy Lạp. Văn bản tiếng Hy Lạp nhắc đi nhắc lại những

từ như *vua* , *ngày* , *tháng* và *thần* , và Young đã tìm thấy các chữ tượng hình, hoặc các chuỗi chữ tượng hình ngắn, ở đúng vị trí.

Với mục đích giải mã các chữ tượng hình nói chung chứ không chỉ những chữ trên Rosetta Stone, Young tiếp tục thu thập các chữ khắc từ khắp nơi. Ông tìm thấy các biểu tượng dường như tương ứng với *một* và *hai* và *mười* . Anh ấy cũng nhận thấy rằng một số vỏ đạn có cùng một cặp chữ tượng hình ở cuối—một hình bán nguyệt phía trên một hình bầu dục—và anh ấy đề xuất rằng đây là dấu hiệu dành cho phụ nữ, có lẽ biểu thị *một* nữ hoàng hoặc một nữ thần.

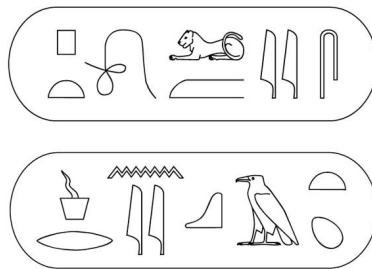
Hầu hết những phỏng đoán này đều đúng, nhưng điều quan trọng cần nhớ là việc so khớp không giống như đọc. Young đã cố gắng xác định một số chuỗi chữ tượng hình nhất định, nhưng nguyên tắc đằng sau chúng vẫn lảng tránh anh. Theo cách tương tự, một đứa trẻ mới biết đi ngày nay có thể học cách nhận ra từ con chó (có lẽ vì nó xuất hiện dưới hình ảnh những con chó trong sách của cô ấy) ngay cả khi cô ấy không biết cách phát âm các chữ cái.

, Young đã tìm thấy từ *pharaoh* trong chữ tượng hình, nhưng anh ấy không biết rằng mình đã tìm thấy nó. Anh ấy tin rằng anh ấy đã tìm thấy từ ngôi đền *hoặc* có lẽ là *ngôi nhà lớn* . Và thực sự anh ấy đã có.

Nhưng anh ấy không biết rằng ký hiệu đầu tiên có nghĩa là *tuyệt vời* , và anh ấy không biết rằng nó được phát âm là *per* , anh ấy cũng không biết rằng ký hiệu thứ hai có nghĩa là *ngôi nhà* và được phát âm là *aa* . Anh ta cũng không thể biết rằng người Ai Cập gọi nhà vua là *đại gia tộc* — *per-aa* , hay *pharaoh*— theo cách mà chúng ta có thể nói, “*Nhà Trắng thông báo...*,” khi chúng ta muốn nói, “*Tổng thống thông báo ...*”

Tuổi trẻ đôi khi lầm lỡ. Trong một vỏ đạn từ ngôi đền ở Karnak, ở Thebes, anh cảm thấy chắc chắn rằng mình đã phát hiện ra tên của một nữ hoàng, Berenice. Ngôi đền có những dòng chữ bằng cả tiếng Hy Lạp và chữ tượng hình, và Young cũng đã phát hiện ra cái tên *Ptolemy* trong tiếng Hy Lạp. (Cái này không phải là Ptolemy của Rosetta Stone, Ptolemy V, mà là tổ tiên, Ptolemy I.) [Tôi](#)

Young cũng nhìn thấy hai vỏ đạn có chữ tượng hình. Chữ tượng hình trong một vỏ đạn khớp với chữ tượng hình *Ptolemy* trên Đá Rosetta.



Đó chỉ là những gì Young đã hy vọng và mong đợi. Còn lại vỏ đạn thứ hai, trong đó có một chuỗi khoảng nửa tá chữ tượng hình. Hai biểu tượng cuối cùng là hình bán nguyệt và hình bầu dục mà Young đã xác định là có nghĩa là *nữ hoàng*.

Sau đó, đây là hai vỏ đạn, một cho Ptolemy và cái còn lại cho hoàng hậu của ông. Young biết từ các văn bản Hy Lạp cổ đại rằng Ptolemy tôi đã kết hôn với một nữ quý tộc Macedonian tên là Berenike (đôi khi được viết là *Berenice*). Hai vỏ đạn, hai cái tên cao quý. Các mảnh ghép hình hiểm khi xếp hàng gọn gàng như vậy.

Berenike không phải là Cleopatra, nhưng theo tiêu chuẩn của thời cổ đại, bà là một người nổi tiếng. Bà và Ptolemy đã được vẽ trên một đồng xu, và nhà thơ Hy Lạp Theocritus, sống vào khoảng năm 270 trước Công nguyên, đã ca ngợi “Berenike công bằng” và “Berenike nổi tiếng”. Theocritus đã viết, cô ấy là người vợ tuyệt vời nhất. “Chưa bao giờ người phụ nữ nào mang lại cho đàn ông niềm vui lớn như Ptolemy đã chiếm được tình yêu của anh ta với người vợ đó.”

Trên hết, theo quan điểm của Young, *Berenike* là một cái tên nước ngoài. Điều đó có nghĩa là anh ấy có thể áp dụng thủ thuật phát âm ra chữ tượng hình của mình. (Young cho rằng tên của các pharaoh Ai Cập bản địa cũng được viết bằng chữ tượng hình, nhưng ông nghĩ rằng những chữ tượng hình đó đại diện cho ý tưởng hơn là âm thanh. Quan điểm của ông là chữ tượng hình ý tưởng có ý nghĩa nhưng không tương ứng với âm thanh, đại khái là cách mà một khuôn mặt cười hoặc đầu lâu xương chéo hoạt động với chúng ta.)

Young đã đọc một tên hoàng gia, *Ptolemy*. Bây giờ anh ấy sẽ thêm một cái tên khác vào bộ sưu tập của mình, cùng với một số chữ tượng hình mới.

Thật không may, *Berenike* hầu như không có âm thanh chung với *Ptolemy*, vì vậy Young phải bắt đầu lại từ đầu. Điều này giống như việc điền vào câu trả lời ô chữ trong một phần mới của câu đố, nơi không có câu trả lời giao nhau để xây dựng.

Chữ tượng hình đầu tiên trong vỏ đạn *Berenike* trông giống như một loại vật chứa nào đó. Trái tim của Young bay bổng lên vì từ tiếng Coptic có nghĩa là cái giỏ là *bir*, nghe giống như phần đầu của tên Berenike. *Có lẽ chữ tượng hình là một loại rebus?* Một chữ tượng hình gần cuối sợi dây, ngay trước hình bán nguyệt phía trên hình bầu dục, là một con chim. Young coi đó là một con ngỗng, và ông lưu ý rằng theo một số nguồn, từ Coptic cho *ngỗng* bắt đầu bằng chữ *K*.

Với âm đầu tiên và âm cuối của *Berenike* hiện đã có trong tay, Young đã làm việc theo cách của mình, gán các chữ tượng hình can thiệp trong vỏ đạn cho các chữ cái can thiệp trong tên của Berenike (và loại bỏ một sự phù hợp xấu là “không cần thiết”).

Đây không phải là gian lận hoàn toàn, nhưng đó là mơ tưởng. “Những người ủng hộ nồng nhiệt nhất của Tiến sĩ Young,” một nhà viết tiểu sử ở thế kỷ 19 đã viết, “phải thừa nhận rằng phân tích này... đáng tin cậy vào sự khéo léo của ông ấy hơn là sự phán xét của ông ấy.”

Vấn đề là cái giỏ hóa ra là lư hương, còn con ngỗng lại là đại bàng. (Sự nhầm lẫn về những con chim không phải là lỗi của Young. Anh ấy đã trở thành nạn nhân của một lỗi đánh máy tương đương; người sao chép dòng chữ đã vẽ một con ngỗng trong khi bản gốc có một con đại bàng.)

Young đã vấp phải câu trả lời đúng - cái tên trong vở đạn thực sự là *Berenike* - nhưng điều này cứ như thể một thám tử đang đuổi theo một tên tội phạm. Thay vào đó, kẻ tình nghi lái một chiếc xe bán tải màu đỏ đã tấp vào lề một chiếc ô tô thể thao màu vàng và nhờ một sự may mắn, anh ta đã tìm thấy chính tên trộm mà anh ta đang truy đuổi.

Để phạm sai lầm không phải là một vụ bê bối. Mọi người giải mã đều sai vô số lần. (Ngay cả những người giải ô chữ cũng sử dụng bút chì thay vì mực.) Và số lần đảo chính của Young vượt xa số bước sai lầm của anh ta.

Nhiều thứ tinh tế đến mức thật ấn tượng khi ông ấy đã khai quật được chúng, chứ chưa nói đến việc ông ấy còn rất sớm trong sự nghiệp giải mã. Chẳng hạn, Young nhận thấy không chỉ các chữ tượng hình hình bán nguyệt và hình bầu dục truyền tải thông tin— *đây là tên của một người phụ nữ*— mà cách tiếp cận của người Ai Cập khác với cách tiếp cận được sử dụng trong tiếng Anh với các từ kiểu cổ như *nữ diễn viên* và *nữ thi sĩ*.

Trong tiếng Ai Cập, các ký hiệu không phải là một phần của từ đứng trước chúng và chúng không được phát âm. (Cũng không có bất kỳ dấu hiệu nào, chẳng hạn như gạch chân hoặc dấu trọng âm, phân biệt chúng với chữ tượng hình thông thường.) Người đọc chỉ cần ghi nhận thông tin được chuyển tải trong các ký hiệu, gần giống như cách mà một độc giả hiện đại sẽ ghi chú những chữ in nghiêng ở Chicago và sẽ biết rằng đây là một tham chiếu đến bộ phim hơn là thành phố.

Cách tiếp cận của Young để giải mã cũng quan trọng như chính những tiến bộ đó. Trong tay của tất cả những người tiền nhiệm của ông, “bản dịch” là một trò chơi tùy ý, trong đó bất kỳ chuỗi ký tự tượng hình nào cũng có thể mang lại bất kỳ ý nghĩa nào. Giải mã các chữ tượng hình là một bài tập không có quy tắc và không có giới hạn, giống như tìm hình dạng trong các đám mây. (“Bạn có thấy đám mây đằng kia gần giống hình con lạc đà không?” Hamlet trêu chọc Polonius, trước khi buộc anh ta phải đồng ý rằng sau khi suy nghĩ lại, nó “giống con chồn” hoặc có lẽ “giống con cá voi hơn.”) Những câu đố của Young- chiến lược giải dựa trên những phỏng đoán cụ thể có thể được kiểm tra, không dựa trên niềm tin.

Quan trọng nhất, Young đã tạo ra một bước đột phá về mặt khái niệm. Bằng cách giải mã *Ptolemy* trên Rosetta Stone, ông đã chỉ ra rằng chữ tượng hình đôi khi đại diện cho âm thanh.

Tuyên bố đơn giản đó có ý nghĩa to lớn. Nếu chữ tượng hình là âm thanh, thì chúng không phải là ý tưởng. Điều đó có nghĩa là mọi cơ quan có thẩm quyền trong mười lăm thế kỷ đã hiểu sai câu chuyện.

Đó là một bước tiến lớn, nhưng Young vẫn tập trung hoàn toàn vào những cái tên - hơn là những từ - và những cái tên nước ngoài ở thời điểm đó. Anh ấy vẫn chưa xem xét một khả năng đáng kinh ngạc và rộng lớn hơn nhiều. Có lẽ người Ai Cập cổ đại cũng đã sử dụng chữ tượng hình để đánh vần các từ tiếng Ai Cập thông thường? Trong trường hợp đó, sư tử, chim chóc và rắn sẽ là những công cụ hàng ngày để đặt ra những từ hàng ngày hơn là những công cụ kỳ lạ chỉ được sử dụng cho những trường hợp hiếm hoi liên quan đến những cái tên kỳ lạ của những kẻ thống trị nước ngoài.

Trong nhận thức muộn màng, việc chuyển từ tên sang từ trông giống như một bước nhỏ. Vào thời điểm đó, nó đòi hỏi một bước nhảy vọt về tinh thần. Dù là những thiên tài nhưng cả Young và Champollion đều không nhìn thấy cơ hội của mình. Cả hai người đàn ông đều chưa thấy mình đã phát ra từ gần như thế nào. Nếu bạn có thể phát âm một từ hôm nay, thì có lẽ bạn có thể phát âm thêm một vài từ vào ngày mai. Và cuối cùng, nếu mọi việc suôn sẻ, sẽ có nhiều hơn nữa. Bạn có thể hồi sinh một ngôn ngữ đã chết.

Họ đã gần như va vào giải thưởng, nhưng cho đến nay vẫn chưa ai nhìn thấy nó.

Vào tháng 12 năm 1819, Young đã viết những phát hiện của mình trong một bài báo lớn cho *Encyclopedia Britannica*, có tựa đề “Ai Cập”. Britannica của thời đại đó là chuyến bay hàng đầu, với các nhà văn nổi tiếng như Ngài Walter Scott (người đã viết một mục có tên “Tinh thần hiệp sĩ”) và John Stuart Mill (“Chính phủ”). Young viết ẩn danh, tùy thích, nhưng anh ấy nói với bạn mình là Gurney rằng “tất cả những người có sự chấp thuận đáng giá sẽ biết tác giả.

Anh ấy thảo luận về Phiến đá Rosetta và giải thích về các vỏ đạn cũng như tầm quan trọng của những cái tên nước ngoài, đồng thời kể câu chuyện về việc anh ấy đã giải mã *Ptolemy* và *Berenice như thế nào*, đồng thời liệt kê những chữ tượng hình mà anh ấy đã cố gắng khớp với âm thanh.

Bài báo *Britannica* đóng vai trò như một loại điểm đánh dấu, và nó đã giúp Young vượt lên dẫn trước bất kỳ đối thủ nào. “Các nhà Ai Cập học Lesley và Roy Adkins đã nhận xét rằng Young đã vượt xa mọi thứ mà Champollion đã từng xuất bản về chữ tượng hình (vốn hầu như không là gì cả), “và dường như không ai có thể vượt qua được ông ấy với vị trí dẫn đầu như vậy.”

[tôi](#). Ptolemy I là một trong những giai thoại nổi tiếng nhất trong lịch sử khoa học. Euclid, cha đẻ của hình học, dạy toán ở Alexandria dưới triều đại của Ptolemy. Thất vọng vì không thể nắm bắt được các định lý và chứng minh trong kiệt tác của Euclid, *Các cơ sở*, Ptolemy đã hỏi liệu có cách nào dễ dàng hơn không. “Không có con đường hoàng gia nào dẫn đến hình học,” Euclid nói với đức vua của mình.

CHƯƠNG MƯỜI LƯỚI

Lạc vào mê cung

Thomas Young luôn tỏ ra không bao giờ đổ mồ hôi—một người bạn học đại học ngạc nhiên rằng “không có cuốn sách nào chất đống trên sàn, không có giấy tờ vương vãi trên bàn, và căn phòng của anh ấy có vẻ như thuộc về một người đàn ông nhàn rỗi” - nhưng sự thật thì anh ấy làm việc đều đặn và không tiếc tay. Một tấm bảng ở Tu viện Westminster để vinh danh anh ấy chạy qua một danh sách dài các thành tích và tuyên bố, một cách chính xác, rằng Young là “bệnh nhân chuyển dạ không ngừng.”

Nhưng ngay cả những nhà giải mã tài năng nhất cũng dành phần lớn thời gian của họ trong sự cô đơn và thất vọng, lang thang lạc lối trong bóng tối và vẫn cảm thấy chắc chắn rằng những manh mối quan trọng được giấu kín chỉ ở khoảng cách gần như *thế này*. Sống trong thế giới ngâm đó giữa hy vọng và tuyệt vọng, bị mắc kẹt gần như ở đó nhưng không ở gần, thật ly kỳ nhưng cũng thật điên rồ. “Đừng nản lòng về văn bản Ai Cập,” anh trai của Champollion viết cho ông vào năm 1804, sau những nỗ lực đầu tiên của ông đối với Phiến đá Rosetta không mang lại kết quả gì. Nếu anh ta có thể giải được dù chỉ một phần nhỏ của câu đố, toàn bộ câu đố sẽ mở ra. “Một chữ cái sẽ dẫn bạn đến một từ, một từ dẫn đến một câu, và một câu dẫn đến tất cả những thứ còn lại, và do đó, mọi thứ ít nhiều đều chứa trong một chữ cái.”

Và vì vậy bạn không bao giờ có thể tạm dừng để nghỉ ngơi.

Sự ám ảnh là chìa khóa. Một trong những nhà giải mã lỗi lạc nhất từng sống, một người Anh tên là Michael Ventris, đã đóng vai chính trong chiến thắng ngôn ngữ có lẽ là khó khăn nhất trong số họ. Vào những năm 1950, không cần sự trợ giúp của bất kỳ thứ gì như Phiến đá Rosetta, Ventris đã giải mã được Linear B. Đây là hình thức sớm nhất được biết đến của tiếng Hy Lạp, từ một nghìn năm trước thời đại của Socrates và Plato. Nếu cuộc chiến thành Troy thực sự diễn ra thì các nhà khảo cổ chưa bao giờ giải quyết được vấn đề. swer—Linear B có thể đã ghi lại ngôn ngữ mà Odysseus và Achilles nói.

Các văn bản Linear B đầu tiên được phát hiện ở Crete. Đây là hòn đảo quê hương, ít nhất là trong thần thoại, của Vua Minos và mê cung với

Minotaur ăn thịt người ở trung tâm. Đối với tất cả những người sành sỏi về giải mã và phá mã, câu chuyện về mê cung ẩn chứa bên trong nó một phần thưởng đặc biệt. Theo truyền thuyết, con gái của Minos, Ariadne, đã đưa cho Theseus một cuộn dây—một *clewe*, trong tiếng Anh Trung cổ—để sau khi giết Minotaur, anh ta có thể đi theo sợi dây và tìm đường trở lại mê cung. Cuối cùng, từ *clewe* đã trở thành *manh mối*, vẫn giữ nguyên nghĩa ban đầu là gợi ý để làm sáng tỏ một bí ẩn. Việc sử dụng đã ăn sâu vào ngôn ngữ đến mức cho đến ngày nay chúng ta vẫn nói về việc “theo chủ đề” của một lời giải thích khó.

Ventris là một pháp sư ngôn ngữ lão luyện như bất kỳ ai đã từng làm sáng tỏ những bí ẩn khảo cổ học. Anh ấy rất xuất sắc, và cũng quan trọng không kém, anh ấy không ngừng nghỉ. Trong Thế chiến II, ông làm hoa tiêu cho Lực lượng Không quân Hoàng gia. Khi anh ấy bay trở về căn cứ sau các cuộc ném bom ở Đức, một nhà báo đã viết, “Ventris sẽ bắt đầu hành trình và sau đó, dọn sạch một khoảng trống trên bàn hoa tiêu, vui vẻ bắt đầu làm việc với các tài liệu Linear B của mình, trong khi máy bay rền rĩ trên đường về nhà, đèn rọi vờn những ngón tay thăm dò của chúng và những loạt pháo nổ làm rung chuyển chiếc máy bay ném bom.

Không màng đến tiếng súng đơn thuần, Ventris xem công việc của hoa tiêu, một người bạn nhận xét, là “thực sự là một công việc bàn giấy, ở giữa máy bay.” Sự nguy hiểm đã được bù đắp bởi sự hấp dẫn của bí ẩn. Vài năm sau khi chiến tranh kết thúc, Ventris cuối cùng đã tạo ra bước đột phá của mình. “Khoảng hai giờ sáng cánh cửa bật mở,” một đồng nghiệp nhớ lại, “và Michael xông vào và nói, 'Bạn có muốn trở thành người thứ hai trong bốn nghìn năm đọc được bản kinh này không?' ”

Trong quá trình giải mã và phá mã, ngay cả những bước tiến nhỏ nhất cũng gặp rất nhiều khó khăn, bất kể chúng có thể xuất hiện rõ ràng như thế nào trong nhận thức muộn màng. Các nhà sử học hoan nghênh bước đột phá của một giám mục người Anh tên là William Warburton, người đã viết về chữ tượng hình vào năm 1744. Cuộc đảo chính vĩ đại của Warburton là coi chữ tượng hình là từ, không hóa trang; vai trò của họ là *nói* điều gì đó. Chữ tượng hình, Warburton táo bạo đề xuất, là “nhằm mục đích lưu giữ ký ức về hành động và suy nghĩ của con người, chứ không phải được phát minh ra với mục đích giữ bí mật như người ta vẫn tin cho đến nay.”

Ngay cả đối với những thiên tài, quá trình này diễn ra chậm chạp một cách khó chịu. Champollion đã cố gắng giải mã một cuốn giấy coi của Ai Cập vào năm 1808, và cuối cùng thú nhận với anh trai rằng các biểu tượng đã cản trở ông. “Tôi đã nghiên cứu chúng, cân nhắc trong cả ngày, và Tôi chẳng hiểu gì cả.” Trong một bài giảng hai năm sau, vào năm 1810, ông tự hào tuyên bố: “Tôi tin chắc rằng một chữ tượng hình đơn lẻ, nghĩa là đứng riêng lẻ, không có giá trị gì, nhưng chúng được sắp xếp theo nhóm mà tôi có thể dễ dàng phân biệt được.”

Điều này là đúng và rất quan trọng, nhưng hãy nghĩ xem Champollion đã phải tốn bao nhiêu công sức mới có thể tiến được khoảng cách rất nhỏ so với vạch xuất phát. Cứ như thế, sau hàng nghìn giờ nghiền ngẫm những cuốn sách và tạp chí viết bằng tiếng Anh, bạn tuyên bố rằng một chữ cái duy nhất - *B* chẳng hạn - chẳng có nghĩa gì cả. Nhưng có cả chuỗi ký tự mà bạn đã nhận ra. Bạn có thể đã tìm thấy *big*, có lẽ, hoặc *table*, hoặc *Mobil*, mặc dù không hề biết ý nghĩa của chúng.

Những câu chuyện về phát minh hoặc khám phá luôn có sự cân bằng sai, bởi vì một bức tranh chân thực sẽ kéo dài từ những khởi đầu sai lầm và sự lang thang vô ích, chứ không phải về những đột phá cực hiếm. Không độc giả nào có thể chịu đựng được một câu chuyện buồn đến thế. Sau khi sự thật cuối cùng đã được tìm ra, Einstein từng nhận xét: “Thành tích đáng mừng dường như là một lẽ tất nhiên, và bất kỳ học sinh thông minh nào cũng có thể nắm bắt được nó mà không gặp quá nhiều khó khăn. Nhưng những năm tìm kiếm khắc khoải trong bóng tối, với niềm khao khát mãnh liệt, sự xen kẽ giữa tự tin và kiệt sức, và cuối cùng là bước ra ánh sáng—chỉ những ai đã từng trải qua mới có thể hiểu được điều đó.”

Rất ít người muốn dành cả cuộc đời của họ cho một nhiệm vụ mệt mỏi như vậy. Và khi bạn chuyển sang giải mã và phá mã các câu đố nói riêng, trái ngược với các bí ẩn khoa học nói chung, yêu cầu công việc ngày càng khắt khe hơn. Bây giờ, ngoài trí tuệ và sự kiên trì, bạn cần có hai đặc điểm hiếm khi được tìm thấy cùng nhau.

Điều cốt yếu, nhà sử học Stephen Budiansky viết, là “một khả năng chịu đựng gần như vô hạn đối với công việc nặng nhọc và chi tiết lặp đi lặp lại” cùng với “hoàn toàn ngược lại” với những đặc điểm đó, một món quà để tạo ra những bước nhảy vọt bất ngờ và đáng kinh ngạc của trí tưởng tượng. “Nhà giải mã lý tưởng là Beethoven với tâm hồn của một kế toán viên; hoặc ngược lại.”

Hai trong số những nhà mật mã học nổi tiếng nhất, nhóm vợ chồng của William và Elizebeth Friedman, đã viết một bài luận nhấn mạnh một điểm liên quan. (Cả hai đã cùng nhau giải mã hàng nghìn thông tin được mã hóa của Đức Quốc xã trong Thế chiến thứ hai.) Giải mã là sự kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật, Friedmans giải thích, nhưng là một sự kết hợp rõ ràng là kỳ quặc. “Không có ngành khoa học nào khác mà các quy tắc và nguyên tắc lại ít được tuân theo và thường xuyên bị phá vỡ như vậy; và không có môn nghệ thuật nào khác mà vai trò của lý luận và logic lại tuyệt vời như vậy.”

Như thế việc kết hợp giữa óc khoa học và khiếu nghệ thuật không phải là hiếm, những người viết mã và giải mã vẫn cần một đặc điểm khác thường khác. Theo lời của Stephen Budiansky, họ phải gần như hoang tưởng. “Không phải 'hoang tưởng' theo nghĩa có một khu phức hợp bị đàn áp, mà

hoang tưởng theo nghĩa tin rằng ẩn chứa trong một số chi tiết gần như không liên quan là một sự thật vĩ đại; hoang tưởng theo nghĩa tin rằng một người có thể nhìn thấy những gì mà những người khác đã không nhìn thấy.”

Có lẽ đây là một điểm giống nhau giữa Champollion và Young. Mỗi người đàn ông đều có một niềm tin thanh thản rằng anh ta là một trong những người được chọn lọc của tự nhiên, nắm giữ những bí mật mà người khác không thể nhìn thấy. Mỗi người đều hoàn toàn tự tin vào tài năng của mình, cùng với niềm tin sâu sắc vào câu ngạn ngữ rằng “người đi một mình nhanh nhất”.

Theo truyền thuyết của gia đình Champollion, được kể lại một cách đáng yêu qua nhiều năm, một thầy lang địa phương đã nói với mẹ của ông khi bà mang thai Jean-François rằng bà sẽ sinh một cậu con trai “sẽ là một ánh sáng của nhiều thế kỷ tới.” Năm 11 tuổi, theo một câu chuyện gia đình khác, Champollion gặp nhà thông thái Joseph Fourier, người đã cho ông xem một số chữ khắc bằng chữ tượng hình. Vào thời điểm đó, Champollion sau này sẽ tuyên bố, anh thề rằng một ngày nào đó anh sẽ trở thành người đầu tiên giải mã được chữ tượng hình.

Young cũng vậy, ngay từ thời thơ ấu đã thể hiện sự kiên định không lay chuyển để đi theo con đường của riêng mình. (Anh ấy suy đoán rằng nền giáo dục Quaker của anh ấy đã thấm nhuần trong anh ấy một “sự khinh miệt hoàn toàn đối với dư luận.”) Vào khoảng sáu tuổi, Young nhớ lại trong một bài tiểu luận tự truyện, anh ấy đã được gửi đến một “trường nội trú khôn khổ.” Ngay từ đầu, anh ấy đã khẳng định sự độc lập của mình: “Ngay cả ở tuổi này, tôi đã bắt đầu là giáo viên của chính mình.” Lời khen ngợi cao nhất mà anh ấy có thể dành cho một trong những giáo viên thực sự của mình là ông “có lý khi để cho các học trò của mình một chút quyền tự quyết trong việc sử dụng thời gian của chúng.” Young là một con ngựa con sẽ không bị phá vỡ.

Anh ấy không bao giờ nhượng bộ. Trong công trình khoa học của mình, và không chỉ ở đó, anh ấy tuyên bố mình “bị thuyết phục về lợi ích của việc thực hiện mọi quan sát với hỗ trợ càng ít càng tốt.”

Ngay cả khi họ không phải là thiên tài như Young và Champollion, thì những người giải mã và giải mã có xu hướng là những kẻ ngoại đạo và lập dị. Tài năng có thể xuất hiện ở bất cứ đâu. Bletchley Park tuyển dụng không chỉ các nhà khoa học và ngôn ngữ học mà còn những người giải ô chữ giỏi nhất ở Anh (họ chỉ được thông báo rằng họ có thể giúp đỡ trong “một vấn đề quan trọng của quốc gia”). [II](#)

Trong thế giới giải mã, khả năng giải quyết vấn đề tinh tế là tấm vé vào cửa duy nhất; thông tin học tập là bên cạnh điểm. Mary Beard, nhà cổ điển học viết: “Trong tưởng tượng của chúng ta, tất cả chúng ta đều có thể trở thành những người phá mã.”

Tất cả chúng ta đều có thể làm được, ít nhất, miễn là chúng ta đều thông minh và chăm chỉ không ngừng. Đó là câu chuyện có thật của tất cả *Eureka!* đột phá, và không chỉ trong lĩnh vực giải mã đặc biệt. Ngay cả đối với Isaac Newton, người tiên nhiệm vĩ đại của Young và có lẽ là trí tuệ mạnh mẽ nhất trong lịch sử phương Tây, thiên tài là chưa đủ. Sức chịu đựng và sự bướng bỉnh đóng một vai trò lớn. *Làm thế nào bạn đưa ra lý thuyết về lực hấp dẫn?* Người ta hỏi Newton khi đã về già, và câu trả lời của ông rất thẳng thắn. “ Bằng cách liên tục suy nghĩ về nó.”

Newton không bao giờ nói đùa—một người quen thân chỉ có thể nhớ một lần duy nhất khi anh ấy thấy người đàn ông vĩ đại cười (ai đó đã hỏi nghiên cứu về Euclid có ích lợi gì) - và anh ấy có ý đó khi nói rằng anh ấy tập trung không ngừng nghỉ. John Maynard Keynes, người đã dành thời gian nghiên cứu về kinh tế học để tìm hiểu sâu về tiểu sử của Newton, viết: “Tài năng đặc biệt của ông ấy là khả năng lưu giữ liên tục trong đầu một vấn đề thuần túy tinh thần cho đến khi ông ấy nhìn thấu đáo vấn đề đó. “Tôi cho rằng sự ưu việt của anh ấy là do cơ trực giác của anh ấy mạnh nhất và bền bỉ nhất mà một người đàn ông từng được ban tặng.”

Đối với những người bình thường, tập trung không ngừng là gần như không thể, giống như nắm chặt tay và không bao giờ thả lỏng tay. “Tôi tin,” Keynes viết, “rằng Newton có thể giữ một vấn đề trong đầu hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần cho đến khi nó tiết lộ cho ông ta bí mật của nó.”

Loại tập trung không ngừng đó, có thể mang lại vẻ mơ mộng, thực ra là một công việc khó khăn. Trong quá trình thi đấu cờ vua, theo nhà thần kinh học Stanford Robert Sapolsky, một đại kiện tướng có thể đốt cháy từ sáu nghìn đến bảy nghìn calo mỗi ngày. Nhà tư tưởng ngồi trên ghế và đẩy những mảnh gỗ nhỏ tiêu tốn nhiều năng lượng như một vận động viên marathon trong sỏi chân dài.

Các nhà sử học giải mã đều có quan điểm nhấn mạnh khía cạnh vật chất của thử thách. Một đoạn mô tả Georg Grotefend, người tiên phong trong việc giải mã tiếng Ba Tư cổ đại, nghe có vẻ đặc trưng. Grotefend, một người bạn nhớ lại, “sở hữu một trí nhớ phi thường và sức khỏe tuyệt vời, cho phép anh ấy học từ sáng sớm cho đến tận đêm khuya, không nghỉ ngơi hay nghỉ ngơi.”

Cũng như trong cờ vua, toán học và âm nhạc, tài năng - hoặc ít nhất là niềm đam mê - có xu hướng bộc lộ sớm. Champollion đã say mê chữ tượng hình từ khoảng mười ba tuổi; Michael Ventris với Linear B từ mười bốn tuổi; David Stuart, người trẻ nhất từng nhận được khoản trợ cấp “thiên tài” Macarthur, với các nét chữ của người Maya từ năm 8 tuổi.

Thường thì những món quà ban đầu đó có hình dạng như một bản năng để điều hướng các ngôn ngữ mới. Ventris có lẽ là ví dụ rõ ràng nhất. Trong suốt cuộc đời của mình, ông vẫn giữ được năng khiếu tiếp thu ngôn ngữ của trẻ nhỏ nhanh chóng và không cần nghiên cứu. “ Đối với một số ít người,” Margalit Fox viết, trong lịch sử giải mã Linear B, “vì những lý do thần kinh

chưa được hiểu rõ, giai đoạn quan trọng dường như tiếp tục không suy giảm cho đến tuổi trưởng thành. Họ có thể hít thở ngoại ngữ ở tuổi hai mươi hoặc ba mươi dễ dàng như khi họ lên sáu mà không cần nỗ lực nhiều. Michael Ventris chắc chắn là một người như vậy.”

Một đồng nghiệp đã làm việc chặt chẽ với Ventris trên Linear B nhớ lại đã thấy anh ấy đọc những câu chuyện trên báo bằng tiếng Thụy Điển. *Bạn đã học ở đâu để làm điều đó?* Hóa ra là Ventris đã dành vài tuần ở Thụy Điển cho một dự án kiến trúc. (Kiến trúc là nghề nghiệp của anh ấy; giải mã là một sở thích.) Đó là tất cả những gì anh ấy cần. Cho phần còn lại cuộc đời anh ấy Ventris đã trao đổi thư từ với các học giả Thụy Điển bằng ngôn ngữ của họ.

Có lẽ bởi vì giải mã là một “trò chơi” hầu như không yêu cầu bất kỳ thiết bị nào — về mặt đó, nó giống như bóng rổ hoặc chạy, và không giống như chèo thuyền hay polo — tài năng có xu hướng vượt qua ranh giới giai cấp.

Ventris xuất thân từ một gia đình giàu có. [III](#) Young khá giả, Champollion rõ ràng là không, và Alice Kober, một anh hùng khác của câu chuyện Linear B cũng vậy. Trong nhiều năm, các học giả đã coi thường Georg Grotefend - ông là học giả về tiếng Ba Tư cổ đại với sự tập trung không ngừng - bởi vì ông là một giáo viên trung học chứ không phải giáo sư đại học.

George Smith, người có câu chuyện lãng mạn như bất cứ điều gì trong lịch sử khảo cổ học, thậm chí chưa bao giờ học trung học. Smith đã học việc vào năm 1854 tại một xưởng in ở London. Anh ấy mười bốn tuổi, và đây là lúc kết thúc quá trình học chính thức của anh ấy. Anh ấy dành tất cả thời gian rảnh rỗi của mình trong Bảo tàng Anh để nhìn chăm chăm vào những viên đất sét từ Nineveh và Babylon.

Đối với người ngoài, những tấm bảng đó hoàn toàn khó hiểu. Chữ hình nêm được tạo thành từ các đường thẳng và hình nêm được sắp xếp theo đội hình ngăn nắp; nó giống như những gì bạn có thể nhận được nếu một đàn chim mắc chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế đi ngang qua đất sét ướt. [IV](#)



Theo thời gian, George Smith sẽ dạy thế giới đọc những dòng chữ bí ẩn đó, và ông sẽ khám phá ra một phiên bản của câu chuyện Lũ lụt có trước câu chuyện trong Kinh thánh.

Đỉnh cao của cuộc đời Smith đến vào năm 1872, tại Bảo tàng Anh, khi ông dịch được một số dòng từ một tấm bảng cổ từ Nineveh. Những gì anh ta tìm thấy là một phần của *Sử thi Gilgamesh*, có lẽ là câu chuyện đầu tiên được viết ra.

“Tôi là người đầu tiên đọc được điều đó sau hai nghìn năm bị lãng quên,” Smith thốt lên, và theo một nhân chứng, anh ta đột nhiên “nhảy lên và lao đi khắp phòng trong trạng thái vô cùng phấn khích, và trước sự ngạc nhiên của những người khác. hiện tại, bắt đầu tự cởi quần áo.” [V](#)

Lời hứa của *Eureka như vậy!* những khoảnh khắc thu hút những người giải mã trong suốt những đêm âm thầm và bối rối. “Sự hồi hộp của cuộc đời bạn,” nhà giải mã Elizebeth Friedman đã gọi nó như vậy. “Bộ xương của các từ nhảy ra và khiến bạn nhảy dựng lên.”

[tôi](#). Chính tả bất thường là chính xác. Elizebeth là con út trong gia đình có chín người con, và có lẽ mẹ cô đoán rằng số phận của con gái mình sẽ khác. Mặc dù chưa bao giờ nổi tiếng như chồng mình, nhưng Elizebeth Friedman đã trở thành một trong những nhà giải mã quan trọng nhất trong lịch sử nước Mỹ. Jason Fagone kể câu chuyện của cô ấy trong cuốn sách hấp dẫn *The Woman Who Smashed Codes của anh ấy*.

[II](#). Đức quốc xã cũng sử dụng trò chơi ô chữ để xác định những người sẽ trở thành nhà mật mã. Những người kiểm tra tốt nhất đã được chỉ định đào tạo đặc biệt. Bằng cách khuyến khích, những người hướng dẫn đã thông báo cho những người mới tuyển dụng rằng những người nằm trong 90 phần trăm cuối lớp sẽ được gửi đến mặt trận Nga.

[III](#). Ventris đẹp trai và quyến rũ, và từ bên ngoài trông anh ta giống như một trong số ít người được thiên nhiên ưu đãi. Nhưng mẹ anh ấy đã tự tử khi anh ấy mười bảy tuổi, và bản thân anh ấy cũng chết ở tuổi ba mươi tư khi xe của anh ấy đâm vào một chiếc xe tải đang đỗ. Cái chết chính thức được coi là một tai nạn, mặc dù hai tuần trước khi vụ tai nạn xảy ra, Ventris đã viết một lá thư tuyên bố rằng anh ấy đã “nghĩ ngẫm sâu sắc giá trị của cả trí thông minh được ca tụng của tôi và phần lớn giá trị của chính cuộc sống.” Nhưng một số bạn bè và đồng nghiệp khẳng định rằng xác tàu không phải là một vụ tự tử và không ai biết chắc chắn.

[IV](#). Sự xuất hiện của một số gợi ý kịch bản vào những ngày đầu tiên của chúng. Ví dụ, chữ hình nêm được tạo thành từ các hình nêm, bởi vì đó là những hình dạng dễ nhất để ấn vào đất sét ướt bằng bút stylus. Ngược lại, bảng chữ cái Sri Lanka được tạo thành gần như hoàn toàn bằng các hình tròn, đẹp mắt. Những người ghi chép cổ đại ở Ceylon lúc bấy giờ đã viết trên những chiếc lá cọ khô, có những đường gân thẳng nhưng mỏng manh. Bất kỳ dòng chữ nào được hình thành từ các đường thẳng sẽ bị nứt dọc theo các đường gân.

[v](#). Nhà sử học Stephen Greenblatt cảnh báo, trong *Sự trỗi dậy và sụp đổ của Adam và Eva*, rằng câu chuyện về nhân chứng có thể là một sự phóng đại. “Việc cởi quần áo khiến đồng nghiệp của Smith bị sốc, như nhà sử học văn học David Damrosch đã nhận xét, có thể chỉ là một chiếc cổ áo bị nói lỏng. Rốt cuộc, đây là nước Anh thời Victoria. Nhưng gần như bất kỳ mức độ phấn khích nào cũng có thể được chứng minh bằng khám phá này.”

CHƯƠNG 16

trí tuệ cổ đại

Đến năm 1819, Thomas Young đã nắm trong tay câu trả lời cho bí ẩn về chữ tượng hình. Ông đã chỉ ra rằng các chữ tượng hình có thể đại diện cho âm thanh, giống như các chữ cái trong bảng chữ cái của chúng ta đại diện cho âm thanh (“*A is for apple*”). Anh ấy thậm chí còn biên soạn một bảng, với tiêu đề dự kiến là “Âm thanh?” liên kết một số ít chữ tượng hình với âm thanh. Hình vẽ con sư tử là âm *l*, hình ngoằn ngoèo là *n*, hình bán nguyệt là *t*.

Sau đó, mặc dù xuất sắc và đầy tham vọng, Young đã từ chối đưa con tinh thần của chính mình. Anh ấy có hai lý do. Một cái hẹp và một cái rộng. Cả hai đều là những sai lầm khiến anh ta đi sai hướng.

Sai lầm hẹp đến đâu tiên. Mặc dù chữ tượng hình *có thể* đại diện cho âm thanh, nhưng Young quyết định, điều đó chỉ xảy ra trong những trường hợp đặc biệt nhất – khi bạn có một vỏ đạn với tên của một vị vua không phải người Ai Cập. Chỉ sau đó. Trong tất cả các trường hợp bình thường - bất cứ khi nào chữ tượng hình xuất hiện bên ngoài vỏ đạn và bất cứ khi nào chúng đề cập đến bất cứ thứ gì khác ngoài một vị vua nước ngoài - thì chúng không liên quan gì đến âm thanh.

Chính những viên đạn đã khiến Young lạc lối. Anh ấy thấy rằng vỏ đạn rất hiếm và anh ấy thấy rằng chữ tượng hình bên trong vỏ đạn tương ứng với âm thanh. Tổng hợp hai sự kiện đó lại với nhau, ông đi đến một kết luận - phần lớn các chữ tượng hình, những chữ bên ngoài vỏ đạn, không *tương ứng* với âm thanh.

Điều đó là sai, nhưng sai lầm của Young không phải là do suy luận bất cẩn. Là một nhà toán học lành nghề, anh ta sẽ không bao giờ mắc phải một lỗi logic nào. Thay vào đó, đối mặt với bằng chứng không đầy đủ, anh ấy đã đưa ra một phỏng đoán đầy đủ thông tin.

Nhưng anh đã đoán sai. Điều khiến anh hiểu nhầm là những viên đạn hiếm như thế nào. Anh ấy nghĩ họ rất đặc biệt, điều đó đúng. Bất cứ ai liếc nhìn một trang chữ tượng hình đều có thể thắc mắc tại sao một số chữ tượng hình có hình bầu dục được vẽ xung quanh. Và thực sự, một vỏ đạn là một tín hiệu, đúng như Young đã nói. Vấn đề là anh ta đã đọc sai tín hiệu. Young nghĩ rằng một vỏ đạn có nghĩa là *các chữ tượng hình bên trong hình bầu dục này đại diện cho âm thanh, không phải ý tưởng*. Nó đã không. Vỏ

đạn thực sự có nghĩa là *chữ tượng hình bên trong hình bầu dục này đánh vần tên hoàng gia*. Vô đạn hiểm vì các vị vua hiểm, không phải vì âm thanh hiểm.

Young chưa bao giờ dừng lại để nghĩ rằng mình có thể đã phạm sai lầm. Và tại sao anh ta lại nghi ngờ bản thân mình? Rốt cuộc, việc giải mã vô đạn Ptolemy của ông là cuộc đảo chính vĩ đại nhất cho đến thời điểm đó trong lịch sử giải mã Ai Cập.

Gần như chắc chắn, chính chiến thắng đó đã quyến rũ Young ở lại khi anh ấy có thể đã tiến lên phía trước. Anh ta giống như một nhà thám hiểm đến một khoảng đất trống trong rừng, thăm dò từng li từng tí một và cuối cùng tìm thấy một kho vàng được chôn dưới lòng đất.

Nhưng sau đó, như trong một câu chuyện ngụ ngôn, bước ngoặt đã đến. Choáng váng trước khám phá của mình, nhà thám hiểm bất hạnh của chúng ta đã dành hết nỗ lực của mình để đào bới gần cùng một vị trí, với hy vọng tìm thấy kho báu khác, trong khi một kho báu lớn hơn rất nhiều lại bị bỏ quên ngay góc phố.

Sai lầm thứ hai của Young, sai lầm lớn, là sai lầm quan trọng. Lấy nhầm vô đạn là một sai lầm, nhưng đó là một sai lầm kỹ thuật, giải câu đố. Sai lầm lớn hơn của Young là về mặt khái niệm và do đó sâu rộng hơn và nguy hiểm hơn nhiều. Lỗi là hiểu sai bản chất của chữ tượng hình một cách cơ bản.

Young đã bị đẩy đi sai hướng. Trên thực tế, anh ta đã bị thúc đẩy bởi sức nặng tích lũy của hai mươi thế kỷ hiểu biết thông thường, và anh ta đã vô tình đầu hàng trước áp lực. “Oliver Wendell Holmes từng nhận xét rằng tất cả chúng ta đều được xâm trong nội những niềm tin của bộ lạc mình. “Kỷ lục có vẻ hơi hợt, nhưng nó không thể xóa nhòa.”

Đối với nhiều thế hệ học giả châu Âu, tác động của niềm tin bộ lạc đó là thẩm nhuần chữ tượng hình với một bí ẩn khiến nó gần như không thể để xem chúng chỉ đơn giản là một hệ thống chữ viết. Cái tên gắn bó chặt chẽ nhất với học thuyết sai lầm này là Horapollo, một linh mục người Ai Cập sống vào khoảng năm 400 sau Công nguyên. Chính Horapollo là người đã đặt ra chữ *tượng hình*, theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là *hình khắc thiêng liêng*. Việc lựa chọn *khắc chữ* —chứ không phải *viết*— là chìa khóa. Quan điểm của Horapollo là chữ tượng hình là những hình vẽ chứ *không phải* các chữ cái của một số chữ viết kỳ lạ.

Cuộc đời của Horapollo bị bao phủ bởi bí ẩn; gần như mọi “sự thật” về tiểu sử mà chúng ta có đều là phỏng đoán. Nhưng cho đến thời đại của Rosetta Stone, ông được coi là người có thẩm quyền lớn nhất về chữ tượng hình.

Danh tiếng của Horapollo bắt nguồn từ một cuốn sách dày mà ông viết có tên là *Chữ tượng hình*. Bản thân cuốn sách cũng bí ẩn như tác giả của nó. Các học giả tin rằng Horapollo đã viết nó bằng tiếng Ai Cập vào khoảng

năm 400 sau Công nguyên, rất lâu sau khi chữ tượng hình không còn được sử dụng.

chữ tượng hình là không được phát hiện cho đến năm 1419, một nghìn năm sau cái chết của Horapollo, khi một tu sĩ người Ý tình cờ đọc được một bản dịch tiếng Hy Lạp. Cuốn sách đã ở đâu trong thời gian đó và nó đã được dịch như thế nào, không ai biết. Nhưng ngay khi được khai quật, tác phẩm đã được ca ngợi là *chìa khóa* của chữ tượng hình, và nó giữ nguyên trạng thái đó trong suốt 4 thế kỷ. Trong suốt thời gian đó, một nhà sử học hiện đại cho chúng ta biết, mọi tuyên bố của Horapollo về truyền thuyết Ai Cập đều được coi là "sự kính sợ thiêng liêng."

Horapollo đã viết với sức mạnh và sự vững chắc. Các câu hỏi hoặc phản biện không bao giờ được xem xét, chứ chưa nói đến việc bác bỏ. Giống như rất nhiều người khác, Young bị mê hoặc. Trong hai trăm chương của tác phẩm của mình, Horapollo đã nhấn mạnh chủ đề trung tâm của mình—chữ tượng hình là biểu tượng và câu chuyện ngụ ngôn, đồng thời chúng truyền tải thông điệp mang tính biểu tượng.

"Khi [người Ai Cập] muốn tượng trưng cho một vị thần, hoặc một điều gì đó siêu phàm," ông viết, "... họ vẽ một con diều hâu." Tại sao một con diều hâu nói riêng? Vì "các loài chim khác khi muốn bay thì bay nghiêng, không thể bay thẳng lên được. Chỉ có con diều hâu bay thẳng lên trời."

So với hầu hết các cuộc phiêu lưu của Horapollo vào lịch sử tự nhiên, tài khoản đó rất đơn giản. Ông giải thích rằng một chữ tượng hình của một con kền kền có nghĩa là *mẹ*, chẳng hạn, bởi vì người ta biết rằng tất cả các con kền kền đều là con cái. Ngỗng có nghĩa là *con trai* vì ngỗng đặc biệt dành cho con cái của họ. Một con thỏ có nghĩa là *mở*, bởi vì thỏ rừng không bao giờ nhắm mắt.

Các chữ tượng hình khác ít dựa vào kiến thức về thế giới tự nhiên mà dựa nhiều hơn vào một loại giải mã biểu tượng thuộc loại mà các nhà phê bình nghệ thuật có thể mang lại cho những hình ảnh kỳ lạ trong các bức tranh của Hieronymus Bosch. "Để chỉ ra một người đàn ông chưa bao giờ đi du lịch, họ vẽ một người đàn ông có đầu lửa," Horapollo viết. "Vì anh ấy không bao giờ biết hoặc nghe tường thuật về những gì xảy ra ở nước ngoài." Để đại diện cho một điều không thể, "họ vẽ những người đàn ông đi bộ trên mặt nước... hoặc họ vẽ một người đàn ông không đầu đang đi dạo."

Theo Horapollo, một chữ tượng hình điển hình có nhiều ý nghĩa, một vài trong số chúng rõ ràng. Thường thì chúng kéo dài trong một phạm vi rộng. Ví dụ, kền kền không chỉ có nghĩa là *mẹ*, mà còn có *tâm nhìn* ("vì nó nhìn sâu sắc hơn tất cả các sinh vật khác"), và *ranh giới* ("bởi vì, khi một trận chiến sắp diễn ra, nó chỉ ra vị trí mà nó sẽ diễn ra"), và *biết trước* ("vì nó hướng về đội quân sắp bị giết nhiều hơn"), và *lòng trắc ẩn* ("bởi vì, nếu không có thức ăn để cho con non, nó sẽ tự mổ đùi mình và khiến con cháu nó phải dự phần máu").

Tất cả những diễn giải này nghe có vẻ ngớ ngẩn, và hầu hết chúng đều như vậy. Nhưng có một năm bắt quan trọng. Một số lời giải thích kỳ lạ của Horapollo hóa ra lại đúng. Ví dụ, một con kền kền thực sự có nghĩa là *mẹ*,

mặc dù lý do thực sự không liên quan gì đến lời kể của Horapollo. Một con ngỗng có nghĩa là *con trai* (hoặc, ít nhất, nó *gần* giống như vậy; thực ra *vịt* có nghĩa là *con trai*), và một con thỏ rừng có nghĩa là *mở*. Nhưng những câu chuyện của Horapollo về những bậc cha mẹ hiểu thảo và đôi mắt mở to hoàn toàn không có ý nghĩa gì.

Đây là những manh mối khổng lồ, nếu ai đó có thể nhìn thấy chúng. Kèn kèn đã có một cái gì đó để làm với các bà mẹ. Nhưng cái gì?

Điều này khác với cách giấu kho báu thông thường. Ở Ai Cập, những kỳ quan nằm nửa vùi dưới cát, như tượng Nhân sư, hoặc chìm trong bụi bẩn và mảnh vụn, như lăng mộ của vua Tut. Những hiểu biết sâu sắc của Horapollo - những hiểu biết thực sự - là những viên ngọc quý nằm ngoài trời. Vấn đề là những viên đá quý nằm giữa đồng rác trang sức-trang sức.

Điều đó dẫn đến rắc rối lớn, trên thực tế là hai loại rắc rối khác nhau. Ngay từ đầu, các học giả đã bỏ lỡ những viên ngọc quý và chộp lấy gewgaws. Họ coi tất cả các “bản dịch” của Horapollo là đúng và thú vị, sau đó thêm vào các bản dịch đáng ngờ của riêng họ. Với sự tin tưởng thanh thản rằng chữ tượng hình là biểu tượng, đúng như Horapollo đã dạy, các nhà tư tưởng châu Âu đã vui vẻ đi sai hướng. Nhiều thế kỷ sẽ trôi qua trước khi họ nhận ra rằng họ đã bị lạc.

Nhưng khi sự vỡ mộng cuối cùng xuất hiện, vào những năm 1700, các học giả đã phản ứng thái quá. Lần này, họ nhìn vào những đồng đá quý lấp lánh, co rúm người lại trước những món trang sức rẻ tiền, và khinh thường gạt cả đồng sang một bên. “Nhà Ai Cập học John Ray nhận xét rằng Horapollo già tội nghiệp đã bị mất uy tín, vì vậy sự thật mà ông ấy đang nói đã bị ném ra ngoài với những lời lẽ thần bí mà ông ấy khoác lên cho nó.”

Rõ ràng Horapollo đã học về chữ tượng hình từ các linh mục hoặc học giả Ai Cập, những người thực sự biết cách hoạt động của chữ viết. Không ai có thể đưa ra nhận xét thực sự rằng một con kèn kèn có nghĩa là *mẹ* mà không có một gợi ý nào. Nhưng sau đó anh ấy đã làm sai—phần lớn các “bản dịch” của anh ấy hoàn toàn không có cơ sở—và chúng ta chỉ có thể đoán tại sao. Có lẽ anh ấy đã hiểu sai những gì anh ấy đã được kể hoặc trộn lẫn thông tin chắc chắn với những câu chuyện từ những nhà văn có thông tin sai lệch. Hoặc có lẽ anh ta là tù nhân của những niềm tin cố định của mình và đi chệch hướng vì anh ta tin tưởng sâu sắc rằng chữ tượng hình là những biểu tượng ẩn chứa ý nghĩa.

Thông điệp của Horapollo trước hết có ảnh hưởng như vậy vì nó lặp lại lời kể của những nhân vật lỗi lạc khác. Một nhà sử học Hy Lạp tên là Diodorus Siculus đã đến thăm Ai Cập vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên và báo cáo rằng chữ viết của người Ai Cập khác với tất cả những người khác; nó không dựa trên các chữ cái hay âm tiết mà dựa trên những hình ảnh mang ý

nghĩa ẩn dụ. Chẳng hạn, một con cá sấu đại diện cho *cái ác* và con mắt của *công lý*.

Vào khoảng năm 120 sau Công nguyên, Plutarch, một nhà sử học Hy Lạp nổi tiếng hơn nhiều so với Diodorus, đã giải thích rằng một chữ tượng hình của một con cá tượng trưng cho *sự thù hận* vì biển, nơi đầy cá, nuốt chửng sông Nile, nơi cung cấp sự sống. Một con hà mã đại diện cho *bạo lực* và *vô đạo đức* vì hà mã được giết cha và giao phối với mẹ của chúng. Những diễn giải này nghe có vẻ ngớ ngẩn, nhưng chúng ta vẫn giải mã các bức vẽ theo cùng một cách. Một con đại bàng hói trên áp phích tượng trưng cho *lòng dũng cảm* và *lòng yêu nước* bởi vì đại bàng nhanh nhẹn, hung dữ và có nguồn gốc từ Hoa Kỳ. Đầu lâu xương chéo có nghĩa là *chất độc*.

Một nhà văn cổ đại được nhiều người ngưỡng mộ khác, Clement of Alexandria, đã tạo ra một khía cạnh hơi khác về cái mà ông gọi là “những giáo lý mang tính biểu tượng và huyền bí” của người Ai Cập. Clement là một nhà thần học gốc Hy Lạp đã giảng dạy ở Ai Cập vào khoảng năm 200 sau Công nguyên. Ông viết, giống như những câu tục ngữ truyền đạt những chân lý sâu sắc bằng những từ ngữ đơn giản, chữ tượng hình nắm bắt những ý nghĩa sâu xa trong những bức tranh đơn giản. Chỉ có kẻ ngốc mới coi những câu châm ngôn là đúng, như thế chúng là những lời khuyên hướng dẫn cách làm. Clement giải thích: *Đừng châm lửa* có nghĩa là *Đừng chọc giận một người đàn ông đang giận dữ*. *Don't put food into a slop pail* có nghĩa là *Đừng lãng phí những lập luận thông minh cho một kẻ khờ khạo*.

Theo cách tương tự, Clement tiếp tục, các chữ tượng hình có thể trông giống như những bức tranh về cảnh vật hàng ngày, nhưng ý nghĩa thực sự của những con chim, cây cỏ và những chiếc bát này thì vĩ đại và bí ẩn hơn nhiều. Những ý nghĩa sâu xa đã bị che giấu, đó là sự thật, nhưng đó mới là vấn đề. Người tìm kiếm tìm thấy sự thật khó kiếm được sẽ được đền đáp xứng đáng. “Clement viết, “tất cả những thứ tỏa sáng qua bức màn đều cho thấy sự thật vĩ đại hơn và hùng vĩ hơn.”

Trong số tất cả những người đã rút ra những ý nghĩa biểu tượng sâu sắc từ các chữ tượng hình, người mạo hiểm nhất và nổi bật nhất là một linh mục Dòng Tên tên là Athanasius Kircher, người đã trở nên nổi tiếng vào giữa những năm 1600. Sinh ra ở Đức, Kircher sống phần lớn cuộc đời ở Rome. Ở đó, anh ấy đã viết ra hàng chục cuốn sách và hàng triệu từ. (Kiệt tác về Ai Cập của ông dài tới ba tập và hai nghìn trang.)

Kircher là một học giả có phạm vi đáng kinh ngạc, gần như lỗi bịch. [Tôi](#) Ông là một nhà toán học, một nhà thần học, một chuyên gia về tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh, tiếng Trung Quốc, tiếng Do Thái, rừng, núi lửa, âm nhạc, hóa thạch và quả dưa (chúng có sức mạnh hòa tan sắt) và con tàu của Nô-ê. Gần như bị lãng quên ngày hôm nay, Kircher đã nổi tiếng quốc tế trong thời đại của mình.

Anh đến với việc nghiên cứu chữ tượng hình một cách tình cờ, khi anh tình cờ gặp trên một cuốn sách có mô tả về các đài tưởng niệm của Ai Cập đã được mang đến La Mã như chiến tích của mười lăm thế kỷ trước. Kircher ngay lập tức bắt đầu giải mã những “biên niên sử về Trí tuệ Ai Cập cổ đại, được khắc ghi từ thời xa xưa.”

Nhiệm vụ tiêu tốn hàng thập kỷ, nhưng Kircher đã chiến thắng, ít nhất là trong tâm trí của chính ông. “Tất cả những bí mật của Nghệ thuật Chữ tượng hình, các quy tắc, phương pháp và nguyên tắc của nó,” ông viết, “nhờ Ánh hưởng và Ân điển của Thần thánh mà tôi đã lĩnh hội hoàn toàn.”

Trên thực tế, “bản dịch” của anh ấy chỉ là phỏng đoán và hoàn toàn sai mục tiêu. Kircher đã đọc rất nhiều trong suốt cuộc đời của mình đến nỗi mỗi chữ tượng hình gợi lên trong tâm trí ông vô số liên tưởng—*đây là một hình ảnh được liên kết với thần Osiris và kia là ám chỉ đến nữ thần Isis*—nhưng không cái nào trong số này có bất kỳ mối liên hệ nào với thực tế.

Ví dụ, các nhà Ai Cập học hiện biết rằng một chuỗi chữ tượng hình trên một đài tưởng niệm cổ xưa đã đánh vắn tên và tước vị của một pharaoh, Apries, người trị vì vào khoảng năm 600 trước Công nguyên. Chỉ vậy và không có gì hơn. Nhưng trong vài chữ tượng hình đó, Kircher thấy một thông điệp về “những đức tính và năng khiếu trong thế giới thiên văn” và “sự phong phú của chiếc bát Osirian” và “sức mạnh ẩn chứa trong bản thể hai mặt của nó” và nhiều thứ khác bên cạnh đó.

Đây là điều tưởng tượng, mặc dù không ai có thể chứng minh điều đó cho đến khi Young và Champollion xuất hiện một thế kỷ rưỡi sau đó. Kircher có niềm tin vô hạn vào tài năng của mình—ông so sánh thành tích giải mã chữ tượng hình của mình với khám phá ra châu Mỹ hay phát minh ra máy in, và ông bắt đầu một trong những cuốn sách của mình với dòng chữ, “Không có gì đẹp hơn là biết tất cả.” Trong thời hiện đại, những sai lầm quá khích của anh ấy đã khiến anh ấy trở thành mục tiêu hấp dẫn để chế giễu. Nhiều thế hệ học giả đã bị cám dỗ.

Điều đó không hoàn toàn công bằng. Mặc dù đã lầm đường lạc lối, nhưng không thể chối cãi rằng Kircher là người uyên bác, và các tác phẩm về Ai Cập của ông đã có một số đóng góp có giá trị cùng với những điều tưởng tượng. Ví dụ, Kircher tuyên bố rằng tiếng Coptic là “trước đây là ngôn ngữ Pharaon.” Đây là một tuyên bố gây tranh cãi vào thời điểm đó, nhưng hóa ra nó lại hoàn toàn chính xác. Anh ấy đã đi xa hơn. Kircher đã biên soạn một cuốn từ điển tiếng Coptic và viết bài tiểu luận đầu tiên trình bày những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Coptic. Những người kế vị của ông, bao gồm cả Champollion, đã nghiên cứu kỹ lưỡng những tác phẩm đó.

Ngay cả trong các bài viết của Kircher về chữ tượng hình, như một nhà sử học hiện đại đáng kính nhưng bối rối báo cáo, đã có “những cái nhìn thoáng qua kỳ lạ của thiên tài” giữa biển “vô nghĩa”. Đáng chú ý, chính Kircher là người đầu tiên giải thích chính xác rằng một chữ tượng hình cụ thể tượng trưng cho một âm cụ thể (nó tình cờ là một hình vẽ ngoằn ngoèo nằm ngang, giống như chữ V được viết lộn ngược nhiều lần, và nó được phát âm là *n*).

Kircher chỉ đưa ra một ví dụ duy nhất này, và anh ấy đã không theo dõi nó (vì anh ấy quan tâm đến ý nghĩa sâu sắc của chữ tượng hình chứ không phải những gì anh ấy coi là nghĩa bề ngoài của chúng). Tuy nhiên, khi làm nổi bật mối liên hệ giữa hình ảnh và âm thanh, ông là người đầu tiên nắm bắt được chân lý cốt lõi của toàn bộ câu đố về chữ tượng hình.

Vấn đề của Kircher là ông quá tin tưởng vào học thuyết của Horapollon—*chữ tượng hình là ý tưởng, không phải chữ cái hay từ ngữ*—đến nỗi ông không thể nghĩ đến việc đặt câu hỏi về nó, chứ đừng nói đến việc xem xét một giải pháp thay thế. Nếu anh ấy có đầu óc thực tế hơn, anh ấy có thể đã lập luận rằng có vô số lý do hàng ngày khiến chữ tượng hình rất khó giải mã. Người Ai Cập đã nói một ngôn ngữ đã chết đối với chúng ta, anh ấy có thể đã lưu ý, và họ đã nghĩ ra một hệ thống chữ viết trông kỳ quặc và phức tạp, và giữ những niềm tin mà chúng ta chỉ có thể đoán được, và sống trong một thế giới hoàn toàn xa lạ với chúng ta.

Anh ấy đã không. Quan niệm của ông (và quan niệm của các nhà văn cổ điển và Phục hưng nói chung) là các chữ tượng hình đã được cố ý làm khó. Các nhà ghi chép Ai Cập đã phát minh ra chúng với mục đích rõ ràng, theo một bản tóm tắt của một nhà sử học hiện đại, là che giấu ý nghĩa của chúng đằng sau “bức màn của câu chuyện ngụ ngôn và bí ẩn.

Đây là một tuyên bố đáng chú ý. *Nhiều* biểu tượng rất khó để người ngoài giải mã. Một bản nhạc hoặc một trang xé ra từ sách giải tích có thể khó hiểu. Nhưng các ký hiệu âm nhạc và toán học có ý nghĩa rõ ràng - ít nhất là rõ ràng đối với các chuyên gia trong các lĩnh vực đó. Họ bị che khuất bởi sự cần thiết. Chúng là những ngôn ngữ, thuộc một loại nào đó, và khó vì những lý do giống như ngoại ngữ khó.

Chữ tượng hình thì khác. Giống như mật mã trong thời chiến, các chuyên gia nhấn mạnh, chữ tượng hình được *thiết kế* để trở nên khó khăn. Niềm tin đó, tất cả trừ phổ biến cho đến những năm 1800, đã khiến những người có khả năng giải mã sai địa chỉ. chính đồn. Thay vì đào sâu vào lòng đất để tìm kiếm những ý nghĩa trần tục đằng sau những biểu tượng khó hiểu, họ đã đi thuyền vào những cõi không khí nóng bỏng ngày càng xa vời và học được sự ngớ ngẩn.

Với nhận thức muộn màng, có vẻ hoang mang khi các nhà tư tưởng sâu sắc thậm chí đã khẳng định rằng các chữ tượng hình che giấu những sự thật thần bí đằng sau những chiếc mặt nạ phức tạp ngay cả trong Thời đại Khoa học. Rắc rối bắt đầu từ niềm tin đặt nhầm chỗ. Plutarch và Horapollon và những người khác là những cái tên đáng được tính đến, và những cái bẫy của thời cổ đại đã tăng thêm sức nặng cho những tuyên bố của họ. Mặc dù họ đã sống rất lâu sau thời của các pharaoh, nhưng họ vẫn ở gần nguồn gốc Ai Cập của họ hàng nghìn năm hơn so với các học giả châu Âu đã lặp lại lời

của họ. Các nhà văn thời Phục hưng kính trọng họ nhiều như các nhà thần học trong thời đại của họ kính trọng những người sáng lập giáo hội.

Tuy nhiên, nhiều học giả ngày nay thấy mình lắc đầu thất vọng khi họ cố gắng giải thích sự bền bỉ của phương pháp giải mã biểu tượng. “Sự ngoan cố mà các tác giả cổ điển mắc kẹt với những diễn giải sai lầm của họ, và có thể nói, cố tình bỏ qua tất cả các bằng chứng có thể mâu thuẫn với những ý tưởng ngu ngon định sẵn của họ,” nhà sử học Erik Iversen mắng, “thực sự đáng kinh ngạc.”

Nhưng có lẽ nó không quá ngạc nhiên. Sự thúc đẩy tìm kiếm ý nghĩa thần bí trong các biểu tượng bí ẩn ngày càng sâu sắc. Chúng ta có thể tự hỏi liệu các học giả hiện đại có thể làm tốt hơn những người đồng cấp của họ cách đây vài thế kỷ hay không, nếu họ thấy mình phải đối mặt với một kịch bản tượng hình bí ẩn tương tự. Hóa ra, chúng ta không cần phải thắc mắc. Chúng ta không cần phải thắc mắc, bởi vì chúng ta biết.

Nó xảy ra vào những năm 1950, khi các học giả vẫn đang vật lộn một cách vô ích với các nét chữ của người Maya. Bức tranh viết về Thế giới Mới đó cuối cùng đã được giải mã vào những năm 1970, trong một trong những thành tựu vĩ đại về ngôn ngữ và khảo cổ học của thời hiện đại. Câu chuyện được kể một cách ly kỳ (bởi một trong những người tham gia) trong tác phẩm *Breaking the Maya Code* của Michael Coe .

Câu chuyện có tiếng vang kỳ lạ của câu chuyện cổ tích Ai Cập, mặc dù không có bản sao của người Maya về Đá Rosetta. Nhưng có một đối tác của Athanasius Kircher, trong con người của Ngài Eric Thompson , con số cao chót vót trong những năm đầu của học bổng Maya. Năm 1950, sau nhiều thập kỷ nghiên cứu các chữ tượng hình của người Maya, ông đã đưa ra một phán quyết nghiêm khắc về cách giải thích chúng.



Chữ tượng hình của người Maya, từ Palenque, Mexico

Vào thời điểm đó, cả anh ấy và bất kỳ ai khác đều không thể đọc được các ký hiệu bí ẩn. Tuy nhiên, Thompson tuyên bố, một số sự thật nhất định đã được thiết lập ngoài sự nghi ngờ hợp lý. Glyphs không đại diện cho những thứ bình thường như âm thanh hoặc âm tiết, bất chấp điều mà một số học giả tiếp tục nhấn mạnh; glyphs là biểu tượng đại diện cho ý tưởng. Câu hỏi duy nhất là, *ý tưởng nào?* “Ví dụ, nếu không có sự hiểu biết đầy đủ về

văn bản, người ta không thể biết liệu sự hiện diện của hình tượng con chó ám chỉ vai trò của con vật đó là người mang lửa đến cho loài người hay là Thompson viết. “Không còn nghi ngờ gì nữa, những ý nghĩa huyền bí như vậy ẩn chứa trong các hình tượng, nhưng cho đến nay chúng ta chỉ có thể phỏng đoán về mối liên hệ mà tác giả Maya đã nghĩ đến. Rõ ràng, nhiệm vụ của chúng ta là tìm kiếm thêm những ám chỉ thần thoại đó.”

Nghiêm túc đi theo con đường thần thoại sẽ phá vỡ bí ẩn giải mã. Đó là cho người mới bắt đầu. Quan trọng hơn, Thompson tiếp tục, phương pháp giải mã biểu tượng “dẫn chúng ta, với chiếc chìa khóa trong tay, đến ngưỡng cửa của nơi giam giữ bên trong linh hồn Maya, và ra lệnh cho chúng ta bước vào.”

Thay vào đó, nó dẫn đến đau lòng và thất vọng. Ở Tân Thế giới cũng như ở Ai Cập, những nét chữ bí ẩn hóa ra không phải là những biểu tượng thần bí ở tất cả. Thay vào đó, chúng là những biểu tượng với vai trò đơn giản là ghi lại âm thanh của một ngôn ngữ. Cách viết của người Maya trông có vẻ kỳ lạ, nhưng nó đã được chứng minh là một hệ thống chữ viết ít nhiều hoạt động giống như bất kỳ hệ thống nào khác.

Các ví dụ về Horapollon và Kircher có thể đóng vai trò là dấu hiệu đỏ. Họ đã không. Sự thôi thúc tìm kiếm những ý nghĩa tượng trưng, sâu sắc đã tỏ ra quá mạnh mẽ.

[tôi](#). Kircher, vượt xa Gottfried Leibniz và Thomas Young, là chủ đề của hai cuốn tiểu sử với nhan đề người-biết-tuốt. Một cuốn là *Người đàn ông biết mọi thứ: Cuộc đời kỳ lạ của Athanasius Kircher*, cuốn còn lại là *Athanasius Kircher: Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ*.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

“ Một mặt mã và một văn bản bí mật”

Nhiều thế kỷ trôi qua, nổi kinh hoàng xung quanh các chữ tượng hình ngày càng lớn. Nhưng trải qua các thời đại mà sự sợ hãi đã thay đổi hình thức. Sự tôn kính mơ hồ— *chữ tượng hình nói về những sự thật sâu sắc và phức tạp* — chuyển thành niềm tin cứng rắn— *chữ tượng hình thể hiện những hiểu biết khoa học chính xác* . Đây là sự trở trêu trên một quy mô khổng lồ. Ai Cập cổ đại là một nền văn hóa hùng mạnh được xây dựng gần như hoàn toàn dựa trên công nghệ cơ bản nhất có thể tưởng tượng được— cơ bắp, mồ hôi và một số thứ khác, và gần như toàn bộ cơ bắp đó được cung cấp bởi con người chứ không phải bò, ngựa hay các động vật khác. Khoa học hầu như không đi vào bức tranh nào cả.

Toán học Ai Cập còn thô sơ, y học Ai Cập chứa đầy văn hóa dân gian và niềm tin sai lầm. (Khi chuẩn bị xác ướp, những người ướp xác Ai Cập tôn sùng trái tim nhưng ném bộ não vào thùng rác như vô giá trị. Họ tin rằng trái tim rất đặc biệt vì nó là nơi trú ngụ của ý thức, cơ quan mà chúng ta dùng để suy nghĩ.) Ai Cập cổ đại không có khái niệm về các quy luật khoa học và xem thế giới bị cai trị bởi phù thủy và ma thuật.

Chưa hết, trong những ngày tuyệt vời của Thời đại Khoa học, khoảng năm 1700, Châu Âu coi Ai Cập là quê hương và nơi sản sinh ra những đổi mới khoa học. Vì vậy, đây vẫn là một lý do khác mà các nhà giải mã thời Phục hưng đã sai. Họ cho rằng mọi thứ liên quan đến Ai Cập cổ đại đều sâu sắc và khó khăn. Chắc chắn điều này đúng với chữ tượng hình, vốn là một trong những bí ẩn khó hiểu nhất của vùng đất khó hiểu đó.

“Người Ai Cập rõ ràng là không phải như những người đàn ông khác,” nhà Ai Cập học John Ray viết, tóm tắt quan điểm của người châu Âu. “Suy nghĩ của họ không bao giờ tầm thường, và nhiều dấu hiệu trong văn bản mà họ chúng không bao giờ có thể giống như bảng chữ cái tiếng Hy Lạp hay tiếng Latinh, tiếng Do Thái hay tiếng Ả Rập ngày nay.”

Đây là quan điểm của những nhà tư tưởng sâu sắc nhất, táo bạo nhất mà thế giới từng biết đến, không phải là quan điểm bên lề của những kẻ lập dị điên rồ hay những kẻ tầm thường lâu năm. Isaac Newton, người sống sau Horapollo hơn một nghìn năm, đã tin tưởng mãnh liệt rằng người Ai Cập cổ đại đã nắm được tất cả những bí mật trong vũ đạo vũ trụ của tự nhiên.

Nhiệm vụ của các nhà tư tưởng hiện đại, Newton và các đồng nghiệp của ông tin rằng, không phải là khai phá nền tảng mới mà là phục hồi những hiểu biết cổ xưa đó.

Newton có lẽ là nhà khoa học lỗi lạc nhất từng sống và chắc chắn là một trong những người quyết liệt nhất trong việc đòi quyền ưu tiên cho những đột phá của mình. Mặc dù vậy, ông vẫn khẳng định rằng người Ai Cập cổ đại đã thực hiện tất cả những khám phá quan trọng nhất trước ông hàng nghìn năm. Họ đã biết luật hấp dẫn và tất cả những bí mật khác của vũ trụ; mục đích của chữ tượng hình là để che giấu kiến thức đó khỏi những người không xứng đáng. “Người Ai Cập,” Newton viết, “đã che giấu những bí ẩn vượt quá khả năng của bầy đàn thông thường dưới bức màn nghi lễ tôn giáo và các biểu tượng chữ tượng hình.”

Young và Champollion đến sau Newton một thế kỷ, và họ không chia sẻ niềm tin đặt nhầm chỗ của ông vào khoa học Ai Cập. Giống như những nhà tư tưởng tiến bộ khác của Pháp vào thời của ông, Champollion khinh thường tôn giáo và nhà thờ, dù ở Ai Cập hay ở Pháp. Các linh mục Ai Cập không phải là nhà khoa học, như Newton đã tin tưởng, mà là người phát ngôn cho sự lạc hậu. Young thậm chí còn khinh thường hơn. Tôn giáo Ai Cập là mumbo-jumbo. Nhưng, ngay cả như vậy, cả hai người đều bơi trong cùng một biển trí tuệ như Newton và những người ủng hộ trí tuệ cổ đại khác. Tất cả họ đều cho rằng mỗi chữ tượng hình đại diện cho một ý tưởng. Điểm bất đồng duy nhất của họ là Young và Champollion tin rằng những ý tưởng đó là sai lầm, còn Newton thì cho rằng chúng là những ngọn hải đăng của sự thật.

Quan điểm cho rằng các nhà tư tưởng sống cách đây hàng nghìn năm biết nhiều hơn chúng ta, ngay cả về các vấn đề khoa học, đã đảo ngược mọi thứ mà chúng ta tin ngày nay. Nhưng vào những năm 1600 và 1700, đó là lẽ thường tình. Học thuyết được gọi là “sự khôn ngoan của người xưa.” Vào thời cổ đại, các nhà tư tưởng đã nắm được những bí mật của tự nhiên, các học giả tuyên bố, nhưng sau đó loài người hư hỏng và tội lỗi đã lẫn mò những món quà thiêng liêng đó. Khi thế giới suy tàn về trí tuệ và đạo đức, vô số sự thật đã biến mất. “Quá khứ luôn tốt hơn hiện tại,” trong bản tóm tắt của nhà sử học Frances Yates, và “những nhà tư tưởng sớm nhất đi gần với các vị thần hơn những người theo chủ nghĩa duy lý bận rộn, những người kế vị họ.”

Một số nền văn hóa cổ đại, và trước hết là Ai Cập, đã thể hiện sự học hỏi đã mất đó. “Yates viết: Ai Cập là ngôi nhà nguyên thủy của mọi tri thức. “Các nhà triết học vĩ đại của Hy Lạp đã đến thăm nó và nói chuyện với các linh mục Ai Cập,” và ở đó họ đã thấm nhuần “phép thuật tôn giáo mà họ được cho là thực hiện trong các căn phòng dưới lòng đất của các ngôi đền của họ.”

Vì vậy, khi các nhà khoa học như Newton thực hiện những khám phá, họ không nghĩ rằng họ đã tìm ra điều gì mới. (Họ càng tôn trọng Ai Cập cổ đại

hơn bởi vì, trong thời kỳ tiền Darwin đó, gần như mọi người đều tin rằng thế giới đã sáu nghìn năm tuổi. Ai Cập đã phát triển thịnh vượng không chỉ từ lâu mà còn gần như ngay từ đầu thời gian.) Từ vụng mà chúng ta vẫn sử dụng ngày nay phản ánh niềm tin của họ vào một thời vàng son xa xưa. “Nhà sử học Darrin McMahon giải thích rằng 'khám phá' là kéo tấm vải che phủ ra, tiết lộ những gì có thể đã bị che giấu, bị bỏ qua hoặc bị mất, nhưng trong mọi trường hợp, điều đó đã ở đó rồi.

Điều này cũng đúng với các phát minh. “Để 'phát minh',” McMahon viết, “là tiếp cận *kho* kiến thức đã được tập hợp và đưa vào sử dụng từ lâu.” Không có ý tưởng mới; chỉ có tiết lộ.

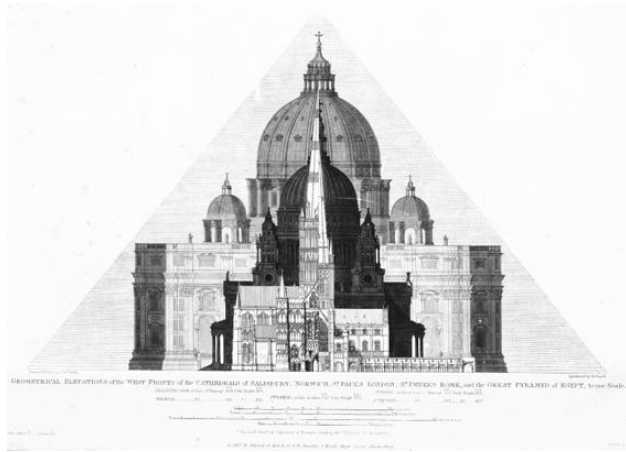
Đối với chúng ta ngày nay, những từ *mới* và *cải tiến* dường như thuộc về nhau. Nhưng đối với những người tiền nhiệm của chúng tôi, *mới* không có hiệp hội tốt như vậy. *Mới* có nghĩa là "chưa được kiểm tra" và "không rõ ràng"; ngược lại, *cũ* gợi lên “thời gian được tôn vinh” và “đáng tin cậy”. Nhà văn John Aubrey, sống vào những năm 1600, nghĩ rằng ông có thể xác định chính xác sự thay đổi. “Cho đến khoảng năm 1649,” ông viết, “có một giả định kỳ lạ là một người đàn ông cố gắng đổi mới trong học tập; và không phải là cách cư xử tốt để biết nhiều hơn những người hàng xóm và tổ tiên của mình.

Và chính Ai Cập, cái nôi của nền văn minh, đã truyền cảm hứng cho những tưởng tượng phức tạp nhất về tổ tiên uyên bác, những kiến thức đã mất và những bí mật bị chôn vùi. Điều này một phần là do khoảng cách sinh ra bí ẩn, và Ai Cập ở khoảng cách xa nhất có thể, cho dù bạn tính bằng năm hoặc bằng dặm. Nhưng lý do quan trọng hơn khiến Ai Cập thúc đẩy những suy nghĩ về bí mật và tri thức bí mật là hầu như không thể chấp nhận được sự hùng vĩ của Ai Cập vào thời kỳ đỉnh cao.

Kết quả là những mô tả mê hoặc của mọi du khách đã củng cố thông điệp rằng Ai Cập nói chung là một câu đố kỳ diệu, và chữ tượng hình nói riêng nên được tiếp cận với sự tôn trọng, kinh ngạc và một tâm trí cảnh giác trước những ý nghĩa ẩn giấu.

Chúng ta nên dễ dãi với các học giả và nhà giải mã đã mất phương hướng. Cho đến ngày nay, cổ vật của Ai Cập có sức mạnh làm choáng váng ngay cả những người đã mệt mỏi. Không ai có thể nhìn thấy những điểm tham quan nổi tiếng mà không ngạc nhiên trước sự phi lý tuyệt đối của chúng.

Đối với người mới bắt đầu, quy mô bị mất phương hướng. Kim tự tháp vĩ đại là công trình kiến trúc cao nhất thế giới cho đến thời Trung Cổ, và nó rất rộng cũng như cao. (Nhà thờ St. Peter, ở Rome, có thể nép mình thoải mái bên trong Kim Tự Tháp, giống như một chiếc bánh trong hộp các tông. Nhà thờ St. Paul, ở London, sẽ kêu lách cách xung quanh.)



Bản khắc này, được thực hiện vào năm 1831 và được vẽ theo tỷ lệ, cho thấy Kim tự tháp vĩ đại và bên trong nó là Vương cung thánh đường Thánh Peter, Thánh đường Paul và hai thánh đường nhỏ hơn.

Các kim tự tháp là những lời khoe khoang tàn bạo, theo lời của một nhà sử học “những biểu tượng vĩ đại nhất của chế độ độc tài từng được xây dựng,” nhưng chúng không chỉ đơn giản là tượng đài cho quyền lực không bị kiểm soát. Chúng là những cỗ máy có mục đích vận chuyển các pharaoh sang thế giới bên kia. Máy móc kém hiệu quả một cách kinh ngạc— xác ướp teo tóp ở lõi Kim Tự Tháp chỉ nặng chưa đầy 50 pound, và ngọn núi nhân tạo bao bọc xác ông nặng 5 triệu pound. Nhưng ai sẽ ngại biện về những con số khi phần thưởng là sự bất tử?

Các điểm tham quan vĩ đại của Ai Cập có thể truyền cảm hứng cũng như đe dọa. Khi những người lính của Napoléon lần đầu tiên nhìn vào những ngôi đền ở Karnak, ở Luxor ngày nay, “toàn bộ quân đội, đột nhiên và đồng lòng, đứng sững kinh ngạc trước cảnh tượng đồ nát rã rác của nó,” theo nhà bác học Denon, “và vỗ tay thích thú.”

Những tàn tích khiến quân đội Pháp phải há hốc mồm ngày nay vẫn khiến du khách kinh ngạc. Khu phức hợp đền thờ ở Karnak là lớn nhất trên thế giới; cột đá thanh lịch cao nhất của nó vươn cao 70 feet trong không trung, và có một khu rừng gồm 134 cột tất cả. Mỗi cái đều menh mông. Nếu nửa tá người lớn nắm tay nhau, họ không thể bao vây một cột. (“Tôi sẽ không bao giờ quên ấn tượng đầu tiên của mình về ngôi đền ở Karnak,” Flaubert viết vào năm 1850. “Nó trông giống như một ngôi nhà nơi những người khổng lồ sống, một nơi mà họ từng phục vụ những người đàn ông nướng nguyên con, à la brochette, trên những chiếc đĩa vàng, giống như chim chiến chiến.”)

Việc xây dựng những cây cột đó, giống như việc xây dựng các kim tự tháp, minh chứng cho những gì mà một nguồn cung cấp lao động vô tận có thể đạt được. Mỗi cột được xây dựng theo từng phần, mỗi lần một tấm dày. Đầu tiên, một khối đá hình trụ ngắn, vuông vức được đặt vào vị trí. Sau đó, một đoạn đường nổi bằng cát và đất được xây dựng, một tấm mới được đặt

trên tấm cũ, đoạn đường nổi được nâng lên (bằng cách đổ thêm cát và đất), và quá trình này được lặp lại.

Hết lần này đến lần khác, cho đến khi cuối cùng các tấm hình trụ cuối cùng được đặt trên đỉnh các cột đá cao chót vót và các dầm mái được đặt ngang qua chúng. Tại thời điểm này, các đường dốc cao tới 70 feet trong không trung (và có hàng chục và hàng chục trong số chúng), và các cột lấp đầy một hội trường rộng lớn. Sau đó đến đơn đặt hàng tiếp theo. *Loại bỏ cát!*



Một ngôi đền ở Karnak. Lưu ý những con người nhỏ bé ở trung tâm của bức tranh.

Vì vậy, thật hợp lý khi Ai Cập đã được xem với sự kinh ngạc từ thời Hy Lạp và La Mã cho đến thời Trung cổ và thời Phục hưng. Sau đó, như chúng tôi đã lưu ý, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Trong Thời đại Khoa học, một thời đại mà người ta có thể cho rằng sẽ khinh bỉ một nền văn hóa dựa trên giáo điều và tôn kính quyền lực, thay vào đó, Ai Cập đã vươn lên một tầm cao mới về uy tín.

Điều quan trọng đối với câu chuyện của chúng tôi, trên hết, chính các chữ tượng hình đã thu hút các nhà tư tưởng vĩ đại của Cách mạng Khoa học. Niềm đam mê đó bắt nguồn từ niềm tin của họ rằng họ sống được bao quanh bởi các chữ tượng hình. Newton và những người đương thời của ông coi thế giới là một mã vũ trụ, một câu đố do Chúa thiết kế. Nhiệm vụ của họ, theo lời của một nhà văn lỗi lạc thời đó, là để giải mã “Mật mã kỳ lạ” đó.

Những nhà tư tưởng khoa học này tin rằng Chúa đã tạo ra từng vật thể trên thế giới bằng chính bàn tay của mình, và mỗi vật thể đều chứa đựng một bản chất bí mật nào đó ẩn giấu khỏi hoạt động bình thường của con người nhưng có thể nhìn thấy đối với những người đã học cách đọc được suy nghĩ của Chúa. Một nhà ngoại giao Pháp đã nói ngắn gọn như vậy. “Tất cả tự nhiên chỉ là mật mã và chữ viết bí mật.”

Các nhà khoa học cũng lật lại thông điệp đó. Khi khám phá ra một trong những bí mật của tự nhiên, họ đã ngụy trang khám phá *của mình* bằng mật mã. (Điều này cho phép họ đóng dấu tên của họ vào những phát hiện của họ, trong trường hợp tranh chấp quyền ưu tiên và nó ngăn những người khác sử dụng những hiểu biết sâu sắc mà họ không có kiểm được.) Kết quả

là, không ai thấy điều gì kỳ lạ trong quan niệm cho rằng những thông điệp tối nghĩa che giấu những ý nghĩa ẩn giấu. [TÔI](#)

Ví dụ, vào đầu năm 1610, Galileo đã gửi một bức thư cho nhà thiên văn học đồng nghiệp Johannes Kepler. Galileo đã chế tạo một chiếc kính thiên văn và đã phát hiện ra, trước sự kinh ngạc của ông, những độ sâu vô hạn và những điều kỳ diệu không ngờ tới trên bầu trời đêm. “Người mẹ của tình yêu mô phỏng hình ảnh của Cynthia,” anh viết. Hóa ra, khi gọi “mẹ của tình yêu”, Galileo có nghĩa là hành tinh Venus. “Cynthia” là một cái tên gắn liền với mặt trăng trong thần thoại.

Ngôn ngữ khó hiểu che giấu một tuyên bố táo bạo. Galileo đang nói rằng sao Kim có các chu kỳ giống như mặt trăng, điều đó có nghĩa là sao Kim quay quanh mặt trời. Đó là lớn. Nếu Galileo đúng, nhà thờ sai; mặt trời là trung tâm của vũ trụ, và trái đất chỉ là một chấm nhỏ trong vũ trụ.

Đối với các nhà khoa học ban đầu, hàm ý này có vẻ đơn giản. Gần như mọi bí ẩn trên thế giới đều cần đến một kiểu giải mã. Điều đó đúng với chữ tượng hình của tự nhiên, và càng đúng với chữ tượng hình của Ai Cập. Theo một nghĩa nào đó, những câu đố do mặt trời và mặt trăng đặt ra là những chữ tượng hình đã qua sử dụng. Chữ tượng hình của Ai Cập chính là thứ đó.

Nhiều thập kỷ trôi qua, giả định rằng chữ tượng hình Ai Cập che giấu bí mật ngày càng mạnh mẽ hơn. Một học giả người Scotland rất được ngưỡng mộ tên là Hugh Blair, bạn của David Hume và Adam Smith, đã giải thích suy nghĩ này vào năm 1783, một thế kỷ trở đi sau thời đại của Galileo và Newton.

Chữ tượng hình, Blair viết, là một hình thức hội họa cao hơn, tinh tế hơn. Những bức tranh thông thường mô tả các đồ vật hàng ngày, trong khi “chữ tượng hình vẽ các vật thể vô hình” bằng cách sử dụng “các phép loại suy lấy từ thế giới bên ngoài”. Ví dụ, một con mắt có nghĩa là *tri thức*, và một vòng tròn, bởi vì nó không có điểm bắt đầu cũng như điểm kết thúc, là *vĩnh cửu*.

Vào thời điểm phát hiện ra Phiến đá Rosetta chỉ vài năm sau đó, vào năm 1799, đó là những chiếc bịt mắt mà gần như tất cả các học giả đều đeo. Khi Young và Champollion xuất hiện, họ cũng mặc chúng, và thách thức lớn đầu tiên của họ là nhận ra sự cần thiết phải xé chúng ra.

[tôi](#). Loại thủ thuật trí tuệ này, nơi chúng ta lấy thị hiếu của chính mình và gán chúng cho tự nhiên, đã có một lịch sử lâu dài. “Chúa không chơi trò xúc xắc với vũ trụ,” Einstein tuyên bố, bởi vì ông không có ích gì với trò xúc xắc và tính ngẫu nhiên. Montesquieu đã chỉ ra sự thôi thúc này từ nhiều thế kỷ trước. “Nếu hình tam giác có một vị thần,” anh ấy viết, “thì ngài sẽ có ba cạnh.”

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Lưu vong

Thomas Young giải mã các chữ tượng hình đánh vần *Ptolemy* là một bước tiến lớn, nhưng nó đứng một mình. Nó có thể là một bước đột phá, nó có thể là một sự ăn may. Và Champollion, theo tất cả các tài khoản, thậm chí còn chưa đi xa đến thế. Nếu Young và Champollion muốn tiến lên phía trước, họ cần một *phương pháp* đọc chữ tượng hình có thể được sử dụng trong từng trường hợp. Họ cần những cái tên mới, vỏ đạn mới - tóm lại là vật liệu thử nghiệm mới. Họ sẽ tìm thấy chúng ở đâu?

Và rồi, ngay khi họ đang loay hoay, mảnh ghép tiếp theo đã xuất hiện, và nó tỏ ra rất quan trọng. Câu chuyện về việc làm thế nào điều đó xảy ra hiếm khi có thể xa lạ, hoặc đáng buồn hơn.

Ở Anh, vào đầu những năm 1800, không ai đẹp trai, bảnh bao và quyến rũ như William Bankes. Gia đình anh giàu có vô kể—cha của Bankes được thừa kế một gia sản trải dài trên 60.000 mẫu Anh, diện tích rộng gấp 4 lần Manhattan - và Bankes đã tận dụng sự giàu có của mình để trở thành một trong những nhà du hành vĩ đại trong thời đại của mình.

Cuộc sống ở Anh là “rất buồn tẻ, rất hay xen vào, rất ngớ ngẩn và rất giả dối,” anh ấy nói với người bạn Lord Byron của mình, đặc biệt là khi so sánh với “cuộc sống tự do và lang thang” của một du khách. Khi Bankes đang thực hiện các công việc kinh doanh ở nước ngoài, không một bữa tiệc tối nào ở London trở nên trọn vẹn nếu không có ông. Một nữ tiếp viên vui mừng báo cáo rằng cô ấy đã “cười suốt hai tiếng đồng hồ” khi Bankes kể những câu chuyện về chuyến du lịch của mình.

Nhưng Bankes không chỉ là một vị khách ăn tối lý tưởng. Từ những năm hai mươi trở đi, anh ấy là một khách du lịch nghiêm túc và gan dạ. (Anh ấy đã bất ngờ đến với vận may của mình, ở tuổi hai mươi, khi anh trai của anh ấy chết trong một vụ đắm tàu. William, con trai thứ hai, đột nhiên có cơ hội vô hạn Ông trở thành người châu Âu đầu tiên thực hiện các bức vẽ về thành phố “đã mất” Petra, ở Jordan, [tôi](#) và ông đã phiêu lưu khắp Ai Cập thực hiện những chuyến du ngoạn nguy hiểm đến các lăng mộ và đền thờ mà thế giới phương Tây đã lãng quên hoặc hầu như không được biết đến.

Bankes không thể đọc được những chữ tượng hình mà ông gặp phải - vào năm 1815, khi ông lần đầu tiên đến Ai Cập, không ai có thể đọc được - nhưng ông đã dành hàng giờ tỉ mỉ ghi lại chúng vào sổ tay của mình. Bankes không phải là tay tài tử, bất chấp sự giàu có của ông, và ông vừa cẩn thận vừa tò mò. Đặc biệt, các bức vẽ của anh ấy nhấn mạnh vào sơ đồ mặt bằng và các phép đo cẩn thận hơn là khung cảnh rộng lớn và kịch tính dưới ánh trăng.

Những ngôi đền và tàn tích hấp dẫn Bankes, nhưng những cảnh đường phố thuộc mọi thể loại cũng vậy. Hầu như không có gì là quá trần tục để điều tra. (Byron gọi bạn thân của mình là “cha đẻ của mọi trò nghịch ngợm.”) Khi một người đàn ông địa phương đưa cho anh ta một mẻ châu chấu sống, Bankes đã hỏi chúng dùng để làm gì. Hóa ra là ăn trưa. Bankes thấy chúng giòn và ngon khi chiên trong bơ,” không hoàn toàn khác một con tôm.”

Một chút rủi ro đã cải thiện bất kỳ chuyến du ngoạn nào. Tại Luxor, vào năm 1815, Bankes và một nhóm bạn gặp một người dụ rắn, người này tuyên bố rằng ông ta đã trộn một loại bột ma thuật khiến vết rắn cắn trở nên vô hại. Bankes tình nguyện thử. Pháp sư đã xức cho Bankes một loại bột trắng như phấn, đọc một câu thần chú và quần quanh anh ta những con rắn. Vết cắn của chúng làm chảy máu, nhưng Bankes vui vẻ báo cáo rằng anh ấy cảm thấy hoàn toàn ổn. Rất có thể, sau đó anh ta quyết định, những con rắn đã bị hút cạn nọc độc trước thời hạn.

Trong một số trường hợp, sự tò mò của Bankes đã được đền đáp theo những cách quan trọng. Năm 1818, ông tìm thấy một dòng chữ trên tường đền thờ ở thành phố Abydos, gần Luxor. Hết vỏ đạn này đến vỏ đạn khác - tất cả là bảy mươi sáu - được kéo dài ra xa thành hàng dài. Bankes đã đoán đúng rằng ông đã phát hiện ra một danh sách các pharaoh theo thứ tự thời gian. (Young đã cung cấp gợi ý quan trọng, trong một bức thư yêu cầu Bankes sao chép càng nhiều chữ tượng hình càng tốt, nhất có thể và đặc biệt tìm kiếm tên của các vị vua, vốn có thể được nhận ra “thông thường bởi một vòng hình bầu dục bao quanh họ”.) Ông lập tức bắt tay vào việc tạo một bản sao của danh sách tên quan trọng này. [II](#)

Cùng năm 1818, Bankes đã có một khám phá quan trọng khác. Nó cũng liên quan đến vỏ đạn, nhưng lần này chỉ có hai trong số chúng. Trong một ngôi đền trên đảo Philae, gần Aswan ngày nay, Bankes tìm thấy một đài tưởng niệm khổng lồ đã đổ xuống đất. (Ngôi đền đẹp đến nỗi những nhà thám hiểm ban đầu gọi nó là “Hòn ngọc của sông Nile”, lẽ ra đã bị nhấn chìm dưới Hồ Nasser khi Đập Cao Aswan được xây dựng. Ngôi đền đã được di chuyển từng viên đá đến một hòn đảo gần đó vào những năm 1960. Ngày nay nó mê hoặc những du khách lang thang qua cổng vào cao 60 foot và vào những khoảng sân rộng lớn có hàng cột.)

Đài tưởng niệm đã thu hút sự chú ý của Bankes vào năm 1818 là một khối đá granit hồng lớn, đơn lẻ. Được tô điểm bằng những chữ tượng hình, nó dài 22 feet và nặng sáu tấn. Mặc dù vậy, Bankes ngay lập tức nghĩ đến việc vận chuyển nó về nhà và lắp đặt nó trong khuôn viên ngôi nhà ở nông thôn của ông, Kingston Lacy.

Đài tưởng niệm đã từng đứng trên một bệ đá granit, đã bị thất lạc vào một thời điểm nào đó. Bankes đã tìm được nó, cách đài tưởng niệm không xa nhưng chìm trong bùn. Mãi nhiều năm sau, ông mới biết rằng phát hiện của mình sẽ chỉ đường đến trung tâm mê cung của Ai Cập.

Lấy lại đài tưởng niệm và chuyển nó về nhà mất ba năm và liên quan đến một loạt thất bại có thể đã xảy ra, do Laurel và Hardy dàn dựng. Thuyền trưởng của Bankes là một cựu nhân viên xiếc mạnh mẽ đã trở thành nhà khảo cổ học tên là Giovanni Belzoni. Anh ta ra lệnh cho người của mình xây dựng một bến tàu kéo dài đến tận sông Nile. Kế hoạch là đặt đài tưởng niệm lên trên một số que và cọc nhốt được để dùng làm con lăn, kéo nó lên cầu tàu (mà những người đàn ông đã xây dựng bằng cách xếp đá chạy bị cướp khỏi một ngôi đền), rồi vớt nó lên thuyền. “Tất cả mọi người đều làm việc,” một nhân chứng nhớ lại, “và năm phút nữa sẽ đủ để khiến nó nổi.”

Nhưng cầu tàu tạm thời đã sụp đổ dưới sức nặng của đài tưởng niệm. “Than ôi! Belzoni nhớ lại, “bến tàu, với đài tưởng niệm, và một số người đàn ông, di chuyển chậm và đi xuống sông một cách uy nghiêm.”

Bankes chấp nhận nó khá tốt, cố gắng giữ im lặng, nếu không muốn nói là bình tĩnh. Belzoni không chỉ im lặng mà gần như hôn mê. “Trong vài phút, tôi phải thú nhận,” sau này ông viết, “tôi vẫn như cứng như một bài viết.

Một phần nhỏ của đài tưởng niệm nhô lên trên mặt nước. Tuy nhiên, phần lớn, dấu hiệu duy nhất về nơi an nghỉ của nó là những xoáy nước xoáy quanh nó ở vùng nước sâu ngang ngực gần mép sông.

Belzoni vĩ đại hơn cuộc sống, theo mọi nghĩa, và chúng ta sẽ gặp lại anh ấy. Bây giờ anh ấy có một vấn đề trên tay. Đầu tiên, ông ra lệnh cho một đội lao động xuống sông chặt đồng đá gần đài tưởng niệm. Ý tưởng là ném các đòn bẩy bên dưới đài tưởng niệm, sử dụng các viên đá làm điểm xoay; sau đó đài tưởng niệm có thể được nâng lên, theo kiểu bập bênh, bằng cách kéo phần cao của đòn bẩy xuống.

Những người đàn ông được chỉ định cho các đòn bẩy nhận thấy rằng họ không thể lay chuyển chúng. Belzoni đưa ra một mệnh lệnh mới: Thay vào đó, hãy ngừng kéo và leo đến cuối đòn bẩy. Sau đó giữ thăng bằng ở đó để trọng lượng của bạn ép các đòn bẩy xuống. [III](#)

Những người thợ khác túm lấy dây thừng, quần chúng quanh đài tưởng niệm bị chìm, và quần các đầu còn lại quanh những cây chà là trên bờ sông. Họ dùng hết sức giật mạnh dây thừng, cố gắng hết sức để kéo đài tưởng niệm trở lại bờ. Khi đài tưởng niệm lắc lư trên đường đi, vẫn còn những

công nhân khác chạy xuống sông để nhét thêm đá vào bên dưới và ổn định nó ở vị trí mới.

Cuối cùng, họ đã xoay sở để lật được đài tưởng niệm trở lại đất liền. Belzoni đã tạo ra một tấm ván cầu tạm bằng cây cọ và ra lệnh cho người của mình kéo tảng đá lên thuyền. Lần này nó đã hoạt động.

Miễn là nước yên lặng, con thuyền vẫn có thể lướt đi dưới sức nặng của nó. Nhưng, sau đó, một tiếng ầm ầm yếu ớt nhanh chóng trở thành một tiếng gầm như sấm! Đây là những đục thủy tinh thể sông Nile nổi tiếng. Ngay phía trước là một chiếc găng tay dài khoảng ba trăm thước. Được bao quanh bởi những tảng đá, khuấy động bởi những con sóng và xoáy nước, ghềnh thác khiến cả thủy thủ đoàn và thuyền trưởng khiếp sợ. (Hầu hết các tảng đá từng làm tắc nghẽn sông Nile và các thác ghềnh do chúng hình thành, đều đã bị nhấn chìm dưới hồ Nasser.)

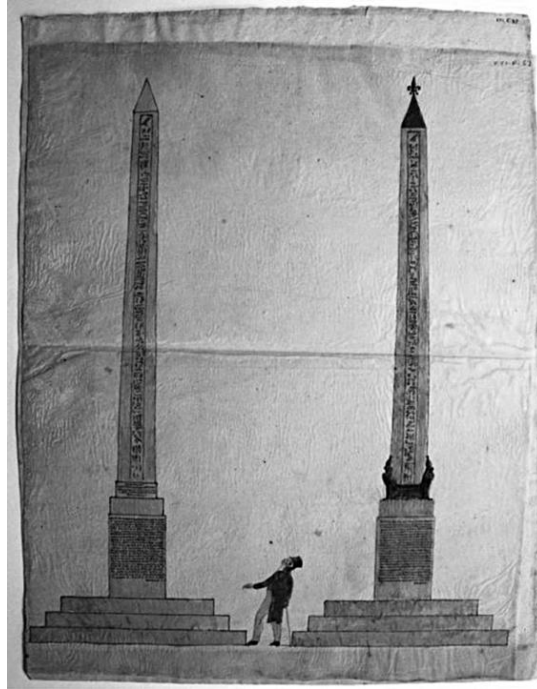
“Belzoni viết sau này, nếu con thuyền chạm vào đá ở mức độ nhỏ nhất, “với trọng lượng như vậy trên tàu và trong dòng chảy xiết như vậy, nó không thể thoát khỏi việc bị vỡ thành từng mảnh.”

Người mạnh mẽ đã cố gắng hết sức để chuẩn bị cho con thuyền vụng về, quá tải của mình, nhưng sự đề phòng của anh ta không tạo được sự tự tin. Một sợi dây cáp có nhiều dây chùng chạy từ thuyền và vòng quanh một cái cây trên bờ, nơi những người đàn ông đứng sẵn sàng với hy vọng rằng họ có thể kéo như điên và tránh va chạm. Những người đàn ông khóa thân ngồi trên những tảng đá ở hai bên bờ sông, nắm chặt những sợi dây buộc vào mạn thuyền để họ có thể cố gắng kéo thuyền theo hướng này hoặc hướng khác. Một thủy thủ đoàn năm người đã sẵn sàng bên mái chèo.

Tất cả đều hỗn loạn, một trong những người bạn đồng hành của Bankes nhớ lại, “chiếc thuyền lớn quay tròn và đong đầy nước, trong khi những hình người trần truồng chen chúc trên những tảng đá hoặc lội qua hoặc bơi giữa chúng, một số la hét và một số giật dây dẫn hướng, và chủ thuyền ném mình xuống đất, chạy tán loạn phủ bụi lên đầu và giấu mặt đi.”

Nhưng tất cả mọi người đều sống sót, và vài năm sau đó với nhiều tàu thuyền, đài tưởng niệm của Bankes đã đến Anh an toàn. (Chiếc bệ, đã tỏ ra rắc rối đến mức có thời điểm nó bị bỏ hoang trên bãi cát sông Nile, cuối cùng cũng đến được nước Anh.)

Đài tưởng niệm vẫn sừng sững kiêu hãnh trong khuôn viên của Kingston Lacy, mặc dù hai thế kỷ ở nước Anh mưa nhiều đã gây ra nhiều thiệt hại cho các chữ tượng hình của nó hơn là hai thiên niên kỷ ở Ai Cập nắng cháy. Bankes đã cẩn thận bố trí nó để đạt được hiệu quả tối đa, với sự giúp đỡ của người bạn là Công tước Wellington. (Khi nói đến diện mạo tổng thể của ngôi nhà và khu đất của mình, Bankes đã từng nói với Wellington, mục đích của anh ấy là “kết hợp nhiều tiện nghi với sự lộng lẫy đầy đủ.”)



Bankes nghĩ rằng có lẽ đài tưởng niệm của anh ấy sẽ còn nổi bật hơn nếu được trang trí thêm. Anh ấy đã vẽ hai phiên bản ở đây, một phiên bản có hoa bách hợp, nhưng quyết định từ bỏ ý tưởng này.

Khi phần đế của đài tưởng niệm cuối cùng cũng đến được nước Anh, Bankes đã cẩn thận lau chùi nó. Hai mươi dòng chữ Hy Lạp được khắc lõm đã thành hình. Hóa ra, đài tưởng niệm và chân đế *không phải là một* Rosetta Stone khác, vì thông điệp của chúng không khớp nhau. Nhưng cặp đôi Hy Lạp-Ai Cập này tỏ ra rất quan trọng.

William Bankes, rồi Thomas Young, và cuối cùng là Jean-François Champollion sẽ nghiên cứu những dòng chữ này. Bankes đã có vết nứt đầu tiên. Ông bắt đầu với phần đế bằng tiếng Hy Lạp, nơi văn bản đề cập đến một vị vua và hoàng hậu, Ptolemy VIII và Cleopatra III. (Đây không phải là Ptolemy của Phiến đá Rosetta cũng không phải là Cleopatra của thời La Mã. Với những cái tên hoàng gia, giống như những khối đá, Ai Cập đã tiến hành tái chế chuyên sâu.) Sau đó, hai cái tên hoàng gia được viết bằng tiếng Hy Lạp.

Sau đó, Bankes chuyển sự chú ý sang đài tưởng niệm. Nó được khắc độc quyền bằng chữ tượng hình, không phải tiếng Hy Lạp. Trong số các biểu tượng bí ẩn, Bankes phát hiện ra hai vỏ đạn. Chính xác là hai. Tốt hơn nữa, chữ tượng hình trong một trong những vỏ đạn đó khớp với chữ tượng hình trong vỏ đạn của Rosetta Stone. Điều đó hoàn toàn hợp lý, nếu cả hai vỏ đạn đánh vần cùng một tên, *Ptolemy*.

Điều đó khiến Bankes phải suy nghĩ về vỏ đạn thứ hai. Ông đã thực hiện các bản in thể hiện tất cả các chữ khắc của mình, cả tiếng Hy Lạp và tiếng Ai Cập. Ở lề bên cạnh vỏ đạn thứ hai, anh ghi lại một từ duy nhất bằng bút chì: *Cleopatra*.

Nếu dự đoán đó là đúng, điều này là lớn. Bankes đã không đọc tên. Anh ta vừa lấy một cái tên mới và một vỏ đạn mới và đoán rằng chúng thuộc về nhau.

Nhưng Young và Champollion có lẽ có thể tiến xa hơn. *Cleopatra* không chỉ là một cái tên khác; đó là một cái tên nước ngoài, có nghĩa là các chữ tượng hình đánh vần nó phải tương ứng với các âm tạo nên cái tên đó. Tốt hơn nữa, một số bức thư trong *Cleopatra* cũng xuất hiện trong *Ptolemy*. Và điều đó có nghĩa là, cuối cùng, đã có một cách để kiểm tra xem vỏ đạn *Ptolemy* trên Phiến đá Rosetta có thực sự ghi là *Ptolemy* hay không.

Bankes đã gửi bản sao của các chữ khắc cho một số lượng lớn các học giả, bao gồm Thomas Young và Vivant Denon, nghệ sĩ người Pháp từng là một trong những nhà bác học lỗi lạc nhất. Những dòng chữ được tìm thấy từ Denon đến Champollion, với những hậu quả quan trọng.

Năm 1821, năm Bankes chia sẻ những dòng chữ của mình, tất cả đều ổn trong thế giới ẩm cúng của anh ấy. Với những người bạn nổi tiếng, một ngôi nhà hoành tráng và một chiếc ví dày cộp, anh ấy dường như là một người đàn ông vô cùng đáng ghen tị. Sau đó, cuộc sống của anh ấy sụp đổ.

Sự sụp đổ của Bankes diễn ra khá lâu sau những ngày ông ở Ai Cập, nhưng đóng góp của ông cho việc giải mã câu chuyện rất quan trọng - và câu chuyện của ông rất sâu sắc - nên chúng ta nên dành một chút thời gian để kể lại câu chuyện của ông. Những rắc rối bắt đầu vào năm 1833. Bankes bốn mươi bảy tuổi và là thành viên của Quốc hội. Anh ta bị bắt vì “cố gắng thực hiện hành vi phạm tội không tự nhiên” với một người lính trong nhà vệ sinh công cộng gần Tu viện Westminster. Cảnh sát đã lôi hai người đàn ông đi. Một đám đông hai nghìn người giận dữ, la hét bao vây đồn cảnh sát, la hét lăng mạ những tội nhân bên trong.

Đối với những người đồng tính nam, những thập kỷ đầu của những năm 1800 là khoảng thời gian khủng khiếp. Một bản án về tội "sodomy", như tên gọi của nó, có nghĩa là hành hạ và sau đó là cái chết bằng cách treo cổ. Đây không phải là một mối đe dọa trên giấy tờ. Ở Anh vào năm 1806—khi Bankes còn là sinh viên 20 tuổi tại Cambridge—“đã có,” nhà sử học ngày nay AD Harvey kể lại chúng ta, “nhiều vụ hành quyết vì tội kê gian hơn là giết người.” Giữa năm 1800 và 1835 Nước Anh đã xử tử hơn năm mươi người vì tội kê gian.

Nước Anh cuối cùng đã thay đổi luật vào năm 1861, khi hình phạt cho tội kê gian được giảm từ tử hình xuống tù chung thân. [IV](#) (Trong thực tế, bản án điển hình là mười năm, và lần treo cổ cuối cùng cho tội kê gian diễn ra vào năm 1835.) Án tử hình cho tội kê gian vẫn còn trên sách sau khi nó đã được bãi bỏ vì cướp biển, buôn bán nô lệ và hãm hiếp.

Trong khi đó, châu Âu ít thù địch hơn với những người đồng tính nam. Không có luật nào kêu gọi trừng phạt những người đồng tính luyến ái, và chắc chắn không phải xử tử họ. Ở Ý, Byron đã quan sát vào năm 1820, “ họ

cười thay vì đốt cháy - và những người phụ nữ nói về điều đó như một điều đáng tiếc cho một người đàn ông tài năng.



William Banks, vào khoảng thời gian xét xử

Banks bị đưa ra xét xử vào năm 1833. Rất nhiều nhân chứng nổi tiếng đã làm chứng thay cho ông ta. Công tước Wellington, có lẽ là nhân chứng tốt nhất có thể tưởng tượng được ở Anh vào thời của ông, đã tuyên bố thẳng thừng rằng ông người bạn Banks “hoàn toàn không có khả năng phạm tội như hiện nay anh ta bị buộc tội.” Banks được tha bổng.

Nhưng đến năm 1841, ông lại bị bắt. Bị bắt cùng với một người lính ở Green Park, ở London, anh ta bị kết án là “một người có tâm hồn và tính cách xấu xa, dâm dục, bắn thiu và không tự nhiên.” Banks chìm đắm trong sự sa đọa đến mức anh ta đã “cố gắng thuyết phục một người không rõ danh tính phạm tội và gây ra tội ác đáng ghê tởm và ghê tởm (trong số những người theo đạo Cơ đốc không được nêu tên) được gọi là Buggery.”

Với án tử hình vẫn còn hiệu lực, luật sư của Banks khuyên anh ta nên trốn ra nước ngoài trước khi bị đưa ra xét xử. Banks đã ký giao ngôi nhà lớn và tất cả tài sản khác của mình cho các anh trai của mình, để bảo vệ nó khỏi bị tịch thu, rồi lên đường đến Pháp. Anh ấy sẽ không bao giờ trở về nhà.

Chính phủ đe dọa và vu khống, nhưng họ không bao giờ theo đuổi Banks. Sau một thời gian ngắn ở Pháp, anh ấy chuyển đến Ý, và anh ấy sẽ dành phần lớn thời gian còn lại của cuộc đời mình ở Venice.

Trong cuộc sống lưu vong, nỗi ám ảnh của Banks về ngôi nhà lớn mà anh sẽ không bao giờ nhìn thấy nữa ngày càng lớn hơn. Ông đã tìm kiếm những thợ thủ công giỏi nhất về đá cẩm thạch, vàng, gỗ và da và vận chuyển về nhà vô số tượng, lan can chạm khắc, cửa trang trí công phu và chân nến.

Old Masters lấp đầy các bức tường, và thậm chí, trong một căn phòng, trần nhà.

Tất cả những điều này đòi hỏi vô số lựa chọn thiết kế và Bankes đã cẩn thận từng phút với mọi quyết định. “Vào khoảng năm 1850 Anne Sebba, người viết tiểu sử của Bankes, viết những hướng dẫn hàng ngày về màu sắc chính xác của vết gỗ hoặc cách bản lề cửa hoạt động trơn tru. “ 'Hãy cho tôi biết ngay nó trông như thế nào,' anh ấy yêu cầu, hoặc 'Tôi khuyên bạn nên bắt đầu việc này ngay lập tức.' ”

Sebba tin rằng có một cơ hội tốt là một lần trước khi chết, Bankes đã bí mật đến thăm nhà anh ta. Cô gợi ý rằng vào mùa xuân hoặc mùa hè năm 1854, anh ta đã sắp xếp một điểm hẹn tại một địa điểm từng được những kẻ buôn lậu ưa thích, tại một bãi biển hẻo lánh trên bờ biển Dorset.

Bằng chứng là trên người nhưng có lẽ không hoàn toàn kết luận. Điều chắc chắn là William Bankes qua đời vào năm sau, tại Venice. Anh ta để lại chỉ thị chỉ đạo rằng thi thể của anh ta được gửi về nhà. Vào mùa hè năm 1855, ông được chôn cất trong hầm của gia đình, ngôi nhà cuối cùng của ông.

[tôi](#). Vài thập kỷ sau chuyến thăm của Bankes, vào năm 1845, nhà thơ John Burgon đã mô tả Petra một cách nổi tiếng là “một thành phố màu đỏ hồng cổ kính bằng một nửa thời gian”. Burgon là một giáo sĩ người Anh, người mô tả ông theo nghĩa đen; giống như nhiều đồng nghiệp của mình trong thời kỳ tiền Darwin đó, Burgon tin rằng Chúa đã tạo ra thế giới sáu nghìn năm trước.

[II](#). Bankes để lại những dòng chữ tại chỗ. Một thập kỷ sau, tổng lãnh sự Pháp đã cắt chữ viết khỏi bức tường và mang nó về Pháp. Bảo tàng Anh đã mua Danh sách Vua, như nó được gọi bây giờ, vào năm 1837. Nó vẫn còn trong bảo tàng cho đến ngày nay.

[III](#). Gần như phát điên lên vì thất vọng, Belzoni đã chỉ trích những người lao động của mình, những người mà “sự khôn ngoan tối đa của họ chỉ đạt đến việc kéo một sợi dây hoặc ngồi trên đầu một đòn bẩy như một đòn phản công.”

[IV](#). Luật pháp Anh đặt ra ít mối đe dọa hơn đối với những người đồng tính nữ. Tuy nhiên, trong một vụ khét tiếng vào năm 1811, hai phụ nữ bị buộc tội “hành vi không đứng đắn và phạm tội” vì quan hệ tình dục. Những người phụ nữ đã kiện người tố cáo họ vì tội vu khống. Cuối cùng vụ việc đã đến tai House of Lords. Những người phụ nữ bị buộc tội đã thắng kiện và Lord Gillies tuyên bố, “Tôi tin rằng tội ác bị cáo buộc ở đây không tồn tại.” Khái niệm về “sự bất khả thi về mặt vật lý của thứ bị buộc tội,” như một thẩm phán khác đã nói, là trọng tâm của vụ án. Làm sao có ai có thể coi trọng một lời buộc tội rõ ràng là lỗi bịch? “Đó là,” Thư ký Tư pháp Charles Hope nhấn mạnh, “như thể tôi được kể rằng một người nghe thấy tiếng sấm đang chơi giai điệu 'God Save the King.' ”

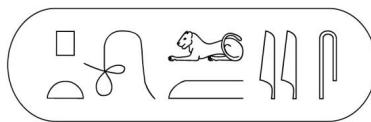
CHƯƠNG 19

Đây là Champollion

Champollion, người đã đứng ngoài lề từ lâu, giờ đã nhảy vào cuộc chơi. Anh ta không để lại tài liệu nào về cách chính xác những dòng chữ của Banks đã mở mắt cho anh ta như thế nào, nhưng đột nhiên anh ta chạy hết tốc lực.

Điều may mắn quan trọng là *Ptolemy* và *Cleopatra* có một số chữ cái chung, cụ thể là *P*, *T*, *O* và *L*. Nhiều năm trước, Young đã đoán rằng các vỏ đạn Rosetta đã đánh vần *Ptolemy* (thực ra là dạng tên trong tiếng Hy Lạp, *Ptolemaios*) bằng chữ tượng hình.

Bây giờ Champollion cũng làm như vậy. Anh ta nhìn vào vỏ đạn này từ Đá Rosetta:



và suy ra rằng $P = \square$, $T = \triangle$, $O = \bigcirc$, $L = \text{lotus}$, $M = \text{seated man}$, $E = \text{seated woman}$, và $S = \text{seated man}$.

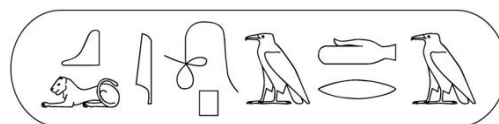
Đó chính xác là những gì Young đã làm nhiều năm trước. Có lẽ Champollion đã tự mình tìm ra điều đó; có lẽ anh ấy đã đọc lời kể của Young trong bài tiểu luận *Encyclopedia Britannica* năm 1819 của anh ấy. (Anh trai của Champollion đã viết thư để nói với anh ấy về bài luận của Young ngay sau khi nó được xuất bản. Champollion chế nhạo—“ người Anh không biết gì về tiếng Ai Cập hơn tiếng Mã Lai hay tiếng Mãn Châu” – nhưng anh ta đã yêu cầu anh trai gửi cho anh ta một bản ngay lập tức.)

Trong hai thế kỷ nay, các đảng phái của cả hai người đàn ông đã ném những lời lăng mạ vào nhau. Chúng ta có thể sẽ không bao giờ biết liệu Champollion có đi theo con đường của mình một cách độc lập với Young hay không - như anh ấy luôn khẳng định - hay liệu những ý tưởng của Young có khiến tâm trí anh ấy bùng cháy hay không. Trong những năm tới, Champollion sẽ bỏ qua bất kỳ cuộc thảo luận nào về cách suy nghĩ của ông đã phát triển; anh ấy chỉ đơn giản mô tả kết luận của mình trong khi hầu như không đề cập đến Young. Trẻ tuổi, người đàn ông ít xuất hiện nhất trên thế giới trong một cuộc ẩu đả trên đường phố, hiếm khi mạo hiểm vượt quá

lời phàn nàn nhẹ nhàng: “ Tôi chắc chắn đã mong đợi để tìm thấy trình tự thời gian của các nghiên cứu của riêng tôi được nêu rõ ràng hơn một chút.

Vỏ đạn *Ptolemy* là bước đầu tiên. Năm 1822, ngay sau khi nhận được bản sao các bản khắc của Bankes, Champollion chuyển sang *Cleopatra* . Trở lại năm 1810, ông đã nhận xét rằng những cái tên nước ngoài có thể cung cấp một cách để viết một chữ viết cổ. Bây giờ đây là *Cleopatra* , là người Hy Lạp, không phải người Ai Cập, và bên cạnh đó còn trùng lặp với *Ptolemy* .

Champollion kiểm tra vỏ đạn của Bankes. Đây có phải là *Cleopatra* ?



Champollion vừa gán các chữ tượng hình cho *P* , *T* , *O* và *L* , dựa trên vỏ đạn *Ptolemy* của Rosetta Stone . Bây giờ anh ấy nhìn xem liệu những chữ tượng hình đó có xuất hiện đúng chỗ trong vỏ đạn mới hay không. Liệu họ có phù hợp với cái tên *Cleopatra* ?

Thay thế các chữ cái từ *Ptolemy* , vỏ đạn mới này đọc: _ LEOP _ _ _

— Vẫn tốt hơn, một biểu tượng mới— Champollion gọi nó là "chim ưng chim sẻ" - xuất hiện ở hai vị trí trong vỏ đạn mới, ngay sau chữ *P* và một lần nữa sau hai biểu tượng ở giữa. Đây là Vòng quay may mắn không có Vanna White nhưng với phần thưởng là danh tiếng vĩnh cửu.

Nếu  = *A* , Champollion nhìn thấy ngay thì vỏ đạn mới ghi: _ LEOPA _ _ _ *A*.

— Một sự không phù hợp nổi bật. Cả *Ptolemy* và *Cleopatra* đều chứa chữ *T* , nhưng theo cách giải mã của Champollion, chữ *T* trong *Ptolemy* là một hình bán nguyệt, và chữ *T* trong *Cleopatra* là một bàn tay. Làm thế nào mà có thể được?

Champollion hy vọng rằng tiếng Ai Cập đơn giản là có nhiều hơn một cách để viết cùng một âm. Nếu anh ta đúng, sự không phù hợp giữa *Ptolemy/Cleopatra* sẽ là một sự tò mò hơn là một cuộc khủng hoảng, như thể danh sách các vị vua Anh của một nhà sử học bao gồm một *Catherine* và một người khác liệt kê một *Katherine* .

Nhưng đó là một hy vọng hơn là một cuộc tranh luận. Sự không nhất quán như  so với  là lý do chính khiến việc giải mã chữ tượng hình rất khó. (Những người giải mã dễ dàng hơn nhiều, ít nhất là trong những ngày đầu của nghề gián điệp và lập mã, bởi vì các mã bị mắc kẹt trong các quy tắc.)

Trên thực tế, phải mất nhiều năm Champollion mới chứng minh được rằng mình đã luôn đúng. Bằng chứng liên quan đến việc quét hàng loạt văn bản và tìm ra nhiều ví dụ cho thấy điều đó  và  ít nhiều có thể hoán đổi cho nhau.

Cách tốt nhất để hiểu chiến lược là nghĩ lại về *Catherine* và *Katherine* . Về bản chất, mục tiêu của Champollion là tìm ra các cặp trong đó chữ *C* có

thể thay thế cho chữ *K* hoặc ngược lại. Theo thời gian, anh ấy nghĩ ra những cái tên và từ tiếng Ai Cập tương tự như *Carl* và *Karl*, *Chris* và *Kris*, và *lê đường* và *lê đường* (như nó được đánh vần ở Anh). Một phát hiện như bánh rán *Krispy Kreme* sẽ có thể lập luận của anh ấy ngay lập tức.

Với một đồng ví dụ trong tay, Champollion có thể nhìn lại quyết định bỏ qua sự không phù hợp giữa *Ptolemy/Cleopatra* của mình với niềm tự hào và nhẹ nhõm. Anh ta đã không nhắm mắt làm ngơ trước những bằng chứng không mong muốn; anh ấy đã đọc một tin nhắn với những manh mối nhỏ mà thậm chí ít người khác có thể nhận ra.

Champollion chạy trước. Việc điền vào chỗ trống cái tên *Cleopatra* đã mang lại cho ông một số chữ tượng hình mới—những chữ tượng hình tương ứng với các âm *c*, *r* và *a*—để thêm vào bộ sưu tập của mình. Sau đó, anh ấy xem xét các chữ khắc khác và các mảnh giấy cói khác, tìm kiếm thêm vỏ đạn.

Chiến lược này đơn giản nhưng tốn nhiều công sức—khi bạn tìm thấy một vỏ đạn, bạn đoán rằng nó chứa tên của một người cai trị. Sau đó, bạn phát âm những chữ tượng hình mà bạn đã xác định được và hy vọng rằng những mảnh rời rạc đó sẽ gợi nhớ cho bạn một cái tên mà bạn đã gặp ở đâu đó trước đây. Nếu họ đã làm, bạn điền vào chỗ trống với mới chữ tượng hình và ngày càng tự tin chuyển sang những vỏ đạn khác. Mỗi thành công sẽ mở ra một cánh cửa khác.

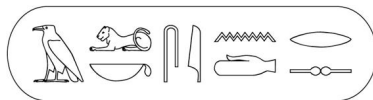
Đó là kế hoạch. Và nó đã hoạt động, mặc dù có vô số sai lầm trên đường đi. Với các đồ hình của *Ptolemy* và *Cleopatra*, Champollion đã được hưởng lợi từ một khởi đầu thuận lợi—ông đã biết, từ những bản khắc bằng tiếng Hy Lạp, những cái tên mà ông đang tìm kiếm. Bây giờ anh ấy đã hết chữ khắc song ngữ. Từ giờ trở đi, anh ấy sẽ làm việc mù quáng.

Champollion bắt đầu sàng lọc đồng cỏ khô có chữ tượng hình của mình. Gần như lúc nào anh cũng chẳng thấy gì ngoài sự thất vọng. Trong phần lớn các trường hợp, vỏ đạn chỉ đơn giản là không có đủ chữ tượng hình quen thuộc để sử dụng. Trong những trường hợp hiếm hoi nhưng may mắn khi bạn biết đủ chữ tượng hình để mạo hiểm đoán một cái tên, bạn khó có thể tìm ra thứ gì có giá trị. Hầu hết những phỏng đoán như vậy là vô nghĩa, hỗn tạp chắc chắn không tương ứng với bất cứ thứ gì của Ai Cập.

Đôi khi một cú đánh nghe có vẻ hợp lý nhưng không khớp với bất kỳ thước kẻ nào đã biết. Điều đó có thể xảy ra theo nhiều cách. Bạn có thể chỉ đơn giản là đã đoán sai. Bạn có thể đã xảy ra với một pharaoh đã bị mất lịch sử (như Tut gần như vậy). Bạn có thể tình cờ tìm thấy một cái tên đã được ghi lại trong một danh sách cổ xưa nào đó nhưng lại bị đọc sai hoặc hiểu sai về kiểu dáng nên bạn đã bỏ lỡ nó. (Một trong những pharaoh hùng mạnh nhất của Ai Cập được biết đến nhiều nhất với cái tên Hy Lạp là Ozymandias. “Tên tôi là Ozymandias, Vua của các vị vua,” Shelley đã viết trong bài thơ nổi tiếng của mình về vị vua có bức tượng được tìm thấy, bị

hông và bị lãng quên, trong sa mạc. Nhưng người Ai Cập các văn bản biết anh ta là Người dùng-ma'at-re.)

Champollion tiến lên phía trước bất chấp mọi mối nguy hiểm như vậy. Thành công đầu tiên của ông sau *Cleopatra* đến với vỏ đạn này:



Champollion ngay lập tức nhận ra chữ tượng hình đầu tiên. Đây chính là “chim ưng chim sẻ” mà anh đã thấy ở *Cleopatra*. Anh đã quyết định rằng nó là viết tắt của A. Tiếp theo là một con sư tử. Trước đây anh cũng đã từng thấy điều đó ở cả *Ptolemy* và *Cleopatra*. Một con sư tử là L.

Rồi “một tách trà cạn” mà Champollion không nhận ra; sau đó là “một đường cong” mà ông đã xác định là S trong *Ptolemaios*; tiếp theo, “một chiếc lông vũ”, là chữ E trong *Ptolemaios*; ngoằn ngoèo không xác định; một “bàn tay rộng mở”, đó là chữ T trong *Cleopatra*; một “miệng mở,” R trong *Cleopatra*; và cuối cùng là một đường nằm ngang bí ẩn với một nét vẽ nguệch ngoạc ở giữa, theo Champollion giống như “hai cây quyền trượng nằm ngang hướng vào trong”.

Tổng hợp tất cả lại với nhau, Champollion có: AL _S E _ TR _ . Anh ấy chỉ mất một lúc để điền vào chỗ trống. Đây là *Alksentrs*, hoặc, với một chút xoa bóp, *Alexandros*, tiếng Hy Lạp có nghĩa là *Alexander*.

Đây là một cuộc đảo chính, và không chỉ vì Champollion đã tìm được một cái tên mới và quan trọng. Điều quan trọng không kém là anh ấy đã tìm ra nó bằng cách sử dụng một phương pháp mà anh ấy có thể áp dụng lặp đi lặp lại cho các vỏ đạn khác. Anh ta cũng đã *không* tìm thấy thứ gì đó, và trong trường hợp này, đó cũng là một dấu hiệu tốt.

Ngay từ đầu, Champollion đã rất vui mừng khi thấy các chữ tượng hình xuất hiện ở nơi họ cần (như ô vuông nhỏ viết tắt của chữ P trong cả *Ptolemy* và *Cleopatra*). Bây giờ anh vui mừng thấy rằng những người khác không xuất hiện ở nơi họ *không* thuộc về. Chẳng hạn, “chim ưng chim sẻ” mà Champollion đã quyết định tượng trưng cho A trong *Cleopatra* lẽ ra không nên xuất hiện trong *Ptolemy*, và nó đã không xuất hiện. Điều này cũng đúng với hình bầu dục - Champollion gọi nó là “hình nhìn từ phía trước của một cái miệng” - viết tắt của chữ R và xuất hiện ở *Cleopatra* nhưng không xuất hiện ở *Ptolemy*.

Champollion chạy tiếp. Chẳng mấy chốc, anh ấy đã giải mã được các chữ tượng hình đánh vần *Berenice*, *Caesar* và *Autokrator* (tiếng Hy Lạp có nghĩa là *Hoàng đế* và liên quan đến từ *chuyên quyền của chúng ta*).

Champollion đã vượt qua Young. Vài năm trước, như chúng ta đã thấy, Young hầu như không đọc hoàn toàn *Berenice* cho chính mình. Anh ta có lợi thế đáng kể là biết phải tìm cái gì, bởi vì một dòng chữ gần đó đã viết cái tên đó bằng tiếng Hy Lạp. Mặc dù vậy, anh ấy đã thất bại. (Trong một bài tiểu luận trình bày những khám phá của mình, Champollion sau này sẽ

dành một chú thích dài để nhắc lại những sai lầm ngớ ngẩn thú vị của “học giả người Anh này.”)

Vỏ đạn *Cleopatra* đã giúp Champollion tăng tốc trên con đường của mình. Đối với Young, vỏ đạn tương tự đại diện cho một sự bỏ lỡ to lớn cơ hội. Bankes cũng đã gửi cho anh ta những dòng chữ trên đài tưởng niệm của anh ta, và Young đã ngay lập tức phát hiện ra điều gì đó kỳ lạ. Anh ta biết, từ dòng chữ Hy Lạp, rằng vỏ đạn thứ hai của Bankes có khả năng đánh vào *Cleopatra*. (Vỏ đạn đầu tiên viết ra *Ptolemy*, mà Young đã nhận ra từ Phiến đá Rosetta.) Nhưng người sao chép đã ghi lại các chữ tượng hình đã mắc lỗi—ký hiệu đầu tiên trong tên của Cleopatra lẽ ra phải là một chữ tượng hình viết tắt của âm k, nhưng thay vào đó người sao chép đã viết chữ tượng hình cho t.

Young đã cau mày và đặt những dòng chữ sang một bên. “Vì lúc đó tôi không rảnh để so sánh rất tỉ mỉ cái tên này với các cơ quan có thẩm quyền khác, nên tôi đã tự làm mình nản lòng về việc áp dụng bảng chữ cái của mình để phân tích nó.” Young đã vấp phải một lỗi đánh máy.

Đây là một sự phá vỡ khủng khiếp. Nếu Young kiểm tra vỏ đạn *Cleopatra* trong giấy lát, anh ấy có thể ghép các chữ tượng hình của nó với các chữ tượng hình P, T, O và L trong vỏ đạn *Ptolemy*, chính xác như Champollion đã làm, rồi chuyển sang xử lý các tên khác. Thay vào đó, anh đã quay đi. Trong một bộ phim về cảnh sát và bắt cướp, đây sẽ là khoảnh khắc khi một thám tử thiếu kiên nhẫn liếc nhìn đoạn phim từ camera an ninh nhưng lại bỏ sót kẻ xấu, mặc dù hắn đang ở ngay đó, bởi vì anh ta bị phân tâm bởi sự “nguy trang” của kẻ tình nghi, của một chiếc mũ bóng chày và bộ râu ba ngày.

Câu hỏi làm thế nào để giải quyết một phát hiện dường như bác bỏ một lý thuyết là một vấn đề nan giải. Như sách giáo khoa nói với nó, sẽ không có vấn đề gì. Thomas Huxley đã mô tả nổi tiếng “bi kịch lớn của khoa học” là “sự thật xấu xí giết chết một giả thuyết đẹp đẽ.” Nhưng khá thường xuyên, các lý thuyết vẫn sống một cách mãn nguyện ngay cả sau khi vấp phải những sự thật xấu xí ghê tởm. “Chín mươi phần trăm Vũ trụ được Nhà thiên văn học tìm thấy 'Mất tích',” tờ *New York Times* từng hét lên báo động, trong tiêu đề trang 1, nhưng nhà thiên văn học được đề cập đã bình tĩnh lưu ý rằng ông “hy vọng có thể tìm thấy vật chất còn thiếu trong vũ trụ.”

Đây thường là cách. Một cái gì đó sẽ bật lên. (Trong trường hợp của các nhà thiên văn học, việc tìm kiếm khối lượng còn thiếu của vũ trụ đã dẫn đến một số bước đột phá quan trọng nhất trong lịch sử khoa học gần đây.) Nhưng trong trường hợp của Cleopatra, Young đã thất vọng vì một lỗi đánh máy và chuyển sang những thứ khác.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

“ Một sự hỗn loạn thực sự

Thật khó để bỏ qua pha suýt chút nữa của Young, bởi vì rủi ro quá cao. Nhưng ngay cả những thiên tài cũng phạm sai lầm. Những sai lầm ngớ ngẩn hiểm hoi của họ khiến những người đứng ngoài cuộc như chúng ta giống như những sai lầm của vận động viên trượt băng nghệ thuật—họ nhắc nhở chúng ta rằng, dù những người chuyên nghiệp tỏ ra dễ dàng, con đường của họ đầy nguy hiểm.

Đối với Young, Champollion và những người giải mã đồng nghiệp của họ, lỗi của người sao chép được xếp hạng cao trong danh sách các mối nguy hiểm. Vào thời trước khi có nhiếp ảnh, chúng luôn là vấn đề đau đầu đối với các nhà giải mã và cả các dịch giả. (Chúng ta đã thấy lần đầu tiên Champollion và Young tiếp xúc với nhau, khi Champollion phàn nàn với Young rằng các bản sao của Phiến đá Rosetta của anh ấy là không chính xác.) Một lỗi nhỏ có thể gây ra những vấn đề lớn.

Chẳng hạn, một trong những đoạn nổi tiếng nhất—và khó hiểu nhất—trong Kinh thánh có thể gây ra lỗi sao chép. Chúa Giê-su nói với các môn đồ: “Ta nói cùng các ngươi, lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời”. Từ thuở sơ khai của Thiên chúa giáo, các học giả đã thắc mắc về hình ảnh kỳ quặc đó. Một *con lạc đà* ? Một giả thuyết, lần đầu tiên được đề xuất bởi Cyril of Alexandria vào thế kỷ thứ năm sau Công nguyên và được nhiều nhà văn hiện đại tán thành, đề xuất một lời giải thích thực tế. Trong tiếng Hy Lạp cổ đại, Cyril đã chỉ ra, các từ dành cho *lạc đà* và *dây thừng* gần như giống hệt nhau; *lạc đà* là *kamilos* , và *dây thừng* là *kamêlos* . Có lẽ điều đã xảy ra là ở đâu đó trên đường đi, một người sao chép mệt mỏi đã viết *lạc đà* để lấy *dây thừng* —do đó biến một hình ảnh đơn giản thành một hình ảnh kỳ quái—và sau đó nhiều thế hệ học giả Kinh Thánh đã lặp lại sai lầm đó.

Trong mật mã của tự nhiên cũng vậy, những lỗi chính tả khó phát hiện nhất có thể gây ra những hậu quả to lớn. DNA trong mỗi tế bào của chúng ta bao gồm hàng nghìn hàng nghìn gen, mỗi gen là một chuỗi dài các chữ cái A, T, G và C trong vô số cách kết hợp. Trên thực tế, DNA là một mã Morse gồm bốn chữ cái và chi phí cho một lần trượt giá có thể kéo dài suốt đời. Hãy xem bệnh viêm võng mạc sắc tố, một dạng mù lòa. Nó có thể được gây ra bởi một sai lầm của một chữ cái duy nhất. Sự khác biệt giữa tầm

nhìn sắc nét và không có gì có thể nhỏ bằng một chữ G duy nhất trong đó lẽ ra phải có chữ T trong một chuỗi bắt đầu AGTTTCTTTTCGC và tiếp tục cho mười nghìn chữ cái khác.

Vào thời cổ đại, việc sao chép rất khó khăn và chậm chạp. Không có công cụ nào để tăng tốc quá trình, “Tạo cho tôi một bản sao của cái này” là một mệnh lệnh không cần nhấn nút mà phải mất hàng giờ đồng hồ cực nhọc. Nhà cai trị Assyria đáng sợ Ashurbanipal— nổi tiếng với vô số hành vi tàn ác, bao gồm cả những sáng kiến như luồn dây qua hàm của một vị vua bị chinh phục rồi trói ông ta vào trong cũi chó—tuyên bố ý định của mình là đưa vào thư viện hoàng gia một bản sao của mọi cuốn sách trên thế giới. (Đó là vào khoảng năm 650 trước Công nguyên, và gần như tất cả những “cuốn sách” mà Ashurbanipal nghĩ đến đều là những tấm đất sét được khắc bằng chữ hình nêm hình nêm.) Ông ra lệnh cho những người ghi chép ở những vùng đất bị chinh phục sao chép các văn bản trong thư viện của họ và gửi cho ông.

“Ngày đêm chúng tôi sẽ căng thẳng và cực nhọc để thực hiện mệnh lệnh của đức vua, chúa chúng tôi!” tin nhắn đã trở lại và những người ghi chép, không còn lựa chọn nào khác, bắt đầu làm việc ngay lập tức. Một số người trong số những người sao chép này đã phục vụ trong một loại băng nhóm cổ cồn trắng; tù nhân chiến tranh hoặc con tin chính trị, họ không có vòng cổ nhưng họ thực sự làm việc trong xiềng xích.

Thư viện của Ashurbanipal thực sự đã trở thành một trong những kho báu của thế giới cổ đại, mặc dù hàng trăm nghìn tấm đất sét của nó đã bị thất lạc trong hai nghìn năm. Đây chính là những phiến đá mà chúng ta đã gặp trước đó, trong chương 15, trong đó thiên tài tự học George Smith đã giải mã câu chuyện về Gilgamesh và câu chuyện tiền kinh thánh về trận lụt nhấn chìm thế giới. Thật kỳ lạ, những chiếc máy tính bảng vẫn tồn tại vì các thư viện chứa chúng đã bị phá hủy.

Chính lửa, kẻ hủy diệt các thư viện kể từ thời Alexandria, đã cứu các văn bản từ các thư viện đầu tiên, vốn không được viết trên đó. giấy hoặc giấy cói nhưng trên đất sét. Nhà sử học Stephen Greenblatt viết: “Khi các cuộc chiến tranh và xâm lược, các thành phố lớn của Lưỡng Hà bị thiêu rụi, những tấm bảng phơi nắng trong thư viện và kho lưu trữ hoàng gia thực tế đã được nung ở dạng lâu bền. Trong cơn hấp hối của họ, cung điện và đền thờ đã trở thành lò nung.”

Khi nói đến chữ tượng hình, tất cả những khó khăn chung đi kèm với việc sao chép thậm chí còn trở nên tồi tệ hơn. Sao chép một bản thảo bằng một ngôn ngữ đã biết và một kịch bản quen thuộc là một thách thức, ngay cả trong sự yên tĩnh của thư viện. Nhưng tạo ra những bản sao hoàn hảo của những mảng lớn các biểu tượng xa lạ trên bức tường của một ngôi đền, trong cái nóng và sự hỗn loạn của Ai Cập, là điều gần như không thể.

(Một nguy cơ khác gây ra nhiều vấn đề hơn—đôi khi có sai sót trong bản gốc, bởi vì những người thợ khắc chữ tượng hình lên đá hoặc vẽ chúng trên tường và tượng đài hiếm khi biết chữ; họ làm việc từ văn bản do người ghi chép viết, nhưng họ không thể đọc được chữ gì họ đang sao chép. Ngược lại, các văn bản trên giấy cói được viết bởi chính những người ghi chép và do đó ít có khả năng chứa lỗi hơn.)

Một du khách đầu tiên đã để lại một bản tường thuật sống động về những mối nguy hiểm mà một người sao chép phải đối mặt. Carsten Niebuhr, một nhà thám hiểm và học giả người Đan Mạch, đã đến thăm Ai Cập vào những năm 1760. Niebuhr là một nhà quan sát tỉ mỉ, người mang theo mình rất nhiều công cụ khoa học, bao gồm kính viễn vọng, máy đo thiên văn, la bàn và nhiệt kế. Khi không đo kích thước chính xác của các kim tự tháp hoặc ghi lại nhiệt độ (ông thực hiện các phép đo vào ba thời điểm cụ thể mỗi ngày), ông cẩn thận sao chép những dòng chữ tượng hình dài mà ông không thể đọc được. Trong khi anh ấy làm việc, những đám đông câu kính vây quanh, cố gắng tìm hiểu xem anh ấy đang làm gì. Cảnh sát yêu cầu bởi thường và đe dọa sẽ đánh đập anh ta.

Niebuhr đã làm tốt, bất chấp những khó khăn, và những người bác học của Napoléon cũng vậy, những người phải đối phó với hỏa lực súng trường cũng như những người dân địa phương thù địch. Nhưng những người giải mã ở châu Âu đang trong một cuộc chạy đua, và cách cư xử tốt là một tai nạn sớm. Khi Champollion săn tìm những chữ tượng hình trong *cuốn Mô tả về Ai Cập của các nhà bác học*, ông nổi cơn thịnh nộ và cáu kỉnh về những sai lầm bất cẩn và những người ghi chép câu thả.

Đây là một phán quyết khắc nghiệt, nhưng “vì mục đích học thuật,” một nhà Ai Cập học hiện đại thừa nhận, “các bản vẽ là một mớ hỗn độn. Không thể tránh khỏi, một số chữ tượng hình đã bị sao chép sai hoặc bỏ qua hoàn toàn, hoặc các dòng bị bỏ qua hoặc chuyển vị trí. *Là một con chim quay mặt về bên phải cùng một biểu tượng như một con chim quay mặt sang trái? Con rắn có cặp sừng nhỏ có gì khác với con rắn có khúc khuỷu ở giữa không?*

Để đặt mình vào vị trí của người sao chép, hãy tưởng tượng bạn đang cố gắng sao chép dù chỉ một câu bằng một chữ viết lạ chẳng hạn như tiếng Thái. (Giống như tiếng Ai Cập, tiếng Thái không đặt dấu cách giữa các từ.) Đây là “Tôi rất vui được gặp bạn”: ฉันยินดีที่ได้พบคุณ.

Champollion ít có khả năng bị sửa lỗi đánh máy hơn Young rất nhiều, bởi vì sự tập trung của anh ấy vào Ai Cập quá không ngừng. Young luôn có hàng tá dự án cấp bách trong đầu. “Anh ấy đã giữ lại từ lâu thói quen của một cậu học sinh trong việc trộn lẫn các nghiên cứu của mình,” anh ấy viết về bản thân (bằng giọng ngôi thứ ba mà anh ấy ưa thích), “để mỗi lần chỉ dành một hoặc hai giờ cho mỗi thứ.” Vào thời điểm vở đạn *Cleopatra* xuất hiện, ông vừa nhận một nhiệm vụ quan trọng liên quan đến việc sửa đổi và đánh giá

lại một kho dữ liệu thiên văn và hàng hải khổng lồ cho một ấn phẩm có tên *The Nautical Almanac* .

Young thừa nhận rằng cách tiếp cận được coi là tất cả mọi thứ của anh ấy có những rủi ro của nó. Có lẽ anh ấy đã có thể đạt được nhiều thành tựu hơn bằng cách “giới hạn tài năng của mình trong những giới hạn hẹp hơn.” Nhưng ngay khi anh ấy nêu ra khả năng này thì anh ấy đã bác bỏ nó. Suy nghĩ lại, anh quyết định, thói quen nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác đã mang lại cho anh ấy “khả năng linh hoạt”. [TÔI](#)

Quan trọng hơn, Young tiếp tục, cuộc sống bị giới hạn trong “những giới hạn hẹp” rất giống với cuộc sống bị mắc kẹt trong một lối mòn. Anh ấy viết, anh ấy thông cảm với những người lao động chống lại lời kêu gọi chia công việc thành những nhiệm vụ nhỏ vì mục đích hiệu quả. Đối với một nhà tư tưởng cũng như đối với một người lao động chân tay, đặc biệt hóa là một công thức cho “giảm phẩm giá của anh ta trong quy mô tồn tại từ một sinh vật có lý trí thành một cỗ máy đơn thuần.

Champollion có lẽ đã nhìn thấy lỗi đánh máy của Cleopatra khiến Young bị loại khỏi trò chơi của mình. Tuy nhiên, anh vẫn tiến lên phía trước, quá hy vọng để chần chừ trước một chuyện vặt vãnh. Ông nhanh chóng tìm thấy xác nhận mới cho chiến lược giải mã của mình.

Một lần nữa tên cai trị nước ngoài cung cấp chìa khóa. Xerxes là vị vua Ba Tư ghê gớm đã xâm lược Hy Lạp vào năm 480 trước Công nguyên. Ông là một cái tên quen thuộc với các học giả. Thế giới cổ đại đã phải khiếp sợ trước Xerxes—ông ta đứng đầu một đội quân hai triệu người (theo Herodotus), lực lượng quân sự lớn nhất mà bất cứ ai đã từng tập hợp.

Champollion đề nghị với một nhà ngôn ngữ học người Pháp khác, một chuyên gia về chữ hình nêm, rằng cả hai hãy xem một chiếc bình cụ thể trong một bộ sưu tập tư nhân. Mỗi chữ rất đơn giản - chiếc bình cổ xưa, và nó có khắc hai chữ viết khác nhau, chữ hình nêm Ba Tư và chữ tượng hình Ai Cập. Các học giả đã học được một chút về việc giải mã chữ hình nêm. Họ có thể đọc được chữ Ba Tư đầu tiên trên chiếc bình— *Xerxes* . Bây giờ đến người Ai Cập, bắt đầu bằng vỏ đạn. Champollion nhận ra chữ tượng hình của nó từ những cái tên khác và phát âm chúng: *Xerxes* !

Đó là một bước đột phá, nhưng Champollion vẫn chưa hiểu ý nghĩa của nó (và chắc chắn Young cũng chưa hiểu). *Vâng, một số chữ tượng hình tượng trưng cho âm thanh và có thể được sử dụng để đánh vần tên. Bạn thậm chí có thể lắp ráp chúng thành một loại bảng chữ cái. Nhưng sau đó thì? “Rõ ràng là...,”* học giả cổ điển Maurice Pope viết, “rằng ông ấy không bao giờ nghi ngờ rằng bảng chữ cái của mình sẽ có bất kỳ ứng dụng nào ngoài phạm vi tên riêng và từ nước ngoài, hoặc rằng nó sẽ chứng minh điều mà ông đã tìm kiếm từ lâu. chìa khóa của chữ tượng hình.”

Tiến xa đến thế mà vẫn thấy mình lạc lối, Champollion lắp bắp thất vọng. “Về ngoài của một dòng chữ tượng hình là một sự hỗn loạn thực sự. Không có gì ở vị trí của nó. Không có liên quan đến cảm giác. Những đối tượng mâu thuẫn nhất được đặt ngay cạnh nhau, tạo ra những liên minh quái dị.”

Chắc hẳn chữ tượng hình là một chữ viết chứ không phải một hình thức trang trí tường kỳ lạ nào đó. Nhưng làm thế nào mà một hệ thống chữ viết có thể chứa nhiều giai đoạn trên hình ảnh? Champollion than thở, bất kỳ kịch bản nào dựa trên việc giải mã các bức tranh sẽ dẫn đến một trò chơi đoán vô tận và vô ích. “ Chắc hẳn [nó sẽ] rất tối nghĩa, buộc phải thể hiện ý tưởng của mình bằng một chuỗi ẩn dụ, so sánh và những câu đố khó giải đáp.”

Người Ai Cập có thể đã nghĩ gì?

[tôi](#). Quan niệm này hiện đang thịnh hành. Trong cuốn sách ẩn tượng *Phạm vi của mình*, David Epstein trích dẫn lời của người đoạt giải Nobel Santiago Ramón y Cajal, người tin rằng các nhà khoa học thành công nhất có xu hướng là những người có nhiều mối quan tâm nhất. Ramón y Cajal viết: “Đối với những người quan sát chúng từ xa, dường như chúng đang phân tán và tiêu tán năng lượng của mình, trong khi thực tế chúng đang truyền và củng cố chúng.”

CHƯƠNG HAI MƯƠI

Sự ra đời của chữ viết

Hãy suy nghĩ một lúc về câu hỏi của Champollion—làm thế nào bạn có thể nắm bắt toàn bộ ngôn ngữ bằng hình ảnh?—và bạn nhanh chóng hiểu ra sự bối rối của anh ấy.

Những từ như *con chó* và *chiếc mũ* sẽ đủ dễ vẽ, và các cụm từ như *vùng đá rơi cũng vậy*. Nhưng thế giới có rất nhiều thứ gần như không thể chụp được bằng ảnh. Còn *hy vọng* hay *ngày mai* hay *tại sao* hay *không thể*? Chữ tượng hình sẽ nhanh chóng trở nên khó hiểu, đúng như Champollion đã đề xuất. Quan điểm cho rằng hình vẽ một con diều hâu có thể có nghĩa là *thần* hoặc *siêu phàm* dường như gần như hợp lý.

Ví dụ, hãy xem bức vẽ này từ năm 2007, bức vẽ này mang ý nghĩa cảnh báo nguy hiểm cho con người hàng ngàn năm sau.



Chất thải hạt nhân vẫn sẽ gây chết người trong mười nghìn năm nữa. Con cháu của chúng ta sẽ cần biết để tránh xa những địa điểm chôn vùi nó, mặc dù gần như chắc chắn rằng tiếng Anh sẽ thay đổi đến khó nhận ra sau rất nhiều thiên niên kỷ. Vào năm 12007, điều này sẽ cảnh báo từ Hiệp hội Năng lượng Nguyên tử Quốc tế truyền tải thông điệp dự kiến: “Nguy hiểm! Một cái gì đó ở đây sẽ giết bạn! Biến đi!”?

Nhưng không chỉ những điều trừu tượng mới tạo ra vấn đề. Trò chơi board game *Pictionary* phổ biến chính vì nó quá khó để diễn đạt ngay cả những từ thông thường bằng hình ảnh—*jazz*, *bất ngờ*, *kẻ thù*. Và những hình ảnh dễ nhận ra vẫn có thể khó diễn giải. “Biểu tượng mũ cứng có nghĩa là ‘đội mũ cứng (và nếu bạn không có, hãy lấy một cái),’” nhà sử học

John Man viết, “những biểu tượng xe lăn không có nghĩa là 'ngồi trên xe lăn (và nếu bạn không' không có một, có được một).' ”

Chuyển từ các từ hoặc cụm từ sang toàn bộ câu và những thách thức trở nên tồi tệ hơn nhiều. Bạn có thể xoay sở để vẽ những bức tranh thể hiện *Cô ấy uống cà phê, nhưng còn Cô ấy đang cố cắt giảm lượng cà phê thì sao?* Hoặc, tệ hơn nữa, *Cô ấy luôn dừng lại để uống cà phê trừ khi cô ấy đến muộn?*

Hầu hết các học giả tin rằng những hình thức viết sớm nhất đã bắt đầu bằng những bức tranh - những bản sao cổ xưa của Cảnh báo: *Sàn ướt* vẽ một người đàn ông ngã nhào hoặc những chiếc bơm xăng và cốc cà phê cách điệu trên các biển báo đường cao tốc - nhưng nhanh chóng vượt qua giới hạn của chúng.

Sau đó, gần như cùng lúc, một số nền văn hóa trên thế giới đã đưa ra câu trả lời. Ở Mesopotamia và Ai Cập vào khoảng năm 3100 trước Công nguyên, ở Ấn Độ vào năm 2500 trước Công nguyên, ở Trung Quốc vào năm 1200 trước Công nguyên, các chữ viết đã xuất hiện có thể nắm bắt bất kỳ từ nào trong một số ít đường kẻ và đường cong.

Theo quan điểm của các nhà khảo cổ học về lịch sử, khoảng thời gian hai nghìn năm đó chỉ là một cái chớp mắt. (Các nhà khảo cổ học là những người chớp mắt chậm chạp.) [Tôi](#) Nhưng tại sao nó lại xảy ra vào thời điểm đó mà không phải hàng chục nghìn năm trước đó, khi tổ tiên của chúng ta đã phát triển tinh vi? Chụp tranh hang động. Các nghệ sĩ trang trí các bức tường hang động bằng những con bò đực đang lao tới và những con ngựa phi nước đại đã vẽ bằng kỹ năng vượt trội. Những bức tranh của họ có từ hai mươi nghìn năm trước; chữ viết sớm nhất chỉ mới năm nghìn năm tuổi. Những nghệ sĩ đầu tiên đã vẽ, nhưng họ không viết. Họ có thể có được chọn để thêm chú thích cho bức tranh của họ?

Có lẽ là không, nhưng tại sao không? Không phải vì thiếu công cụ. Sơn, mực và các công cụ chạm khắc đã được sử dụng từ những ngày đầu tiên của nghệ thuật, và chắc chắn chúng cũng sẽ hoạt động tốt cho việc viết lách. Vấn đề không phải là thiếu nào. Không có kẻ vũ phu nào có thể gọi lên những hình ảnh tô điểm cho Lascaux.

Vì vậy, những gì mất quá lâu? Dự đoán tiêu chuẩn là, kỳ lạ thay, sự ra đời của chữ viết lại liên quan đến sự trỗi dậy của các thành phố. Cụ thể hơn, với sự phát triển của thương mại và thương mại. Vào một thời điểm nào đó khoảng năm nghìn năm trước, các thành phố đã phát triển quá lớn và hoạt động thương mại trở nên phức tạp đến mức không ai chỉ dựa vào trí nhớ mà có thể theo dõi xem ai nợ ai bao nhiêu. Sự phát triển của thương mại kéo theo nhu cầu về hồ sơ, và hồ sơ có nghĩa là viết - *cái này thuộc về tôi, cái kia thuộc về bạn; đây là hóa đơn mua năm gia lúa; đó là IOU cho ba giỏ đan bằng liễu gai*.

Việc thúc đẩy một cách để lưu giữ hồ sơ đến thẳng từ trên xuống. Nhà vua càng hùng mạnh, mong muốn của ông ta là có một ngón tay trong mỗi chiếc bánh (và đếm chính xác số lượng bánh trong vương quốc) càng thôi thúc. Khi các thành phố phát triển, có quân đội để huy động, mùa màng để kiểm đếm, cánh đồng để khảo sát, kênh rạch để nạo vét. Quan trọng nhất, đã có thuế để thu thập. Tất cả các dự án như vậy đều sử dụng rất nhiều thứ mà các thế hệ sau gọi là “giấy tờ”. [II](#)

Theo hầu hết các tài khoản, sự phát triển của chữ viết là một câu chuyện đã diễn ra trong suốt hàng nghìn năm. Câu chuyện vẫn chưa được giải quyết, nhưng phần Trung Đông của câu chuyện là tài liệu hay nhất. Những manh mối đầu tiên cung cấp một cái nhìn thoáng qua về những ngày đầu tiên của chữ viết đã xuất hiện cách đây khoảng một thế kỷ trong đồng đồ nát của một số thành phố cổ ở Iraq ngày nay. Tại đó, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một số lượng lớn các cục đất sét có hình bầu dục, hình cầu, đĩa, hình trụ hoặc hình nón. Những mã thông báo này, như tên gọi của chúng, dường như đã được sử dụng từ khoảng 8000 TCN đến 3500 TCN. Các học giả không biết phải làm gì với chúng (và các nhà khảo cổ học thường ném chúng sang một bên như đồ bỏ đi). Nhà nghiên cứu người Đức tên là Julius Jordan gần như đã giải được câu đố. Những cục đất sét, ông viết trong nhật ký của mình vào năm 1929, trông “giống như hàng hóa của cuộc sống hàng ngày—lọ, bánh mì và động vật.”

Vào một thời điểm nào đó vào khoảng năm 3500 trước Công nguyên, hàng nghìn năm sau của câu chuyện, cốt truyện dày lên. Giờ đây, những người Sumer cổ đại đã bắt đầu bọc các đồng xu bên trong những “phong bì” bằng đất sét rỗng. Ở bên ngoài phong bì có những vết lõm nhỏ, dường như được tạo ra bằng cách ấn các mã thông báo vào bề mặt đất sét trước khi niêm phong chúng vào bên trong.

Vào những năm 1970, một Sherlock Holmes người Pháp đã xuất hiện và tìm hiểu xem chuyện này là như thế nào. Denise Schmandt-Besserat, một nhà khảo cổ học trẻ, giải thích rằng những hình nón và hình cầu này không phải là cục mà là biểu tượng. Ví dụ, một hình nón đại diện cho một lượng ngũ cốc cố định, một hình bầu dục là một lọ dầu. Một người trung gian được thuê để vận chuyển hai lọ dầu có thể mang theo hai hình bầu dục bằng đất sét như một loại giấy biên nhận.

Khi thời gian trôi qua, Schmandt-Besserat tiếp tục, hệ thống ngày càng trở nên gắn kết hơn. Ai đó đã có ý tưởng sáng suốt rằng, để ngăn chặn bất kỳ hành vi ăn cắp vặt nào, các đồng xu có thể được niêm phong bên trong phong bì bằng đất sét, nơi chúng không thể bị giả mạo. Tuy nhiên, với các mã thông báo được niêm phong, làm thế nào bạn có thể biết nội dung của một phong bì mà không phải mất công mở nó ra?

Đối với người phụ nữ trẻ người Pháp, câu trả lời thực sự đã hét lên. *Bằng cách đánh dấu bên ngoài phong bì cho biết bên trong có gì*. Lúc đầu, theo

lời kể của Schmandt-Besserat, những “nhân” đó là dấu ấn chính xác của các mã thông báo, được tạo ra bằng cách đẩy các mã thông báo vào bề mặt của phong bì.

Theo thời gian, một người nào đó nhận ra rằng việc vẽ hình ảnh của vật kỷ niệm trên phong bì sẽ dễ dàng hơn và cũng sẽ mang lại kết quả tốt. Trong một thời gian dài nữa, ai đó đã thấy rằng một biểu tượng thô và sẵn sàng trên phong bì sẽ hoạt động tốt như một bản vẽ cẩn thận. Và, sau đó, một nhà sáng tạo khác đã phát hiện ra rằng có thể loại bỏ hoàn toàn việc kinh doanh mã thông báo và phong bì, thay vào đó là một bảng đất sét ghi lại tất cả thông tin giống nhau dưới dạng ký hiệu, trong một vài dòng và vết xước có ý nghĩa. Các biểu tượng được *ghi đại diện cho* các mã thông báo bằng đất sét; không cần mã thông báo thực tế. Kìa, sự ra đời của chữ viết!

Chìa khóa mở ra toàn bộ câu chuyện, Schmandt-Besserat lại được gọi, là một phát hiện đặc biệt may mắn. Tại một địa điểm ở miền bắc Iraq, các nhà khảo cổ đã tìm thấy hai bản khắc chữ hình nêm ghi lại một giao dịch duy nhất. Một tấm bảng bằng đất sét có dòng chữ: “21 con cừu cái, 8 con cừu đực trưởng thành, 6 con dê cái”, v.v. Dòng chữ thứ hai là một phong bì bằng đất sét, bên ngoài có ghi dòng giống hệt “21 con cừu cái, 8 con cừu đực trưởng thành, 6 con dê cái”. Danh sách có tổng cộng 49 con vật. Các nhà nghiên cứu đã mở phong bì. Đã tràn ra 49 mã thông báo. 21 hình có cùng hình dạng, 8 hình khác, v.v. “Cái phiền rỗi đó,” Schmandt-Besserat viết, “được chứng minh là Rosetta Stone của hệ thống chữ khắc.”

Chuỗi dài của sự trừu tượng ngày càng tăng đó—from thẻ đất sét đến ấn tượng được ép trong đất sét đến hình vẽ bằng đất sét đến biểu tượng viết trên bảng đất sét—diễn ra với tốc độ chậm chạp. Vẫn còn tiếp theo còn trừu tượng hơn, vì chữ viết đã phát triển từ các biểu tượng mô tả các vật thể hữu hình như cừu và dê đến các biểu tượng tượng trưng cho những âm thanh thoáng qua và những luồng không khí nhỏ tạo nên ngôn ngữ nói.

Làm thế nào nó có thể rất khó để nắm bắt? Có vẻ như không có mảnh khước nào để thấy rằng các biểu tượng có thể có ý nghĩa mặc dù chúng trông không giống bất cứ thứ gì cụ thể. Paul Revere đã sử dụng những chiếc đèn lồng—“Một nếu bằng đường bộ, hai nếu bằng đường biển”—để truyền đạt kế hoạch của kẻ thù, và không ai gặp khó khăn gì để hiểu anh ta. Theseus sử dụng buồm. Anh ta nói với cha mình rằng anh ta sẽ cho người của mình treo một cánh buồm đen trên tàu của anh ta nếu Minotaur giết anh ta, và một cánh buồm trắng để báo hiệu rằng anh ta sẽ trở về nhà trong chiến thắng. (Hóa ra, trong lúc huyên náo, Theseus đã quên thay buồm. Cha của anh nhìn thấy cánh buồm đen báo hiệu cái chết của con trai mình và nhảy xuống biển tự tử.)

Tuy nhiên, chúng tôi biết rằng bước chuyển từ những hình ảnh dễ nhận biết sang các biểu tượng tùy ý tỏ ra vô cùng khó khăn. Trong quá trình phát triển của văn hóa nhân loại, sự trừu tượng luôn là rào cản lớn.

Mọi thế hệ đều coi thường những người đi trước vì đã quá mờ nhạt, quên rằng chẳng bao lâu nữa sẽ đến lượt chúng ta đứng trong góc và cảm thấy ngu ngốc. “Chúng ta phải luôn nhớ rằng trong vật lý nhà khoa học (và học giả kinh điển) D'Arcy Thompson đã viết như vậy. “Họ là những cái tên rất tuyệt vời thực sự mà chúng tôi kết hợp với lời giải thích về con đường của một hòn đá, sự rủ xuống của một sợi dây chuyền, sắc thái của bong bóng, bóng của một chiếc cốc.”

Câu chuyện giống nhau bất kể lĩnh vực nào và cho dù “điều đơn giản” có thể đơn giản đến đâu. Trong trường hợp chữ viết, Plato nói, phát minh “đơn giản” trên thực tế khó đến mức chỉ có “một số vị thần hoặc một số người đàn ông thiêng liêng” mới có thể quản lý nó. Không một con người đơn thuần nào có thể tìm ra cách ghi lại “sự đa dạng không giới hạn của âm thanh” trên một trang giấy.

Không phải ai cũng mua câu chuyện mã thông báo. Nhưng những nghi ngờ của những người theo chủ nghĩa hoài nghi lại xoay quanh việc chữ viết ra đời như thế nào. Về câu hỏi tại sao chữ viết được phát minh ra, có sự đồng thuận rộng rãi. Nó không phải để ghi lại những suy nghĩ sâu sắc. Cho dù ở Trung Quốc hay Trung Đông cổ đại hay Ai Cập hay Ấn Độ hay Tân Thế giới, điều thúc đẩy luôn là kinh doanh. Ở khắp mọi nơi trên thế giới, bài viết sớm nhất ít viết theo kiểu “cô ấy bước đi trong vẻ đẹp như màn đêm” mà nhiều hơn với dòng “Đã nhận: hai chiếc cốc gốm, một chiếc có tay cầm bị nứt mẻ”.

Sau một thời gian, văn học xuất hiện. Sau một thời gian dài. Giống như bản thân sự phát triển của nghề viết, quá trình chuyển đổi từ viết với tư cách là thương mại sang viết với tư cách là nghệ thuật diễn ra trong chuyển động chậm. (Trong khoảng thời gian dài đó, các bài hát và truyện kể có lẽ đã trở nên phổ biến.) Ở Ai Cập, theo tính toán của một học giả, phải mất một nghìn năm để chữ viết chuyển từ hồ sơ thuế sang truyện và truyện ngụ ngôn.

Nhưng một vai trò mới quan trọng của văn bản xuất hiện sớm hơn nhiều so với kể chuyện và không bao giờ phai nhạt. Đây là viết như tuyên truyền. Những người cai trị đã sớm nắm bắt công cụ mới, tận dụng mọi cơ hội để tuyên bố sức mạnh của họ và ca ngợi sứ mệnh thiêng liêng của họ. Được khắc trên đá, sự kiêu hãnh của một vị vua sẽ tồn tại mãi mãi.

Đặc biệt, trong suốt lịch sử Ai Cập, các pharaoh say mê khoe khoang quá mức và vênh vang trong lời nói. Một dòng chữ Ai Cập điển hình, trên một tấm bia đá từ khoảng năm 1400 trước Công nguyên, đã mô tả những gì đã xảy ra khi pharaoh Amenhotep do thám quân địch đang mạo hiểm đến gần ông, trên những cỗ xe: “Bệ hạ đuổi theo họ như chuyển bay của một con chim ưng thần thánh.” Amenhotep chỉ có một mình—“không một ai ở bên cạnh Bệ hạ, ngoại trừ chính ông ấy với cánh tay dũng cảm của mình”—nhưng không vấn đề gì. “Họ run sợ khi nhìn thấy Bệ hạ. Bấy giờ Hoàng

thượng giáng lâm chính chỉ huy của họ với chiếc rìu chiến của mình. Amenhotep nhanh chóng nối tiếp chiến thắng đó bằng một cuộc chinh phục khác. “Giờ đây, Người cai trị đang nổi cơn thịnh nộ như một con chim ưng thần thánh, những con ngựa của anh ta bay như một vì sao trên trời.” ^{III}

Khiêm tốn không phải là một đức tính tốt ở Ai Cập cổ đại, và bạn không cần phải là một pharaoh để vỗ ngực. Một nhà cai trị cấp tỉnh, người nắm giữ chức vụ vào khoảng năm 2100 trước Công nguyên, đã ghi lại những việc làm tốt của mình trên các bức tường trong lăng mộ của mình. Một đoạn ngâm thơ dài đã dẫn đến một đêm chung kết sôi động. “Tôi là người bắt đầu và cũng là người kết thúc loài người, vì không ai giống như tôi từng tồn tại trước đây và cũng sẽ không tồn tại. Không ai giống như tôi đã từng được sinh ra và anh ấy sẽ không được sinh ra. Tôi đã vượt qua những chiến công của tổ tiên, và các thế hệ sau sẽ không thể sánh ngang với tôi về bất kỳ chiến công nào trong hàng triệu năm.” Dòng chữ kết luận, “Tôi là anh hùng không ai bằng.”

Lịch sử phát minh được điểm xuyết bằng những ví dụ về những ý tưởng sáng tạo hóa ra lại có những công dụng mà không ai có thể lường trước được. Thang máy ban đầu được thiết kế để nâng vật liệu tại các công trường xây dựng; chẳng bao lâu chúng chở hành khách chứ không chở gỗ, và đường chân trời của thành phố vút lên cao. Tròng kính ban đầu được dùng cho kính đeo mắt cho phép ông già đọc chữ in nhỏ; họ đã tìm được đường vào những chiếc kính viễn vọng khám phá ra những ngôi sao không thể đếm được và vào những chiếc kính hiển vi khám phá ra những thế giới thu nhỏ — mà sự tồn tại của chúng thậm chí còn chưa bao giờ bị nghi ngờ — chứa đầy những sinh vật sống.

Bản thân bộ não thậm chí còn là một ví dụ nổi bật hơn, mặc dù trong trường hợp này, chính bản chất tự nhiên đã đóng vai trò là nhà phát minh. Đây là một cỗ máy sống được chế tạo để truyền tải những suy nghĩ như, “Chạy đi! Đó là một con sư tử!” Nhưng cũng chính cỗ máy đó đã truyền cảm hứng cho các nhà thơ viết những bản sonnet tình yêu và thúc đẩy đàn ông và phụ nữ ở khắp mọi nơi nhìn xa hơn ngày hôm nay và rùng mình trước viễn cảnh cái chết của họ.

Tuy nhiên, chữ viết có lẽ là ví dụ cuối cùng của một phát minh với những hậu quả không lường trước được. Với bộ não, những phản ứng đơn giản nhất và những hiểu biết sâu sắc nhất nằm ở những điểm khác nhau dọc theo cùng một đường thẳng—xét cho cùng, việc phát hiện ra mối nguy hiểm trong sự rung chuyển của một bụi cây có lẽ cũng không khác lắm so với việc nhìn thấy cái chết trong sự run rẩy của một bàn tay.

Viết lách thì không như vậy, khi câu chuyện chuyển hướng đột ngột đến mức không ai có thể đoán được kết quả khi nghe những dòng mở đầu. Ai có thể đoán trước được rằng một công cụ được chế tạo để đếm dê sẽ cho chúng ta văn học, lịch sử và trí nhớ?

[tôi](#). Trải qua *hàng trăm nghìn năm*, các học giả cho chúng ta biết, văn hóa đứng yên và cuộc sống của tổ tiên chúng ta không hề thay đổi dù chỉ một chút. Chẳng hạn, chúng “ngồi trong 0,3 triệu năm trong các hang động đầy khói, gió lửa [miền bắc Trung Quốc],” một nhà ngôn ngữ học nổi tiếng viết, “nấu dơi trên than hồng âm ỉ và đọi các hang động lấp đầy rác của chính chúng”.

[II](#). Người Inca là trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc này—ví dụ duy nhất được biết đến về một đế chế không sử dụng hệ thống chữ viết. Những sợi dây thắt nút mà người Inca gọi là *quipu* đã cung cấp một cách ghi số phức tạp (nhưng dường như không phải là từ).

[III](#). So với những ví dụ về sự khoe khoang của hoàng gia từ các đế chế cổ đại khác, điều này gần như lạnh tính. Chẳng hạn, ở A-si-ri, hàng ngàn hàng ngàn chữ khắc và hình chạm khắc mô tả các cuộc tra tấn và tàn sát rất chi tiết. Ký ức hoàng gia này, từ một vị vua tên là Sennacherib trị vì khoảng năm 700 trước Công nguyên, là điển hình: “Tôi cắt cổ họ như những con cừu non... Với xác những chiến binh của họ, tôi lấp đầy đồng bằng như cỏ. Tôi đã cắt tinh hoàn của chúng, và xé toạc vùng kín của chúng như hạt dưa chuột.”

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

Người không lồ Paduan

Mặc dù đã đạt được tất cả những tiến bộ, Champollion vẫn thất vọng và bối rối. Đến bây giờ - đó là năm 1821, và ông đã say mê Ai Cập và chữ tượng hình trong hơn một thập kỷ - ông đã giải mã được hàng chục cái tên trong vỏ đạn, nhưng ông biết rằng mình vẫn chưa nhìn thấy bức tranh toàn cảnh. Young cũng vậy, hay bất kỳ ai khác.

Họ đã gần đến đó, mặc dù họ không thể biết điều đó. Trong một đoạn nổi tiếng trong *Mặt trời vẫn mọc*, một nhân vật hỏi người khác rằng anh ta đã phá sản như thế nào. “Hai cách,” là câu trả lời. “Dần dần rồi đột ngột.”

Điều đó cũng xảy ra với những bước đột phá trong câu chuyện giải mã, và giờ đây những bước “dần dần” đang diễn ra liên tiếp gần nhau đến mức khoảnh khắc “đột ngột” gần như không thể tránh khỏi.

Champollion không bao giờ đưa ra bất kỳ gợi ý nào về việc ông đã thực hiện những khám phá của mình như thế nào hoặc khi nào. Thay vì tìm lại những bước đi của mình, anh ấy thích làm khán giả giật mình bằng một loạt tiết lộ bất ngờ.

Đây một phần là vấn đề về phong cách—Champollion là một người nhanh nhẹn và lao nhanh cũng như là một thiên tài vững chắc. Nhưng sự khéo léo chỉ là một phần của câu chuyện. Xung quanh Champollion là những người hoài nghi, và ông biết rằng một bản trình bày gọn gàng sẽ hấp dẫn hơn một bản trình bày lộn xộn bao gồm những dự đoán sai và những dấu vết sai lầm. Ngoài ra, anh ta đang chạy đua để giành được giải thưởng lớn và có lẽ chẳng ích lợi gì khi trình bày cho các đối thủ của mình những gợi ý và lý thuyết dở dang.

Ngay cả một thập kỷ trong cuộc tìm kiếm của mình, Champollion vẫn tin rằng chữ tượng hình “không theo bất kỳ cách nào theo thứ tự bảng chữ cái”. Thay vào đó, anh ấy đã viết trong một bài luận đã học, họ là “dấu hiệu của sự vật chứ không phải âm thanh.” văn bản Ai Cập, trong khác các từ, là một sự pha trộn phức tạp mà các yếu tố có thể hiểu được nhưng không phát âm được (ngoại trừ một số chữ tượng hình đặc biệt dành riêng để viết tên nước ngoài).

Sau đó, vào khoảng giữa năm 1821 và 1823, có hai điều đã xảy ra. Bản thân nó cũng không đáng ngạc nhiên. Mỗi người đã thúc đẩy Champollion hướng tới một cái nhìn sâu sắc có thể vượt qua tất cả những suy nghĩ trước

đây của anh ta. (Young, như thường lệ, quá tận tụy và bận tâm với công việc trong *Niên giám hàng hải của mình*, vẫn đứng ngoài lề.)

Vào một thời điểm nào đó, có lẽ là vào năm 1822, Champollion đã có một ý tưởng sáng suốt là đếm các từ và chữ tượng hình trên Đá Rosetta. Điều đó có vẻ hơi muộn trong trò chơi đối với một bước cơ bản như vậy, nhưng chính Champollion đã kể câu chuyện và anh ta không có lý do gì để hạ thấp khả năng nhận thức của chính mình.

Ông đã đếm được 1.419 chữ tượng hình và 486 từ tiếng Hy Lạp. (Nhiều chữ tượng hình xuất hiện nhiều lần mỗi chữ; có 166 chữ tượng hình khác nhau). Điều đó thật kỳ lạ.

Tại sao? Bởi vì có quá nhiều chữ tượng hình và quá ít. (Chúng ta đã thấy trước đó rằng Georg Zoëga, một nhà ngôn ngữ học người Đan Mạch, đã đưa ra một quan sát gần giống như vậy vào năm 1798.) Quá nhiều, bởi vì nó không có nghĩa là số chữ tượng hình nhiều gấp ba lần số từ trong tiếng Hy Lạp. Nếu mỗi chữ tượng hình đại diện cho một từ hoặc một ý tưởng, như mọi người đều tin, thì số lượng chữ tượng hình và số lượng từ Hy Lạp ít nhiều phải khớp với nhau.

Sự không phù hợp thậm chí còn tồi tệ hơn lần đầu tiên xuất hiện. Các chữ tượng hình trên Rosetta Stone nằm ở trên cùng, và đó là những phần từ trên cùng đã bị mất và không bao giờ được nhìn thấy nữa. Vì vậy, con số 1.419 chắc chắn là một con số thiếu.

Nhưng nhìn theo một cách khác, có quá ít chữ tượng hình. Nếu một chữ tượng hình đại diện cho một từ hoặc một ý tưởng, thì việc chụp toàn bộ ngôn ngữ sẽ cần vô số hình ảnh. Tổng số chữ tượng hình chắc chắn sẽ là hàng ngàn trên hàng ngàn, và không có gì giống như chỉ 166.

Đó là câu đố số một. Ban đầu, câu đố số hai dường như chẳng liên quan gì đến Ai Cập hay chữ tượng hình. Nó liên quan đến công việc của một thanh niên người Pháp đầy ám ảnh tên là Jean-Pierre Abel-Rémusat, một học giả đã thực hiện một cuộc hành trình tự hướng dẫn đi sâu vào những bí ẩn của ngôn ngữ Trung Quốc. Rémusat đã có chịu đựng một tuổi thơ bất hạnh—một tai nạn đã khiến ông bị mù một bên mắt và khiến ông phải nằm liệt giường trong nhiều năm. Sau đó, cha anh qua đời, để lại Jean-Pierre và mẹ anh phải vật lộn để kiếm sống. Chàng trai trẻ tiếp tục theo học ngành y, một cách nửa vời, vì thu nhập mà nó mang lại. Điều khiến anh ấy thức tỉnh là một cuộc gặp gỡ tình cờ với một cuốn sách về thuốc thảo dược của Trung Quốc. Các loại thảo mộc và thuốc không phải là thứ hấp dẫn; chính kịch bản bí ẩn, hấp dẫn trên từng trang đã quyến rũ Rémusat.

Bị cuốn hút, anh lao vào học tiếng Trung Quốc “không có giáo viên, không có sách giáo khoa, không có từ điển.” Anh mười tám tuổi. Năm năm sau, vào năm 1811, ông nổi lên với ấn phẩm đầu tiên của mình, *Luận về Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc*. Điều đó đã khiến Rémusat được người cố vấn cũ của Champollion là Silvestre de Sacy chú ý, và do đó là Champollion.

Đến năm 1822 Rémusat là Theo cách nói của Champollion, cơ quan trị vì của Pháp đối với tiếng Trung Quốc, “người đầu tiên”, “dọn sạch việc

ngiên cứu tiếng Trung Quốc khỏi bóng tối, người ta có thể nói là bóng tối thần bí, trong đó những người tiền nhiệm của ông đã bao trùm nó.” Khi Rémusat xuất bản một tác phẩm mới có tên là *Các yếu tố của ngữ pháp Trung Quốc*, vào năm 1822, Champollion đã lao vào.

Một điểm đặc biệt khiến anh chú ý. Chữ viết Trung Quốc đã sử dụng hàng nghìn ký tự, theo số lượng của Rémusat, nhiều hơn nhiều so với số lượng chữ tượng hình mà Champollion đã nghĩ ra. Nhưng ngay cả khi có rất nhiều ký tự để giải quyết—đặc biệt, đây là câu đố số hai—người Trung Quốc đã sử dụng một loại ký tự đặc biệt gọi là *hing-ching*, mà Rémusat dịch là *đại diện cho âm thanh*.

Champollion lưu ý rằng những ký tự này không chỉ đại diện cho âm thanh, mà còn “chúng tạo thành một nửa số chữ viết thông thường của Trung Quốc.”

Chìa khóa là từ “bình thường”. Rémusat không nói về cách các nhà văn Trung Quốc đối phó với những cái tên nước ngoài; anh ấy đang nói về cách người Trung Quốc viết những từ đơn giản, hàng ngày.

Đây là một sự thay đổi có ý nghĩa to lớn. Một thập kỷ trước, Champollion đã giải thích rằng nếu bạn viết tên nước ngoài bằng một hệ thống chữ cái không theo bảng chữ cái, bạn sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng các ký tự đại diện cho âm thanh. Nhưng ở đây Rémusat khẳng định rằng “âm thanh char các diễn viên” xuất hiện trong những từ thông thường, không chỉ bằng những cái tên nước ngoài, và rất nhiều trong số chúng.

Champollion bắt đầu suy nghĩ về một ý tưởng mà ông hay bất kỳ ai khác chưa bao giờ nghĩ đến. *Có lẽ người Ai Cập đã sử dụng “ký tự âm thanh” cho những từ thông thường của người Ai Cập chứ không chỉ cho những cái tên du nhập từ những vùng đất xa xôi?*

Trong nhận thức muộn màng, nó nghe có vẻ hiển nhiên. Vào thời điểm đó, thật đáng kinh ngạc, khác xa với những gì mà bất kỳ ai từng đề xuất rằng trong hơn một thập kỷ làm việc chăm chỉ, ý tưởng này chưa bao giờ nảy ra trong đầu Champollion.

Trong khi Champollion nghiên cứu ngữ pháp Trung Quốc ở Pháp, và Young biên soạn các bảng hải lý ở Anh, cựu võ sĩ xiếc Giovanni Belzoni đã săn lùng các chữ tượng hình ở Ai Cập. Những gì anh ta tìm thấy ở đó sẽ sớm khiến Champollion ngất xỉu vì ngạc nhiên.

Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 18, Ai Cập là một kho báu rộng lớn, chưa được lập bản đồ, tràn ngập những người nhặt rác đua nhau đào—and bán—các di tích cổ. Đối với khách du lịch, không có món quà lưu niệm nào thú vị bằng một xác ướp. “Khám phá” xác ướp của chính bạn là điều thú vị nhất. Các đại lý sẽ lên vào các ngôi mộ và giấu xác ướp để khách hàng của họ tìm thấy. Hảo hức khách du lịch bị chặt đứt bàn tay hoặc cánh tay—rất khó để nhét toàn bộ thi thể vào hành lý của khách du lịch—để sau này trưng bày tại nhà.

Các nhà khảo cổ cư xử gần như tồi tệ. Hầu hết đều khó phân biệt với những kẻ cướp bóc, và đặc biệt Belzoni là một kẻ cướp bóc lành nghề và siêng năng. Anh ấy cũng là một người biểu diễn của một người trình diễn.

Cao một mét sáu, đẹp trai và cường tráng như một chú Alp (trong những ngày biểu diễn của mình, anh ấy đã phát minh ra một thiết bị cho phép mười một người đàn ông cùng lúc ngồi trên lưng anh ta), Belzoni đến Ai Cập muộn nhưng nhanh chóng thực hiện một loạt các cuộc đảo chính. Chẳng hạn, chính người mạnh mẽ người Ý đã phát hiện ra bức tượng Ramesses Đại đế bị vỡ đã truyền cảm hứng cho bài thơ “Ozymandias” của Shelley, kể về vị vua hùng mạnh với “sự khinh thường mệnh lệnh lạnh lùng”. (Ngày nay bức tượng là một trong những kho báu của Bảo tàng Anh.) ¹And như chúng ta đã thấy, chính Belzoni là người—cuối cùng—đã xoay sở để kéo đài tưởng niệm của Bankes ra khỏi đảo Philae và gửi nó trong chuyến hành trình dài đến Anh.

Cuối cùng, năng lực đột kích lăng mộ của Belzoni sẽ khai quật được mạnh mẽ khiến các nhà giải mã ở châu Âu run lên vì phấn khích.



Giovanni Belzoni, nhà khảo cổ học/kẻ cướp bóc, trong trang phục kiểu Ả Rập mà ông ưa thích (trái). Belzoni bắt đầu cuộc sống như một người mạnh mẽ trong rạp xiếc. Một điểm nổi bật trong hành động của anh ta liên quan đến việc giữ một số người đàn ông cùng một lúc trên mặt đất. Theo thời gian, anh ấy đã nghĩ ra một cách để hỗ trợ mười một người đàn ông cùng một lúc.

Belzoni đã mô tả những cuộc phiêu lưu ở Ai Cập của mình trong một tập hồi ký. Anh ấy nhớ lại một bước đột phá ban đầu một cách chi tiết. Anh ta đã bò sâu dưới lòng đất vào một loạt ngôi mộ cổ bên kia sông Nile từ Luxor. Sau khi lườn lách hàng trăm mét qua đám bụi mù mịt, cuối cùng anh ta cũng vào được một căn phòng đủ cao để có thể ngồi thẳng trong đó.” Nhưng thật là một nơi nghỉ ngơi!” Belzoni rùng mình, “xung quanh là xác chết, bởi hàng đồng xác ướp ở mọi hướng.” Ánh sáng duy nhất phát ra từ những ngọn đuốc được những người thợ Ả Rập của Belzoni cầm trên cao, những người “trần truồng và phủ đầy bụi, giống như những xác ướp sống”.

May mắn thay, Belzoni đã mất khứu giác từ lâu, nhưng dù vậy, anh ta vẫn bị miêng khi ngửi thấy mùi vị của bụi xác ướp. miêng và cổ họng. Ông viết: “Gần như kiệt sức, tôi tìm một chỗ nghỉ ngơi, tìm được một chỗ và định ngồi xuống; nhưng khi trọng lượng của tôi đè lên xác một người Ai Cập, nó sẽ nghiền nát nó như một cái hộp đựng băng đô.”

Belzoni rơi xuống đất. Trong mười lăm phút, anh nằm bất lực, cố gắng lấy lại hơi thở. Cuối cùng anh ta cũng bò xuống được một lối đi dài khoảng 20 feet và chỉ đủ rộng để luồn lách qua. Belzoni viết: “Nó đầy xác ướp, và tôi không thể đi qua mà không chạm mặt vào khuôn mặt của một người Ai Cập đã mục nát nào đó,” Belzoni viết, “nhưng khi lối đi nghiêng xuống, trọng lượng của chính tôi đã giúp tôi đi tiếp.

“Tuy nhiên tôi không tránh khỏi việc mình bị dính đầy xương, chân, tay và đầu từ trên cao lăn xuống. Vì vậy, tôi đi từ hang này sang hang khác, tất cả đều đầy xác ướp chất đồng theo nhiều cách khác nhau, một số đứng, một số nằm và một số nằm trên đầu.”

Tại sao tình nguyện cho thử thách đó? “Mục đích nghiên cứu của tôi,” Belzoni tiếp tục một cách thản nhiên, “là để cướp giấy cói của người Ai Cập; trong đó tôi tìm thấy một số giấu trong ngực, dưới cánh tay, ở khoảng trống phía trên đầu gối hoặc trên chân, và được bao phủ bởi vô số nếp vải bao quanh xác ướp.”

Vào thời cổ đại, những kẻ cướp bóc không bận tâm đến những mẫu giấy cói. Không phải khi có những chiếc vòng tay bằng vàng để giặt, dây chuyền, cốc uống nước và các tác phẩm điêu khắc. Nhưng sau đó " một nghìn thế hệ trộm mộ," theo tính toán của một nhà Ai Cập học, nhiều kho báu dễ thấy đã biến mất.

Với các nhà sưu tập châu Âu và các viện bảo tàng đang trong tình trạng điên cuồng do Egyptomania gây ra, các tờ giấy cói - hoặc bất kỳ vật phẩm nào khác được trang trí bằng chữ tượng hình - đảm bảo sẽ thu hút người mua vùng tiền và đòi thêm. Tuy nhiên, trong vài năm, Belzoni đã để mắt đến một giải thưởng thậm chí còn lớn hơn. Cho đến nay nó đã trốn tránh anh ta.

[tôi](#). Shelley chưa bao giờ đặt chân đến Ai Cập và chưa bao giờ nhìn thấy bức tượng khổng lồ của Ozymandias ngay cả sau khi nó đến Bảo tàng Anh. Nhưng anh ấy đã đọc về nó, và anh ấy đã viết bài thơ của mình trong mười phút. Ông đã xuất bản nó hai tuần sau đó, gần như không sửa đổi, ngay trước khi bức tượng đến Anh.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA

Abu simbel

Đó là sức hấp dẫn của kho báu đã lôi kéo Belzoni đến Ai Cập. Nhưng có lẽ anh ấy đã tìm thấy điều vĩ đại nhất của mình—và chắc chắn là điều ngoạn mục nhất của anh ấy—chỉ sau khi anh ấy gặp một du khách châu Âu khác là người được thúc đẩy hầu như chỉ bởi sự tò mò và thích du lịch.

Phát hiện đó sẽ dẫn đến bước đột phá tiếp theo trong cuộc đua giải mã. Một lần nữa, nó sẽ liên quan đến sự hợp tác giữa Belzoni và William Bankes, lần này kết thúc cuộc phiêu lưu trên đài tưởng niệm của họ.

Trong những năm từ khoảng 1810 đến 1820, Belzoni và Bankes nằm trong số ít người châu Âu chạy đi chạy lại khắp Ai Cập trong một kiểu săn lùng xác thối đầy rủi ro. Cuộc sống của cả hai người đàn ông đã thay đổi, và toàn bộ câu chuyện đang giải mã rẽ sang một hướng mới, khi họ gặp một nhân vật cao lớn, có râu, nửa chết đói, người kể những câu chuyện về chuyến du hành của anh ta có thể đến từ Nghìn lẻ một đêm.

Jean Louis Burckhardt là một khách du lịch gần như không có bạn đồng hành. Sinh ra ở Thụy Sĩ, ông rời châu Âu vào năm 1809, ở tuổi 25. Anh ấy sẽ không bao giờ trở lại. Anh ấy đã dành vài năm đầu tiên ở nước ngoài ở Syria, nơi anh ấy đắm mình vào việc học tiếng Ả Rập. Chẳng mấy chốc, Burckhardt nói giỏi đến mức, với sự trợ giúp của bộ râu rậm, khăn xếp và áo choàng, anh ta có thể được coi là người địa phương. Với tư cách là Sheikh Ibrahim ibn Abdullah, anh bắt đầu khám phá Trung Đông và Châu Phi, không vũ trang, không người đi kèm và không ngừng tò mò.

Anh ấy sẽ trở thành một trong những người phương Tây đầu tiên đến thăm Mecca và là người đầu tiên nhìn thấy Petra, ở Jordan. (Như chúng ta đã thấy, Bankes là người đầu tiên chụp Petra trong các bản vẽ.) Năm 1813, ông tìm thấy ông ở sâu trong Nu sa mạc bian, cách Cairo khoảng bảy trăm dặm về phía nam. Đây là một lãnh thổ khắc nghiệt, vô luật lệ, cách xa hơn một trăm dặm so với điểm xa xôi nhất mà bất kỳ nhà bác học nào của Napoléon đã đặt chân tới.

Burckhardt đang theo đuổi những tin đồn về một ngôi đền cổ kính bị bỏ quên bên bờ sông Nile. Anh đã tìm thấy nó.

Được chạm khắc vào một vách đá ở vùng đất bị cấm khi đó được gọi là Nubia, có sáu bức tượng khổng lồ, ba bức tượng ở mỗi bên của một lối vào biến mất trong đá. (Địa điểm này cách Aswan ngày nay khoảng 170 dặm về phía nam.) Đối với bất kỳ ai tiếp cận bằng đường bộ, quần thể đền thờ rất khó phát hiện cho đến giây phút cuối cùng, nhưng từ dòng sông thì không thể bỏ lỡ. Bên trong, Burckhardt nhìn thấy nhiều hình chạm khắc, hình vẽ và vô số chữ tượng hình.

Hắn thăm dò một chút rồi xoay người rời đi. Khi leo trở lại các vách đá từ dòng sông, anh tình cờ nhìn về phía nam. Đột nhiên anh ta nhìn thấy bốn bức tượng khổng lồ, lớn hơn nhiều so với những bức tượng khổng lồ mà anh ta đã tìm thấy. Những thứ này cũng vậy, được chạm khắc từ vách đá sa thạch, nhưng giờ đây cát đã chôn vùi chúng gần như hoàn toàn.

Burckhardt đã suýt bỏ lỡ những gì sẽ được chứng minh là một trong những ngôi đền “bị mất” vĩ đại nhất của Ai Cập; những gì anh ấy đã tìm thấy đầu tiên là một loại đền thờ phụ, đồng hành.

Anh chạy lại gần. Đầu và ngực của một bức tượng đứng trên cát. Bức tượng tiếp theo gần như bị che khuất hoàn toàn. “Trong số hai người kia,” Burckhardt viết, “các nắp ca-pô chỉ xuất hiện.

Hóa ra những chiếc “mũ” đó là những chiếc vương miện; các bức tượng mô tả các pharaon—chính xác hơn là *một* pharaoh bốn lần. Burckhardt trèo lên bức tượng có cái đầu lộ ra. Đây là “một khuôn mặt trẻ trung, biểu cảm nhất, gần giống với hình mẫu vẽ đẹp của người Hy Lạp” hơn bất kỳ bức tượng nào khác ở Ai Cập.

Burckhardt đo khoảng cách từ vai này sang vai kia - bảy yard. Anh ta đo một cái tai từ trên xuống dưới—một yard, 4 inch. Không có cách nào để biết các bức tượng là hình người đứng hay người ngồi. Nếu họ đang đứng, Burckhardt đoán, họ cao 65 hoặc 70 feet. *Nơi này là gì?*

Burckhardt gợi ý rằng nếu có thể dọn sạch cát đi, thì “một ngôi đền rộng lớn sẽ được phát hiện, ở lối vào có những hình tượng khổng lồ ở trên có thể dùng làm đồ trang trí.”

Burckhardt đã tìm thấy địa điểm hiện được gọi là Abu Simbel. Không có người phương Tây nào đã nhìn thấy nó trong khoảng hai nghìn năm. ¹Hôm nay nó là một Di sản Thế giới và là nơi hành hương của khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới.

Hóa ra, ngôi đền nhỏ hơn mà Burckhardt đã đến đầu tiên được dành riêng cho một nữ hoàng tên là Nefertari. (Một bức ảnh về lăng mộ của Nefertari, màu sắc vẫn còn sáng lấp lánh, được đưa vào phụ trang nghệ thuật.) Ngôi đền thứ hai, lớn hơn, tôn vinh chồng của Nefertari, một trong những pharaoh nổi tiếng nhất trong số họ, Ramesses II.

Vào năm 1813, không ai có thể nhận ra cái tên Ramesses (hoặc Rameses hoặc Ramses, như đôi khi nó được viết). Họ có thể đã tìm thấy nó trong một

danh sách cổ xưa về tên của các pharaoh, trong số rất nhiều danh sách khác, nếu họ biết tìm kiếm.

Sau đó, sau khi các học giả đã học cách đọc chữ tượng hình, một câu chuyện đáng kinh ngạc đã xuất hiện. Ramesses lên ngôi ở tuổi khoảng 20, vào năm 1279 trước Công nguyên, và trị vì trong sáu mươi sáu năm, luôn xây dựng các tượng đài cho chính mình. Vào thời điểm ông qua đời, những vùng đất rộng lớn của Ai Cập rên rỉ dưới gánh nặng của những bức tượng đá khổng lồ mô tả Ramesses là người thanh thân, xa cách, không thể thách thức và vĩnh cửu.

Mọi thứ về cuộc đời và triều đại của ông đều được phóng đại, như thể được viết bằng chữ in đậm. Ramesses cai trị lâu đến nỗi ông sống lâu hơn hàng chục thái tử. (Không có nguy cơ cạn kiệt. Ramesses tuyên bố có một trăm người con trai và sáu mươi người con gái.) Theo một số tài khoản, Ramesses là "Pharaoh" trong Kinh thánh, điều này khiến ông không chỉ là pharaoh mà còn là *pharaoh*.

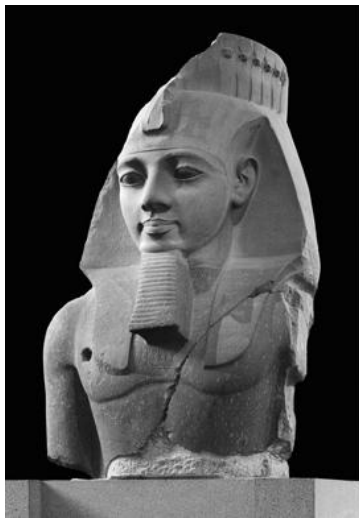
Vì vậy, hãy nói những bộ phim như *Mười điều răn* và một loạt phim phổ biến sách lớn. Không có bằng chứng xác thực cho quan điểm đó. Điều chúng ta có thể nói nhiều nhất là Pharaoh trong Kinh thánh là một sinh vật có bản ngã quái dị, và Ramesses trong lịch sử cũng vậy. Trong Sách Xuất Hành, Pharaoh sấm sét, "Chúa là ai, mà ta phải nghe tiếng Ngài để cho Israel ra đi?" Giọng điệu, ít nhất, là xác thực. Mọi thứ liên quan đến Ramesses đều truyền tải cùng một cảm giác về sức mạnh vô hạn và cái tôi không bị kiểm soát. Các bản khắc ca ngợi sức mạnh của anh ấy như một chiến binh và các bức chạm khắc trên tường mô tả anh ấy với ngọn giáo giương cao, sẵn sàng đâm kẻ thù trong khi anh ấy giẫm đạp kẻ thù khác dưới chân.

Ông đã xây dựng cho mình một thủ đô mới và xa hoa, và đặt tên cho nó là Ngôi nhà của Ramesses, Vĩ đại và Chiến thắng. [II](#)Nhiều bức tượng và đền thờ tôn vinh ông hơn bất kỳ pharaoh nào khác, một phần vì ông chiếm đoạt bất cứ thứ gì lọt vào mắt xanh của mình. Khi Ramesses không thể đặt mua các tượng đài mới, ông đã tiếp quản những tượng đài cũ và khắc tên mình thay cho tên của những người tiền nhiệm, hoặc phá bỏ các đền thờ hiện có và sử dụng những viên đá tương tự để xây dựng lại trong tên của mình.

Ramesses ở khắp mọi nơi ở Ai Cập. Tại thủ đô mới của ông, gần Địa Trung Hải, một bức tượng của ông cao 92 feet. Ngày nay, tất cả những gì còn lại chỉ là một bàn chân trơ trọi, bị gãy làm đôi. Nó quá khổ đến nỗi một người đàn ông trưởng thành giơ tay hết chiều rộng cũng không thể với tới đỉnh của ngón chân cái của titan.

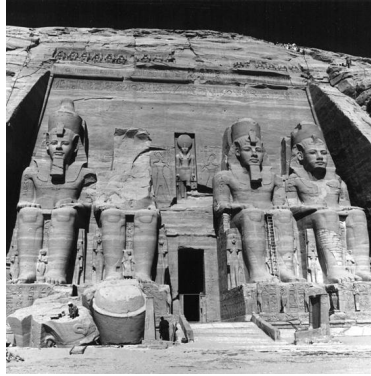
Bức tượng "Ozymandias" tráng lệ trong Bảo tàng Anh mô tả Ramesses, như chúng tôi đã lưu ý trước đó. [III](#)Nó được tìm thấy ở Luxor, cách thủ đô mới khoảng 500 dặm về phía nam. (Xác ướp của Ramesses được phát hiện

gần đó, trong Thung lũng các vị vua, vào năm 1881. Bức tượng khắc họa một vị vua tuyệt đẹp; vị vua được ướp xác có nét giống ông Burns, ông chủ của Homer Simpson. Nhưng ngay cả khi đã chết, Ramesses vẫn tiếp tục kiếm được nhiều tiền đặc biệt điều trị. Năm 1976, khi xác ướp bắt đầu dấu hiệu xuống cấp, các nhà Ai Cập học đã chuyển nó đến Paris để kiểm tra. Ramesses đi trên một chiếc máy bay quân sự của Pháp với hộ chiếu chính thức— nó liệt kê nghề nghiệp của ông là "Vua (đã qua đời)" - và các quan chức tại Sân bay Le Bourget đã chào đón sự xuất hiện của ông với đầy đủ các nghi lễ quân sự dành cho một vị vua còn sống.)



Bức tượng Ramesses II này, đã truyền cảm hứng cho bài thơ "Ozymandias" của Shelley, là một trong những báu vật của Bảo tàng Anh. (Người Pháp đã khoan lỗ gần vai phải, dường như với hy vọng rằng họ có thể tìm cách vận chuyển bức tượng khổng lồ. Các nhà sử học tin rằng họ đã lên kế hoạch gắn một sợi dây cáp hoặc nhét thuốc súng vào để làm nổ cái đầu ra khỏi thân.) xác ướp được phát hiện vào năm 1881.

Trong số tất cả các cống phẩm mà Ramesses đặt cho mình, Abu Simbel, ở biên giới cực nam của Ai Cập, có lẽ là cống phẩm hùng vĩ nhất. Mỗi trong số bốn bức tượng khổng lồ của nó mô tả Ramesses. Sự thể hiện lòng tôn kính quá mức này cũng được dùng như một thông điệp tuyên bố sức mạnh của Ai Cập đối với bất kỳ kẻ thù nào có ý định tiến lên phía bắc. Theo lời của nhà Ai Cập học Peter Brand, toàn bộ quần thể phục vụ như "một người khổng lồ *Hãy coi chừng dấu hiệu của Pharaoh*."



Bốn bức tượng khổng lồ, mỗi bức cao bằng một tòa nhà sáu tầng và mỗi bức đều mô tả Ramesses. Đầu và ngực của một pho tượng (bên trái cửa chùa) đã bị đổ xuống đất từ lâu, và chúng vẫn còn đó.

Kích thước của những bức tượng đó là một sự khoe khoang thô lỗ, không thể chấp nhận được, một tiếng hét của một kẻ cuồng tín qua một chiếc kèn siêu lớn. Trong điêu khắc và kiến trúc, không bao giờ có bất kỳ sự nhầm lẫn nào về gu thẩm mỹ của người Ai Cập. Lớn hơn vẫn tốt hơn, và khổng lồ vẫn tốt hơn. Bức tượng Ramesses của Ozymandias nặng hơn hai mươi tấn khi còn nguyên vẹn, [IV](#) và riêng phần đầu và vai nặng bảy tấn. (*David của Michelangelo* nặng sáu tấn.) Tại Abu Simbel, mỗi bức tượng của Ramesses ngồi trên ngai vàng cao 67 feet từ đầu đến chân. Trong Đài tưởng niệm Lincoln, hình dáng ngồi của tổng thống kéo dài 19 feet.

Burckhardt tìm thấy Abu Simbel vào năm 1813. Hai năm sau, vào mùa đông năm 1815, tại Cairo, ông và hai người bạn mới quen đã dành nhiều buổi tối để trò chuyện một cách hào hứng về ngôi đền huyền thoại, không thể tiếp cận được mà Burckhardt đã nhìn thấy.

Họ đã tạo thành một bộ ba đáng chú ý, đặc biệt là vì vào thời điểm đó, người châu Âu ở Cairo rất hiếm. Người đàn ông cao, tóc vàng là William Bankes, nhà sưu tầm giàu có người Anh đã tìm thấy đài tưởng niệm ở Philae. Người bạn đồng hành tuyệt vời của anh ấy là Belzoni, nhà khảo cổ học mạnh mẽ đã giúp Bankes vận chuyển đài tưởng niệm về nhà. Cả hai người đàn ông đều có xu hướng chiều theo Burckhardt, du khách giàu kinh nghiệm nhất trong nhóm. Burckhardt tung ra những câu chuyện về cải trang, đánh đập, cướp bóc và trốn thoát trong gang tấc. Nhưng những thính giả của anh ấy đặc biệt yêu thích những câu chuyện về Abu Simbel. *Sự giàu có nào có thể nằm dưới cát?*

Đối với các nhà khảo cổ học ở Ai Cập, cát luôn là vấn đề. (Khi những người bác học lần đầu tiên nhìn thấy tượng Nhân sư, nó nằm trong cát đến cằm, giống như một ông bố ở bãi biển đang nuông chiều những đứa trẻ mới biết đi với xô và xẻng.) Tại Abu Simbel, cát đã được tích tụ trong hàng

nghìn năm, được đánh giá bằng hình vẽ graffiti cao trên một bức tượng bởi hai người lính Hy Lạp vào khoảng năm 600 trước Công nguyên. [V](#)

Belzoni đã chứng kiến trong các cuộc thám hiểm của chính mình cách các đồng cát hình thành. Nhiều hôm gió thổi mạnh đến nỗi cuốn cả đám cát lên không trung. “Toàn bộ giống như một sự hỗn loạn,” Belzoni viết. “Thường thì một lượng cát và đá nhỏ bốc lên cao, tạo thành một cột có đường kính từ 60 đến 70 feet, và dày đến mức nếu nó cố định tại một chỗ, nó sẽ trông giống như một khối rắn chắc.”

Belzoni lưu ý rằng những cơn lốc xoáy đá đó đôi khi quay dọc theo mặt đất trong nửa giờ mỗi lần, và cuối cùng đổ một đồng cát và đá xuống đất. “Chúa phù hộ cho người du khách tội nghiệp bị mắc kẹt dưới đó!”

Khi cát đã bắt đầu hình thành một ngọn đồi, nhiều khả năng cát sẽ rơi xuống cùng một chỗ. Flinders Petrie, một nhà khảo cổ nổi tiếng thời Victoria, đã chứng kiến điều đó xảy ra. Ông viết, những cơn bão cát “xé toạc mặt đất,” mờ đục như sương mù ở Luân Đôn, mang theo lượng cát vừa đủ mà cơn lốc của chúng sẽ hỗ trợ; và ngay sau khi bất kỳ chương ngại vật nào kiểm tra vận tốc của chúng, lượng cát dư thừa sẽ bị loại bỏ.”

Petrie là một nhân vật cao chót vót trong lịch sử khảo cổ học và là một người siêng năng học giả hơn là một thợ săn kho báu. Hơn nữa, anh ta còn là một kẻ lập dị hoang dã có đặc điểm là thờ ơ khi đối mặt với một cơn bão đá. Thờ ơ với khó khăn, hoặc thậm chí có thể thích nó, Petrie làm việc dưới cái nắng sa mạc trong bộ đồ ngủ màu hồng hoặc đôi khi khóa thân. Những điều kiện khắc nghiệt nhất không làm anh nao núng. Là một vị khách gan dạ như TE Lawrence, sau này được biết đến nhiều hơn với tên Lawrence of Arabia, thấy mình co ro trước tình trạng trại của Petrie. “Một cuộc đào Petrie là một thử với một hương vị của riêng nó,” Lawrence viết cho một người bạn. “Những quả thận đóng hộp trộn lẫn với xác ướp và bùa hộ mệnh trong món súp.” Trong suốt chuyến thăm của mình, Lawrence đã ngủ với đôi chân của mình trên hộp bánh mì để ngăn lũ chuột tiếp cận nguồn cung cấp.

Tất cả những ai mạo hiểm vào trại của Petrie đều đặc biệt chú ý đến thức ăn. “Anh ấy phục vụ một chiếc bàn tồi tệ đến mức chỉ những người có thể chắt sắt đá mới có thể sống sót được”, một du khách thất vọng kể lại. Thức ăn được đóng hộp và phần lớn đã cũ từ những lần đào trong các mùa trước. Một nhà sử học viết rằng Petrie và các nhà khảo cổ khác đã “kiểm tra độ tươi bằng cách ném những chiếc lon vào một bức tường đá. “Nếu một lon không phát nổ, những thứ bên trong được coi là phù hợp để ăn.” Hai nhà nghiên cứu trẻ trong trại, những người đã theo đuổi sự nghiệp nổi bật trong ngành khảo cổ học, đã yêu nhau khi cùng nhau hồi phục sau vụ ngộ độc ptomaine.

Cát đã chất thành đồng lớn gần như không thể dọn sạch được. Belzoni, người có những câu chuyện về những ngôi đền phủ đầy cát nhảy múa trong đầu của Burckhardt, quyết tâm rằng ông sẽ thử làm như vậy. Anh ta thực

hiện nỗ lực đầu tiên để đào đường vào bên trong Abu Simbel vào năm 1816.

Khi đến nơi, anh nhìn thấy một bức chạm khắc hình đầu một con điều hâu trên vách đá và ít nhiều nằm ở vị trí trung tâm. Anh ấy đã đoán gấp đôi. Nếu con điều hâu dài khoảng 20 feet (như kích thước của cái đầu đường như chỉ ra), và nếu nó đánh dấu lối vào chính của ngôi đền, thì đỉnh của lối vào nằm dưới lớp cát khoảng 35 feet.

Xéng qua cồn cát đó sẽ là “giống như đào một cái lỗ trên mặt nước,” Belzoni thừa nhận, nhưng anh bắt tay vào việc. Chẳng mấy chốc, anh ta hết tiền để trả cho những người lao động của mình và bỏ cuộc.

Anh ấy trở lại vào năm sau. Lần này, anh ấy đã tìm ra cách để chuyển cát đi khi nhóm của anh ấy đào. Tẩn cát sau, lối vào sạch sẽ. Vào ngày 1 tháng 8 năm 1817, với cây nến trong tay, Belzoni bước vào đền thờ của Ramesses. Đưa mắt nhìn quanh những căn phòng đã không có khách trong hàng trăm hoặc hàng nghìn năm, anh ta tìm kiếm kho báu.

Anh ấy không tìm thấy bất kỳ. Anh ta đã tìm thấy những bức tường sơn và chữ tượng hình và tám bức tượng khác của Ramesses, mặc dù những bức tượng này chỉ cao ba mươi feet. Ba ngày sau, Belzoni thất vọng lên đường. (Burckhardt chết ở Cairo hai tháng sau đó, vì ngộ độc thực phẩm. Anh ta ba mươi hai tuổi. Anh ấy chưa bao giờ nhìn thấy Abu Simbel mà không có cát.)

William Bankes theo sau Belzoni không lâu. Vào tháng 1 năm 1819, ông thành lập một nhóm làm việc. Việc dọn sạch cát khỏi chỉ một trong những bức tượng khổng lồ của ngôi đền đã mất ba tuần, nhưng chính nội thất của ngôi đền, với những bức tranh và chữ tượng hình, mới thực sự thu hút Bankes.

Các điều kiện làm việc khó có thể áp bức hơn. Bankes và một số đồng nghiệp leo lên những chiếc thang mỏng manh làm bằng gỗ vụn buộc lại với nhau bằng dây thừng (vì cây rất khan hiếm) để sao chép những dòng chữ được viết cao trên tường của ngôi đền. Ngay cả trong bóng tối gần như bên trong ngôi đền, nhiệt độ hiếm khi xuống dưới 110 độ. Ánh sáng duy nhất phát ra từ những ngọn nến lung linh, hàng chục ngọn, được buộc chặt vào cành cọ bằng sấp và treo trên cột. Những con dơi lao qua bóng tối, và Bankes cùng những người sao chép khác nao núng khi chúng sà đến gần. Sau đó, họ quay lại công việc của mình một lần nữa, nheo mắt để nhận ra các chi tiết của chữ tượng hình.

Một quan chức địa phương dừng lại và bối rối nhìn chăm chăm vào những người nước ngoài mồ hôi nhễ nhại đang làm việc trong một căn phòng trống. “Họ đã tìm thấy kho báu gì?” anh hỏi đi hỏi lại.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 1822, Champollion sẽ vui vẻ trả lời câu hỏi của vị khách.

[tôi](#). Abu Simbel vẫn còn ở một nơi xa xôi hẻo lánh, nhưng giờ đây nó được phục vụ bởi một sân bay mang đến những dòng khách du lịch trong ngày vô tận. Toàn bộ khu phức hợp đã được di chuyển vài

trăm mét vào năm 1968, để nó không bị biến mất dưới nước khi xây dựng Đập cao Aswan.

[II.](#) Các bạo chúa thời hiện đại vẫn tiếp tục truyền thống đặt tên các thành phố theo danh dự của họ, nhưng họ phải làm với những cái tên đơn giản hơn—Thành phố Saddam, Stalingrad—và đổi tên các thành phố hiện có thay vì tạo ra những cái mới.

[III.](#) Mỗi pharaoh có một số tên, bao gồm tên khai sinh và tên ngai vàng được chọn khi triều đại của nhà vua bắt đầu. *Ozymandias* là phiên bản tiếng Hy Lạp của tên ngai vàng của Ramesses.

[IV.](#) Bức tượng một phần trong Bảo tàng Anh, cao 8 feet, chỉ bằng 1/3 trên cùng của bức tượng gốc.

[V.](#) Họ cào từ tiếng Hy Lạp cổ đại tương đương với *Kilroy đã ở đây* trong chân của Ramesses— *Được viết bởi Archon con trai của Amoibichos và Hatchet con trai của Nobody* .

CHƯƠNG HAI MƯƠI TƯ

Eureka!

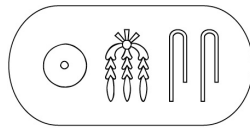
Bankes đã dành một tháng tại Abu Simbel để sao chép các chữ khắc một cách cẩn thận. Trong số những người làm việc cùng anh ta, có một người nổi bật. Là một kiến trúc sư được đào tạo, Jean-Nicolas Huyot có con mắt nghệ thuật (ông đã học với Jacques-Louis David, người có bức chân dung Napoléon trên lưng ngựa được đưa vào phụ trang nghệ thuật) và kiến thức sâu rộng về lịch sử kiến trúc. Thế giới cổ đại đã mê hoặc anh ta, và anh ta đã dành nhiều năm đi du lịch và nghiên cứu những tàn tích và di tích ở Rome, Hy Lạp và Ai Cập. (Trong thời gian đó, anh ấy sẽ làm việc với thiết kế của Khải Hoàn Môn.) May mắn thay, anh ấy là bạn của Champollion.

Vào sáng ngày 14 tháng 9 năm 1822, Champollion nhận được một gói hàng bất ngờ qua đường bưu điện. Anh mang nó lên gác xép mà anh dùng làm phòng làm việc - Champollion, hiện 31 tuổi, sống trong nhà anh trai, cùng gia đình anh trai - và xé nó ra.

Đây là những chữ tượng hình từ Abu Simbel, được Huyot ghi lại một cách tỉ mỉ. Đây là một món quà đặc biệt may mắn, vì bản thân Bankes sẽ không chia sẻ công việc của mình với Champollion. Anh ấy đã thử điều đó trước đây, khi anh ấy chuyển bản khắc của *Cleopatra* từ đài tưởng niệm của mình. Champollion không bao giờ thừa nhận anh ta, và Bankes đã thề sẽ không dính dáng gì đến anh ta nữa. "tên vô lại bẩn thỉu" đó.

Vài điều buồn tẻ hơn là sự xuất hiện của thư. Nhưng ngày 14 tháng 9 đã được định sẵn là ngày trọng đại nhất trong cuộc đời Champollion.

Một lần nữa, đó là một vỏ đạn sẽ chứng tỏ sự quan trọng. Champollion tập trung vào một thứ mà anh chưa từng thấy trước đây. Ở dạng đơn giản nhất - dường như có một số phiên bản liên quan chặt chẽ - nó chỉ chứa ba chữ tượng hình:



Biểu tượng cuối cùng đã quen thuộc. Nó xảy ra ở *Ptolemaios* và đại diện cho âm thanh s. Ở đây biểu tượng được lặp lại hai lần—SS. Điều đó nghe

có vẻ kỳ quặc, nhưng Champollion đã đoán - hóa ra là đúng - rằng trong tiếng Ai Cập, cũng như tiếng Do Thái và tiếng Ả Rập, các nguyên âm có thể được bỏ qua.

Biểu tượng ở giữa, trông hơi giống ba dây leo buộc vào nhau, là biểu tượng mới và chưa được biết đến. Biểu tượng đầu tiên, một vòng tròn có một dấu chấm ở giữa, có lẽ trông giống như mặt trời. Champollion dựa trên nghiên cứu về tiếng Coptic của mình: Từ chỉ *mặt trời* trong tiếng Coptic là *ra* hoặc *re*. Hơn nữa, Ra là tên của thần mặt trời. Ra là vị thần đặc biệt, vị thần của các vị thần, không chỉ là người tạo ra Trái đất và thiên đường mà còn là người tạo ra tất cả các vị thần khác.

Ghép các mảnh lại với nhau, tên trong vỏ đạn là RA __ SS. Điều đó có gợi lên bất kỳ cái tên nào trong lịch sử Ai Cập không? Đúng vậy, ít nhất là nếu bạn đoán được biểu tượng bí ẩn ở giữa, . Champollion đoán đó có thể là *M*.

Tại sao? (Không phải vì nó trông giống chữ *M*; Champollion biết rằng đó phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên.) Bởi vì ông đã nghiên cứu cẩn thận những mảnh vụn là tất cả những gì còn sót lại của một cuốn lịch sử Ai Cập được viết vào thế kỷ thứ hai trước Công nguyên. Tác giả là một linh mục Ai Cập tên là Manetho, người đã viết bằng tiếng Hy Lạp cho những người cai trị mới của Ai Cập. Manetho đã biên soạn một danh sách các pharaoh qua các thời đại. Ngay khi Champollion nhìn vào RA __SS, một cái tên trong danh sách của Manetho hiện lên trong đầu anh: *Ramesses*.

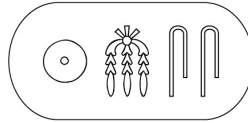
Đây là một *Eureka thực sự!* thời điểm, trên thực tế là một bước đột phá ba cái nhìn sâu sắc trong một. Đầu tiên, Champollion đã giải mã được một cái tên thuần túy Ai Cập, không phải là một cái tên nhập từ Hy Lạp ngày sau mà các ký hiệu Ai Cập có thể đã được sử dụng theo một cách tạm thời nào đó. Manetho đã liệt kê một số vị vua tên là Ramesses, và tất cả đều đã phát triển rực rỡ từ năm trăm năm trở lên trước khi người Hy Lạp đến Ai Cập. Champollion đã kéo tấm rèm sang một bên, nhìn ngược lại ba nghìn năm về một thời đại vẫn chưa được du khách phương Tây chạm tới, và đọc một thông điệp mà ông đã tìm thấy ở đó.

Thứ hai, anh ta có lý do để kỳ vọng rằng anh ta không chỉ tìm ra câu trả lời cho một câu đố đơn lẻ mà còn tìm ra một phương pháp có hiệu quả chung hơn. Nếu anh ta đúng rằng Coptic đã chỉ cho anh ta đường đến *Ramesses*, thì có lẽ vô số từ Coptic ngoài *mặt trời* sẽ xuất hiện trong các chữ tượng hình khác. Vụ cá cược mà Champollion đã đặt khi còn là một thiếu niên, rằng kiến thức về tiếng Coptic sẽ dẫn anh ta đến với ngôn ngữ của Ai Cập cổ đại, đã bắt đầu được đền đáp.

Thứ ba, Champollion đã chiến đấu theo cách của mình để có được cái nhìn thoáng qua về bộ máy trí tuệ phức tạp đó là chữ viết của người Ai Cập. Rõ ràng là người Ai Cập đã không sử dụng một bảng chữ cái đơn giản mà là một hệ thống lai ghép phức tạp. Một số chữ tượng hình, nó đã rõ ràng, là viết tắt của âm thanh (như *s*). Một số là viết tắt của từ (như *ra*). Một số chắc chắn còn che giấu những bí mật được chôn sâu hơn.

Cùng ngày này, 14 tháng 9 năm 1822, Champollion chuyển sang một vỏ đạn khác xuất hiện trong chữ tượng hình của Huyot. Nó mang một nét tương đồng nổi bật với vỏ đạn *Ramesses*.

Đây là *Ramesses* :



Đây là vỏ đạn mới:



Vậy là—một hình vẽ một con cò quăm thiêng theo sau là hai chữ tượng hình mà Champollion vừa giải mã là *MS*. Và một con cò thiêng liêng, cho bất cứ ai chìm trong truyền thuyết Ai Cập, là một biểu tượng để nhận biết như một con đại bàng hói đối với người Mỹ.

Cò quăm luôn được liên kết với thần Toth, [tôi](#), một trong những nhân vật cao chót vót trong đền thờ thần Ai Cập. Champollion biết về anh ta vì người Hy Lạp biết về anh ta. Chẳng hạn, trong một đoạn đối thoại của Plato, Socrates kể lại một câu chuyện về sự ra đời của chữ viết. Anh ấy bắt đầu bằng cách đưa nhân vật chính của mình lên sân khấu, gần như bằng một màn đánh trống—“một trong những vị thần cổ đại của Ai Cập, người có loài chim thiêng được gọi là cò quăm, và tên của vị thần đó là Toth.”



Vị thần đầu cò quăm phát minh ra chữ viết, Toth. Anh ấy được hiển thị ở đây với bút stylus trong tay.

Người Hy Lạp đã hấp thụ Toth vào chuồng ngựa của riêng họ (anh ấy tái xuất với cái tên Hermes), và họ gán cho anh ấy một chòm sao tài năng chói lọi. Ông đã phát minh ra thiên văn học, toán học và y học. Trên tất cả, người Hy Lạp tin rằng, ông đã phát minh ra chữ viết. “Ông ấy đã phát minh ra các số liệu, các chữ cái trong bảng chữ cái, và nghệ thuật đọc, viết và

hùng biện trong tất cả các ngành của nó,” một nhà sử học thời hiện đại viết, “và ông ấy là tác giả của mọi tác phẩm thuộc mọi lĩnh vực tri thức, cả con người và thần thánh.”

Champollion nhìn chăm chăm vào vỏ đạn mới này. *Ibis M S*. Câu trả lời thực tế đã nhảy ra ngoài. *Tothmes!* Có một pharaoh với một cái tên như vậy?

Một lần nữa, Champollion chuyển sang danh sách các pharaon của Manetho. Một lần nữa, anh ấy đã đạt được vàng.

Giống như đã có một loạt các pharaoh tên là Ramesses, Manetho đã liệt kê một loạt các pharaoh tên là Tuthmosis. Cái tên Hy Lạp đó gần như chính xác như cách Manetho dịch *Tothmes Ai Cập*.

Tốt hơn nữa, Tuthmosis I đã trị vì vào khoảng năm 1500 trước Công nguyên, điều này khiến anh ta thậm chí còn quay ngược thời gian xa hơn Ramesses. Đây là bằng chứng nữa cho thấy, rất lâu trước khi người Hy Lạp xuất hiện, người Ai Cập đã sử dụng chữ tượng hình để viết tên người Ai Cập.

Vào thời điểm đó, tên của Tuthmosis và mọi sự thật xung quanh anh ta đã bị thất lạc hàng thiên niên kỷ. Theo thời gian - với vỏ đạn của cò quăm là khối xây dựng đầu tiên trong một cấu trúc lớn - các nhà Ai Cập học sẽ xoay sở để dựng lại câu chuyện kỳ lạ của ông. Tuthmosis không có dòng máu hoàng gia. Anh ta là một nhà lãnh đạo quân sự đã được pharaoh tên là Amenhotep chọn ra và phong làm người kế vị.

Vào thời cổ đại, câu hỏi ai sẽ thừa kế ngai vàng luôn là điều tối quan trọng. Amenhotep và hoàng hậu của ông không có con. Sự vô sinh đó không có gì ngạc nhiên. Vợ của Amenhotep, nữ hoàng, cũng là em gái của ông; bản thân cặp vợ chồng hoàng gia là con của một cuộc hôn nhân giữa anh và chị; và cha mẹ *của họ* là con của một cuộc hôn nhân anh-chị-em. [II](#)

Để tránh tranh giành người sẽ trị vì sau mình, Amenhotep đã tài trợ cho Tuthmosis lên ngôi. Đó sẽ là một lựa chọn đúng đắn, vì Tuthmosis là một nhà lãnh đạo sắc sảo cũng như một kẻ khát máu đầy tham vọng. Không giống như Ramesses, một kẻ đàn độn trên chiến trường nhưng lại là một bậc thầy về tuyên truyền, Tuthmosis xuất sắc trong cả chiến đấu và khoe khoang. Anh ấy chuyên về một loại sân khấu khủng khiếp. Sau một cam chiến thắng *paign*, anh ta đi thuyền về nhà với tư cách là người đứng đầu một đám rước khải hoàn. Bị treo ngược từ mũi tàu của anh ta, giống như một bù nhìn rùng rợn, là cơ thể vô hồn của thủ lĩnh bại trận dám chống lại anh ta.

Có lẽ, với hai cái tên mới được thêm vào bộ sưu tập của mình, chúng ta nên tạm dừng một chút để thừa nhận mối nguy hiểm trong việc giải mã mà Champollion đã vượt qua. Hai mối nguy hiểm, thực sự. Đầu tiên là dễ dàng hơn. Tiếng Ai Cập được viết với rất ít nguyên âm, hoặc không có nguyên âm nào cả. Điều này đúng với những từ thông thường và cả những cái tên

nữa. *Ra-cô. Toth-ms.* Điều đó khiến Champollion buộc phải đoán các nguyên âm còn thiếu; thực tế là anh ta phải tìm kiếm một người phù hợp trong danh sách của Manetho mà không biết mình nên tìm kiếm *Disney* hay *Edison*.

Điều nguy hiểm thứ hai, phức tạp hơn liên quan đến việc Manetho đã đặt những cái tên đó ngay từ đầu như thế nào. Anh ấy đã bắt đầu với những cái tên Ai Cập và cố gắng hết sức để phiên âm chúng sang tiếng Hy Lạp. Không ai biết Manetho phải làm việc với những loại hồ sơ nào. Nhưng ngay cả trong điều kiện tốt nhất, những cái tên thường phải chịu đựng khi họ đi xa nhà.

Vấn đề là mọi ngôn ngữ đều phân chia âm thanh của thế giới theo cách riêng của nó. Chúng ta nói với trọng âm khi dẫn thân vào một ngôn ngữ nước ngoài chính xác là bởi vì những lỗ hổng trong ngôn ngữ cũ của chúng ta không phù hợp với âm thanh, giai điệu và nhịp điệu của ngôn ngữ mới. Những người nói một ngôn ngữ nhất định có thể thấy mình không thể tạo ra một số âm thanh (hoặc thậm chí *nghe thấy* một số âm thanh) thường xuyên xuất hiện trong các ngôn ngữ khác. Do đó, những người nói tiếng Anh hiểu sai tiếng Pháp *u* (như trong *tu*) và người Pháp đấu tranh với tiếng Anh *thứ* (như trong *this* hoặc *Thứ năm*).

Đôi khi những khó khăn này là vấn đề sinh tử. Trong Thế chiến II, người Hà Lan đã xác định được các điệp viên Đức ở Hà Lan bằng cách yêu cầu họ phát âm tên của thị trấn *Scheveningen*. Lính Mỹ tại chiến trường Thái Bình Dương đã thách thức những người lính mà họ không thể nhìn thấy hết to *lollapalooza*. [III](#)

Khi những cái tên được phiên âm sang một ngôn ngữ mới - đó là công việc mà Manetho phải đối mặt - chúng có thể bị bóp méo gần như không thể nhận ra. Ví dụ, trong tiếng Nhật, *Johannes Brahms* là *Yohanesu Buraamusu*. *Babe Ruth* là *Beibu Rusu*. Trong tiếng Hoa *Lyndon Johnson* là *Lindeng Yuehanxun*. (Đoạn văn sang tiếng Anh cũng bấp bênh không kém. Ví dụ, cách phát âm tên *Van Gogh* trong tiếng Mỹ —*van go*— khác xa với bản gốc tiếng Hà Lan bằng tiếng Hà Lan.) Và chúng ta đã thấy rằng *User-ma'at-re* của Ai Cập đã kết thúc được biến đổi thành tiếng Hy Lạp *Ozymandias*.

Vì vậy, nhiệm vụ của Champollion, khi tìm kiếm trong danh sách các pharaoh của Manetho, không chỉ đòi hỏi sự kiên trì mà còn cả trí tưởng tượng.

Đối với Champollion, trong căn gác xép của ông ở rue Mazarine vào ngày 14 tháng 9, công việc trong ngày chỉ mới bắt đầu. Trước hết, anh ấy đã đoán được *Ramesses*, và đó là một bước đột phá lớn. Nhưng *Tuthmosis* đã phóng to anh ta hơn nữa về phía trước. Đầu tiên, điều đó khẳng định rằng anh ấy đã đúng khi nói rằng nó đại diện cho *M*. (Nói chính xác, anh ấy đã *gần*

như đúng. Như chúng ta sẽ thấy,  hóa ra là MS.) Điều đó có nghĩa là anh ấy có thể tự tin rằng việc giải mã *Ramesses của mình* là có cơ sở vững chắc.

Đó là ít nhất của nó. Giờ đây, khi Champollion nhìn chăm chăm vào những chữ tượng hình đánh vần *Ramesses* và *Tothmes* —hoặc, đúng hơn là, khi ông đọc to những cái tên này—màn sương mù đã nhấn chìm ông trong nhiều năm đột nhiên tan biến. Khi còn là một thiếu niên, Champollion đã khoe khoang, “Tôi hoàn toàn đầu hàng Coptic,” và “Tôi mơ ở Coptic.” Đến năm 1822, ông đã say mê Coptic hơn một thập kỷ. Bây giờ, có vẻ như Champollion đã cuộn tên của các pharaoh trên lưỡi của mình, phát ra các âm tiết. *Ra-mes-ses. Toth-mes.*

Và anh ấy nghĩ đến từ Coptic *mise* (phát âm là *me-say*), có nghĩa là *sinh*. Vì vậy, *Ramesses* và *Tothmes* không chỉ đơn thuần là những cái tên, mà là những cái tên có ý nghĩa. *Sinh ra từ Ra, Thần Mặt trời. Được sinh ra từ Toth, Thần Viết lách.*

Đó có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng hãy nghĩ về tỷ lệ cược. Nó sẽ là như thế—trong tương lai xa, sau khi kiến thức về cách đọc tiếng Anh không còn nữa—các nhà khảo cổ đã tìm thấy một bản viết tay trong một lâu đài ở Anh. Hình dung chúng lơ lửng phía trên văn bản, phát âm tên từng chữ cái. Hãy tưởng tượng trái tim của họ sẽ đập loạn nhịp như thế nào khi họ nhận ra rằng những nỗ lực không ngừng nghỉ của họ đã mang lại kết quả không phải là những điều vô nghĩa mà là một cái tên mà họ nhận ra từ danh sách các vị vua đã qua. *Richard*. Và rồi hãy tưởng tượng sự kinh ngạc của họ, khi họ tiếp tục nghiền ngẫm bản thảo, khi họ chợt nhận ra rằng cái tên đó không chỉ là *Richard* mà còn là *Richard Trái Tim Sư Tử*!

Đối với Manetho, người Ai Cập, ý nghĩa của *Born of Ra* và *Born of Toth* sẽ hoàn toàn rõ ràng, cũng như đối với một nhà sử học nói tiếng Anh, *Richard the Lionheart* là một cái tên có ý nghĩa và không chỉ đơn giản là một chuỗi các từ. âm thanh. Nhận xét này chẳng có gì nổi bật đối với Manetho đến nỗi ông sẽ không buồn bình luận về nó, cũng như một nhà sử học người Anh đã viết, “*Richard* chỉ là một cái tên, nhưng *Lionheart* là một từ ám chỉ sư tử và trái tim.” Nhưng những gì không cần phải nói đối với Manetho đã được định sẵn là một bí ẩn đen tối trong hai mươi thế kỷ sau khi ông qua đời.

Vui mừng trước bước đột phá về số phận của mình, Champollion đã đưa ra một phỏng đoán ngông cuồng. Giống như những chữ tượng hình bên trong vỏ đạn có thể đánh vần các từ (như *ngày sinh*), những chữ tượng hình tương tự đó có thể đánh vần các từ ở bất cứ đâu chúng xuất hiện, cho dù bên trong vỏ đạn hay không.

Đó là khổng lồ, nếu nó là sự thật. Vỏ đạn rất hiếm, vì vậy mặc dù biết cách đọc chúng là một tiến bộ, nhưng nó chỉ giúp bạn tiến một bước nhỏ đến mục tiêu thực sự là biết cách đọc chữ tượng hình nói chung. Nhưng bây giờ Champollion đã tìm ra cách thoát ra khỏi giới hạn của vỏ đạn của mình và tiếp cận ngôn ngữ trong tất cả phạm vi rộng lớn của nó.

Hoặc vì vậy anh hy vọng. Bây giờ đã đến một bài kiểm tra. Champollion chộp lấy bản sao của Rosetta Stone. Ở giai đoạn này, mọi bước tiến đều chỉ đường cho những bước tiến khác, giống như việc lấp đầy một ô vuông duy nhất trong trò chơi sudoku buộc phải thực hiện một loạt các bước tiếp theo. Niềm vui và sự thất vọng của sudoku là các quy tắc của trò chơi buộc bạn phải ra tay. Bây giờ Champollion đối mặt với một cơ hội tương tự và một rủi ro tương tự.

Các quy tắc của sudoku quy định rằng mỗi lưới nhỏ ba nhân ba phải chứa các chữ số từ 1 đến 9. Nếu một lưới nhỏ chỉ có một ô vuông trống và bạn chưa sử dụng số 7, thì bạn đang kinh doanh—bạn biết số 7 thuộc về đâu. Nhưng các quy tắc cũng tuyên bố rằng mỗi hàng phải bao gồm tất cả chín chữ số và mỗi cột cũng vậy, vì vậy việc điền vào số 7 đó dẫn đến nhiều quyết định hơn, dẫn đến hậu quả của riêng chúng, v.v.

Champollion quét các chữ tượng hình của Rosetta Stone. Có nơi nào *bên ngoài* vỏ đạn  và  xuất hiện cùng nhau không? Sự kết hợp đó có nghĩa là *sự ra đời* bên trong vỏ đạn Ramesses và Tuthmosis. *Sự ra đời* có xuất hiện ở đâu trong Rosetta Stone không?

Anh đã tìm thấy nó. Giữa những hình bầu dục, chim và rắn, Champollion phát hiện ra con môi của mình. Nó đi sâu vào phân chữ tượng hình, tám dòng từ dưới lên, gần như ở mép trái:  .

Bây giờ cho bài kiểm tra - anh ấy có thực sự tìm thấy từ *sinh* không ?

Champollion chuyển sang văn bản tiếng Hy Lạp. Anh ấy đã đọc nó vô số lần, nhưng nếu anh ấy đúng, anh ấy có thể bỏ qua gần cuối. Ở đó anh ta sẽ tìm thấy giải thưởng của mình, hoặc biết rằng bằng cách nào đó anh ta đã lạc đường. Anh lướt mắt qua dòng chữ, quét và tìm kiếm. *Sinh, sinh...*

Và nó đây rồi, ngay sau một đoạn dài về "Vua Ptolemy, người trường tồn." Viên đá tuyên bố rằng những thành tựu của pharaoh to lớn và đáng sợ đến mức các linh mục đã quyết tâm “tăng thêm danh dự hiện có của Vua Ptolemy.” Những bức tượng mới sẽ được xây dựng, những ngôi đền thờ mới, những lễ hội mới sẽ được tổ chức. Và những ngày nào sẽ phù hợp nhất cho những cống phẩm này? Không một ngày nào có thể làm được, vì các nghi lễ chắc chắn sẽ tiếp tục lâu hơn thế. Nhưng chắc chắn chúng phải bao gồm một ngày đặc biệt quan trọng, đó là ngày “tổ chức sinh nhật của nhà vua”. *Sinh nhật!*

Lúc đó vẫn chưa đến trưa ngày 14 tháng 9 năm 1822. Champollion chộp lấy một xấp bản thảo, đi vội xuống các bậc thang và lao ra đường náo nức báo tin. *Anh trai của anh ấy ở đâu?* Tại nơi làm việc, trong Học viện Chữ khắc và Văn học. Đó chỉ là một vài khối xa, thậm chí không đến năm phút đi bộ. Champollion lao vào tòa nhà lớn và chạy đến văn phòng của anh trai mình.

Anh lao qua cửa, ném tập bản thảo của mình lên bàn của anh trai và hét lên: “*Je tiens mon Affaire!*” (“*Tôi hiểu rồi!*”) Sau đó anh ấy ngất đi như chết.

[tôi](#). Không có quy ước về cách viết tên Ai Cập bằng tiếng Anh. *Toth* đôi khi được đánh vần là *Thoth* hoặc *Thot* hoặc *Theuth* hoặc *Thoout* .

[II](#). Người Ai Cập bình thường không kết hôn với anh chị em của họ. Tuy nhiên, ít nhất là trong một số thời đại nhất định, hoàng gia đã coi hôn nhân giữa anh chị em là một cách tốt để giữ cho công việc kinh doanh của gia đình nằm trong tay đáng tin cậy. Cây phả hệ của một số triều đại hoàng gia có các vòng lặp và vòng quay chữ U; chúng trông giống một cái cây hơn là giống đường bay của một con ong vò vẽ. Để so sánh, cây phả hệ của các gia đình hoàng gia châu Âu trong những năm xung quanh Thế chiến thứ nhất, bất chấp tất cả các cuộc hôn nhân giữa anh em họ, đều được cắt tỉa và ngăn nắp.

[III](#). Lịch sử đen tối này có nguồn gốc xa xưa. Từ *shibboleth* , ngày nay dùng để chỉ niềm tin trong nhóm, bắt nguồn như một cách để phân biệt bạn với thù. Trong Kinh thánh, chúng ta đọc trong Các quan xét về cuộc đối đầu giữa hai đội quân: “Sau đó, họ nói với anh ta, Hãy nói ngay đi *Shibboleth* : và anh ta nói *Sibboleth* : vì anh ta không thể định hình để phát âm đúng. Sau đó, họ bắt anh ta và giết anh ta tại các lối đi của Jordan: và vào thời điểm đó, bốn mươi hai ngàn người Ép-ra-im đã ngã xuống.

CHƯƠNG HAI MƯƠI Lăm

sự ra mắt

Champollion là khoảnh khắc kịch tính nhất trong cuộc đời ông. Nó hoàn toàn phù hợp với khí chất của chính anh ấy — Champollion hoàn toàn lãng mạn và đỉnh cao như một giọng nam cao opera đang say sưa — và nó cũng hoàn toàn phù hợp với thời đại. Đây là thời đại của Byron và Shelley và Beethoven và Napoléon, thời đại của sự lãng mạn bất hợp pháp và những hợp âm va chạm và “lịch sử trên lưng ngựa”.

Có lẽ sự phù hợp là một chút *quá* hoàn hảo. Câu chuyện ngắn xui là truyền thuyết gia đình, được kể lại bởi Aimé, cháu trai của Champollion, một trong những người con trai của người anh yêu quý của ông. Chúng ta có hoàn toàn mua nó không? Đối số có thể chạy một trong hai cách. Một mặt, Aimé chỉ mới mười tuổi vào ngày Champollion hét lên, “Tôi hiểu rồi!” Mặt khác, anh lớn lên trở thành một chuyên gia về các bản thảo cổ và là trợ lý của cha anh tại Bibliothèque Nationale, thư viện quốc gia của Pháp. Đây không phải là một cuộc tán gẫu tầm phào về những vấn đề mà anh chỉ hiểu một cách lơ mờ.

Aimé đã kể câu chuyện trong cuốn tiểu sử chung của ông về người chú nổi tiếng và cha ông, được viết khi ông bảy mươi bảy tuổi. Anh ấy coi trọng Champollion nhất— anh ta ca ngợi anh ta là Oedipus, người đã giải được câu đố về Nhân sư — nhưng lời kể của anh ta về sự sụp đổ của Champollion khá nhẹ nhàng. Champollion xông vào phòng và ngắn xui trong chưa đầy một trang, và chúng tôi tiếp tục sau một vài câu có vẻ công việc.

Hai thập kỷ sau cuốn sách của Aimé, vào năm 1906, một nhà văn người Đức tên là Hermine Hartleben đã viết cuốn tiểu sử đầy đủ về Champollion đầu tiên. Tác phẩm mới rất đồ sộ, lấp đầy hai tập dày và 1.300 trang. Trong lời kể của Hartleben, Champollion gần như mang tính thần thoại, và câu chuyện ngắn xui cũng tăng lên một chút. Như Hartleben đã kể lại, anh trai của Champollion đứng “tê liệt vì sợ hãi” trước cơ thể của người đàn ông trẻ hơn, tin rằng anh ta đã chết. Trong một khoảnh khắc, anh ta nhận ra sai lầm của mình và bế Champollion lên giường, nơi anh ta nằm bất lực và không phản hồi trong “năm ngày trọn vẹn”.

Champollion ngất xỉu vào ngày 14 tháng 9 năm 1822. Hai tuần sau, vào ngày 27 tháng 9, ông thuyết trình về tác phẩm của mình trước một cử tọa cuồng nhiệt tại Học viện Chữ khắc ở Paris. Đó là một buổi sáng u ám, mưa, nhưng trong nhiều ngày Paris đã xôn xao tin đồn rằng Champollion sẽ tiết lộ những điều kỳ diệu, và căn phòng chật kín người.

Cổ văn cũ của Champollion de Sacy đã ở đó. Một đối thủ đáng ghen tị tên là Edme-François Jomard, biên tập viên của tờ *Mô tả về Ai Cập của các nhà bác học cũng vậy*. Alexander von Humboldt, nhà thám hiểm và nhà địa lý nổi tiếng người Đức, đã có mặt trong số khán giả. François Arago, một nhà vật lý lỗi lạc, cũng đến để lắng nghe.

Và, một sự trùng hợp ngớ ngẩn - bất kỳ nhà biên kịch nào cũng phải đỏ mặt khi viết một cảnh như vậy - Thomas Young cũng xuất hiện. Champollion và Young chưa bao giờ gặp nhau.

Young đã đến Paris không lâu trước đó, trong một chuyến du lịch thú vị, chuyến đi này cũng cho anh cơ hội nghe một thanh niên người Pháp tài giỏi tên là Augustin-Jean Fresnel thuyết trình về vật lý. Chủ đề của Fresnel là lý thuyết sóng ánh sáng, chính chủ đề mà Young đã có đóng góp lớn nhất cho khoa học. Young chưa bao giờ nhận được tín nhiệm xứng đáng cho công việc đó (một phần vì phần nộ rằng anh ấy đã mâu thuẫn với Isaac Newton). Giờ đây, với sự giúp đỡ của Fresnel, Young cuối cùng đã nhận được thông báo mà anh ấy đã kiếm được.

Young không thể hài lòng hơn với bài nói chuyện của Fresnel. Đồng nghiệp trẻ của anh ấy đã “được thừa nhận với sự công bằng cần trọng nhất và sự thẳng thắn tự do nhất, ưu tiên không thể chối cãi trong các cuộc điều tra của tôi.”

Giờ đây, trong cùng một tuần ở cùng thành phố, Young có cơ hội nghe một học giả khác nói về một chủ đề khác mà Young cảm thấy mình có “ưu tiên không thể chối cãi”. Champollion bắt đầu đọc bài báo của mình trước rất nhiều học giả. Young đang ngồi ở ghế bên cạnh anh ta.

Để phù hợp với truyền thống, bài tiểu luận của Champollion mang một tiêu đề trang trọng— *Thư gửi Monsieur Dacier* (Dacier là thư ký của Học viện Dòng chữ khắc) - nhưng hiếm có lá thư nào mang tin tức như thế này. Người Ai Cập cổ đại đã nghĩ ra một bảng chữ cái tượng hình để viết tên của các nhà cai trị Hy Lạp và La Mã, Champollion nói với thính giả của mình, và ông trình bày hết ví dụ này đến ví dụ khác về công việc giải mã của mình.

Phần lớn tác phẩm này đã được xuất bản trước đó, nhưng phần trình bày của Champollion rất ấn tượng và hấp dẫn. Anh ấy cũng không sa lầy câu chuyện của mình với lịch sử hoặc tham khảo các nhà nghiên cứu khác. Thay vào đó, anh ấy hứa rằng anh ấy sẽ cho khán giả thấy “từng bước một và rất ngắn gọn” đúng như những gì anh ấy đã tìm thấy.

Champollion tập trung vào những cái tên chứ không phải những từ nói chung, nhưng anh ấy có nhiều thứ hơn những cái tên để cung cấp. Sau khi đề xuất bảng chữ cái của mình, anh ấy tiếp tục giải thích “tại sao người Ai Cập quyết định sử dụng một chữ tượng hình cụ thể để thể hiện một âm

thanh cụ thể.” Chìa khóa là Coptic. Chữ tượng hình *sư tử* tượng trưng cho chữ *L* vì đó là âm đầu tiên trong từ tiếng Coptic có nghĩa là *sư tử*. Tương tự như vậy, một chữ tượng hình *miệng* đại diện cho chữ *R* vì đó là cách mà từ Coptic bắt đầu. Nguyên tắc tương tự được áp dụng cho các chữ tượng hình cho *bàn tay* và *nước*, *điều hâu* và *lông vũ*.

Đó cũng không phải là tất cả. Champollion tiếp tục lập luận rằng bảng chữ cái tượng hình đã du hành và tự biến đổi khi nó di chuyển từ Ai Cập đến Trung Đông, đến Hy Lạp và phần còn lại của châu Âu. Champollion nhấn mạnh rằng hãy nhìn kỹ vào bảng chữ cái hiện đại mà chúng ta sử dụng hàng ngày, và bạn sẽ thấy rằng nó bắt nguồn trực tiếp từ chữ tượng hình Ai Cập. Giống như các sinh vật hiện đại đối với các hóa thạch cổ đại, các chữ cái của chúng ta đối với chữ tượng hình cũng vậy.

Được trang bị những kỹ thuật mà anh ấy đã mài giũa, Champollion kết luận, “Cuối cùng thì chúng ta cũng có thể đọc được các di tích cổ xưa.” Khán giả ùa tới chúc mừng anh. Nhà vật lý Arago cắt ngang sự huyên náo một lúc để đưa ra lời giới thiệu trang trọng. *Jean-François Champollion, Thomas Young*.

Champollion biết rằng bài nói chuyện của mình đã “thành công rực rỡ” và anh ấy rất thích sự hoan nghênh. “Tôi đã nhận được lời khen ngợi cao hơn cả những tòa tháp của Nhà thờ Đức Bà,” anh viết cho người bạn lâu năm nhất của mình, một đồng minh và người có thâm niên từ những ngày còn học trung học. Vài ngày sau, anh ấy tiếp tục gửi bức thư đó với một bức thư khác cho cùng một người bạn, cũng hào hứng không kém. Sau nhiều năm của cuộc đấu tranh, vận may cuối cùng đã bắt đầu theo cách của mình. Từ đây cuộc sống sẽ khác. “Bây giờ mọi thứ đều có thể.”

Young đã đến gặp Champollion tại nhà của anh ấy vào buổi sáng sau buổi nói chuyện của anh ấy. Hai người đàn ông đã qua lại trong vài ngày tới, với người bạn chung của họ là Arago đóng vai trò trung gian. Những cuộc gặp gỡ đầu tiên này diễn ra thân mật, có lẽ bởi vì trong những ngày đầu tiên, cả hai đối thủ đều cho rằng có đủ vinh quang để đi vòng quanh. Young và Champollion nghiền ngẫm các văn bản bằng giấy cói khi họ ở cùng nhau và sau đó duy trì trao đổi thư từ trò chuyện trong vài tháng sau đó.

Champollion đã gửi cho Young hai bản sao của bài giảng *Thư gửi Monsieur Dacier*, mới từ nhà xuất bản, và Young đã viết cho một người bạn rằng anh ấy đã “nhiều thứ mà tôi muốn cho Champollion ở Anh xem.”

Hoặc có lẽ lời giải thích cho sự tam lảng yên bình này là lúc đầu không người đàn ông nào thực sự coi trọng người kia. Champollion hầu như không đề cập đến Young (hoặc bất kỳ ai khác) trong bài giảng về *Dacier của mình*. Theo quan điểm của Champollion, Young là một người say mê khoa học đã lang thang quá xa khỏi lãnh thổ quê hương của mình. Theo quan điểm của Young, Champollion là một trợ lý trẻ thông minh, người đã điền vào các chi tiết trong bức tranh mà Young đã phác thảo, “một cộng tác viên cấp dưới trong các nghiên cứu của tôi. Champollion đuổi Young bằng

một nụ cười chế nhạo, và Young bảo trợ Champollion bằng một nụ cười bao dung.

Nhưng Young cũng có khả năng rộng lượng. Hai ngày sau khi nghe Champollion nói chuyện, ông đã viết một bức thư dài về điều đó cho một người bạn nổi tiếng, nhà ngoại giao William Hamilton, đóng quân ở Napoli. (Hamilton là một nhà giao dịch và là một người ngưỡng mộ nghệ thuật và tác phẩm điêu khắc cổ đại. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc mua lại, cho nước Anh, hai trong số những kho báu lớn nhất trong Bảo tàng Anh—Viên đá Rosetta và Viên bi Elgin, từ đền Parthenon.) Champollion đã làm được những điều “to lớn”, Young nói với Hamilton, và cả lời khen ngợi không nao núng lẫn giọng điệu hào hứng đều là điều không bình thường đối với anh ấy.

Có lẽ Champollion đã quá tin tưởng vào bản thân, Young tiếp tục, “nhưng nếu anh ta mượn một chiếc chìa khóa tiếng Anh, thì ổ khóa đã hoen gỉ khủng khiếp đến mức không cánh tay thông thường nào có đủ sức để xoay nó.”

Điều đó thật hào phóng, nhưng Young đã cân nhắc lại sau đó. Các câu tục ngữ nói rằng “đó là bước đầu tiên đòi hỏi tất cả nỗ lực,” anh ấy nhắc nhở Hamilton, vì vậy có lẽ Champollion đã làm sai với anh ấy.

Nhưng rồi Young quay lại một lần nữa. Có lẽ câu tục ngữ không áp dụng cho trường hợp này; có thể Champollion đã làm được nhiều hơn là đi theo sự dẫn dắt của Young. “Trên một con đường đầy chông gai và đầy rác rưởi, không chỉ bước đầu tiên mà từng bước đều gian khổ đến khó nhọc.” Nhìn chung, Young thừa nhận, Champollion đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Một lý do khiến Young do dự là Champollion đã tỏ ra e dè trong bài nói chuyện về *Dacier của mình*. Anh ấy đã thuyết trình hai tuần sau khi có đột phá về *Ramesses* và *Tuthmosis*, nhưng anh ấy đã bỏ qua phần đó hoàn toàn trong câu chuyện của mình.

Bài học của những khám phá đó là chữ tượng hình đã được sử dụng để đánh vần những cái tên *Ai Cập*, chứ không chỉ những cái tên được du nhập một nghìn năm sau từ Hy Lạp và La Mã. Và, như chúng ta đã thấy, câu chuyện *mise*, hay *sự ra đời*, mang một thông điệp thậm chí còn gây sửng sốt hơn rằng chữ tượng hình có thể được sử dụng để đánh vần các từ cũng như tên. Đó là những tiết lộ đã khiến Champollion ngã lăn ra sàn vì sung sướng, ngất đi vì kinh ngạc. Nhưng anh đã bỏ qua tin tức đó.

Chỉ những người chăm chú lắng nghe cuộc nói chuyện của *Dacier* mới có thể đoán được rằng anh ta có bất kỳ ý tưởng nào như vậy trong đầu. Tiêu đề của Champollion không đưa ra gợi ý nào. Thay vào đó, ông tuyên bố (các tiêu đề dài dòng là đặc trưng của thời đại) rằng ông sẽ thảo luận về “Bảng chữ cái của các chữ tượng hình phiên âm được người Ai Cập sử dụng để ghi trên các tượng đài của họ các tước hiệu, tên và lời tri ân của các vị vua Hy Lạp và La Mã”.

anh ấy *muốn* nói về cách chữ tượng hình có thể được sử dụng để truyền đạt âm thanh, nhưng anh ấy tuyên bố chỉ nghĩ đến những trường hợp hẹp và chuyên biệt nhất. Đó là sai lầm sâu sắc. Champollion đợi cho đến khi gần kết thúc bài nói chuyện của mình để hé lộ tham vọng thực sự của mình. Ông giải thích: “Tôi tin chắc rằng các ký hiệu tượng hình ngữ âm tương tự được sử dụng để thể hiện âm thanh của tên người Hy Lạp và La Mã. được sử dụng trong “chữ viết tượng hình thuần túy.”

Sự ám chỉ khó hiểu về cách viết “thuần túy” gợi ý về một tuyên bố táo bạo. Người Ai Cập đã sử dụng chữ tượng hình để truyền đạt âm thanh, ý của Champollion, và họ đã làm như vậy ít nhất một nghìn năm trước người Hy Lạp hoặc Ro. đàn ông hoặc bất kỳ người châu Âu nào khác đã xuất hiện tại hiện trường. Đó là một tuyên bố có thể đánh thức cả người nghe đang buồn ngủ nhất, nếu Champollion đọc ra được. Anh ấy đã không. Thay vào đó, đây không phải là lúc, anh thì thầm, vì “đi sâu vào các chi tiết dài dòng.”

Champollion chưa bao giờ là người thích ngoại giao hay nói giảm nói tránh. Tại sao anh lại bỏ qua cơ hội làm lóa mắt những khán giả đang hào hứng của mình bằng màn bắn pháo hoa?

Có lẽ bởi vì tiền đặt cược quá cao. Ý tưởng của Champollion mang tính cách mạng nhưng chúng cũng hoàn toàn mới. Tốt hơn là đánh bóng lập luận của anh ấy hơn là trình bày nó ở dạng thô sơ, chưa được kiểm chứng. Và, bên cạnh đó, đây là một cuộc đua. Một số thí sinh đã bước ra ngoài. (Ba người trong số họ—de Sacy, Jomard và Young—đang ở trong căn phòng tại Học viện Chữ khắc.) Có lẽ có những người khác đang làm việc bí mật. Champollion đã dành mười năm nghiên cứu về chữ tượng hình. Tại sao đưa ra gợi ý cho một đối thủ?

Nhưng Champollion lúc này đang di chuyển rất nhanh, và chẳng bao lâu nữa anh ta sẽ xông vào chỗ trống. Điều kỳ lạ là bước đột phá tiếp theo sẽ thúc đẩy anh ta trên con đường của mình không liên quan gì đến những điểm tinh tế trong ngôn ngữ học hay di tích từ một ngôi mộ cổ. Đó là một cái gì đó trẻ con hơn thế nhiều.

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

Vịt có thể là mẹ của ai đó

Trong khoảng 1.500 năm trước, các học giả đã bối rối trước một số ít đoạn văn được viết bởi Horapollo, vị linh mục Ai Cập, người đã biên soạn một cuốn sách về chữ tượng hình được tôn thờ hoàn toàn. Kiệt tác của anh ấy dường như có niên đại từ khoảng năm 400 sau Công nguyên. Hai tuyên bố nổi bật là đặc biệt kỳ lạ. Theo Horapollo, như chúng ta đã thấy trước đó, hình vẽ con kền kền có nghĩa là *mẹ* và con ngỗng có nghĩa là *con trai*.

Tại sao trên thế giới? Horapollo chỉ đưa ra những lời giải thích tồi tệ nhất. (Ngỗng có nghĩa là *con trai* bởi vì, như mọi người đều biết, ngỗng đặc biệt tận tụy với con của chúng.) Horapollo tuyên bố là người truyền lại kiến thức cổ xưa—ông dường như đã thu được một số thông tin về chữ tượng hình từ danh sách từ vựng mà các linh mục đã tập hợp lại trong nhiều thế kỷ trước thời đại của chính ông—nhưng vào thời của ông, không ai thực sự hiểu chữ tượng hình là gì. Chắc chắn Horapollo không biết.

Sau đó, vào năm 1822 hoặc 1823, Champollion đã tìm ra nó. Bí mật đằng sau những câu đố cổ xưa của Horapollo hóa ra lại ẩn chứa trong những câu đố dành cho trẻ em có tên là rebuses. Ngày nay, sức hấp dẫn của những bức vẽ nhỏ đó không còn vượt xa học sinh lớp bốn. Bạn tìm thấy chúng, cùng với các câu đố nổi các dấu chấm, trên các tấm lót trong các nhà hàng phục vụ các gia đình có trẻ em.



Tôi có thể thấy bạn!

Dưới bàn tay của Champollion, một khái niệm mà mọi đứa trẻ mười tuổi đều có - rằng bé có thể viết từ bằng cách sử dụng các bức tranh để chơi chữ - đã chứng tỏ là một trong những bước đột phá vĩ đại trong lịch sử trí tuệ của loài người. Cái nhìn sâu sắc của Champollion rất đơn giản. Ý tưởng mà người Ai Cập cổ đại đã nảy ra, từ gần buổi bình minh của chữ viết, là bạn có thể truyền đạt một từ khó vẽ bằng cách thay thế một từ dễ vẽ ngẫu nhiên được phát âm giống nhau. Trên thực tế, bạn có thể truyền đạt *con trai* bằng cách vẽ *mặt trời*.

Trong tiếng Ai Cập, Champollion giải thích, từ nghe giống *con trai* là *vịt* . (Từ nghiên cứu về tiếng Coptic, anh ấy biết rằng cả hai từ đều được phát âm là *sa* .) Vấn đề không phải là con vịt, hay ít nhất là hình *ảnh* con vịt không phải là vấn đề. Âm *thanh* của từ *vịt* là điểm.

Nói cách khác, bản thân con vịt là một con cá trích đỏ, và nó đã khiến các nhà giải mã lạc lối trong hai nghìn năm. Horapollon đã tiến gần đến sự thật, ngoại trừ sự nhầm lẫn *giữa vịt và ngỗng* , nhưng ông không hiểu.

Giống như từ *vịt* nghe giống từ *con trai* , từ kền kền trong tiếng Ai Cập *nghe* giống từ *mẹ* . Những từ này là từ đồng âm - những từ hoàn toàn khác nhau được phát âm giống nhau, như *đêm* và *hiệp sĩ* .

Champollion rất vui khi thấy Young mắc sai lầm nghiêm trọng vào đúng thời điểm này, mặc dù anh ấy đã tiến rất gần đến việc giải quyết mọi việc đúng đắn. Anh ấy đã thấy rằng trong nhiều bản khắc, bạn đã tìm thấy hai vỏ đạn cạnh nhau và ở giữa chúng, thứ mà anh ấy cho là chữ tượng hình của một con ngỗng theo sau là chữ tượng hình của một quả trứng.

Hóa ra, vỏ đạn đầu tiên liệt kê danh hiệu chính thức của pharaoh và tên thứ hai của ông. (Nếu tên của các vị vua Anh tuân theo các quy tắc tương tự, thì vỏ đạn đầu tiên có thể đọc là “Người bảo vệ Đức tin” và tên thứ hai là “Henry VIII.”) Young nhận ra rằng, như thường lệ, mỗi vỏ đạn chứa tên của một pharaoh. *Nhưng tại sao tên của hai pharaoh lại xuất hiện lần lượt?*

Young đã vấp ngã, và bây giờ anh ta ngã đập đầu xuống đất. Anh đã đoán không chính xác rằng hai vỏ đạn có nghĩa là hai pharaoh. Dựa trên sai lầm đó, anh ta đã mắc một lỗi thứ hai, một cách tự nhiên. Lần này anh tập trung vào hai chữ tượng hình giữa các vỏ đạn.

“ Từ lâu tôi đã nghi ngờ rằng một con ngỗng có quả trứng bên trên có nghĩa là *con trai* ,” ông viết, “biểu tượng này được xen kẽ trong nhiều chữ khắc khác nhau giữa hai tên riêng.”



Khi Young ghép các mảnh lại với nhau, vỏ đạn đầu tiên có tên của một pharaoh; sau đó đến một con ngỗng và một quả trứng, nghĩa là *con trai* ; và sau đó là vỏ đạn thứ hai với tên của pharaoh thứ hai. Điều gì có thể dễ dàng hơn để giải mã? Những cặp vỏ đạn này, Young giải thích, đánh vần các cụm từ trên dòng của *Amenhotep, con trai của Ahmose* .

Hệ thống rất gọn gàng, Young vui mừng, rằng “ rất có thể vào một thời điểm nào đó trong tương lai, chúng ta có thể có được một loạt gia phả hoàn chỉnh về các vị vua của Ai Cập”.

Điều này gần như đúng và sai một dặm. Trên thực tế, con ngỗng và quả trứng là con vịt và mặt trời. Họ cùng nhau có nghĩa là *con trai của mặt trời* , đó là một cách phù hợp để tuyên bố địa vị thần thánh của pharaoh.

Young gần như đã đoán được rằng *con vịt* có nghĩa là *con trai* (mặc dù anh ta đã gọi con vịt là con ngỗng), nhưng lập luận đã đưa anh ta đến gần sự thật hoàn toàn sai lầm. Champollion vui vẻ sửa lại kỷ lục.

Lập luận đơn giản nhất của ông dựa trên các vỏ đạn có tên của các hoàng đế La Mã. Champollion đã giải mã được *Caligula* và *Nero* , cũng như một số người khác. Mỗi tên được đặt trước bởi chữ tượng hình vịt và mặt trời. Theo Young, điều đó có nghĩa là *con trai của Caligula* hoặc *con trai của Nero* . Nhưng Caligula và Nero không có con trai.

Có vẻ kỳ lạ khi chơi chữ từng đóng một vai trò được kính trọng trong lịch sử viết lách, như thế những kẻ pha trò trong triều đình đã từng chiếm những chiếc ghế danh dự trên bàn ăn của hoàng gia. Nhưng, về mặt lịch sử, thái độ coi thường của chúng ta đối với các trò chơi chữ và chơi chữ là điều mới mẻ. Một trong những đoạn nổi tiếng nhất trong văn học thế giới được xây dựng xung quanh một cách chơi chữ. Mọi người đều biết rằng Eve đã đưa cho Adam một quả táo và mọi rắc rối bắt đầu từ đó. Nhưng quả táo là một bổ sung muộn cho câu chuyện. Kinh Thánh không bao giờ chỉ rõ loại trái nào mọc trên Cây Biết Điều Thiện và Điều Ác. Genesis chỉ đề cập đến một loại trái cây chung chung.

Quả táo đã không xuất hiện cho đến khoảng năm 400 sau Công nguyên, khi Saint Jerome tạo ra một bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latinh mới. Bởi vì từ *malum trong tiếng Latin* có nghĩa là cả *táo* và *ác* , Jerome đã có một ý tưởng sáng tạo là đặt một cách chơi chữ vào trung tâm của một trong những huyền thoại sáng lập của thế giới phương Tây.

Những trò chơi chữ kiểu Rebus cũng từng không chỉ là trò giải trí trẻ con. Ví dụ, họ thường xuyên xuất hiện trong các huy hiệu được ưa chuộng bởi các gia đình danh giá ở Anh. Mẹ của Nữ hoàng Elizabeth II là Elizabeth Bowes-Lyon, để trích dẫn một ví dụ nổi tiếng. Quốc huy của cô ấy có hình cung tên (được sử dụng bởi các cung thủ) và sư tử.



Người Trung Quốc cảnh giác với số 4, để trích dẫn một ví dụ khác về vai trò của trò chơi chữ, cũng giống như người phương Tây rất hay nói về 13. (Các tòa nhà chọc trời của Trung Quốc không chỉ bỏ qua tầng bốn mà cả tầng mười bốn và hai mươi tư, v.v.) Lý do là từ *bốn trong tiếng Trung Quốc* nghe giống như từ *chết*. (Và một chiếc đồng hồ là một món quà cưới tồi tệ cho một cặp vợ chồng người Trung Quốc, bởi vì từ *đồng hồ* nghe giống như từ *kết thúc*.)

Trong lịch sử viết lách nói chung, và không chỉ trong những trường hợp đặc biệt liên quan đến huy hiệu và mê tín dị đoan, những lời từ chối và chơi chữ đóng vai trò là bước đệm quan trọng. Đối với các kịch bản sử dụng hình ảnh, những chuyển hướng nhỏ này đã giúp đưa mọi từ và mọi ý tưởng vào tầm tay. Trừu tượng không còn đặt ra vấn đề. Nếu tiếng Anh sử dụng những thứ như vậy, từ *cơn ác mộng* có thể chỉ một hiệp sĩ mặc áo giáp bên cạnh một con ngựa. *Niềm tin*, một con ong và một chiếc lá. *Melancholy*, một quả dưa và một con collie.

Những ví dụ đó là giả tạo, nhưng chữ tượng hình Ai Cập thực sự chứa đầy những từ chối, phù hợp lý tưởng với một hình thức viết hoàn toàn bao gồm các bức tranh. *Con kền kền* và *người mẹ* và những ví dụ khác mà chúng tôi đã trích dẫn chỉ là phần mở đầu.

Ví dụ, một trong những nhiệm vụ chính của người ghi chép là ghi lại các giao dịch kinh doanh. Điều đó yêu cầu thiết lập số lượng lớn. Nhưng không ai muốn viết, chẳng hạn, *1.000 con gia súc* bằng cách vẽ đầu một con bò một nghìn lần, hoặc thậm chí bằng cách vẽ một con bò với một nghìn vết xước bên cạnh.

Thay vào đó, những người ghi chép đã tận dụng các trò chơi chữ. Trong tiếng Ai Cập, từ *ngàn* đồng âm với từ *hoa sen*, và vì vậy hoa sen có nghĩa là *ngàn*. Theo cách tương tự, từ *mười ngàn* nghe giống như từ *ngón tay*, và cách viết *mười ngàn* là vẽ hình ngón tay. Trong các văn bản cổ xưa, bạn thấy các mục như đầu bò, theo sau là ba ngón tay và hai hoa sen. Voilà, ba mươi hai nghìn gia súc.

Khi bạn đã bắt đầu sử dụng những lời từ chối, bạn đã sẵn sàng thực hiện một bước lớn hơn và quan trọng hơn. Rebuses đã chỉ ra cách giải quyết toàn

bộ câu đố về việc nắm bắt một ngôn ngữ bằng các ký hiệu. Ý tưởng quan trọng, rất rõ ràng trong nhận thức muộn màng, chỉ đơn giản là: *nếu các bức tranh có thể đại diện cho âm thanh khi chúng là một phần của rebus, thì chúng cũng có thể đại diện cho âm thanh khi chúng đứng một mình mà không có rebus nào cả.*

Chính xác âm thanh đó là gì có thể được sắp xếp sau. Chìa khóa vẫn đề là hình ảnh gợi lên âm thanh. Ví dụ, hình vẽ một con chó có thể đại diện cho âm *dog*, hoặc nó có thể chỉ đại diện cho âm đầu tiên của từ, *d*. Và sự lựa chọn thứ hai - *con chó* có nghĩa là *d* - cung cấp nhiều khả năng hơn. Bạn có thể sử dụng hình ảnh con chó (trong một chuỗi các hình ảnh khác) để đánh vần từ buồn *bã* hoặc *con mường* hoặc *kẹo* và bạn sẽ không bao giờ phải bận tâm nghĩ ra một chiếc xe buýt phù hợp.

Điều đó hoàn toàn song song với tình hình với vỏ đạn. Trong cả hai trường hợp, những người ghi chép cổ đại đã nhìn thấy—và hàng nghìn năm sau, Champollion cũng đã nhìn thấy—rằng các chữ tượng hình có thể đánh vần các từ khi chúng ở trong vỏ đạn hoặc trong các từ chối, *và cả khi chúng không ở trong*.

Đó là ý nghĩa của cái nhìn sâu sắc về nỗi đau. Đối với Champollion, việc khám phá ra rằng ông có thể đọc các chữ tượng hình ở bất cứ nơi nào chúng xuất hiện là khoảnh khắc nhúng tay vào nước của Helen Keller. Trong một khoảnh khắc chói sáng duy nhất, Helen Keller sau này đã viết, “Bí ẩn của ngôn ngữ đã được tiết lộ cho tôi.” Champollion cũng vậy, có thể xác định chính xác thời điểm thế giới chia thành trước và sau.

Tiết lộ về âm thanh đến quá muộn một phần vì chữ tượng hình rất hấp dẫn về mặt hình ảnh. Điều đầu tiên mọi người sẽ nói về chúng là chúng là những bức tranh, và điều đó khiến người ta khó có thể nhận ra rằng chúng không *chỉ* là những bức tranh.

Champollion đã thấy tầm quan trọng của việc từ chối, nhưng anh vẫn chưa tìm ra tất cả các mảnh khoe của họ. Thật điên rồ, hóa ra một chữ tượng hình nhất định có thể thay đổi vai trò mà không cần báo trước. Một con vịt có thể có nghĩa là *con trai* trong một ngữ cảnh; trong một bối cảnh khác, nó có thể có nghĩa là một con vịt kêu quạc quạc bình thường, chẳng hạn như bạn có thể thấy trên bất kỳ cái ao nào; và vẫn còn ở những chỗ khác nó có thể có nghĩa là âm *sa*, âm của từ vịt trong tiếng Ai Cập.

Có những quy tắc và gợi ý để hướng dẫn người đọc—nhiệm vụ tiếp theo của Champollion sẽ là tìm kiếm chúng—nhưng không có điều nào trong số này là dễ hiểu. Trong khoa học, bạn thường có thể đề xuất các định luật luôn hoạt động—*thả một tảng đá xuống, và nó sẽ rơi xuống*. Với ngôn ngữ, các vấn đề hiếm khi gọn gàng như vậy. Mọi quy tắc—I trước E trừ sau C; *trong tiếng Pháp, ký hiệu ^ phía trên một chữ cái viết tắt của chữ S bị thiếu*—có nhiều trường hợp ngoại lệ.

Đạo đức của các ngoại lệ đối với các quy tắc, chẳng hạn như *tĩnh mạch* và *kỳ lạ*, hoặc *mûr* và *âge là gì*? Đối với nhà ngôn ngữ học, thách thức là

quyết định xem bạn có tìm thấy một quy tắc xác thực (nhưng không hoàn hảo) hoặc nếu đã đến lúc bác bỏ một lý thuyết thú cưng và bắt đầu lại.

Học các quy tắc chi phối tiếng Ai Cập cực kỳ khó vì tiếng Ai Cập, giống như mọi ngôn ngữ khác, đã phát triển và tiến hóa mà không cần sự trợ giúp của một nhà lập kế hoạch trung tâm. Điều đó tạo ra sự khác biệt về độ phức tạp giống như sự khác biệt giữa một bản thiết kế kiến trúc gọn gàng và kiểu phân nhánh lộn xộn của một cái cây sống.

Các trò chơi chữ và từ chối đã đưa ra manh mối, nhưng thường thì các manh mối gần như không thể làm sáng tỏ. Ngay cả trong thời cổ đại nhiều chữ tượng hình là “phép ẩn dụ đã chết”, theo cách nói của nhà Ai Cập học Richard Parkinson, với các liên kết ban đầu của chúng đã bị lãng quên từ lâu.

Trong tiếng Anh cũng vậy, những từ và cụm từ từng gợi lên hình ảnh nhanh chóng trở thành nhãn hiệu đơn thuần. Nó luôn xảy ra với những cái tên— *Sawyer* , *Carpenter* —nhưng nó là một đặc điểm của ngôn ngữ nói chung. *Toe the line* ngày nay chỉ đơn thuần là một chuỗi từ (do đó nó thường xuyên bị viết sai chính tả thành *tow the line*); chúng tôi nghe thấy *cảnh cười ngựa thô bạo* và nghĩ về các đội bóng đá giành chiến thắng trong một trận đấu, chứ không phải những con ngựa có đầu đỉnh nhô ra khỏi giày (để tạo lực kéo và gây thêm sát thương cho kẻ thù bị giẫm đạp dưới chân). Không ai nhớ rằng ngày xưa ngày xưa, chính những lưỡi rìu *bay khỏi cán* chứ không phải những người đàn ông nóng tính.

Hệ quả đối với các nhà Ai Cập học là thường không đoán được ý nghĩa của một chuỗi chữ tượng hình, cũng như không có cách nào đoán được ý nghĩa của quả táo từ bề ngoài của các chữ cái . Các chữ tượng hình cho *đau khổ* , để chọn một từ gần như ngẫu nhiên, trông giống như một chiếc bánh sinh nhật, một đường ngoằn ngoèo và một con chim sẻ.

Đôi khi bạn có thể đoán. Các chữ tượng hình dành cho *người chồng* bao gồm hình vẽ dương vật có thể được lấy thẳng từ gian hàng phòng the của đàn ông. Nhưng thông thường, một người ngoài cuộc sẽ không bao giờ nắm bắt được. Ai sẽ nhìn vào hai con rắn và hai nửa mặt trăng (hóa ra là những ổ bánh mì) và đoán bước *nhảy vọt* ?

Ở một số khía cạnh, tiếng Anh và chữ tượng hình hoạt động theo những cách tương tự nhau. Chẳng hạn, thay vì giới hạn bản thân trong các chữ cái trong bảng chữ cái, chúng tôi cũng sử dụng các ký hiệu như & và % đại diện cho các từ chứ không phải âm thanh. Đôi khi chúng tôi tập hợp cả một chuỗi ký hiệu— *Bạn có thể làm ơn giảm tiếng ồn #@%@*%#!*— truyền đạt ý nghĩa chứ không phải âm thanh. Hoặc chúng tôi sử dụng các chữ cái— *XOXO* ở cuối ghi chú—mà trong một số trường hợp đặc biệt, âm thanh không được phát ra.

Chúng tôi cũng sử dụng hình ảnh và hơn thế nữa mỗi ngày. Mặt cười đã xuất hiện trong nhiều thập kỷ và biểu tượng cảnh báo đầu lâu xương chéo

còn lâu hơn thế, đồng thời mọi lời chúc mừng sinh nhật cũng như văn bản và dòng tweet đều bao gồm một loạt biểu tượng cảm xúc.



kingjames • Highest in the Room 🏀
#TheKidfromAKRON 🏀
#TheManintheArena 🏀 #KingMe 🏀
#WashedKing 🏀

Nhưng đó là những tính năng nhỏ của kịch bản của chúng tôi. Nếu tiếng Anh thực sự hoạt động giống như tiếng Ai Cập, thì nó sẽ sử dụng nhiều từ chối và hình ảnh hơn rất nhiều so với hiện tại. Sách sẽ dày với những thông điệp như 🏀 ❤️ U. Nhưng 🏀 đôi khi sẽ là viết tắt của từ *I* và đôi khi là chữ *I* (như bằng *mực*) và đôi khi là một con mắt thực sự. Hình vẽ trái tim có thể chơi tất cả các mảnh khố tương tự, và chữ *U* cũng vậy.

Rất nhiều từ sẽ vẫn được viết như bây giờ, nhưng *Winston Churchill* , chẳng hạn, có thể không được viết bằng chữ cái mà bằng hình vẽ một bao thuốc lá, sau đó là những bức tranh cách điệu về một nhà thờ và một ngọn đồi. (Và làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn, các biểu tượng có thể tồn tại rất lâu sau khi nhãn hiệu thuốc lá này ngừng kinh doanh, khi không ai có thể nhớ *Winston* đã từng nghĩ ngay đến điều gì.)

Champollion giải quyết toàn bộ sự sắp đặt phức tạp, và giọng điệu của anh ấy thể hiện cả niềm tự hào về tất cả những gì anh ấy đã suy luận được và sự ngạc nhiên của anh ấy về mức độ phức tạp và gian lận của cấu trúc đã được chứng minh. “ Chữ viết tượng hình là một hệ thống phức tạp,” ông viết vào năm 1824, “một chữ viết đồng thời có nghĩa bóng, tượng trưng và ngữ âm, trong cùng một văn bản, trong cùng một câu, và, nếu tôi có thể nói, trong cùng một văn bản. và cùng một từ.”

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

Căng thẳng để nghe

Champollion giờ đã có sân cho riêng mình. Đến lúc này, anh và Young đã chuyển từ sự cảnh giác lịch sự sang thái độ khinh bỉ khó che giấu. Bài giảng *Thư gửi Monsieur Dacier* đã đánh dấu một bước ngoặt trong mối quan hệ của họ. Young đã lắng nghe một cách lịch sự khi bài nói được trình bày, nhưng anh ấy trở nên gắt gỏng hơn khi nó được trau chuốt và xuất bản. Có cơ hội xem xét kỹ lời nói của Champollion, Young nổi giận. Đây là sự thừa nhận rằng anh ta đã mở một cánh cửa cho Champollion đi qua? Anh ta không thể không quan sát, Young sục sục, “thứ gì đó giống như một mong muốn tự do” trong hành vi của đối thủ của mình.

Hình thức đó là đặc trưng. Ngay cả khi đang tranh cãi, giọng điệu ưa thích của Young là giọng điệu thất vọng đau đớn hơn là tức giận lộ liễu. Nó *rắc rối một đề đề nghị. Người ta có thể gần như tự hỏi.* “Tôi tha bổng hoàn toàn và chân thành cho ông Champollion bất kỳ ý định nào thực sự đáng xấu hổ,” Young viết, đồng thời nhắc nhở độc giả của mình rằng anh ấy, chứ không phải Champollion, là người đầu tiên xuất bản một bài tiểu luận về giải mã các chữ tượng hình. “ Có thể không đúng khi chỉ nói rằng một người không có quyền tuyên bố bất kỳ khám phá nào là của mình cho đến khi anh ta in và xuất bản nó, nhưng quy tắc này ít nhất là một quy tắc rất hữu ích.”

Những nhận xét đó đã xuất hiện trong một cuốn sách mà Young xuất bản năm 1823, như một phản bác lại bài giảng của Champollion về *Dacier* , đã xuất hiện trên báo in vào năm trước. Cuốn sách của Young có tựa đề dài, giống như cuốn sách của Champollion, nhưng có một sự nhức nhối ở phần đuôi. *Bản tường trình về một số khám phá gần đây về văn học tượng hình và cổ vật Ai Cập* , tiêu đề bắt đầu khá nhạt nhẽo. Sau đó, đến lượt đặt xuống, mặc dù trong chiêu bài rất lịch sự. *Bao gồm Bảng chữ cái gốc của tác giả , được mở rộng bởi ông Champollion .*

Nếu phong cách đấu tay đôi của Young là đâm và búng bằng épée, thì sở thích của Champollion là dùng gậy đập vào đầu kẻ thù của mình. Kể từ lần đầu tiên mạo hiểm giải mã, anh ta đã chế nhạo mọi đối thủ tiềm tàng.

Åkerblad, nhà bác học người Thụy Điển, “không thể nhìn vào dòng chữ Ai Cập và đọc ba từ liên tiếp.” Những “khám phá” được cho là của một học giả người Đức thực ra chỉ là tưởng tượng. Zoëga, người Dane uyên bác và tận tâm, đã thu thập đủ vật liệu để xây dựng một tượng đài nhưng “thậm chí còn chưa đặt được hòn đá này chồng lên hòn đá khác.”

Young đến để khinh miệt đặc biệt. Trước hết, bác sĩ uyên bác là một người Anh, và theo quan điểm của Champollion, đó là một gánh nặng khó vượt qua. Hơn nữa, anh ta là một gã ngốc già hào hoa dễ bị “khoác lác lỗ bịch” về những vấn đề mà anh ấy hầu như không hiểu. Champollion, ngược lại, suốt đời biết rằng định mệnh của mình là giải câu đố về các chữ tượng hình.

Đó là cách Champollion nói với anh trai mình, dù sao đi nữa. Ở nơi công cộng, anh ấy giảm bớt mọi thứ. Tuy nhiên, không phải lúc nào anh cũng cưỡng lại được sự cảm dỗ. Trong bài luận về *Dacier của mình*, anh ấy đã dành một chút lời khen ngợi lịch sử— “Tiến sĩ. Young đã thực hiện một số công việc ở Anh về chữ khắc của các di tích Ai Cập cổ đại tương tự như công việc đã chiếm lĩnh tôi trong nhiều năm” —và ông ấy thậm chí còn nhận xét rằng Young đã thu được “những kết quả rất quan trọng.” Sau đó, anh ta tiếp tục tấn công.

mặc dù Young đã giải mã được *Ptolemy* và một vài cái tên khác, nhưng sau đó ông đã đi chệch hướng. Thay vì gắn với quan sát chính xác rằng một số chữ tượng hình nhất định hoạt động giống như một bảng chữ cái và đại diện cho âm thanh, “học giả người Anh này nghĩ rằng các chữ tượng hình tạo thành tên riêng có thể diễn đạt toàn bộ âm tiết và chúng có thể hoạt động như một dạng câu đố hoặc câu đố nào đó.”

Đây là một cú đánh thấp, bởi vì Champollion biết rằng chữ tượng hình có thể “biểu thị toàn bộ âm tiết” (như *Ra* trong *Ra-mes-ses*), và ông biết rằng đôi khi chúng đóng vai trò “một số loại câu đố hoặc lời từ chối” (như chữ tượng hình *mặt trời* có trong tên *Ramesses*).

Anh ấy biết tất cả những điều đó, nhưng anh ấy vẫn chưa nói với cả thế giới. Và không chỉ là anh ấy biết điều đó. Chính những hiểu biết sâu sắc này đã khiến anh ngã quy xuống sàn ngất xỉu.

Champollion lẽ ra không nên từ chối những lời từ chối, trong mọi trường hợp, bởi vì họ đã rất tốt với anh ta. Và họ vẫn còn một món quà khác để tặng.

Trò chơi chữ chỉ hoạt động bằng ngôn ngữ mà nó được tạo ra; chơi chữ không dịch. Bất kỳ người nói tiếng Anh nào khi nhìn vào đồng đồ nát của một cái chảo và một cái cây sẽ thấy ngay *pantry*. Người Đức hay người Tây Ban Nha sẽ không có cách nào đoán được.

Vì vậy, thành công của Champollion với *vịt/con trai* và các cuộc từ chối khác càng cung cấp thêm bằng chứng cho thấy canh bạc lớn của ông đã được đền đáp—Coptic thực sự là chìa khóa của Ai Cập cổ đại.

Với rất nhiều thứ đã được chốt lại, giờ đây Champollion có thể giao cho mình một nhiệm vụ rõ ràng. Anh ấy đã biên soạn một loại bảng chữ cái tượng hình, từ tất cả những cái tên mà anh ấy đã giải mã được. □ là *P* chẳng hạn; ∩ là *T*;  là *L*.

Ngoài ra, ông đã dành nhiều năm để nghiên cứu về Coptic. Bước tiếp theo là kết hợp cả hai, chữ tượng hình và Coptic, thành một cuộc điều tra có mục tiêu duy nhất. Nhiệm vụ của Champollion là tìm mọi văn bản chữ tượng hình mà anh ta có thể đặt tay lên và đọc to nó trong khi chăm chú lắng nghe những từ nghe giống tiếng Coptic.

Điều này đơn giản về nguyên tắc nhưng khó khăn trong thực tế. Làm trống đại dương bằng một thìa cà phê về nguyên tắc là đơn giản. Nếu Champollion gặp khó khăn trong việc liệt kê những chương ngại vật trên đường đi của mình, anh ấy có thể đã kéo chân trùm đầu trong tuyệt vọng.

Trở ngại đầu tiên là tiếng Ai Cập cổ đại được viết phần lớn không có nguyên âm, điều đó có nghĩa là không ai trong thời hiện đại có thể thực sự biết ngôn ngữ đó nghe như thế nào. Việc thiếu nguyên âm có thể giống như một mối nguy hiểm nhỏ. *Nếu bạn cn thứ này, bạn cn gt một gd jb.*

Vấn đề hóa ra là một vấn đề nghiêm trọng. Nó nổi lên một cách ấn tượng vào những năm 1960, khi các nhà khảo cổ đã xung đột dữ dội về ý nghĩa của một dòng chữ được tìm thấy ở Ai Cập trên một mảnh gốm vỡ. Hàng ngàn năm trước, ai đó đã viết một tin nhắn bằng tiếng Aramaic, một ngôn ngữ liên quan đến tiếng Do Thái và tiếng Ả Rập. (Cả ba ngôn ngữ đều bỏ qua các nguyên âm.) “Kìa, tôi đã thấy một giấc mơ,” dòng chữ bắt đầu, theo một nhóm học giả. Nhưng các nhà ngôn ngữ học đối thủ đã dịch đoạn văn tương tự thành, “Kìa, tôi đã thấy một loại rau.”

Tùy thuộc vào việc bạn tin vào chuyên gia nào, văn bản tiếp tục mô tả một sự hiện ra ma quái tuyên bố từ “hòa bình” hoặc lời cảnh báo rằng “không còn dưa chuột nào nữa”.

Làm thế nào một tranh chấp như vậy có thể phát sinh? Một phần vì khó đọc những chữ cái chập chội và ngoằn ngoèo đã được viết từ nhiều thế kỷ trước. Một số chữ cái rất khó để làm cho ra. Những cái khác xuất hiện ở giữa hai dòng văn bản và có thể thuộc về một trong hai. Một số bị mất và phải được đoán.

Nhưng vấn đề chính là thiếu nguyên âm, điều đó có nghĩa là ngay cả những từ hoàn chỉnh và dễ đọc cũng có thể mơ hồ. Đây là nguồn gốc của bí ẩn về giấc mơ/rau củ. Nói một cách đại khái, cứ như thể tiếng Anh chỉ được viết bằng phụ âm và các học giả phải quyết định xem *crt* có nghĩa là *cà rốt* hay *tạo ra*.

Đối với Champollion, việc thiếu các nguyên âm đã gây ra một khó khăn bất ngờ khi đánh thức nó. Ở Ai Cập cổ đại, khái niệm “từ đồng âm” rộng hơn so với chúng ta - miễn là các phụ âm trong hai từ khớp với nhau, điều đó là được. Bạn có thể vẽ một bức tranh đại diện cho bức tranh kia.

Các từ có thể nghe giống nhau, nhưng chúng có thể không có. Một người ghi chép có thể đã vẽ một *quả lê* có nghĩa là *một cặp*, nhưng một *quả lê* cũng có thể có nghĩa tương tự như bất kỳ từ nào trong số rất nhiều từ có phụ

âm *pr*— nó có thể có nghĩa là *bến tàu* hoặc *đồng đảng* hoặc *nghèo nàn* hoặc *đổ* hoặc *chọc thủng* hoặc *cay* hoặc thậm chí là *giàn thiêu* . (Sự chậm chạp trong hệ thống làm cho việc Champollion xác định *vịt/con* và *kền kền/me* trở nên ấn tượng hơn.)

Một vấn đề lớn hơn xuất hiện. Hai vấn đề đan xen, trên thực tế. Đầu tiên, tiếng Coptic không phải là ngôn ngữ được nói ở Ai Cập cổ đại mà là hậu duệ của ngôn ngữ đã chết đó, vì tiếng Ý là hậu duệ của tiếng Latinh. Hy vọng duy nhất của Champollion là anh ta có thể phát âm các từ bằng tiếng Ai Cập và sau đó nhận ra họ hàng xa của họ bằng tiếng Coptic.

Làm cho vấn đề tồi tệ hơn, Coptic gần như đã chết. *Hãy nghĩ về tỷ lệ cược* , một học giả thế kỷ 19 ngạc nhiên. Champollion và những nhà giải mã ban đầu khác chỉ có một công cụ duy nhất trong kho vũ khí của họ, đó là kiến thức về Coptic, và vũ khí duy nhất đó là “ mảnh vỡ bị cắt xén và không hoàn hảo của một ngôn ngữ đã tuyệt chủng.”

Bằng cách nắm bắt mức độ khó khăn của việc giải mã một ngôn ngữ không xác định bằng tai, hãy nghĩ xem chúng ta nghe nhầm ngôn ngữ của mình thường xuyên như thế nào . Sinh viên xé nát Lời thề Trung thành— *Tôi dẫn bầy chim bồ câu đến trước lá cờ* — và những người đi nhà thờ trẻ tuổi cất cao tiếng hát, *Vui thay, chú gấu lác mắt*.

Người lớn cũng dễ mắc sai lầm như trẻ em. Vào những năm 1990, rất nhiều người khẳng định rằng họ đã nghe những thông điệp cao siêu đáng sợ trong bộ phim *Aladdin* mà Disney cảm thấy bắt buộc phải đáp ứng. Các bậc cha mẹ lo lắng cảnh báo nhau rằng *Aladdin* thì thầm, " *Những đứa trẻ ngoan, cởi quần áo ra.*" Dòng thực tế, Disney báo cáo, là, *Scat, con hổ tốt, cất cánh và đi.*

Hiểu lời nói, hóa ra, là vấn đề điền vào chỗ trống một cách nhanh chóng. Chúng ta bỏ lỡ rất nhiều từ, bất kể thính giác của chúng ta nhạy bén đến đâu, nhưng chúng ta hiếm khi nhận ra bởi vì chúng ta thường xuyên và tự động đoán các khả năng. Bối cảnh là chìa khóa và chúng tôi chọn từ một loạt các ý nghĩa có thể có mà không bao giờ nhận ra rằng chúng tôi đang làm điều đó. Được khơi dậy bởi những suy nghĩ về cây quýt và bầu trời mứt cam, chúng tôi nghe thấy *một cô gái có đôi mắt kính vạn hoa* chứ không phải *một cô gái mắc bệnh viêm đại tràng đi ngang qua* .

Nhưng việc phỏng đoán khi đang di chuyển này hóa ra lại là một mảnh khoe. Trong nhiều thập kỷ, các nhà khoa học đã làm việc để tạo ra những cỗ máy có thể phiên âm lời nói. Sau ngần ấy thời gian, máy vẫn mắc lỗi. Cụm từ *để nhận ra lời nói* nổi lên như *để phá hỏng một bãi biển đẹp* . Một mối quan hệ trở thành một *con tàu châu Á thực sự* .

Điều đó có nghĩa là Champollion phải đối mặt với một thử thách vô cùng khó khăn. Anh ta phải thổi sức sống vào một ngôn ngữ chết, bằng một ngôn ngữ gần như chết, và anh ta phải nghe âm thanh bằng những ký hiệu im lặng được viết trên một trang giấy.

Anh ấy đã có manh mối để làm việc với. Coptic đã sử dụng các nguyên âm, mặc dù tiếng Ai Cập thì không. Vì vậy, nếu một từ tiếng Ai Cập tồn tại trong tiếng Coptic, Champollion sẽ biết rõ cách phát âm của nó. Tương tự, nếu một từ tiếng Ai Cập có họ hàng gần trong một ngôn ngữ có cách phát âm đã biết, Champollion có thể đoán rằng hai từ đó nghe gần giống nhau.

Tuy nhiên, rất dễ mắc sai lầm khi bạn đoán âm của một ngôn ngữ không quen thuộc. Nếu tiếng Pháp là một ngôn ngữ chết, thì không một người nói tiếng Anh nào có thể đoán được cách phát âm của một từ đơn giản như *oui* .

Sai lầm tăng lên ngay cả khi bạn gần bó với một ngôn ngữ nhưng đi du lịch một thế kỷ hoặc hai trở lại trong thời gian. Các nhân vật trong tiểu thuyết cũ luôn lang thang trong các quán rượu với những cái tên như *Ye Fox* và *Hounds* . Trong các thời đại trước, *ye* được phát âm là *y* . Việc sử dụng *Y* cho *Th* chỉ là một quy ước đánh máy (như *f* cho *s* trong *chúng tôi cho rằng những sự thật này là hiển nhiên*).

Người mới có thể phạm những sai lầm ngớ ngẩn lớn hơn nhiều so với việc vấp phải một hoặc hai từ. Chẳng hạn, bạn có thể không biết về thanh điệu, và trong nhiều ngôn ngữ, chúng đóng một vai trò quan trọng. Một câu chuyện nổi tiếng của Trung Quốc, kể về một nhà thơ đã ăn một con sư tử, hoàn toàn bao gồm cùng một âm thanh được lặp lại chín mươi hai lần, với các âm điệu khác nhau. Được viết bằng tiếng Trung Quốc cổ điển, câu chuyện trông hoàn toàn bình thường. Đọc to lên, đối với tai người phương Tây, nó nghe giống như *shi* (phát âm gần giống như *chắc chắn*) lặp đi lặp lại hàng chục lần.

Ngữ điệu không đóng vai trò quan trọng trong tiếng Anh, mặc dù đôi khi nó cũng xuất hiện. Tôi biết một nhà văn đã làm việc chăm chỉ để cống hiến cho một cuốn sách. Anh ấy đã tập trung vào cuốn sách của mình, và gần như không có gì khác, trong nhiều năm. Cuối cùng anh ấy cũng làm xong, và anh ấy muốn trả cho vợ mình một món quà xứng đáng. Nhưng làm thế nào để tóm tắt tất cả những gì anh nợ cô? Cuối cùng anh đã có nó. *Đối với Rose* , anh ấy đã viết, *ai biết được tại sao* . Anh ấy mang cho Rose bản thảo để cô ấy có thể thưởng thức sự cống hiến. *Đối với Rose* , cô ấy đọc to. *Ai biết tại sao?*

Nhiều ngôn ngữ tạo cơ hội cho những sai lầm ngớ ngẩn tương tự trong gần như mọi câu. Trong một ngôn ngữ được nói ở một vùng nhỏ trong rừng nhiệt đới Amazon, những từ *bạn* và *kẻ thù* giống hệt nhau ngoại trừ sự thay đổi về thanh điệu trong một âm tiết.

Nhà ngôn ngữ học người Anh John Carrington đã ghi nhận những sai lầm của ông khi cố gắng học một ngôn ngữ Bantu có tên là Kele, được nói ở nơi ngày nay là Cộng hòa Dân chủ Congo. Những thay đổi về cao độ đã tạo nên sự khác biệt. Trước sự hành xác của mình, Carrington không thể nghe thấy chúng. Anh ta không thể biết khi nào *Alambaka* boi nghĩa là gì. *Anh ta quan sát bờ sông* và khi nào nó có nghĩa là *Anh lược mẹ vợ*.

Vì vậy, âm thanh của các ngôn ngữ cổ xưa sẽ luôn nằm ngoài tầm với. Cho dù các học giả giải mã được bao nhiêu chữ tượng hình, chúng ta sẽ không bao giờ biết chính xác âm thanh của một pharaoh tuyên bố về sự vĩ đại của mình hay một bà mẹ Ai Cập thủ thi bài hát ru con mình.

Tất nhiên, không chỉ có âm thanh của Ai Cập cổ đại mà chúng ta sẽ không bao giờ nghe thấy. Cho đến tận sau năm 1850, âm thanh của *mọi* người giọng nói biến mất mãi mãi với cái chết của người đó. Bản ghi âm sớm nhất được cho là có niên đại từ năm 1877, khi Thomas Edison ghi lại chính mình đọc "Mary Had a Little Lamb." Edison không chắc phát minh của mình sẽ được sử dụng như thế nào, mặc dù ông đã đưa ra một số gợi ý — *có lẽ đồng hồ có thể thông báo rằng đã đến giờ ăn tối?* — nhưng anh ấy phần khích với ý nghĩ rằng anh ấy đã tìm ra cách để lưu giữ âm thanh mãi mãi.

“Nhạc cụ không rằng, không lưỡi này,” ông viết, “không có thanh quản hay hầu họng... bắt chước âm điệu của bạn, nói bằng giọng nói của bạn, phát ra lời nói của bạn, và hàng thế kỷ sau khi bạn tan thành cát bụi sẽ lặp đi lặp lại nhiều lần, cho một thế hệ không bao giờ biết được bạn, mọi ý nghĩ viễn vông, mọi sở thích thích thú, mọi lời nói hảo huyền mà bạn đã chọn để thì thầm vào bức tường sắt này.

Nhưng hóa ra Edison *không phải* là người đầu tiên bắt được tiếng thì thầm bằng màng ngăn sắt. Vào năm 1860, một người phụ nữ vô danh đã hát một đoạn trong bài hát dân ca Pháp “Au Clair de la Lune,” và chúng tôi có bản thu âm đó. Nó chỉ dài mười giây, nhưng chúng ta có thể nghe thấy nó cho đến ngày nay.

Nhà phát minh người Pháp đã tạo ra nó, một thợ sắp chữ và may mò tên là Édouard-Léon Scott de Martinville, không biết rằng ông đã thu được âm thanh *giọng* nói của một người phụ nữ và việc ghi âm thậm chí không phải là ý định của ông. Mục tiêu của anh ấy là chế tạo một cỗ máy có thể chuyển đổi âm thanh thành các mẫu được ghi trên một trang giấy.

Anh ấy đã thành công trong cuộc tìm kiếm của mình, và trong hơn một thế kỷ, những dòng chữ nguệch ngoạc mà anh ấy lưu giữ đã nằm yên lặng trên một trang giấy đầy bồ hóng trong một kho lưu trữ bị lãng quên. Các dấu vết đã không được khám phá lại cho đến thế kỷ XXI. [L](#) Ngay sau đó, một nhóm các nhà khoa học Mỹ đã tìm ra cách chuyển đổi các đỉnh và thung lũng được phiên âm thành âm thanh trôi nổi trong không khí. Một giọng nói đã im lặng suốt một trăm năm mươi năm nay lại cất lên, ngập ngừng nhưng không lẫn vào đâu được.

Champollion không có công cụ nào như vậy để sử dụng, không có gì ngoài trí tuệ và đôi tai nhạy bén của chính mình, khi ông làm việc để tái tạo âm thanh của những giọng nói cổ xưa. Anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc dựa vào Coptic, một sợi dây cứu sinh đã sờn và rách nát. Đó là vấn đề

đầu tiên của anh ấy. Lần thứ hai của anh ấy cũng khó khăn như vậy. Mọi ngôn ngữ đều thay đổi trong suốt thời gian tồn tại của nó, và trong trường hợp của tiếng Ai Cập, thời gian tồn tại đó đã đạt đến một độ dài phi thường. Vì vậy, thách thức của Champollion không chỉ là việc ông phải vật lộn với một ngôn ngữ chết. Ông đã phải vật lộn với một ngôn ngữ chết đã thay đổi và thay đổi trong suốt hơn *ba mươi* thế kỷ.

Hãy nghĩ về cách tiếng Anh đã tự biến đổi trong một khoảng thời gian ngắn hơn rất nhiều. Đây là một đoạn văn nổi tiếng xuất hiện trong tiếng Anh cổ, vào khoảng năm 1000 sau Công nguyên. *Fader urer, ðu bist in heofnum, sie gehalgad noma ðín*. Sẽ cần một đôi tai tinh tường để nhận ra *Cha của chúng tôi, người ở trên trời, thánh hóa tên bạn*.

Beowulf cũng được viết bằng tiếng Anh cổ, và cũng vào khoảng năm 1000 sau Công nguyên. Đó là mười thế kỷ trước. Theo thang thời gian của Ai Cập, điều đó sẽ khiến *Beowulf* trở thành hàng xóm gần của chúng ta. *Beowulf* gần như có thể truy cập được như *Mật mã Da Vinci*. Nhưng sử thi vĩ đại là gần như không thể hiểu được ngày hôm nay. Dòng đầu tiên là, *Hweat we gardena in gear dagum*, có nghĩa là, *Hark! Spear-Danes, trong những ngày trước đó*.

Nhìn kỹ hơn sẽ thấy rằng tiếng Anh cổ không *hoàn toàn* là âm u và bí ẩn. Một số từ là một loại thơ nén. Ví dụ, tiếng Anh cổ cho *cơ thể* là *banus* có nghĩa là *ngôi nhà xương*. *Bienn* là một *hronrad*, không phải là một vùng đất rộng lớn và trống rỗng mà là một *con đường của cá voi*. Một thư viện là một *tích trữ sách*. Tuy nhiên, nếu không có người hướng dẫn, chúng ta lạc lối và bất lực. “Chúng tôi hân hoan ngâm nga bài đồng dao ‘Hickory, Dickory, Dock,’” nhà ngôn ngữ học John McWhorter viết, “không biết rằng đó là những con số tám, chín và mười trong bài phát biểu của người Celtic được nói bởi người bản địa Anh mà Angles, Saxons và Jutes gặp phải.”

Nhiệm vụ của Champollion là tìm ra những manh mối bị chôn vùi sâu như vậy. Ngày này qua ngày khác, anh ngồi ở bàn đọc thuộc lòng những đoạn thơ Ai Cập cổ đại, có lẽ không phải lúc nào cũng vui vẻ, trong khi cố gắng phát hiện những âm vang mờ nhạt, quen thuộc.

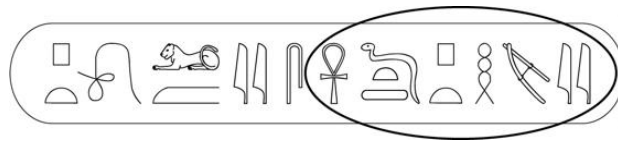
[tôi](#). Nhà làm phim Peter Jackson gần đây đã bắt tay vào một loại mạo hiểm khác nhằm mang lại sức sống mới cho những lời nói đã biến mất từ lâu. Jackson đã tranh thủ sự giúp đỡ của những người đọc môi, những người đã cẩn thận kiểm tra các đoạn phim lưu trữ về những người lính trong Thế chiến thứ nhất. Họ có thể lấy lại các từ (chứ không phải giọng nói) đã trôi đi hơn một thế kỷ trước. Phim tài liệu của Jackson, *Họ sẽ không già đi*, xuất hiện vào năm 2018.

CHƯƠNG HAI MƯƠI TÁM

Sức Mạnh Về Con Số

Trong những ngày đầu thực hiện nhiệm vụ, Champollion đã có thể dựa vào phần Hy Lạp của Đá Rosetta để được hướng dẫn. Cách tiếp cận đó đã mang lại những chiến lợi phẩm lấp lánh—những từ đầy kịch tính như *vua* và *thần*, *sắc lệnh* và *linh mục*.

Việc giải mã một trong những tước hiệu hoàng gia của Ptolemy cho thấy ông đã làm việc như thế nào. Một số vỏ đạn trên Rosetta Stone bao gồm tên của Ptolemy, sau đó là một số chữ tượng hình khác. *Cách đọc các biển báo phụ đó như thế nào?*



Một vỏ đạn bắt đầu bằng tên của Ptolemy và sau đó bao gồm một số dấu hiệu khác. Champollion bắt đầu giải mã những chữ tượng hình bổ sung đó, được biểu thị trong bản vẽ này bằng một hình bầu dục.

Chà, văn bản tiếng Hy Lạp của phiến đá gọi Ptolemy là "người vĩnh viễn, người yêu dấu của Ptah", vì vậy đó dường như là nơi bắt đầu tự nhiên. (Ptah là vị thần quan trọng nhất của thành phố Memphis.) Sau đó, nó chỉ đơn giản là điền vào chỗ trống và đưa ra những phỏng đoán có cơ sở.

, từ Coptic cho *cuộc sống* hoặc *sự sống* là *ankh*, và từ đó có lẽ tương ứng với từ đầu tiên trong số các chữ tượng hình "phụ". (Cho đến ngày nay không ai biết nguồn gốc của biểu tượng *ankh*.) *Ankh* cũng xuất hiện ở *Tutankhamun*; cái tên có nghĩa là *hình ảnh sống của thần Amun*.

Tiếp theo, trong vỏ đạn Ptolemy xuất hiện một số chữ tượng hình—một con rắn, một hình bán nguyệt và một hình chữ nhật mỏng—đáng lẽ phải tương ứng với *vĩnh viễn* hoặc *mãi mãi* hoặc *vĩnh cửu*, được viết bằng tiếng Coptic. Và vì Champollion đã biết rằng chữ tượng hình hình bán nguyệt tương ứng với *T*, nên anh ấy có thể suy ra rằng con rắn được phát âm là *dj* (ít nhiều giống chữ *J* trong *từ*).

Tương tự như vậy, anh ấy đã biết rằng hai chữ tượng hình tiếp theo—hình vuông và hình bán nguyệt—là viết tắt của *P* và *T*, và anh ấy biết từ Hy

Lập *Ptah* . Điều đó giúp dễ dàng đoán rằng chữ tượng hình tiếp theo trong dòng, ⲡ, tương ứng với *H*.

Champollion đã chơi trò chơi đó bằng tất cả giá trị của nó, cho đến khi anh ta lấy được gần như tất cả những viên ngọc lấp lánh của Rosetta Stone. Sau đó, anh ấy chuyển trọng tâm và bắt đầu tìm kiếm các văn bản khác và, cũng quan trọng không kém, các loại manh mối khác.

“Nhà ngôn ngữ học Amir Zeldes nói: “Bạn cần những từ lớn, quan trọng để có được giả thuyết về những chữ cái có thể là gì”. “Nhưng đó chỉ là một giả thuyết. Một từ lớn không tốt cho việc bẻ khóa toàn bộ. Thật tốt khi đưa ra một gợi ý. Điều bạn thực sự quan tâm là *tần suất* . Bạn muốn một cái gì đó ở khắp mọi nơi.

Zeldes giải thích, nếu bạn đang cố giải mã một văn bản viết bằng tiếng Anh, bạn sẽ rất phấn khích nếu nghĩ rằng mình đã chọn ra những từ như *tự do* và *tổng thống* . Đó là những từ có trọng lượng, và chúng có thể chỉ đường cho những từ có trọng lượng khác. Khi bạn đã xác định được *tự do* , chẳng hạn, bạn có thể tìm thấy những từ khác cũng có chữ *T*. Bạn sẽ tiến một bước trên con đường nhận ra những từ như *sự thật* và *trận chiến* . Nhưng đó là những từ hiếm.

“Tuyệt, bạn có một lý thuyết về ba từ,” Zeldes nói một cách mỉa mai. “Hoặc là bạn đúng hoặc bạn sai. Đó thực sự không phải là điều bạn muốn, bởi vì bạn sẽ đi đâu với nó? Bạn muốn sức mạnh về số lượng. Bạn muốn xem những thứ siêu thường xuyên, khi mọi thứ đột nhiên trở nên có ý nghĩa và bạn có thể nói, 'Ồ! Hiều rồi!' ”

Zeldes còn trẻ, mảnh mai, nói nhanh và là người có thẩm quyền về Coptic. Quan trọng hơn, anh ta có sở trường hiếm có là đi đi lại lại từ điều tra cấp độ mặt đất của các chi tiết nhỏ để quét bức tranh lớn trên bầu trời. Anh ta luân phiên là kiến và đại bàng.

, để tìm thấy một từ như *tự do* hay *sự thật* là một điều hồi hộp và bất ngờ, giống như tìm thấy một thác nước khi đi dạo trong rừng. Nhưng học cách phát hiện những điểm tham quan ít hùng vĩ hơn, chẳng hạn như những ô vuông sơn màu xanh trên cây dọc theo con đường mòn đi bộ đường dài, có thể còn quan trọng hơn, bởi vì những điểm đánh dấu khiêm tốn đó chỉ đường cho những giải thưởng tiếp theo.

Những gì bạn muốn là những từ bật lên lặp đi lặp lại, chẳng hạn như *hoặc một hoặc của* . Ví dụ, khi bạn có , từ tiếp theo rất có thể là một danh từ. Và ngay cả một khái niệm sơ bộ về những gì bạn đang tìm kiếm cũng khiến trò chơi đoán dễ dàng hơn nhiều.

Kết quả là, người giải mã uyên bác nhất đang nghiền ngẫm một văn bản cổ sẽ bắt đầu làm việc theo cách chính xác giống như người nghiệp dư thô thiển nhất đang rong ruổi một quãng đường dài đi làm với một bài thơ châm biếm trên báo. Thách thức với một acrostic là xác định một trích dẫn. Bạn được cung cấp một loạt manh mối và một chuỗi các khoảng trống, mỗi dấu cách cho một chữ cái trong câu trích dẫn. Bí quyết là bắt đầu với những từ ngắn nhất. Nếu bạn tự tìm thấy một khoảng trống, thì đó phải là *I* hoặc *A* .

Một chuỗi ba ô trống bắt đầu bằng chữ *T* rất có thể là *từ* , một từ đặc biệt có giá trị.

Amir Zeldes giải thích cách nó hoạt động đối với những người giải mã thực tế. “Hãy hỏi bất kỳ ai đã học 5 bài tiếng Coptic chữ cái thường dùng nhất trong tiếng Coptic là gì, và họ sẽ cho bạn biết đó là chữ *N* . Mọi thứ đều là *N*. Nó có thể là một động từ, nó có thể là một giới từ, nó có thể là một đại từ, có rất nhiều *N*'s. Nhưng ý nghĩa phổ biến nhất là *của*.

“Và nếu bạn nhìn vào chữ viết Ai Cập,” Zeldes tiếp tục, “dấu hiệu phổ biến nhất là gì? Chính là cái này.” Zeldes chỉ vào một chữ tượng hình ngoằn ngoèo trông giống như một mô tả cách điệu về dòng nước đang di chuyển.



“Bất cứ ai nhìn vào một bức tường đền thờ ở Ai Cập sẽ nhận ra dấu hiệu của nước, phải không? Đoán xem? Đó là chữ *N* .”

Zeldes hiện đang rất phấn khích và thiếu kiên nhẫn. “Đó là nó! Bang! Bạn có thấy?”

Vâng, không hoàn toàn, thực sự. Nhưng Champollion thì có.

Trên thực tế, Champollion đã nhìn thấy hai điều kỳ diệu cùng một lúc. Đầu tiên là sự phù hợp giữa chữ cái Coptic phổ biến nhất và chữ tượng hình phổ biến nhất. Đó là một tin tốt, vì nó phù hợp với nguyên tắc hoạt động của Champollion rằng người Coptic là hậu duệ của người Ai Cập.

Đó là cho người mới bắt đầu. Nhưng cái nhìn sâu sắc quan trọng đến từ chính Coptic. *N* không chỉ là một lá thư. Đó cũng là một từ. (Đại khái là kiểu tương tự, chữ *A* trong tiếng Anh đại diện cho một âm và cũng là từ *a* , như trong một cuốn sách .) Một nghĩa của *n* là *of* , nghĩa này luôn xuất hiện.

Vì vậy, Champollion biết cách bạn viết về chữ tượng hình - bạn đã viết nó bằng cách vẽ một bức tranh về nước. Thay vì tìm kiếm một cách mù quáng qua vô số chữ khắc tượng hình, anh ấy có một ý tưởng tốt về nơi anh ấy có thể tìm thấy những danh từ đang chờ được khai quật. *Người cai trị đất đai. Chủ nhà. Âm thanh của đêm.*

Và kiến thức về Coptic của Champollion đã dẫn ông đến một khám phá khác có liên quan chặt chẽ. Trong tiếng Coptic, *P* là một chữ cái và *P* cũng là một từ. Trên thực tế, đó là từ cực kỳ hữu ích *the* . Điều đó có nghĩa là - đây là tin thật - rằng chữ tượng hình với âm *p* có thể đại diện *cho* . (Nó cũng có thể là viết tắt của âm *p* , như Champollion đã học được ngay từ đầu cuộc tìm kiếm của anh ấy, khi anh ấy giải mã được *Ptolemy* .) Vì vậy, anh ấy tăng tốc.

Hoặc anh ấy vội vàng bỏ đi, chính xác hơn, vì, đúng như Young đã nói, công việc giống như lao mình vào bụi mậm xôi hơn là chạy nước rút qua cánh đồng rộng mở. Chiến lược của Champollion chính là sự đơn giản. Với những quy tắc đọc cơ bản ít nhiều đã thành thạo, cậu tiếp tục như thể cậu là học sinh lớp ba thông minh nhất thế giới đối mặt với một chồng sách lấy ngẫu nhiên từ kệ thư viện.

Tạm dừng một chút để nghĩ xem điều này sẽ khó khăn như thế nào. Mỗi văn bản sẽ bao gồm từng dòng như thế nào *xxxxofxxxxthekingxxxxxxxthexxx*. Vì vậy, từ vựng là rào cản đầu tiên. Đối với Champollion, người không còn tiếng Hy Lạp để dựa vào, mỗi câu đều có những từ mới lạ. Đây có lẽ là hóa đơn bán hàng và biên lai thuế, nhưng cũng có những câu chuyện thần thoại và câu chuyện phiêu lưu. Làm thế nào bạn có thể chuyển từ những từ như *vua* và *linh mục* sang những từ như *ngục tối* và *phù thủy* và *vụ đắm tàu*?

Bạn đã làm điều đó bằng cách đoán, từ ngữ cảnh và bằng cách vẽ trên các ngôn ngữ khác. “Có thể nó nói, ‘Họ đi dạo và sau đó *làm gì đó* đuổi theo họ,’” Zeldes giải thích. “Bạn không biết đó là một con gấu hay nó là gì, chỉ là một loại động vật xấu. Và sau đó nó nói, ‘Họ đã giết nó và ăn nó.’ Vì vậy, điều đó loại trừ, tôi không biết, *sói*. Bạn sẽ không ăn thịt một con sói đâu.”

Một số từ không thể đoán được, cho dù bạn có chăm chú đến đâu. Những từ cắt đó xuất hiện thường xuyên đến mức các nhà ngôn ngữ học phải sử dụng một chút biệt ngữ gồm ghềnh— *hapax legomenon* —để biểu thị một từ mới chỉ được nhìn thấy một lần. Đối đầu với những con thú khó nắm bắt như vậy, từ điển của Ai Cập cổ đại đã phải nhận thất bại. Một mục có thể đọc: “Không xác định. Có lẽ là một đối tượng tôn giáo.”

Những từ có một không hai như vậy có thể tạo ra những vấn đề khó chịu, và không chỉ đối với các nhà Ai Cập học. Một trong những câu quen thuộc nhất trong Kinh Thánh— *Hãy cho chúng tôi hôm nay bánh mì hàng ngày*—chứa đựng một từ đã làm đau đầu các nhà văn và dịch giả từ thời cổ đại. Từ Hy Lạp *epiousios*, thường được dịch là *hàng ngày*, xuất hiện trong Kinh Lạy Cha và không ở đâu khác trong Kinh thánh hoặc trong văn học Hy Lạp. (Ngôn ngữ gốc của Tân Ước là tiếng Hy Lạp.) Không ai biết chắc nó có nghĩa là gì, và tiếng Hy Lạp có một từ hoàn toàn bình thường cho *hàng ngày*.

Nhìn lại, bản dịch tiêu chuẩn khó có thể chấp nhận được. Tại sao từ *hàng ngày* sẽ ngay lập tức theo sau cụm từ *ngày này*? Và tại sao lại là một cụm từ trần tục như *cơm ăn hàng ngày* chứ không phải là một điều gì đó cao cả hơn, đặc biệt khi xem xét một đoạn khác cũng xuất phát từ Bài Giảng Trên Núi, chỉ vài dòng sau Lời Cầu Nguyện Chung, “Đừng nghĩ đến mạng sống của mình, các người sẽ ăn gì, hay các người sẽ uống gì”?

Các học giả đã vật lộn với những câu hỏi đó trong suốt mười bảy thế kỷ. Việc đọc một cách thận trọng một trong những đoạn nổi tiếng nhất trong tất cả các đoạn Kinh thánh sẽ *khiến chúng ta vô cùng khó chịu*. [TÔI](#)

Các học giả Shakespearean phải đối mặt với những thách thức tương tự. Shakespeare trong đã trút hàng ngàn từ, trong đó có nhiều từ giờ đây đã trở nên quen thuộc, chẳng hạn như *kinh khủng*, *rộng lớn* và *cô đơn*. Nhưng một số từ chỉ xảy ra một lần và trong các cụm từ mà ngữ cảnh không giải cứu được. Ví dụ, trong một trong những vở kịch lịch sử, Shakespeare đề cập đến những người lính bị giết trong trận chiến và nói rằng họ là “chùn

bước trong máu của chính họ. Không ai biết anh ta có ý gì. Một giả thuyết cho rằng *balk'd* là một lỗi đánh máy cho *nướng* .

Nếu bằng cách nào đó bạn đã xoay sở để tìm ra một số lượng từ khá khá, thì tiếp theo bạn sẽ phải đương đầu với tất cả sự phức tạp của ngữ pháp. Ví dụ, các khối cấu trúc tạo thành câu có thể xuất hiện theo bất kỳ thứ tự nào. Mark Twain phàn nàn rằng, bằng cách đặt động từ ở cuối câu, tiếng Đức biến mỗi câu thành một câu chuyện bí ẩn, nơi bạn chỉ tìm ra lời giải vào giây phút cuối cùng. (Một nhà cải cách có thể cải thiện vấn đề, anh ấy gợi ý, nếu anh ấy “động từ cho đến nay kéo lên phía trước kéo động từ mà không cần kính thiên văn phát hiện ra có thể.”)

Champollion và những người giải mã đồng nghiệp của ông đã có tiếng Coptic để giúp họ, nhưng quá trình chuyển đổi lâu dài từ tiếng Ai Cập sang tiếng Coptic đã tạo ra vô số cơ hội rắc rối. Phổ biến nhất là nhầm những từ trông giống nhau với những từ thực sự giống nhau. Sinh viên và khách du lịch đều biết rủi ro. *Pies* trong tiếng Tây Ban Nha là *chân* , không phải *bánh ngọt* . *Blessé* trong tiếng Pháp là *bị thương* , không được *ban phước* . *Nỗi đau* không phải là *đau đớn và đau khổ* mà là *bánh mì* .

Trong việc giải mã (và cả trong việc dịch), ngay cả những từ nhỏ cũng có thể gây ra vấn đề lớn. Từ *khét* tiếng. Ví dụ, trong tiếng Coptic, *vua* là *ouro* và lý do liên quan đến sự hiểu lầm được xây dựng xung quanh . Từ Coptic cho , như chúng ta đã thấy, là *p* . Ngoài ra, một đặc điểm của tiếng Coptic là các mạo từ và danh từ tạo thành một từ duy nhất— *thethehouse* chứ không phải *the house* . Kết quả là những người nói tiếng Coptic đã nghe thấy từ *pharaoh trong tiếng Ai Cập cổ đại* (phát âm giống như *pouro*), biết rằng nó ám chỉ nhà vua, và lầm tưởng rằng nó được tạo thành từ hai từ, *cộng* với *vua* hoặc *p* cộng với *ouro* .

cũng được xây dựng xung quanh *các ngôn ngữ hiện đại*. Từ *cá sấu* đến tiếng Anh theo cách của người Tây Ban Nha, sau khi mọi người hiểu nhầm *el lagarto* , có nghĩa là *con thằn lằn*. Những người nói tiếng Anh không biết rằng họ đã nuốt chửng một từ và ép hai từ thành một. Những người nói tiếng Ả Rập cũng mắc lỗi tương tự, ngược lại, với *Alexander Đại đế* . Cái tên *Alexander* nghe như thể nó bắt đầu bằng , giống như nhiều tên trong tiếng Ả Rập, và tên của kẻ chinh phục đôi khi trở thành *al-Exander* . (Để trả ơn, những người nói tiếng Anh cho đến ngày nay vẫn gọi cung điện của người Moor là *Alhambra* , có nghĩa là *Hambra*.)

Vì vậy, Champollion cố gắng tiếp tục, đọc tốt nhất có thể nhưng lại bị những từ xa lạ và hiếm làm cho phát điên. Sau đó, anh ấy đã thực hiện một khám phá khiến anh ấy tiến lên phía trước. Đây là, theo đánh giá của nhà Ai Cập học John Ray, thành tựu vĩ đại nhất của Champollion.

[tôi](#). Kinh thánh có những từ có một không hai rắc rối khác. Trong một đoạn văn nổi tiếng trong sách Lêvi, Chúa nói với người Do Thái những con vật nào họ có thể ăn và những con vật nào bị cấm. Nhưng một trong những “điều gớm ghiếc” trong danh sách của Đức Chúa Trời là một vấn đề. Không ai biết ý nghĩa của *anakah*. Từ Hê-bơ-rơ trong Cựu Ước được dịch theo truyền thống là *con nhím*, bởi vì nó trông giống *con nhím* trong tiếng Ả Rập, nhưng đó chỉ là phỏng đoán. Một số học giả tin rằng Chúa thực sự có ý tố cáo chuột chũi, tắc kè, hải ly hay chuột nhắt.

CHƯƠNG HAI MƯƠI CHƯA

Một đôi chân đi bộ

Champollion chỉ đơn giản là - một số chữ tượng hình trông bình thường trên thực tế lại đóng một vai trò đặc biệt. Ông đặt tên cho những dấu hiệu đặc biệt này là “dấu hiệu quyết định”, bởi vì chúng giúp xác định ý nghĩa của một chuỗi chữ tượng hình.

Các từ hạn định là gợi ý cho người đọc— *những chữ tượng hình này ám chỉ một thị trấn* hoặc *đây là tên hoàng gia* hoặc *đây là một động từ*— nhưng chúng không được phát âm. Một loại gợi ý đặc biệt hữu ích. Tiếng Ai Cập, bởi vì nó bỏ qua các nguyên âm, có rất nhiều từ trông giống nhau nhưng có nghĩa hoàn toàn khác nhau. (*Mỗi đe dọa* và *cổ họng* sẽ không thể phân biệt được nếu tiếng Anh bỏ các nguyên âm.) Các chữ tượng hình đánh vần các từ tiếng Ai Cập về *thuế*, *ngựa* và *song sinh* có chung các phụ âm và do đó trông giống hệt nhau. *Phụ nữ đẹp* là *nfrt*, và *con bò* cũng vậy.

Giải pháp của người Ai Cập là thêm một từ hạn định sau một từ mơ hồ. *Cũ* và *khen ngợi* trông giống hệt nhau, nhưng chữ tượng hình cho *tuổi già* được theo sau bởi chữ tượng hình của một người đàn ông cúi gập người đi khắp khiêng trên chiếc gậy chống; Theo sau *lời khen ngợi* là một người đàn ông giơ tay tỏ lòng kính trọng. Tương tự như vậy, có những từ hạn định để phân biệt *cầu thang* và *bàn chân*, những thứ có chung phụ âm, *anh trai* và *đầu mũi tên*, và vô số những từ khác.

Có hàng trăm từ hạn định tất cả, và bạn không thể tiến xa nếu không có chúng. Học sinh tham gia các lớp học đầu tiên bằng tiếng Ai Cập bắt đầu bằng cách ghi nhớ hai tá chữ tượng hình phổ biến tương ứng với âm thanh và sau đó ngay lập tức chuyển sang học vài chục từ hạn định.

Một số rất dễ đoán. Hình vẽ hà mã có nghĩa là *con hà mã*, và hình cây gậy đứng trên đầu có nghĩa là *lộn ngược*. Một từ hạn định điển hình, giống như chữ tượng hình của cánh bướm, gợi ý toàn bộ danh mục— *làn gió* và *gió* và *hơi thở* và *cơn bão*— hơn là một từ đơn lẻ.

Một vài yếu tố quyết định là quyền rũ. Từ hạn định cho *con mèo* cho thấy một con mèo đang ngồi xổm, tai vểnh lên, bằng cách nào đó vừa cảnh giác vừa kiêu kỳ. Từ *mèo* được đánh vần bằng bốn chữ tượng hình, và chữ cuối cùng là từ hạn định của *con mèo* (thật trùng hợp, chữ đầu tiên là một bình sữa). Các chữ tượng hình được phát âm là *meo meo*, một khám phá hân đã củng cố niềm tin của Champollion vào khả năng giải mã của ông. Theo

cách tương tự, từ hạn định cho *con lừa* là hình vẽ của một con lừa và các chữ tượng hình được phát âm là *heehaw*.

Nhiều yếu tố quyết định cung cấp cái nhìn sâu sắc về văn hóa Ai Cập. Ví dụ, hình vẽ tóc không chỉ có nghĩa là *tóc* mà còn có nghĩa là *góa phụ* và động từ *để tang*, có lẽ vì những người đưa tang xé tóc ra trong đau buồn.

Một số trong những cái nhìn thoáng qua tiết lộ những cảnh tối hơn. Ví dụ, từ hạn định cho *kẻ thù* cho thấy một người đàn ông đang quỳ gối với hai cánh tay bị trói sau lưng. Từ hạn định tương tự cũng có nghĩa là *nổi loạn*. Thông điệp khó bỏ qua của sự kết hợp đó là theo trật tự tự nhiên của mọi thứ, vai trò của mọi người là phải cúi đầu trước Ai Cập.

Theo kiểu kể chuyện tương tự, cùng một từ hạn định có thể có nghĩa là *dạy* hoặc *đánh*. (“Một cậu bé có tai ở sau lưng,” một câu ngạn ngữ Ai Cập khẳng định, “và cậu ấy sẽ lắng nghe khi bị đánh.”)

Nhưng tốt nhất là nên cảnh giác về việc sử dụng các từ hạn định để đưa ra kết luận về cuộc sống hàng ngày của người Ai Cập. Mọi ngôn ngữ đều chia thế giới thành những ô bồ câu, nhiều ngôn ngữ trong số đó gây ngạc nhiên hoặc hoang mang cho người ngoài. (Một cuốn sách nổi tiếng về ngôn ngữ học có nhan đề *Women, Fire, and Dangerous Things* bởi vì cả ba đều được ghép lại với nhau trong một ngôn ngữ của thổ dân Úc gọi là Dyirbal.) Để chuyển từ các quy tắc ngữ pháp sang hiểu biết sâu sắc về một nền văn hóa là một sự cám dỗ lâu năm—vô số cuốn sách đã viết như vậy. Chẳng hạn, lưu ý rằng các nền văn hóa khác nhau phân chia cầu vồng theo những cách khác nhau và kết luận rằng họ nhìn thế giới khác nhau—nhưng đây là một sự cám dỗ có lẽ tốt nhất nên chống lại.

Trong tiếng Đức *nĩa* là giống cái, *muỗng* là giống đực và *dao* là trung tính. *Maiden* là trung tính và *củ cải* là nữ tính. Điều này có cho chúng ta biết điều gì về cuộc sống ở Đức không? Hoặc lấy Navajo. Những đồ vật dài và cứng (như bút chì và que) cần có một gốc động từ cụ thể. Dài nhưng linh hoạt các đối tượng có thể (như rắn và dây) yêu cầu một gốc khác. Các vật thể dạng hạt (như muối hoặc đường) có cuống riêng. Những thứ ẩm ướt (bùn và bánh pudding) cũng vậy. Tất cả những điều này khiến việc học tiếng Navajo trở nên cực kỳ khó khăn đối với người ngoài, nhưng nó hầu như không mở ra cơ hội tiếp cận văn hóa Navajo.

Bài học, đối với Champollion và những người giải mã khác, là ở Ai Cập quá khác biệt, các định thức được ghi nhớ tốt hơn là phân tích.

Ít liên quan đến các từ hạn định của Ai Cập rất đơn giản. Ví dụ, các từ hạn định cho động từ thường khó giải mã hơn so với các từ cho danh từ, bởi vì các hành động khó chụp được bằng ảnh. Một từ hạn định cho thấy một đôi chân đang đi có nghĩa là *sẵn* và *đi* và *vội vàng* (và cũng *nán lại* và thậm chí *dừng lại*). Ý tưởng vẫn khó hơn. Mặc dù vậy, vẫn có một yếu tố quyết định—một bức tranh—cho những thứ không thể hình dung được. Một bản vẽ cuộn giấy có cuộn lại báo hiệu một sự trừu tượng, giống như *viết*.

Điều này có vẻ giống như một hệ thống đặc biệt và phức tạp. Và đúng như vậy. Nhưng một vài chữ hình nêm đã sử dụng các chiến lược tương tự và mặc dù tiếng Anh không có gì có thể so sánh trực tiếp, nhưng một số quy tắc đánh máy đã đến gần.

Khi các thuật ngữ nước ngoài như *đạo chính* hoặc *thánh chiến* lần đầu tiên xuất hiện trong tiếng Anh, chúng được viết nghiêng như một loại từ hạn định, cho đến khi chúng trở nên quen thuộc và phần in nghiêng được bỏ đi. Chữ in hoa (ví dụ để phân biệt *Nhà Trắng* với *nhà trắng* , hoặc tên *Frank* từ từ *thăng thấn*) có thể đóng một vai trò tương tự.

“ *E cam* ” cũng đóng vai trò như một loại từ hạn định—nó trông giống như một chữ cái bình thường nhưng không được phát âm và vai trò của nó là chỉ ra cách phát âm của các chữ cái *khác* . Đoạn mã nhỏ đó biến *mũ* thành *ghét* . Nói tiếng Anh cũng có một cái gì đó giống như từ hạn định. *Bạn có nghĩa là hài hước ha ha hay hài hước đặc biệt ?*

Young là người đầu tiên phát hiện ra một từ hạn định (*nữ thần* , theo tên của một nữ thần hoặc nữ hoàng), vì ông là người đầu tiên nhận ra rằng nhiều chữ tượng hình là viết tắt của âm thanh. Nhưng anh ấy đã không theo dõi, và chính Champollion đã thấy rằng mọi văn bản chữ tượng hình đều đầy đặc các từ hạn định.

Hệ thống đủ dễ hiểu khi ai đó giải thích nó. Nhưng hãy nghĩ về những gì Champollion đã nhìn thấy. (Cả anh ấy và Young đều chưa từng gặp phải một kịch bản nào khác sử dụng các từ hạn định.)

Nhiều năm trước, ông đã phát hiện ra rằng các chữ tượng hình có thể đại diện cho một âm thanh, chẳng hạn như chữ *p* trong *Ptolemy* hoặc chữ *l* trong *Cleopatra* . Ông đã chỉ ra rằng các chữ tượng hình có thể đại diện cho các đối tượng mà chúng miêu tả, chẳng hạn như *mặt trời* hoặc *cánh tay* . Anh ấy đã chỉ ra rằng chúng có thể là những lời từ chối, như *vịt* đối với *con trai* .

Bây giờ anh ấy đã đề xuất một cách sử dụng khác. Một chữ tượng hình có thể trông giống hệt như bất kỳ chữ tượng hình nào khác nhưng chỉ hoạt động như một hướng dẫn thầm lặng về ý nghĩa của các chữ tượng hình *khác* .

Và, nếu Champollion nói đúng, thì các từ hạn định không phải là những đặc điểm kỳ lạ chỉ xuất hiện trong những bối cảnh hiếm hoi. Chúng ở khắp mọi nơi và cho đến khi bạn hiểu được chúng, mọi văn bản bạn xem sẽ khiến bạn vấp ngã.

Đây là một đề xuất hết sức táo bạo. “Im lặng *E* ” là một loại tiện ích bổ sung, rất thú vị nhưng hầu như không cần thiết, giống như vây đuôi trên một chiếc ô tô cổ. Giờ đây, Champollion đến tuyên bố rằng các từ hạn định là bộ phận quan trọng của động cơ Ai Cập.

Hãy nghĩ lại về một số từ hạn định mà chúng ta đã gặp— chẳng hạn như một ông già có nghĩa là *già* , hoặc một con mèo có nghĩa là *con mèo* . Cho đến khi bạn nghĩ ra khái niệm về các từ hạn định, chữ tượng hình của ông

già hoặc con mèo sẽ có vẻ thừa, những ký hiệu thừa làm lộn xộn một văn bản mà hầu hết đều có ý nghĩa nếu không có chúng. Và nếu chúng đại diện cho âm thanh - giống như hầu hết các chữ tượng hình - thì những âm thanh đó đã xuất hiện ở một nơi mà chúng không thuộc về. *Con mèo đó đang làm gì ở đó?*

Đối với người giải mã đang loay hoay giữa dòng, những ví dụ như vậy dường như đưa ra bằng chứng đáng thất vọng rằng có điều gì đó không ổn. Nhưng một khi mã bị phá vỡ, bí ẩn của ngày hôm qua đã thay đổi thành xác nhận của ngày hôm nay. Từ hạn định của một con mèo ở cuối từ con *mèo* bây giờ dường như kêu gọi sự khích lệ— *Vâng, con mèo! Bạn không thấy nó sao? Con mèo, vì Chúa! Tôi có thể làm cho nó rõ ràng hơn bao nhiêu?*

Các nghiên cứu của các nhà Ai Cập học hiện đại đã chỉ ra tầm quan trọng của các yếu tố quyết định. Khoảng một chữ tượng hình trong số năm, hóa ra là một định thức. Nhưng các từ hạn định có một món quà khác để cung cấp, ngoài việc cho biết một từ thuộc về loại nào.

Đã xác định được các yếu tố hạn định ngay từ đầu, giờ đây Champollion xem xét *nơi* chúng xuất hiện. Anh nhanh chóng thấy rằng họ đến ở cuối từ. Đó là một bước đột phá.

Biết nơi một từ kết thúc và từ tiếp theo bắt đầu là hoàn toàn cơ bản, nhưng chữ tượng hình che giấu thông tin quan trọng đó vì không có khoảng cách giữa các từ và không có dấu chấm câu.

Lý do không để lại khoảng trống một phần là do thẩm mỹ. Sự hấp dẫn thị giác của các hình khắc chữ tượng hình cũng quan trọng như thông điệp mà chúng truyền tải. Đối với người Ai Cập, những khoảng trống được đặt ngẫu nhiên trong một dòng chữ giống như một chiếc răng bị mất trong một nụ cười.

Với các yếu tố quyết định đã được sắp xếp, tiến độ diễn ra nhanh chóng. Sau thế kỷ nối tiếp thế kỷ của sự lộn xộn và chủ nghĩa thần bí, điều này càng trở nên đáng chú ý hơn. Trước khi Young và Champollion bắt đầu làm việc, một nhà Ai Cập học khác ở thế kỷ 19 đã lấy làm ngạc nhiên, mọi thứ liên quan đến việc giải mã các chữ tượng hình “đã bị đặt sang một bên như một vấn đề dường như vô vọng để giải quyết, hoặc được coi là một món đồ chơi để giải trí cho giáo viên.”

Bây giờ bức tranh đã gần hoàn thành.

CHƯƠNG BA MƯƠI

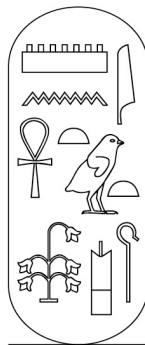
Áo choàng sạch và Bàn tay mềm mại

Đến năm 1824, Champollion đã vượt xa *Bức thư gửi Monsieur Dacier*. Thay vì một cuốn sách nhỏ, anh ấy đã tập hợp một cuốn sách mới dày cộp với nhiều hình ảnh minh họa và mang một tiêu đề hoành tráng, *Tóm tắt về Hệ thống Chữ tượng hình của Người Ai Cập Cổ đại*.

Lần này anh đặt sự nhút nhát sang một bên. Ông cho thấy hàng nghìn năm trước khi những du khách Hy Lạp hoặc La Mã đầu tiên đặt chân lên bờ biển ở Ai Cập, những người ghi chép Ai Cập đã nghĩ ra một hệ thống chữ viết phức tạp có thể đảm nhận bất kỳ nhiệm vụ nào, bao gồm cả việc mô tả âm thanh trong các biểu tượng.

Hệ thống này phức tạp nhưng có thể quản lý được và theo nhiều cách không xa lạ gì so với tiếng Anh. Trọng tâm của nó là 26 chữ tượng hình mà mỗi chữ đại diện cho một âm thanh duy nhất. Đây là từ  viết tắt của âm *p* trong *Ptolemy*, từ  viết tắt của âm *l* trong *Cleopatra*. Một con cú có âm *m*, một con viper là *f*, một bàn tay là *d* và một số chữ tượng hình tương ứng với những âm không phát ra trong tiếng Anh (một quả bóng bằng dây bện là âm *ch* trong hồ *Loch Ness*).

Nhìn vào vỏ đạn này đánh vần cái tên *Tutankhamun*. (Các vỏ đạn có thể chạy theo chiều dọc cũng như chiều ngang. Sự lựa chọn là vấn đề của thiết kế, giống như một nhà hàng hoặc quán bar ngày nay có thể chạy tên của nó theo chiều dọc của bức tường. Các vỏ đạn dọc được đọc từ trên xuống dưới.)



Ở giữa bên phải là một con gà con chim cú được bao quanh bởi một cặp hình bán nguyệt (có nghĩa là mô tả ổ bánh mì). Ổ bánh mì tượng trưng cho *t*, giống như trong *Ptolemy*, chim cú tượng trưng cho *u*. *Tut. Tut!*

Hơn hai chục chữ tượng hình của Ai Cập, cùng với sư tử, cú và ổ bánh mì, tạo thành một loại bảng chữ cái. Ngày nay, trong các lớp học và chương trình bảo tàng trên khắp thế giới, học sinh lựa chọn trong số chúng và viết tên của chúng bằng chữ tượng hình một cách chăm chỉ. Với những cây bút siết chặt giữa những ngón tay lo lắng, họ lần theo dấu vết của *Grace Newman* và *Lee Crawford* và những cái tên khác có thể khiến bất kỳ người ghi chép Ai Cập nào cũng phải bối rối.

Nhưng 26 chữ tượng hình đó không phải là toàn bộ câu chuyện (ngay cả khi chúng ta tạm thời đặt các từ hạn định sang một bên). Tám mươi chữ tượng hình kỳ lạ khác đại diện cho *hai* phụ âm. Ví dụ, một chữ tượng hình trông giống như một cái bát, là viết tắt của các chữ cái *nb* (được phát âm theo quy ước là *neb*). Điều đó rõ ràng là kỳ lạ, bởi vì bảng chữ cái đã có những chữ tượng hình hoàn hảo cho *n* và *b*. Tại sao không sử dụng hai biểu tượng đó thay vì biểu tượng thứ ba, dư thừa?

(Nếu tiếng Anh làm việc theo cách này, chúng ta sẽ không chỉ có một bảng chữ cái mà còn có một tập hợp các ký hiệu khác. Chẳng hạn, ký tự *Y* có thể đại diện cho các chữ cái *dg* và bạn có thể viết từ *dog* thành *dq* (với nguyên âm bị bỏ qua, tiếng Ai Cập style) hoặc, vì lý do đa dạng, như *Y*.)

Công việc sử dụng các ký hiệu đại diện cho một cặp phụ âm này kỳ quặc đến mức Champollion đã bỏ lỡ nó. Một trong những bước đột phá lớn của ông là giải mã các chữ tượng hình  đánh vần *Ramesses*. Nhưng Champollion nghĩ rằng biểu tượng đó  là chữ *M*. Không phải vậy; đó là *MS*. (Biểu tượng mô tả ba tấm da cáo buộc lại với nhau; những tấm da này là bùa may mắn, giống như chân thỏ, và bảo vệ phụ nữ khi sinh nở). đối với âm *s*, vì vậy anh ấy đã kết thúc với các phụ âm của *Ramesses* mặc dù đã đi sai đường.

Đó cũng không phải là kết thúc của câu chuyện. Một số chữ tượng hình đại diện cho *ba* phụ âm. (Ký hiệu *ankh*— —là một. Hãy nhìn lại vỏ đạn *Tutankhamun*. Bây giờ, đọc từ phải sang trái ở giữa vỏ đạn, chúng ta có thể thấy nửa đầu tên của pharaoh—*Tutankhun*.) Thật may mắn, ba phụ âm chữ tượng hình không hoàn toàn phổ biến như chữ tượng hình có hai phụ âm, nhưng, ngay cả như vậy, những người muốn trở thành người ghi chép phải thông thạo không chỉ hai chục chữ tượng hình của một bảng chữ cái mà còn hàng trăm trên hàng trăm ký hiệu ngoài những chữ đó.

Đối với con mắt của người phương Tây, vốn đã quen với chữ viết dựa trên một bảng chữ cái nhỏ và gọn gàng như chúng ta, tất cả những điều này nghe có vẻ phức tạp một cách tai hại. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng người Ai Cập bằng cách nào đó đã không bỏ qua khả năng có một bảng chữ cái. Họ nhìn thấy chính xác đó là gì, và họ hếch mũi bỏ đi.

Bảng chữ cái được biết đến đầu tiên được phát minh ở Ai Cập, khoảng năm 1900 trước Công nguyên, gần thành phố Thebes. Ở đó, trên một địa điểm có tên nghĩa là Khe khủng bố, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những

dòng chữ khắc trên vách đá vôi. Các hình chạm khắc là chữ tượng hình, nhưng ở dạng đơn giản, dễ làm chủ. Những phát hiện là gần đây, từ năm 1999.

Những tác giả khắc những dấu hiệu cổ xưa đó vào đá không phải là người Ai Cập mà là những người ngoài cuộc tình cờ thấy mình ở Ai Cập. Theo một số nhà sử học, những người lính, những người buôn bán theo những người khác, họ đã tận mắt nhìn thấy lợi ích của việc viết và nghĩ ra một bảng chữ cái dựa trên chữ tượng hình.

“Thật quá đáng để kỳ vọng tất cả bọn họ đều học tiếng Ai Cập và hệ thống chữ viết tượng hình phức tạp mà ít người biết rõ, thậm chí giữa những người Ai Cập bản địa,” nhà sử học Amalia Gnanadesikan viết. “Vì vậy, họ đã tạo ra một tập hợp các dấu hiệu khác thường của riêng mình, mô phỏng theo dấu hiệu của người Ai Cập. Đây là phiên bản viết 'Dành cho người mới bắt đầu', loại bỏ mọi sự phức tạp và rườm rà, giảm xuống mức mà một người lính mù chữ có thể học được trong một vài buổi học.

Đây là một thành tựu to lớn, một cách để giành lấy một trong những công cụ mạnh mẽ nhất từng được phát minh, giành giật nó khỏi tay giới tinh hoa và trao nó cho những người bình thường. Theo lời kể của hầu hết các nhà sử học, mọi bảng chữ cái đã từng theo sau—từ Phoenicia đến Hy Lạp và La Mã và sau đó trên toàn cầu—đều bắt nguồn từ tổ tiên dựa trên chữ tượng hình, chẳng vá đầu tiên đó. (Như chúng ta đã thấy, Champollion đã khẳng định điều này rất rõ ràng trong bài giảng ở *Dacier của mình*, và ngày nay nó thường được chấp nhận.)

Những người ghi chép của Ai Cập hầu như không dừng lại để chế nhạo. Chắc chắn họ không bận tâm đến bất cứ điều gì quá cầu thả. “Nó hẳn trông buồn cười đối với những người ghi chép Ai Cập,” Gnanadesikan tiếp tục. “Để viết được bất kỳ từ nào cũng cần phải có nhiều ký hiệu—thật kém hiệu quả! Các chữ cái không nhất thiết phải được nhóm lại thành hộp, mà chỉ có thể nối đuôi nhau thành một hàng—xấu làm sao! Và không có gì trong cách đánh vần của một từ chỉ trực tiếp đến ý nghĩa của từ đó - không có manh mối hình ảnh, không có từ xác định - nhưng từ này phải được phát âm một cách chăm chỉ trước khi nó có nghĩa - thật rườm rà!

Hơn một nghìn năm sau, Ai Cập một lần nữa thử nghiệm bảng chữ cái. Thí nghiệm dường như đã được thúc đẩy bởi cuộc chạm trán đầu tiên của Ai Cập với người Hy Lạp và bảng chữ cái của họ. Theo ví dụ của người Hy Lạp, những người ghi chép Ai Cập đã loại bỏ gần như tất cả các chữ tượng hình của họ và chỉ giữ lại những chữ tượng ứng với các âm đơn lẻ. Nhưng cuộc cải cách này cũng chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.

Đây không chỉ đơn giản là một vấn đề của sự bướng bỉnh. Ngạc nhiên thay, như một nhà sử học hiện đại nhận xét, chữ viết Ai Cập là “dễ đọc hơn nhiều” khi được viết theo cách truyền thống, kém hiệu quả hơn là theo phong cách mới, bóng bẩy hơn. Một bảng chữ cái “hy sinh tính dễ đọc để đơn giản.” Hệ thống mới dễ học nhưng khó đọc.

Làm thế nào mà có thể được? Bởi vì những đặc điểm giống nhau đã làm cho các chữ tượng hình trở nên khó giải mã—chẳng hạn như các dấu hiệu

khác nhau có thể đại diện cho cùng một âm thanh, hoặc một dấu hiệu đơn lẻ có thể có các dấu hiệu khác nhau. ý nghĩa trong các cài đặt khác nhau—cuối cùng làm cho việc đọc *trở nên dễ dàng hơn*, bởi vì bạn có nhiều loại tay vịn để nắm lấy.

Nếu bạn bỏ lỡ một manh mối, bạn có thể không bỏ lỡ manh mối tiếp theo. (Nếu tiếng Anh hoạt động theo cách tương tự, *từ hôm nay* đôi khi có thể được viết là *2day*. Tuy nhiên, một người đọc không thể giải được các chữ cái có thể tìm ra cách của mình, nếu cô ấy tìm ra vai trò của 2.)

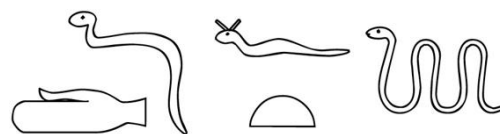
Lấy một đặc điểm kỳ lạ nhưng quan trọng của chữ viết Ai Cập, được gọi là “phần bổ sung âm thanh”. Đây là những gợi ý giúp bạn xử lý các chữ tượng hình có hai âm. Hãy nhìn lại cái tên *Ramesses*. Như chúng ta đã thấy, ký hiệu là viết tắt của *MS*. Ngay sau đó, những người ghi chép đã thêm dấu , đó là chữ tượng hình cho âm *s*. The  không cần thiết và nó không được phát âm, nhưng trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là, *Hãy xem tôi vừa viết MS ở đâu? Tôi có ý đó. Đừng quên rằng có một âm thanh s trong* . Sau đó, một chữ tượng hình giống hệt nhau cho âm *s* xuất hiện, và chữ thứ hai này được phát âm. Đặt tất cả những mảnh ghép đó lại với nhau và bạn đã có *Ramesses*, nhưng không có gì ngạc nhiên khi ngay cả Champollion cũng không nhìn ra điều đó.

Tiếng Anh cũng tận dụng sự dư thừa, mặc dù thường không theo cách dễ thấy như vậy. Ví dụ, trong từ *inn*, chữ *N* thứ hai không được phát âm; vai trò của nó chỉ đơn giản là nói với người đọc rằng từ cô ấy đang đọc không phải là từ quen thuộc *trong*. Biển báo đường phố cũng sử dụng dư thừa và theo cách nặng tay hơn. Các biển báo dừng đưa ra thông điệp giống hệt nhau theo *ba* cách (với từ *dừng*, màu đỏ của biển báo và hình bát giác của nó), mặc dù bất kỳ cách nào trong số ba cách đó sẽ tự hoạt động. Tương tự như vậy đối với biển báo nhường đường, trong đó bản thân hình tam giác có nghĩa là *lợi nhuận* và các biển báo này thường bao gồm cả từ *lợi nhuận*.

“Học giả người Coptic Amir Zeldes nói: “Lúc đầu, sự thừa thãi là khó hiểu, bởi vì sự thôi thúc tự nhiên, bộc phát của bạn là mong đợi rằng một thứ có một ý nghĩa. Nhưng một khi bạn vượt qua được điều đó và bạn bẻ khóa được hệ thống, thì nó giống như một cửa xả lũ.”

Hóa ra, chữ tượng hình không chỉ thừa, mà còn thừa một cách xa hoa và kỳ lạ. Chữ viết tượng hình là một trong những cấu trúc trí tuệ, giống như vật lý hạ nguyên tử, ngày càng xa lạ khi bạn tìm hiểu sâu hơn. Từ *mèo*, như chúng ta đã thấy, yêu cầu một số chữ tượng hình trong đó có một chữ tượng hình là con mèo. Tại sao phải bận tâm với những người khác? Tại sao không chỉ vẽ con mèo?

Các ví dụ tương tự xuất hiện ở khắp mọi nơi. Từ *rắn* bao gồm năm dấu hiệu, và *ba* trong số đó là *rắn*. Điều này có vẻ ngớ ngẩn và tự chuốc lấy thất bại, như thể từ viết tắt trong tiếng Anh được đánh vần là *shooooorttttcut*.



Chữ *rắn* trong chữ tượng hình. Bốn dấu hiệu đầu tiên là viết tắt của âm thanh. Con rắn dài uốn cong tượng trưng cho âm *j* (như trong *tù*), bàn tay là *d*, rắn lục có sừng là *f*, và nửa ổ bánh mì là viết tắt của *t*. (Từ này được phát âm đại khái là *djedfet*.) Con rắn uốn éo thứ ba là một từ xác định, một lời nhắc nhở thầm lặng rằng toàn bộ chuỗi ký hiệu đại diện cho *con rắn*.

Nhưng sự phức tạp và kém hiệu quả là đặc điểm của nhiều chữ viết, mặc dù có lẽ chúng hiếm khi dễ thấy ở những nơi khác như ở Ai Cập. Ví dụ, trong tiếng Anh, một âm đơn—*oo*—có thể có hơn nửa tá dạng khác nhau (như trong *mì*, *new*, *neutral*, *gnu*, *you*, *lute*, *fruit*, *shoe*, *blue*, và *to*). *Con mèo* và *con mèo con* bắt đầu bằng cùng một âm thanh được viết theo những cách khác nhau, *lông vũ* và *điện thoại cũng vậy*.

Không ai thực sự bận tâm. Sự quen thuộc sinh ra sự tự mãn, và chúng ta vui vẻ đối phó—ít nhất là người bản xứ làm như vậy—với những cách viết tệ hơn nhiều so với lạ. Một bài thơ vô nghĩa nổi tiếng một thời đã mô tả một mùa đông khác thường khi, “mặc dù không có tiếng ngáy / Thời tiết thật khắc nghiệt.” Bài thơ tiếp tục ghi lại những bất hạnh của một cô bé không may bị cảm lạnh và “ho cho đến khi chiếc mũ của cô ấy bung ra”.

Có thể dễ dàng thiết kế một hệ thống hiệu quả hơn—ở Ý và Phần Lan không có những thứ gọi là ong đánh vần, bởi vì các từ được đánh vần giống như âm thanh của chúng—nhưng khi nói đến chữ viết, tính hiệu quả không phải là ưu tiên hàng đầu. Ai Cập thống trị thế giới trong ba mươi thế kỷ, và hiero glyphs phục vụ nó cực kỳ tốt trong suốt những năm đó. Trung Quốc đã xây dựng một trong những nền văn hóa phong phú nhất, phức tạp nhất mà thế giới từng biết đến, và — trong suốt ba mươi thế kỷ và tiếp tục trôi qua — chưa bao giờ thấy có lý do gì để loại bỏ cách viết phức tạp đến kinh ngạc của mình.

Chúng ta có xu hướng nghĩ về bảng chữ cái như là hệ thống viết cuối cùng. Quan điểm khó lay chuyển là lịch sử chữ viết là một câu chuyện dài về những ý tưởng thô thiển mà đỉnh cao là bảng chữ cái, giống như những biểu đồ tiến hóa thể hiện một sinh vật vụng về tự đẩy mình lên bờ và sau đó là một loạt con vượn lông lá, dị dạng. -những người đàn ông dần dần vượn thẳng lên trên chặng đường dài leo lên... chúng tôi.

Rõ ràng là sai. Mặc dù chữ viết đã được phát minh một cách độc lập vài lần—ở Trung Quốc, Trung Đông và Tân Thế giới—các học giả tin rằng bảng chữ cái chỉ được phát minh ra một lần và sau đó lan rộng ra toàn cầu. Nhưng sự trỗi dậy của bảng chữ cái không liên quan nhiều đến giá trị đặc biệt của nó mà liên quan rất nhiều đến sự trỗi dậy và sụp đổ của các đế chế. Nếu lịch sử rẽ sang một hướng khác và người Maya hoặc người Trung Quốc đã chinh phục châu Âu, họ sẽ áp đặt các chữ viết dựa trên ký tự của mình lên người dân địa phương (cùng với ngôn ngữ và phong tục của họ).

Các bảng chữ cái, bất kể ưu điểm của chúng, sẽ không còn được sử dụng nữa.

Vì vậy, hệ thống chữ viết tượng hình, thực sự phức tạp, dư thừa và không nhất quán, thậm chí còn phát triển mạnh mẽ như vậy. Một phần, như chúng ta đã thấy, bởi vì chữ tượng hình hóa ra có những ưu điểm bù đắp cho những nhược điểm.

Một công đức đứng trên tất cả những người khác. Chữ viết tượng hình rất đẹp, và mọi người sẽ chịu đựng rất nhiều vì cái đẹp. Trong chữ viết tượng hình hơn nhiều chữ viết, tính thẩm mỹ là rất quan trọng. Sự xuất hiện hơn hẳn sự tiện lợi.

Ví dụ, các biển báo đôi khi được viết không theo thứ tự vì lý do thiết kế. Bởi vì sự đối xứng luôn được mong muốn, nên một biển báo ngắn có thể được đặt giữa hai biển báo cao hơn. Hoặc các từ có thể được kéo dài ra hoặc nén lại để phù hợp với một không gian nhất định, bằng cách sắp xếp lại các chữ tượng hình hoặc thậm chí bằng cách loại bỏ một số.

Và mặc dù các từ hạn định thường xuất hiện ở cuối từ, quy tắc này có thể bị phá vỡ vì vẻ bề ngoài. Nếu một quyết định là nhỏ—như ㊦, có nghĩa là *thị trấn*—nó có thể được giấu gọn gàng trong khoảng trống giữa một số chữ tượng hình khác sẽ tốt hơn là lủng lẳng ở cuối như một ý tưởng muộn màng.

Tuy nhiên, việc sắp xếp lại một vài dấu hiệu cho đẹp mắt chỉ là một vấn đề nhỏ, giống như việc một nhà văn hiện đại loay hoay với phong chữ. Nhưng những cân nhắc về vẻ đẹp cũng là trọng tâm của những câu hỏi rộng nhất liên quan đến hệ thống chữ viết của Ai Cập, chẳng hạn như *tại sao lại có nhiều chữ tượng hình như vậy?*

Ở đây cũng vậy, câu trả lời là thẩm mỹ. Để lôi cuốn thị giác, các chữ tượng hình cần sự hấp dẫn của sự đa dạng. “Nhà Ai Cập học Bill Manley viết: “Nếu chúng ta chỉ có 26 chữ tượng hình, thì các tượng đài chữ tượng hình sẽ trông ngày càng buồn tẻ và lặp đi lặp lại”. Người Ai Cập quan tâm đến các chữ tượng hình “thêm” vì lý do tương tự mà các nhà sản xuất đàn piano quan tâm đến các phím “thêm”.

Vẫn còn một lý do khác - và yếu tố cuối cùng này rất quan trọng - sự phức tạp của hệ thống chữ tượng hình không bao giờ gây bất lợi cho nó trong tâm trí của những người sử dụng nó ở Ai Cập. Lý do là sự dễ dàng không bao giờ là vấn đề. Đọc và viết là những kỹ năng chuyên biệt ở Ai Cập cổ đại, và những người đã thành thạo những nghệ thuật đó không thấy lý do gì để hạ thấp một cái thang để những người khác có thể leo lên những tầm cao tương tự. Khó khăn của chữ viết tượng hình là một đặc điểm, không phải lỗi.

Trong suốt thế giới cổ đại, bất kể ngôn ngữ hay chữ viết, biết chữ là một kỹ năng hiếm có và quý giá. Cho đến thời Trung cổ, tất cả trừ những học giả giàu kinh nghiệm nhất đều phải vật lộn với những văn bản thậm chí ngắn gọn, lăm băm to khi họ cố gắng tìm ra những phần dễ nhận biết trong

một mớ chữ cái lộn xộn. Khi Alexander Đại đế lặng lẽ đọc bức thư của mẹ mình, những người lính của ông đã kinh ngạc nhìn vào.

Mọi tiến bộ giúp việc đọc trở nên dễ dàng hơn phải mất hàng thế kỷ mới có được chỗ đứng. (Cả Hy Lạp và La Mã đều không quan tâm đến dấu chấm câu hoặc dấu cách giữa các từ.) Mỗi đổi mới—việc sử dụng dấu chấm để đánh dấu phần cuối của câu, dấu phẩy để đánh dấu chỗ tạm dừng, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, ngắt đoạn, chữ in hoa để chỉ tên và đầu câu—là một trận chiến trong Chiến tranh Trăm năm.

Ngay cả một ý tưởng đơn giản như vậy thứ tự bảng chữ cái mất mãi mãi để bắt kịp. Cho đến tận thời của Shakespeare, độc giả vẫn thấy khó nắm bắt khái niệm này. Năm 1604, tác giả của một cuốn từ điển mới đã phải ghi chú sự khích lệ. “Nếu bạn mong muốn (Người đọc nhẹ nhàng) hiểu một cách đúng đắn và dễ dàng, đồng thời thu được lợi ích từ Bảng này,” ông viết, “thì bạn phải học Bảng chữ cái, tức là thứ tự của các Chữ cái khi chúng đứng.”

Ưu điểm tuyệt vời của thứ tự bảng chữ cái - đó là đặt tất cả các từ trên một nền tảng bình đẳng - được coi là một nhược điểm sâu sắc. Một *thường dân* có thể đến trước một *vị vua* ! Những cách lập danh sách khác có vẻ tự nhiên hơn nhiều. Cho đến cuối những năm 1700, Harvard và Yale liệt kê tên sinh viên của họ không theo thứ tự bảng chữ cái mà theo địa vị xã hội và sự giàu có của họ.

Tại sao tất cả những thay đổi này lại mất nhiều thời gian như vậy? Một phần vì đó là một quy luật phổ quát mà các thử thách thường có vẻ khó khăn không thể tưởng tượng được cho đến thời điểm chúng dường như hoàn toàn đơn giản. Điều này đúng ngay cả với những ý tưởng rõ ràng một cách mù quáng khi ai đó đã nghĩ ra chúng. (Năm mươi năm đã trôi qua giữa việc phát minh ra hộp và phát minh ra dụng cụ mở hộp. *Hàng nghìn* năm đã trôi qua kể từ khi phát minh ra bánh xe và việc phát minh ra xe cút kít.) Nhưng trí tưởng tượng thất bại chỉ là một phần của câu chuyện, và không phải là phần lớn nhất.

Một lý do lớn hơn khiến sự thay đổi diễn ra quá chậm đối với nghề viết là không ai đặc biệt muốn nó. Những gợi ý cho người đọc rất tệ, giống như những đoạn gây cười trong một bộ phim hài. Các chuyên gia coi thường ý tưởng về bất cứ điều gì quá thô tục.

Điều này nói chung đúng và đặc biệt đúng ở Ai Cập, nơi những người ghi chép hài lòng với địa vị ưu tú của họ. Mặc dù những người ghi chép Ai Cập là thợ thủ công, điều đó có nghĩa là họ không chia sẻ địa vị cao quý của những người không làm việc gì cả, nhưng họ vẫn có một sự tồn tại đặc quyền. Một văn bản cổ được gọi là “Satire of the Trades” (mà ít người ghi chép có thể đọc được) đã đánh vần vị trí đáng ghen tị của họ theo thứ tự phân hạng.

Các công việc khác liên quan đến lao động vô tận, vô ơn. “Châm biếm” vui vẻ mô tả hoàn cảnh của người lính, người làm việc quá sức và thường xuyên gặp nguy hiểm (“chết khi còn sống”), và người thợ gốm, lấm lem bùn đất như một sinh vật trong vũng lầy, và người thợ giày, nòng nặc mùi

hôi thối. hóa chất dùng để xử lý da động vật. Thợ mộc, thợ cắt tóc và thợ ướp xác bị ảnh hưởng nặng nề, còn nông dân bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

Nhưng trong khi những người khác đổ mồ hôi và chịu đựng, thì những người ghi chép ngồi lặng lẽ và ghi chép. “Bạn sẽ không phải hành quân trong quân đội, áo choàng của bạn sẽ sạch sẽ, bạn sẽ không phải làm việc trên cánh đồng dưới cái nóng của ban ngày.” Hơn hết, “không có nghề nào không có ông chủ, ngoại trừ nghề ghi chép— anh ấy là ông chủ.

Trong nhiều năm, sự lập dị của hệ thống chữ tượng hình đã hành hạ những người muốn giải mã. Đến năm 1824, Champollion đã chiến đấu vượt qua gần như tất cả những tiếng gầm gừ. Tháng 6 năm đó, ông lên đường đến Turin, Ý, để xem xét một bộ sưu tập đồ cổ khổng lồ của Ai Cập mà vua Sardinia mới mua. Trên khắp thế giới, không ai ngoài Champollion có thể đọc được chữ tượng hình trong kho báu đó.

Bộ sưu tập của nhà vua bao gồm hàng trăm bức tượng, xác ướp, quan tài và vô số chữ khắc trên giấy cói. Trong một căn phòng nhỏ trong cung điện hoàng gia, Champollion tìm thấy một chiếc bàn chất đầy những mảnh giấy cói. Anh thở hỗn hển. “Trí tưởng tượng lạnh lùng nhất cũng sẽ bị lung lay,” anh nói với anh trai mình. Một số mảnh nhỏ đến nỗi khi ai đó mở cửa vào phòng, những mảnh giấy cói bay tứ tung trong không trung.

“Làm sao tôi có thể mô tả những cảm giác mà tôi đã trải qua khi nghiên cứu những mảnh vụn của khối lịch sử vĩ đại này?” Champollion đã viết. “... Không có chương nào của Aristotle hay Plato hùng hồn bằng đồng giấy cói đó... Tôi đã thấy trong tay mình tên và năm của những người mà lịch sử đã hoàn toàn thất lạc, tên của các vị thần đã có bàn cúng trong hơn mười lăm thế kỷ.”

Bị mắc kẹt giữa cảm giác hồi hộp khi đọc những từ và những cái tên đã không được đọc to trong hàng thiên niên kỷ và sự thất vọng khi biết rằng những mảnh ghép không bao giờ có thể ghép lại với nhau, Champollion đã giải hết mảnh ghép nhỏ này đến mảnh ghép nhỏ khác. “Hầu như không thở được, vì sợ biến nó thành bột, tôi đã thu thập một mảnh giấy cói nhỏ, đây là nơi ẩn náu cuối cùng và duy nhất của ký ức về một vị vua, người mà trong cuộc đời của mình, có lẽ đã phát triển vượt xa Cung điện Karnak rộng lớn!”

CHƯƠNG BA MƯƠI

Thất nghiệp

Champollion đã bị ám ảnh bởi Ai Cập trước khi Young kịp nghĩ đến. Sau đó, Young thực hiện bước đột phá đầu tiên, nhưng Champollion đã vượt qua anh ta và từ đó trở đi, gần như giành phần sân cho chính mình.

Trong nhiều thế kỷ kể từ đó, các đảng phái của hai người đàn ông đã chiến đấu trong một cuộc chiến lâu dài và không thể giải quyết. Sự công nhận dành cho người đầu tiên nhìn thấy bức tranh toàn cảnh hay người có sự siêng năng và sáng tạo biến câu chuyện từ nguồn cảm hứng thành bằng chứng? Chúng ta tôn vinh viên thám tử là người đầu tiên chỉ đích danh thủ phạm hay người đã phá án đưa anh ta vào tù?

Vào lúc cao điểm, các trại đối thủ đã tấn công lẫn nhau với sự cuồng nhiệt của Punch-and-Judy. Champollion là một “nhân vật phản diện” mà không thể bỏ qua “sự trơ trẽn”, “sự lang băm” và “sự thiếu trung thực”; Young là “một người đàn ông hay bất bình”, được thúc đẩy bởi sự ghen tị với Champollion và phần nộ với một thế giới đã không đánh giá cao tài năng của anh ấy như bản thân anh ấy.

Ngay cả khi đánh giá giá trị của cái nhìn sâu sắc đầu tiên của Young, các học giả đã không đồng ý dữ dội. Theo nhận định của François Chabas, đó là bước đột phá của những bước đột phá, “ ‘Let There Be Light’ của Ai Cập học.” Ngược lại, một nhà Ai Cập học người Anh tên là Peter Renouf chế nhạo, ý tưởng lớn của Young chỉ là một trò may rủi, một ý tưởng thú vị nhưng lại là một ý tưởng cô lập và cằn cỗi. “Chúng tôi được nhắc nhở về câu chuyện ngụ ngôn về Thỏ và Rùa,” Renouf viết, “với một sự thật bổ sung gây tò mò rằng khi ở xa Thỏ bị tê liệt, trong khi Rùa có được tốc độ hơn 50 con thỏ.”

Theo một nghĩa nào đó, mâu thuẫn giữa Champollion và Young gần như không thể tránh khỏi. Mặc dù những người khổng lồ trong mọi lĩnh vực đều dễ bị ghen tị và nổi cơn thịnh nộ ghen tị—thiên tài và lòng tự trọng cao ngất ngưỡng tạo nên một hỗn hợp không ổn định—sự cạnh tranh trong khoa học và giải mã có xu hướng thậm chí còn khốc liệt hơn nơi khác. Vấn đề là tất cả mọi người đang chạy đua hướng tới một mục tiêu duy nhất. (Shakespeare phải ngoái nhìn Marlowe, nhưng ít nhất thì hai thiên tài cũng không chạy đua xem ai sẽ là người viết *Hamlet* đầu tiên.)

Nhưng ở một khía cạnh quan trọng, sự kình địch giữa Champollion và Young không giống như sự kình địch của những kẻ thù trí tuệ khác, như Newton và Leibniz. Hai người đó không cần nhau. Nếu Newton chưa bao giờ tồn tại, thì Leibniz đã tự mình phát minh ra phép tính. Và ngược lại. Đối với Champollion và Young, trường hợp hoàn toàn khác.

Những gì Thomas Young có thể làm là bắt đầu mọi thứ, bằng cách chỉ ra rằng trong nhiều thế kỷ, mọi người đã tiếp cận chữ tượng hình theo cách hoàn toàn sai. “Trong khám phá khoa học, khung khái niệm là nhà Ai Cập học John Ray viết. “Nó biết bạn đang nhìn vào cái gì, và nó tương đương với việc Cortez đứng trên đỉnh cao được cho là của anh ta ở Darien. Trong Ai Cập học, khuôn khổ đó là thành tựu của Thomas Young. Nói một cách đơn giản, Young đã loại bỏ bí ẩn tích tụ xung quanh các chữ tượng hình của người Ai Cập và cho thấy rằng họ cũng tuân theo các quy tắc hợp lý.”

Young, theo phán đoán của Ray, “có lẽ người giải quyết vấn đề xuất sắc nhất mà nước Anh từng tạo ra.” Nhưng một thiên tài giải câu đố vẫn chưa đủ. Điều bạn cần cũng là kiến thức về lịch sử Coptic và Ai Cập sâu đến mức trực giác và thử nghiệm có thể đưa bạn vượt qua giới hạn của logic. Đó là vai trò của Champollion, và không ai khác có thể đóng vai đó.

Cứ như thể hai đối thủ là đồng nghiệp lý tưởng. Young, người đã về đích đầu tiên trong mọi cuộc đua mà anh ấy từng tham gia, gần như chắc chắn sẽ đổ máu đầu tiên. Champollion, người đã bị ám ảnh bởi Ai Cập, văn hóa và ngôn ngữ của nó từ thời niên thiếu, gần như chắc chắn đã gắn bó với câu đố lâu hơn bất kỳ ai khác và nhìn sâu hơn vào chiều sâu của nó.

Thời gian trôi qua, cả hai người đàn ông dường như có xu hướng làm hòa hơn những người ủng hộ họ. Young không ngừng nhấn mạnh vào ưu tiên của mình, nhưng anh ấy đã sớm thừa nhận (ít nhất là khi riêng tư) rằng Champollion có thể đã bỏ qua anh ấy. “Với những chữ tượng hình Tôi đã làm rất ít hoặc không làm được gì kể từ khi gặp bạn,” ông viết cho người bạn Hudson Gurney vào năm 1817. “... Tôi giả sử họ có thể cung cấp việc làm cho một học viện gồm bốn mươi thành viên trong nửa thế kỷ, và tôi chỉ cần khám phá ra một mỏ mà nhờ đó những người khác có thể làm giàu cho mình là đủ.”

Vấn đề của Young một phần là do anh ấy cạm ý tưởng, và một phần là có quá nhiều chủ đề khiến anh ấy say mê. Vào mùa đông năm 1816, anh ấy đã gửi một ghi chú cho người biên tập *Encyclopedia Britannica*, người đã hỏi Young liệu anh ấy có viết một bài luận về âm học không. Young nhận nhiệm vụ đó và thêm một số ý tưởng của riêng mình. “Tôi cũng sẽ đề xuất Bảng chữ cái, Niên kim, Lực hấp dẫn, Tác động mao dẫn, Sự gắn kết, Màu sắc, Sương, Ai Cập, Dạng, Ma sát, Hào quang, Chữ tượng hình, Thủy lực, Chuyển động, Lực cản, Con tàu, Sức mạnh, Thủy triều và Sóng,” và “bất cứ thứ gì thuộc về một tính chất y học.” Trong nửa chục năm tiếp theo, Young đã viết sáu mươi ba bài báo cho *Britannica*, bao gồm cả bài tiểu luận mang tính đột phá về “Ai Cập” của ông.

Anh ấy không bao giờ cảm thấy mệt mỏi với việc giải mã, nhưng anh ấy đã chuyển trọng tâm của mình từ chữ tượng hình sang chữ viết tắt, dạng tốc

ký của chữ viết Ai Cập. Đây là một loại nhượng bộ, vì chữ tượng hình là phần thưởng hấp dẫn, nhưng Young đã làm việc chăm chỉ cho đến gần ngày hấp hối. Trong tác phẩm được xuất bản cuối cùng của mình, được viết trên giường bệnh vào năm 1831, ông đã bày tỏ sự kính trọng trước công chúng đối với “cuộc điều tra tài tình và thành công của Jean François Champollion vừa được tôn vinh.”

Champollion cũng tỏ ra hào phóng, ít nhất là một cách phù hợp. Young đã đến thăm ông ở Paris, vào năm 1828, vài năm sau cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ tại buổi thuyết trình của *Dacier*. Họ gặp nhau tại Louvre, nơi Champollion được vinh danh là người đầu tiên phụ trách cổ vật Ai Cập. Young mô tả chuyến thăm người bạn Gurney của mình với sự thích thú và ngạc nhiên. Champollion đã có “cho tôi thấy sự chú ý nhiều hơn tôi từng thể hiện hoặc có thể thể hiện, đối với bất kỳ sinh vật sống nào; anh ấy đã dành cả bảy tiếng đồng hồ cùng một lúc để cùng tôi xem qua các giấy tờ của anh ấy và bộ sưu tập tuyệt vời mà anh ấy đã thu thập được.

Young đang làm việc trên một cuốn từ điển, một bộ sưu tập tất cả các từ dân gian mà anh ấy đã giải mã được. Đây là một thành tích đáng chú ý nhưng còn hạn chế. Young phần lớn đã giới hạn bản thân trong việc xác định toàn bộ từ; anh ấy đã không thực sự hiểu những từ đó được ghép lại với nhau như thế nào. (Giống như ai đó đã xác định được từ *United States* trên các tài liệu chính thức khác nhau nhưng không nhận ra rằng các chữ cái giống nhau có thể được sắp xếp lại để tạo thành vô số từ khác, như *cởi trời* và *chỗ ngồi*.)

Đây là từ vua vì nó được viết bằng chữ demotic, Young đã thông báo. *Đây là sức mạnh*. *Đây là Caesar*. Champollion đã thực hiện một thử thách khác và khó khăn hơn nhiều. Mục tiêu của anh ấy không chỉ đơn thuần là xác định các từ mà thực sự là *đọc* chúng. Trên thực tế, Young đã biên soạn một chồng thẻ flash. Champollion đã tập hợp một cuốn sách hướng dẫn sử dụng dạy bạn cách đọc bất kỳ từ nào.

Một dấu hiệu của khoa học là những nhà đổi mới vĩ đại của nó tự bỏ việc. Các định luật của Newton là tài sản công cộng, đối tác trí tuệ của các công cụ quyền lực có sẵn cho thuê tại các cửa hàng phân cứng. Họ không yêu cầu chính Newton điều khiển. Bất cứ ai cũng có thể bắt đầu làm việc và tự mình tìm ra khi nào mặt trăng sẽ che khuất mặt trời tiếp theo hoặc nơi một viên đạn đại bác sẽ đâm vào bức tường pháo đài.

Champollion không đặc biệt quan tâm đến khoa học và ông cực kỳ ghét toán học, thứ khiến ông cảm thấy khô khan và vô hồn. Nhưng với sự khinh bỉ đối với những chuyện bay tưởng tượng phi thực tế và sự háo hức muốn chứng minh chính xác cách thức mà ông đã đi đến kết luận của mình, ông đã tự đặt mình vào phe khoa học. Ông tự hào tuyên bố rằng anh ấy không bao giờ *đoán* - anh ấy in nghiêng từ đáng sợ - mà thay vào đó dựa vào hàng đồng quan sát vững chắc, được thu thập một cách cẩn thận.

Niềm tin rằng bí quyết nên được chia sẻ là mới, ít nhất là được đo bằng lịch sử. Nó ra đời cùng với cuộc Cách mạng Khoa học. Trước thời điểm đó, những hiểu biết sâu sắc về hoạt động của thế giới luôn đến từ các nhà hiền triết, những người tích trữ bí mật của họ và tuyên bố những quyền năng mà tất cả các đồng nghiệp của họ chưa biết. Khi Joseph giải thích những giấc mơ của pharaoh cho anh ta, anh ta đã dựa vào trực giác và hiểu biết riêng của mình. Không ai khác có thể nhìn thấy những gì Joseph đã làm. Nhưng Champollion đã chế tạo được một cỗ máy mà ai cũng có thể vận hành được.

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

Pharaoh đã mất

Ngay từ thời niên thiếu, Champollion đã mơ ước được tận mắt nhìn thấy Ai Cập. Young, mặc dù rất vui khi được đến thăm Paris hoặc Rome, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Ngược lại, anh ấy tự hào về việc giải thích thế giới mà không cần rời khỏi bàn làm việc.

Một trong những nhiệm vụ khoa học vĩ đại của thời đại là xác định hình dạng chính xác của Trái đất. Nó phình ra ở xích đạo, hay có lẽ ở hai cực? Những cuộc thám hiểm lớn, tốn kém đã được tiến hành để tìm ra câu trả lời, một nhóm lên đường tới Bắc Cực, nhóm kia tới Nam Mỹ. Young thích thú với câu hỏi, nhưng anh ấy thích ở lại hơn.

“Đó là niềm tự hào và niềm vui của tôi khi tôi có thể thay thế sự cần thiết của các thí nghiệm và đặc biệt là những thí nghiệm đắt tiền,” anh viết cho người bạn Gurney của mình. “Tôi đã phát minh ra một phương thức xác định hình trái đất từ hai điểm nhìn thấy nhau mà không cần đến Lapland hay Peru.” Điều này tương đương với việc nghiên cứu các miệng núi lửa trên mặt trăng mà không bận tâm đến NASA hay tàu tên lửa, và đó chính xác là loại dự án mà Young thích nhất.

Bất chấp khao khát của mình, Champollion chưa bao giờ đủ khả năng chi trả cho một chuyến du lịch Ai Cập. (Kẻ thù của ông thích chế giễu ông vì đã đóng giả là một chuyên gia về một vùng đất mà ông chưa từng đặt chân đến.) Cuối cùng, vào năm 1828, ông đã thành công. Vào thời điểm này, người giải mã Ai Cập nổi tiếng nhất và thành công nhất, ông đã thuyết phục được một nhóm những người ủng hộ giàu có và có địa vị tốt tài trợ cho một chuyến thám hiểm tới Ai Cập. Champollion sẽ dẫn đầu nhóm. Anh ta ba mươi bảy tuổi và gần như phát điên vì phấn khích.

Đội của Champollion ra khơi vào ngày 31 tháng 7 năm 1828. Họ đến gần Alexandria vào ngày 18 tháng 8. Champollion đứng ở lan can, kính thiên văn trong tay, nhìn lướt qua đường chân trời để tìm kiếm cái nhìn thoáng qua đầu tiên về đất liền.

Chẳng mấy chốc, anh ta đã mọc một bộ râu rậm rạp, đổi bộ quần áo châu Âu của mình để lấy những chiếc áo choàng giống như những chiếc áo choàng mà người dân địa phương mặc, và vui mừng báo cáo rằng anh ta có thể vượt qua người Ai Cập. Anh nốc cạn từng tách cà phê đen đậm đặc và

vui vẻ rít một hơi hookah. Không ai có thể bỏ qua sức nóng (“chúng tôi tan chảy như những ngọn nến”), nhưng Champollion tuyên bố rất thích điều đó.

Vào ngày 8 tháng 10, anh ấy đã viết một lá thư cho anh trai mình và tự hào ghi lại vị trí của anh ấy. “Trong trại, ở chân các kim tự tháp,” ông viết, và lưu ý rằng bạn phải ở cạnh các kim tự tháp, đủ gần để chạm vào những khối đá, để hiểu chúng không lỗi như thế nào. Nhưng những điểm tham quan khiếm tốn cũng khiến Champollion phải kinh ngạc. Mọi con chó lang thang ở Ai Cập đều “vươn đuôi lên như chiếc kèn trumpet,” anh vui vẻ quan sát, phấn khích vì những con chó đi lạc đó trông giống hết những con chó trong chữ tượng hình từ hàng nghìn năm trước. Anh ấy đã vẽ một con chó bằng chữ tượng hình bên lề nhật ký của mình.

Champollion không phải là người có đôi mắt tinh tường - Ai Cập nghèo đến tận cùng và tham nhũng một cách khoa trương - nhưng ông tập trung vào quá khứ nhiều hơn là hiện tại đáng thất vọng. “Tôi là tù nhân của Ai Cập - cô ấy là tất cả của tôi,” anh viết cho anh trai mình, từ Luxor, vào tháng 11 năm 1828.

Champollion kỷ niệm ngày đầu năm mới 1829 bằng một bức thư gửi cho Dacier, người đứng đầu Học viện Chữ khắc ở Paris và là học giả có tên trong tiêu đề bài báo đột phá của Champollion. Anh ấy đã viết để chuyển những lời chúc tốt đẹp nhất của mình cho năm tới, Champollion bắt đầu ghi chú của mình, nhưng sau đó anh ấy đi thẳng vào vấn đề.

Anh ta đã đi dọc theo phần lớn chiều dài của sông Nile, suốt từ Alexandria ở phía bắc đến “Đục thủy tinh thể thứ hai” đáng sợ gần biên giới phía nam của Ai Cập. Tại mọi thời điểm trên đường đi, anh ấy đã đọc những dòng chữ được khắc trên các ngôi đền, lăng mộ và tượng đài. Cái mới nhất có niên đại từ thời Hy Lạp và La Mã, cái sớm nhất từ hàng nghìn năm trước đó, khi các pharaoh trị vì vinh quang. Trong mọi trường hợp, Champollion tự hào viết, hệ thống của ông đã hoạt động hoàn hảo. “Không có gì thay đổi trong *Bức thư của chúng ta về Bảng chữ cái tượng hình*.”

“Notre alphabet est bon,” ông kết luận. *Bảng chữ cái của chúng tôi là hợp lệ.*

Sau đó, vào tháng 6 năm 1829, Champollion đã thực hiện một trong những khám phá phi thường nhất trong lịch sử khảo cổ học. Hay chính xác hơn là gần như đã hoàn thành. Trong khi đọc những dòng chữ tại địa điểm có tên là Deir el-Bahri, gần Thung lũng của các vị vua - điều đáng ghi nhớ là ông luôn là người duy nhất trên thế giới có thể làm được như vậy - ông thấy mình hoang mang.

Trước sự ngạc nhiên của mình, anh ấy đã viết trong nhật ký của mình, anh ấy đã tìm thấy đề cập đến một vị vua mà anh ấy chưa từng nghe nói đến. Nhưng “ngạc nhiên hơn nữa là tôi phát hiện ra khi đọc các dòng chữ khắc rằng bất cứ nơi nào họ đề cập đến vị vua có râu này trong trang phục

thông thường của các Pharaoh, danh từ và động từ đều ở dạng giống cái, như thể một nữ hoàng đang được đặt câu hỏi.... Tôi tìm thấy điểm đặc biệt giống nhau ở khắp mọi nơi.”

Một đài tưởng niệm mang theo sự cống hiến cho thần Amun-Ra. “ Vì tôi thực sự là con gái của anh ấy,” dòng chữ tuyên bố, “người tôn vinh anh ấy và người biết những gì anh ấy đã phong chức.”

Một thông điệp được khắc trên tường của ngôi đền mang theo lời cảnh báo: “Ai tôn kính bà sẽ được sống, kẻ nào nói điều ác báng bổ Nữ hoàng sẽ chết.” Sự khẳng định quyền lực đầy tự tin, đáng sợ đó có thể đến từ bất kỳ pharaoh nào. Đó không phải là một bất ngờ. Điều bất ngờ là lời tuyên bố thẳng thắn của người đưa ra lời cảnh báo— *Bệ hạ*.

Champollion trở mắt nhìn theo. Thoạt nhìn, điều khiến anh ấy “kinh ngạc” chỉ là một chút ngữ pháp kỳ lạ, nhưng ngữ pháp hiếm khi có mức độ rủi ro cao như vậy.

Ai Cập đã từng có những người cai trị nữ - Cleopatra sẽ là người nổi tiếng nhất - nhưng gần như tất cả họ đều đã kết hôn với một pharaoh hoặc cai trị dưới danh nghĩa của một hoàng tử còn quá trẻ để lên ngôi. *Ai là người cai trị vô danh này?*

Bí ẩn sẽ không được giải quyết cho đến một thế kỷ sau cái chết của Champollion. Ông đã khai quật được bằng chứng đầu tiên về những gì được chứng minh là một chương hoàn toàn chưa được biết đến của lịch sử Ai Cập. Trong gần hai mươi năm, Ai Cập đã được cai trị bởi một nữ pharaoh—không chỉ là vợ của một người cai trị mà còn là một pharaoh theo đúng nghĩa của bà—sự tồn tại của những người cai trị sau này đã cố gắng xóa khỏi lịch sử. Đây là Hatshepsut (phát âm là Hat-SHEP-sut), theo lời của nhà Ai Cập học lỗi lạc James Breasted, “ người phụ nữ vĩ đại đầu tiên trong lịch sử mà chúng ta được biết.”

Những manh mối mà Champollion đã phát hiện ra quá tinh vi đến mức chúng có thể đã bị bỏ qua hoàn toàn, nhưng đến thời điểm này, ông đã hiểu sâu sắc về ngữ pháp Ai Cập.

Champollion đã phát hiện ra rằng người Ai Cập đã rất quan tâm đến sự phân biệt giới tính. Một số ngôn ngữ làm, một số thì không. Ví dụ, tiếng Anh gây ồn ào về các thì của động từ (*Tôi sẽ có thời gian tốt hơn nếu tôi biết nhiều người hơn trong bữa tiệc*), nhưng không bận tâm nhiều đến giới tính. Những người nói tiếng Anh sử dụng cùng một mạo từ cho *vua* và *hoàng hậu* , hoặc cùng một đại từ cho *anh trai* và *em gái của anh ấy* . Chẳng hạn, tiếng Pháp phân biệt giữa *le roi* và *la reine* , hoặc *son frère* và *sa soeur*.

Tiếng Ai Cập đi xa hơn—không chỉ các danh từ giống đực và giống cái gọi các mạo từ khác nhau và các đại từ khác nhau, mà bản thân các danh từ cũng có các hậu tố giống đực và giống cái. Ai Cập không có từ nào cho *nữ hoàng* ; cụm từ thường được dịch là *nữ hoàng* là *vợ chính của nhà vua* . Nhưng trong đền thờ của Hatshepsut, Champollion đã thấy rằng từ *vua*

được theo sau bởi một dấu hiệu nữ tính, chữ tượng hình ổ bánh mì tượng trưng cho âm *t*. Sự thay đổi nhỏ đó đã biến từ *vua quen thuộc* thành một thứ gì đó kỳ lạ, theo lệnh của *kingette*, và nó làm Champollion giật mình.

(Những người ghi chép hoàng gia không bao giờ giải quyết theo một cách nhất quán khi đề cập đến Hatshepsut. Theo nhà Ai Cập học Toby Wilkinson, các nhà chép sử đã sử dụng từ *pharaoh* vào *thời điểm này trong lịch sử, chính xác là vì nó giúp họ né tránh vấn đề*. Từ đây trở đi, từ *pharaoh* sẽ chỉ cung điện hoàng gia, như mọi khi, và cũng chỉ người cai trị cai trị ở đó.)

Câu chuyện của Hatshepsut cuối cùng cũng xuất hiện vào những năm 1920. Tại Deir el-Bahri, gần Luxor, các nhà khảo cổ từ Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan đã tìm thấy hai hố chứa vô số mảnh vỡ của các bức tượng. Khi các nhà khảo cổ dựng lại hiện trường, những bức tượng đã ngự trị trong vẻ huy hoàng trong một ngôi đền tráng lệ mà Hatshepsut đã xây dựng. Những người thợ thời cổ đại đã lật đổ chúng và kéo chúng xuống miệng hố. Ở đó, họ tấn công các bức tượng bằng búa tạ và đá. Sau đó, họ đổ những mảnh vỡ xuống hố.

Các công nhân cũng đã tấn công vô số chữ khắc và chạm khắc, đục khoét tên và hình ảnh của Hatshepsut. Nhưng họ đã bỏ lỡ một số, và dường như họ tập trung sự giận dữ của mình vào tên và khuôn mặt của Hatshepsut, chứ không phải trên những dòng chữ mô tả các sự kiện trong triều đại của bà.

“Họ đã xóa trí nhớ của cô ấy,” nhà Ai Cập học Bob Brier nói. “Nó đã làm việc. Nó thực sự đã làm. Chẳng hạn, cô ấy không xuất hiện trong bất kỳ danh sách nào của các vị vua, những ghi chép cổ xưa về tất cả các pharaoh và triều đại của họ. Nếu bạn hỏi Cleopatra, ‘Hatshepsut là ai?’, thì bà ấy sẽ không có manh mối nào. Cô ấy chưa bao giờ nghe nói về cô ấy.

“Họ không bao giờ nghĩ rằng chúng tôi sẽ tìm ra nó,” Brier tiếp tục. “Những người được gửi đến Deir el-Bahri được bảo, ‘Tìm mọi đề cập đến tên và mọi hình ảnh của cô ấy và loại bỏ nó.’” (Từ này làm *xấu mặt* theo nghĩa gốc, đáng sợ của nó— *làm xấu mặt*— chứ không phải là nghĩa bình thường mà chúng ta sử dụng cho từ ngày nay. Tương tự, các cuộc tấn công vào các bức tượng của Hatshepsut là *bài trừ biểu tượng* theo nghĩa bạo lực, nguyên bản; các cuộc tấn công liên quan đến nghĩa đen phá vỡ các biểu tượng.)

Việc xóa khỏi lịch sử này là tiền thân cổ xưa của kỹ thuật viết lại lịch sử của chủ nghĩa Stalin bằng cách cắt xén các nhân vật chính trị khỏi các bức ảnh khi họ không được ủng hộ. Nhưng trong một xã hội mà tỷ lệ mù chữ là từ 95 đến 99 phần trăm, không thể tránh khỏi việc một số đề cập đến Hatshepsut sẽ lướt qua. “Rất nhiều nhà điêu khắc, thợ chạm khắc này, những người cấp thấp này được cử vào đền thờ để khắc tên Hatshepsut,” Brier nói, “họ lười biếng, họ sẽ không chăm chỉ tìm kiếm, họ sẽ không để có được tất cả.”

Những dòng chữ còn sót lại đã kể một câu chuyện đáng chú ý. Hatshepsut lên ngôi vào khoảng năm 1478 trước Công nguyên, trong thời kỳ mà các sử gia gọi là Vương triều thứ mười tám. (Vương triều này sau

này bao gồm một số tên tuổi nổi tiếng nhất trong lịch sử Ai Cập, bao gồm Akhenaten, “vị vua dị giáo” và con trai ông ta là Tutankhamun.)

Cô ấy có dòng máu hoàn hảo - Hatshepsut là con gái của một pharaoh và sau đó là vợ chính của con trai pharaoh đó (anh trai cùng cha khác mẹ của cô ấy). Rồi chồng bà qua đời, để lại đứa con thơ dại cho người vợ thứ. Hatshepsut làm đồng nhiếp chính với đứa trẻ mới biết đi trong một thời gian ngắn. Sau đó, cô ấy lên ngôi trên chính tên của mình.

Cô trị vì gần hai thập kỷ. Cô ấy phát triển mạnh, và Ai Cập phát triển mạnh. Hatshepsut đã tổ chức một cuộc thám hiểm thương mại lớn đến Vùng đất Punt xa xôi (có lẽ đó là Ethiopia, nhưng không ai thực sự biết), và những con tàu của cô ấy trở về chất đầy trầm hương, mộc dược, ngà voi, gỗ mun, bạc, malachit, ngọc lưu ly, vàng, gia súc, vượn và khỉ.

Bà đã xây dựng các tượng đài dọc theo chiều dài của Ai Cập, đáng chú ý nhất là ở Thebes. Ở đó, cô ấy đã đặt các tháp và tượng và kiệt tác của mình, ngôi đền rộng lớn mà Champollion đã khám phá. Cắt từ những vách đá phía trên sông Nile, nó có hàng cột ở ba cấp độ khác nhau. Cách tiếp cận cuối cùng là bằng một đại lộ lớn có nhiều tượng nhân sư, tổng cộng có hơn một trăm tượng, trải dài một phần ba dặm.

Làm thế nào để giải thích bạo lực nhắm vào hình ảnh của cô ấy? Lệnh loại bỏ mọi bằng chứng về sự tồn tại của Hatshepsut đến từ con trai riêng của bà, Tuthmosis III, người kế vị bà trên ngai vàng. Chính tên của ông - hoặc đôi khi là tên của cha Hatshepsut, Tuthmosis I - đã thay thế tên của Hatshepsut trong vỏ đạn của bà.

Nhưng các chuyên gia chia thành hai phe khi nói đến động cơ. Theo quan điểm của Bob Brier và các đồng minh trí thức của ông, Hatshepsut phải bị tiêu diệt vì chính quan niệm về một nữ pharaoh đã vi phạm trật tự tự nhiên. Một quang sai như vậy phải bị từ chối như thế nó chưa bao giờ xảy ra.

Các học giả khác nhấn mạnh rằng lời giải thích liên quan nhiều đến chính trị triều đại hơn là sự nổi loạn. Họ chỉ ra rằng Tuthmosis III đã trị vì trong hai mươi năm trước khi ban hành sắc lệnh chống Hatshepsut. Đó dường như là một thời gian dài để tạm dừng một nhà cung cấp. Theo những người hoài nghi này, vấn đề thực sự là ai sẽ cai trị tiếp theo. Một số nhà sử học tin rằng có những ứng cử viên đối thủ. Một người là con trai của Tuthmosis; những người khác có quan hệ họ hàng gần gũi hơn với Hatshepsut và do đó tự hào về dòng máu tốt hơn. Còn cách nào tốt hơn để Tuthmosis tạo điều kiện thuận lợi cho con trai riêng của ông kế vị ông hơn là đảm bảo rằng không đối thủ nào có thể đưa ra yêu sách của riêng ông?

Ngay cả khi tất cả các bức tượng của Hatshepsut còn nguyên vẹn, chúng ta cũng sẽ không biết cô ấy trông như thế nào. Trong nghệ thuật Ai Cập, khái niệm hiện đại về “chân dung” không được áp dụng. Những người cai trị được miêu tả là những mẫu người được lý tưởng hóa hơn là những cá nhân. Các vị vua đã già và yếu được miêu tả là trẻ và oai vệ; những cậu bé tình cờ được thừa kế ngai vàng cũng vậy. Suy ngẫm về hình ảnh của một pharaoh

để tìm kiếm manh mối về nhân vật của mình ter, nhà sử học nghệ thuật EH Gombrich nhận xét, sẽ giống như “nếu ai đó hỏi tuổi hoặc tâm trạng của quân vua trên bàn cờ.”

Tuy nhiên, để tìm kiếm lịch sử, các nhà khảo cổ học đã dành hàng giờ liền để ghép các bức tượng bị phá hoại của Hatshepsut lại với nhau. Từ hàng nghìn mảnh vỡ, họ đã cứu được, hoặc cứu được một phần, hàng chục, hàng chục bức tượng.

Hatshepsut được miêu tả đôi khi là nam, đôi khi là nữ và đôi khi là nữ với những cách thức truyền thống của quyền lực nam giới, bao gồm cả chòm râu dê hoàng gia giả tạo không thể chấp nhận được như bộ ria mép được vẽ của Groucho. (Cái tên *Hatshepsut* có nghĩa là “Cô ấy là người đầu tiên trong số những phụ nữ quý tộc”, vì vậy điều này không liên quan gì đến việc che giấu danh tính của cô ấy.)

Những bức tượng đẹp nhất là kho báu của nghệ thuật thế giới. Có lẽ nổi bật nhất trong số đó là một tượng nhân sư bằng đá granit dài 11 foot, nặng 7 tấn với khuôn mặt của Hatshepsut (và chiếc mũ và bộ râu của hoàng gia) và thân của một con sư tử. Được lắp ráp lại từ vô số mảnh vỡ, giờ đây nó thanh thản nhìn du khách đến Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan của New York.

Bức tượng ngoạn mục đó đã được tạo ra cách đây hơn ba thiên niên kỷ rưỡi, tại một địa điểm cách nơi hiện tại của nó sáu nghìn dặm. Phần lớn câu chuyện của nó vẫn còn là một bí ẩn. Nhưng những gì chúng ta biết, chúng ta nhờ vào sự tình cờ quan sát của Champollion về một chữ *T nhỏ xíu* , ở một nơi mà nó không thuộc về.



phần kết

Phần còn lại của câu chuyện được kể nhanh chóng. Champollion đã đạt được những tiến bộ to lớn, nhưng ông ấy đã đảm nhận một chủ đề rộng lớn và đa dạng, và ông ấy đã để lại toàn bộ khu vực mơ hồ hoặc bị hiểu lầm. Nếu có thời gian, anh ấy chắc chắn sẽ sắp xếp mọi thứ. Nhưng anh không có thời gian.

Champollion đã xuất bản tác phẩm đầu tiên và nổi tiếng nhất của mình, *Bức thư gửi Monsieur Dacier*, khi ông ba mươi một tuổi. Anh ta sẽ chết một thập kỷ sau đó.

Nhiệm vụ tiếp tục sẽ được giao cho một loạt người kế vị, đáng chú ý nhất là một học giả tên là Richard Lepsius, người tự phong mình là “Champollion của Đức.” Chính Lepsius là người đã tìm ra bằng chứng chắc chắn rằng giải mã của Champollion là chính xác.

Năm 1866, Lepsius là thành viên của một nhóm khảo cổ làm việc ở Ai Cập. Trong tàn tích của thành phố cổ Tanis, gần Alexandria—Tanis là thành phố bị chôn vùi trong cát trong *Raiders of the Lost Ark*—Lepsius đã phát hiện ra một bản sao của Phiến đá Rosetta.

Cho đến khi Lepsius khai quật nó, không ai biết rằng nó tồn tại. Viên đá mới này chứa một đoạn văn dài bằng tiếng Hy Lạp và đoạn văn tương tự được viết bằng chữ bình dân và chữ tượng hình. Thông điệp, được viết sớm hơn Rosetta Stone vài thập kỷ, không có gì đặc biệt—nó ca ngợi pharaoh và nói về việc sửa chữa những sai sót trong lịch. Nhưng thông điệp không phải là vấn đề.

Điểm của Viên đá Canopus (nó được đặt tên theo thành phố nơi nó được viết) là văn bản của nó khác với văn bản của Viên đá Rosetta. Tại sao điều đó lại quan trọng? Bởi vì, trước khi phát hiện ra Canopus, có thể bác bỏ công việc giải mã của Champollion như một sự tự huyền hoặc phức tạp.

Điều đó sẽ đòi hỏi một mức độ điên cuồng cao - các bản dịch của Champollion dựa trên các quy tắc và một hệ thống hơn là cảm hứng; anh ấy đã viết một đoạn mỗi, không nhìn chăm chăm vào một quả cầu pha lê. Tuy nhiên, có thể thông điệp mà anh ta đọc được trong một bộ chữ tượng hình chưa bao giờ xảy ra với người Ai Cập, những người đã viết thông điệp đó ngay từ đầu. Làm thế nào bạn có thể chắc chắn? Xét cho cùng, những người tiên nhiệm uyên bác của Champollion đã tự tin tuyên bố “các bản dịch” tiếng Ai Cập không có điểm chung nào với ông.

Và ngay từ đầu, một số nhà tư tưởng đã từ chối Champollion trên cơ sở triết học. Vấn đề của họ không phải là bản dịch của Champollion không có

nghĩa mà là chúng *quá* có nghĩa. Đây là chiều sâu thần bí trong những thông điệp trần tục này?

Chẳng hạn, Ralph Waldo Emerson cảm thấy chắc chắn rằng Champollion đã bỏ qua bản chất của các chữ tượng hình. Anh ấy ca ngợi thành tích của Champollion - thực sự, anh ấy tuyên bố anh ấy ngang hàng với Aristotle, Leibniz và Goethe - nhưng anh ấy cảm thấy có nghĩa vụ phải đặt những bước đột phá của Champollion vào tầm nhìn. Không còn nghi ngờ gì nữa, Champollion đã “phát hiện ra tên của tất cả những người thợ và chi phí của mỗi viên gạch” ở Ai Cập cổ đại, Emerson ngưỡng mộ, nhưng ông đã không nắm bắt được trí tuệ thực sự của người Ai Cập.

Nhưng sau đó Canopus xuất hiện, và tất cả những trò cá chép như vậy trở nên không liên quan. Cho đến khi tìm thấy Lepsius, Champollion đã ở vị trí của một số thiên tài sơ khai, người đã công bố một lý thuyết về số học khi không ai khác có thể đạt được kỳ tích như vậy. Đưa cho nhà tư tưởng xuất sắc này những con số để cộng, nhân hoặc chia, và anh ấy có thể giải thích cách tính toán câu trả lời. Lần nào ông cũng khẳng định mình đúng, nhưng ai mà biết được? Canopus cung cấp tương đương với một cuốn sách giáo khoa số học có đáp án ở phía sau.

Bây giờ bạn có thể đưa Champollion vào thử nghiệm trực tiếp—bắt đầu với văn bản chữ tượng hình trên Sắc lệnh Canopus và dịch nó thành la Champollion, rồi so sánh kết quả với bản dịch tiếng Hy Lạp trên chính Canopus.

Các chuyên gia đã làm điều đó. Trận đấu gần như hoàn hảo.

“Đó là,” một học giả vào thời điểm đó đã kinh ngạc, “như thể một người Ai Cập cổ đại đột nhiên thoát ra khỏi băng bó để nói chuyện với chúng tôi và để quan sát xem chúng tôi nói ngôn ngữ của anh ấy.”

Cả Young và Champollion đều không sống đủ lâu để biết về Sắc lệnh Canopus. Young chết trước Lepsius hơn ba thập kỷ thực hiện khám phá của mình. Anh ấy đã trải qua những ngày cuối cùng quá yếu để có thể đứng dậy khỏi giường nhưng vẫn làm việc, sửa chữa các bằng chứng cho *cuốn Từ điển Ai Cập thô sơ của mình*. (Anh ấy đã viết những lời đính chính của mình bằng bút cho đến khi anh ấy không còn dùng được mực và lọ mực nữa, và sau đó anh ấy chuyển sang dùng bút chì.)

Trong phần giới thiệu về từ điển, Young đã ca ngợi những khám phá của Champollion. Nhưng cuối cùng, ông bác bỏ kết luận quan trọng nhất của Champollion. Champollion đã chỉ ra rằng, trong những từ thông thường chứ không chỉ khi đánh vần những cái tên nước ngoài, chữ tượng hình đại diện cho âm thanh. Gần như trút hơi thở cuối cùng, Young phủ nhận điều đó. “Các ký tự phiên âm” của Champollion có thể đóng vai trò như một loại tốc ký “trong việc hỗ trợ trí nhớ,” nhưng đó là tất cả.

Anh ấy nói với Gurney, người bạn suốt đời của anh ấy, rằng tác phẩm cuối cùng này là một tác phẩm “mà nếu anh ấy còn sống thì việc hoàn thành sẽ là một sự hài lòng đối với anh ấy,” nhưng anh ấy biết điều đó là không

thể. Các bác sĩ không thể giúp đỡ nhiều và thậm chí hầu như không chẩn đoán, ngoài "một cái gì đó cực kỳ sai trái trong hành động của trái tim."

Young cố gắng đọc đến trang 96 trong cuốn từ điển của mình trước khi đặt bút chì xuống lần cuối. Như mọi khi, anh luôn kiểm soát cảm xúc của mình. Là một người làm nghề y đến cùng, Young hài lòng với việc ghi nhận với chút ngạc nhiên rằng "anh ấy chưa bao giờ chứng kiến một ca bệnh nào có vẻ tiến triển nhanh hơn." Ông mất vào tháng 5 năm 1829, ở tuổi năm mươi lăm.

Champollion sống lâu hơn Young chỉ ba năm. Anh ấy chưa bao giờ khỏe mạnh, và những cơn ngất xỉu từng đánh dấu tuổi trẻ của anh ấy vẫn tiếp tục kéo dài đến tuổi trưởng thành. Những đường ngoằn ngoèo khiến anh ấy chao đảo giữa những đỉnh cao ngất ngây và những đáy tuyệt vọng cũng vậy. Một số nhà viết tiểu sử đã cố gắng liên kết các triệu chứng thể chất với các triệu chứng cảm xúc, miêu tả Champollion hơi giống một trong những thiếu nữ trong các bộ phim tình cảm thời Victoria nổi tiếng là dễ ngất xỉu. (Các nhà văn Anh đặc biệt ủng hộ quan điểm này về người Pháp bay bổng.) Nhưng các nhà sử học y khoa đã cố gắng giải thích các triệu chứng của Champollion - gia đình đã chọn không khám nghiệm tử thi - có xu hướng hướng tới các chẩn đoán thực tế. Vấn đề có khả năng một số loại bệnh về mạch máu hơn là tính khí quá mong manh đối với thế giới xô bồ.

Champollion trở về Pháp sau chuyến đi Ai Cập vào cuối năm 1829 và nhận chức giáo sư môn Ai Cập học—người đầu tiên trên thế giới—tại Đại học Pháp.

Giống như Young trên *giường* bệnh, Champollion đã làm việc trên một văn bản Ai Cập hoành tráng cho đến khi gần như trút hơi thở cuối cùng. "Chỉ còn một tháng nữa—và 500 trang của tôi sẽ hoàn thành," ông viết cho anh trai mình vào tháng 11 năm 1831, "nhưng người ta phải cam chịu và hài lòng với những gì có thể."

GRAMMAIRE ÉGYPTIENNE, CHAP. IV.			
73			
MOT HIEROGLYPHIQUE HIEROGLYPHE	TRANSCRIPTION ou LITTELLÉ COPTIQUE	MOT COPTIQUE	SIGNIFICATION
	ⲙⲟⲩ	ⲙⲟⲩ	Lion.
	ⲙⲟⲩ	(arabe ⲙⲟⲩ)	Loup.
2° Les noms des membres de l'homme et des quadrupèdes :			
	ⲟⲩⲉ	ⲟⲩⲉ	Dent.
	ⲕⲟⲟⲩ	ⲕⲟⲟⲩⲕⲉⲩ	Cubitus.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Mamelles.
	ⲣⲉⲩ	ⲣⲉⲩ	Jambes, Pieds.
	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	Côte, Côté.
	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	Lèvres.
	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	Lèvres.
	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	Lèvres.
	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	ⲥⲣⲉⲥⲣⲉ	Front.
	ⲕⲟⲟ	ⲕⲟⲟ	Cheveux.
	ⲕⲟⲟⲩⲕⲉⲩ	ⲕⲟⲟⲩⲕⲉⲩ	Cuisse (de quadrupède).
3° Les noms des différentes espèces d'oiseaux et ceux de leurs membres :			
	ⲥⲣ	ⲥⲣ	Espèce d'oie, Chénalopex.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ ?	Canard.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Canard.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Épervier.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Vautour.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	(Espèce de héron.)
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Hirondelle.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Ibis.
	ⲙⲙⲟⲩ	ⲙⲙⲟⲩ	Aigle.

Một trang trong tác phẩm trước khi chết của Champollion, *Ngữ pháp Ai Cập*

Anh ấy sẽ không bao giờ hoàn thành *cuốn Ngữ pháp Ai Cập hoành tráng của mình*, cuốn sách mà người anh trung thành của anh ấy sẽ xuất bản sau khi anh ấy qua đời. Đầu tháng 12 năm 1831, Champollion ngã quỵ khi đang thuyết trình. Một tuần sau, một cơn đột quỵ khiến ông bị liệt nửa người.

Vào ngày 23 tháng 12, sinh nhật lần thứ 41 của anh, anh yêu cầu được giúp đỡ căn phòng trên đường rue Mazarine, nơi mà một thập kỷ trước, anh đã có *chiếc Eureka của mình!* chốc lát. “Chính ở đó,” anh xúc động nhớ lại, “rằng khoa học của tôi ra đời.”

Sự kết thúc đã rất gần. Mười năm trước, John Keats đã than thở rằng cái chết đã cướp mất anh khi còn quá trẻ, “trước khi ngòi bút của tôi thu thập được bộ não đang còn non nớt của tôi.” Bây giờ Champollion phải đối mặt với số phận tương tự. “Sớm thôi,” anh ấy đã khóc vào tháng 1 năm 1832. Anh ấy đưa tay lên trán. “Vẫn còn rất nhiều thứ bên trong! Đó là tiếng hú đau khổ của Keats, không có nghệ thuật và vỡ òa vì đau buồn.

Cũng trong tháng đó, có thể nói nhưng hầu như không cử động được, Champollion phải vật lộn để đưa bản thảo dở dang cuốn *Ngữ pháp Ai Cập của mình* cho anh trai.

Đây là bản tường trình cuối cùng của ông, chưa hoàn chỉnh nhưng gần như đã hoàn thành, một bản trình bày rõ ràng và trang nhã về những khám phá của cả đời người. Anh ấy đã làm hết sức mình. “Dù có chuyện gì xảy ra,” anh ấy nói, “tôi sẽ rời đi thẻ điện thoại của tôi cho hậu thế.

Từ những ngày đầu tiên, Ai Cập đã bị ám ảnh bởi sự bất tử. Thông điệp được lặp đi lặp lại không ngừng là cái chết có thể bị khuất phục và sự sống có thể sống lại. Những ngọn núi đá cao chót vót để bảo vệ các pharaoh, những nghi lễ ướp xác công phu, những cuốn sách bách khoa về bùa chú, tất cả đều dựa trên niềm tin rằng cái chết không phải là hết.

Các linh mục đọc những lời cầu nguyện dài, trang trọng với sự hiểu biết nhất định rằng họ đã tìm thấy mật mã của cõi vĩnh hằng. Các pharaoh lấp đầy lăng mộ của họ bằng trò chơi cờ bàn và giáo săn, để giải trí ở thế giới bên kia, đồng thời cất giấu những tảng thịt bò và bình rượu, cho những bữa tiệc trên trời.

Đối với một người không tin như Champollion, những nghi thức như vậy không hơn gì những điều mê tín lâu đời. Bất chấp sự tận tâm nhiệt thành của mình đối với Ai Cập, ông vẫn là một người con thực sự của nước Pháp cách mạng - quan niệm về cuộc sống sau khi chết không có gì hấp dẫn.

Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, công việc để đời của Champollion thậm chí còn tôn vinh tín ngưỡng của người Ai Cập. Không phải bằng cách khẳng định quan điểm tôn giáo cổ đại, không cần phải nói. Thay vào đó, tác phẩm của ông đã chứng minh một sự thật sâu sắc hơn nhưng có liên quan—sự bất tử của cá nhân không phải là loại duy nhất. Trong cuộc đời quá ngắn ngủi của mình, Jean-François Champollion đã làm sống lại một thứ ngôn ngữ đã chết và một nền văn hóa đã bị chôn vùi.



1 *Napoléon băng qua dãy Alps* của Jacques-Louis David. Napoléon hướng dẫn David vẽ ông ngồi trên “con ngựa lửa”, mặc dù ông thực sự cưỡi một con la vượt biên.





3 Hai đối thủ đua nhau giải mã Rosetta Stone. Young (ở bên trái) là người Anh và nổi tiếng về bề dày sở thích trí tuệ của mình. Champollion (bên phải) là người Pháp và bị tiêu thụ hoàn toàn với Ai Cập. Cả hai đều là thiên tài nhưng họ hoàn toàn khác nhau về mọi mặt.

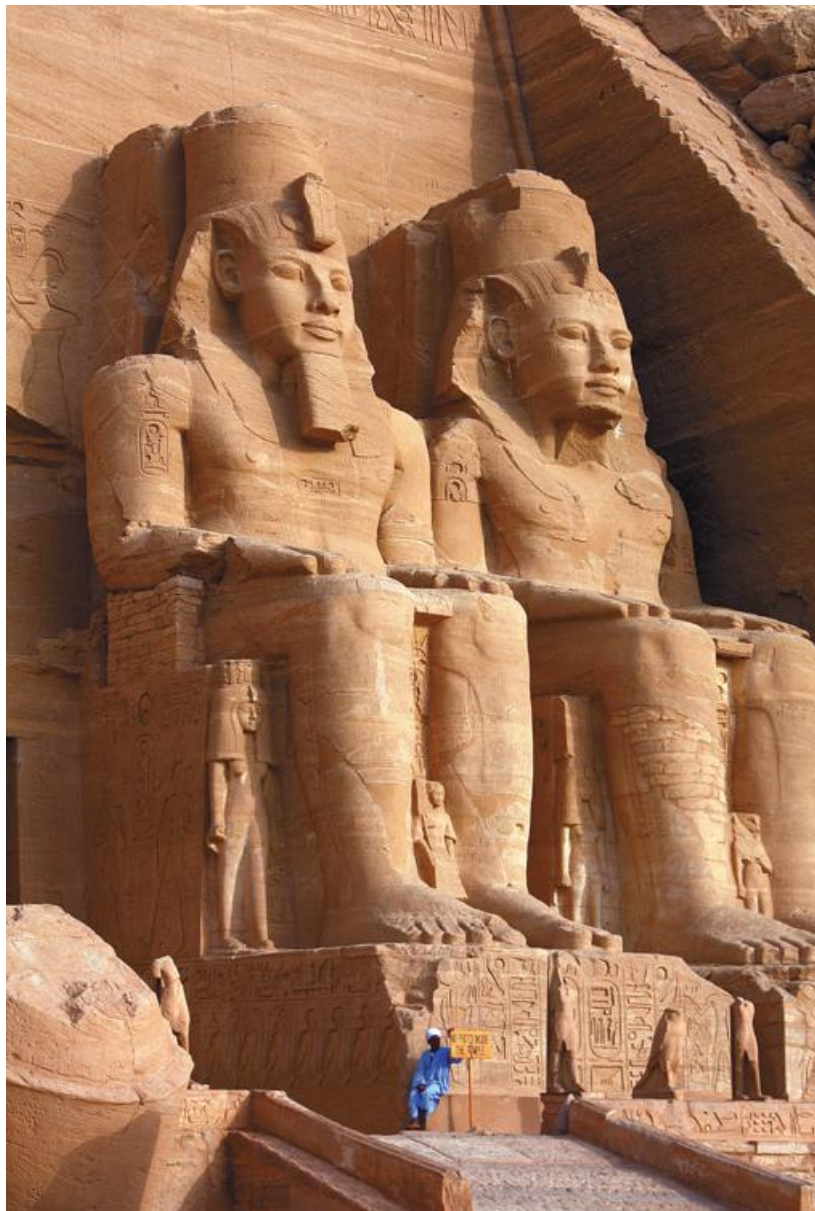




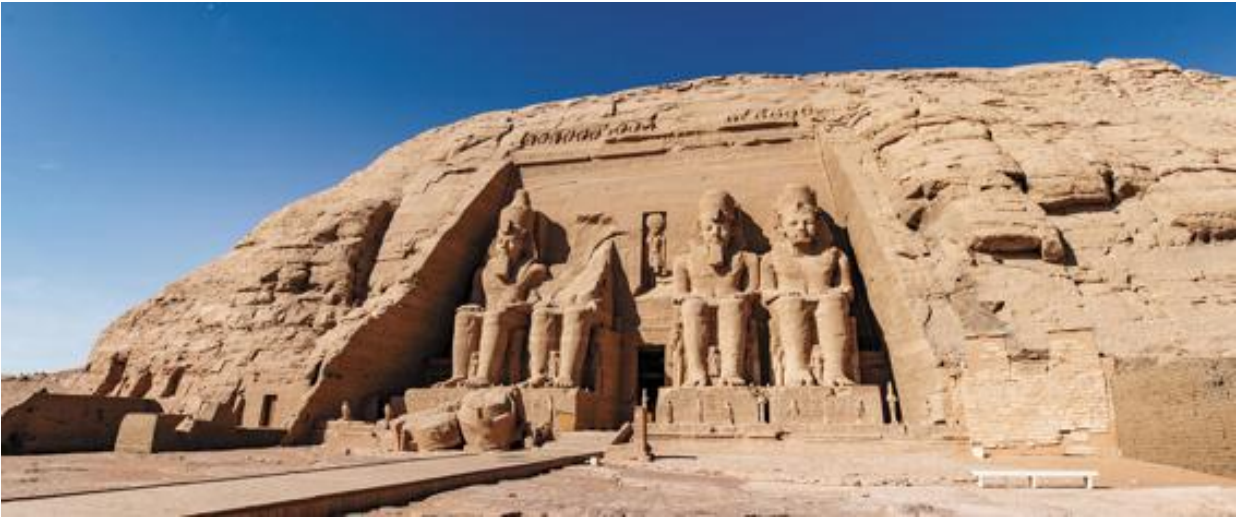
5 Chữ tượng hình có khắp mọi nơi ở Ai Cập, nhưng không ai trong thế giới hiện đại biết cách giải mã chúng. Ai Cập là một cuốn sách mở mà không ai có thể đọc được. “Hầu như không có chỗ cho dùi hoặc lỗ kim,” một du khách đến từ Baghdad viết vào năm 1183, “không có hình ảnh, bản khắc hoặc chữ viết nào đó không thể hiểu được.”



6 Ở Ai Cập cổ đại, những người ghi chép được đánh giá cao vì họ nằm trong số ít người biết đọc biết viết. Ở đây, một người ghi chép đọc một văn bản bằng giấy cói trong khi thần viết lách, Toth, nhìn vào. Toth đôi khi được miêu tả là một con người có đầu cò quăm và đôi khi là một con khi đầu chó, như ở đây.



8 Ramesses II đã trị vì 66 năm và sống lâu hơn hàng tá thái tử. Theo lời của một nhà Ai Cập học, những bức tượng cao chót vót của ông được dùng làm “dấu hiệu *Hãy coi chừng Pha-ra-ôn khổng lồ*”.



9 Cả bốn bức tượng khổng lồ này đều mô tả Ramesses II, pharaoh hùng mạnh nhất của Ai Cập. Mỗi con số cao như một tòa nhà sáu tầng. (Bức tượng ngay bên trái lối vào ngôi đền đã bị mất đầu và thân từ lâu. Chúng đổ xuống đất dưới chân bức tượng, nơi vẫn có thể nhìn thấy chúng.) Ngày nay, những ngôi đền chạm khắc bằng đá ở Abu Simbel là một trong số những thắng cảnh nổi tiếng nhất thế giới.



10 Giovanni Belzoni. Vào những năm 1800, ranh giới giữa khảo cổ học và cướp bóc rất mờ nhạt. Belzoni là một nhân vật vĩ đại hơn ngoài đời, bắt đầu sự nghiệp của mình với tư cách là một người mạnh mẽ trong rạp xiếc và tiếp tục khám phá Ai Cập (và cướp bóc nó). Anh ấy đã khai quật được những dòng chữ đóng vai trò quan trọng trong việc giải mã câu chuyện.



11 William Banks. Khi anh trai chết trong một vụ đắm tàu, Banks được thừa kế một gia tài kếch xù. Anh ấy đã chọn một cuộc sống du lịch và khám phá. Bị cuốn hút bởi Ai Cập, anh ấy đã tìm thấy những chữ tượng hình đóng vai trò là những mảnh ghép quan trọng cho Champollion và Young.



12 Bankes và Belzoni đã vận chuyển đài tưởng niệm này đến ngôi nhà nông thôn của Bankes ở Anh, nơi nó vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Chữ tượng hình ở một bên đánh vần tên Cleopatra và cung cấp manh mối quan trọng cho những người giải mã.



13 Bankes trốn khỏi nước Anh sau khi bị buộc tội có hành vi “trái tự nhiên” với một người đàn ông ở Green Park, London. Hình phạt tối đa là tử hình và Bankes trốn sang châu Âu, không bao giờ quay trở lại. Trong suốt thời gian sống lưu vong, Bankes đã thu thập đồ nội thất và tranh vẽ cho ngôi nhà mà ông sẽ không bao giờ nhìn thấy nữa. Đây là căn phòng lộng lẫy nhất trong tất cả, và thậm chí trên trần nhà cũng được khắc hình các Old Masters.



14 Napoléon mang theo các nghệ sĩ và nhà khoa học đến Ai Cập. Khi họ trở về nhà vào đầu những năm 1800, lời kể của họ về những điều kỳ diệu mà họ đã thấy đã gây ra cơn sốt đối với mọi thứ thuộc về Ai Cập. Sự điên cuồng, được gọi là Egyptomania, kéo dài hàng chục năm và lan sang châu Mỹ cũng như châu Âu. (Đó là lý do tại sao Đài tưởng niệm Washington là một đài tưởng niệm.) Năm 1912, một trong những kiến trúc sư nổi tiếng nhất của Mỹ đã đệ trình thiết kế này cho Đài tưởng niệm Lincoln. Cơ thể của Lincoln sẽ được đặt bên trong kim tự tháp.

New-York Historical Society.
LECTURES ON EGYPT: 1864

CONCLUDING LECTURE BY
PROF. HENRY J. ANDERSON, LL. D.,
HALL OF THE UNION, COOPER INSTITUTE.
Thursday, December 15th, at 7 o'clock, P. M.,



To be followed by the
Unrolling of the Mummy.
TICKETS . . . 50 CENTS.



16 Mọi thứ liên quan đến Ai Cập đều khiến người ta hồi hộp. Các giảng viên đã cảm dỗ công chúng bằng những lời mời đến xem xác ướp được mở ra khỏi vải lanh của họ, và các nghệ sĩ đã sử dụng một loại sơn làm từ xác ướp trên mặt đất.



17 Ai Cập quá nóng và khô nên có thể vô tình đóng vai trò như một viên nang thời gian. Màu sắc trong những bức tranh tường này—từ ngôi mộ của Nefertari, người vợ yêu thích của pharaoh quyền lực nhất Ai Cập, Ramesses II—ngày nay vẫn rực rỡ như khi ngôi mộ được niêm phong cách đây ba nghìn năm. Những chữ tượng hình bên dưới những con số lớn là từ Cuốn sách của người chết.



18 Những bức vẽ trên tường trong ngôi mộ này vẽ Osiris, vị thần của địa ngục (với làn da màu xanh lục và trang phục của một pharaoh). Hình màu hồng ở bên trái tượng trưng cho Dây núi phía Tây. Ngôi mộ được tái phát hiện vào năm 1834.



19 Bức tượng này mô tả Hatshepsut, “pharaon đã mất.” Hatshepsut là một nữ pharaon—trong lịch sử Ai Cập, điều này hầu như chưa từng được nghe thấy—và bà đã trị vì trong hai mươi năm. Theo tính toán của một học giả, bà là “người phụ nữ vĩ đại đầu tiên trong lịch sử mà chúng ta được biết.”

Những người kế vị của Hatshepsut đã cố gắng xóa bỏ bà khỏi lịch sử bởi vì, nhiều học giả tin rằng, họ không thể chịu đựng được suy nghĩ về một nữ cai trị. Họ khắc tên cô ấy ra khỏi chữ khắc và đập vỡ các bức tượng của cô ấy bằng búa tạ. Nó gần như hoạt động.

Những người giải mã đã báo động khi họ tìm thấy một vài dòng chữ bị bỏ qua với những từ lạ (theo thứ tự của *kingette*), nhưng toàn bộ câu chuyện chỉ xuất hiện vào những năm 1920, khi các nhà khảo cổ học tìm thấy một cái hố đầy những mảnh vỡ của bức tượng. Họ ghép nhiều bức tượng lại với nhau (bao gồm cả bức tượng này) và câu chuyện.

Sự nhìn nhận

Trong hai mươi năm, tôi đã có một tấm bưu thiếp của Rosetta Stone trên bảng thông báo của mình. Nó được dùng như một món quà lưu niệm trong chuyến đi đến London và là biểu tượng của thiên tài thám tử, giống như chiếc mũ săn hươu của Sherlock Holmes. Tôi chưa bao giờ kiểm tra nó chặt chẽ. Tôi biết câu chuyện của viên đá nhưng chỉ ở dạng sơ lược mơ hồ, và trong suốt thời gian đó, tôi chưa bao giờ tự hỏi chính xác làm thế nào mà người ta có thể giải mã được những biểu tượng bí ẩn của nó.

Câu hỏi đó cuối cùng đã hình thành trong một nhà hàng Thái trên Đại lộ số 7, Brooklyn. Tôi quét thực đơn. Đây là *pad Thái* và *pad see ew*. Tôi chợt nhận ra rằng lẽ ra tôi phải có thể tìm thấy *miếng đệm* ẩn trong dòng chữ Thái đáng yêu, khó hiểu của thực đơn. *Nhưng sau đó thì?*

Vì vậy, bắt đầu một nhiệm vụ kéo dài nhiều năm để tìm hiểu làm thế nào các thiên tài của một thế kỷ trước đã giải mã được Rosetta Stone. Tôi đã dựa vào lời kể và thư của hai nhân vật chính trong câu chuyện, Thomas Young và Jean-François Champollion, cũng như dựa trên nhiều học giả đã cống hiến sự nghiệp của mình để đánh giá đóng góp của hai đối thủ đó.

Tôi biết ơn vô số các thủ thư và nhà nghiên cứu tại Bảo tàng Anh, Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, Bảo tàng Brooklyn và Thư viện Công cộng New York. Trên tất cả, tôi nợ hai học giả hào phóng một món nợ lớn. Một người là Amir Zeldes, một nhà ngôn ngữ học của Đại học Georgetown, người đã ngây thơ trả lời câu hỏi hẹp của một người lạ về các từ đồng âm trong tiếng Coptic và thấy mình bị bao vây, trong suốt nhiều tháng, với vô số lần theo dõi. Người thứ hai là Bob Brier, một nhà Ai Cập học nổi tiếng, tác giả của một giá sách về Ai Cập cổ đại, đồng thời là một học giả rất nhiệt tình và am hiểu về mọi khía cạnh của lịch sử và văn hóa Ai Cập đến nỗi bộ sưu tập sách và đồ tạo tác của ông đã nhiều hơn căn hộ của ông và lấp đầy căn hộ. căn hộ của mình. Anh ấy xem xét kỹ lưỡng các bản nháp, lần theo các tài liệu tham khảo ít người biết đến và làm sáng tỏ hàng trăm câu đố. Trên tất cả, ông đã học được rằng thực sự có một điều như một câu hỏi ngu ngốc. Những sai lầm còn lại đều là do tôi làm chứ không phải của anh ấy.

Marion Leydier đã giúp tôi dịch thuật. Adam Okrasinski không ngừng vẽ đi vẽ lại các chữ tượng hình và vỡ đạn. Carl Berke, Barbara Berke và Michael Golden đã chứng tỏ là những người bạn đồng hành tốt nhất. Daniel Loedel đã hỗ trợ nhiệt tình từ những ngày đầu tiên của cuốn sách. Colin Harrison và Sarah Goldberg đưa ra lời khuyên và hướng dẫn khôn ngoan trong những vấn đề lớn và nhỏ. Aja Pollock đã biên tập bằng con mắt tỉ mỉ

và chu đáo. Flip Brophy, người đại diện và bạn của tôi, có nhiều năng lượng và ý tưởng hơn bất kỳ người nào khác.

Cả hai con trai tôi đều là nhà văn, và tôi kêu gọi chúng, và dựa vào chúng, bất cứ khi nào có cơ hội. Không ai có thể có đồng minh tốt hơn.

Lynn xứng đáng được cảm ơn nhiều hơn những gì tôi có thể diễn tả bằng lời.

Giới thiệu về tác giả



© LYNN VÀNG

Edward Dolnick là tác giả của *The Clockwork Universe* , *The Forger's Spell* , *Down the Great Unknown* , và *The Rescue Artist* từng đoạt giải Edgar, cùng những cuốn sách khác. Từng là nhà văn khoa học chính của tờ *Boston Globe* , ông đã viết cho tờ *Atlantic* , *tạp chí New York Times* và nhiều ấn phẩm khác. Ông sống với vợ gần Washington, DC.

SimonandSchuster.com

www.SimonandSchuster.com/Authors/Edward-Dolnick

[f](#) [t](#) [i](#) [@ScribnerBooks](#)

Cũng bởi Edward Dolnick

*Hạt Giống Sự Sống
Sự vội vàng
vũ trụ đồng hồ
Thần chú của người rèn
nghệ sĩ giải cứu
Xuống Great Unknown
Sự điên rồ trên chiếc ghế dài*

Chúng tôi hy vọng bạn thích đọc ebook Simon & Schuster này.

Nhận sách điện tử MIỄN PHÍ khi bạn tham gia danh sách gửi thư của chúng tôi. Ngoài ra, nhận thông tin cập nhật về bản phát hành mới, ưu đãi, đề xuất đọc và hơn thế nữa từ Simon & Schuster. Nhấp vào bên dưới để đăng ký và xem các điều khoản và điều kiện.

[NHẤP CHUỘT VÀO ĐÂY ĐỂ ĐĂNG KÝ](#)

Đã là một thuê bao? Cung cấp lại email của bạn để chúng tôi có thể đăng ký ebook này và gửi cho bạn nhiều hơn những gì bạn muốn đọc. Bạn sẽ tiếp tục nhận được các ưu đãi độc quyền trong hộp thư đến của mình.

ghi chú

Các nguồn trích dẫn và khẳng định có thể khó nắm bắt có thể được tìm thấy bên dưới. Để giữ những ghi chú này trong giới hạn, tôi đã không ghi lại các sự kiện có thể nhanh chóng kiểm tra trong các nguồn tiêu chuẩn. Thông tin xuất bản chỉ được cung cấp cho sách và bài báo không được liệt kê trong thư mục.

Một số cuốn sách và bài báo mà tôi đã trích dẫn thường rất khó tìm bản in (vì chúng cũ, hoặc tối nghĩa hoặc không phải bằng tiếng Anh). Chúng có sẵn, đầy đủ, trực tuyến. Bao gồm các:

Leon de la Brière, chủ biên, *Champollion Inconnu* (Paris: Librairie Plon, 1897). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y65ylw7s>.

Jean-François Champollion, *Thư gửi Monsieur Dacier* (Paris: Firmin Didot, Ather & Sons, 1822). Bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y6mrk2my>.

Hermine Hartleben, biên tập, *Lettres et Journaux de Champollion le Jeune*, tập 1 (Paris: Ernest Leroux, 1909). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y65hd5e8>.

Hermine Hartleben, chủ biên, *Lettres et Journaux de Champollion le Jeune*, tập 2 (Paris: Ernest Leroux, 1909). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y3bv9rlu>.

Thomas Young, *Bản tường trình về một số khám phá gần đây về văn học chữ tượng hình và cổ vật Ai Cập* (London: John Murray, 1823). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5tz6vsf>.

Thomas Young, “Egypt” (từ *Encyclopedia Britannica* năm 1819) trong *Miscellaneous Works of the Late Thomas Young*, Tập 3: *Tiểu luận tượng hình và thư từ* (London: John Murray, 1855). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y68yvwmw>.

văn bia

“Vây thì chúng ta ở đây, ở Ai Cập”: Đây là trích từ bức thư Flaubert viết cho một người bạn năm hai mươi tám tuổi. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yykrlfks>.

Chương Một: Cổ phần

một “khí hậu không giống bất kỳ khí hậu nào khác” : Herodotus, *The Histories* , cuốn 2, chương 35. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4ftjero>.

“Vàng ở Ai Cập” : Đoạn văn xuất hiện trong “Amarna Letter EA26” gửi cho Nữ hoàng Tiye, bà nội của Tutankhamun. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4ehho3l>.

“những điều kỳ diệu và kỳ lạ” : Nhà du hành là Evliya Çelebi, được trích dẫn trong Hornung, *The Secret Lore of Egypt* , tr. 189.

Napoléon tặng vợ : Brier, *Egyptomania* , tr. 63.

“Tôi đã nhìn thấy sông Nile” : Seyler, *The Obelisk and the Englishman* , tr. 89.

một “vô số chữ tượng hình” : Đây là một người Pháp tên là Paul Lucas (1664–1737), được trích dẫn trong Thompson, *Wonderful Things: A History of Egyptology*, tập. 1, Vị trí Kindle 1489.

“Hầu như không có chỗ trống” : Thompson, *Wonderful Things*, vol. 1, Vị trí Kindle 924.

“một ví dụ nổi bật về mức độ sai lầm” : Pope, *Decipherment* , 88.

“dấu ấn của những người thợ xây” : Fox, *The Riddle of the Labyrinth*, p. 16.

“Mỗi dấu hiệu riêng biệt đều tự nó” : Pope, *Decipherment* , tr. 21.

(Hình phạt cho việc thờ cúng) : Pharr et al., eds., *The Theodosian Codes*, p. 472.

“Người Hy Lạp và La Mã đã tôn trọng” : Mertz, *Temples, Tombs and Hieroglyphs* , tr. 304.

Chương Hai: Cuộc Tìm Kiếm

“(‘Boney’ sẽ chớp lấy chúng)” : Xem bài luận hay “Boney the Bogeyman: How Napoleon Scared Children” của tiểu thuyết gia và nhà sử học Shannon Selin. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5wl7ayo>. Selin trích dẫn một số hồi ký, bao gồm Lucia Elizabeth Abell, *Hồi ức của Hoàng đế Napoléon, trong Ba năm đầu tiên bị giam cầm trên đảo St. Helena* (London, 1844), 12.

“Tôi cho rằng mình sẽ bị tấn công” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , tr. 1.
(Ngay cả các kim tự tháp cũng bị cướp bóc) : Phỏng vấn tác giả, Bob Brier, ngày 8 tháng 4 năm 2019.

Có thể mất hai tuần : Pope, *Decipherment* , p. 62.

“mê tín dị đoan” và “sự sa đọa” : Young, *Recent Discoveries* , tr. 277.

Chương Ba: Thử Thách

“anh em cùng với anh em” : Caesar, *The Gallic War* , p. 78.

thành phố lớn nhất và vĩ đại nhất : Schiff, *Cleopatra* , p. 67.

“Họ vật lộn trong một cuộc đời” : Đây là trích từ bài tiểu luận có tên “Những người nông dân” của Ricardo Caminos, trong *The Egypts* , do Sergio Danadoni biên tập.

“lượn qua trang giấy” : Manguel, *Lịch sử đọc sách* , tr. 48.

Chương Bốn: Tiếng Nói Từ Cát Bụi

Tiểu thuyết gia Nicholson Baker : Baker, *The Anthologist* , p. 108.

“Từ đó là gì” : Manguel, *Lịch sử Đọc* , tr. 6.

“Không cần viết” : Eiseley, *The Star Thrower* , tr. 41.

“Nếu con người tồn tại” : McWhorter, *The Power of Babel* , p. 254.

“khi một ông già chết” : Trích tuyến tại <https://tinyurl.com/y67oarwq>.

những con dao bằng đá quá mỏng : Annie Dillard, *For the Time Being* (New York: Vintage, 2000), tr. 98.

“một bước tiến đáng chú ý” : Whitehead, *Science and the Modern World* , p. 20.

dấu tay dính mực của người ghi chép : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 122.

“Không có mưa, cũng không có dấu hiệu mưa” : Petrie, *Kim tự tháp và Đền thờ* , tr. 150.

dấu vân tay của thợ làm bánh : Trong một bài tiểu luận của nhà Ai Cập học Richard Parkinson có tựa đề “Ai Cập: Cuộc sống trước thế giới bên kia,” *Guardian* , ngày 5 tháng 11 năm 2010.

“chữ viết được tạo ra ngay từ đầu” : Parkinson, *Cracking Codes* , trang 193–94.

“một đôi dép mới” : Trong một cuộc phỏng vấn với nhà Ai Cập học Elizabeth Froom. Trích tuyến tại <https://tinyurl.com/y5576sxh>.

“Tôi giống như một con lừa đối với bạn” : Romer, *Ancient Lives* , tr. 33.

“Tôi là một phụ nữ tự do” : Cerny, “The Will of Naunakhte,” *Tạp chí Khảo cổ học Ai Cập*. Bạn có thể dễ dàng tìm thấy đoạn văn này trên trang web egyptianhieroglyphs.co.uk được quản lý xuất sắc của Mark Millmore , trong phần có tên “Tình yêu, Hôn nhân và Gia đình”.

Một cặp vợ chồng giàu có đã gửi một ngàn bông hồng : Tại trang web Trích tuyến Oxyrhynchus của Đại học Oxford, <https://tinyurl.com/yy9bw8dq>.

và một vở kịch vô danh cũng vậy : Parsons, *City of the Sharp-Nosed Fish* .

“Người tôi yêu ở bên kia” : Bản dịch này của nhà Ai Cập học Barbara Mertz, từ cuốn sách *Cá sấu trên bờ cát của bà*. Cuốn sách là một tiểu thuyết lấy bối cảnh ở Ai Cập (được coi là một trong 100 bí ẩn hay nhất từng được viết!) mà Mertz đã viết dưới bút danh Elizabeth Peters. Cô ấy đã dịch bài thơ hơi khác một chút trong *Red Land, Black Land: Daily Life in Ancient Egypt* , tr. 51.

“Liệu tôi có những cụm từ” : Peet, *Văn học Ai Cập, Palestine, và Mesopotamia* , tr. 120. John Barth đã trích dẫn đoạn văn trong một bài tiểu luận ở *Atlantic* và đưa ra quan điểm về Homer: John Barth, “Do I Repeat Myself?,” *Atlantic* , tháng 8 năm 2011.

Chương Năm: Rất Gần Mà Rất Xa

“Những nghệ nhân uống bia” : Green, “Tut-Tut-Tut,” *New York Review of Books*, ngày 11 tháng 10 năm 1979.

“như thế họ đang gói ghém hành lý cho một chuyến đi” : Brier, *Giết Tutankhamen*, tr. 28.

“Em trẻ lại” : Sdd., tr. 9.

“Người Ai Cập tận hưởng cuộc sống của họ” : Wilson, *Ancient Egypt*, tr. 148.

“một cái nhìn rất méo mó” [FN] : Parkinson, “Ai Cập,” *Guardian*, ngày 5 tháng 11 năm 2010.

Saint Augustine giải thích : Nightingale, *Once Out of Nature*, tr. 51.

cách chữa tóc bạc : Romer, *Những cuộc đời cổ đại*, tr. 75.

“Nếu bạn là khách” : David, *Tôn giáo và Pháp thuật*, tr. 131.

vị vua quân trí đã gửi sứ giả : Nhà triết học Hy Lạp Strabo, người sống vào khoảng thời gian của Chúa Kitô, kể câu chuyện trong cuốn sách *Địa lý*, cuốn sách XVII của ông. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4a8t2ql>.

“Từ những thế kỷ đầu” : Mertz, *Red Land, Black Land*, tr. 55.

“Dép của Tut được trang trí” : “Tutankhamun trong thế kỷ 21: Những hiểu lầm hiện đại về một nền văn hóa cổ đại.” Đây là bài nói chuyện của Robert K. Ritner, trình bày tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Field, Thứ Năm, ngày 26 tháng 10 năm 2006.

“Michelangelo của sông Nile” : Nhà sử học nổi tiếng là Richard Parkinson, một nhà Ai Cập học tại Bảo tàng Anh và là tác giả của *Nhà thờ Ngôi mộ Sơn của Nebamun*.

hai triệu khối đá : Wilkinson, *Ai Cập cổ đại*. Wilkinson thảo luận về việc xây dựng các kim tự tháp trong Chương Bốn, “Thiên đường trên Trái đất.”

Những người lao động là những người tự do [FN] : Berman, “Was There an Exodus?”, *Mosaic*, ngày 2 tháng 3 năm 2015. Berman là một học giả Kinh thánh tại Đại học Bar-Ilan ở Israel. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yyj7slhs>.

Người Ai Cập biết về bánh xe : Bulliett, *Wheel*, p. 41.

“họ lặp lại điều tương tự” : Phỏng vấn tác giả ngày 8 tháng 4 năm 2019.

“Những con vật này thực hiện cùng một chức năng” : Ikram, *Death and Burial*, tr. 89.

“mười đến hai mươi con mèo sâu” : Williams, “Động vật vĩnh cửu,” *National Geographic*, tháng 11 năm 2009.

tỷ lệ “kỳ cục” : Frankfort, *Tôn giáo Ai Cập cổ đại*, tr. số 8.

“một tia sáng buồn về bản chất con người” : Mary Renault, “Sống mãi mãi,” *London Review of Books*, ngày 18 tháng 9 năm 1980.

“Thơ ca của lịch sử” : Schema đang diễn giải GM Trevelyan. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y3yytdyk>.

“sự phân kích của cuộc rượt đuổi” : Parsons, *Sharp-Nosed Fish*.

Kẻ giết người hàng loạt được gọi là Zodiac : Michael Levenson, “Fifty-one Years Later, Coded Message Attributed to Zodiac Killer Has Been Solven, FBI Says,” *New York Times* , ngày 11 tháng 12 năm 2020. Xem thêm một video trên YouTube của nhóm thực hiện đã bẻ mã. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2bym1p6>.

“Tinh thần và nguyên mẫu tối cao” : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 20.

“Thật dễ dàng để lần ra dấu vết” : Diffie và Fischer, “Giải mã so với phân tích mật mã,” trong Parkinson, *Cracking Codes*.

Chương Sáu: Anh Hùng Chinh Phục

“Thiên nhiên đã cạn kiệt mọi quyền năng của mình” : Roberts, *Napoléon* , tr. 158.

Napoléon đã dành hai tuần : Ibid.

“Châu Âu nhỏ bé vẫn chưa đủ” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 3.

Các cuộn giấy Biển Chết : John Allegro, “The Discovery of the Dead Sea Scrolls,” trong Brian Fagan, ed., *Nhân chứng khám phá* , tr. 151.

một quý tộc người Anh tên là Lord Carnarvon : Fagan, *Lord and Pharaoh* , tr. 57.

“Chiến tranh thế giới thứ nhất” : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 25.

“Đất nước đã từng xây dựng các kim tự tháp” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 113. Những tường thuật của tôi về Trận chiến Kim tự tháp và Trận chiến sông Nile dựa rất nhiều vào lịch sử lý kỳ và được nghiên cứu tỉ mỉ của Strathern.

“Hãy để người Frank đến” : Roberts, *Napoléon* , tr. 171.

“cuộc tấn công kỵ binh vĩ đại cuối cùng” : Moorehead, *Blue Nile* , tr. 89.

“Lừa và bác học” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 100.

Chương Bảy: Sàn Tàu Cháy

cận chiến trên tàu gỗ : Keegan, *Intelligence in War*.

“Tôi bị giết” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 100.

“Chiến thắng không phải là một cái tên đủ mạnh” : Warner, *Battle of the Nile* , tr. 95.

“Có vẻ như bạn thích đất nước này” : Roberts, *Napoléon* , p. 178.

“Quân đội Pháp đang gặp khó khăn” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 174.

“Cậu bé đứng trên boong tàu đang cháy” [FN] : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 165.

“Bonaparte, Thành viên của Viện” : Gillispie và Dewachter, eds., *The Monuments of Egypt*, p. 5.

(hậu cung đã từng là gì) : Roberts, *Napoléon* , p. 179.

“những trang đá granit này” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 5.

“càng tận hưởng những cực hình của họ càng tốt” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 335.

(mất mũi, mất mắt và tai) : Roberts, *Napoléon* , tr. 192.

một nhánh hoàn toàn mới của quân đội Pháp : Gillispie, *Science and Polity in France* , p. 372; Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , tr. 3.

Bouchard đã gửi tin tức về việc tìm thấy : Parkinson, *Cracking Codes* , p. 20.

“vị vua trẻ tuổi đã trở dậy” : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 164.

một “người trẻ thoái hóa” : Bevan, *The House of Ptolemy* . Đoạn văn này nằm trong chương VII, “Ptolemy IV, Philopator (221–203 TCN).” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yy7jsx49>.

dòng chữ trên đá ca ngợi : Bản dịch này là từ Ray, *Rosetta Stone* , p. 164.

“the Great Revolt” : Urbanus, “In the Time of the Rosetta Stone,” *Archaeology* , Nov./Dec. 2017.

“Một tầng lớp nhỏ quan chức Hy Lạp” : Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 7493.

Họ kết hôn với những người Hy Lạp khác : Brier, *Ancient Egypt* , p. 41.

Tiếng Hy Lạp đối với anh ấy : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 137.

bài phát biểu thất bại [FN] : Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 7565.

“Anh ấy đã thả những người đang ở trong tù” : Bản dịch này là từ Ray, *Rosetta Stone* , tr. 164.

Chương Tám: Ông Smith Ra Đi

một “khám phá ở Rosetta” : Herold, Bonaparte ở Ai Cập , tr. 191.
các bài thuyết trình của các nhà bác học trải dài khắp nơi : Gillispie, “Scientific Aspects of the French Egypt Expedition,” *Proceedings of the American Philosophical Society* , tháng 12 năm 1989.
“Có bao nhiêu từ cho một con cá?” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , tr. 7.
Mô tả tờ báo đầu tiên : Tờ báo trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yyhzfuvk> .
“Tin tức từ châu Âu đã gây ra cho tôi” : *Courier de l’Egypte* , ngày 15 tháng 9 năm 1799. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yyhzfuvk> .
Chiếc rương mang một nhãn nhật nhỡ : Burleigh, *Mirage* , p. 140.
“Bonaparte đến một cách đặc trưng” : White, *Arocities* , p. 263.
(“thu nhập của 10.000 người một tháng”) : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 36.
“Tên khốn đó đã bỏ rơi chúng ta” : Roberts, *Napoléon* , tr. 201.
(Trước sự giận dữ của những người lính) : Burleigh, *Mirage* , tr. 94.
tái tạo “nghệ thuật Pháp” : Brier, *Egyptomania* , p. 60.
“ngu ngốc, đau khổ và điên loạn” : Roberts, *Napoléon* , p. 177.
nhất, Antoine Lavoisier [FN] : Dennis J. Duveen, “Anton Laurent Lavoisier and the French Revolution,” *Journal of Chemical Education* 31 (Feb. 1954).
“Mỗi buổi sáng những người nông dân khuan vắc những chiếc xô” : Burleigh, *Mirage* , tr. 181.
các nhà bác học “vấp phải xác chết tươi” : Sdd., tr. 182.
Ông từng là Chevalier de Non : Pierre Rosenberg, ed., “Napoleon's Eye.” Đây là danh mục của một cuộc triển lãm tại Louvre, tháng 10 năm 1999–tháng 1. 2000.
(“một nhà ngoại giao, nghệ sĩ và nhà khiêu dâm”) : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 1875.
“Chiến tranh, bạn tỏa sáng rực rỡ làm sao” : Rosenberg, “Napoleon's Eye.”
“Tôi đã khám phá ra trong mình sức mạnh ý chí” : Gillispie và Dewatchter, eds., *The Monuments of Egypt* , tr. 30.
“Của tôi là một lòng mộ đạo nhiệt thành” : Ibid., p. 39.
một phần tư số người bác học đã chết : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 1879.

Chương Chín: Một Danh Nhân Trong Đá

họ đã xảy ra trên hai phát hiện trên người : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 27.

Kẻ tấn công nhanh chóng bị bắt : Herold, *Bonaparte ở Ai Cập* , tr. 404; Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , trang 413–14.

Sau cái chết của Suleiman, bộ xương của ông [FN]: Simon Harrison, *Dark Trophies: Hunting and the Enemy Body in Modern War* (New York: Berghahn Books, 2012), trang 53, 56.

“thần Mars trong bộ đồng phục” : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 35.

“Tôi sẽ bảo vệ mình đến cùng” : Herold, *Bonaparte ở Ai Cập* .

ngủ với nó dưới gầm giường : Strathern, *Napoléon ở Ai Cập* , tr. 414. Các nhà sử học khác tin rằng Menou đã giấu Phiến đá Rosetta trong một nhà kho. Xem Ray, *Rosetta Stone* , tr. 35, và Parkinson, *Cracking Codes* , tr. 22.

“Chưa bao giờ thế giới lại bị cướp bóc như vậy” : Burleigh, *Mirage* , tr. 216.

Cơ thịnh nộ của Menou “đã đánh lạc hướng chúng tôi rất nhiều” : Ibid.

“Khi tôi yêu cầu các bản thảo tiếng Ả Rập” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 32.

(Napoleon hoan nghênh “mùa màng bội thu”) : John Howard, ed., *Letters and Documents of Napoleon, Volume 1: The Rise to Power* , tr. 173. Được Shannon Selin trích dẫn trong “Napoleon's Looted Art.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y3a6nqls> .

“Tôi vừa được thông báo” : Burleigh, *Mirage* , p. 213.

“Bạn đang lấy đi bộ sưu tập của chúng tôi” : Ibid.

“Chúng ta sẽ tự đốt cháy sự giàu có của mình” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 35.

Các giải thưởng bao gồm các bức tượng : Tạp chí quý ông 72, pt. 2 (1802), tr. 726. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2gdpsoo> .

một chiếc quách khổng lồ : Xem mô tả của Bảo tàng Anh. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4cplaws> .

“một chiến tích đáng tự hào của quân đội Anh” : Fagan, ed., *Eyewitness to Discovery* , p. 89.

“một tượng đài vinh quang trường tồn” : Delbourgo, *Collecting the World* , tr. 315.

“Bị Quân đội Anh bắt giữ ở Ai Cập” : Parkinson, *Cracking Codes* , p. 23.

“một trong những nỗi xấu hổ lớn của Bảo tàng” : Richard Parkinson trong một bài giảng về Phiến đá Rosetta, lúc 7:30. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yytufuj8> .

“sở hữu giải thưởng của Bảo tàng Anh” : Beard, “Souvenirs of Culture,” *Art History* 13, no. 4 (tháng 12 năm 1992).

Chương mười: Những phỏng đoán đầu tiên

- Ông đếm được 958 biểu tượng khác nhau : Allen, “The Predecessors of Champollion,” *Proceedings of the American Philosophical Society* 104, số. 5 (17-10-1960), tr. 546.
- (Một đứa trẻ 5 tuổi diễn hình) : Franzo Law II et al., “Vocabulary Size and Auditory Recognition in Preschool Children,” *Applied Psycholinguistics* 38, số. 1 (tháng 1 năm 2017). Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y2vf4hr4>.
- “Những mục tiêu xa hơn mà tôi nghĩ là tốt nhất” : Ray, Rosetta Stone , p. 24.
- “Tôi sẽ trân trọng một bản sao chính xác” : Picci, Ascani, and Buzi, eds., *The Forgotten Scholar* , p. 172.
- Vào cuối Chiến tranh Napoléon : Da trắng, *Sự tàn bạo* , tr. 259.
- họ đã phân phát các bản sao của dòng chữ : Parkinson, *Cracking Codes* , p. 22.
- một hình xăm được sao chép từ lâu : Jacob Mikanowski, “Ngôn ngữ ở nơi tận cùng thế giới,” *Nội các* , Mùa hè 2017. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4k6c2h7>.
- Thomas Young đã gửi một lá thư : Young đã viết thư cho cha của William Bankes và yêu cầu ông chuyển bức thư cho con trai mình. Bức thư trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y5my4l78>.
- “Niềm hy vọng ban đầu tôi ấp ủ” : Solé và Valbelle, Rosetta Stone , tr. 49.
- “Bảy năm đã trôi qua” : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 2087.
- “Mọi thứ bây giờ phải là của Ai Cập” : Nhà văn phàn nàn là Robert Southey, được trích dẫn trong Judith Pascoe, *The Hummingbird Cabinet: A Rare and Curious History of Romantic Collectors* (Ithaca, NY: Cornell University Press, 2006), tr. 112.
- một ngăn kéo được chế tạo đặc biệt : Gillispie and Dewachter, eds., *Monuments of Ancient Egypt* , p. 1.
- “cái tên bất tử của Bonaparte” [FN]: Pope, *Giải mã* , tr. 207.
- sao chép các chữ khắc trên đá “với sự chăm sóc tôn giáo” : Solé và Valbelle, Rosetta Stone , tr. 44.
- “Đá là đá hoa cương đen” : Ibid.
- “Ngày từ lần khám phá đầu tiên” : Thomasson, *Life of JD Åkerblad* , tr. 249.

Chương mười một: Đối Thủ

mang lại cho anh ấy “niềm vui lạ thường” : Glynn, *Elegance in Science*, tr. 108.

Anh ta là con của một người không phù hợp : Ibid., p. 42.

“thà ở dưới hơn là ở trên trạm trung bình” : Hilts, “Bản phác thảo tự truyện,” tr. 248. Gần cuối đời, Young đã viết một bài tự truyện mà ông hy vọng sẽ xuất hiện trong *Encyclopedia Britannica* sau khi ông qua đời. Nó không bao giờ làm, nhưng vào năm 1978, một nhà sử học về khoa học, Victor Hilts, đã xuất bản bài luận của Young cùng với một số bài bình luận.

khoản thừa kế £10.000 : Peacock, *Life of Thomas Young*, tr. 124.

“Nhiệt huyết, đó là lẽ sống duy nhất” : Ray, *Rosetta Stone*, tr. 59.

“những vị thần lỗ bịch” và “những nghi thức mê tín” : Young, *Recent Discoveries*, tr. 79.

“chỉ là người của Lilliput” : Ray, *Rosetta Stone*, tr. 56. Toàn bộ bức thư (bằng tiếng Pháp) có trong Hermine Hartleben, ed., *Lettres et Journaux de Champollion le Jeune*, tome 2, p. 161.

Cũng chính người chú này đã quở trách [FN] : Peacock, *Life of Thomas Young*, tr. 16.

thợ làm bánh nhào bột bằng chân : Herodotus, *The Histories*, cuốn 2, chương 36. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4ftjero>.

những người chịu tang cạo lông mày : Herodotus, *The Histories*, cuốn 2, chương 66. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4aq6fat>.

cá sấu được nuôi làm thú cưng : Herodotus, *The Histories*, cuốn 2, chương 69. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4aq6fat>.

“Bạn đã chứng minh từ lâu rồi” : Aimé Champollion-Figeac, *Les Deux Champollion*, tr. 90. Toàn bộ cuốn sách (bằng tiếng Pháp) có trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4d6t4sg>.

“Năm 1804, ông kết hôn với cô Eliza Maxwell” : Hilts, “Thomas Young's 'Autobiographical Sketch,' ” p. 252.

“một số người Ý hoặc Malta nghèo nàn” : Robinson, *Cracking the Egypt Code*, tr. 83.

“Anh ấy đã thoát ra khỏi bóng tối” : Jean Lacouture, “Champollion, a Hero of the Enlightenment,” *UNESCO Courier*, Oct. 1989. Tiểu sử của Lacouture là *Champollion: Une vie de lumières*.

“Điều tra khoa học là một loại chiến tranh” : Ray, *Rosetta Stone*, p. 51.

“một nhà luận chiến thâm độc” : Lacouture, “Champollion,” *UNESCO Courier*.

“mỏ và móng vuốt” : Thompson, *Wonderful Things*, vol. 1, Vị trí Kindle 2395.

một ngày nào đó anh ấy sẽ giải mã : Ibid., Vị trí Kindle 2130.

Năm 1677, một du khách người Đức : Pope, *Giải mã*, tr. 37.

hầu hết các học giả tin rằng Coptic và Hy Lạp : Hamilton, *The Copts and the West* , p. 195.

Johann Vansleb đã rong ruổi khắp nơi [FN]: Johann Vansleb, *The Present State of Egypt: Or, A New Relation, or Journal, of the Travels of Father Vansleb Through Egypt* , trang 49, 63. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y6sqkdlz>.

Cổ lễ nhà sư tầm quan trọng nhất : Iversen, *The Myth of Egypt* , p. 91.

người đầu tiên mang những viên đất sét : Kramer, *The Sumerians* , p. 7.

hai xác ướp ông đã mua : Iversen, *The Myth of Egypt* , tr. 91.

"Tôi hoàn toàn đầu hàng Coptic" : Adkins and Adkins, *The Keys of Egypt* , tr. 87.

"Tôi chỉ mơ ở Coptic" : Sdd.

để âm thanh của đại chúng Coptic : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , p. 61.

"Tôi nghĩ rằng có rất ít sách Coptic" : Adkins and Adkins, *The Keys of Egypt* , tr. 83.

"Anh ấy biết rất nhiều" : Humphry Davy, "Các nhân vật, của Sir Humphry Davy," *Tạp chí Quý ông* (Tháng 10 năm 1837), tr. 367. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y4fc9n8t>.

Đến hai tuổi : Hilts, " 'Bản phác thảo tự truyện,' " p. 250.

"Hiện tượng trẻ" : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 118.

Nhìn xa trông rộng là Young : Ray, *Rosetta Stone* , p. 41.

người đầu tiên sử dụng từ năng lượng: Wilson, *Signs and Wonders Upon Pharaoh* , p. 18.

"một tình cảm không xa lắm với sự tự phụ" : Hilts, " 'Bản phác thảo tự truyện'" p. 249.

"Với một con mắt ít nổi bật hơn" [FN]: David Atchison và W. Neil Charman, "Đóng góp của Thomas Young đối với quang học thị giác: Bài giảng của người Baker 'Về cơ chế của mắt,'" *Tạp chí Tâm nhìn* , tháng 10 năm 2010. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y69tymgh>.

"Có hai loại thiên tài" : James Gleick, *Genius: The Life and Science of Richard Feynman* (New York: Pantheon, 1992), tr. 10.

Chương 12: Thomas Young gần như ngạc nhiên

Nó đã được tìm thấy trong một ngôi mộ : “Thư của WE Rouse Boughton gửi cho Reverend Stephen Weston về một số cổ vật Ai Cập” (từ *Archeologia* , vol. XVIII), tr. 1. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yz9l7wp4>.

“Bạn nói với tôi rằng tôi sẽ làm cả thế giới kinh ngạc” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 261.

Một chuỗi ký hiệu xuất hiện : Young, “Egypt,” trong *Miscellaneous Works of the Late Thomas Young* , tập. 3, tr. 130. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y68yvwmw>.

“đánh dấu, trên thước thẳng” : Sdd., tr. 132.

“Chắc chắn là lao động trong vài ngày” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 261.

“khiêu khích một cách không thể chấp nhận được” : Ibid.

“Khó khăn còn lớn hơn nhiều” : Sdd., tr. 264.

“Tôi rất nóng lòng muốn biết” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 65.

anh ấy đã “luôn ập ủ những nghi ngờ nghiêm trọng” : Wood, *Thomas Young* , p. 211.

“Tôi nên thêm” : Ibid.

“Tôi luôn làm việc” : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , p. 76.

“Tôi tin chắc rằng tôi đã sẵn sàng rồi” : Sdd., tr. 84. Young kể câu chuyện về lá thư tình cở trong tác phẩm *Những khám phá gần đây của anh ấy* , 40. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y6p2q8t4>.

“Bức thư đầu tiên của bạn làm tôi mất ngủ” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 262.

“Tôi không chút băn khoăn” : Sdd., tr. 264.

Chín mươi năm sau, một nhà sử học Oxford : Charlotte Higgins, “Làm thế nào để giải mã chữ viết tay của người La Mã cổ đại,” *New Yorker* , ngày 1 tháng 5 năm 2017.

Một đồng nghiệp của nhà giải mã vĩ đại Michael Ventris [FN] : Chadwick, *Giải mã Linear B* , tr. 4.

“một chục mảnh trở lên” : Damrosch, *Buried Book* , tr. 30.

Chỉ đơn giản là tách các tờ giấy ra : Tyndall, *Thomas Young* , tr. 23. Đây là bài giảng của nhà vật lý John Tyndall tại Viện Hoàng gia Anh năm 1886. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2rhqkmz>.

“Những người chưa có thói quen” : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , p. 86.

“hàng nối tiếp hàng dấu phẩy kích động” : Mertz, *Red Land, Black Land* , tr. 132.

không có “sự tương tự rất nổi bật” : Nhận xét xuất hiện trong “Ai Cập,” bài tiểu luận năm 1819 của Young trong *Encyclopedia Britannica* , tr. 135. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y3h7o7bv>.

“Nếu bạn muốn biết 'bí mật' của tôi” : Robinson, *Cracking the Egypt Code*
, tr. 89.

Chương 13: Archimedes trong bồn tắm, Thomas Young trong ngôi nhà ở nông thôn

“Thật buồn cười” : Kevin Brown, *Penicillin Man: Alexander Fleming and the Antibiotic Revolution* (Stroud, Gloucestershire, UK: The History Press, 2017), tr. 2.

“Đó là điều không đáng kể” : Nicholas Wroe, “Jonathan Miller: A Man of Many Talents,” *Guardian* , ngày 9 tháng 1 năm 2009.

“Bài báo tiếng Trung của Barrow” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 272fn.

Fleming tình cờ là một tay súng lão luyện [FN]: Siang Yong Tan và Yvonne Tatsumura, “Alexander Fleming (1881–1955): Người phát hiện ra Penicillin,” *Singapore Medical Journal* 56, số. 7 (tháng 7 năm 2015).
Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/mytskgr>.

Đại sứ đến mang theo những món quà : Fleming thảo luận ngắn gọn về chuyến thăm xấu số trong *Barrow's Boys* . Alain Peyrefitte cung cấp một cái nhìn đầy đủ và hấp dẫn về sự va chạm giữa hai nền văn hóa Anh và Trung Quốc, trong *The Immobile Empire* (New York: Vintage, 2013).

“Chúng tôi chưa bao giờ đánh giá cao những bài viết khéo léo” : Fleming, *Barrow's Boys* , tr. 4.

“Đức vua vạn tuế!” : Adkins và Adkins, *Keys of Egypt* , tr. 294.

Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ: Hai cuốn tiểu sử là *Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ: Thomas Young*, Nhà đa khoa ẩn danh đã chứng minh Newton sai, *Chữa khỏi bệnh và giải mã phiến đá Rosetta* của Andrew Robinson, và *Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ* của Mike khúc côn cầu. Robinson là một nhà văn xuất sắc, và tôi đã nhiều lần viết về cuốn tiểu sử này và những cuốn sách tuyệt vời khác của ông về Rosetta Stone, ngôn ngữ và cách viết.

“Khi một người... so sánh tài năng nhỏ bé của chính mình” : Matthew Stewart, *The Courtier and the Heretic : Leibniz, Spinoza, and the Fate of God in the Modern World* (New York: Norton, 2007), tr. 12.

Chương Mười Bốn: Trước Cánh Đồng

“Số phận của tôi đã rõ ràng” : Adkins and Adkins, *Keys of Egypt* , tr. 109.

“Bạn sẽ nói với tôi rằng nó giống như một linh mục” : Sđđ., tr. 134. Câu trích dẫn xuất hiện lần đầu trong Aimé Champollion-Figeac, *Les Deux Champollion* , p. 88. Toàn bộ cuốn sách (bằng tiếng Pháp) có trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4d6t4sg>.

“Từ điển tiếng Coptic của tôi mỗi ngày một dày thêm” : Ceram, *Gods, Graves, and Scholars* , tr. 115.

“Chưa bao giờ người phụ nữ mang lại cho người đàn ông niềm vui lớn như vậy” : Đây là *Idyll* 17 của Theocritus. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2lryxwh>.

“Không có con đường hoàng gia dẫn đến hình học” [FN]: Giai thoại này đã có từ xa xưa và dường như xuất hiện lần đầu tiên trong lịch sử toán học do nhà triết học Hy Lạp Proclus viết vào khoảng những năm 400 sau Công nguyên. Xem Glenn Morrow, ed., *Proclus: A Commentary on the First Book of Euclid's Elements* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1970), tr. 57. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5nv97q>.

“(loại bỏ một điểm xấu là “không cần thiết”) : Young, “Egypt,” in *Miscellaneous Works of the Late Thomas Young* , tập. 3, tr. 159. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y68yvwmw>.

“Những người ủng hộ nhiệt tình nhất của Tiến sĩ Young” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 314.

“tất cả những người đáng được chấp thuận” : Ibid., tr. 254.

“Tuổi trẻ đã vượt xa” : Adkins and Adkins, *Keys of Egypt* , tr. 154.

Chương mười lăm: Lạc vào mê cung

“không có sách nào chất đống” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 119.

“bệnh nhân chuyển dạ không ngừng” : Sdd., tr. 486.

“Đừng nản lòng về văn bản Ai Cập” : Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , tr. 56.

“Ventris sẽ định hướng” : Fox, *Riddle of the Labyrinth*, tr. 218. Câu chuyện là của Leonard Cottrell, “Michael Ventris and his Achievement,” *Antioch Review* 25, không. 1, Đặc San Hy Lạp (Xuân 1965).

“thực sự là một công việc bàn giấy” : Đây là từ một bộ phim tài liệu của BBC về Ventris, *A Very English Genius*. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2ymnykv>.

“cánh cửa bất tung” : BBC, *A Very English Genius* , phần 5. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y4w9qdvh>.

“có ý định lưu giữ ký ức” : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 1653.

“Tôi chẳng hiểu gì cả” : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , p. 67.

“Đó là niềm tin của tôi” : Sdd., tr. 76.

“những năm trăm trở tìm kiếm trong bóng tối” : Nhận xét của Einstein là từ một bài giảng năm 1933 có tựa đề “Về nguồn gốc của Thuyết tương đối rộng” mà ông đã thuyết trình tại Đại học Glasgow.

“một sự khoan dung gần như vô hạn đối với công việc nặng nhọc” : Budiansky, *Battle of Wits* , tr. 136.

“Không có ngành khoa học nào khác” : Đây là từ một bài tiểu luận có tên “Giới thiệu về các phương pháp giải mật mã.” William F. Friedman được liệt kê là tác giả duy nhất, nhưng bài tiểu luận được đồng tác giả bởi Elizebeth Friedman.

“Không phải là 'hoang tưởng' theo nghĩa” : Budiansky, *Battle of Wits* , p. 136.

“ánh sáng của những thế kỷ sắp tới” : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , tr. 33.

anh ấy đã thề rằng một ngày nào đó : Andrew Robinson xem xét câu chuyện này theo cách rõ ràng và cẩn thận đặc trưng và chứng minh rằng nó “gần như chắc chắn là sai.” *Giải Mã Ai Cập* , trang 49–53.

(một “sự khinh bỉ hoàn toàn đối với dư luận”) : Hilts, “Autobiographical Sketch,” p. 249.

“trường nội trú khốn khổ” : Sdd., tr. 250.

anh ấy “có lý khi ra đi” : Ibid.

“càng ít trợ giúp càng tốt” : Young, “On the Mechanism of the Eye.”

những người giải câu đố ô chữ tốt nhất ở Anh : Budiansky, *Battle of Wits* , p. 137.

“tất cả chúng ta đều có thể trở thành những người phá mã” : Beard, “Tiếng Hy Lạp đối với họ là gì?”

“Bằng cách liên tục suy nghĩ về nó” : Richard Westfall, *Never at Rest: A Biography of Isaac Newton* (New York: Cambridge University Press, 1983), tr. 105.

Newton không bao giờ nói đùa : Sdd., tr. 192.

Đức quốc xã cũng sử dụng trò chơi ô chữ [FN] : Kahn, *Codebreakers* , p. 241.

“Newton có thể giữ một vấn đề trong đầu” : John Maynard Keynes, “Newton, the Man.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y9lmmwj3>.

một đại kiện tướng có thể đốt cháy : Đây là từ một bài nói chuyện trên TED của Sapolsky có tiêu đề “Sự độc đáo của con người.” Nhận xét về các đại kiện tướng cờ vua là ở phút thứ mười. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y53vj2ua>.

“một trí nhớ phi thường và sức khỏe tuyệt vời” : Adkins, *Empires of the Plain* , p. 61.

“Dành cho một số ít người bị mê hoặc” : Fox, *Riddle of the Labyrinth* , tr. 207.

Ventris trao đổi thư từ với các học giả Thụy Điển : Chadwick, *Linear B* , p. 2.

Ventris đẹp trai và quyến rũ [FN] : Margalit Fox thảo luận về những lập luận xung quanh cái chết của Ventris trong *The Riddle of the Labyrinth*, trang 212, 261.

“Tôi là người đầu tiên đọc nó” : EA Wallis Budge, *The Rise and Progress of Assyriology* (London: Clay & Sons, 1925), tr. 153. Toàn bộ cuốn sách có trực tuyến tại <https://tinyurl.com/ollt3vt>.

“Sự hồi hộp của cuộc đời bạn” : Fagone, *The Woman Who Smashed Codes* , tr. 75.

Chương mười sáu: Trí tuệ cổ xưa

Ông thậm chí còn biên soạn một bảng : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , p. 121.

“Tất cả chúng ta đều được xăm trong nôi” : Oliver Wendell Holmes Sr. , Nhà thơ bên bàn ăn sáng . Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/yyzmfhrx> .
mãi đến năm 1419 mới được phát hiện : Dieckmann, “Renaissance Hieroglyphics.”

được coi là “sự kính sợ thiêng liêng” : Iversen, *The Myth of Egypt* , tr. 49.

“họ vẽ một con điều hâu” : Alexander Turner Cory (người dịch), *Chữ tượng hình của Horapollon VI*: “Những gì họ biểu thị bằng cách phác họa một con điều hâu,” tr. 13. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y48afn26> .

kền kền có nghĩa là mẹ: Ibid., XI: “What They Imply By Depicting a Vulture,” p. 23.

Ngỗng có nghĩa là con trai: Ibid., LIII: “How They Discuss A Son,” p. 73.

Một con thỏ có nghĩa là mở: Ibid., XXVI: “How An Open,” p. 48.

“một người đàn ông với cái đầu lừa” : Pope, *Giải mã* , p. 18. (Bản dịch của Pope hơi khác so với của Cory.)

“người đi trên mặt nước” : Cory (người dịch), *Chữ tượng hình của Horapollon* , LXVIII: “How an Impossibility,” tr. 79.

Kền kền không chỉ có nghĩa là mẹ: Ibid., XI: “What They Imply by Depicting a Vulture,” p. 23.

“Horapollon già tội nghiệp đã bị mất uy tín” : Nhà Ai Cập học John Ray đã tham gia một bộ phim tài liệu của Kênh Lịch sử có tên *The Rosetta Stone*. Ray đã thảo luận về Horapollon vào khoảng 22 phút. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/yxwucubh> .

Một con cá sấu đại diện cho cái ác: Pope, *Giải mã* , tr. 17.

con cá tượng trưng cho hận thù: Sdd., tr. 25.

“những lời dạy mang tính biểu tượng và huyền bí” : Iversen, *The Myth of Egypt* , tr. 45.

“Tất cả những thứ tỏa sáng qua một bức màn” : Ibid.

“biên niên sử về Trí tuệ Ai Cập cổ đại” : Glassie, *Con người của những quan niệm sai lầm* , tr. 46.

“Tất cả những bí mật của nghệ thuật tượng hình” : Pope, *Decipherment* , p. 31.

“đức tính và quà tặng trong thế giới thiên văn” : Ray, *Rosetta Stone* , p. 20.

sự khám phá ra châu Mỹ : Glassie, *Con người của những quan niệm sai lầm* , tr. 135.

“Không có gì đẹp hơn là biết tất cả” : Bauer, *Unsolved* , p. 35.

“trước đây là ngôn ngữ của Pharaon” : Iversen, *The Myth of Egypt* , tr. 92.

“những cái nhìn kỳ lạ về thiên tài” : Sdd., tr. 96.

“Những tấm màn ẩn dụ và bí ẩn” : Ucko và Champion, eds., *The Wisdom of Egypt*.

“cổ tình bỏ qua mọi bằng chứng” : Iversen, *The Myth of Egypt* , p. 49.

“nhiệm vụ dẫn dắt người chết” : Coe, *Breaking the Maya Code* , Kindle location 2527.

Chương 17: “Mật mã và văn bản bí mật”

- Toán học Ai Cập rất thô sơ : Dirk J. Struik, *A Concise History of Mathematics* (New York: Dover, 1967), tr. 26.
- ném nã vào sọt rác : Brier, *Ancient Egypt* , tr. 61.
- Trái tim thật đặc biệt : Ibid.
- “không phải như những người đàn ông khác” : Ray, *Rosetta Stone* , p. 19.
- Họ đã biết luật hấp dẫn : Haycock, *Khoa học, Tôn giáo và Khảo cổ học ở Anh thế kỷ 18* , đặc biệt là chương 4, “Đại vũ trụ”. Có sẵn trực tuyến tại trang web kỳ diệu có tên “Dự án Newton,” <https://tinyurl.com/y37nbd92> .
- “Người Ai Cập,” Newton viết : Westfall, *Never at Rest* , tr. 434.
- “Quá khứ luôn tốt hơn hiện tại” : Yates, *Giordano Bruno and the Hermetic Tradition* , p. 1.
- “những nhà tư tưởng sớm nhất đã đi gần hơn” : Ibid., p. 5.
- “Ai Cập là quê hương nguyên thủy” : Ibid.
- “Để ‘khám phá’ là rút lui” : McMahon, *Divine Fury* , tr. 4.
- “Cho đến khoảng năm 1649” : John Aubrey, *The Natural History of Wiltshire* (London: Nichols, 1847). Được xuất bản lần đầu vào năm 1685. Nhận xét của Aubrey là từ lời nói đầu của ông.
- “những biểu tượng vĩ đại nhất của chế độ độc tài” : Toby Wilkinson, “The Tradition of the Pharaohs Lives On,” *Wall Street Journal* , ngày 5 tháng 2 năm 2011.
- xác ướp teo tóp ở phần lõi : Brier, *Vụ sát hại Tutankhamen* , tr. 6.
- “vỡ tay thích thú” : Vivant Denon, *Travels in Upper and Lower Egypt* , vol. 2 (London: Longman, 1803), tr. 84.
- “(Tôi sẽ không bao giờ quên)” : Geoffrey Wall, *Flaubert: A Life* (New York: Farrar, Straus and Giroux, 2007), tr. 176.
- để giải mã “Mật mã kỳ lạ” đó : William P. Dunn, *Sir Thomas Browne : A Study in Religious Philosophy* (Minneapolis: University of Minnesota Press, 1950), p. 95.
- “một mật mã và một cách viết bí mật” : Steven Levy, *Crypto: How the Code Rebels Beat the Government—Saving Privacy in the Digital Age* (New York: Penguin, 2002), tr. 7.
- “Người mẹ của tình yêu mô phỏng” : Holly Haworth, “The Fading Stars: A Constellation,” *Lapham's Quarterly* (Mùa đông 2019). Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y7t9tw7a> .
- “chữ tượng hình vẽ nên những vật thể vô hình” : Hugh Blair, *Các bài giảng về phép tu từ và văn xuôi* (London: Lockwood and Son, 1857), Bài giảng 7: “Sự phát triển của ngôn ngữ và chữ viết,” tr. 57. Toàn bộ cuốn sách, được xuất bản lần đầu vào năm 1783, có trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yxogepvm> .

Chương Mười Tám: Cuộc Lưu đày

trải dài trên sáu mươi nghìn mẫu Anh : Sebba, *Exiled Collector* , tr. 17.

“rất buồn tẻ, rất hay xen vào, rất ngớ ngẩn” : Sdd., tr. 114.

“cười hai tiếng” : Sdd., tr. 115.

“cha đẻ của mọi trò nghịch ngợm” : Đây là một bức thư được viết vào năm 1820. George Gordon Byron, *Byron's Letters and Journals: The Complete and Unexpurgated Text* , tập. 1 (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1973), tr. 110fn9.

“không hoàn toàn khác một con tôm” : Finati, *Cuộc sống và những cuộc phiêu lưu* , tập. 2, tr. 78.

Một chút rủi ro : Finati kể câu chuyện về người dụ rắn trong hồi ký của mình. Finati, *Cuộc sống và những cuộc phiêu lưu* , tập. 2, tr. 99.

do Laurel và Hardy dàn dựng : Chúng tôi có lời kể của nhân chứng từ hai cuốn hồi ký khác nhau, một của Belzoni và một của Giovanni Finati, người đã đi cùng Bankes trong bốn năm.

“Mọi người đều làm việc” : Sdd., tr. 308.

“Than ôi!” Belzoni nhớ lại : Belzoni, *Travels in Egypt and Nubia* , p. 295.

“cứng như cột” : Sdd., tr. 296.

“Nếu thuyền đựng đá” : Sdd., tr. 299.

“con thuyền vì đại quay và lắc lư” : Finati, *Cuộc sống và những cuộc phiêu lưu* , tập. 2, tr. 309.

(mục đích của anh ấy là “kết hợp nhiều tiện nghi”) : Sebba, *Exiled Collector* , tr. 174.

một từ duy nhất bằng bút chì : Patricia Usick, “Bộ sưu tập các bản vẽ và bản thảo của William John Bankes liên quan đến Nubia cổ đại,” tr. 40. Đây là luận án tiến sĩ của Đại học London từ năm 1998. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y6hhdqrg>.

những thập kỷ đầu của những năm 1800 là khoảng thời gian khủng khiếp : Như đã lưu ý trong văn bản, vụ hành quyết cuối cùng vì tội kê gian trên đất Anh diễn ra vào năm 1835. Naomi Wolf đã gây chấn động mạnh vào năm 2019 khi cô viết nhầm rằng nước Anh tiếp tục hành quyết hành quyết vì tội kê gian cho đến giữa những năm 1800.

Bản án về tội “đồng tính luyến ái” : Morrison, *The Regency Years* , p. 161.

“nhiều vụ hành quyết vì tội kê gian hơn là giết người” : AD Harvey, “Các vụ truy tố tội kê gian ở Anh vào đầu thế kỷ 19,” *Tạp chí Lịch sử* 21, số. 4 (1978)

Nước Anh hành quyết hơn năm mươi người : Ibid.

bản án điển hình là mười năm : Sebba, *Exiled Collector* , p. 177.

bị bãi bỏ vì cướp biển, buôn bán nô lệ và hãm hiếp : Ibid., tr. 157.

“họ cười thay vì đốt” : Sdd., tr. 188.

Bankes bị đưa ra xét xử : Anna Sebba kể câu chuyện về hai lần Bankes bị bắt và sự lưu đày của anh ta một cách chi tiết hấp dẫn trong chương 7 và 8 trong tiểu sử của cô.

Trong một trường hợp khét tiếng vào năm 1811 [FN]: Morrison kể câu chuyện ngắn gọn trong *The Regency Years* , trang 161–62, và Lilian Faderman xem xét nó ở độ dài cả cuốn sách trong *Scotch Verdict : The Real-Life Story that Inspired “The Children’s Hour”* (New York: Nhà xuất bản Đại học Columbia, 1983). Bạn có thể tìm thấy những nhận xét về “sự bất khả thi về thể chất” và “Chúa cứu nhà vua” ở [trang 233](#).

“anh ấy đang viết hướng dẫn hàng ngày” : Sebba, *Exiled Collector* , tr. 231.

Chương 19: Champollion đến rồi

“Người Anh không còn biết tiếng Ai Cập nữa” : LaBrière, ed., *Champollion Inconnu* , p. 65. Toàn bộ cuốn sách có trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y65ylw7s>.

“Tôi chắc chắn đã mong đợi tìm thấy” : Young, “Discoveries in Hieroglyphical Literature,” trong *Miscellaneous Works of the Late Thomas Young* , tập. 3, tr. 292. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y68yvwmw>.

Champollion gọi nó là “chim ưng chim sẻ” : Champollion, *Thư gửi Monsieur Dacier* , tr. 4. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y6mrk2my>.

Sau đó là “một tách trà cạn” : Những mô tả về chữ tượng hình này là của riêng Champollion, từ *Thư gửi Monsieur Dacier* của ông , trang 4–5.

(những sai lầm ngớ ngẩn buồn cười của “học giả người Anh này”) : Ibid., p. 30fn22.

“Khi tôi không rảnh rồi” : Young, *Những khám phá gần đây* , tr. 49.

“thảm kịch lớn của khoa học” : Thomas Huxley, *Collected Essays* , vol. 8, tr. 229. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y9mcunw7>.

“Chín mươi phần trăm của vũ trụ” : Thời báo New York , ngày 29 tháng 12 năm 1960.

Chương 20: “Một sự hỗn loạn thực sự”

một lời giải thích thực tế : Manlio Simonetti, ed., *Ancient Christian Commentary on Thánh Kinh: Ma-thi-ơ 14–28* (Westmont, IL: InterVarsity Press, 2002), tr. 102.

một sai lầm của một chữ cái : Cuộc phỏng vấn của tác giả với Tiến sĩ Benjamin Solomon, Viện Nghiên cứu Bộ gen Người Quốc gia, ngày 24 tháng 2 năm 2020.

khét tiếng với vô số tội ác : Daniel Luckenbill, *Ancient Records of Assyria and Babylonia* , vol. 2 (Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1927), tr. 319.

“Ngày và đêm chúng ta sẽ căng thẳng” : Andrew George (trans. and ed.), *The Epic of Gilgamesh* (New York: Penguin, 2003), tr. xxii.

“Trong cơn hấp hối của họ” : Greenblatt, *Adam và Eve* , tr. 42.

Carsten Niebuhr, nhà thám hiểm người Đan Mạch : Hansen, *Arabia Felix*, tr. 114; Guichard, Jr., *Niebuhr ở Ai Cập* , tr. 1.

“các bức vẽ là một mối hỗn độn” : Wilson, *Signs and Wonders* , tr. 31.

“thói quen của một câu học sinh” : Hilts, “Bản phác thảo tự truyện,” tr. 254.

một ấn phẩm có tên The Nautical Almanac: Peacock, *Life of Thomas Young* , p. 356.

“làm giảm phẩm giá của anh ấy trong quy mô tồn tại” : Hilts, “Bản phác thảo tự truyện,” tr. 253.

lực lượng quân sự lớn nhất : Daniel Mendelsohn, “Arms and the Man,” *New Yorker* , 28/04/2008.

Champollion đã nhận ra chữ tượng hình của nó : Pope, *Deciphering* , p. 74.

“Thật là rõ ràng”: Ibid.

“một sự hỗn loạn thực sự” : Champollion, *Précis du Système Hiéroglyphique* , tr. 255. (Pope dịch đoạn trong *Deciphering* , tr. 75.)

“Không thể tránh khỏi [nó sẽ] rất mơ hồ” : Ibid.

Chương 21: Sự ra đời của chữ viết

“Biểu tượng mũ cứng nghĩa là” : Man, *Alpha Beta* , tr. 19.

được chọn để thêm chú thích : Tôi nợ Michael Cook nhận xét này. Xem *Lược sử loài người* (New York: Norton, 2005), tr. 45.

“những chiếc lọ, ổ bánh mì và động vật” : Tim Harford, “50 Things That Made the Modern Economy,” BBC World Service, tập “Cuneiform”, phát sóng ngày 30 tháng 4 năm 2017.

một Sherlock Holmes người Pháp : Schmandt-Besserat, “Sự phát triển của chữ viết,” tr. 9. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y72ynmqz>.

“Viên đá Rosetta của hệ thống chữ khắc” : Schmandt-Besserat, *How Writing Came About* , tr. 9.

Paul Revere đã sử dụng đèn lồng : Michael Coe trích dẫn Paul Revere trong *Breaking the Maya Code* , vị trí Kindle 274.

“những con người vĩ đại phải khám phá ra những điều đơn giản” : D'Arcy Wentworth Thompson, *On Growth and Form* (New York: Dover, 1972), tr. 13.

chỉ “một số vị thần hoặc một số người đàn ông thiêng liêng” : Cụm từ này là từ “Pilebus” của Plato, được trích dẫn trong Hornung, *Truyền thuyết bí mật của Ai Cập* , tr. 21.

phải mất một nghìn năm: Ludwig Morenz, “Nguồn gốc của Văn học Ai Cập” ở Manley, ed., *Seventy Great Mysteries* , tr. 211.

“Hoàng thượng đuổi theo họ” : James B. Pritchard, *Văn bản Cận Đông cổ đại liên quan đến Cựu Ước có phần bổ sung* (Princeton, NJ: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2016), trang 245 và 245fn12.

“anh hùng vô song” : Ian Shaw, chủ biên, *The Oxford History of Ancient Egypt* (Oxford, UK: Oxford University Press, 2003), trang 118–20.

“Tôi cắt cổ họ như những con cừu non” [FN]: Erika Belibtreu, “Hồ sơ tra tấn và cái chết rừng rợn của người Assyria,” *Biblical Archaeological Society* , Jan./Feb. 1991.

Chương hai mươi hai: Người khổng lồ Paduan

- “dấu hiệu của sự vật chứ không phải âm thanh” : Jean-François Champollion, *De l'écriture hiéroglyphique des anciens Égyptiens*, tr. 2. Đây là mục thứ tư và cũng là mục cuối cùng trong danh sách mà Champollion đưa ra về những phát hiện chính của mình. (Đầu tiên là chữ tượng hình “không theo thứ tự bảng chữ cái nào cả.”) Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5p2ek2w>.
- (có 166 chữ tượng hình khác nhau) : Champollion, *Précis du système hiéroglyphique des anciens Égyptien* , p. 266. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2cbjcqz>.
- chịu đựng một tuổi thơ khôn khổ : François Pouillion, ed. *Dictionnaire des Orientalistes de langue Française* (Paris: IISMM, 2008), “Rémusat,” tr. 810.
- “không thầy, không sách” : Sđd.
- Cơ quan thống trị của Pháp về tiếng Trung Quốc : Pope, *Giải mã* , tr. 76.
- “họ hợp thành một nửa tốt đẹp” : Ibid.
- khách du lịch bị đứt lìa bàn tay hoặc cánh tay : Jill Sullivan, *Popular Exhibitions, Science and Showmanship, 1840–1910* (Abingdon-on-Thames, Oxfordshire, UK: Taylor & Francis: 2015), tr. 202.
- mười một người đàn ông cùng một lúc : Mayes, *Belzoni* , tr. 20.
- Shelley chưa bao giờ đặt chân đến Ai Cập [FN]: Guy Davenport, “Ozymandias,” *New York Times* , 28-5-1978; John Rodenbeck, “Du khách từ một vùng đất cổ xưa: Nguồn cảm hứng của Shelley cho 'Ozymandias,'” *Alif: Tạp chí thơ so sánh* 24 (2004), trang 124–25.
- “Nhưng thật là một nơi nghỉ ngơi!” : Belzoni, *Du hành ở Ai Cập và Nubia* , tr. 132.
- “một nghìn thế hệ trộm mộ” : Mertz, *Temples, Tombs, and Hieroglyphs* , tr. 72.

Chương 23: Abu Simbel

được thúc đẩy gần như hoàn toàn bởi sự tò mò : Moorehead, *Blue Nile* , p. 145.

“những chiếc mũ chỉ xuất hiện” : Burckhardt, *Travels in Nubia* , tr. 91.

Toàn bộ cuốn sách có trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5l5tkso>.

đã sử dụng chính những viên đá đó để xây dựng lại dưới tên của mình : Wilson, *Ancient Egypt* , tr. 252.

ngón chân cái của người khổng lồ : Ngón chân có chiều ngang 14,7 inch. Flinders Petrie, *Tanis, Phần I*, 1883–4 (London: Trübner, 1889), tr. 22.

nó liệt kê nghề nghiệp của ông là “Vua (đã qua đời)” : Nhà Ai Cập học Rosalie David là nguồn gốc của câu chuyện “Vua (đã qua đời)”. Xem cuộc phỏng vấn năm 2010 này trong bản tin của Đại học Manchester, <https://tinyurl.com/y6l7jo5z>. Câu chuyện có thể đã phát triển qua nhiều năm. Trong cuốn sách *Conversations with Mummies: New Light on the Lives of Ancient Egypt* , xuất bản một thập kỷ trước đó, vào năm 2000, David đã viết (ở [trang 108](#)) rằng “có tin đồn” rằng Ramesses mang hộ chiếu “Vua (đã qua đời)”.

“a Giant Beware of Pharaoh sign” : “Kỹ thuật Ai Cập”, DVD do *National Geographic* thực hiện. Peter Brand, một nhà Ai Cập học tại Đại học Memphis, xuất hiện ở phút thứ 77.

Ramesses ngồi trên ngai vàng cao 67 feet : Brier, *Ancient Egypt* , p. 37.

“Toàn bộ giống như một sự hỗn loạn” : Belzoni, *Travels in Egypt and Nubia* , tr. 167.

Bão cát “xé nát mặt đất” : Petrie, *The Pyramids and Temples of Gizeh* , tr. 151.

Petrie làm lụng vất vả dưới nắng sa mạc : Petrie, *Seventy Years in Archaeology* , tr. 21.

Kilroy đã ở đây [FN] : Green, “Tut-Tut-Tut.”

“một hương vị của riêng nó” : Drower, *Petrie* , p. 319.

“một cái bàn quá tệ” : Stiebing, *Uncovering the Past* , p. 80.

“nếu lon không nổ” : Adams, *Millionaire and the Mummies* , trang 97–8.

“giống như đục lỗ trên mặt nước” : Belzoni, *Travels in Egypt and Nubia* , tr. 68.

Anh ấy chưa bao giờ nhìn thấy Abu Simbel : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 2565.

Ánh sáng duy nhất đến : Sebba, *Exiled Collector* , tr. 99.

“Họ đã tìm thấy kho báu gì?” : Seyler, *The Obelisk and the Englishman* , tr. 176.

Chương hai mươi bốn: Eureka!

“tên vô lại bắn thiêu” đó : Thompson, *Wonderful Things* , vol. 1, Vị trí Kindle 2197.

bộ máy trí tuệ phức tạp : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 88.

Socrates kể lại một câu chuyện : Đoạn văn xảy ra trong “Phaedrus.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yxafzdpj>.

“tác giả của mọi tác phẩm” : Budge, *The Gods of the Egyptians* , vol. 1, tr. 414.

cặp đôi hoàng gia chính là họ : Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 3442.

Treo ngược : Darnell and Manassa, *Tutankhamun's Armies* , tr. 18.

“Tôi mơ ở Coptic” : Adkins and Adkins, *Keys of Egypt* , tr. 87.

Chương Hai mươi lăm: Ra mắt

ông ca ngợi ông là Oedipus : Aimé Champollion Figeac, *Les Deux Champollion* , tr. 41.

Champollion xông vào phòng : Sdd., tr. 57.

không phản hồi trong “năm ngày trọn vẹn” : Hartleben, *Champollion: Sein Leben und Sein Werk* , p. 422.

Young đã đến Paris : Young, *Những khám phá gần đây* , tr. 38.

“được công nhận một cách công bằng nhất” : Ibid., p. 39.

“từng bước một và rất ngắn gọn” : Champollion, *Thư gửi Monsieur Dacier* , tr. 7.

“tại sao người Ai Cập quyết định” : Ibid., tr. 12.

Nguyên tắc tương tự được áp dụng : Ibid., trang 12–13.

Hãy xem kỹ bảng chữ cái hiện đại : Sdd., tr. 15.

“Cuối cùng chúng ta cũng có thể đọc” : Sdd., tr. 16.

“cao hơn cả tháp Notre Dame” : LaBrière, ed., *Champollion Inconnu* , p. 71.

“Bây giờ mọi thứ đều có thể” : Hartleben, ed., *Lettres de Champollion le Jeune* , tome 1, tr. v.v.

“nhiều điều mà tôi muốn thể hiện” : Peacock, *Life of Thomas Young*, tr. 322.

“một cộng tác viên cấp dưới trong các nghiên cứu của tôi” : Young, *Miscellaneous Works* , vol. 3, tr. 222.

Champollion đã làm được những việc “khủng” : Ibid., p. 220.

“nếu anh ấy mượn một chiếc chìa khóa tiếng Anh” : Ibid.

được sử dụng trong “chữ viết tượng hình thuần túy” : Champollion, *Thư gửi Monsieur Dacier* , tr. 15.

“đi sâu vào các chi tiết dài dòng” : Ibid.

Chương Hai mươi sáu: Con vịt có thể là mẹ của ai đó

“Tôi đã nghi ngờ từ lâu” : Young, *Miscellaneous Works* , vol. 3, tr. 77.

“có thể là chúng ta có thể vào một thời điểm nào đó trong tương lai” : Ibid.

Nhưng Caligula và Nero không có con trai : Pope, *Decipherment* , p. 82.

Jerome có ý tưởng sáng suốt : James Geary, *Wit's End: What Is Is, How it Works, and Why* (New York: Norton, 2018), p. 5.

đồng hồ làm quà cưới tồi : Fallows, *Dreaming in Chinese* , tr. 44.

Voilà, ba mươi hai nghìn gia súc : Gardiner, *Văn phạm Ai Cập* , tr. 7.

“Bí mật của ngôn ngữ đã được tiết lộ” : Helen Keller, *Câu chuyện về cuộc đời tôi* (New York: Dover, 2012), tr. 12.

nhiều chữ tượng hình là “ẩn dụ chết” : Parkinson, *Cracking Codes* , p. 63.

“Chữ viết tượng hình là một hệ thống phức tạp” : Champollion, *Précis du Système Hiéroglyphique* , p. 327. (Robinson dịch đoạn trong *Cracking the Egypt Code* , tr. 15.)

Chương Hai mươi bảy: Căng thẳng để nghe

“mong muốn tự do” : Young, *Recent Discoveries* , tr. 39.

“bất kỳ ý định nào thực sự không trung thực” : Ibid.

“Có thể không hoàn toàn công bằng” : Sdd., tr. 42.

“ba từ liên tiếp” : LaBrière, ed., *Champollion Inconnu* , p. 66.

“những khám phá” trên thực tế chỉ là tưởng tượng : Ibid.

“hòn đá chồng lên hòn đá khác” : Sdd.

“khoe khoang lối bịch” : Sdd., tr. 65.

“Tiến sĩ. Young đã làm một số công việc” : Champollion, *Thư gửi Monsieur Dacier* , tr. 30fn22.

“tư tưởng của học giả người Anh này” : Ibid.

các nhà khảo cổ xung đột giận dữ : Baruch A. Levin, “Notes on a Aramaic Dream Text from Egypt,” *Journal of the American Oriental Society* 84, no. 1 (tháng 1–tháng 3 năm 1964).

(Sự chậm chạp trong hệ thống) : Phỏng vấn của tác giả với Amir Zeldes, ngày 20 tháng 10 năm 2018.

“mảnh bị cắt xén và không hoàn hảo” : Nhận xét này là từ một ghi chú của Simon Wilken, người biên tập ấn bản năm 1852 của Thomas Browne's *Vulgar Errors*. Xem “Những bức tranh tượng hình của người Ai Cập,” cuốn V, chương XX. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y6dgljst>.

những thông điệp tiềm thức rùng rợn : Jeffrey Bloomer, “Tại sao mọi người nghĩ Aladdin có một thông điệp tình dục bí mật,” *Slate* , ngày 24 tháng 5 năm 2019. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/yxu3jgdo>.

Cụm từ để nhận dạng giọng nói : Dave Tompkins, *How to Wreck a Nice Beach: The Vocoder from World War II to Hip Hop, The Machine Speaks* (Chicago: Stop Smiling Books, 2010).

nhà thơ đã ăn thịt sư tử : Fallows, *Dreaming in Chinese* , p. 40.

bạn và thù giống hệt nhau : Everett, *Don't Sleep, There Are Snakes* , tr. 185. Cả hai từ đều có ba âm giống nhau, nhưng *bạn* có hai âm cao và *thù* chỉ có một.

anh lược mẹ vợ : Gleick, *Thông tin* , tr. 23.

chúng tôi sẽ không bao giờ nghe thấy : Có lẽ “không bao giờ” là quá mạnh. Từ *New York Times* đưa tin vào tháng 1 năm 2020 về một nhóm các nhà khoa học đã cố gắng tái tạo giọng nói của một linh mục Ai Cập đã được ướp xác tên là Nesyamun. Trong hai trăm năm qua, xác ướp của Nesyamun đã ở Bảo tàng Thành phố Leeds ở Anh. Nesmayun đã chết cách đây khoảng ba nghìn năm, vào khoảng năm 1100 trước Công nguyên. (Một dòng chữ trên quan tài của anh ta gọi anh ta là “Nesmayun, Âm thanh của giọng nói.”) Phần lớn miệng và cổ họng của xác ướp vẫn còn nguyên vẹn, và các thí nghiệm gần đây liên quan đến việc in bản sao 3-D hộp thoại của Nesmayun và cố gắng tái tạo âm thanh của anh ta. lời nói. Cho đến nay, các nhà khoa học đã cố gắng tổng hợp một âm thanh duy nhất giống như “ah”. Đây là một nhiệm vụ khó khăn và cũng là một

nhiệm vụ khó đánh giá. Đây có phải là một cú nhảy vào không trung hay giai đoạn sớm nhất của chuyến hành trình lên mặt trăng? (Xem Nicholas St. Fleur, “The Mummy Speaks: Hear Sounds from the Voice of an Ancient Egypt Priest,” *New York Times*, ngày 23 tháng 1 năm 2020.)

[có lẽ đồng hồ có thể thông báo:](#) Trang web của Thư viện Quốc hội, “Lịch sử của Máy quay đĩa hình trụ.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/zcbn7jh>.

[“Dụng cụ không răng, không lưỡi này”](#): Richard Osborne, *Vinyl: A History of the Analogue Record* (Abingdon, UK: Routledge, 2012), tr. 23.

[chúng ta có thể nghe nó cho đến ngày nay](#): Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5trmalz>.

[Một giọng nói đã im lặng](#): Có lẽ sự hồi sinh này là độc nhất vô nhị, mặc dù một số nhà khoa học lạc quan đã nuôi hy vọng rằng một số cuộc trò chuyện cổ xưa đã được ghi lại một cách tình cờ. Kịch bản của họ bắt đầu với một người thợ gốm đã qua đời cầm một chiếc que nhọn vào một chiếc nồi khi nó quay xung quanh bánh xe thợ gốm của anh ta để khắc một thiết kế. Chẳng lẽ hần vô tình ghi lại âm thanh trong phòng? Ít nhất một nhà khảo cổ tuyên bố đã thực hiện các thí nghiệm đầy hứa hẹn trên những đường đó.

Triết gia người Mỹ Charles S. Peirce dường như là người đầu tiên hình dung ra việc nghe lén sau khi thực tế như vậy. Ông đã viết vào khoảng năm 1902: “Hãy cho khoa học thêm một trăm thế kỷ nữa về sự gia tăng tiến trình hình học, và cô ấy có thể sẽ phát hiện ra rằng các sóng âm thanh trong giọng nói của Aristotle đã tự ghi lại bằng cách nào đó.”

[Lạy Cha chúng con, Đấng ở trên trời:](#) Trích dẫn trong Parkinson, *Cracking Codes*, tr. 42.

[ngày nay hầu như không thể hiểu được](#): Gerald Davis, *Beowulf: The New Translation* (Bridgeport, CT: Insignia, 2013), tr. 13.

[Tiếng Anh cổ cho cơ thể:](#) Josephine Livingstone, “Tiếng Anh cổ,” *Tạp chí New York Times*, ngày 6 tháng 1 năm 2019.

[“'Hickory, Dickory, Dock' ”](#): John McWhorter, “Đừng sử dụng từ 'Thù lao,’” *Atlantic*, ngày 24 tháng 10 năm 2019. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y3rkm8c8>.

Chương Hai mươi tám: Sức mạnh của những con số

(nguồn gốc của ký hiệu ankh) : Tác giả phỏng vấn Bob Brier, ngày 8 tháng 4 năm 2019.

Tiếp theo trong vở đạn Ptolemy : Budge, *Rosetta Stone*, p. 14. Đây là một tập sách do Bảo tàng Anh xuất bản năm 1913. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/y6s92hbr>.

“Bạn cần những từ lớn, quan trọng” : Phỏng vấn tác giả ngày 20 tháng 10 năm 2018. Tất cả các trích dẫn từ Zeldes trong chương này là từ cuộc phỏng vấn này. Zeldes là phó giáo sư ngôn ngữ học tính toán tại Georgetown và đồng biên tập từ điển Coptic.

Hãy cho chúng tôi hôm nay bánh mì hàng ngày của chúng tôi: John Hennig, “Our Daily Bread,” *Theological Studies* 4, số. 3 (01/09/1943).

“balk'd in their own blood” : Cụm từ này lấy từ *Henry IV, Phần Một*.

Mark Twain phàn nàn : Trong cuốn “The Awful German Language,” là phần phụ lục của *A Tramp Abroad*.

Từ cá sấu: Xem Từ điển Từ nguyên Trực tuyến, tại <https://www.etymonline.com/word/alligator>.

theo nhận định của nhà Ai Cập học John Ray : Ray, *Rosetta Stone* , p. 90.

Chương hai mươi chín: Đôi chân biết đi

Ông đặt tên cho những dấu hiệu đặc biệt này là “dấu hiệu xác định” :

“Déterminatif” đầu tiên mà Champollion xác định được là một biểu tượng ngôi sao đánh dấu sự phân chia thời gian. Xem Hartleben, ed., *Lettres et Journaux de Champollion*, tập 2, tr. 117.

Các chữ tượng hình được phát âm là meo meo: Parkinson, *Cracking Codes*, p. 65.

tang tóc xé tóc : Sdd., tr. 62.

Từ xác định kẻ thù: Darnell, *Tutankhamen's Armies*, p. 59.

(“Tai của một cậu bé ở sau lưng”): Vú, *Lịch sử Ai Cập*, tr. 99.

Hoặc lấy Navajo : Kahn, *The Codebreakers*, tr. 290.

chữ viết hình nêm đã sử dụng các chiến lược tương tự : Chadwick, *Linear B*, p. 32.

Về một chữ tượng hình trong năm : Parkinson, *Cracking Codes*, tr. 59.

“một món đồ chơi để giải trí trong giới sư phạm” : Ebers, *Egypt: Historical, Descriptive, and Picturesque*, p. 8. Nhận xét xuất hiện trong Lời giới thiệu, được viết bởi nhà Ai Cập học Samuel Birch.

Chương Ba Mười: Áo Sạch Tay Mềm

Những phát hiện gần đây : John Noble Wilford, “Discovery of Egypt Inscriptions Indicates an Early Date for Origin of the Alphabet,” *New York Times* , ngày 13 tháng 11 năm 1999.

“Phiên bản chữ viết 'Dành cho người mới bắt đầu'” : Gnanadesikan, *Cách mạng chữ viết* , tr. 145.

“Chắc nó trông buồn cười lắm” : Ibid.

“đễ đọc hơn nhiều” : Battiscombe Gunn, “Notes on the Naukratis Stela,” *Journal of Egypt Archaeology* 29 (Dec. 1943), p. 56.

“hy sinh tính dễ đọc để lấy sự đơn giản” : Ibid.

“Lúc đầu, sự dư thừa gây nhầm lẫn” : Phòng văn tác giả ngày 22 tháng 1 năm 2019.

bảng chữ cái chỉ được phát minh ra một lần : Cook, *A Brief History of the Human Race* , p. 45.

“Nếu chúng ta chỉ có 26 chữ tượng hình” : Bill Manley, *Chữ tượng hình Ai Cập dành cho người mới bắt đầu* (London: Thames & Hudson, 2012), tr. 21. Học chữ tượng hình bên ngoài lớp học cực kỳ khó. Hai cuốn sách vở lòng tốt nhất là cuốn sách của Manley và cuốn *Giải mã chữ tượng hình Ai Cập: Cách đọc ngôn ngữ bí mật của các pharaon* của Bridget McDermott (New York: Chartwell, 2016).

Khi Alexander Đại đế đọc một lá thư : Manguel, *Lịch sử đọc sách* , tr. 43.

thứ tự bảng chữ cái mất mãi mãi : Lynch, *You could Look It Up* .

(bánh xe và sự phát minh ra xe cút kít) : Nhà sử học Joel Mokyr trích dẫn ví dụ này trong James Fallows, “Năm mươi phát minh vĩ đại nhất kể từ bánh xe,” *Atlantic* , tháng 11 năm 2013. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/ybnnnzp6>.

“Satire of the Trades” : Toàn bộ văn bản trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5gz3tef>.

“anh ấy là ông chủ” : Mertz, *Red Land, Black Land* , tr. 127.

Bộ sưu tập của nhà vua bao gồm : Romer, *Lịch sử Ai Cập cổ đại* , tập. 2, tr. 34.

“Trí tưởng tượng lạnh lùng nhất cũng sẽ bị lung lay” : LaBrière, ed., *Champollion Inconnu* , tr. 83. Bản dịch này có thể tìm thấy trong Romer, *History of Ancient Egypt* , vol. 2, tr. 36.

Chương ba mươi một: Thất nghiệp

Champollion là một “nhân vật phản diện” : Renouf, “Young and Champollion,” tr. 189. Renouf đang trích dẫn John Leitch, biên tập viên của tạp chí Young's *Miscellaneous Works*.

Young là “một người hay than phiền” : Pope, *Deciphering* , p. 67.

“'Let There Be Light' của Ai Cập học” : Ray, *Rosetta Stone* , tr. 45.

“the Hare and Tortoise” : Renouf, “Young and Champollion,” tr. 189.

“bước đầu tiên hết sức quan trọng” : Ray, *Rosetta Stone* , p. 54.

“người giải quyết vấn đề xuất sắc nhất” : Ray xuất hiện với tư cách là người biết nói trong một bộ phim tài liệu của Kênh Lịch sử có tên “Bí mật của Viên đá Rosetta.” Nhận xét là vào khoảng 29 phút.

“Tôi đã làm rất ít hoặc chẳng làm được gì” : Peacock, *Life of Thomas Young* , tr. 450.

“Tôi cũng xin đề nghị” : Sdd., tr. 253.

“cuộc điều tra khéo léo và thành công” : Young, *Rudiments of an Egypt Dictionary* , pv

“Jean François Champollion vừa được tôn vinh” : Young, *Rudiments of an Ancient Egypt Dictionary* , pv Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/yyqqvcpb>

“đã khiến tôi chú ý hơn rất nhiều” : Wood, *Thomas Young* , p. 247. Andrew Robinson chỉ ra trong *The Last Man Who Knew Everything* rằng người viết tiểu sử đầu tiên của Young, George Peacock, đã trích dẫn bức thư giống hệt nhưng vì lý do nào đó đã bỏ qua cụm từ “đã cho tôi thấy sự quan tâm nhiều hơn tôi từng thể hiện hoặc có thể thể hiện, đối với bất kỳ sinh vật sống nào .” Robinson gợi ý rằng Peacock đã xóa cụm từ này để tránh làm tổn thương vợ của Young.

anh ấy không bao giờ đoán được: Champollion, *Précis du Système Hiéroglyphique* , p. 252.

Chương ba mươi hai: Pharaoh mất tích

“Đó là niềm tự hào và niềm vui của tôi” : Peacock, *Thomas Young* , p. 477.
sung sướng phì phèo điếu hookah : Hartleben, ed., *Lettres et Journaux de Champollion* , v. 2, 34.
“chúng ta tan chảy như những ngọn nến” : Sdd., tr. 39.
“dưới chân các kim tự tháp” : Sdd., tr. 123.
đủ gần để chạm vào : Sdd., tr. 120, 123.
Mọi con chó lang thang ở Ai Cập : Ibid., tr. 27.
“Tôi là tù nhân của Ai Cập” : Ibid., p. 150.
“Notre alphabet est bon”: Sdd., tr. 181.
“như thể một nữ hoàng đang bị nghi ngờ” : Ibid., tr. 329–30. Bản dịch này là từ *Hatchepsut: The Female Pharaoh* của Joyce Tyldesley.
“Vì tôi là con gái của ông ấy” : Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 3610.
“kẻ nói xấu” : Ian Shaw, chủ biên, *The Oxford History of Ancient Egypt* (Oxford, UK: Oxford University Press, 2000), tr. 233.
“người phụ nữ vĩ đại đầu tiên trong lịch sử” : Breasted, *A History of Egypt* , tr. 271.
theo thứ tự của kingette: Cuộc phỏng vấn của tác giả với Bob Brier, ngày 4 tháng 3 năm 2019.
Những người ghi chép đã sử dụng từ pharaoh: Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 3588.
Câu chuyện về Hatshepsut cuối cùng cũng xuất hiện : Arnold, “The Destruction of the Statues of Hatshepsut,” trang 270, 273.
“Họ đã xóa trí nhớ của cô ấy” : Cuộc phỏng vấn của tác giả với Bob Brier, ngày 4 tháng 3 năm 2019.
một xã hội có tỷ lệ mù chữ : Wilkinson, *Rise and Fall* , Kindle location 749.
“Rất nhiều nhà điêu khắc này” : Cuộc phỏng vấn của tác giả với Bob Brier, ngày 4 tháng 3 năm 2019.
tàu của cô trở về chất đầy : Tyldesley, *Hatchepsut* , p. 153.
bằng con đường lớn : Arnold, “Đền thờ Hatshepsut.”
Hatshepsut phải bị diệt trừ : Brier, *Ancient Egypt* , p. 331.
Các học giả khác nhấn mạnh : Dorman, “The Proscription of Hatshepsut,” p. 267.
“quân vua trên bàn cờ” : EH Gombrich, *Art and Illusion* (New York: Phaidon, 1977), tr. 114.
Hatshepsut đôi khi được miêu tả : Roth, “Models of Authority,” p. 9.

phần kết

- “the German Champollion” : Romer, *Lịch sử Ai Cập cổ đại* , tập. 2, tr. 52.
- “chi phí của mỗi viên gạch” : Đoạn văn trích từ “Lịch sử”, một bài luận từ năm 1841 của Emerson. Trục tuyến tại <https://tinyurl.com/yxjv3krx>.
- “như thể một người Ai Cập cổ đại đột nhiên xuất hiện” : François Champas, *Voyage d'un Egyptien: en Syrie, en Phenicie, En Palestine* (xuất bản lần đầu tại Paris: Dejussieu, 1866. Whitefish in lại, MT: Kessinger, 2010), tr. viii. Bản dịch này là của Solé và Valbelle, *Rosetta Stone* , p. 107.
- cho đến khi anh ta không thể quản lý được nữa : Gurney, “Hồi ký,” được đưa vào Young's *Rudiments of an Egypt Dictionary* , tr. 41.
- “trong việc hỗ trợ ký ức” : Ibid., tr. vi.
- “nếu anh ấy còn sống” : Gurney, “Hồi ức,” tr. 42.
- “có điều gì đó cực kỳ sai trái trong hoạt động của trái tim”: Ibid., p. 41.
- xoay sở để đến được trang 96 : Robinson, *Last Man* , p. 235.
- một số loại bệnh về mạch máu : Nadim Nasser và David Savitzki, “Điều gì đã gây ra cái chết sớm của Jean-François Champollion?”, *Medical Case Reports* , ngày 21 tháng 12 năm 2015.
- “Chỉ còn một tháng nữa thôi” : Robinson, *Cracking the Egypt Code* , tr. 235.
- “khoa học của tôi ra đời” : Hartleben, *Champollion* , p. 522.
- “Còn rất nhiều điều bên trong” : Sdd.
- “thẻ kêu gọi của tôi cho hậu thế” : Sdd., tr. 516.

Thư mục

- A'Beckett, GA “Bonaparte ở trường của Miss Frounce.” *Tạp chí Chiều sáng* 1 (tháng 5 đến tháng 10 năm 1843).
- Adams, John M. *Triệu phú và xác ướp: Thời đại hoàng kim của Theodore Davis ở Thung lũng các vị vua*. New York: St. Martin's, 2013.
- Adkin, Lesley. *Empires of the Plain: Henry Rawlinson và những ngôn ngữ đã mất của Babylon*. New York: Thomas Dunne, 2004.
- Adkins, Lesley và Roy Adkins. *Chìa khóa của Ai Cập: Cuộc đua giải mã chữ tượng hình*. New York: HarperCollins, 2000.
- Allegro, John. “Khám phá các cuộn sách Biển Chết.” Trong Brian M. Fagan, chủ biên, *Nhân chứng khám phá: Lời kể của người thứ nhất về hơn 50 khám phá khảo cổ vĩ đại nhất thế giới*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 1996.
- Allen, Don Cameron. “Những người tiền nhiệm của Champollion.” *Kỷ yếu của Hiệp hội Triết học Hoa Kỳ* 104, không. 5 (17-10-1960).
- Arnold, Dieter. “Đền thờ Hatshepsut tại Deir el-Bahri.” Trong Catherine H. Roehrig, chủ biên, *Hatshepsut: From Queen to Pharaoh*. New York: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, 2005.
- Arnold, Dorothea. “Sự phá hủy các bức tượng của Hatshepsut khỏi Deir el-Bahri.” Trong Catherine H. Roehrig, chủ biên, *Hatshepsut: From Queen to Pharaoh*. New York: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, 2005.
- Thợ làm bánh, Nicholson. *Nhà tuyển tập*. New York: Simon & Schuster, 2009.
- Bauer, Craig P. *Chưa được giải quyết: Lịch sử và bí ẩn của các mật mã vĩ đại của thế giới từ Ai Cập cổ đại đến các tổ chức bí mật trực tuyến*. Princeton, NJ: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2017.
- Phim tài liệu của BBC về Michael Ventris, “A Very English Genius.” 2006. Trực tuyến gồm 7 phần tại <https://tinyurl.com/y2ymnykv>.
- Râu, Mary. “Quả lưu niệm của Văn hóa: Giải mã trong Bảo tàng.” *Lịch sử nghệ thuật* 13, không. 4 (tháng 12 năm 1992).
- . “Tiếng Hy Lạp là gì đối với họ?” *New York Review of Books*, ngày 5 tháng 12 năm 2013.
- Belzoni, Giovanni. *Du lịch ở Ai Cập và Nubia*. Luân Đôn: J. Murray, 1822.
- Berman, Joshua. “Đã có một Exodus?” *Khám*, ngày 2 tháng 3 năm 2015.
- Bevan, Edwin. *Ngôi nhà của Ptolemy*. Luân Đôn: Methuen, 1927.
- Blair, Hugh. *Các bài giảng về Tu từ học và Belles Lettres*. Dublin, 1783.
- Ngược, James Henry. *Lịch sử Ai Cập từ thời kỳ đầu tiên đến cuộc chinh phạt của người Ba Tư*. New York: Người ghi chép, 1912.
- Brier, Bob. *Phép thuật Ai Cập cổ đại*. New York: Bút lông ngỗng, 1981.
- . *Egyptomania: Nỗi ám ảnh ba nghìn năm của chúng ta với Vùng đất của các Pharaoh*. New York: Palgrave Macmillan, 2013.
- . *Vụ sát hại Tutankhamen: Bí ẩn án mạng 3.000 năm tuổi*. New York: Putnam's, 1998.

- Brier, Bob và Hoyt Hobbs. *Ai Cập cổ đại: Cuộc sống hàng ngày ở Vùng đất sông Nile* . New York: Sterling, 2013.
- Brooks, Peter. “Con mắt của Napoléon.” *New York Review of Books* , ngày 19 tháng 11 năm 2009.
- Budge, EA Wallis. *Các vị thần của người Ai Cập: Hoặc, Các nghiên cứu về thần thoại Ai Cập* , tập. I. Luân Đôn: Methuen, 1904.
- . *Sự trỗi dậy và tiến bộ của Assyriology* . Luân Đôn: Clay & Sons, 1925.
- . *Đá Rosetta* . Luân Đôn: Bảo tàng Anh, 1913.
- Budiansky, Stephen. *Trận chiến trí tuệ: Câu chuyện hoàn chỉnh về việc giải mật mã trong Thế chiến II*. New York: Simon & Schuster, 2002.
- Đan, Richard. *Bánh xe: Phát minh và Sáng tạo lại* . New York: Nhà xuất bản Đại học Columbia, 2016.
- Burckhardt, John Lewis. *Du lịch ở Nubia* . Luân Đôn: J. Murray, 1819.
- Burleigh, Nina. *Ảo ảnh: Các nhà khoa học của Napoléon và Sự ra mắt của Ai Cập* . New York: Harper lâu năm, 2008.
- Camino, Ricardo. “Nông dân.” Trong Sergio Danadoni, ed., *Người Ai Cập* . Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1997.
- Ceram, CW *Gods, Graves, and Scholars: Câu chuyện khảo cổ học*. New York: Knopf, 1951.
- Cerny, Jaroslav. “Di chúc của Naunakhte và các tài liệu liên quan.” *Tạp chí Khảo cổ học Ai Cập* 31 (1945).
- Chadwick, John. *Giải mã Linear B* . Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2014.
- Champollion, Jean-François , *Grammaire Égyptienne* . Paris: Fermin-Didot Frères, 1836.
- . *Lettre à M. Dacier* . (Thư gửi Monsieur Dacier.) Paris: Firmin Didot, Ather & Sons, 1822.
- . *Précis du Système Hiéroglyphique des Anciens Égyptiens* . Paris: Treuttel et Würtz, 1824.
- Champollion-Figeac, Aimé, *Les Deux Champollion: Leur Vie et Leurs Oeuvres* . Grenoble, Pháp: Drevet, 1887.
- Coe, Michael D. *Phá vỡ mã Maya* . New York: Thames & Hudson, 1992.
- Damrosch, David. *Cuốn sách bị chôn vùi: Sự mất mát và khám phá lại sử thi vĩ đại của Gilgamesh* . New York: Henry Holt, 2006.
- Darnell, John Coleman và Colleen Manassa. *Quân đội của Tutankhamun: Trận chiến và Chinh phục trong Vương triều thứ 18 của Ai Cập cổ đại* . Hoboken, NJ: John Wiley & Sons, 2007.
- David, Rosalie. *Cuộc trò chuyện với xác ướp: Ánh sáng mới về cuộc sống của người Ai Cập cổ đại* . New York: Ngày mai, 2000.
- . *Tôn giáo và phép thuật ở Ai Cập cổ đại* . New York: Chim cánh cụt, 2003.
- Delbourgo, James. *Thu thập Thế giới : Hans Sloane và Nguồn gốc của Bảo tàng Anh* . Cambridge, MA: Nhà xuất bản Đại học Harvard, 2019.
- Dieckmann, Liselotte. “Chữ tượng hình Phục hưng.” *So sánh Ngữ văn* 9, số. 4 (Thu 1957).
- Diffie, Whitfield và Mary Fischer. “Giải mã so với Phân tích mật mã.” Trong Richard Parkinson, *Cracking Codes: The Rosetta Stone and Decipherment* . Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 1999.
- Dorman, Peter F. “Bản cáo trạng của Hatshepsut.” Trong Catherine H. Roehrig, chủ biên, *Hatshepsut: From Queen to Pharaoh* . New York: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, 2005.
- Chết đuối, Margaret. *Flinders Petrie: Cuộc sống trong Khảo cổ học* . Madison: Nhà xuất bản Đại học Wisconsin, 1995.

- Ebers, George. *Ai Cập: Lịch sử, Mô tả và Đẹp như tranh vẽ* . Jazzybee Verlag: 2017. (Xuất bản lần đầu năm 1886.)
- Eiseley, Loren. *Người ném sao* . New York: Ngôi nhà ngẫu nhiên, 1979.
- Everett, Daniel. *Đừng ngủ, có rắn: Cuộc sống và ngôn ngữ trong rừng rậm Amazon* . New York: Vintage, 2009.
- Fagan, Brian . *Chúa tể và Pharaoh: Carnarvon và cuộc tìm kiếm Tutankhamun* . Luân Đôn: Routledge, 2016.
- . *Hiếp dâm sông Nile: Những kẻ trộm mộ, khách du lịch và nhà khảo cổ học ở Ai Cập* . New York: Sách cơ bản, 2004.
- Fagone, Jason. *Người phụ nữ phá mật mã: Câu chuyện có thật về tình yêu, điệp viên và nữ anh hùng bất đắc dĩ đã đánh lừa được kẻ thù của nước Mỹ* . New York: HarperCollins, 2017.
- Bỏ hoang, Deborah. *Mơ ước bằng tiếng Trung: Bài học tiếng Quan thoại về cuộc sống, tình yêu và ngôn ngữ* . New York: Walker, 2010.
- Finati, Giovanni. *Tường thuật về cuộc đời và những cuộc phiêu lưu của Giovanni Finati* , tập. 2. William Bankes biên tập. Luân Đôn: J. Murray, 1830.
- Findlen, Paula. *Athanasius Kircher: Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ* . New York: Routledge, 2004.
- Fleming, Fergus. *Những chàng trai của Barrow* . Boston: Atlantic Weekly Press, 2000.
- Cáo, Margalit. *Bí ẩn của mê cung: Nhiệm vụ giải mật mã cổ đại* . New York: Ecco, 2013.
- Frankfort, Henri. *Tôn giáo Ai Cập cổ đại: Một diễn giải* . New York: Nhà xuất bản Đại học Columbia, 1948.
- Friedman, William. “Giới thiệu về các phương pháp giải mật mã.” Trong *Ấn phẩm số 17*. Geneva, IL: Phòng thí nghiệm Bờ sông, Bộ phận Mật mã, 1918.
- Người làm vườn, Alan. *Ngữ pháp Ai Cập* . Oxford, Vương quốc Anh: Viện Griffith, 1927.
- George, Andrew, chủ biên. *Sử thi Gilgamesh* . New York: Chim cánh cụt, 2003.
- Gillispie, Charles C. *Khoa học và chính thể ở Pháp: Những năm cách mạng và thời kỳ Napoléon* Princeton, NJ: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2004.
- . “Các khía cạnh khoa học của cuộc thám hiểm Ai Cập của Pháp 1798–1801.” *Kỷ yếu của Hiệp hội Triết học Hoa Kỳ* 133, không. 4 (tháng 12 năm 1989).
- Gillispie, Charles C., và Michel Dewachter, chủ biên. *Di tích của Ai Cập: Các mảng khảo cổ hoàn chỉnh từ La Description de l'Égypte*. Princeton, NJ: Nhà xuất bản Kiến trúc Princeton, 1987.
- Glassie, John. *Một người đàn ông của những quan niệm sai lầm : Cuộc sống của một người lập dị trong thời đại thay đổi*. New York: Chim cánh cụt, 2012.
- Vui vẻ, James. *Thông tin: Lịch sử, Lý thuyết, Lũ lụt*. New York: Vintage, 2012.
- Glynn, Ian. *Sự sang trọng trong khoa học: Về đẹp của sự đơn giản*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2010.
- Gnanadesikan, Amalia. *Cuộc cách mạng chữ viết: Chữ hình nôm với Internet*. Hoboken, NJ: Wiley-Blackwell, 2009.
- Gordon, John Steele. *Đài tưởng niệm của Washington: Và Lịch sử hấp dẫn của Obelisk* New York: Bloomsbury, 2016.
- Màu xanh lá cây, Peter. “Tút-Tút-Tút.” *New York Review of Books* , ngày 11 tháng 10 năm 1979.
- Greenblatt, Stephen. *Swerve: Thế giới trở nên hiện đại như thế nào*. New York: Norton, 2012.
- . *Sự trỗi dậy và sụp đổ của Adam và Eva*. New York: Norton, 2017.
- Guichard Jr., Roger H. *Niebuhr ở Ai Cập: Khoa học châu Âu trong một thế giới Kinh thánh*. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Lutterworth, 2014.

- Gunn, Battiscombe. “Ghi chú về Naukratis Stela.” *Tạp chí Khảo cổ học Ai Cập* 29 (tháng 12 năm 1943).
- Gurney, Hudson, “Hồi ký.” Trong Thomas Young. *Nguyên tắc cơ bản của một từ điển Ai Cập cổ đại trong nhân vật Enchorial cổ đại*. Luân Đôn: J. & A. Arch, 1831.
- Hansen, Thorkild. *Arabia Felix: Cuộc thám hiểm của Đan Mạch năm 1761–1767*. New York: Harper & Row, 1962.
- Harrison, Simon. *Săn bắn và cơ thể kẻ thù trong chiến tranh hiện đại*. New York: Berghahn, 2012.
- Hartleben, Hermine, chủ biên. *Lettres et Journaux de Champollion le Jeune*, 1, 2. Paris: Leroux, 1909.
- . *Champollion: Sein Leben und Sein Werk*. Weidmannsche Buchhandlung: Berlin, 1906.
- Haycock, David Boyd. *William Stukeley: Khoa học, Tôn giáo và Khảo cổ học ở Anh thế kỷ 18*. Woodbridge, Suffolk, Vương quốc Anh: Boydell Press, 2002.
- Herodotus. *Lịch sử*. Luân Đôn: Chim cánh cụt, 1954.
- Herold, J. Christopher, *Thời đại Napoléon*. New York: Sách Mariner, 2002.
- . *Bonaparte ở Ai Cập*. Tucson, AZ: Fireship Press, 2009.
- Higgins, Charlotte. “Làm thế nào để giải mã chữ viết tay của một người La Mã cổ đại.” *Người New York*, ngày 1 tháng 5 năm 2017.
- Hilts, Victor L. “‘Bản phác thảo tự truyện của Thomas Young.’ ” *Kỷ yếu của Hiệp hội Triết học Hoa Kỳ* 122, không. 4 (18-8-1978).
- Horapollo, *Chữ tượng hình của Horapollo Nilous*. Luân Đôn: W. Pickering, 1840.
- Hornung, Erik. *Truyền thuyết bí mật của Ai Cập: Tác động của nó đối với phương Tây*. Ithaca, NY: Nhà xuất bản Đại học Cornell, 2001.
- Hume, Ivor. *Belzoni: Các nhà khảo cổ khổng lồ thích ghét*. Charlottesville: Nhà xuất bản Đại học Virginia, 2011.
- Ikram, Salima. *Cái chết và chôn cất ở Ai Cập cổ đại*. Cairo: Đại học Mỹ tại Cairo Press, 2015.
- Iversen, Erik. *Thần thoại Ai Cập và chữ tượng hình của nó*. Princeton, NJ: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 1961.
- Kahn, David. *The Codebreakers: Câu chuyện viết bí mật*. Luân Đôn: Sphere Books, 1973.
- Keegan, John. *Tình báo trong chiến tranh: Kiến thức về kẻ thù từ Napoléon đến al-Qaeda*. New York: Knopf Doubleday, 2003.
- Kember, Joe, John Plunkett, và Jill Sullivan, chủ biên. *Triển lãm nổi tiếng, Khoa học và Trình diễn, 1840–1910*. New York: Routledge, 2012.
- Kramer, Samuel Nô-ê. *Người Sumer: Lịch sử, Văn hóa và Tính cách của họ*. Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1971.
- LaBrière, Leon de la. *Champollion Inconnu: Lettres Inédites*. Paris: Kế hoạch, 1897
- Leal, Pedro Germano. “Đánh giá lại Horapollon: Một quan điểm đương đại về chữ tượng hình. ” *Biểu tượng* 21 (2014).
- Livingstone, Josephine. “Tiếng Anh cổ.” *Tạp chí New York Times*, ngày 6 tháng 1 năm 2019.
- Luckenbill, Daniel. *Hồ sơ cổ đại của Assyria và Babylonia*, tập. 2. Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1927.
- Lynch, Jack. *Bạn có thể tra cứu nó: Kệ tham khảo từ Babylon cổ đại đến Wikipedia*. New York: Bloomsbury, 2016.
- Anh bạn John. *Alpha Beta: 26 chữ cái đã định hình thế giới phương Tây như thế nào*. New York: Barnes & Noble, 2005.

- Manetho. *Lịch sử của Ai Cập*. Bản dịch của WG Waddell. Cambridge, MA: Nhà xuất bản Đại học Harvard, 1940.
- Manguel, Alberto. *Lịch sử đọc*. New York: Chim cánh cụt, 2014.
- Mayes, Stanley. *The Great Belzoni: The Great Circus Strongman, người đã khám phá kho báu cổ đại của Ai Cập*. Luân Đôn: Tauris Parke, 2006.
- McDowell, Andrea. *Cuộc sống làng quê ở Ai Cập cổ đại: Danh sách đồ gặt và những bản tình ca*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 1999.
- MacMahon, Darrin. *Divine Fury: Lịch sử của thiên tài*. New York: Sách cơ bản, 2013.
- McWhorter, John. *Trò lừa đảo ngôn ngữ: Tại sao thế giới trông giống nhau trong mọi ngôn ngữ* New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2014.
- . *Sức mạnh của Babel: Lịch sử tự nhiên của ngôn ngữ*. New York: Henry Holt, 2001.
- Merz, Barbara. *Vùng đất đỏ, vùng đất đen : Cuộc sống hàng ngày ở Ai Cập cổ đại*. New York: William Morrow, 2008.
- . *Đền thờ, lăng mộ và chữ tượng hình: Lịch sử phổ biến của Ai Cập cổ đại*. New York: Ngày mai, 2009.
- Đầu đen, Alan. *Sông Nile Xanh*. New York: Harper lâu năm, 2000.
- Morenz, Ludwig. “Nguồn gốc của văn học Ai Cập.” Trong Bill Manley, ed., *Bảy mươi bí ẩn vĩ đại của Ai Cập cổ đại*. Luân Đôn: Thames & Hudson, 2003.
- Morrison, Robert. *Những năm nhiếp chính: Trong thời gian Jane Austen viết , Napoléon chiến đấu, Byron làm tình và nước Anh trở nên hiện đại*. New York: Norton, 2019.
- Chim sơn ca, Andrea. *Một khi ra khỏi tự nhiên: Augustine về thời gian và cơ thể*. Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 2011.
- Parkinson, Richard. “Ai Cập: Một cuộc sống trước thế giới bên kia.” *Guardian* , ngày 5 tháng 11 năm 2010.
- . *Bẻ khóa mã: Đá Rosetta và giải mã*. Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 1999.
- . *Nhà nguyện lăng mộ sơn của Nebamun*. Luân Đôn: Nhà xuất bản Bảo tàng Anh, 2008.
- Parsons, Peter. *Thành phố của loài cá mũi nhọn: Cuộc sống của người Hy Lạp ở Ai Cập thuộc La Mã*. Luân Đôn: Orion, 2012.
- Con công, George. *Cuộc đời của Thomas Young, MD, FRS, & C*. London: J. Murray, 1855.
- Peet, T. Eric. *Một nghiên cứu so sánh về các nền văn học của Ai Cập, Palestine và Mesopotamia: Đóng góp của Ai Cập cho các nền văn học của thế giới cổ đại*. Eugene, OR: Wipf và Stock, 1997.
- Petrie, Flinders. *Bảy mươi năm trong Khảo cổ học*. Luân Đôn: Thấp, Marston, 1931.
- . *Kim tự tháp và đền thờ Gizeh*. Luân Đôn: Field & Tuer, 1883.
- Pharr, Clyde, Theresa Sherrer Davidson, và Mary Brown Pharr, chủ biên. *Bộ luật và tiểu thuyết Theodosian và Hiến pháp Sirmondian* . Princeton, NJ: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 1952.
- Picchi, Daniela, Karen Ascani và Paola Buzi, biên tập. *Học giả bị lãng quên: Georg Zoëga (1755–1809): Buổi bình minh của Nghiên cứu Ai Cập và Coptic*. Leiden, Hà Lan: Brill, 2015.
- Giáo hoàng, Maurice. *Câu chuyện giải mã: Từ chữ tượng hình Ai Cập đến chữ viết Maya*. Luân Đôn: Thames và Hudson, 1975.
- Ray, John. *Đá Rosetta và sự tái sinh của Ai Cập cổ đại* Cambridge, MA: Nhà xuất bản Đại học Harvard, 2007.
- Reid, Donald Malcolm. *Các Pharaoh của ai?: Khảo cổ học, Bảo tàng và Bản sắc dân tộc Ai Cập từ Napoléon đến Thế chiến I*. Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 2003.
- Renouf, Peter Le Page. “Young và Champollion.” *Kỷ yếu của Hiệp hội Khảo cổ học Kinh thánh* 19 (ngày 4 tháng 5 năm 1897).

- Ritner, Robert K. “Tutankhamun cho thế kỷ 21: Những hiểu lầm hiện đại về một nền văn hóa cổ đại.” Bài nói chuyện được trình bày tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Field, Chicago, vào ngày 26 tháng 10 năm 2006. Trực tuyến tại tinyurl.com/4z6vh60h.
- Robert, Andrew. *Napoléon: Một cuộc đời*. New York: Chim cánh cụt, 2015.
- Robinson, Andrew. *Bẻ khóa mã Ai Cập: Cuộc đời cách mạng của Jean-François Champollion*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2012.
- . *Ngôn ngữ bị thất lạc: Bí ẩn của các chữ viết chưa được giải mã của thế giới*. New York: McGraw-Hill, 2002.
- . *Thiên tài bất ngờ?: Con đường dần dần dẫn đến những đột phá sáng tạo*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2010.
- . *Người đàn ông cuối cùng biết mọi thứ : Thomas Young, thiên tài ẩn danh đã chứng minh Newton sai và giải mã được phiến đá Rosetta, cùng những kỳ tích đáng ngạc nhiên khác*. New York: Plume, 2007.
- . *Người giải mã Linear B: Câu chuyện về Michael Ventris*. Luân Đôn: Thames & Hudson, 2012.
- . *Câu chuyện về Chữ viết: Bảng chữ cái, Chữ tượng hình và Chữ tượng hình*. Luân Đôn: Thames & Hudson, 1995.
- Roehrig, Catharine H., ed., *Hatshepsut: From Queen to Pharaoh*. New York: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, 2005.
- Romer, John. *Lịch sử Ai Cập cổ đại , Tập 2: Từ Kim tự tháp vĩ đại đến sự sụp đổ của Vương quốc Trung cổ*. New York: Thomas Dunne, 2017.
- . *Cuộc sống cổ đại: Cuộc sống hàng ngày ở Ai Cập của các Pharaoh*. New York: Holt, Rinehart và Winston, 1984.
- Roth, Ann Macy. “Mô hình quyền lực: Những người tiền nhiệm của Hatshepsut trong Quyền lực.” Trong Catharine H. Roehrig, chủ biên, *Hatshepsut: From Queen to Pharaoh*. New York: Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, 2005.
- Muối, Henry. *Tiểu luận về Hệ thống ngữ âm chữ tượng hình của Tiến sĩ Young và M. Champollion*. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2014. (Xuất bản lần đầu năm 1823.)
- Schiff, Stacy. *Cleopatra: Một cuộc đời*. Boston: Nhỏ, Nâu, 2010.
- Schmandt-Besserat, Denise. “Sự phát triển của Viết.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y72ynmqz>.
- . *Làm thế nào Viết Came About*. Austin: Nhà xuất bản Đại học Texas, 1992.
- Sebba, Anne. *Nhà sưu tập lưu vong: William Bankes và việc xây dựng một ngôi nhà nông thôn ở Anh*. Dovecote, Vương quốc Anh: Dovecote Press, 2009.
- Selin, Shannon. “Boney the Bogyman: Làm thế nào Napoleon sợ trẻ em.” Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y5wl7ayo>.
- Seyler, Dorothy U. *Đài tưởng niệm và người Anh: Những khám phá tiên phong của nhà Ai Cập học William Bankes*. Amherst, NY: Sách Prometheus, 2015.
- Shaw, Ian, chủ biên. *Lịch sử Oxford của Ai Cập cổ đại*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2003.
- Solé, Robert và Dominique Valbelle. *Viên đá Rosetta: Câu chuyện giải mã chữ tượng hình*. New York: Bốn Bức Tường Tám Cửa Sổ, 2002.
- Stiebing Jr., William H. *Khám phá quá khứ: Lịch sử khảo cổ học*. New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 1993.
- Strabo. *Địa lý*. Cambridge, MA: Nhà xuất bản Đại học Harvard, 1932.

- Strathern, Paul. *Napoléon ở Ai Cập*. New York: Bantam, 2009.
- Thomasson, Fredrik. *Cuộc đời của JD Åkerblad: Giải mã Ai Cập và Chủ nghĩa Đông phương trong Thời đại Cách mạng*. Leiden, Hà Lan: Brill, 2013.
- Thompson, Jason. *Những điều kỳ diệu: Lịch sử Ai Cập học , Tập 1: Từ thời cổ đại đến năm 1881*. Cairo: Nhà xuất bản Đại học Mỹ ở Cairo, 2015.
- . *Những điều kỳ diệu: Lịch sử Ai Cập học , Tập 2: Thời đại hoàng kim: 1881–1914*. Cairo: Đại học Mỹ tại Cairo Press, 2016.
- . *Những điều kỳ diệu: Lịch sử Ai Cập học , Tập 3: Từ năm 1914 đến thế kỷ 21*. Cairo: Đại học Mỹ tại Cairo Press, 2018.
- Tyldesley, Joyce. *Hatchepsut: Nữ Pharaoh*. Luân Đôn: Chim cánh cụt, 2008.
- . *Thần thoại và truyền thuyết về Ai Cập cổ đại*. New York: Viking, 2010.
- Tyndall, John. “Thomas Young. Một bài diễn văn.” Bài giảng được trình bày tại Viện Hoàng gia ở London vào ngày 22 tháng 1 năm 1886. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y2rhqkmz>.
- Ucko, Peter, và Timothy Champion, eds. *Sự khôn ngoan của Ai Cập: Tâm nhìn thay đổi qua các thời đại*. Abingdon, Vương quốc Anh: Routledge, 2003.
- Urbanus, Jason. “Vào thời của phiến đá Rosetta.” *Khảo cổ học*, tháng 11/tháng 12. 2017.
- Usick, Patricia. *Bộ sưu tập các bản vẽ và bản thảo của William John Bankes liên quan đến Nubia cổ đại*. Luận án tiến sĩ của Đại học London từ năm 1998. Trực tuyến tại <https://tinyurl.com/y6hhdqrg>.
- Walker, CB và James Chadwick. *Độc quá khứ: Chữ viết cổ từ chữ hình nêm đến bảng chữ cái*. Berkeley: Nhà xuất bản Đại học California, 1990.
- Warner, Oliver. *Trận chiến sông Nile*. New York: Macmillan, 1960.
- Trắng, Matthew. *Sự tàn bạo: 100 giai đoạn chết chóc nhất trong lịch sử loài người*. New York: Norton, 2012.
- Wilkinson, Toby. *Sự trỗi dậy và sụp đổ của Ai Cập cổ đại*. New York: Ngôi nhà ngẫu nhiên, 2010.
- . *Các tác phẩm từ Ai Cập cổ đại*. New York: Chim cánh cụt, 2017.
- Williams, Ann. “Động vật vĩnh cửu.” *National Geographic*, tháng 11 năm 2009.
- Wilson, John A. *Những dấu hiệu và điều kỳ diệu đối với Pharaoh: Lịch sử Ai Cập học Hoa Kỳ*. Chicago: Nhà xuất bản Đại học Chicago, 1964.
- Gỗ, Alexander. *Thomas Young: Nhà triết học tự nhiên*. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 1954.
- Yate, Frances. *Giordano Bruno và Truyền thống ẩn dật*. Abingdon, Vương quốc Anh: Routledge, 1999.
- Còn trẻ, Thomas. “Ai Cập.” *Encyclopedia Britannica*, bổ sung vol. 4, 1819. Trong John Leitch, ed., *Các tác phẩm khác của Thomas Young quá cố*. Luân Đôn: J. Murray, 1855.
- . “Về cơ chế của mắt.” *Giao dịch triết học của Hiệp hội Hoàng gia Luân Đôn* 91 (Phần I, 1801).
- . *Tài khoản về một số khám phá gần đây về văn học tượng hình và cổ vật Ai Cập bao gồm Bảng chữ cái gốc của tác giả được mở rộng bởi ông Champollion với bản dịch năm bản thảo Hy Lạp và Ai Cập chưa được xuất bản*. Luân Đôn: J. Murray, 1823.
- . *Nguyên tắc cơ bản của một từ điển Ai Cập cổ đại trong nhân vật Enchorial cổ đại*. Luân Đôn: J. & A. Arch, 1831.

Mục lục

Lưu ý về chỉ mục: Các trang được tham chiếu trong chỉ mục này đề cập đến số trang trong ấn bản in. Nhấp vào số trang sẽ đưa bạn đến vị trí sách điện tử tương ứng với phần đầu của trang đó trong ấn bản in. Để có danh sách đầy đủ các vị trí của bất kỳ từ hoặc cụm từ nào, hãy sử dụng chức năng tìm kiếm của hệ thống đọc của bạn.

Số trang in nghiêng đề cập đến hình ảnh.

Abel-Rémusat, Jean-Pierre, [176–77](#)

trừu tượng, [167–68](#), [171–72](#)

Abu simbel

khám phá, [181–83](#), [186](#)

khai quật, [187](#), [188–89](#)

bia ký, [191–95](#)

Ramesses II và, [185–86](#), [186](#)

Danh sách Vua Abydos, [146–47](#)

Tường thuật về một số khám phá gần đây về văn học chữ tượng hình và cổ vật Ai Cập, An (Young), [215–16](#)

Acre, vây hãm, [53–54](#)

Adkins, Lesley, [106](#), [114](#)

Adkins, Roy, [106](#), [114](#)

Åkerblad, Johan, [78–79](#), [80](#), [86](#), [87](#), [94](#), [95](#), [216](#)

Aladdin, [219](#)

Alexander Đại đế, [3](#), [43](#), [53](#), [56](#), [228–29](#), [244](#)

Alexandria, [15–16](#)

thứ tự bảng chữ cái, [244–45](#)

“Bảng chữ cái của các chữ tượng hình ngữ âm được người Ai Cập sử dụng để ghi trên các di tích của họ các tước vị, tên và lời tri ân của các nhà cai trị Hy Lạp và La Mã” (Champollion), [205](#)

Amenhotep (pharaoh Ai Cập), [172–73](#), [195](#)

ướp xác động vật, [36–38](#), [37](#)

Arago, François, [202](#), [203](#), [204](#)

Ashurbanipal (người cai trị Assyria), [162](#)

A-si-ri, [173n](#)

Đập Cao Aswan, [147](#), [149](#), [183n](#)

Aubrey, John, [139](#)

Augustine of Hippo, Saint, [32](#)

Văn hóa Aztec, [29](#), [29](#)

Bá, Amadou Hampâté, [23](#)
Thợ làm bánh, Nicholson, [21](#)
Bankes, William, [152](#)
Abu Simbel và, [187](#), [189](#), [191](#)
bối cảnh của, [145–46](#)
Ai Cập thần bí và, [3](#)
Philae obelisk và, [147–49](#), [150–51](#), [156](#), [159–60](#), [179](#), [191](#)
vụ bắt giữ kẻ gian, [151–53](#)
Xem thêm [tượng đài Philae](#)
Barrow, John, [102–3](#)
Trận sông Nile, [51–52](#)
Trận Kim Tự Tháp, [48–49](#)
Râu, Mary, [72](#), [119](#)
Belzoni, Giovanni, [179](#)
Abu Simbel và, [181](#), [187](#), [188–89](#)
Tìm lại tượng đài Philae và, [147–48](#), [149](#)
vai kẻ trộm mộ, [178–80](#)
Beowulf, [222](#)
Berenice I (Berenike) (nữ hoàng Ai Cập), [111–12](#), [114](#), [159](#)
Bergon, John, [146n](#)
Berthollet, Claude-Louis, [61–62](#), [69–70](#)
Kinh thánh, [161](#), [183–84](#), [196n](#), [210](#), [227](#)
Blair, Hugh, [143](#)
Công viên Bletchley, [38](#), [119](#)
Bonaparte, Josephine, [3](#), [64](#)
Cuốn sách của người chết, [31](#)
Bosch, Hieronymus, [128](#)
Bouchard, Pierre-François, [9–10](#), [54–55](#), [59](#)
Bowes-Lyon, Elizabeth, [210](#), [210](#)
Thương hiệu, Peter, [185](#)
Phá vỡ mặt mã Maya (Coe), [133](#)
Ngực, James, [254](#)
Brier, Bob, [36](#), [255](#), [256](#)
Bảo tàng Anh, [71](#), [72](#), [121](#), [147n](#), [178](#), [186n](#), [204](#)
Brueys d'Aigalliers, François-Paul, [51](#)
Budiansky, Stephen, [117–18](#)
Burckhardt, Jean Louis, [181–83](#), [186](#), [187](#), [188](#), [189](#)
Burleigh, Nina, [63](#), [64](#)
Byron, George Gordon (Lord Byron), [152](#)

Camino, Ricardo, [16](#)
Đá Canopus, [259](#), [260–61](#)
Carnarvon, Chúa (George Edward Stanhope Molyneux Herbert), [44–45](#)
Carrington, John, [220](#)
Carter, Howard, [44–45](#)

vỏ đạn, [104](#), [223](#)
trong bia ký Abu Simbel, [191–95](#)
trong Abydos King List, [146–47](#)
Quá trình giải mã Champollion và, [155–59](#), [175](#), [191–95](#)
trong văn hóa Ai Cập, [106–7](#), [146–47](#)
trong bia ký Karnak, [110–11](#), [111](#)
trong bia ký Philae, [150–51](#)
bản chất ngữ âm của chữ tượng hình và, [125–26](#)
tiêu đề và tên ở liền kề, [208–9](#)
đọc, [237](#), [238](#)
Quá trình giải mã của Young và, [104–5](#), [125–26](#), [146–47](#), [155](#), [159–60](#)
Chabas, François, [247](#)
Champollion, Jean-François, [83](#)
Học viện bia ký bài giảng, [202–4](#), [206](#), [215](#), [237](#), [240](#), [259](#)
về lý thuyết nguồn gốc bảng chữ cái, [203](#), [240](#)
bối cảnh của, [81–82](#), [120](#), [121](#)
tiểu sử của, [201–2](#)
nhiệm vụ tổng quan về chữ tượng hình toàn diện, [217](#)
cái chết của, [259](#), [261–63](#)
các nghiên cứu về Coptic sơ khai, [85–86](#), [87–88](#), [109](#), [192](#), [193](#), [197](#)
Đoàn thám hiểm Ai Cập, [251–53](#)
Ngữ Pháp Ai Cập, [262](#), [262](#), [263](#)
Thần bí Ai Cập và, [82–83](#), [91](#)
câu chuyện ngất xỉu, [201–2](#)
Phát hiện Hatshepsut và, [253](#), [254](#), [257](#)
tính cách của, [13](#), [82–83](#), [84–85](#), [118](#)
những người kế thừa học thuật của, [259](#)
thành công của, [237](#), [246](#), [250](#), [252](#), [259–60](#), [263](#)
Tóm tắt về hệ thống chữ tượng hình của người Ai Cập cổ đại, [237](#)
Xem thêm [Quá trình giải mã Champollion](#); [kính dịch trẻ-champolli](#)
Quá trình giải mã Champollion
Chữ khắc Abu Simbel và, [191–95](#)
vỏ đạn và, [155–59](#), [175](#), [191–95](#)
Trung Quốc và, [177–78](#)
cặp phụ âm và, [238–39](#)
Mô tả về Ai Cập và, [163–64](#)
định thức và, [233](#)
thất vọng trong, [117](#), [165–66](#)
Dòng chữ Hy Lạp và, [223–24](#)
chữ tượng hình/số lượng từ và, [176](#)
bản chất lai của chữ tượng hình và, [214](#)
lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình và, [138](#), [144](#), [175–76](#), [260](#)
Kircher và, [131](#)
tên và, [107](#), [151](#)
Chữ khắc trên tháp Philae và, [150](#)

bản chất ngữ âm của chữ tượng hình và, [114](#), [198–200](#), [205–6](#), [212](#)
bản chất hình ảnh của chữ tượng hình và, [165–66](#)
Chơi chữ kiểu Rebus và, [207–8](#), [209](#), [212](#), [234](#)
phiên âm và, [196–97](#)
từ chưa biết và, [226–29](#)
trí tuệ của quan niệm người xưa và, [138](#)
Xem thêm [Coptic trong quá trình giải mã Champollion](#)
Trung Quốc, [102](#), [103–4](#), [177–78](#), [210–11](#), [243](#)
Nhà thờ Thiên chúa giáo Coptic, [86](#)
Clement of Alexandria, [130](#)
Cleopatra III (nữ hoàng Ai Cập), [150](#), [151](#)
Cleopatra VII Philopator (nữ hoàng Ai Cập), [15](#), [16](#)
Xem thêm [vỏ đạn](#)
giải mã, [38–40](#), [41](#), [75](#), [101](#), [116](#), [117–18](#)
Xem thêm [giải mã](#)
Coe, Michael, [133](#)
Constantine I (hoàng đế La Mã), [7](#)
Conté, Nicolas-Jacques, [55n](#), [62](#)
Coptic
Nghiên cứu ban đầu của Champollion về, [85–86](#), [87–88](#), [109](#), [192](#), [193](#)
Della Valle và, [86–87](#)
Kircher trên, [131](#)
dự phòng và, [241](#)
từ chưa biết và, [228](#)
tần suất từ và chữ cái trong, [224–25](#), [226](#)
Quá trình giải mã của Young và, [112](#)
Xem thêm [Coptic trong quá trình giải mã Champollion](#)
Coptic trong quá trình giải mã Champollion
Chữ khắc Abu Simbel và, [192](#), [193](#)
nhiệm vụ tổng quan về chữ tượng hình toàn diện và, [217](#)
Dòng chữ Hy Lạp và, [223–24](#)
tầm quan trọng của, [248](#)
Kircher và, [131](#)
Danh sách của Manetho và, [197–98](#)
tên và, [203](#)
bản chất bán tuyệt chủng của Coptic và, [218–19](#), [222](#)
tần suất từ và chữ cái và, [226](#)
Courier de l'Egypte, [59–60](#)
Crete, [6–7](#), [116](#)
mật mã. *Nhìn thấy* [phá mã](#)
chữ hình nêm, [6](#), [121–22](#), [122](#), [162](#), [165](#), [171](#), [233](#)
Cyril của Alexandria, [161](#)

David, Jacques-Louis, [191](#)
Davy, Humphry, [88 tuổi](#)

Cuộn Biển Chết, [44](#)
giải mã
thách thức của, [97–98](#)
thay đổi quy tắc ngôn ngữ và, [212–13](#)
manh mối trong, [101–2](#)
so với giải mã, [41](#)
lỗi sao chép và, [161–62](#)
chữ hình nêm và, [121–22](#), [171](#)
Eureka! khoảnh khắc trong, [119](#), [122–23](#)
và ví dụ về sự khan hiếm, [75–76](#)
tài năng ngôn ngữ và, [120–21](#)
Linear B, [115–16](#), [120](#), [121](#)
tên và, [107–8](#)
các đặc điểm cần thiết cho, [115](#), [117–18](#), [119–21](#)
phiên âm và, [196–97](#)
mẫu trực quan và, [97n](#)
Xem thêm nhiệm vụ giải mã Rosetta Stone; *Quá trình giải mã của Young*
Văn khắc Deir el-Bahri, [253](#), [254–55](#)
Della Valle, Pietro, [86–87](#), [88](#)
DeMille, Cecil B., [35n](#)
hạ đẳng
lý thuyết bảng chữ cái, [77–79](#), [94](#), [95](#)
trên đá Canopus, [259](#)
nhận dạng mẫu và, [98](#)
trên Rosetta Stone, [67](#), [77–79](#), [94](#), [95](#)
như cách viết tắt của chữ tượng hình, [67](#), [68](#), [95](#), [99–100](#)
Nghiên cứu của Young về, [249–50](#)
Denon, Vivant, [61](#), [63](#), [64–65](#), [141](#), [151](#)
de Sacy, Silvestre
Abel-Rémusat và, [177](#)
Champollion Academy of Inscriptions bài giảng và, [202](#), [206](#)
trên Coptic, [86](#)
nỗ lực giải mã bia ký dân gian, [77–78](#), [99–100](#)
thất bại của, [78](#), [80](#)
Young và, [94](#), [95](#), [96](#)
Mô tả về Ai Cập, [79–80](#), [163–64](#), [202](#)
từ hạn định, [231–32](#), [233–35](#), [243–44](#)
Diderot, Denis, [83](#), [108](#)
Diffie, Whitfield, [41](#)
Diodorus Siculus, [129–30](#)
Bài [232](#)

Edfu, [63](#), [63](#)
Edison, Thomas, [221](#)
“Ai Cập” (Young), [114](#)

văn hóa Ai Cập
ướp xác động vật, [36–38](#)
vỏ đạn trong, [106–7](#), [146–47](#)
chủ nghĩa bảo thủ, [35–36](#), [99](#)
định thức và, [232](#)
ibit trong, [193–94](#), [194](#)
pharaoh trong, [106–7](#), [110](#), [254](#), [256–57](#)
mối bận tâm về thế giới bên kia, [30–31](#), [263](#)
tuyên truyền trong, [172–73](#)
kế vị hoàng gia trong, [195–96](#), [256](#)
trộm mộ và, [38](#)
Ngữ pháp Ai Cập (Champollion), [262](#), [262](#), [263](#)
ngôn ngữ Ai Cập
thay đổi trong, [222](#)
mất âm của, [219–20](#)
Xem thêm [tiếng Copt](#); [chữ tượng hình](#)
Thần bí Ai Cập, [2–3](#)
Champollion và, [82–83](#), [91](#)
bí ẩn so với quen thuộc và, [29–33](#)
Thời đại Napoléon, [79–80](#)
bác học của Napoléon và, [64](#), [79](#)
những khám phá đang diễn ra và, [33–34](#)
thịnh vượng và, [1–2](#)
Rosetta Stone và, [71–72](#)
tỷ lệ và, [30](#), [140–42](#), [140](#)
thang thời gian và, [2](#)
trộm mộ và, [178](#), [181](#)
Einstein, Albert, [117](#), [143n](#)
Eiseley, Loren, [22](#)
Yếu Tố Ngữ Pháp Tiếng Trung (Rémusat), [177](#)
Emerson, Ralph Waldo, [260](#)
Bách khoa toàn thư Britannica tiểu luận (Young), [114](#), [155](#), [249](#)
Tiếng Anh
thay đổi trong, [222](#)
định thức trong, [233](#)
ngữ pháp nước ngoài và, [228](#), [229](#)
đánh dấu giới tính trong, [113](#)
dự phòng trong, [241](#), [242](#)
các biểu tượng và hình ảnh trong, [213–14](#)
thì của động từ trong, [254](#)
Mã bí ẩn, [18](#), [101](#)
Sử thi Gilgamesh, [122](#), [162](#)
Epstein, David, [164n](#)
Tiểu luận về Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc (Rémusat), [177](#)
Etrusca, [21n](#)

Euclid, [111n](#)

Feynman, Richard, [90](#)

Fischer, Mary, [41](#)

Fleming, Alexander, [101–2](#)

Fourès, Pauline, [68](#)

Fourier, Joseph, [61](#), [118](#)

Cáo, Margalit, [121](#)

Frankfort, Henri, [37](#)

Thi đấu Pháp-Anh, [13](#), [45](#), [46–47](#), [51](#)

Cách mạng Pháp, [62n](#), [75](#), [82](#)

Fresnel, Augustin-Jean, [202](#)

Friedman, Elizebeth, [118](#), [123](#)

Friedman, William, [118](#)

Galileo Galilei, [143](#)

Gnanadesikan, Amalia, [239–40](#)

Gombrich, Ernst Hans Josef, [256–57](#)

Kim tự tháp vĩ đại, [33](#), [34–35](#), [140](#), [140](#), [141](#)

ngôn ngữ Hy Lạp

Coptic và, [86](#)

bảng chữ cái tượng hình và, [240](#)

Linear B, [6](#), [115–16](#), [120](#), [121](#)

Chữ khắc trên đá Rosetta, [55–57](#), [94–95](#), [110](#), [223](#), [224](#)

Xanh lục, Peter, [29–30](#), [34](#)

Greenblatt, Stephen, [122n](#), [163](#)

Grotefend, Georg, [120](#), [121](#)

Gurney, Hudson, [94](#), [95](#), [96–97](#), [114](#), [251](#)

al-Halabi, Suleiman, [68](#)

Hamilton, William, [204](#)

Hartleben, Hermine, [201–2](#)

Harvey, Arnold D., [151–52](#)

Hatshepsut (pharaoh Ai Cập), [253–57](#), [257](#)

Helmholtz, Hermann von, [88–89](#)

Herodotus, [1](#), [4](#), [83](#)

Chữ tượng hình (Horapollo), [127–29](#), [132](#), [133](#), [207](#)

chữ tượng hình, [4](#), [10](#), [74](#)

Danh sách Vua Abydos, [146–47](#)

thăm mỹ của, [5](#), [5](#), [243–44](#)

lý thuyết nguồn gốc bảng chữ cái, [203](#), [240](#)

Nghiên cứu của Bankes về, [146](#)

Nỗi ám ảnh của Champollion với, [118](#)

thay đổi quy tắc ngôn ngữ và, [213](#)

Trung Quốc và, [104](#)

Cơ Đốc nhân lên án, [7–8](#)
cặp phụ âm trong, [238–39](#), [241](#)
sao chép lỗi trong, [112](#), [161–62](#), [163–64](#)
demotic là viết tắt của, [67](#), [68](#), [95](#), [99–100](#)
các từ hạn định trong, [231–32](#), [233–35](#), [243–44](#)
hướng viết, [73–74](#), [74](#), [105](#)
ngày sớm nhất của, [6](#)
Bảng chữ cái Ai Cập dựa trên, [239–40](#)
địa vị ưu tú của người ghi chép và, [244](#), [245](#)
hệ thống đầy đủ của, [237–39](#)
đánh dấu giới tính trong, [254](#)
tính chất lai của, [193](#), [214](#)
thiếu nguyên âm trong, [192](#), [196](#), [217–18](#), [231](#)
bản chất trường tồn của, [242–43](#)
bản chất hình ảnh của, [165–66](#), [167](#), [214](#)
bảo quản, [25–26](#), [25](#)
Chơi chữ kiểu Rebus trong, [207–9](#), [209](#), [211–12](#), [213](#), [234](#)
dự phòng trong, [241–42](#)
Thông báo khám phá Rosetta Stone và, [60](#)
Định dạng Rosetta Stone và, [67](#), [77](#)
bản sao bác học của, [64–65](#)
bổ sung âm thanh trong, [241](#)
phổ biến của, [4](#)
Warburton bắt, [116–17](#)
Nghiên cứu của Zoëga về, [73–75](#), [105](#), [176](#)
Xem thêm [Quá trình giải mã Champollion](#); [lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình](#); [bản chất ngữ âm của chữ tượng hình](#); [nhiệm vụ giải mã Rosetta Stone](#); [Quá trình giải mã của Young](#)
HMS *L'Égyptienne*, [71](#)
Holmes, Oliver Wendell, [126](#)
từ đồng âm. *Nhìn thấy* [chơi chữ kiểu Rebus](#)
Hy vọng, Charles, [152n](#)
Horapollo, [127–29](#), [132](#), [133](#), [207](#)
Humboldt, Alexander von, [202](#)
Hume, David, [143](#)
Hutchinson, John, [69](#), [70](#)
Huxley, Thomas, [160](#)
Huyot, Jean-Nicolas, [191](#)
Hyde, Thomas, [6](#)

[lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình](#), [4–5](#), [6–7](#), [126–35](#)
[Quá trình giải mã Champollion](#) và, [138](#), [144](#), [175–76](#), [260](#)
Clement of Alexandria trên, [130](#)
Diodorus Siculus trên, [129–30](#)
khoa học sơ khai và, [137–38](#), [142–44](#)
Horapollo trên, [127–29](#), [132](#), [133](#)

Kircher trên, [130–32](#)
Leibniz trên, [108](#)
Chữ tượng hình của người Maya và, [133–34](#)
Plotinus trên, [7](#)
trí tuệ của quan niệm cổ xưa và, [138–40](#)
Quá trình giải mã của Young và, [100](#), [126](#), [138](#), [144](#)
Ikram, Salima, [36](#)
Người Inca, [169n](#)
Viện Ai Cập, [53](#), [59](#)
Viện Pháp, [53](#)
Hiệp hội Năng lượng Nguyên tử Quốc tế, [168](#)
ngữ điệu, [220](#)
Iversen, Erik, [133](#)

Jackson, Peter, [221n](#)
Giêrônimô, Thánh, [210](#)
Jomard, Edme-François, [202](#), [206](#)
Jordan, Julius, [169–70](#)
Julius Caesar (Hoàng đế La Mã), [3](#), [15](#)

Kác, Mark, [90](#)
Chùa Karnak, [141](#), [142](#)
bia ký, [110–11](#), [111](#)
Keats, John, [263](#)
Kele, [220](#)
Keller, Helen, [212](#)
Kepler, Johannes, [143](#)
Keynes, John Maynard, [120](#)
Tàu của Khufu, [33](#)
Vua Tut. *Nhìn thấy* [Tutankhamen](#)
Kircher, Athanasius, [130–32](#), [133](#)
Kléber, Jean-Baptiste, [60](#), [61](#), [68](#)
Kober, Alice, [121](#)

Lacouture, Jean, [84](#)
Hồ Nasser, [147](#), [149](#)
Lancet, Michel Ange, [59](#)
ngôn ngữ
văn hóa và, [232–33](#)
sự đa dạng của, [24–25](#)
phát âm của, [196](#), [220](#)
ghi âm và, [220–21](#)
Xem thêm [viết](#)
Lavoisier, Antoine, [62n](#)
Lawrence, TE, [188](#)

Leibniz, Gottfried, [107–8](#), [248](#)
Lepsius, Richard, [259](#), [260–61](#)
Chữ cái trên bảng chữ cái tượng hình (Champollion), [252](#)
Thư gửi Monsieur Dacier (Champollion), [202–4](#), [206](#), [215](#), [237](#), [240](#), [259](#)
Linear B, [6](#), [115–16](#), [120](#), [121](#)
văn học, [173–74](#)
L'Orient, [46](#), [51–52](#)

Maani, Sitti, [87](#)
Mamelukes, [47–49](#)
Người đàn ông, John, [168](#)
Manetho, [192](#), [195](#), [196](#), [197–98](#)
Manguel, Alberto, [22](#)
Manley, Bill, [244](#)
Chữ tượng hình của người Maya, [133–35](#), [134](#)
McMahon, Darrin, [139](#)
McWhorter, John, [23](#), [222](#)
Menou, Jacques, [55](#), [69](#), [70](#)
Mertz, Barbara, [7–8](#), [32](#)
Mill, John Stuart, [114](#)
Miller, Jonathan, [102](#)
Monge, Gaspard, [53](#), [59](#), [69–70](#)
thuyết độc thần, [7–8](#)
ướp xác, [26](#), [31–32](#), [36–38](#), [37](#)
Cuộc binh biến và cướp biển cướp HMS Bounty, The (Barrow), [103](#)
lý thuyết biểu tượng thần bí của chữ tượng hình. *Nhìn thấy* [lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình](#)

Napoléon Bonaparte, [43](#)
chinh phục Ý, [69–70](#), [87–88](#)
giảm của, [103](#), [109](#)
các ấn phẩm bác học và, [79](#)
Xem thêm [Cuộc xâm lược Ai Cập của Napoléon](#); [Những nhà bác học của Napoléon](#)
Chiến tranh Napoléon, [75](#), [79](#)
Cuộc xâm lược Ai Cập của Napoléon
Trận sông Nile, [51–52](#)
Trận Kim Tự Tháp, [48–49](#)
Thi đấu Pháp-Anh và, [45](#), [46–47](#), [51](#)
Đền Karnak và, [141](#)
Vụ ám sát Kléber, [69](#)
Mamelukes và, [47–49](#)
động lực cho, [3](#), [43–44](#), [45](#)
đàm phán hòa bình, [68](#), [69–71](#)
quay lại, [60–61](#)
Rosetta Stone khám phá và, [9](#), [54–55](#), [59–60](#)
bao vây Acre, [53–54](#)

Xem thêm [Những nhà bác học của Napoléon](#)

Những nhà bác học của Napoléon

hoạt động của, [61–64](#), [63](#)

Thần bí Ai Cập và, [64](#), [79](#)

sao chép chữ tượng hình, [64–65](#)

Viện Ai Cập và, [52–53](#)

cuộc xâm lược của Ý và, [88](#)

đàm phán hòa bình và, [70](#)

Nhiệm vụ giải mã Rosetta Stone và, [67](#), [80](#)

Rosetta Stone khám phá và, [55](#), [59](#)

hành trình đến Ai Cập và, [45–46](#)

Niên giám hàng hải, The, [164](#), [176](#)

Navajo, [232–33](#)

Nê-ba-mun, [33–34](#), [33](#)

Nefertari (nữ hoàng Ai Cập), [33](#), [183](#)

Nelson, Horatio, [46–47](#), [51](#), [52](#)

Newton, Isaac

lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình và, [142](#)

Leibniz và, [107](#), [248](#)

tính cách của, [119–20](#)

sự khôn ngoan của quan niệm người xưa và, [138](#), [139](#)

Young và, [88](#), [89](#), [90](#), [202](#)

Niebuhr, Carsten, [163](#)

Ozymandias, như tên của Ramesses, [158](#), [178](#), [184](#), [185](#), [186](#), [197](#)

“Ozymandias” (Shelley), [158](#), [178](#), [184](#)

văn bản giấy cói, [26–28](#), [32](#)

Parkinson, Richard, [31n](#), [213](#)

Mục sư, Peter, [39](#)

Petrie, Flinders, [25–26](#), [187–88](#)

Đài tưởng niệm Philae, [147–49](#), [150–51](#), [150](#), [179](#), [191](#)

bản chất ngữ âm của chữ tượng hình

Quá trình giải mã Champollion và, [114](#), [198–200](#), [205–6](#), [212](#)

lai trong, [193](#)

Kircher trên, [132](#)

Chơi chữ kiểu Rebus và, [211–12](#)

Quá trình giải mã của Young và, [113–14](#), [125–26](#), [159](#)

Young từ chối, [261](#)

Zoëga on, [74](#)

Từ điển, [168](#)

Plato, [172](#), [194](#)

Plotinus, [7](#)

Plutarch, [133](#)

Giáo Hoàng, Maurice, [165](#)

Ptolemy I (pharaoh Ai Cập), [110–11](#)
Ptolemy IV (pharaoh Ai Cập), [56](#)
Ptolemy V (pharaoh Ai Cập), [55–56](#), [110–11](#)
Xem thêm [vỏ đạn](#)
Ptolemy VIII (pharaoh Ai Cập), [150](#)
chơi chữ. *Nhìn thấy* [chơi chữ kiểu Rebus](#)
kim tự tháp, [30](#), [35n](#), [140–41](#)
Xem thêm [Kim tự tháp vĩ đại](#)

quipu , [169n](#)

Ramesses II (pharaoh Ai Cập), [183–85](#), [185](#), [186](#), [195](#)
Ozymandias là tên của, [158](#), [178](#), [184](#), [186](#), [197](#)
Ramón y Cajal, Santiago, [164n](#)
Ray, John, [45](#), [129](#), [137–38](#), [229](#), [248](#)
Chơi chữ kiểu Rebus, [207–12](#), [209](#), [210](#), [213](#), [217](#), [234](#)
Renault, Mary, [38](#)
Renouf, Peter, [247](#)
Revere, Paul, [171](#)
Ritner, Robert, [32–33](#)
Rongorongo, [76](#), [76](#)
Đá Rosetta, [10](#), [11](#), [12](#)
Anh bắt giữ, [71](#)
chữ khắc dân gian, [67](#), [77–79](#), [94](#), [95](#)
thông báo khám phá, [59–60](#)
khám phá, [9–10](#), [54–55](#)
định dạng của, [67](#)
Dòng chữ Hy Lạp, [55–57](#), [94–95](#), [110](#), [223](#), [224](#)
lịch sử của, [11](#), [13](#)
tầm quan trọng của, [16–17](#)
bí ẩn của, [71–72](#), [72](#)
mục đích của, [57](#)
phát hiện tương tự, [67–68](#)
Xem thêm [Nhiệm vụ giải mã Rosetta Stone](#)
Nhiệm vụ giải mã Rosetta Stone
thử thách của, [xiii](#), [16–18](#), [38–39](#), [41](#), [76–77](#)
dòng chữ bình dân và, [77–79](#), [94](#), [95](#)
bản chất lời cuốn của, [18–19](#)
cuộc thi Pháp-Anh và, [13](#)
tầm quan trọng của, [25](#)
hợp tác quốc tế và, [75](#)
các mảnh bị mất và, [75](#), [76–77](#), [94](#), [176](#)
bác học của Napoléon và, [67](#), [80](#)
Quyết định xử lý của Young, [93–94](#)

Xem thêm [Quá trình giải mã Champollion](#) ; [Kỳ phùng địch thủ Young-Champollion](#) ; [Quá trình giải mã của Young](#)

Rouse Boughton, William, [93n](#)

Hiệp hội Hoàng gia, [96](#)

Sự thô sơ của một Từ điển Ai Cập (Young), [261](#)

Saint-Hilaire, Geoffroy, [59](#), [70](#)

Sapolsky, Robert, [120](#)

Sappho, [27](#)

Schama, Simon, [38](#)

Schmandt-Besserat, Denise, [170–71](#)

Scott, Walter, [114](#)

Scott de Martinville, Édouard-Léon, [221](#)

Sebba, Anne, [153](#)

Sennacherib (vua của Assyria), [173n](#)

Shakespeare, William, [228–29](#)

Shelley, Percy Bysshe, [158](#), [178](#)

viết tắt, [99](#), [99](#)

chế độ nô lệ, [35n](#)

Smith, Adam, [143](#)

Smith, George, [121](#), [122](#), [162](#)

Hội cổ vật, [75](#), [96](#)

Socrates, [194](#)

Sophocles, [27](#)

ghi âm, [220–21](#)

Nhân sự, [30](#), [63](#), [128](#), [187](#), [201](#)

Sri Lanka, [122n](#)

Strathern, Paul, [47](#)

Stuart, David, [120](#)

Sumer, [170](#)

Tóm tắt hệ thống chữ tượng hình của người Ai Cập cổ đại, A (Champollion), [237](#)

lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình. [Nhìn thấy lý thuyết biểu tượng của chữ tượng hình](#)

đền thờ Isis, [4](#)

Mười Điều Răn, The , [35n](#), [183](#)

Theocritus, [111](#)

Theodosius I (Hoàng đế La Mã), [7](#)

Theseus, [171](#)

Họ Sẽ Không Già Đi (Jackson), [221n](#)

Thompson, D'Arcy, [171–72](#)

Thompson, Eric, [133–34](#)

trộm mộ, [38](#), [178–80](#)

Toth, [194](#), [194](#)

phiên âm, [196–97](#)

Du hành ở Thượng và Hạ Ai Cập (Denon), [64](#)

Cuộc chiến thành Troy, [115–16](#)
Turner, Tomkyns Hilgrove, [71](#)
Tutankhamen (pharaoh Ai Cập), [2](#), [4](#), [32–33](#), [44–45](#), [255](#)
Tuthmosis I (pharaoh Ai Cập), [195–96](#), [256](#)
Tuthmosis III (pharaoh Ai Cập), [256](#)
Twain, Mark, [228](#)

Vansleb, Johann, [85](#)
Ventris, Michael, [97n](#), [115](#), [116](#), [120–21](#)
nguyên âm, [192](#), [196](#), [217–18](#), [231](#)

Warburton, William, [116–17](#)
Lễ Trọng Tâm, [28](#), [28](#)
Wellington, công tước xứ (Arthur Wellseley), [149](#), [152–53](#)
Đầu trắng, Alfred North, [24](#)
Wilkinson, Toby, [254](#)
Wilson, John, [31](#)
trí tuệ của quan niệm cổ nhân, [138–40](#)
Đàn bà, lửa và những điều nguy hiểm, [232](#)
viết
trừu tượng hóa và, [167–68](#), [171–72](#)
Trung Quốc, [102](#), [103–4](#), [177–78](#), [210–11](#), [243](#)
chữ hình nêm, [6](#), [121–22](#), [122](#), [162](#), [165](#), [171](#), [233](#)
sự phát triển của, [24](#), [167–71](#)
sự đa dạng của, [17](#)
tầm quan trọng của, [22–23](#)
Linear B, [115–16](#), [120](#), [121](#)
Chữ tượng hình của người Maya, [133–35](#), [134](#)
như tuyên truyền, [172–73](#)
khó đọc và, [244–45](#)
Chơi chữ kiểu Rebus và, [210–12](#)
loại bỏ một cách học thuật các chữ viết không xác định, [5–6](#)
so với bài phát biểu, [21–22](#)
Toth là người phát minh ra, [194](#)
hậu quả không mong muốn của, [173–74](#)

Xerxes (vua Ba Tư), [165](#)

Yates, Frances, [139](#)
Young, Thomas, [83](#)
Tường thuật về một số khám phá gần đây, [215–16](#)
bối cảnh của, [81](#), [82](#), [121](#)
Ngân hàng và, [146–47](#)
Bài giảng của Học viện Văn khắc Champollion và, [202](#), [203–4](#), [206](#)
cái chết của, [260–61](#)
nghiên cứu dân số, [249–50](#)

không quan tâm đến du lịch, [251](#)
Encyclopedia Britannica tiểu luận của, [114](#), [155](#), [249](#)
tài năng trí tuệ của, [88–91](#), [97](#), [202](#), [249](#)
tính cách của, [13](#), [82](#), [83–84](#), [115](#), [118](#), [119](#), [164–65](#)
bác bỏ bản chất ngữ âm của chữ tượng hình, [261](#)
Xem thêm [Kỳ phùng địch thủ Young-Champollion](#); [Quá trình giải mã của Young](#)
Kỳ phùng địch thủ Young-Champollion, [155–56](#), [247–49](#)
Bản tường trình về một số khám phá gần đây và, [215](#)
Bài giảng của Học viện Văn khắc Champollion và, [215](#), [216](#)
liên hệ đầu tiên, [95–97](#)
độ lượng trong, [204–5](#), [248–49](#), [261](#)
cùng có lợi và, [248](#)
sự tồn tại của đảng phái, [247](#)
sự khác biệt và tương đồng về tính cách, [13](#), [81–85](#), [118–19](#)
chơi chữ kiểu Rebus và, [216](#)
Quá trình giải mã của Young
vở đạn và, [104–5](#), [125–26](#), [146–47](#), [155](#), [159–60](#)
Trung Quốc và, [102](#), [103–4](#)
Coptic và, [112](#)
sao chép lỗi và, [112](#), [160](#)
quyết định xử lý, [93–94](#)
bình dân và, [94](#), [99–100](#)
định thức và, [233](#)
Dòng chữ Hy Lạp và, [94–95](#), [110](#)
lý thuyết chữ tượng hình của chữ tượng hình và, [100](#), [126](#), [138](#), [144](#)
Chữ khắc Karnak và, [110–11](#), [111](#)
các mảnh Rosetta Stone bị mất và, [76–77](#)
thần bí của chữ tượng hình và, [126–27](#)
tên và, [103–4](#), [105–6](#), [105](#), [106](#), [107](#), [108](#), [111–13](#), [114](#), [151](#)
nhận dạng mẫu và, [97](#), [98–100](#), [110](#)
Chữ khắc trên tháp Philae và, [150](#), [159–60](#)
bản chất ngữ âm của chữ tượng hình và, [113–14](#), [125–26](#), [159](#)
Chơi chữ kiểu Rebus và, [208–9](#)
trí tuệ của quan niệm người xưa và, [138](#)

Zeldes, Amir, [224–25](#), [226–27](#), [241](#)
Mật mã cung hoàng đạo, [40](#), [40](#)
Zoëga, Georg, [73–75](#), [105](#), [176](#), [216](#)

Tín ảnh

Nội địa

[P. 4:](#) Jan Wlodarczyk / Alamy Kho ảnh

[P. 5:](#) Nikreates / Alamy Kho ảnh

[P. 10 \(giữa\):](#) SuperStock / Alamy Stock Photo

[P. 10 \(dưới cùng\):](#) SuperStock / Alamy Stock Photo

[P. 11:](#) SuperStock / Alamy Kho ảnh

[P. 12:](#) © Ủy viên của Bảo tàng Anh

[P. 25:](#) Evren Kalinbacak / Alamy Kho ảnh

[P. 28:](#) Kho lưu trữ Smith / Kho ảnh Alamy

[P. 29:](#) Wikimedia Commons

[P. 33:](#) © Người được ủy thác của Bảo tàng Anh

[P. 37 \(trên cùng bên trái\):](#) Bảo tàng Ai Cập Cairo

[P. 37 \(trên cùng bên phải\):](#) © Trustees of the British Museum

[P. 37 \(dưới cùng bên phải\):](#) Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, Món quà của Darius Ogden Mills, 1904

[P. 40:](#) Wikimedia Commons

[P. 43:](#) Cung điện Versailles

[P. 63 \(trên cùng\):](#) Wikimedia Commons

[P. 63 \(phía dưới\):](#) The Print Collector / Alamy Stock Photo

[P. 72:](#) © Ủy viên của Bảo tàng Anh

[P. 74:](#) A. Astes / Alamy Kho ảnh

[P. 76:](#) Wikimedia Commons

[P. 83 \(trái\):](#) Hi-Story / Alamy Kho ảnh

[P. 83 \(phải\):](#) Wikimedia Commons

[P. 105:](#) SuperStock / Alamy Kho ảnh

[P. 122:](#) © Người được ủy thác của Bảo tàng Anh

[P. 134:](#) Wikimedia Commons

[P. 140:](#) © Ủy viên của Bảo tàng Anh

[P. 150:](#) Thu thập tín thác quốc gia

[P. 152:](#) The National Trust/The Bankes of Kingston Lacy & Corfe, Castle Archives, Dorset Record Office

[P. 179 \(trái\):](#) © Trustees of the British Museum

[P. 179 \(phải\):](#) © Ủy viên của Bảo tàng Anh

[P. 185 \(trái\):](#) © Trustees of the British Museum

[P. 185 \(phải\):](#) Wellcome Collection, Attribution 4.0 International (CC BY 4.0)

[P. 186:](#) Wikimedia Commons

[P. 194:](#) © Ủy viên của Bảo tàng Anh

[P. 209:](#) © Musée du Louvre, Dist. RMN Grand Palais / Christian Decamps / Art Resource, NY
[P. 210:](#) Wikimedia Commons
[P. 257:](#) © Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan. Nguồn hình ảnh: Art Resources, NY
[P. 262:](#) Bibliothèque Nationale de France

Chèn ảnh

- [1.](#) Bảo tàng Kunsthistorisches cho Belvedere mượn
- [2.](#) Bản sao của Henry Briggs về bức chân dung Thomas Young của Thomas Lawrence
- [3.](#) Chân dung Jean-François Champollion, 1831, của Léon Cogniet. bảo tàng Louvre
- [4.](#) Lưu trữ hình ảnh gió bắc / Kho ảnh Alamy
- [5.](#) Phép lịch sử của tác giả
- [6.](#) © RMN-Grand Palais / H. Lewandowski / Art Resource, NY
- [7.](#) © 2020 Bridgeman Images
- [8.](#) Dan Breckwoldt / Alamy Kho ảnh
- [9.](#) Calin Stan / Kho ảnh Alamy
- [10.](#) Jan Adam Kruseman, 1824, Bảo tàng Fitzwilliam
- [11.](#) © National Trust Images / Derrick E. Witty
- [12.](#) © National Trust Images / John Hammond
- [13.](#) © National Trust Images / John Hammond
- [14.](#) Lưu trữ Quốc gia
- [15.](#) Hiệp hội lịch sử New York
- [16.](#) © Chủ tịch và Nghiên cứu sinh của Đại học Harvard
- [17.](#) Danita Delimont / Alamy Kho ảnh
- [18.](#) Ảnh thiết kế / Alamy Kho ảnh
- [19.](#) © Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan. Nguồn hình ảnh: Tài nguyên nghệ thuật, NY



người ghi chép
Dấu ấn của Simon & Schuster, Inc.
1230 Đại lộ Châu Mỹ
New York, NY 10020
www.SimonandSchuster.com

Bản quyền © 2021 của Edward Dolnick

Mọi quyền được bảo lưu, bao gồm quyền sao chép cuốn sách này hoặc các phần của nó dưới bất kỳ hình thức nào. Để biết thông tin, địa chỉ Scribner Subsidiary Rights Department, 1230 Avenue of the Americas, New York, NY 10020.

Phiên bản bìa cứng đầu tiên của Scribner tháng 10 năm 2021

SCRIBNER và thiết kế là thương hiệu đã đăng ký của The Gale Group, Inc., được sử dụng theo giấy phép của Simon & Schuster, Inc., nhà xuất bản của tác phẩm này.

Để biết thông tin về giảm giá đặc biệt khi mua số lượng lớn, vui lòng liên hệ với Bộ phận Bán hàng Đặc biệt của Simon & Schuster theo số 1-866-506-1949 hoặc business@simonandschuster.com.

Phòng diễn giả Simon & Schuster có thể đưa các tác giả đến sự kiện trực tiếp của bạn. Để biết thêm thông tin hoặc đặt trước một sự kiện, hãy liên hệ với Cục Diễn giả Simon & Schuster theo số 1-866-248-3049 hoặc truy cập trang web của chúng tôi tại www.simon speakers.com.

Thiết kế áo khoác của Steve Attardo

Ảnh áo khoác © The Trustees of the British Museum. Đã đăng ký Bản quyền

Dữ liệu Biên mục trong Xuất bản của Thư viện Quốc hội đã được áp dụng cho.

ISBN 978-1-5011-9893-9
ISBN 978-1-5011-9895-3 (sách điện tử)